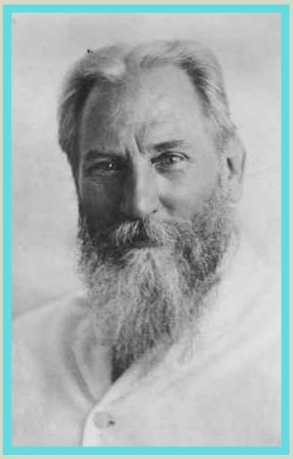
C.W. Leadbeater



VÀI NÉT VỀ HUYỀN LINH HỌC

Some Glimpses of Occultism

minhtrietmoi.org

Some Glimpses of Occultism

Vài Nét Về Huyền Bí Học

Ancient and Modern

Cổ Đại và Hiện Đại

By

C.W. Leadbeater

MỤC LỤC

Some Glimpses of Occultism.....1
MỘT VÀI HIỂU BIẾT VỀ HUYỀN BÍ HỌC.....2
MỤC LỤC.....3
SOME GLIMPSES OF OCCULTISM.....8
CHAPTER 1—INTRODUCTORY.....11
ANCIENT—CỔ ĐẠI.....13
CHAPTER II – THÔNG THIÊN HỌC VÀ KI TÔ GIÁO.....13
Is There any Contradiction—Có Sự Mâu Thuẩn không?.....17
How Divergence Arises——Các Dị Biệt Phát Sinh Như Thế Nào.....19
Reincarnation—Tái Sinh—Reincarnation—Tái Sinh.....21
The Three Hypotheses—Ba Giả Thuyết—The Three Hypotheses—Ba Giả Thuyết.....26
The Law of Cause and Effect—ĐỊNH LUẬT NHÂN QUẢ—.....30
The Inner Teaching—The Inner Teaching.....33
References to it.—Các tham chiếu về nó.....35
The Kingdom of Heaven—Vương Quốc của Thiên Đàng (Nước Trời).....38
The Road that leads to Life.—Con đường dẫn đến Sự Sống.....40
The Difficulties of the Rich—Các Khó Khăn của Người Giàu.....42
St. Paul the Initiate.—Thánh Paul, Vị Điểm đạo đồ.....44
The Three Stages of the Church.....47
Ba Giai đoạn của Giáo Hội.....47
St. Clement of Alexandria—Thánh Clement of Alexandria.....47
What Origen Says—Origen Nói Gì?.....49
Theosophy Explains—Thông Thiên Học Giải Thích.....52
The Gospel of Theosophy.....54
Phúc Âm của Thông Thiên Học.....54
CHAPTER III - THE ANCIENT MYSTERIES.....57
The Mysteries of Eleusis—The Mysteries of Eleusis.....58
The Methods of the Monk—The Methods of the Monk.....61
What the Mysteries Were—What the Mysteries Were.....63
The Lesser Mysteries—What the Mysteries Were.....66
The Greater Mysteries—The Greater Mysteries.....69
The Symbols Employed—Các Biểu tượng được sử dụng.....72
The Pythagorean School—Trường phái Pythagore.....73

The Egyptian Mysteries—The Egyptian Mysteries....75
CHAPTER IV—BUDDHISM....**80**
The Life of the Founder....80
Cuộc đời của Vị Sáng Lập....80
The Order of the Yellow Robe—The Order of the Yellow Robe....94
The Life of the Monk—Cuộc đời của Tu sĩ....96
Nirvana—Niết Bàn....97
The Practical Result—Kết quả thực tiễn....99
Buddhism in Burma—Phận Giáo Miến Điện....102
The Offering in the Temple—The Offering in the Temple....103
The Three Guides—Ba Nương Tựa....105
The Five Precepts—Ngũ Giới....107
The Chanting of the Blessing—Tụng Niệm Ban Phước....109
The Two Churches—Hai Thừa....115
Materialistic Tendencies—Các Khuynh Hướng Duy Vật....117
The Permanent Ego—Chân ngã Thường Tồn....118
Theosophy and the Religions—Thông Thiên Học và Tôn Giáo....120
The Theosophical Standpoint—Quan Điểm Thông Thiên Học....121
THE DHAMMAPADA....123
Kinh Pháp Cú....123
MODERN....***127***
CHAPTER V - THE UNSEEN WORLD....**127**
States of Matter—Các Trạng thái của Vật Chất....129
The Ultimate Atoms —Các Nguyên tử Tối hậu....131
Planes of Subtler Matter—Các Cõi Giới của Vật chất Tế Vi....134
The Higher Senses—Các Giác Quan Cao Hơn....135
Extension of Faculty—Mở Rộng Khả Năng....139
Dr. Baraduc's Experiments—Các Thí Nghiệm của Bác sĩ Dr. Baraduc's....141
Our Wider Powers—Các Sức Mạnh Rộng Lớn hơn của Chúng ta....143
The Truth About the Unseen —Sự thật về Cái Không được thấy....145
The Heaven Life—Đời Sống Cõi Trời....147
Each has his Reward—Mỗi Người đều có Phần Thưởng....149
Interpenetration—Xuyên thấu....151
Reason and Common-sense—Lý trí và Lương Tri....153
CHAPTER -VI- THE RATIONALE OF MESMERISM....**156**

The Experiments of Reichenbach— Các thí nghiệm của Reichenbach....157
Invincible Ignorance— Sự thiếu hiểu biết không thể khuất phục....159
The Nature of Sensitiveness— Bản chất của sự nhạy cảm....162
The Nervous Circulation— Tuần hoàn thần kinh....164
What the Mesmerist Gives— Những gì nhà thôi miên ban tặng....166
Magnetic Sympathy— Lòng trắc ẩn từ tính....168
The Phenomena— Các hiện tượng....170
A Word of Caution— Lời cảnh báo....173
CHAPTER VII - TELEPATHY AND MIND-CURE....175
How We Think— Chúng ta suy nghĩ như thế nào....176
Three Types of Telepathy— Ba loại viễn cảm....179
Mind-Cure— Trị liệu bằng tâm trí....182
Some Objections to It— Một số phản đối đối với nó....184
The Power of Thought— Sức mạnh của tư tưởng....187
How Men Are Cured— Con người được chữa lành như thế nào....190
A Great Healing Principle— Một nguyên tắc chữa lành vĩ đại....194
CHAPTER VIII - MAGIC: WHITE AND BLACK....197
The Unrecognized Forces of Nature— Các mãnh lực chưa được công nhận của tự nhiên....199
Nature-Spirits—Tinh Linh....201
Four Types of Magicians— Bốn loại nhà huyền thuật....205
The Magic of Command— Huyền thuật của mệnh lệnh....208
Three Types of Force— Ba loại mãnh lực....209
Magic in Religion— Huyền thuật trong tôn giáo....210
Talismans—Bùa chú....215
Charms or Mantrams— Thần chú hoặc Chân ngôn....216
Invocatory Magic— Huyền thuật cầu khẩn....218
Evil Invocations— Những lời cầu khẩn xấu xa....220
The Darker Magic— Huyền thuật đen tối hơn....222
Petty Magic— Huyền thuật nhỏ....223
How Evil May Be Resisted— Cái ác có thể bị chống lại như thế nào....228
CHAPTER IX - THE USE AND ABUSE OF PSYCHIC POWERS SỬ DỤNG VÀ LẠM DỤNG NĂNG LỰC THÔNG LINH 230
The Trained and the Untrained— Người được đào tạo và người không được đào tạo....231
Studies Not Definitely Psychic— Các nghiên cứu không hoàn toàn thuộc về thông linh....234
Conscious Psychic Powers—Năng lực thông linh có ý thức....236

Mesmerism and Mind-Cure— Thôi miên và Trị liệu bằng tâm trí....239
Clairvoyance—Thông nhãn....241
Scandalous Misuse of It— Sự lạm dụng đáng xấu hổ của nó....242
Thought-Forms—Hình tư tưởng....248
The Work of the Thought-Form— Công việc của Hình Tư tưởng....250
Helpful Thought—Tư tưởng Hữu Ích....251
Sensitiveness— Sự nhạy cảm....254
Inharmonious Vibrations— Những rung động không hài hòa....257
CHAPTER X - VEGETARIANISM AND OCCULTISM ĂN CHAY VÀ HUYỀN BÍ HỌC....260
1. Selfish Reasons in Favour of Decent Food—1. Lý do ích kỷ ủng hộ thức ăn phù hợp....261
2. We Want the Best—2. Chúng ta muốn điều tốt nhất....262
3. MORE NATURAL TO MAN—TỰ NHIÊN HƠN VỚI BẢN CHẤT CON NGƯỜI....272
4.Greater Strength—4. Sức mạnh lớn hơn....273
5. Less Animal Passion—5. Ít dục vọng động vật hơn....278
6. Economy—6. Tiết kiệm....280
The Sin of Slaughter—Tội lỗi của việc giết mổ....280
The Degradation of the Slaughterman—Sự suy đồi của người giết mổ....282
Occult Reasons—Lý do huyền bí....285
Impure Vehicles—Phương tiện ô uế....287
Man's Duty Towards Nature—Bổn phận của con người đối với thiên nhiên....289
Ghastly Unseen Results—Kết quả vô hình khủng khiếp....291
The Better Time to Come—Thời điểm tốt đẹp hơn sắp đến....294
CHAPTER XI - HOW TO BUILD CHARACTER....297
The Average Irresponsible Vacuity—Sự Trống Rỗng Vô Trách Nhiệm Trung Bình....300
Conversion—Chuyển Hóa....303
Puritanism—Thanh Giáo....305
The Awakening—Sự Thức Tỉnh....307
Sabba papassa akaranam—Sabba papassa akaranam....311
Astral Disturbance—Sự Xáo Trộn Cảm Dục....312
Conceit and Prejudice—Tự Phụ và Thành Kiến....314
Kusalassa upasampada—Kusalassa upasampada....317
The Foolishness of Taking Offence—Sự Ngu Dốt của Việc Bị Tổn Thương....318
The Evil of Unnecessary Agitation—Tác Hại của Sự Kích Động Không Cần Thiết....320
Courage and Resolution—Dũng Khí và Quyết Tâm....322
The Greatest Need of All—Nhu Cầu Lớn Nhất....324

Single-mindedness—Nhất Tâm....326
Sachitta pariyodapanam—Sachitta pariyodapanam....327
No Morbid Introspection— Không Tự Soi Xét Một Cách Bệnh Hoạn....329
CHAPTER XII - THE FUTURE OF HUMANITY TƯƠNG LAI CỦA NHÂN LOẠI....331
The Condition of Religion— Tình trạng của Tôn giáo....331
Social Conditions— Điều kiện Xã hội....333
The Work of Theosophy— Công việc của Thông Thiên Học....334
Its Work in the East— Công việc của nó ở phương Đông....336
The Two Great Churches of Buddhism— Hai Giáo hội Phật giáo lớn....337
The Lessons to Be Learned— Những bài học cần học....338
The Preparation of Our Future— Sự chuẩn bị cho tương lai của chúng ta....340
Development Must Come— Sự phát triển phải đến....341
The Remoter Future— Tương lai xa hơn....343
The Effect of Astral Development— Ảnh hưởng của sự phát triển thể vía....346
The Faculty of the Mental Plane— Năng lực của cõi trí....352
Still Higher Possibilities— Những khả năng cao hơn nữa....355
CHAPTER XIII - THEOSOPHY IN EVERY-DAY LIFE THÔNG THIÊN HỌC TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY....357
The Sense of Proportion— Ý thức về tỷ lệ....358
Justice and Perspective— Công lý và Quan điểm....361
A Dark Saying— Một câu nói khó hiểu....362
The Balancing of Good and Evil— Sự cân bằng giữa Thiện và Ác....365
The Explanation of the Text— Lời giải thích của Văn bản....367
The Destruction of Fear— Sự hủy diệt nỗi sợ hãi....369
The Apotheosis of Common-sense— Sự thần thánh hóa của Lương tri....370
No Religious Worries— Không có những lo lắng về Tôn giáo....373
The Certainty of Evolution— Sự chắc chắn của Tiến hóa....377
Our Attitude Towards Humanity— Thái độ của chúng ta đối với Nhân loại....382
Thought-Control— Kiểm soát Tư tưởng....386
CHAPTER XIV - THE GOSPEL OF WISDOM PHÚC ÂM CỦA MINH TRIẾT....392

SOME GLIMPSES OF OCCULTISM

The Convention of the American Section of the Theosophical Society at Chicago, Illinois, in September, 1902, at which I had the privilege of being present, was for me the starting-point of a two years' lecturing tour throughout the United States in the interests of that Section of the Society—a tour patiently and laboriously planned and worked out down to the minutest detail with loving and painstaking care by its late and indefatigable General Secretary, Mr. Alexander Fullerton.

It was determined that before visiting the Branches in the far West I should spend six months in Chicago, delivering a course of twenty-six lectures in Steinway Hall on the Sunday evenings, and speaking at the Branch meetings during the week. This course of lectures was designed to put before the public in broad outline some of the principal teachings of Theosophy, and also to help men to realize something of its scope and comprehensiveness by showing how wonderfully all else is included in it—how it is the mighty truth underlying all systems of religious thought, even those which differ as much on the physical plane as do Buddhism, Christianity and the Ancient Mysteries, and how also it offers the only rational and coherent explanation of the [10] phenomena connected with clairvoyance, telepathy, mesmerism, spiritualism, dreams and apparitions. The titles of the lectures were as follows:

List of Subjects

1902

1. October 5. Man and His Bodies

2. October 12. The Necessity of Reincarnation

3. October 19. The Law of Cause and Effect

4. October 26 Life After Death—Purgatory

Hội nghị của Phân hội Hoa Kỳ thuộc Hội Thông Thiên Học tại Chicago, Illinois, vào tháng 9 năm 1902, mà tôi có vinh dự được tham dự, là điểm khởi đầu cho chuyến đi giảng dạy kéo dài hai năm khắp Hoa Kỳ vì lợi ích của Phân hội này—một chuyến đi được lên kế hoạch một cách kiên nhẫn và cần mẫn, được thực hiện đến từng chi tiết nhỏ nhất với tình yêu thương và sự chăm chút kỹ lưỡng của cố Tổng Thư ký không biết mệt mỏi, Ông Alexander Fullerton.

Quyết định được đưa ra rằng trước khi thăm các Chi nhánh ở miền Viễn Tây, tôi sẽ dành sáu tháng ở Chicago, thực hiện một khóa gồm hai mươi sáu bài giảng tại Steinway Hall vào các buổi tối Chủ Nhật, và phát biểu tại các cuộc họp Chi nhánh trong tuần. Khóa giảng này được thiết kế nhằm giới thiệu cho công chúng một cách khái quát một số giáo lý chính của Thông Thiên Học, đồng thời giúp mọi người nhận ra phạm vi và tính toàn diện của nó bằng cách chỉ ra cách mà tất cả những điều khác đều được bao hàm trong đó—cách mà nó là chân lý vĩ đại nền tảng của tất cả các hệ thống tư tưởng tôn giáo, ngay cả những hệ thống khác biệt rất nhiều trên cõi trần như Phật giáo, Cơ Đốc giáo và các Bí ẩn Cổ đại, và cũng cho thấy cách nó cung cấp lời giải thích hợp lý và nhất quán duy nhất về các hiện tượng liên quan đến thông nhãn, viễn cảm, thôi miên, thần linh học, giấc mơ và hiện tượng xuất hiện.

Các tiêu đề của các bài giảng như sau:

Danh sách Chủ đề

1902

1. Ngày 5 tháng 10: Con người và các thể của y

2. Ngày 12 tháng 10: Sự cần thiết của luân hồi

3. Ngày 19 tháng 10: Định luật Nhân Quả

5. November 2. Life After Death—Heaven

6. November 9. The Nature of Theosophical Proof

7. November 16. Telepathy and Mind Cure

8. November 23. Invisible Helpers

9. November 30. Clairvoyance—What it is

10. December 7. Clairvoyance—In Space

11. December 14. Clairvoyance—In Time

12. December 21. Clairvoyance—How it is Developed

13. December 28. Theosophy and Christianity

1903

14. January 4. Ancient and Modern Buddhism

15. January 11. Theosophy and Spiritualism

16. January 18. The Rationale of Apparitions

17. January 25. Dreams

18. February 1. The Rationale of Mesmerism

19. February 8. Magic, White and Black

20. February 15. Use and Abuse of Psychic Powers

21. February 22. The Ancient Mysteries

22. March 1. Vegetarianism and Occultism

23. March 8. The Birth and Growth of the Soul

24. March 15. How to Build Character

25. March 22. Theosophy in Every-day Life

26. March 29. The Future that awaits us

4. Ngày 26 tháng 10: Cuộc sống sau khi chết—Luyện ngục

5. Ngày 2 tháng 11: Cuộc sống sau khi chết—Thiên đàng

6. Ngày 9 tháng 11: Bản chất của chứng cứ Thông Thiên Học

7. Ngày 16 tháng 11: Viễn cảm và chữa bệnh bằng thể trí

8. Ngày 23 tháng 11: Những người trợ giúp vô hình

9. Ngày 30 tháng 11: Thông nhãn—Nó là gì

10. Ngày 7 tháng 12: Thông nhãn—Trong không gian

11. Ngày 14 tháng 12: Thông nhãn—Trong thời gian

12. Ngày 21 tháng 12: Thông nhãn—Cách nó được phát triển

13. Ngày 28 tháng 12: Thông Thiên Học và Cơ Đốc giáo

1903

14. Ngày 4 tháng 1: Phật giáo cổ đại và hiện đại

15. Ngày 11 tháng 1: Thông Thiên Học và Thần linh học

16. Ngày 18 tháng 1: Lý giải về hiện tượng xuất hiện

17. Ngày 25 tháng 1: Giấc mơ

18. Ngày 1 tháng 2: Lý giải về thôi miên

19. Ngày 8 tháng 2: Huyền thuật, trắng và đen

20. Ngày 15 tháng 2: Sử dụng và lạm dụng các năng lực thông linh

21. Ngày 22 tháng 2: Các Bí ẩn Cổ đại

22. Ngày 1 tháng 3: Ăn chay và Huyền bí học

23. Ngày 8 tháng 3: Sự sinh ra và phát triển của linh hồn

24. Ngày 15 tháng 3: Cách xây dựng nhân cách

25. Ngày 22 tháng 3: Thông Thiên Học trong đời sống hàng ngày

26. Ngày 29 tháng 3: Tương lai đang chờ đợi chúng ta

CHAPTER 1—INTRODUCTORY—GIỚI THIỆU

The Other Side of Death. The lecture on Invisible Helpers, the four upon Clairvoyance, and that upon Dreams are fully represented by books of my own already published, and bearing the same titles as the lectures. Nos. 1 to 7 inclusive have also been published in pamphlet form. The remainder appear in this book, with the exception of No. 23, which was practically an epitome of certain chapters from Man Visible and Invisible and The Christian Creed, and dealt briefly with a subject which is fully and ably treated by Mrs. Besant in The Birth and Evolution of the Soul. No. 18 is presentation of its subject largely summarized from Mr. A. P. Sinnett's book of the same name, to which readers should turn for further particulars.

Mặt Bên Kia Của Cái Chết. Bài giảng về Các Người Trợ Giúp Vô Hình, bốn bài về Thông Nhãn, và bài về Giấc Mơ đã được thể hiện đầy đủ qua các cuốn sách của tôi đã xuất bản, với cùng các tiêu đề như các bài giảng. Các bài số 1 đến số 7 cũng đã được xuất bản dưới dạng tập sách nhỏ. Các bài giảng còn lại xuất hiện trong cuốn sách này, ngoại trừ bài số 23, về cơ bản là một bản tóm lược của một số chương từ sách *Con Người Hữu Hình và Vô Hình* và *Tín Điều Kitô Giáo*, và đề cập ngắn gọn đến một chủ đề mà bà Besant đã trình bày đầy đủ và sâu sắc trong cuốn *Sự Sinh Ra và Tiến Hóa của Linh Hồn*. Bài số 18 là sự trình bày chủ đề phần lớn được tóm tắt từ cuốn sách cùng tên của Ông A. P. Sinnett, mà độc giả nên tham khảo để biết thêm chi tiết.

The course of lectures as a whole offered a popular and necessarily somewhat superficial exposition from the Theosophical standpoint of most of the manifestations of occultism known to the Western world at the present day, and it gave also a few glimpses into the fuller and more perfect manifestations which were current two thousand years ago. It seems to me, therefore, that these lectures may perhaps be of some use to our members, as offering them a starting point for their thought along all these various lines, and it is with that hope that I am putting them before our Society in this form. They appear here almost as they were delivered, except that, now they are all brought together, some repetitions are excised, and a few quotations are given more fully than in the original lecture. I have made no attempt to recast them from the lecture style into the essay style, as that would have needed far more time than can be given during a somewhat arduous tour, and would therefore have indefinitely delayed their appearance in print. [12]

Toàn bộ khóa bài giảng đưa ra một bài giảng phổ thông và tất yếu có phần hời hợt từ quan điểm Thông Thiên Học về hầu hết các biểu hiện của huyền bí học mà thế giới phương Tây biết đến ngày nay, và nó cũng cung cấp vài cái nhìn thoáng qua về các biểu hiện đầy đủ và hoàn thiện hơn đã tồn tại hai nghìn năm trước. Do đó, tôi cho rằng các bài giảng này có thể hữu ích cho các thành viên của chúng ta, như là một điểm khởi đầu cho suy nghĩ của họ theo tất cả các hướng khác nhau này, và đó là với hy vọng đó mà tôi đưa chúng ra trước Hội của chúng ta dưới hình thức này. Chúng xuất hiện ở đây gần như giống với khi chúng được trình bày, ngoại trừ việc, khi chúng được gộp lại với nhau, một số phần lặp lại đã bị lược bỏ, và một vài trích dẫn được trình bày đầy đủ hơn so với trong bài giảng gốc. Tôi không cố gắng chuyển chúng từ phong cách bài giảng sang phong cách tiểu luận, vì điều đó sẽ cần nhiều thời gian hơn trong khi tôi đang thực hiện một chuyến lưu diễn khá vất vả, và điều đó sẽ làm chậm trễ vô thời hạn sự xuất hiện của chúng dưới dạng in ấn. [12]

The lecture on The Unseen World was delivered during a previous visit to Chicago, but it is included here because it is to some extent a synthesis of some of those earlier lectures of the series which are fully published elsewhere, and so it serves as a useful introduction to many of those that follow it. The Gospel of Wisdom was delivered in connection with the Convention to which I have previously referred, before the first lecture of this series; but I have placed it at the end, instead of at the beginning, because it seems to fall naturally into place there, and concludes my book with the strong assertion of a fact whose proclamation I believe to be one great part of the mission of Theosophy to the Western world—the mighty truth that all things are working together for the final good of all, that the great Divine Father means us to be happy, and that we shall be so in proportion to our knowledge of His will and our glad co-operation with its action. [13]

Bài giảng về Thế Giới Vô Hình được trình bày trong một lần thăm trước đó đến Chicago, nhưng được đưa vào đây vì nó phần nào tổng hợp một số bài giảng trước đó trong chuỗi bài giảng đã được xuất bản đầy đủ ở nơi khác, và vì vậy nó đóng vai trò là phần giới thiệu hữu ích cho nhiều bài giảng sau đó. Bài giảng về Phúc Âm Minh Triết được trình bày liên quan đến Đại Hội mà tôi đã đề cập trước đó, trước bài giảng đầu tiên của chuỗi này; nhưng tôi đã đặt nó ở cuối thay vì đầu, vì dường như nó nằm ở vị trí tự nhiên tại đó, và kết thúc cuốn sách của tôi với sự khẳng định mạnh mẽ một sự thật mà tôi tin là một phần quan trọng trong sứ mệnh của Thông Thiên Học đối với thế giới phương Tây—sự thật vĩ đại rằng mọi sự đều đang hợp tác để hướng đến điều tốt cuối cùng cho tất cả, rằng Cha Thiêng Liêng Vĩ Đại muốn chúng ta hạnh phúc, và chúng ta sẽ được như vậy tương ứng với mức độ hiểu biết của chúng ta về ý Ngài và sự hợp tác vui vẻ của chúng ta với sự hành động của Ngài. [13]

[11]

ANCIENT—CỔ ĐẠI

CHAPTER II – THÔNG THIÊN HỌC VÀ KI TÔ GIÁO

Many persons who feel themselves attracted towards Theosophy, whose interest is aroused by its reasonableness and by the manner in which it accounts for many things which otherwise seem inexplicable, yet hesitate to take up its study more deeply, lest they should presently find it contradicting the faith in which they have been brought up—lest, as they often put it, it should take away from them their religion. How, if a religion be true, the study of another truth can take it away, is not clear; but, however illogical the fear may be, there is no doubt that it exists. It is nevertheless unwarranted, for Theosophy neither attacks nor opposes any form of religion; on the contrary, it explains and harmonizes all. It holds that all religions alike are attempts to state the same great underlying truths—differing in external form and in nomenclature, because they were delivered by different teachers, at different periods of the world's history, and to widely different races of men; but always agreeing in fundamentals, and giving identical instruction upon every subject of real importance. We hold in Theosophy that this truth which lies at the back of all these faiths alike is itself within the reach of man, and indeed it is to that very truth that we give the name of Theosophy, or Divine Wisdom, and it is that which we are trying to study. [14]

Nhiều người cảm thấy bị thu hút bởi Thông Thiên Học, sự quan tâm của họ được khơi dậy bởi tính hợp lý của nó và bởi cách nó giải thích nhiều điều mà nếu không thì dường như không thể giải thích được, nhưng vẫn do dự trong việc nghiên cứu sâu hơn, lo ngại rằng họ có thể phát hiện ra nó mâu thuẫn với đức tin mà họ đã được nuôi dưỡng—lo sợ, như họ thường nói, rằng nó có thể lấy đi tôn giáo của họ. Làm thế nào mà nếu một tôn giáo là chân lý, việc nghiên cứu một chân lý khác có thể lấy đi nó, điều này không rõ ràng; nhưng dù nỗi sợ có phi lý đến đâu, thì chắc chắn rằng nó tồn tại. Tuy nhiên, nỗi sợ này không có cơ sở, vì Thông Thiên Học không tấn công cũng không phản đối bất kỳ hình thức tôn giáo nào; ngược lại, nó giải thích và hòa hợp tất cả. Nó cho rằng tất cả các tôn giáo đều là những nỗ lực nhằm trình bày cùng một chân lý vĩ đại cơ bản—khác nhau về hình thức bên ngoài và thuật ngữ, vì chúng được truyền đạt bởi những giáo chủ khác nhau, vào những thời kỳ khác nhau trong lịch sử thế giới, và cho những chủng tộc khác nhau của nhân loại; nhưng luôn đồng ý ở các nguyên lý nền tảng và đưa ra những chỉ dẫn giống nhau về mọi chủ đề thực sự quan trọng. Chúng tôi trong Thông Thiên Học cho rằng chân lý này, nằm phía sau tất cả những đức tin, tự nó nằm trong tầm tay của con người, và thực tế đó chính là chân lý mà chúng tôi gọi là Thông Thiên Học hay Minh Triết Thiêng Liêng, và đó là điều mà chúng tôi đang cố gắng nghiên cứu.

This, then, is the attitude of Theosophy towards all religions; it does not contradict them, but explains them. Whatever in any of them is unreasonable or obviously untrue it rejects as necessarily unworthy of the Deity

Đây là thái độ của Thông Thiên Học đối với tất cả các tôn giáo; nó không mâu thuẫn với chúng mà giải thích chúng. Bất kỳ điều gì trong bất kỳ tôn giáo nào là phi lý hoặc rõ ràng là không đúng, nó bác bỏ vì cho rằng điều đó

and derogatory to Him; whatever is reasonable in each and all of them it takes up and emphasizes, and thus combines all into one harmonious whole. No man need fear that we shall attack his religion, but we may help him to understand it better than he did before. There is nothing in Theosophy which is in any way in opposition to true primitive Christianity, though it may not always be possible to agree with the interpretation put upon that truth by modern dogmatic theology, which is quite another matter.

không xứng đáng với Thượng đế và làm giảm giá trị của Ngài; bất kỳ điều gì hợp lý trong từng tôn giáo và tất cả các tôn giáo, nó tiếp nhận và nhấn mạnh, và do đó kết hợp tất cả lại thành một toàn thể hài hòa. Không ai cần phải lo sợ rằng chúng tôi sẽ tấn công tôn giáo của họ, nhưng chúng tôi có thể giúp họ hiểu rõ hơn về tôn giáo của mình so với trước đây. Không có gì trong Thông Thiên Học trái ngược với Cơ Đốc giáo nguyên thủy chân chính, mặc dù đôi khi có thể không dễ đồng ý với cách giải thích mà thần học giáo điều hiện đại đưa ra về chân lý đó, một vấn đề hoàn toàn khác.

Most people never apply their reason to their religious beliefs at all; they vaguely hope that it is all right somehow; indeed, many faithful souls consider it wrong to think critically upon any point of faith, for they suppose these things to be greater than human understanding. When people do begin to think, they invariably begin to doubt, because modern theology does not present its doctrines reasonably, and so they soon find that many points are irrational and incomprehensible. Too often they then feel that their whole basis of faith is undermined, and they proceed to doubt everything. To all such souls struggling for light I would recommend the study of Theosophy, for I am convinced that it will save them from the dark abysses of materialism by presenting truth to them in a new light, and giving back to them all that is most beautiful in their faith, but on a new and surer basis of reason and common-sense.

Hầu hết mọi người không bao giờ áp dụng lý trí của họ vào niềm tin tôn giáo của mình; họ mơ hồ hy vọng rằng mọi thứ đều ổn theo một cách nào đó; thực tế, nhiều tâm hồn trung thành còn coi việc suy nghĩ một cách phê phán về bất kỳ điểm nào của đức tin là sai trái, vì họ cho rằng những điều này vượt quá khả năng hiểu biết của con người. Khi mọi người bắt đầu suy nghĩ, họ luôn bắt đầu nghi ngờ, bởi vì thần học hiện đại không trình bày các giáo lý của nó một cách hợp lý, và do đó họ nhanh chóng phát hiện ra rằng nhiều điểm là phi lý và khó hiểu. Quá thường xuyên, họ cảm thấy rằng toàn bộ cơ sở đức tin của họ bị lung lay, và họ tiến tới nghi ngờ mọi thứ. Đối với tất cả những linh hồn như vậy đang đấu tranh để tìm kiếm ánh sáng, tôi khuyến nghị họ nghiên cứu Thông Thiên Học, vì tôi tin chắc rằng nó sẽ cứu họ khỏi những vực thẳm đen tối của chủ nghĩa duy vật bằng cách trình bày chân lý cho họ theo một ánh sáng mới, và trao lại cho họ tất cả những gì đẹp nhất trong đức tin của họ, nhưng trên một nền tảng mới và vững chắc hơn của lý trí và lương tri.

In order that it may be clear to you that there is in reality to opposition between Christianity and Theosophy, let me put before you the basic principles of the latter [15]; that you may not suppose that I am clothing them

Để làm rõ rằng không có sự mâu thuẫn thực sự nào giữa Cơ Đốc giáo và Thông Thiên Học, hãy để tôi trình bày cho các bạn những nguyên lý cơ bản của Thông Thiên Học; để các bạn không nghĩ rằng tôi đang khoác lên chúng một diện

in an unusually Christian dress for the purposes of this lecture, I will quote them from a little book which I have recently written for beginners in this study. It is called An Outline of Theosophy, and in it I give three great basic truths, certain corollaries which follow from them, and then the results which in turn proceed from Theosophical belief.

mạo quá đỗi Cơ Đốc giáo cho mục đích của buổi giảng này, tôi sẽ trích dẫn chúng từ một cuốn sách nhỏ mà tôi vừa viết dành cho những người mới bắt đầu nghiên cứu này. Nó có tên là "Phác thảo về Thông Thiên Học", và trong đó tôi nêu ba chân lý cơ bản lớn, những hệ quả chắc chắn đi kèm với chúng, và những kết quả lần lượt xuất phát từ niềm tin Thông Thiên Học.

The Three Great Truths—Ba Chân Lý Vĩ Đại

The three great truths are:-

Ba chân lý vĩ đại là:

1. God exists, and He is good.

1. Thượng Đế hiện hữu, và Ngài là thiện lành.

2. Man is immortal, and his future is one whose glory and splendour have no limit.

2. Con người là bất tử, và tương lai của y là một tương lai với vinh quang và huy hoàng vô hạn.

3. A divine law of absolute justice rules the world, so that each man is in truth his own judge, the dispenser of glory or gloom to himself, the decreer of his life, his reward, his punishment.

3. Một định luật thiêng liêng của công lý tuyệt đối điều khiển thế giới, sao cho mỗi người thực sự là quan tòa của chính mình, người ban phát vinh quang hoặc u sầu cho bản thân, là người quyết định cuộc sống, phần thưởng, và hình phạt của mình.

To each of these great truths are attached certain others, subsidiary and explanatory. From the first of them it follows:

Gắn liền với mỗi chân lý vĩ đại này là những chân lý phụ kèm theo để giải thích. Từ chân lý đầu tiên, chúng ta có thể suy ra:

1. That, in spite of all appearances, all things are definitely and intelligently moving together for good; that all circumstances, however untoward they may seem, are in reality exactly what are needed; that everything around us tends, not to hinder us, but to help us, if it be only understood.

1. Rằng, bất chấp mọi bề ngoài, mọi sự vật đều đang vận động một cách thông minh và chắc chắn về phía điều thiện lành; rằng mọi hoàn cảnh, dù có vẻ bất lợi đến đâu, thực ra chính xác là những gì cần thiết; rằng mọi thứ xung quanh chúng ta đều có xu hướng không cản trở mà giúp đỡ chúng ta, nếu nó chỉ được hiểu đúng.

2. That, since the whole scheme thus tends to man's benefit, it is clearly his duty to learn to understand it.

2. Rằng, vì toàn bộ hệ thống này có xu hướng đem lại lợi ích cho con người, rõ ràng con người có nghĩa vụ học cách hiểu nó.

3. That when he thus understands it, it is also his duty intelligently to co-operate in this

3. Rằng khi con người hiểu được nó, y cũng có nghĩa vụ hợp tác thông minh trong hệ thống

scheme.

From the second great truth it follows:

1. That the true man is a soul, and that this body is only an appanage. [16]

2. That he must therefore regard everything from the standpoint of the soul, and that in every case when an internal struggle takes place he must realize his identity with the higher and not with the lower.

3. That what we commonly call his life is only one day in his true and larger life.

4. That death is a matter of far less importance than is usually supposed, since it is by no means the end of life, but merely the passage from one stage of it to another.

5. That man has an immense evolution behind him, the study of which is most fascinating, interesting and instructive.

6. That he also has a splendid evolution before him, the study of which will be even more fascinating and instructive.

7. That there is an absolute certainty of final attainment for every human soul, no matter how far he may seem to have strayed from the path of evolution.

From the third great truth it follows:

1. That every thought, word or action produces its definite result—not a reward or a punishment imposed from without, but a result inherent in the action itself, definitely connected with it in the relation of cause and effect, these being really but two inseparable parts of one whole.

này.

Từ chân lý vĩ đại thứ hai, chúng ta suy ra:

1. Rằng con người đích thực là một linh hồn, và thể xác này chỉ là một phần phụ thuộc.

2. Rằng vì vậy y phải xem xét mọi thứ từ quan điểm của linh hồn, và trong mọi trường hợp khi có cuộc đấu tranh nội tâm, y phải nhận ra sự đồng nhất của mình với phần cao hơn chứ không phải phần thấp hơn.

3. Rằng cái mà chúng ta thường gọi là cuộc sống của y chỉ là một ngày trong cuộc sống thật sự và lớn hơn của y.

4. Rằng cái chết ít quan trọng hơn nhiều so với những gì thường được cho là, bởi vì nó không phải là kết thúc của cuộc sống, mà chỉ là sự chuyển tiếp từ giai đoạn này sang giai đoạn khác của nó.

5. Rằng con người có một sự tiến hóa vô cùng lớn lao phía sau, việc nghiên cứu điều này thật hấp dẫn, thú vị và đầy tính giáo dục.

6. Rằng y cũng có một sự tiến hóa huy hoàng phía trước, việc nghiên cứu điều này sẽ còn hấp dẫn và đầy tính giáo dục hơn nữa.

7. Rằng có sự chắc chắn tuyệt đối về việc đạt đến đích cuối cùng cho mọi linh hồn nhân loại, dù y có vẻ như đã đi lạc xa khỏi con đường tiến hóa đến đâu.

Từ chân lý vĩ đại thứ ba, chúng ta có thể suy ra:

1. Rằng mọi tư tưởng, lời nói hoặc hành động đều tạo ra kết quả xác định—không phải là phần thưởng hay hình phạt áp đặt từ bên ngoài, mà là kết quả vốn có trong chính hành động đó, được kết nối chặt chẽ với nó trong mối quan hệ nhân quả, thực sự chỉ là hai phần không thể tách rời của một tổng thể.

2. That it is both the duty and interest of man to study the divine law closely, so that he may be able to adapt himself to it and to use it, as we use other great laws of nature.

2. Rằng đó vừa là nghĩa vụ vừa là lợi ích của con người khi nghiên cứu kỹ định luật thiêng liêng, để y có thể thích ứng với nó và sử dụng nó, như chúng ta sử dụng các định luật tự nhiên khác.

3. That it is necessary for man to attain perfect control over himself, so that he may guide his life intelligently in accordance with the law. [17]

3. Rằng con người cần đạt được sự kiểm soát hoàn hảo đối với chính mình, để y có thể hướng dẫn cuộc sống của mình một cách thông minh phù hợp với định luật đó.

This is not a Theosophical creed which I am formulating, for these principles are not put forward as articles of faith, but are stated as definite facts, known to be such through personal investigation by many of us, and verifiable by all who are willing to take the trouble to qualify themselves for the study. We are not asking you to accept anything more than we ourselves know to be true. Here and there, it is true, we touch upon matters too high for any direct knowledge that we who are students as yet possess; in such cases, any statements which we make are on the authority of other and older students who know much more than we; but when that is so, we always say so definitely, keep clear the distinction between that which we ourselves know and that which we only believe, even though we believe it on the best possible authority. We simply present the system for your consideration; if it seems to you reasonable, take it and examine it thoroughly, study it and live the life which it recommends. Since that life is a noble one, no harm can come to you from trying such an experiment.

Đây không phải là một tín điều Thông Thiên Học mà tôi đang hình thành, vì những nguyên lý này không được đưa ra như những điều phải tin, mà được trình bày như những sự kiện xác định, được biết đến như vậy thông qua sự điều tra cá nhân của nhiều người trong chúng tôi, và có thể được kiểm chứng bởi tất cả những ai sẵn sàng bỏ công để đủ điều kiện cho việc nghiên cứu. Chúng tôi không yêu cầu các bạn chấp nhận điều gì nhiều hơn những gì chúng tôi tự biết là đúng. Ở đây và đó, đúng là chúng tôi đề cập đến những vấn đề quá cao để có thể có kiến thức trực tiếp mà những người môn sinh như chúng tôi hiện có; trong những trường hợp như vậy, bất kỳ phát biểu nào mà chúng tôi đưa ra đều dựa trên thẩm quyền của những môn sinh khác lớn tuổi hơn, những người biết nhiều hơn chúng tôi; nhưng khi điều đó xảy ra, chúng tôi luôn nói rõ ràng, giữ sự phân biệt rõ ràng giữa những gì chúng tôi tự biết và những gì chúng tôi chỉ tin tưởng, ngay cả khi chúng tôi tin nó trên cơ sở thẩm quyền tốt nhất có thể. Chúng tôi chỉ đơn giản trình bày hệ thống này để các bạn xem xét; nếu nó có vẻ hợp lý với các bạn, hãy đón nhận và kiểm tra nó kỹ lưỡng, nghiên cứu nó và sống cuộc sống mà nó đề xuất. Vì cuộc sống đó là một cuộc sống cao quý, sẽ không có điều gì gây hại cho các bạn nếu thử nghiệm một cách sống như vậy.

These then are the principles of Theosophy; do they in any way contradict those of Christianity? I venture to say that there is nothing in them which is at all in opposition to the true primitive Christianity when it is properly understood, though there may be statements which cannot be reconciled with some of the mistakes of modern popular theology. Let me try to show you how this is so. The principal points in this scheme of ours to which modern orthodoxy would take exception are the implied doctrines of reincarnation and karma—the latter meaning the Divine law of eternal justice under which every man must inevitably bear the consequences of his own misdoings, and no one else can under any circumstances relieve him of his responsibility. [18]

Vậy đây là những nguyên lý của Thông Thiên Học; chúng có mâu thuẩn với các nguyên lý của Cơ Đốc giáo hay không? Tôi dám khẳng định rằng không có gì trong chúng mâu thuẩn với Cơ Đốc giáo nguyên thủy chân chính khi nó được hiểu đúng cách, mặc dù có thể có những phát biểu không thể hòa giải được với một số sai lầm của thần học phổ thông hiện đại. Để tôi thử giải thích cho các bạn rõ hơn về điều này. Những điểm chính trong hệ thống của chúng tôi mà thần học chính thống hiện đại có thể phản đối là các giáo lý về luân hồi và nghiệp quả—nghiệp quả, ở đây, có nghĩa là định luật thiêng liêng về công lý vĩnh cửu, theo đó mỗi người phải chịu trách nhiệm không tránh khỏi về những việc làm sai trái của mình, và không ai khác có thể, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, giải thoát y khỏi trách nhiệm đó.

Modern theology attaches immense importance to texts; in fact, it appears to me to be based upon one or two texts almost entirely. It takes these and gives to them a particular interpretation, often in direct opposition to the plain meaning of other texts from the same bible. Of course there are contradictions in the bible, just as there must necessarily be in any book of that size, its various books being written at such widely separated periods of the world's history, and by people so unequal in knowledge and in civilization. It is impossible that all these statements can be literally true, but we can go back behind them all, and try to find out what the original teacher did lay before his pupils. Since there are many contradictions and many interpretations, it is obviously the duty of a thinking Christian to weigh carefully the different versions of his faith which exist in the world, and decide according to his own reason and common-sense. Every Christian does as a matter of fact decide for himself

Thần học hiện đại đặc biệt coi trọng các văn bản Kinh Thánh; thực tế, theo quan điểm của tôi, dường như nó chủ yếu dựa trên một hoặc hai văn bản. Họ lấy các văn bản này và đưa ra một cách diễn giải cụ thể, thường trực tiếp mâu thuẩn với ý nghĩa rõ ràng của các văn bản khác từ cùng một cuốn Kinh Thánh. Dĩ nhiên, có những mâu thuẩn trong Kinh Thánh, cũng như chắc chắn phải có trong bất kỳ cuốn sách nào có quy mô như vậy, bởi các sách khác nhau được viết trong những thời kỳ khác nhau của lịch sử thế giới và bởi những người có trình độ hiểu biết và nền văn minh khác nhau. Không thể nào mà tất cả những tuyên bố này đều đúng theo nghĩa đen, nhưng chúng ta có thể quay ngược lại để cố gắng tìm hiểu điều mà vị giáo chủ ban đầu thực sự truyền dạy cho các môn đệ của mình. Vì có nhiều mâu thuẩn và nhiều cách diễn giải khác nhau, rõ ràng là trách nhiệm của một người Cơ Đốc biết suy nghĩ là phải cân nhắc cẩn thận những phiên bản khác nhau của đức tin mà hiện nay tồn tại trên thế giới, và quyết định dựa trên lý trí và

now; he chooses to be a Roman Catholic, or a member of the Church of England, or a Methodist, or a Salvationist, though each of these sects professes to have the only genuine brand of Christianity, and justifies its claim by quotation of texts. How then does the ordinary layman decide between their rival claims? Either he accepts blindly the faith which his father held, and does not examine at all, or else he does examine, and then he decides by the exercise of his own judgment. If he is already doing that, it would be absurd and inconsistent for him to refuse to examine all texts, instead of basing his belief only upon one or two. If he does impartially examine all texts, he will certainly find many which support Theosophical truths. [19]

lương tri của chính mình. Mỗi người Cơ Đốc hiện nay, trên thực tế, đều tự mình quyết định; y chọn trở thành một người Công giáo La Mã, hoặc một thành viên của Giáo hội Anh, hoặc một tín đồ Giám lý, hoặc một tín đồ Cứu rỗi, mặc dù mỗi giáo phái này đều tự xưng là có phiên bản Cơ Đốc giáo chân chính duy nhất, và biện minh cho tuyên bố của mình bằng cách trích dẫn các văn bản Kinh Thánh. Vậy thì người giáo dân bình thường quyết định giữa các tuyên bố đối nghịch của họ như thế nào? Hoặc y chấp nhận mù quáng đức tin mà cha y nắm giữ, và không hề xem xét, hoặc y có xem xét, và sau đó y quyết định bằng cách sử dụng phán đoán của chính mình. Nếu y đã làm như vậy, thì sẽ thật phi lý và không nhất quán khi y từ chối xem xét tất cả các văn bản, thay vì chỉ dựa vào một hoặc hai văn bản để xây dựng niềm tin của mình. Nếu y xem xét một cách vô tư tất cả các văn bản, y chắc chắn sẽ tìm thấy nhiều văn bản ủng hộ các chân lý Thông Thiên Học.

How Divergence Arises——Các Dị Biệt Phát Sinh Như Thế Nào

Do not think that you are disloyal to the Founder of Christianity if you admit the existence of different interpretations and the possibility of error in all of them. Divergence always happens of necessity in the growth of every religion. If you think of it impartially, you will see that it must be so. In every one of them there is always first the Teacher himself, putting forth his presentation of the truth with all the force of direct personal knowledge, surrounded by disciples whose enthusiasm is stirred by their contact with him, so that they feel a certainty not inferior to his own. Perhaps some of them under the influence of his magnetism develop the power to see many truths at first-hand for themselves. In time the Teacher leaves them, and the generation of his disciples dies out. The religion is carried on by their followers in

Đừng nghĩ rằng bạn bất trung với Đấng Sáng Lập Cơ Đốc giáo nếu bạn thừa nhận sự tồn tại của những cách diễn giải khác nhau và khả năng sai sót trong tất cả những diễn giải đó. Sự khác biệt luôn xảy ra tất yếu trong sự phát triển của mọi tôn giáo. Nếu bạn suy nghĩ một cách công bằng, bạn sẽ thấy rằng điều này là không thể tránh khỏi. Trong mọi tôn giáo, luôn có vị Thầy đầu tiên, Người đưa ra cách trình bày chân lý của mình với tất cả sức mạnh của tri thức cá nhân trực tiếp, được bao quanh bởi các đệ tử, những người có lòng nhiệt thành được khơi dậy nhờ sự tiếp xúc với Ngài, khiến họ cảm thấy một sự chắc chắn không kém phần mạnh mẽ như chính Ngài. Có lẽ một số trong số họ, dưới ảnh hưởng của từ tính của Ngài, phát triển khả năng tự mình thấy được nhiều chân lý trực tiếp. Theo thời gian, vị Thầy rời bỏ họ, và thế hệ đệ tử của Ngài qua đời. Tôn

turn, and these have usually no direct personal access to the truth, but mould their faith upon the doctrine given by those who preceded them. Presently this doctrine comes to be written down, lest it should be forgotten or distorted, and so a scripture arises. It is not easy so to write that it shall be impossible for man to misunderstand, and thus presently arise various interpretations. Naturally different teachers interpret in various ways, and thus sects come into existence, and bitterness of feeling arises between them. A church grows up—a body of men who consider that they alone hold this new truth, whose direct interest it is to maintain a certain interpretation of it. Presently this new church acquires property, and thus vested interests are established, and considerations entirely foreign to the true religious spirit (and often indeed entirely hostile to it) are inevitably introduced. Then crystallization ensues, [20] and with that we have narrowness, bigotry, worldliness and consequent degradation; and all this not from any especial vice or carelessness on the part of any one concerned, but in the natural course of history.

giáo được tiếp tục bởi những người theo sau họ, và những người này thường không có sự tiếp cận cá nhân trực tiếp với chân lý, mà chỉ hình thành đức tin của mình dựa trên giáo lý được truyền lại bởi những người đi trước. Rồi dần dần giáo lý này được ghi chép lại, để tránh việc nó bị lãng quên hoặc xuyên tạc, và do đó, một bộ kinh điển xuất hiện. Việc viết lách một cách hoàn hảo để không thể bị hiểu lầm là điều không dễ dàng, và thế là các cách diễn giải khác nhau xuất hiện. Tự nhiên, những người thầy khác nhau giải thích theo những cách khác nhau, và như vậy, các giáo phái hình thành, và sự cay đắng giữa họ nảy sinh. Một giáo hội lớn lên—một nhóm người cho rằng chỉ có họ nắm giữ chân lý mới này, và quyền lợi trực tiếp của họ là duy trì một cách diễn giải nhất định về nó. Dần dần, giáo hội này có tài sản, và do đó, lợi ích được thiết lập, và những cân nhắc hoàn toàn xa lạ với tinh thần tôn giáo chân chính (và thường hoàn toàn đối nghịch với nó) không thể tránh khỏi được đưa vào. Sau đó, sự kết tinh diễn ra, và từ đó chúng ta có sự hẹp hòi, cố chấp, thế tục và sự suy thoái hệ quả; và tất cả những điều này không phải do bất kỳ thói xấu hoặc sự cẩu thả đặc biệt nào của bất kỳ ai liên quan, mà là kết quả tự nhiên của quá trình lịch sử.

We may see how this has happened with Hinduism and with Buddhism; if we can only look with an impartial eye, we shall see how it has happened with Christianity also, though I know that many good orthodox people would consider it wicked and atheistic to say so; but surely it cannot be wicked to state what is true as shown in the pages of history. Since this was obviously the case, if we wish to discover and study the true Christianity we must go back to the original doctrines, and see how the teachings were interpreted in the earlier times. If we do this we shall find that the faith taught then was by no means the iron-bound theology of the present day, but a far more

Chúng ta có thể thấy điều này đã xảy ra như thế nào với Ấn Độ giáo và Phật giáo; nếu chúng ta có thể nhìn với con mắt công bằng, chúng ta cũng sẽ thấy điều đó đã xảy ra với Cơ Đốc giáo như thế nào, mặc dù tôi biết rằng nhiều người chính thống tốt lành sẽ coi đó là tà ác và vô thần khi nói như vậy; nhưng chắc chắn không thể là tà ác khi nói ra sự thật như đã được thể hiện trong các trang sử. Vì điều này rõ ràng là sự thật, nếu chúng ta muốn khám phá và nghiên cứu Cơ Đốc giáo chân chính, chúng ta phải quay lại các giáo lý ban đầu và xem các giáo lý đã được diễn giải như thế nào vào những thời kỳ trước. Nếu chúng ta làm điều này, chúng ta sẽ thấy rằng đức tin được giảng

spiritual and philosophical religion, corresponding in many points with the truth that lies behind all religions, which we now study under the name of Theosophy.

dạy lúc đó hoàn toàn không phải là thần học cứng nhắc của ngày nay, mà là một tôn giáo mang tính tinh thần và triết lý hơn nhiều, tương ứng ở nhiều điểm với chân lý nằm phía sau mọi tôn giáo, mà chúng ta hiện nay đang nghiên cứu dưới tên gọi Thông Thiên Học.

Reincarnation—Tái Sinh—Reincarnation—Tái Sinh

As I have said, the principal points is that outline of Theosophy to which exception would be taken by the orthodox theologian are those of reincarnation and of the inevitable and automatic action of Divine justice. Neither of these doctrines is held by the church of the present day, yet I think we shall find a certain amount of evidence that they were not unknown during the earlier periods. Few direct reference to the doctrine of reincarnation are to be found in the scriptures as we now have them, but there are one or two which are unmistakable. There is one clear definite statement by [21] Jesus himself, which of course must settle the question once for all for any one believes in the gospel history and in the inspiration of the scriptures. When he has been speaking of John the Baptist, and enquiring what opinions were generally held about him, he terminates the conversation by the emphatic pronouncement "If ye will receive it, this is Elias which was for to come." (Matthew XI 14)

Như tôi đã nói, những điểm chính trong bản phác thảo về Thông Thiên Học mà các nhà thần học chính thống có thể phản đối là các giáo lý về luân hồi và hành động không thể tránh khỏi và tự động của công lý thiêng liêng. Cả hai giáo lý này đều không được giáo hội ngày nay nắm giữ, nhưng tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ tìm thấy một số bằng chứng cho thấy rằng chúng không phải là điều xa lạ trong các thời kỳ đầu. Ít có những tài liệu trực tiếp về giáo lý luân hồi trong các kinh sách như chúng ta có hiện nay, nhưng có một hoặc hai đoạn không thể nhầm lẫn. Có một tuyên bố rõ ràng và dứt khoát của chính Đức Jesus, điều mà dĩ nhiên phải kết thúc câu hỏi này một lần và mãi mãi đối với bất kỳ ai tin vào lịch sử Phúc âm và vào cảm hứng của Kinh Thánh. Khi Ngài nói về John the Baptist và hỏi về các quan điểm chung xung quanh Ông, Ngài kết thúc cuộc trò chuyện bằng cách khẳng định mạnh mẽ: "Nếu các ngươi tin nhận, thì đây chính là Ê-li đã phải đến." (Matthew XI 14).

I am aware that the orthodox theologian thinks that Jesus did not mean what he said in this case, and wishes us to believe that he was endeavouring to explain that Elias had been a type of John the Baptist. But in reply to such a disingenuous plea it will be sufficient to ask what would be the thought of any one who in ordinary life tried to explain away a statement in so clumsy a fashion. Christ knew what was the popular opinion with reference to such matters; he knew that he himself was

Tôi biết rằng các nhà thần học chính thống nghĩ rằng Jesus không có ý nói điều Ngài đã nói trong trường hợp này, và họ muốn chúng ta tin rằng Ngài đã cố gắng giải thích rằng Ê-li là một hình mẫu của John the Baptist. Nhưng để đáp lại lý lẽ không thành thật như vậy, chỉ cần đặt câu hỏi rằng người ta sẽ nghĩ gì về bất kỳ ai trong đời sống bình thường cố gắng giải thích một tuyên bố theo cách vụng về như vậy. Đức Christ biết quan niệm phổ biến về những vấn đề như thế; Ngài biết rằng bản thân

supposed by the common people to be a reincarnation sometimes of Elijah, sometimes of Jeremiah, and sometimes of one of the other prophets (Mathew xvi, 14); and he was aware that the return of Elijah had been prophesied and that all the common people were in constant expectation of his advent. Consequently in making a direct statement such as this he cannot but have known exactly all his hearers would understand him. "If ye will receive it"—that is to say, if you can believe it—" this man is the very Elijah whom you are expecting." That is an unequivocal statement, and to suppose that when Christ said that he did not mean it, but instead intended to express something vague and symbolical, is to accuse him of wilfully misleading the people by giving to them a direct statement which he must unquestionably have known that they could take only in one way. Either Christ said this or he did not say it; if he did not say [22] it, what becomes of the inspiration of the gospel? If he did say it, then reincarnation is a fact.

Ngài được dân gian cho là hiện thân luân hồi của Ê-li, đôi khi là Giê-rê-mi, và đôi khi là một trong các tiên tri khác (Mathew XVI, 14); và Ngài biết rằng sự trở lại của Ê-li đã được tiên tri, và tất cả dân chúng thường xuyên mong đợi sự xuất hiện của Ông. Do đó, khi đưa ra một tuyên bố trực tiếp như thế này, Ngài không thể không biết rằng tất cả những người nghe sẽ hiểu chính xác Ngài nói gì. "Nếu các ngươi tin nhận"—tức là, nếu các ngươi có thể tin điều đó —"người này chính là Ê-li mà các ngươi đang mong đợi." Đó là một tuyên bố rõ ràng, và việc cho rằng khi Đức Christ nói điều đó Ngài không có ý như vậy, mà thay vào đó muốn diễn đạt điều gì đó mơ hồ và tượng trưng, chính là cáo buộc Ngài cố tình làm dân chúng hiểu lầm bằng cách đưa ra cho họ một tuyên bố trực tiếp mà Ngài chắc chắn phải biết rằng họ chỉ có thể hiểu theo một cách duy nhất. Hoặc Đức Christ đã nói điều này, hoặc Ngài không nói nó; nếu Ngài không nói, thì cảm hứng của Phúc âm sẽ ra sao? Nếu Ngài đã nói, thì luân hồi là một sự thật.

Another reference to this doctrine occurs in the story of the man who was born blind, and was brought to Jesus to be cured. The disciples enquired: "Master, who did sin, this man or his parents, that he was born blind?" (John ix. 2.). This question implies belief in a large proportion of the Theosophical doctrine in the minds of those who asked it. You will note that they clearly hold to the idea of cause and effect and of Divine justice. Here was the case of a man born blind—a terrible affliction, of course, both for the child himself and for his parents. The disciples realized that this must be the result of some sin or folly; and their question is as to whose sin it was that had brought about this deplorable result. Was it that the father had been so wicked that he deserved to have the sorrow of a blind son; or was it that in some previous state of existence

Một đoạn khác đề cập đến giáo lý này xuất hiện trong câu chuyện về người mù từ khi sinh ra, và được đưa đến Đức Jesus để được chữa lành. Các môn đồ hỏi: "Thưa Thầy, ai đã phạm tội, người này hay cha mẹ của người, mà người sinh ra đã bị mù?" (John IX. 2). Câu hỏi này ngụ ý niềm tin vào một phần lớn giáo lý của Thông Thiên Học trong tâm trí những người đã hỏi nó. Bạn sẽ thấy rằng họ rõ ràng giữ ý tưởng về nhân quả và công lý thiêng liêng. Đây là trường hợp của một người sinh ra đã bị mù—một tai họa khủng khiếp, tất nhiên, đối với cả đứa trẻ và cha mẹ của nó. Các môn đồ nhận ra rằng điều này phải là kết quả của một số tội lỗi hoặc sự ngu muội; và câu hỏi của họ là tội lỗi của ai đã gây ra kết quả đáng buồn này. Có phải người cha đã quá tội lỗi đến mức Ông ta đáng phải chịu nỗi đau có một người con mù; hay có phải trong một trạng thái tồn tại trước đó,

the man himself had sinned, and so brought upon himself this pitiable fate? Obviously, if the latter were the true solution the sins which deserved this punishment must have been committed before he was born—that is to say in a previous life; so that in fact both the great pillars of Theosophical teaching to which we have referred are clearly implied in this one question.

người đàn ông này đã phạm tội, và do đó tự đưa mình đến số phận đáng thương này? Rõ ràng, nếu khả năng thứ hai là giải pháp đúng, thì những tội lỗi đáng bị trừng phạt này phải đã được thực hiện trước khi người này sinh ra —tức là trong một cuộc sống trước; vậy thực tế cả hai trụ cột lớn của giáo lý Thông Thiên Học mà chúng tôi đã đề cập đều được ngụ ý rõ ràng trong câu hỏi này.

The answer of Jesus is noteworthy. We know that on other occasions he was by no means backward in commenting vigorously upon inaccurate doctrine or practice; he spoke strongly on many occasions to the Scribes and Pharisees and others. If therefore reincarnation and the idea of Divine justice were false and foolish beliefs, we should certainly expect to find him taking this opportunity to rebuke his disciples for holding them; yet we notice that he does nothing of the kind. [23] He accepts their suggestions as matters of course; he does not reprove them in any way, but explains that neither of the hypotheses which they suggest is the true cause of the affliction in this particular case; "neither hath this man sinned, nor his parents; but that the works of God should be made manifest in him."

Câu trả lời của Đức Jesus đáng được chú ý. Chúng ta biết rằng trong những dịp khác, Ngài không bao giờ chậm trễ trong việc bình luận mạnh mẽ về các giáo lý hoặc thực hành không chính xác; Ngài đã nói rất mạnh mẽ vào nhiều dịp với những thầy thông giáo, người Pha-ri-si và những người khác. Do đó, nếu luân hồi và ý tưởng về công lý thiêng liêng là những niềm tin sai lầm và ngu ngốc, chúng ta chắc chắn sẽ mong đợi thấy Ngài nhân cơ hội này để quở trách các môn đồ vì đã nắm giữ chúng; nhưng chúng ta nhận thấy rằng Ngài không làm điều đó. Ngài chấp nhận những gợi ý của họ như một điều hiển nhiên; Ngài không quở trách họ dưới bất kỳ hình thức nào, mà giải thích rằng không phải giả thuyết nào trong số họ nêu ra là nguyên nhân thực sự của sự khốn khó trong trường hợp cụ thể này; "Người này không phạm tội, cha mẹ người cũng vậy, nhưng để công việc của Thiên Chúa được tỏ ra nơi người ấy.

Years ago an English clergyman wrote a remarkable book called *From Death to the Judgment Day*, in which he showed that reincarnation was the great secret teaching of the Christian religion, which cleared up all its difficulties and made it into a coherent and rational system. Quite lately a Methodist minister in America has published a book called *Birth a New Chance*, in which he argues the same question, though along different lines. His theory of rebirth only partially agrees with ours, since he denies that the soul

Nhiều năm trước, một giáo sĩ Anh đã viết một cuốn sách đáng chú ý có tên *Từ Cái Chết đến Ngày Phán Xét,* trong đó Ông chỉ ra rằng luân hồi là giáo lý bí mật vĩ đại của tôn giáo Cơ Đốc, giáo lý này giải quyết tất cả những khó khăn của nó và biến nó thành một hệ thống nhất quán và hợp lý. Gần đây, một mục sư Giám lý ở Mỹ đã xuất bản một cuốn sách có tên *Sự Sinh Ra—Cơ Hội Mới*, trong đó Ông cũng tranh luận về vấn đề tương tự, mặc dù theo một hướng khác. Lý thuyết về tái sinh của Ông chỉ một phần đồng ý với quan điểm của chúng tôi, vì

has at present any intelligent existence apart from its successive physical bodies; but it is interesting to find that along such different lines of thought men of various shades of opinion are beginning to see the necessity of this fundamental doctrine.

Ông phủ nhận rằng linh hồn hiện nay có bất kỳ sự tồn tại có ý thức nào ngoài các thể xác liên tiếp của nó; nhưng điều thú vị là dọc theo các hướng suy nghĩ khác nhau như vậy, những người với quan điểm khác nhau đang bắt đầu nhìn thấy sự cần thiết của giáo lý cơ bản này.

A paragraph from the former book is worth quoting here, as showing how the idea of reincarnation strikes a thoughtful and unprejudiced orthodox Christian, “Scripture distinctly asserts that we shall be judged and rewarded or condemned, according to our actions committed on this earth... therefore, we cannot suppose later conditions to be superior to the conditions under which we now exist, for that would necessitate the advancement of those doomed to eternal punishment to a more glorious life, from which they must ultimately be degraded to everlasting shame; neither can we suppose them to be inferior to those which we now enjoy, for that would degrade the virtuous; nor can we suppose separate [24] states one of advancement for the virtuous, and one of retrogression for the wicked, for that would be to create a hell inhabited by evil creatures doomed to pursue evil before the final judgment; all these suppositions anticipate the final judgment; no authority can be found in scripture to support any of them. It is therefore evident that if there is any active existence for the soul after death, the conditions under which it must exist cannot differ from those under which it exists on earth. Since these conditions cannot differ from our present condition, we are drawn to the inevitable conclusion that they must be the same; that if there be any existence for the soul after death, it must be in a human body on this earth. The conclusion arrived at is that after death the soul goes again through the process of birth, and appears on earth in the body of an infant; that the time between death

Một đoạn trích từ cuốn sách đầu tiên đáng được trích dẫn ở đây, nhằm chỉ ra cách mà ý tưởng về luân hồi gây ấn tượng với một người Cơ Đốc chính thống suy nghĩ sâu sắc và không thành kiến: “Kinh Thánh rõ ràng tuyên bố rằng chúng ta sẽ bị phán xét và được thưởng hoặc bị kết án tùy theo những hành động chúng ta đã thực hiện trên trái đất này... do đó, chúng ta không thể giả định rằng những điều kiện sau này sẽ tốt hơn những điều kiện mà chúng ta hiện đang tồn tại, vì điều đó sẽ yêu cầu sự thăng tiến của những người bị kết án đến một cuộc sống vinh quang hơn, từ đó họ cuối cùng sẽ bị giáng xuống sự sỉ nhục vĩnh cửu; cũng không thể giả định rằng những điều kiện này tệ hơn những gì chúng ta hiện đang hưởng thụ, vì điều đó sẽ làm giảm giá trị những người đức hạnh; cũng không thể giả định rằng sẽ có những trạng thái riêng biệt—một trạng thái tiến bộ cho người đức hạnh, và một trạng thái thụt lùi cho kẻ xấu, vì điều đó sẽ tạo ra một địa ngục chứa đầy những sinh vật ác độc bị kết án theo đuổi điều ác trước khi phán xét cuối cùng; tất cả những giả định này đều đi trước phán xét cuối cùng; không có quyền uy nào trong Kinh Thánh để hỗ trợ cho bất kỳ điều nào trong số chúng. Do đó, rõ ràng là nếu có bất kỳ sự tồn tại tích cực nào cho linh hồn sau cái chết, thì các điều kiện mà nó phải tồn tại không thể khác biệt với những điều kiện mà nó hiện đang tồn tại trên trái đất. Vì những điều kiện này không thể khác với tình trạng hiện tại của chúng ta, nên chúng ta bị cuốn vào kết luận tất yếu rằng chúng phải giống nhau; rằng nếu có sự tồn tại cho linh hồn sau khi chết, thì nó phải ở trong một thể xác con người trên trái đất này. Kết luận đạt được

and the judgment day will be passed in successive lives on earth." The author then undertakes to show "not only that this conclusion is authorized by scripture, but also that all the doctrines of the Christian faith are based on it; that it is the key-note of Christ's teaching, the reason of our existence on this earth, and the only means by which we can eventually attain salvation." Again he adds; "If this theory be accepted, the belief of the Universalists (that all will eventually be saved) becomes possible."—(*From Death to Judgment Day*, by Gerald D'Arcy, p.13)

là sau khi chết, linh hồn lại đi qua quá trình sinh ra, và xuất hiện trên trái đất trong thân thể của một đứa trẻ sơ sinh; rằng thời gian giữa cái chết và ngày phán xét sẽ được trải qua trong các kiếp sống liên tiếp trên trái đất. Tác giả sau đó tiếp tục chỉ ra "không chỉ rằng kết luận này được kinh thánh chấp thuận, mà còn rằng tất cả các giáo lý của đức tin Cơ Đốc đều dựa trên nó; rằng đó là nền tảng chính của giáo huấn của Đức Christ, lý do của sự tồn tại của chúng ta trên trái đất, và là cách duy nhất mà qua đó chúng ta có thể cuối cùng đạt được sự cứu rỗi." Ông còn thêm rằng: "Nếu lý thuyết này được chấp nhận, thì niềm tin của những người theo thuyết Toàn Phúc (rằng tất cả sẽ được cứu rỗi cuối cùng) trở nên khả thi." (Từ *Cái Chết đến Ngày Phán Xét*, của Gerald D'Arcy, trang 13).

Furthermore, it relieves us of many and great difficulties. Think of the terrible inequality in the world. If we look around us in any great city we shall see some living in luxury and others starving, some who have all kinds of advantages in the way of higher teaching, of art and music and philosophy to develop the moral side of their natures, and others who are living in the [25] midst of criminality, who have practically no chance whatever of moral progress in this incarnation. Take the case of a child who is born in one of the slums of a great city, born in an atmosphere of crime, from a father who is a drunkard and a mother who is a thief. That child from the day of his birth has never seen anything but crime and sin; he has never seen the bright side of life in the least, and he knows nothing at all of any religion. What chance of progress has he that is in any way equal to the chance that we ourselves have had? What is the advantage to that child of all our music, our art, our literature and philosophy? If you could suddenly snatch him out of those surroundings, and put him among us, he would not in the least

Hơn nữa, điều này giải quyết nhiều khó khăn lớn lao cho chúng ta. Hãy nghĩ về sự bất bình đẳng khủng khiếp trên thế giới. Nếu chúng ta nhìn quanh bất kỳ thành phố lớn nào, chúng ta sẽ thấy một số người sống trong xa hoa và những người khác đang chết đói, một số người có mọi lợi thế trong việc được giáo dục cao hơn, về nghệ thuật, âm nhạc và triết học để phát triển khía cạnh đạo đức của bản tính họ, và những người khác sống giữa tội phạm, những người gần như không có cơ hội nào cho sự tiến bộ đạo đức trong kiếp sống này. Hãy lấy trường hợp của một đứa trẻ sinh ra trong một khu ổ chuột của một thành phố lớn, sinh ra trong một bầu không khí tội phạm, có cha là kẻ nghiện rượu và mẹ là kẻ trộm cắp. Đứa trẻ đó từ ngày sinh ra chưa từng thấy điều gì ngoài tội lỗi và tội ác; nó chưa bao giờ thấy được mặt tươi sáng của cuộc đời, và hoàn toàn không biết gì về bất kỳ tôn giáo nào. Cơ hội để nó tiến bộ có tương xứng với cơ hội mà chúng ta đã có không? Lợi ích của nó từ âm nhạc, nghệ thuật, văn học và triết học của chúng ta là gì? Nếu bạn có thể đột ngột kéo nó ra khỏi môi trường đó và đặt nó vào giữa chúng ta, nó sẽ không

understand our life, because he has not been brought up to it. His opportunity is assuredly not in any sense equal to ours. If you go outside the pale of civilization you will still find savage races existing in various parts of the world; what of their opportunities? It is not conceivable that those men can develop as fully as we. How is this to be accounted for?

hiểu chút nào về cuộc sống của chúng ta, bởi vì nó chưa được nuôi dưỡng để hiểu những điều này. Cơ hội của nó rõ ràng không hề bằng cơ hội của chúng ta. Nếu bạn ra ngoài phạm vi của nền văn minh, bạn sẽ vẫn thấy những bộ tộc hoang dã tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới; vậy cơ hội của họ là gì? Không thể tưởng tượng rằng những người đó có thể phát triển đầy đủ như chúng ta. Làm sao để giải thích được điều này?

The Three Hypotheses—Ba Giả Thuyết

There are three possible hypotheses—three possible theories of life. First, there is the materialistic hypothesis that there is no scheme of life at all, that we are simply ruled by blind chance; we are born by chance and we die by chance, and when we die that is the end of us. That is not a particularly satisfactory theory, not one which we should desire to accept unless we found ourselves forced to it. But are we so forced? I think not; in fact, all the evidence tells distinctly in the opposite direction. What is the use of all this progress that we see taking place around us if it is not working towards a definite end? [26]

Có ba giả thuyết khả thi—ba lý thuyết về cuộc sống có thể xảy ra. Thứ nhất là giả thuyết duy vật, cho rằng không có kế hoạch gì về cuộc sống cả, rằng chúng ta chỉ bị chi phối bởi sự may rủi mù quáng; chúng ta sinh ra ngẫu nhiên và chết ngẫu nhiên, và khi chúng ta chết, đó là sự kết thúc của chúng ta. Đây không phải là một lý thuyết đặc biệt thỏa mãn, không phải là điều chúng ta muốn chấp nhận trừ khi chúng ta bị ép buộc phải tin. Nhưng liệu chúng ta có thực sự bị ép buộc như vậy không? Tôi nghĩ là không; thực tế, tất cả các bằng chứng rõ ràng chỉ ra theo hướng ngược lại. Mục đích của tất cả sự tiến bộ mà chúng ta thấy đang diễn ra xung quanh chúng ta là gì nếu nó không hướng tới một mục đích rõ ràng?

The second hypothesis is that of Divine caprice, the theory that God puts one man here and another there because He chooses to do so, and that, although their opportunities of progress are utterly unequal, their eternal destiny hereafter nevertheless depends in all cases upon their success in achieving a high level of morality. This theory makes no attempt to account for the inequalities in earth-life, and offers precisely the same heavenly reward to all of the small number who are supposed to attain it at all, quite irrespective of the amount of suffering

Giả thuyết thứ hai là giả thuyết về sự tùy ý của Thượng Đế, lý thuyết cho rằng Thượng Đế đặt một người ở đây và một người khác ở đó vì Ngài chọn làm như vậy, và mặc dù cơ hội để tiến bộ của họ hoàn toàn không cân bằng, nhưng số phận vĩnh cửu của họ vẫn phụ thuộc vào khả năng đạt đến một mức độ đạo đức cao. Lý thuyết này không cố gắng giải thích sự bất bình đẳng trong cuộc sống trần gian, và trao cùng một phần thưởng thiên đàng cho tất cả số ít người được cho là đạt được nó, bất kể mức độ đau khổ mà họ đã chịu đựng ở đây. Hiện tại, có một số sửa đổi của lý thuyết này được đề

endured here. Some modification of this theory is at present suggested by most of the Occidental forms of religion, though it is by no means the true and original teaching of Christianity.

xuất bởi hầu hết các hình thức tôn giáo phương Tây, mặc dù nó không phải là giáo lý chân chính và nguyên thủy của Cơ Đốc giáo.

Certainly it would seem to a thinking man that a God who has put us in a position amid respectable surroundings in which we could not easily go far wrong, and at the same time has put another man in a situation such as we have described, where it is almost impossible for him to do right, can hardly be a just deity. Indeed some of most deeply religious of men have felt themselves sorrowfully forced to admit that either God is not all-powerful, and cannot help the misery and sin which we see in the world about us, or else that He is not all-good, and does not care about the sufferings of His creatures. In Theosophy we hold most firmly that He is both all-loving and all-powerful, and we reconcile this belief with the facts of life around us by means of this doctrine of reincarnation. I know of no other theory through which such reconciliation is possible; and surely the only hypothesis which allows us rationally, and without shutting our eyes to obvious facts, to hold the belief that God is an all-powerful and all-loving Father is at least worthy of careful examination, before we cast it [27] contemptuously aside in order to blazon forth our conviction that He does not possess those qualities. Observe that there is absolutely no other alternative; either reincarnation is true, or the idea of Divine justice is nothing but a dream.

Chắc chắn đối với một người biết suy nghĩ, một Thượng Đế đã đặt chúng ta vào một hoàn cảnh xung quanh tử tế, trong đó chúng ta khó có thể đi lạc xa, và đồng thời đặt một người khác vào hoàn cảnh mà chúng ta đã mô tả, nơi gần như không thể để làm điều đúng, thì khó mà là một vị thần công chính. Thực tế, một số người rất sùng đạo đã cảm thấy buồn bã khi buộc phải thừa nhận rằng hoặc là Thượng Đế không toàn năng và không thể giúp được nỗi khổ và tội lỗi mà chúng ta thấy trên thế giới, hoặc là Ngài không toàn thiện và không quan tâm đến sự đau khổ của các sinh linh của Ngài. Trong Thông Thiên Học, chúng tôi kiên quyết cho rằng Ngài vừa toàn yêu thương vừa toàn năng, và chúng tôi hòa giải niềm tin này với thực tế cuộc sống xung quanh bằng cách sử dụng giáo lý luân hồi. Tôi không biết bất kỳ lý thuyết nào khác có thể mang lại sự hòa giải như vậy; và chắc chắn rằng giả thuyết duy nhất cho phép chúng ta hợp lý tin tưởng, mà không nhắm mắt trước những sự thật hiển nhiên, rằng Thượng Đế là một Đấng Cha toàn năng và đầy tình yêu thương, thì ít nhất cũng đáng được xem xét cẩn thận trước khi chúng ta khinh thường bác bỏ nó để tuyên bố rằng Ngài không có những phẩm chất đó. Hãy lưu ý rằng không có lựa chọn nào khác; hoặc luân hồi là sự thật, hoặc ý tưởng về công lý thiêng liêng chỉ là một giấc mơ.

How does orthodoxy deal with so weighty a consideration as this? Usually it scarcely attempts to deal with it at all, but contents itself with vaguely remarking that God's justice is not as man's justice. That is probably true; but at least Divine justice must be greater

Chính thống giáo đối phó với vấn đề quan trọng này như thế nào? Thông thường nó hầu như không cố gắng giải quyết vấn đề này, mà chỉ hài lòng với lời nhận xét mơ hồ rằng công lý của Thượng Đế không giống như công lý của con người. Điều đó có lẽ đúng; nhưng ít nhất

than ours, and not less; it must be an extension of ours, including considerations which are beyond our reach—not something falling so far short of ours as to involve atrocities which even we who are only men would never think of committing.

công lý thiêng liêng phải lớn hơn công lý của chúng ta, chứ không phải nhỏ hơn; nó phải là một sự mở rộng của công lý của chúng ta, bao gồm những cân nhắc vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta—không phải là điều gì đó thiếu hụt đến mức bao gồm những hành vi tàn bạo mà ngay cả chúng ta, chỉ là con người, cũng không bao giờ nghĩ đến việc phạm phải.

But what is our third hypothesis? What does the theory of reincarnation suggest to us? That the life of man is a far longer life that we have supposed; that man is a soul and has a body, and that what we have called his life is but one day in the true and greater life of that soul. Man rises in the morning, and learns the lesson of his day, and when he is tired he lies down to sleep; and the next day he comes back again like a child to school, and learns another lesson. The body is nothing but the dress which he puts on when he is ready to go out for the day's work at school, and lays aside when that day's work is over in order to enjoy greater freedom during his rest at home. For each day he has a new body, and again and again he revisits earth to learn more and more of these lessons, to acquire new and higher qualities, and so evolution proceeds.

Nhưng giả thuyết thứ ba của chúng ta là gì? Lý thuyết về luân hồi gợi ý cho chúng ta điều gì? Rằng cuộc đời của con người dài hơn rất nhiều so với những gì chúng ta đã nghĩ; rằng con người là một linh hồn và có một thể xác, và cuộc sống mà chúng ta gọi là cuộc đời của y chỉ là một ngày trong cuộc sống thật sự và lớn lao hơn của linh hồn ấy. Con người thức dậy vào buổi sáng, học bài học của một ngày, và khi mệt mỏi, y nằm xuống nghỉ ngơi; và ngày hôm sau, y lại quay trở lại như một đứa trẻ đến trường, để học một bài học khác. Thể xác chỉ là chiếc áo mà y mặc khi y chuẩn bị ra ngoài làm việc trong ngày ở trường, và bỏ đi khi ngày làm việc kết thúc để tận hưởng sự tự do lớn hơn trong thời gian nghỉ ngơi ở nhà. Mỗi ngày y có một thể xác mới, và hết lần này đến lần khác y trở lại trái đất để học thêm những bài học mới, để phát triển những phẩm chất mới và cao hơn, và cứ thế quá trình tiến hóa tiếp diễn.

Thus we realize that less evolved souls are simply children in a lower class, and that they are not to be regarded as wicked or backsliding, but only as younger [28] brothers. Think of the child at the kindergarten; he practically plays most of the time. They do not set him at once to the higher schoolwork, because at that stage he could not understand it, and such teaching would be useless and injurious to him. Just the same thing is true with regard to a soul; it could not receive the higher teaching at first. It must begin with the stronger, coarser impacts from without, which reach it in savage life; it must be stirred

Như vậy, chúng ta nhận ra rằng những linh hồn chưa tiến hóa chỉ là những đứa trẻ trong lớp thấp hơn, và chúng ta không nên coi chúng là xấu xa hay thoái hóa, mà chỉ là những người anh em nhỏ hơn. Hãy nghĩ đến một đứa trẻ trong nhà trẻ; nó thực tế chỉ chơi suốt thời gian. Người ta không đặt nó vào công việc học tập cao hơn ngay lập tức, vì ở giai đoạn đó, nó không thể hiểu được, và việc dạy dỗ như vậy sẽ vô ích và có hại cho nó. Điều tương tự cũng đúng đối với một linh hồn; nó không thể nhận được những giáo lý cao hơn ngay từ đầu. Nó phải bắt đầu với những tác động mạnh mẽ và thô sơ hơn từ bên ngoài, những điều tác động

by those vigorous and insistent shakings before it can learn to respond to the finer vibrations at higher levels which in advanced civilization will afford it such varied opportunities of rapid development. So by slow degrees and through many lives that soul will reach our own lever; but it does not stop there. There have been many men in the world who have stood head and shoulders above their fellows; they show us what we shall be, and they are in themselves a proof of reincarnation, for there is no conceivable single life that could evolve a savage into an Emerson, a Plato or a Shakespeare. If we accept reincarnation we can account rationally for the existence side by side in the world of the criminal and the philosopher—but on no other hypothesis can this be done.

đến nó trong cuộc sống hoang dã; nó phải bị khuấy động bởi những tác động mạnh mẽ và dứt khoát đó trước khi nó có thể học cách đáp ứng với những rung động tinh tế hơn ở các cấp độ cao hơn, nơi nền văn minh tiên tiến sẽ mang lại cho nó những cơ hội phát triển nhanh chóng. Qua những giai đoạn chậm rãi và qua nhiều kiếp sống, linh hồn đó sẽ đạt đến mức độ của chúng ta; nhưng nó không dừng lại ở đó. Trên thế giới đã có nhiều người nổi bật hơn hẳn đồng loại của họ; họ cho chúng ta thấy chúng ta sẽ trở thành gì, và họ tự thân là một bằng chứng cho luân hồi, vì không có cuộc sống đơn lẻ nào có thể tiến hóa từ một kẻ man rợ thành một Emerson, một Plato hay một Shakespeare. Nếu chúng ta chấp nhận luân hồi, chúng ta có thể giải thích một cách hợp lý sự tồn tại bên cạnh nhau của kẻ tội phạm và nhà triết học trên thế giới—nhưng không có giả thuyết nào khác có thể giải thích điều này.

To understand it fully we must take along with it the other great Theosophical doctrine of Karma, the law of cause and effect, and realize that if a man disturbs the equilibrium of Nature it will press back upon him with exactly the same force that he himself employed. It is under this law that he is being reborn; if he finds himself in certain surroundings, it is because he has so acted in a former life as to bring himself under these conditions. He has made his place for himself, and he is receiving not only exactly what he has deserved, but also just such training as it best for his evolution. [29]

Để hiểu đầy đủ điều đó, chúng ta phải đồng thời nắm lấy giáo lý lớn khác của Thông Thiên Học về Nghiệp quả, định luật nhân quả, và nhận ra rằng nếu một người làm xáo trộn sự cân bằng của tự nhiên, tự nhiên sẽ phản hồi lại y với chính sức mạnh mà y đã sử dụng. Theo định luật này, y được tái sinh; nếu y thấy mình ở trong những hoàn cảnh nhất định, thì đó là vì y đã hành động như vậy trong một kiếp trước để đưa mình vào những điều kiện này. Y đã tạo ra vị trí của mình và đang nhận được không chỉ những gì y xứng đáng, mà còn chính xác sự rèn luyện phù hợp nhất cho sự tiến hóa của y.

This great intrinsic part of the Theosophical doctrine must never be forgotten. Though the man does not bring over with him in his memory the details of his previous life, his soul does bear within it the qualities developed in that life, so that he is precisely what he has made himself, and no effort is ever lost. Thus the whole of the world is one

Đây là một phần thiết yếu lớn của giáo lý Thông Thiên Học mà chúng ta không bao giờ được quên. Mặc dù con người không mang theo trí nhớ chi tiết về cuộc sống trước đây của mình, linh hồn của y mang trong nó những phẩm chất đã được phát triển trong cuộc đời đó, để y chính xác là những gì y đã tự làm nên, và không nỗ lực nào là vô ích. Như vậy, toàn bộ

mighty graded course of evolution. When the savage has had as many lives and as much experience as we have had, he will probably stand where we do; for thousands of years ago we stood exactly where he now is. It is simply that he is younger, and we should no more blame him for that than we blame a child of five because he is not yet ten.

thế giới là một khóa học tiến hóa vĩ đại theo cấp độ. Khi một người man rợ đã có nhiều kiếp sống và trải nghiệm như chúng ta, y có thể sẽ đứng ở vị trí của chúng ta; vì hàng ngàn năm trước, chúng ta đã đứng ở đúng vị trí mà y đang đứng bây giờ. Y chỉ đơn giản là trẻ hơn, và chúng ta không nên trách cứ y vì điều đó, cũng như không thể trách một đứa trẻ năm tuổi vì nó chưa đạt được mười tuổi.

Observe also how blessed is the consolation of realizing that we have all eternity before us in which to develop. Christ's command to his disciples was: "Be ye perfect as your Father in heaven is perfect," but if we face the facts we must admit that we cannot become perfect in one life. Only in this doctrine of many lives is there any possibility that this command can ever be obeyed. But with the infinite opportunity which reincarnation gives us, surely we also shall grow onward and upward, till we reach the level of the saints and sages, the philosophers and the saviours of mankind. But it is only in the knowledge of the wider life that we see this to be possible—nay, not possible only, but certain.

Hãy lưu ý thêm rằng sự an ủi tuyệt vời là nhận ra rằng chúng ta có cả sự vĩnh cửu phía trước để phát triển. Đức Christ đã ra lệnh cho các môn đệ của Ngài: "Hãy nên hoàn thiện như Cha các ngươi ở trên trời là Đấng hoàn thiện," nhưng nếu chúng ta đối mặt với thực tế, chúng ta phải thừa nhận rằng chúng ta không thể trở nên hoàn thiện chỉ trong một đời. Chỉ có trong giáo lý về nhiều kiếp sống này, lệnh này mới có khả năng được tuân thủ. Nhưng với cơ hội vô hạn mà luân hồi mang lại, chắc chắn rằng chúng ta cũng sẽ tiếp tục tiến lên, cho đến khi đạt đến mức độ của các thánh, các hiền triết, các triết gia và các vị cứu tinh của nhân loại. Nhưng chỉ khi có kiến thức về cuộc sống rộng lớn hơn, chúng ta mới thấy điều này là khả thi—không chỉ có thể mà còn chắc chắn.

Among the early fathers of the church it will be found that this doctrine was at least to some extent understood. Direct references to it are few, but that may well have been because it was regarded rather as one of the secret teachings than as something to be spoken of openly or in public. As to this secret doctrine I shall have a few words to say presently; but let me [30] for a moment pass on to the consideration of the other great doctrine of Divine justice.

Trong số các giáo phụ của giáo hội thời kỳ đầu, chúng ta sẽ thấy rằng giáo lý này ít nhất cũng đã được hiểu phần nào. Những đề cập trực tiếp đến nó thì ít, nhưng có thể điều đó là vì nó được coi là một trong những giáo lý bí mật, hơn là điều gì đó được nói công khai hay công khai. Tôi sẽ có một vài lời về giáo lý bí mật này sau đây; nhưng trước tiên hãy để tôi nói về giáo lý lớn khác của công lý thiêng liêng.

The Law of Cause and Effect—ĐỊNH LUẬT NHÂN QUẢ—

Since these words are frequently upon the lips of the professors of religion, it might perhaps

Vì những lời này thường được thốt ra bởi những người thầy của tôn giáo, ban đầu có thể

be thought at first sight that we should have no need to vindicate to them our teaching of this law of justice. Yet assuredly a great deal of the religious teaching of the present day distinctly includes a theory that we may escape from the consequence of our actions; indeed modern theology concerns itself principally with a plan for evading Divine justice, which it elects to call “salvation”; and it makes this plan depend entirely upon what a man believes, or rather upon what he says that he believes. The whole theory of “salvation,” and indeed the idea that there is anything to be “saved” from, seems to be based upon a misunderstanding of a few texts of scripture. In Theosophy we do not believe in the idea of so-called Divine wrath; we think that to attribute to God our own vices of anger and cruelty is a terrible blasphemy. It may often happen that a man gives way to wrath, yet on reflection he knows that he was wrong in doing so; and it seems to us that to believe the eternal and all-loving Father to be guilty of actions which even we realize to be improper is a terrible degradation of the great divine ideal. It seems to be a relic of primitive savagery and fetish-worship—of the idea that the principal powers in nature are evil demons who require propitiation. In Theosophy our reverence for the Deity is far too great to allow us to accept anything so derogatory to His dignity. Instead of this debasing superstition we have the certainty that God is an omnipotent and all-loving Father, and that His will is directed, not towards our condemnation, [31] but towards our evolution. We hold the theory of steady development and final attainment for all; and we think that the man’s progress depends, not upon what he believes, but upon what he does.

nghĩ rằng chúng ta không cần phải minh oan cho họ về việc chúng ta giảng dạy định luật công lý này. Tuy nhiên, chắc chắn rằng rất nhiều giáo lý tôn giáo ngày nay rõ ràng bao gồm một lý thuyết rằng chúng ta có thể trốn tránh hậu quả của những hành động của mình; thực tế, thần học hiện đại chủ yếu liên quan đến một kế hoạch né tránh công lý thiêng liêng, mà họ gọi là "sự cứu rỗi"; và kế hoạch này hoàn toàn phụ thuộc vào những gì một người tin, hay đúng hơn là những gì người đó nói rằng mình tin. Toàn bộ lý thuyết về "sự cứu rỗi" và thậm chí ý tưởng rằng có điều gì đó cần được "cứu rỗi" dường như dựa trên sự hiểu lầm về một số đoạn văn trong Kinh Thánh. Trong Thông Thiên Học, chúng tôi không tin vào ý tưởng về cái gọi là cơn thịnh nộ của Thượng Đế; chúng tôi cho rằng gán cho Thượng Đế những thói xấu của chúng ta như cơn giận và sự tàn nhẫn là một sự báng bổ khủng khiếp. Nhiều khi một người nổi cơn thịnh nộ, nhưng khi suy ngẫm lại, y nhận ra rằng y đã sai khi làm như vậy; và chúng tôi thấy rằng việc tin rằng Đấng Cha vĩnh cửu và đầy tình yêu thương lại phạm phải những hành động mà ngay cả chúng ta cũng nhận ra là không phù hợp là một sự hạ thấp khủng khiếp lý tưởng thiêng liêng vĩ đại. Điều đó dường như là tàn tích của thời kỳ man rợ nguyên thủy và sự thờ cúng tà thần—với ý tưởng rằng các quyền lực chính trong tự nhiên là những con quỷ ác cần được xoa dịu. Trong Thông Thiên Học, lòng tôn kính của chúng tôi đối với Thượng Đế quá lớn để chấp nhận bất cứ điều gì hạ thấp phẩm giá của Ngài như vậy. Thay vì mê tín dị đoan thấp kém này, chúng tôi có sự chắc chắn rằng Thượng Đế là một Đấng Cha toàn năng và đầy tình yêu thương, và ý chí của Ngài không nhằm vào việc kết án chúng ta, mà là hướng tới sự tiến hóa của chúng ta. Chúng tôi tin vào lý thuyết về sự phát triển liên tục và sự hoàn thành cuối cùng cho tất cả mọi người; và chúng tôi cho rằng sự tiến bộ của con người phụ thuộc, không phải

vào những gì y tin, mà vào những gì y làm.

And surely there is much in the Christian scriptures which supports this idea. You may perhaps remember the solemn and earnest warning which St. Paul gave to the Galatians, in the sixth chapter of his Epistle to them—a warning which might well have been written specially for the modern theologian, who propounds the amazing injustice of a vicarious atonement: "Be not deceived; God is not mocked; whatsoever a man soweth, that shall he also reap." Again in writing to the Romans he speaks of "the righteous judgment of God, who will render to every man according to his deeds." Not only does the apostle speak thus, but his Master also teaches the same doctrine. You will remember how in the fifth chapter of the gospel according to St. John he states that "they that have done good shall come forth into the resurrection of life'—not those who have believed some particular doctrine.

Chắc chắn có rất nhiều điều trong Kinh Thánh Cơ Đốc ủng hộ ý tưởng này. Bạn có thể nhớ lại lời cảnh báo nghiêm túc và chân thành mà Thánh Phaolô đã đưa ra cho người Galati trong chương sáu của Thư tín gửi họ—một lời cảnh báo dường như được viết đặc biệt cho các nhà thần học hiện đại, những người đề xuất sự bất công đáng kinh ngạc của sự chuộc tội thay: "Đừng lừa dối mình; Thượng Đế không bị lừa gạt; điều gì con người gieo, người ấy sẽ gặt." Một lần nữa, khi viết cho người La Mã, Ông nói về "sự phán xét công bằng của Thượng Đế, Đấng sẽ báo trả cho mỗi người theo công việc của họ." Không chỉ vị sứ đồ nói như vậy, mà Thầy của Ông cũng dạy cùng giáo lý đó. Bạn sẽ nhớ cách trong chương năm của Phúc âm theo Thánh Gioan, Ngài nói rằng "những người làm điều thiện sẽ bước vào sự sống lại của sự sống"—chứ không phải những người tin vào một giáo lý cụ thể nào đó.

Another striking point is to be found in the description which Christ gives of the last judgment in the twenty-fifth chapter of the gospel according to St. Mathew. Since, according to theological teaching, he is himself to be the judge on this occasion, surely his account of the proceedings must be correct, and his explanation of the basis upon which the decisions will be given must be accurate and conclusive. He describes how all nations shall be brought before the king, and how they shall be divided into two great classes, some on the right hand and some on the left hand, and the reasons for the classification are clearly and distinctly given. From the study of modern theology we should expect that the one [32] great question upon the answer to which all would turn must inevitably be "Have you believed in Christ, or in certain doctrines? or "Have you accepted

Một điểm nổi bật khác được tìm thấy trong mô tả mà Đức Christ đưa ra về ngày phán xét cuối cùng trong chương hai mươi lăm của Phúc âm theo Thánh Matthew. Vì theo giáo lý thần học, chính Ngài là người sẽ phán xét trong dịp này, chắc chắn rằng sự miêu tả của Ngài về quá trình này phải là chính xác, và lời giải thích của Ngài về cơ sở mà trên đó các quyết định sẽ được đưa ra phải là đúng và dứt khoát. Ngài mô tả cách tất cả các dân tộc sẽ được đưa ra trước Vua, và cách họ sẽ được chia thành hai nhóm lớn, một số ở bên phải và một số ở bên trái, và các lý do cho sự phân loại này được đưa ra rõ ràng và dứt khoát. Từ việc nghiên cứu thần học hiện đại, chúng ta có thể mong đợi rằng câu hỏi quan trọng duy nhất mà tất cả mọi người sẽ phải trả lời chắc chắn là: "Bạn có tin vào Đức Christ, hay vào một số giáo lý nhất định không? Hay "Bạn có chấp nhận những giáo lý của giáo hội không?"

the teachings of the church?"

The orthodox believer must be surprised to note that neither of these questions seems to enter into the matter at all; not one word is asked by Christ as to what these people have believed, or whether they even now believe in anything whatever. The decision is based not upon belief, but upon action—not upon the doctrines which they have held, but upon what they have done. The only question raised is whether they have fed the hungry, have clothed the naked, have helped the stranger and those who were in sick and in trouble—that is to say whether they have done their duty towards their neighbors in a compassionate and charitable spirit. It is perfectly obvious that according to this account of the Day of Judgment—again remember, it is an account given by the judge himself—a Buddhist, a Hindu, a Muhammadan, a so-called heathen of any type whatever, would have just as good a chance of attaining the eternal life of heaven as the most bigoted Christian sectarian. It would almost seem that the modern theologian does not read his bible at all; or rather it would seem that he has his attention so exclusively fixed upon certain texts, and the deductions which he and his predecessors have drawn from them, that he becomes entirely blind to the plain straightforward signification of many other texts of equal importance.

Người tín đồ chính thống phải ngạc nhiên khi nhận thấy rằng không có câu hỏi nào trong số này dường như được đưa ra trong vấn đề này; Đức Christ không hỏi một lời nào về những gì những người này đã tin, hoặc liệu họ có tin vào bất kỳ điều gì hay không. Quyết định dựa trên hành động chứ không phải niềm tin—không phải vào những giáo lý mà họ đã giữ, mà vào những gì họ đã làm. Câu hỏi duy nhất được đưa ra là liệu họ có nuôi dưỡng kẻ đói, có mặc cho người trần truồng, có giúp đỡ khách lạ và những người ốm yếu, khó khăn hay không—tức là, liệu họ có thực hiện bổn phận của mình đối với những người lân cận trong tinh thần từ bi và nhân ái hay không. Rõ ràng rằng theo mô tả này về Ngày Phán Xét—hãy nhớ rằng, đây là một mô tả được chính vị quan tòa đưa ra—một Phật tử, một tín đồ Ấn Độ giáo, một tín đồ Hồi giáo, hoặc một người bị coi là ngoại đạo của bất kỳ hình thức nào cũng có cơ hội đạt được sự sống vĩnh cửu của thiên đường như bất kỳ người Cơ Đốc giáo cuồng tín nào. Dường như các nhà thần học hiện đại không đọc Kinh Thánh của mình chút nào; hoặc đúng hơn, có vẻ như họ đã quá tập trung vào một số đoạn văn nhất định và những suy luận mà họ và những người đi trước đã rút ra từ đó, đến mức họ hoàn toàn mù quáng trước ý nghĩa đơn giản và rõ ràng của nhiều đoạn văn quan trọng khác.

The Inner Teaching—Giáo Lý Nội Môn

It may be said, however, that at any rate in the present day these doctrines of reincarnation and of perfect justice are not taught in any of the churches; how is [33] that to be accounted for? We reply that this is because Christianity has forgotten much of its own original

Tuy nhiên, có thể nói rằng, ít nhất trong thời đại ngày nay, các giáo lý về luân hồi và công lý hoàn hảo không được giảng dạy trong bất kỳ nhà thờ nào; vậy điều này có thể được giải thích như thế nào? Chúng tôi trả lời rằng, điều này là do Cơ Đốc giáo đã quên đi nhiều phần

teaching—because it is now satisfied with only part, and that a very small part, of what it originally knew. It may be argued that at least the Church possesses the original scriptures, and that the teaching derived from these writing should therefore not have varied. As has been shown, the modern teaching appears to be based exclusively upon certain fragments of these scriptures wrested from their context, and so treated as to contradict many other passages. From these few misapplied texts an insecure edifice of unreasonable doctrine is built, and the original teaching of the early Church is to a great extent neglected.

trong chính giáo lý ban đầu của mình—vì bây giờ Cơ Đốc giáo hài lòng với chỉ một phần, và đó là một phần rất nhỏ, của những gì nó từng biết. Có thể lập luận rằng ít nhất Giáo hội vẫn sở hữu các kinh thánh ban đầu, và giáo lý bắt nguồn từ những văn bản này lẽ ra không nên thay đổi. Như đã được chỉ ra, giáo lý hiện đại dường như chỉ dựa độc quyền trên một số đoạn văn bị trích ra khỏi bối cảnh, và bị diễn giải theo cách mâu thuẫn với nhiều đoạn khác. Từ một số ít đoạn văn bị sử dụng sai lầm này, một tòa nhà giáo lý vô lý và không vững chắc được xây dựng, và phần lớn giáo lý ban đầu của Giáo hội thời kỳ đầu bị lãng quên.

These very scriptures themselves tell us constantly of something more than is written in them—something more than was ever given to the public. It is the fashion in these days to deny that there could ever have been any esoteric teaching in Christianity; indeed its present professors make a boast of the idea that it contains nothing which cannot be comprehended by the meanest intellect, and laid open in its fullness to the most ignorant. If this boast were founded upon fact, it would be a most serious reproach against Christianity; for it would mean that this religion had nothing to offer to the thinking man. Every great religion has always recognized the fact that it had to deal with many different classes of men, and that it was necessary that it should be able to meet them all at their various levels.

Chính những kinh thánh này thường xuyên nói với chúng ta về một điều gì đó nhiều hơn những gì đã được viết ra trong chúng—một điều gì đó chưa bao giờ được công khai cho quần chúng. Ngày nay, người ta thường phủ nhận rằng Cơ Đốc giáo từng có bất kỳ giáo lý huyền bí nào; thực tế, những giáo sư tôn giáo hiện tại còn tự hào về ý tưởng rằng tôn giáo này không chứa bất kỳ điều gì mà trí tuệ tầm thường nhất không thể hiểu được, và rằng mọi thứ đều được bày tỏ hoàn toàn cho cả những người không có học thức. Nếu lời tự hào này dựa trên sự thật, thì đó sẽ là một sự chỉ trích nghiêm trọng đối với Cơ Đốc giáo; bởi vì điều đó sẽ có nghĩa rằng tôn giáo này không có gì để cung cấp cho những người biết suy nghĩ. Mỗi tôn giáo lớn đều luôn thừa nhận rằng nó phải đối mặt với nhiều tầng lớp người khác nhau, và rằng nó cần phải có khả năng đáp ứng họ ở các cấp độ khác nhau.

A religion has to provide for large numbers of simple and uneducated people, incapable of comprehending a high system of philosophy or metaphysics; consequently it must have a plain and straightforward scheme of [34] ethical teaching, instructing these people how to live, and clearly and strongly putting before

Một tôn giáo phải cung cấp cho số lượng lớn những người đơn giản và không có học vấn, những người không có khả năng hiểu một hệ thống triết học hay siêu hình cao siêu; do đó, nó cần phải có một kế hoạch đạo đức rõ ràng và trực tiếp, hướng dẫn những người này cách sống, và nhấn mạnh rõ ràng rằng hạnh phúc

them the fact that according to the nature of their lives here and now will be their happiness or their suffering hereafter. But there will be many to whom this alone is far from satisfactory—whose minds will seek for a great scheme in the Universe, who will enquire how man comes to be what he is, and what is the future that lies before him. The answers to all these questions will inevitably involve much that would be entirely incomprehensible to the simple faith of the unlearned; indeed it may well be that much of this higher teaching would tend only to confuse and to mislead the man who was not yet ready for it.

hay đau khổ của họ sau này sẽ phụ thuộc vào bản chất cuộc sống của họ ở đây và bây giờ. Nhưng sẽ có nhiều người mà điều này không đủ thỏa mãn—những người có tâm trí sẽ tìm kiếm một kế hoạch lớn hơn trong Vũ trụ, những người sẽ đặt câu hỏi tại sao con người lại trở thành những gì mà y là, và tương lai của y sẽ ra sao. Câu trả lời cho tất cả những câu hỏi này chắc chắn sẽ bao hàm nhiều điều hoàn toàn không thể hiểu được đối với đức tin đơn giản của những người không có học vấn; thực tế, có thể là nhiều giáo lý cao hơn này chỉ làm rối loạn và gây hiểu lầm cho những người chưa sẵn sàng cho chúng.

Furthermore, knowledge is always power; and therefore a thorough acquaintance with these higher facts places in the hands of the student the capacity to do much more than the ignorant can do, either for evil or for good. From this again it follows inevitably that circumspection must be used in setting forth in its fullness this higher teaching; and certain guarantees may well be required by the teachers that those who receive it shall use it only for the good of mankind. In every religion of the world there has always been this higher and, to some extent secret teaching; is it to be supposed that Christianity is the only exception to this rule? If it were so, Christianity would stand self-convicted as an imperfect religion; but the truth is that it is not so, for Christianity also has had its mysteries and its inner teachings, and naturally these inner teachings are precisely the same as those of all the other faiths of the world, since all of them are endeavors to state from different points of view the great Truth which lies behind all of them alike. [35]

Hơn nữa, kiến thức luôn luôn là sức mạnh; và do đó, sự hiểu biết toàn diện về những sự thật cao hơn này trao vào tay người môn sinh khả năng làm được nhiều hơn người không hiểu biết, cho dù là cho mục đích xấu hay tốt. Từ điều này, một kết luận tất yếu là cần phải thận trọng khi truyền đạt đầy đủ những giáo lý cao hơn này; và các giáo viên có thể đòi hỏi những đảm bảo nhất định rằng những người nhận được chúng sẽ chỉ sử dụng chúng vì lợi ích của nhân loại. Trong mọi tôn giáo trên thế giới, luôn có những giáo lý cao hơn và, ở một mức độ nào đó, mang tính bí mật; liệu có nên cho rằng Cơ Đốc giáo là ngoại lệ duy nhất đối với quy luật này? Nếu điều đó là đúng, Cơ Đốc giáo sẽ tự kết tội mình là một tôn giáo không hoàn hảo; nhưng sự thật là không phải vậy, bởi vì Cơ Đốc giáo cũng đã có những Bí Nhiệm và những giáo lý nội môn của mình, và đương nhiên, những giáo lý nội môn này giống hệt với những giáo lý của tất cả các tôn giáo khác trên thế giới, vì tất cả chúng đều là những nỗ lực để trình bày từ các quan điểm khác nhau về Chân Lý vĩ đại nằm sau tất cả chúng.

References to it.—Các tham chiếu về nó.

It is true that this secret teaching appears to be now lost, at any rate as far as what are commonly called Protestant sects are concerned. Yet we cannot but see even in the scriptures which remain to us many hints at the existence of this higher knowledge. What is meant, for example, by Christ's constant references to the Mysteries of the Kingdom of God, by his frequent statements to his disciples that the full and true interpretation could be given only to them, and that to others he must speak in parable? Again, he uses technical terms connected with the well-known Mystery teaching of antiquity; and it is only by some comprehension of that teaching that we are able in many cases to find a reasonable significance for his utterances.

Đúng là giáo lý bí mật này dường như đã bị thất lạc, ít nhất là đối với các giáo phái Tin Lành ngày nay. Tuy nhiên, chúng ta không thể không thấy ngay cả trong những bản kinh thánh còn sót lại nhiều gợi ý về sự tồn tại của tri thức cao hơn này. Ví dụ, ý nghĩa của những lời mà Đức Christ thường xuyên nhắc đến về "Các Bí Nhiệm của Vương quốc Thiên Chúa" là gì, cùng với những lời Ngài nói với các môn đồ rằng chỉ có họ mới có thể nhận được sự giải thích đầy đủ và chân thực, trong khi với những người khác, Ngài phải nói bằng dụ ngôn? Một lần nữa, Ngài sử dụng các thuật ngữ chuyên môn liên quan đến giáo lý Bí Nhiệm nổi tiếng của thời cổ đại; và chỉ khi hiểu được giáo lý đó, chúng ta mới có thể tìm thấy ý nghĩa hợp lý cho nhiều phát ngôn của Ngài.

This question as to the existence of an esoteric side in Christianity is not one of sentiment, but of fact; and it is useless for those who do not wish to believe it to clamour against the plain and obvious meaning of the documents of history. The best way to approach this subject is to see first of all what Christ himself said which bears upon it, then to take the evidence in the writings of his immediate successors, the Apostles, and then to see whether the same idea shows itself in the Church Fathers who followed the Apostles. I think that in all these cases an unprejudiced examination will convince the student that the secret teaching did exist, and was well known to all of them. There were originally many more gospels than the four which now remain to us, and even these four have probably passed through many mutilating hands before they settled down into their present form; yet even in them traces still remain which it would be difficult for the most bigoted to deny. [36]

Câu hỏi về sự tồn tại của một mặt huyền bí trong Cơ Đốc giáo không phải là một vấn đề tình cảm, mà là một vấn đề thực tế; và sẽ vô ích khi những người không muốn tin điều đó cứ phản bác lại ý nghĩa rõ ràng và hiển nhiên của các tài liệu lịch sử. Cách tiếp cận tốt nhất cho chủ đề này là trước tiên hãy xem Đức Christ đã nói gì liên quan đến nó, sau đó lấy bằng chứng từ các tác phẩm của các môn đồ trực tiếp của Ngài, và sau đó xem liệu ý tưởng này có xuất hiện trong các Giáo phụ (Church Fathers) theo sau các sứ đồ hay không. Tôi nghĩ rằng trong tất cả những trường hợp này, một cuộc kiểm tra không thành kiến sẽ thuyết phục được người học rằng giáo lý bí mật đã tồn tại và được tất cả họ biết rõ. Ban đầu, có rất nhiều phúc âm hơn bốn cuốn mà chúng ta có hiện nay, và thậm chí bốn cuốn này có lẽ đã trải qua nhiều bàn tay chỉnh sửa trước khi đạt đến hình thức hiện tại; tuy nhiên, ngay cả trong những cuốn này, vẫn còn những dấu vết mà ngay cả những người cuồng tín nhất cũng khó có thể phủ nhận.

Jesus himself speaks on several occasions with

Chính Đức Jesus đã nói rõ ràng trong một số

no uncertain voice. For example, in the fourth chapter of the gospel according to St. Mark you will find the statement:-" And when he was alone they that were about him with the twelve asked of him the parable. And he said unto them, 'Unto you it is given to know the mysteries of the Kingdom of God; but unto them that are without all these things are done in parables." And a few verses further down you will find the statement:- "But without a parable spake he not unto them; and when they were alone he explained all things to his disciples." These words are quoted later by Origen as referring to the secret teaching preserved in the church; for it was always held by the Fathers that such statements contained a triple meaning—first of all the obvious surface meaning, generally cast into the form of some sort of story, so that it might be the more easily remembered; secondly, an intellectual interpretation, such as that which is given to the parable of the sower in the chapter from which I have quoted; and thirdly, a deep mystic and spiritual meaning which was never written down under any circumstances, but was explained orally by the teacher under promises of secrecy.

dịp. Ví dụ, trong chương bốn của Phúc âm theo Thánh Mark, bạn sẽ tìm thấy lời tuyên bố: "Khi Ngài ở một mình, những người ở gần Ngài cùng với mười hai sứ đồ hỏi về dụ ngôn. Ngài nói với họ, 'Đối với các ngươi, đã được ban cho biết các Bí Nhiệm của Vương quốc Thiên Chúa; nhưng với những người bên ngoài, mọi điều này được giảng dạy qua dụ ngôn.'" Và vài câu sau đó, bạn sẽ thấy câu tuyên bố: "Nhưng Ngài không bao giờ nói với họ mà không dùng dụ ngôn; và khi họ ở một mình, Ngài giải thích mọi điều cho các môn đồ của mình." Những lời này sau đó được Origen trích dẫn như ám chỉ giáo lý bí mật được lưu giữ trong giáo hội; bởi vì các Giáo phụ luôn cho rằng những tuyên bố như vậy có ba ý nghĩa—trước hết là ý nghĩa rõ ràng trên bề mặt, thường được trình bày dưới dạng một câu chuyện nào đó để dễ dàng ghi nhớ hơn; thứ hai là cách giải thích mang tính trí tuệ, như được đưa ra cho dụ ngôn về người gieo giống trong chương mà tôi đã trích dẫn; và thứ ba là ý nghĩa huyền bí và tâm linh sâu sắc, không bao giờ được viết ra dưới bất kỳ hoàn cảnh nào, mà được giải thích trực tiếp bằng lời nói bởi người thầy dưới lời hứa giữ bí mật.

Again you will note how, in the sixteenth chapter of the gospel according to St. John, Christ tell his disciples "I have yet many things to say unto you, but ye cannot bear them now." Remember that this was said, according to the story, on the night before his death. When then did he say to his disciples the many things which had still to be revealed to them? Obviously it must have been after his resurrection, during the time when we are told that he remained with his disciples "speaking to them of the things pertaining to the Kingdom of God." No record is given to us in the scriptures [37] of any of these teachings; yet it is impossible to suppose that they would be forgotten. Assuredly they must have been

Một lần nữa, bạn sẽ nhận thấy trong chương mười sáu của Phúc âm theo Thánh John, Đức Christ nói với các môn đồ của Ngài: "Ta còn nhiều điều để nói với các con, nhưng các con bây giờ không thể chịu nổi." Hãy nhớ rằng, theo câu chuyện, điều này được nói vào đêm trước khi Ngài qua đời. Vậy khi nào Ngài nói với các môn đồ về những điều vẫn cần phải được tiết lộ cho họ? Rõ ràng là điều đó phải xảy ra sau khi Ngài phục sinh, trong khoảng thời gian mà chúng ta được biết rằng Ngài ở lại với các môn đồ của mình "nói với họ về những điều liên quan đến Vương quốc Thiên Chúa." Không có bất kỳ tài liệu nào trong Kinh Thánh ghi lại những giáo lý này; tuy nhiên, không thể nào tin rằng chúng đã bị lãng quên. Chắc chắn

handed on as among the most precious of traditions, not in writing but orally, just as the secret teachings in all religions have been handed on. In one of the great Gnostic gospels, the "Pistis Sophia," we are told that he appeared among his disciples, not for forty days only, but for eleven years after his resurrection; and some hint is given as to the nature of the teachings which he imparted, though much of it is so involved and mystical as to be difficult of comprehension without the key of knowledge which comes with initiation.

chúng phải được truyền lại như một trong những truyền thống quý giá nhất, không phải bằng văn bản mà là truyền miệng, giống như cách mà các giáo lý bí mật trong mọi tôn giáo đều được truyền lại. Trong một trong những phúc âm lớn của phái Ngộ đạo, *Pistis Sophia,* chúng ta được biết rằng Ngài đã xuất hiện giữa các môn đồ của mình, không phải chỉ trong bốn mươi ngày, mà trong mười một năm sau khi Ngài phục sinh; và có một vài gợi ý về bản chất của những giáo lý mà Ngài đã truyền lại, mặc dù nhiều phần của chúng quá phức tạp và huyền bí đến mức khó hiểu nếu không có chìa khóa của tri thức mà chỉ được khai mở qua sự khải ngộ.

The Kingdom of Heaven—Vương Quốc của Thiên Đàng (Nước Trời)

This very name of "the Kingdom of God' or "the Kingdom of Heaven" which is used in the passage just quoted is itself a technical term belonging to the Mysteries, indicating the body of those who are initiated into them. Again and again you will find evidence of this if you will look with unprejudiced eye at the passages in which Jesus himself mentions it. For example, in the thirteenth chapter of the gospel according to St. Luke we read that the question is put to the Christ; "Are there few that be saved? And he said unto them, 'Strive to enter in at the strait gate; for many, I say unto you, will seek to enter in and shall not be able." The ordinary uneducated "Protestant" actually dares to apply this statement to the gate of heaven, and wishes us to believe that a great world-Saviour would teach his people that for many men who earnestly seek to be saved from the horrible invention of eternal damnation, there shall yet be no path to safety. If this could be supposed to be true, the statement would be shocking beyond words, for it would show either that the Deity was incapable of [38] managing the affairs of His

Chính tên gọi "Vương quốc Thiên Chúa" hay "Vương quốc Thiên Đàng" được sử dụng trong đoạn văn vừa được trích dẫn là một thuật ngữ chuyên môn thuộc về các Bí Nhiệm, ám chỉ nhóm những người đã được điểm đạo vào các giáo lý này. Bạn sẽ tìm thấy nhiều bằng chứng về điều này nếu nhìn nhận các đoạn mà chính Đức Jesus đề cập đến điều đó với một cái nhìn không thành kiến. Ví dụ, trong chương mười ba của Phúc âm theo Thánh Luca, chúng ta đọc thấy rằng câu hỏi được đặt ra cho Đức Christ: "Có phải chỉ ít người được cứu không?" Và Ngài nói với họ: "Hãy cố gắng vào qua cổng hẹp; vì nhiều người, Ta nói với các ngươi, sẽ cố gắng vào nhưng sẽ không thể." Người Tin Lành thông thường, thiếu học vấn, thực sự dám áp dụng tuyên bố này vào cánh cổng thiên đàng và muốn chúng ta tin rằng một Đấng Cứu Thế vĩ đại sẽ dạy dân chúng rằng đối với nhiều người chân thành tìm cách được cứu khỏi sự phát minh khủng khiếp của sự đày đọa đời đời, sẽ không có con đường nào để an toàn. Nếu điều này có thể coi là sự thật, thì tuyên bố đó sẽ gây sốc đến mức không thể diễn tả bằng lời, vì nó sẽ cho thấy hoặc Thượng Đế không có

universe, or else that the whole scheme was in the hands of a mocking and cruel demon. No such atrocity was asserted by the Christ, or could ever have been put forth by him.

khả năng quản lý vũ trụ của Ngài, hoặc toàn bộ kế hoạch nằm trong tay của một con quỷ chế nhạo và tàn nhẫn. Không có sự tàn ác nào như vậy được Đức Christ khẳng định, và cũng không thể được Ngài đưa ra.

The word “saved”—or rather, as it should be written, “safe”—has a technical meaning which when it is understood makes the passage clear and illuminative. To the Theosophical student there will be no difficulty in its perfect comprehension; he knows that in the course of human evolution a period will eventually be reached when a considerable portion of humanity will for a time drop out of our present scheme, simply because they have not yet developed themselves enough to be able to take advantage of the opportunities which will then be opening before mankind, - because under the conditions then prevailing no incarnations of a sufficient unadvanced type to suit them will be available. The men who thus fall out of the current of progress for the time will presently take up the work again along with another human evolution, and so will have an opportunity of going over again the different stages of the development of which they have failed fully to avail themselves on this occasion. This is in reality a most merciful provision of nature to help along those who for various reasons are backward in their studies in the school of life; and though they lose the place that they have held in this particular evolution, it is only because the evolution has passed beyond them, and it would have been a mere waste of time for them to attempt to stay in it any longer.

Từ “được cứu”—hay đúng hơn, như nó nên được viết, “an toàn”—có một ý nghĩa chuyên môn, và khi nó được hiểu, đoạn văn này sẽ trở nên rõ ràng và sáng tỏ. Đối với sinh viên Thông Thiên Học, sẽ không có khó khăn nào trong việc hiểu rõ hoàn toàn điều này; y biết rằng trong quá trình tiến hóa của nhân loại, sẽ đến lúc một phần lớn nhân loại sẽ tạm thời rời khỏi kế hoạch hiện tại của chúng ta, đơn giản là vì họ chưa phát triển đủ để có thể tận dụng những cơ hội sẽ mở ra trước nhân loại vào thời điểm đó—bởi vì dưới những điều kiện lúc đó, sẽ không có sự nhập thể nào của những linh hồn còn chưa tiến hóa đủ để phù hợp với họ. Những người tạm thời rơi ra khỏi dòng chảy của sự tiến bộ này sẽ tiếp tục công việc của mình cùng với một cuộc tiến hóa khác của nhân loại, và do đó, họ sẽ có cơ hội để một lần nữa trải qua các giai đoạn phát triển mà họ chưa hoàn toàn tận dụng được trong lần này. Đây thực sự là một sự sắp đặt đầy lòng từ bi của tự nhiên nhằm giúp đỡ những người vì nhiều lý do mà bị tụt hậu trong trường đời; và mặc dù họ mất vị trí trong cuộc tiến hóa cụ thể này, đó chỉ là vì cuộc tiến hóa đã vượt qua họ, và nếu họ tiếp tục ở lại thì cũng chỉ là lãng phí thời gian.

The man to whom this happens is in the position of a child at school who is hopelessly behind his classmates. To continue to work with them would mean only strain and

Người rơi vào tình trạng này giống như một đứa trẻ ở trường học bị tụt hậu quá xa so với các bạn cùng lớp. Tiếp tục học cùng họ sẽ chỉ mang lại sự căng thẳng, mệt mỏi và lãng phí

fatigue and waste of time for him; while to leave that class and to work with the one [39] next below it will not only be easier for him, but will enable him by further practice to learn thoroughly those lessons which so far he has been unable to master.

thời gian cho y; trong khi việc rời khỏi lớp đó và học cùng lớp dưới sẽ không chỉ dễ dàng hơn cho y, mà còn cho phép y thông qua việc thực hành thêm để học kỹ những bài học mà đến nay y chưa thể nắm vững.

The ordinary man is by no means as yet above the level at which it might be possible for him thus to have to drop out; but the pupil who has taken the first great initiation –"who has entered upon the stream," as is said in the East —is safe from any danger of such delay; and so he is often spoken of as "the saved," or "the elect." It is in this sense, and this sense only, that we are to understand the use of the world "saved," either here or elsewhere in the scriptures and in the creeds; and when we comprehend this, we shall at once see the force and truth of the remark of the Christ that the gate of initiation is strait and difficult of entry and that there will be many who will strive to reach it for a long time before they are able to attain it.

Người bình thường chưa hẳn đã vượt qua được mức độ mà tại đó y có thể phải tạm thời rời khỏi dòng tiến hóa; nhưng môn sinh đã trải qua cuộc điểm đạo lớn đầu tiên—"người đã bước vào dòng chảy", như cách nói ở phương Đông—sẽ an toàn trước bất kỳ sự trì hoãn nào như vậy; và do đó y thường được gọi là "người được cứu" hoặc "người được chọn". Chính theo nghĩa này, và chỉ theo nghĩa này, chúng ta mới hiểu cách sử dụng từ "được cứu," cho dù là ở đây hay trong các đoạn khác của kinh thánh và trong các tín điều; và khi chúng ta hiểu điều này, chúng ta sẽ ngay lập tức thấy được sức mạnh và chân lý trong lời nhận xét của Đức Christ rằng cánh cổng điểm đạo hẹp và khó bước vào, và rằng sẽ có nhiều người cố gắng trong một thời gian dài trước khi họ có thể đạt được nó.

The Road that leads to Life.—Con đường dẫn đến Sự Sống

Another passage which confirms this is to be found in the seventh chapter of the gospel according to St. Mathew, in which Christ once more advises his disciples, "Enter ye in at the strait gate; for wide is the gate and broad is the way that leadeth to destruction, and many there be which go in thereat; because strait is the gate and narrow is the way which leadeth unto life, and few there be that find it." Here again the occult student has no difficulty in recognizing a familiar imagery. He knows well how narrow and difficult is the way which leads to that "eternal life" which means the avoidance of the necessity of birth and death—that is to say, of the descent into

Một đoạn khác xác nhận điều này được tìm thấy trong chương bảy của Phúc Âm theo Thánh Matthew, trong đó Đức Christ một lần nữa khuyên các môn đồ của Ngài: "Hãy vào qua cửa hẹp; vì cửa rộng và đường thênh thang dẫn đến sự diệt vong, và có nhiều người đi vào; nhưng cửa hẹp và đường chật hẹp dẫn đến sự sống, và có ít người tìm được." Ở đây một lần nữa, người môn sinh huyền bí không gặp khó khăn gì trong việc nhận ra hình ảnh quen thuộc. Y biết rõ rằng con đường dẫn đến "sự sống đời đời"—nghĩa là tránh được sự cần thiết của sinh và tử, tức là sự xuống thế nhập thể—thật hẹp và khó khăn. Y cũng biết rằng con đường tiến bộ chậm chạp mà người bình

incarnation. He knows too how broad and comparatively easy is the slow line of progress adopted by the ordinary man which leads him to death and to [40] birth many thousands of times before it conducts him to a permanent residence upon higher levels. It is indeed true that “many there be who walk” in this longer but smoother road; and there are at present but few among humanity who find the shorter but steeper path of initiation. Read in this, its obvious sense, the statement is true and comprehensible; but if we are to take it in the sense that the “strait gate” leads to heaven, and that only few are able to enter there, it is not only a barbarous misrepresentation of the facts, but it is in flat contradiction to other texts in which the heaven-world is clearly intended.

thường chọn, dẫn y đến sinh và tử hàng ngàn lần trước khi đưa y đến chỗ cư ngụ vĩnh viễn ở các cấp độ cao hơn, là rộng rãi và tương đối dễ dàng hơn. Thật sự đúng là "nhiều người đi" trên con đường dài hơn nhưng mượt mà hơn này; và hiện nay chỉ có ít người trong nhân loại tìm thấy con đường ngắn hơn nhưng dốc đứng hơn của sự điểm đạo. Đọc theo nghĩa rõ ràng này, tuyên bố là chân thực và dễ hiểu; nhưng nếu chúng ta hiểu nó theo nghĩa rằng "cửa hẹp" dẫn đến thiên đàng, và chỉ có ít người có thể vào đó, thì không chỉ là một sự xuyên tạc man rợ về sự thật, mà nó còn hoàn toàn mâu thuẫn với các đoạn khác trong đó "thế giới thiên đàng" được ám chỉ rõ ràng.

When the biblical scribe is really attempting to picture the heaven-world we find that he speaks of “a great multitude which no man could number, of all nations and kindreds and peoples and tongues, who stood before the throne and before the Lamb clothed with white robes and with palms in their hands.” Initiated writers have always known the grand truth that there is no possibility of final destruction, but the certainty of eventual success for all, because that is God’s will for them. In this sense, as referring to their ultimate destiny, there is no feeble hope that a few may be saved, but the magnificent certainty that none can by any possibility be lost.

Khi người viết Kinh Thánh thực sự cố gắng miêu tả thế giới thiên đàng, chúng ta thấy rằng y nói về "một đám đông lớn mà không ai có thể đếm được, thuộc mọi dân tộc, dòng họ, dân cư và ngôn ngữ, đứng trước ngai và trước Chiên Con, mặc áo trắng và cầm cành lá thiên đàng trên tay." Các nhà văn đã được điểm đạo luôn biết chân lý vĩ đại rằng không có khả năng nào cho sự hủy diệt cuối cùng, mà là sự chắc chắn về thành công cuối cùng cho tất cả mọi người, vì đó là ý muốn của Thượng Đế dành cho họ. Theo nghĩa này, khi ám chỉ đến số phận cuối cùng của họ, không có hy vọng yếu ớt rằng chỉ một số ít có thể được cứu, mà là sự chắc chắn tuyệt vời rằng không ai có thể bị mất đi.

It is indeed difficult to understand how modern orthodoxy can speak of Christ as the Saviour of the world, and yet in the same breath assert that he does not save it, that he does not succeed in save one in ten thousand of its inhabitants, and has to yield all the rest to the devil! Would such a proportion be considered successful if we were speaking of

Thật khó hiểu khi thần học chính thống hiện đại có thể nói rằng Đức Christ là Đấng Cứu Thế của thế gian, nhưng đồng thời lại tuyên bố rằng Ngài không cứu thế gian, rằng Ngài không thành công trong việc cứu một phần mười nghìn dân cư của nó, và phải để mặc tất cả những người khác cho quỷ dữ! Tỷ lệ như vậy có được coi là thành công không nếu chúng ta

any kind of human effort? Such a doctrine is in reality blasphemy, and every honest Christian should at once cast it out from his stock of religious ideas. We bring a grander gospel, and we preach a nobler creed than that. [41]

đang nói về bất kỳ nỗ lực nào của con người? Một giáo lý như vậy thực sự là sự báng bổ, và mỗi người Cơ Đốc chân chính cần ngay lập tức loại bỏ nó khỏi kho tàng ý tưởng tôn giáo của mình. Chúng ta mang đến một tin lành lớn lao hơn, và chúng ta giảng dạy một tín điều cao quý hơn thế.

Truly Christ is the Saviour of the world, for each man is saved by the Christ within himself—that Christ in us which is indeed the hope of glory, as the scriptures have said, for without that Divine spark within us how could it ever be possible for us to reunite ourselves with the Divine? Therefore we know that every man will one day realize his own divinity, and so will rise to "the treasure of the stature of the fullness of Christ"; we know that this evolution will succeed and not fail—that it will be a grand and glorious success, and that every soul in it shall eventually attain its goal.

Thật vậy, Đức Christ là Đấng Cứu Thế của thế gian, vì mỗi con người được cứu bởi Đức Christ bên trong chính mình—Đức Christ ở trong chúng ta, mà thật sự là hy vọng của sự vinh quang, như Kinh Thánh đã nói, vì nếu không có tia lửa thiêng liêng bên trong chúng ta, làm sao chúng ta có thể tái hợp với Thiêng Liêng? Do đó, chúng ta biết rằng mỗi người sẽ một ngày nào đó nhận ra thiên tính của chính mình, và sẽ vươn lên đến "kho tàng của chiều cao và sự viên mãn của Đức Christ"; chúng ta biết rằng sự tiến hóa này sẽ thành công và không thất bại—rằng nó sẽ là một thành công vĩ đại và huy hoàng, và rằng mọi linh hồn trong đó cuối cùng sẽ đạt được mục tiêu của mình.

The Difficulties of the Rich—Các Khó Khăn của Người Giàu

Yet another instance in which only this explanation can make the biblical story rational is to be found in the nineteenth chapter of the gospel according to St. Mathew. It will be remembered that on a certain occasion a young man came to Christ and asked him how he might win eternal life—meaning of course, as I have said before, the liberation from the necessity of repeated birth and death. Christ meets him with the usual reply, which would have been given by any of the great teachers: "Keep the commandments." But the young man proceeds to explain that he has already kept all these exoteric commandments all his life, and wishes to know what more he can do to

Một ví dụ khác trong đó chỉ có cách giải thích này mới làm cho câu chuyện Kinh Thánh trở nên hợp lý được tìm thấy trong chương mười chín của Phúc Âm theo Thánh Matthew. Chúng ta nhớ rằng trong một dịp nào đó, một thanh niên đến gặp Đức Christ và hỏi Ngài làm thế nào để có thể đạt được sự sống đời đời—ý nói, như tôi đã đề cập trước đó, là sự giải thoát khỏi sự cần thiết của việc tái sinh và chết đi nhiều lần. Đức Christ trả lời y bằng câu trả lời quen thuộc, mà bất kỳ vị thầy lớn nào cũng sẽ đưa ra: "Hãy giữ các điều răn." Nhưng người thanh niên giải thích rằng y đã giữ tất cả những điều răn ngoại đạo này suốt đời mình và muốn biết thêm những gì y có thể làm để đẩy nhanh tiến trình của mình. Trong câu trả

expedite his progress. Christ in his answer to him employs one of the well-known technical terms of the Essene community in which he himself had been trained, for he says to him, “If thou wilt be perfect, sell all that thou hast and give to the poor, and come and follow me.” To be “perfect” means to attain a certain level of initiation, to belong to a certain class within that kingdom of heaven; and the remark of the Christ simply repeats the universal teaching of the Eastern sages, that poverty and obedience are necessary for those who would enter among the ranks of the higher initiates. [42]

lời của Ngài, Đức Christ sử dụng một trong những thuật ngữ kỹ thuật nổi tiếng của cộng đồng Essene mà chính Ngài đã được huấn luyện, vì Ngài nói với y: "Nếu ngươi muốn hoàn thiện, hãy bán hết những gì ngươi có và cho người nghèo, rồi đến theo Ta." Trở nên "hoàn thiện" có nghĩa là đạt được một mức độ điểm đạo nhất định, thuộc về một giai tầng cụ thể trong Vương quốc Thiên Đàng; và nhận xét của Đức Christ chỉ lặp lại giáo lý phổ quát của các hiền triết phương Đông, rằng sự nghèo khó và vâng lời là cần thiết cho những ai muốn gia nhập hàng ngũ của các bậc điểm đạo cao hơn.

The young man finds a difficulty here, not yet feeling prepared to give up his worldly possessions, and then the Christ proceeds to moralize upon the difficulty which stands in the way of the rich man when he attempts to enter upon the higher stages of this path. He even uses an exceedingly strong simile, “It is easier for a camel to go through the eye of a needle, than for a rich man to enter into the Kingdom of God.” If this be taken as it is

Người thanh niên gặp khó khăn ở đây, vì chưa sẵn sàng từ bỏ của cải thế gian của mình, và sau đó Đức Christ tiếp tục nói về khó khăn mà người giàu phải đối mặt khi cố gắng bước vào các giai đoạn cao hơn của con đường này. Ngài thậm chí còn sử dụng một phép so sánh cực kỳ mạnh mẽ: "Dễ cho lạc đà chui qua lỗ kim hơn là cho người giàu vào Vương quốc Thiên Chúa."[1] Nếu câu nói này được hiểu theo cách thần học thường giải thích, thì đó thực sự là

[1] Chân sư DK, trong *Rays and Initiations*, trang 115, giải thích câu chuyện này theo cách khác. Chàng thanh niên giàu có là biểu tượng của điểm đạo đồ bậc ba, nhân thể đã phát triển qua nhiều kiếp sống và phải chuẩn bị cho sự từ bỏ cuối cùng ở lần điểm đạo thứ 4, khi nhân thể bị phá huỷ. Chàng thanh niên vẫn bám chấp vào thành tựu của quá khứ, chưa sẵn sàng ch sự từ bỏ vĩ đại đó.
“Việc sử dụng thuật ngữ nội môn này bởi Đức Christ trong câu chuyện của Tân Ước cho chúng ta một gợi ý về bản chất của tâm thức cao cả mà Ngài đã biểu hiện. Khi đối mặt với người thanh niên giàu có, người sở hữu rất nhiều, Đức Christ đã chỉ ra rằng y cần phải chuẩn bị cho một sự phủ định lớn và một bước tiến về phía trước. Ý nghĩa thực sự của điều này chưa bao giờ được thấu hiểu và nằm ở thực tế rằng cụm từ "người thanh niên giàu có" thực ra là một thuật ngữ kỹ thuật, thường được áp dụng cho một điểm đạo đồ bậc ba, giống như từ "những người nhỏ bé" hay "đứa trẻ nhỏ" áp dụng cho điểm đạo đồ bậc một hoặc bậc hai. Người thanh niên giàu có này giàu có trong phạm vi nhận thức, giàu có trong phẩm chất phàm ngã, giàu có trong khát vọng và sự nhận biết; y giàu có nhờ vào kinh nghiệm trường kỳ và sự phát triển tiến hóa. Đức Christ đã bảo y rằng y cần phải chuẩn bị cho điều được gọi trong Quy Luật V là "Tam nguyên tỏa sáng"; y cần phải chuẩn bị cho sự khai mở của tâm thức chân thần và cho lần điểm đạo thứ tư. Trong lần điểm đạo đó, thể nguyên nhân, thể trong đó linh hồn trải nghiệm và thu hoạch quả của kinh nghiệm, phải và sẽ bị hủy diệt. Điều này phải diễn ra trước khi điểm đạo đồ có thể bước vào Hội Đồng của Đấng Tối Cao và biểu hiện ý chí thiện lành và ý chí của Thượng đế nhằm thực hiện các mục đích của Thượng đế. Ý chí của "người thanh niên giàu có" này, dù y là một điểm đạo đồ, vẫn chưa đủ để đáp ứng các yêu cầu, nên y buồn bã ra đi; y cần phải chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ tư, Đại Sự Từ Bỏ, Sự Đóng Đinh, và nhờ đó thích hợp để vượt qua "lỗ kim".

ordinarily explained by theology it is indeed a most ridiculous statement, for it seems to imply that no man who is rich can be good, or can ever attain to a place in heaven. The orthodox profess to understand it in this sense, and yet it seems that even they must see how ridiculous is the supposition; for we do not observe that the vast majority of them make haste to get rid of riches and become poor in order to qualify for this entry into heaven. But when we understand that the Kingdom of Heaven means the brotherhood of the initiated, we instantly comprehend that the inevitable preoccupation and trouble connected with the due administration of great wealth is a serious obstacle in the way of the candidate for the shorter and steeper path, and we realize fully then the wisdom of the advice given by the great teacher, “Sell all that thou hast and give to the poor, and come and follow me.”

một tuyên bố lố bịch, vì nó dường như ám chỉ rằng không ai giàu có có thể tốt hoặc có thể đạt được một vị trí trên thiên đàng. Những người theo đạo chính thống giả vờ hiểu câu nói này theo nghĩa đó, nhưng dường như ngay cả họ cũng phải thấy sự phi lý của giả định này; vì chúng ta không thấy rằng phần lớn trong số họ vội vàng từ bỏ của cải và trở nên nghèo để đủ điều kiện vào thiên đàng. Nhưng khi chúng ta hiểu rằng Vương quốc Thiên Đàng có nghĩa là huynh đệ đoàn của những người đã được điểm đạo, chúng ta lập tức hiểu rằng sự bận tâm và khó khăn không thể tránh khỏi trong việc quản lý tài sản lớn là một trở ngại nghiêm trọng đối với ứng viên cho con đường ngắn hơn và dốc đứng hơn, và chúng ta hoàn toàn nhận ra sự khôn ngoan trong lời khuyên của vị thầy vĩ đại: "Hãy bán hết những gì ngươi có và cho người nghèo, rồi đến theo Ta."

Another passage indicating the same knowledge of technical terms on the part of the Christ occurs in the seventh chapter of the gospel according to St. Matthew where he utters that remarkable verse, “Give not that which is holy to the dogs; neither cast ye your pearls before swine.” In the present day we would consider such epithets when applied to human beings as rude [43] and improper; but it must be remembered once more that these were simply technical terms indicating those who stood outside or beneath a certain level. The ordinary theologian must find considerable difficulty in explaining to himself the use of such language by the Christ; but when we understand the real nature of these terms the words become at once explicable.

Một đoạn khác cho thấy kiến thức của Đức Christ về các thuật ngữ kỹ thuật xuất hiện trong chương bảy của Phúc Âm theo Thánh Matthew, nơi Ngài thốt ra câu đáng chú ý: "Đừng trao những gì thánh thiện cho chó; cũng đừng ném ngọc trai của các ngươi trước lợn." Ngày nay, chúng ta sẽ coi những từ ngữ này khi áp dụng cho con người là thô lỗ và không thích hợp; nhưng cần phải nhớ rằng đây chỉ là những thuật ngữ kỹ thuật ám chỉ những người đứng ngoài hoặc dưới một mức độ nào đó. Nhà thần học thông thường chắc chắn sẽ gặp khó khăn lớn trong việc giải thích cho bản thân sự sử dụng ngôn ngữ như vậy bởi Đức Christ; nhưng khi chúng ta hiểu bản chất thực sự của những thuật ngữ này, những lời nói đó lập tức trở nên có thể giải thích được.

St. Paul the Initiate.—Thánh Paul, Vị Điểm đạo đồ.

When we turn from the words of Jesus himself to those of St. Paul we shall find that his writings also are permeated with occult teaching, with references to the Mysteries which lie behind the outer teaching, and with the technical terms which are well known in connection with them. Any one who will take the trouble to read the second and third chapters of the First Epistle to the Corinthians will see clearly that this is so when once his attention has been drawn to the real interpretation of the words. Once more he refers to the degree of perfection, and to the instruction which can be given only to those who have attained that degree; he says: "We speak wisdom among them that are perfect." And again, "We speak the wisdom of God in a mystery, the hidden wisdom which God ordained before the world began, which none of the princes of this world know." This last statement itself should be enough to prove to any fair-minded student the existence of the inner teaching of the Church, since it would be obviously and flagrantly false if it were made of any of the ordinary Christian doctrine such as appears in the scriptures; for that was undoubtedly within the reach of the princes of this world then just as now. Sometimes people have tried to refer these remarks as to mysteries to the Holy Communion, which was celebrated only in the presence of those who were members [44] of the church. Yet it is evident that that could not be the meaning in this case, because further examination of this same epistle will show that the Corinthians to whom St. Paul was writing were already full members of the church and were in the habit of celebrating the Eucharist. Yet in spite of this he speaks to them as babes in Christ, and says that he can give them only the milk of the earlier teaching. Obviously, therefore, this mystery unknown to all was not the

Khi chúng ta chuyển từ những lời của chính Đức Jesus sang lời của Thánh Phaolô, chúng ta sẽ thấy rằng các tác phẩm của Ông cũng thấm nhuần với các giáo lý huyền bí, với các tham chiếu đến các Bí Nhiệm nằm sau những giáo lý bên ngoài, và với các thuật ngữ chuyên môn quen thuộc liên quan đến chúng. Bất kỳ ai dành thời gian đọc các chương hai và ba của Thư Thứ Nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô sẽ thấy rõ điều này khi một lần sự chú ý của họ đã được hướng tới cách giải thích thực sự của các lời này. Một lần nữa, Ông đề cập đến cấp độ hoàn hảo, và việc chỉ có thể truyền dạy cho những người đã đạt đến cấp độ đó; Ông nói: "Chúng tôi giảng minh triết giữa những người trọn lành." Và thêm nữa, "Chúng tôi giảng sự minh triết của Đức Chúa Trời trong một sự huyền bí, sự khôn ngoan ẩn giấu mà Đức Chúa Trời đã định trước khi thế giới bắt đầu, mà không một vị vua chúa nào của thế gian này biết đến." Chính tuyên bố cuối cùng này đủ để chứng minh cho bất kỳ học giả công bằng nào về sự tồn tại của giáo lý bên trong của Giáo hội, bởi vì điều đó sẽ rõ ràng và quá hiển nhiên là sai nếu nó áp dụng cho bất kỳ giáo lý Kitô giáo thông thường nào xuất hiện trong kinh thánh; bởi vì điều đó chắc chắn nằm trong tầm tay của các vua chúa thế gian lúc bấy giờ cũng như hiện nay. Đôi khi, người ta đã cố gắng cho rằng những nhận xét này về Bí Nhiệm ám chỉ đến Lễ Thánh Thể, vốn chỉ được cử hành trước sự hiện diện của những người là thành viên của giáo hội. Tuy nhiên, rõ ràng rằng đó không thể là ý nghĩa trong trường hợp này, vì việc nghiên cứu thêm cùng bức thư này sẽ cho thấy rằng những tín hữu Cô-rinh-tô mà Thánh Phaolô đang viết đã là thành viên đầy đủ của giáo hội và thường xuyên cử hành Thánh Thể. Dù vậy, Ông vẫn gọi họ là những trẻ sơ sinh trong Đấng Christ, và nói rằng Ông chỉ có thể cho họ uống sữa của giáo lý ban đầu. Vì vậy, rõ ràng, Bí Nhiệm này mà không ai biết đến không phải

celebration of the Holy Communion. Indeed, much of the language which the apostle himself uses could scarcely be applied in this sense, for he speaks again and again of "The deep things of God, which the Holy Ghost teaches; the hidden wisdom, and the wisdom of God in a mystery." Many other technical terms he employs, as, for example, when he speaks of himself as a master-builder and a steward of the mysteries of God.

là Lễ Thánh Thể. Thật ra, nhiều ngôn ngữ mà chính vị tông đồ này sử dụng khó có thể áp dụng theo nghĩa đó, bởi vì Ông lặp đi lặp lại về "Những điều sâu nhiệm của Đức Chúa Trời, mà Thánh Linh dạy; sự khôn ngoan ẩn giấu, và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trong một sự huyền bí." Ông còn sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn khác, ví dụ khi Ông nói về chính mình như một "thợ xây bậc thầy" và một "người quản lý các Bí Nhiệm của Đức Chúa Trời."

Another passage which shows this is to be found in the third chapter of his epistle to the Phillippians, in which he describes himself as "striving if by any means he might attain unto the resurrection of the dead." What can this resurrection have been to which he, the great apostle, found it necessary to strive in order that he might attain? Clearly it could not be what is ordinarily understood by that term, for the rising again from the dead at the last day is to happen to all people, good and bad alike; there could be no necessity to make any effort in order to gain that. What he is striving to attain is undoubtedly that initiation to which we have already referred—the initiation which liberates a man from life and death alike, which raises him above the necessity of further incarnation upon earth. We shall notice that a few verses later on he urges "as many as be perfect" to strive as he is striving; he does not give this advice to the ordinary member of the church, because he knows that for him this is not yet possible. [45]

Một đoạn khác thể hiện điều này được tìm thấy trong chương ba của bức thư gửi tín hữu Phi-líp, trong đó Ông mô tả mình là "nỗ lực hết sức để có thể đạt đến sự phục sinh từ cõi chết." Sự phục sinh nào có thể là điều mà Ông, vị tông đồ vĩ đại, cần phải nỗ lực để đạt được? Rõ ràng điều này không thể là điều thường được hiểu theo thuật ngữ đó, vì sự phục sinh từ cõi chết vào ngày cuối cùng sẽ xảy ra với tất cả mọi người, cả người tốt lẫn kẻ xấu; không cần phải nỗ lực nào để đạt được điều đó. Điều mà Ông đang cố gắng đạt đến chắc chắn là sự điểm đạo mà chúng ta đã đề cập—sự điểm đạo giải phóng con người khỏi cả sự sống và sự chết, đưa Ông vượt lên trên sự cần thiết của việc tái sinh trên trái đất. Chúng ta sẽ nhận thấy rằng chỉ vài câu sau đó Ông khuyên "những ai đã hoàn hảo" hãy cố gắng như Ông đang cố gắng; Ông không đưa ra lời khuyên này cho thành viên thông thường của giáo hội, bởi vì Ông biết rằng điều đó đối với họ vẫn chưa thể thực hiện được. [45]

Many other quotations bearing a similar interpretation might be given from the writings of St.Paul; but let us pass on now to those who are called the Fathers of the Church —the writers who immediately followed the apostolic period. We shall find that they know well what St. Paul meant when he spoke so frequently of the Mysteries, for they

Nhiều trích dẫn khác có thể được đưa ra từ các tác phẩm của Thánh Phaolô với cách giải thích tương tự; nhưng bây giờ chúng ta hãy chuyển sang những người được gọi là các Giáo Phụ của Giáo hội—những nhà văn theo ngay sau thời kỳ tông đồ. Chúng ta sẽ thấy rằng họ biết rõ Thánh Phaolô muốn nói gì khi Ông thường xuyên đề cập đến các Bí Nhiệm, vì chính họ

themselves often use exactly the same terms in referring to them. For example, one of the earliest and greatest of them, St. Clement of Alexandria, borrows verbatim from a Neo-Pythagorean document a whole sentence to the effect that "It is not lawful to reveal to profane persons the Mysteries of the Word." This last term is the translation of the Greek "Logos," and in this sentence he inserts that word in the place of the Eleusinian goddesses who are mentioned in the original document.

cũng thường sử dụng chính xác các thuật ngữ tương tự khi nói về chúng. Ví dụ, một trong những người sớm nhất và vĩ đại nhất trong số họ, Thánh Clement của Alexandria, đã trích dẫn nguyên văn từ một tài liệu của Tân Pythagoras một câu trọn vẹn rằng "Không được phép tiết lộ các Bí Nhiệm của Ngôi Lời cho những người phàm tục." Thuật ngữ cuối cùng này là bản dịch của từ Hy Lạp "Logos," và trong câu này Ông đã chèn từ đó vào thay cho các nữ thần Eleusinian được đề cập trong tài liệu gốc.

The Three Stages of the Church—Ba Giai đoạn của Giáo Hội

In these days the church considers it her highest glory that she has produced the saint, and she points to the roll of her saints as a proof of the truth and the result of her teaching. Yet in these early days this, which now seems the final goal of her effort, was only an introduction to it. Then she had three great order or degrees, through which her children had to pass; and these were called respectively Purification, Illumination, and Perfection. Now she devotes herself solely to producing good men, and she points to the saint as her crowning glory and achievement; but in those days when she had made a man a saint her work with him was only just beginning, for then only was he fitted for the training and the teaching which she could give him then, but cannot now, [46] because she has forgotten her ancient knowledge. Her Purification led the man to saintship; her Illumination then gave him the knowledge which was taught in the Mysteries, and this led him up towards the condition of Perfection and of unity with the Divine. Now she contents herself with the preliminary Purification, and has no Illumination to give.

Ngày nay, Giáo hội xem việc sản sinh ra các thánh nhân là niềm vinh quang cao nhất của mình, và Giáo hội chỉ vào danh sách các vị thánh của mình như một bằng chứng cho sự thật và kết quả của giáo lý của Giáo hội. Tuy nhiên, vào những ngày đầu tiên, điều mà ngày nay dường như là mục tiêu cuối cùng của nỗ lực của Giáo hội chỉ là một bước khởi đầu. Khi đó, Giáo hội có ba cấp bậc lớn hoặc ba giai đoạn mà các tín đồ phải trải qua; và chúng lần lượt được gọi là Thanh Tẩy, Soi Sáng, và Hoàn Thiện. Ngày nay, Giáo hội chỉ tập trung vào việc tạo ra những con người tốt, và Giáo hội xem việc tạo nên các vị thánh là niềm tự hào và thành tựu cao nhất của mình; nhưng vào những ngày xưa, khi Giáo hội đã giúp một người trở thành thánh nhân, công việc của Giáo hội với người đó chỉ mới bắt đầu, vì chỉ lúc đó người ấy mới phù hợp cho sự huấn luyện và giáo lý mà Giáo hội có thể trao truyền lúc bấy giờ, nhưng hiện nay không thể, [46] bởi vì Giáo hội đã quên đi tri thức cổ xưa của mình. Sự Thanh Tẩy của Giáo hội đã dẫn người đó đến việc trở thành thánh nhân; sự Soi Sáng của Giáo hội sau đó ban cho người ấy tri thức đã được giảng dạy trong các Bí Nhiệm, và điều này đã dẫn dắt người đó đến trạng thái Hoàn Thiện và hợp nhất với Thiêng Liêng. Ngày nay,

Giáo hội chỉ dừng lại ở bước Thanh Tẩy sơ khởi, và không còn sự Soi Sáng để ban trao.

St. Clement of Alexandria—Thánh Clement Thành Alexandria

Read what St. Clement says on this subject, as quoted in The Christian Platonists of Alexandria by Dr. C. Bigg, p.62. "Purity is only a negative state, valuable chiefly as the condition of insight. He who has been purified in baptism and then initiated into the little Mysteries (has acquired, that is to say, the habits of self-control and reflection), becomes ripe for the greater Mysteries, for Epopteia or Gnosis, the scientific knowledge of God." This latter is a startling claim to make from the modern orthodox point of view; I imagine that few preachers at the present day would claim to have the scientific knowledge of God, or even to know in the least what such an expression meant. Yet there it stands in the writing of one of the earliest and greatest of the Church Fathers. We have only to examine the Theosophical teaching to see exactly what he meant, to understand (so far as the intellect of man can at present understand) what is meant by the doctrine of the Trinity, of the incarnation of Christ, and his dwelling within the heart of man. The scientific knowledge of God is still within the reach of the earnest and reverent student; it is no mere form of words, but a glowing and definite fact.

Hãy đọc những gì Thánh Clement nói về chủ đề này, được trích dẫn trong cuốn *Những Nhà Tân-Platô của Alexandria* bởi Tiến sĩ C. Bigg, trang 62. "Sự thuần khiết chỉ là một trạng thái tiêu cực, chủ yếu có giá trị như là điều kiện cho sự thấu hiểu. Người đã được thanh tẩy trong phép báp têm và sau đó được điểm đạo vào các Tiểu Bí Nhiệm (tức là đã rèn luyện được thói quen tự kiểm soát và suy ngẫm), trở nên chín muồi cho các Đại Bí Nhiệm, cho Epopteia hoặc Gnosis, tri thức khoa học về Thượng Đế." Tuyên bố này quả là gây ngạc nhiên khi nhìn từ quan điểm chính thống hiện đại; tôi hình dung rằng ít có nhà giảng đạo nào ngày nay sẽ tuyên bố rằng họ có tri thức khoa học về Thượng Đế, hoặc thậm chí hiểu chút ít ý nghĩa của cụm từ này. Thế nhưng, điều đó vẫn tồn tại trong các tác phẩm của một trong những Giáo Phụ đầu tiên và vĩ đại nhất của Giáo hội. Chúng ta chỉ cần nghiên cứu giáo lý Thông Thiên Học để thấy chính xác điều Ông muốn nói, để hiểu (trong chừng mực trí tuệ của con người có thể hiểu được hiện nay) ý nghĩa của giáo lý về Ba Ngôi, về sự nhập thể của Đấng Christ, và việc Ngài cư ngụ trong trái tim của con người. Tri thức khoa học về Thượng Đế vẫn trong tầm tay của những học giả thành tâm và tôn kính; đó không chỉ là những lời rỗng tuếch, mà là một thực tế rõ ràng và rực rỡ.

How highly St. Clement valued this transcendent knowledge may be seen by another quotation from his writing given in *Christian Mysticism*, by W. R. Inge, [47] page 86. "Knowledge, " says Clement, "is more than faith, Faith is a summary knowledge of urgent truths, suitable for people who are in a hurry; but knowledge is scientific faith. If the Gnostic

Thánh Clement đã đánh giá cao tri thức siêu việt này đến mức nào có thể thấy qua một trích dẫn khác từ tác phẩm của Ông, được đưa ra trong cuốn *Thần Bí Học Kitô Giáo* của W. R. Inge, [47] trang 86. Thánh Clement nói: "Tri thức vượt trội hơn đức tin, Đức tin là tri thức tóm lược về những chân lý cấp bách, thích hợp cho những người đang vội vã; nhưng tri thức

(the philosophical Christian) had to choose between the knowledge of God and eternal salvation, and it were possible to separate two things so inseparably connected, he would choose without the slightest hesitation the knowledge of God." That surely is a sufficiently clear statement. Evidently St. Clement thought that faith was only for those who had not time to go into the study of the definite science themselves; they had to be content with accepting its magnificent truths on faith, just as is the case with ourselves with regard to any of the physical-plane sciences of the present day. If each man had a life of leisure, no doubt he could take up chemistry or astronomy and study it at first-hand for himself; if he has no time to do this, he thankfully accepts the conclusions at which those arrive who have studied it. When we come to this great science of life which is called religion, such acceptance of the result of the investigation of others is spoken of as faith; but assuredly, as St. Clement says, direct knowledge is infinitely better.

là đức tin mang tính khoa học. Nếu người Gnostist (Kitô hữu triết học) phải chọn giữa tri thức về Thượng Đế và sự cứu rỗi vĩnh cửu, và nếu có thể tách biệt hai điều này vốn không thể tách rời, người ấy sẽ không chút do dự chọn tri thức về Thượng Đế." Điều đó chắc chắn là một tuyên bố rõ ràng. Rõ ràng, Thánh Clement nghĩ rằng đức tin chỉ dành cho những người không có thời gian để đi sâu vào nghiên cứu khoa học xác định; họ phải hài lòng với việc chấp nhận những chân lý vĩ đại đó bằng đức tin, giống như cách chúng ta chấp nhận bất kỳ môn khoa học vật lý nào ngày nay. Nếu mỗi người đều có một cuộc sống nhàn rỗi, chắc chắn họ có thể học hóa học hoặc thiên văn học và tự mình nghiên cứu chúng từ đầu; nếu họ không có thời gian để làm điều đó, họ chấp nhận một cách biết ơn những kết luận của những người đã nghiên cứu. Khi chúng ta đến với môn khoa học lớn lao về sự sống, được gọi là tôn giáo, sự chấp nhận kết quả nghiên cứu của người khác được gọi là đức tin; nhưng chắc chắn, như Thánh Clement nói, tri thức trực tiếp tốt hơn vô hạn.

The idea that man is capable of attaining this perfection, or deification as it is often called in the writings of the Fathers, would probably be considered sacrilegious by many of our modern theological writers, yet it was clearly held by the early Fathers, and they knew its attainment to be a possibility. Professor Harnack remarks that "deification was the idea of salvation taught in the Mysteries"; and again "after Theophilus, Irenaeus, Hippolytus, and Origen, the idea of deification is found in all the Fathers of the ancient church, and that in a primary position. We have it in Athanasius, the Cappadocians, Apollinarius, Ephraem Syrus, Epiphanius, and others, as also in Cyril, Sophronius, and later Greek and Russian theologians." [48]

Ý tưởng rằng con người có khả năng đạt được sự hoàn thiện này, hay thường được gọi là sự thần hóa trong các tác phẩm của các Giáo Phụ, có lẽ sẽ bị coi là báng bổ bởi nhiều nhà văn thần học hiện đại của chúng ta, nhưng điều đó rõ ràng đã được các Giáo Phụ đầu tiên chấp nhận, và họ biết rằng việc đạt được điều đó là một khả năng. Giáo sư Harnack nhận xét rằng "sự thần hóa là ý tưởng về sự cứu rỗi được giảng dạy trong các Bí Nhiệm"; và một lần nữa, "sau Theophilus, Irenaeus, Hippolytus, và Origen, ý tưởng về sự thần hóa xuất hiện trong tất cả các Giáo Phụ của giáo hội cổ đại, và giữ một vị trí quan trọng. Chúng ta thấy điều đó trong Athanasius, các nhà Cappadocia, Apollinarius, Ephraem Syrus, Epiphanius, và những người khác, cũng như trong Cyril, Sophronius, và các nhà thần học Hy Lạp và Nga sau này." [48]

What Origen Says—Origen Đã Nói Gì?

The most celebrated pupil of St. Clement was the far-famed Origen—perhaps the most brilliant and learned of all the Ecclesiastical Fathers. He also asserts the existence of the secret teaching of the Church, for in his celebrated controversy with Celsus he states definitely that the system of exoteric and esoteric teaching which was in general use among philosophers was also adopted in Christianity. He also speaks plainly with regard to the difference between the ignorant faith of the undeveloped multitude and the higher and reasonable faith which is founded upon definite knowledge. He draws a distinction between "the popular irrational faith" which leads to what he calls "somatic Christianity" (that is to say, the merely physical form of the religion) and the "spiritual Christianity" offered by the Gnosis or wisdom. He makes perfectly clear that by "somatic Christianity" he means that faith which is based on the gospel history. Of a teaching founded upon this historical narrative he says "what better method could be devised to assist the masses?" In Mr. Inge's book mentioned above (p.89) he is quoted as teaching that "the Gnostic or sage no longer needs the crucified Christ. The eternal or spiritual gospel which is his possession shows clearly all things concerning the Son of God himself, both the Mysteries shown by his words and the things of which his acts were the symbols. It is not that Origen denies or doubts the truth of the gospel history, but he feels that events which happened only once can be of no importance, and regards the life, death, and resurrection of Jesus [49] as only one manifestation of a universal law, which was really enacted, not in this fleeting world of shadows, but in the eternal counsels of the Most High. He considers that those who are

Môn sinh nổi tiếng nhất của Thánh Clement là Origen lừng danh—có lẽ là người tài giỏi và uyên bác nhất trong số các Giáo Phụ của Giáo hội. Ông cũng khẳng định sự tồn tại của giáo lý bí truyền của Giáo hội, bởi trong cuộc tranh luận nổi tiếng của Ông với Celsus, Ông tuyên bố rõ ràng rằng hệ thống giáo lý ngoại môn và nội môn, vốn phổ biến trong triết học, cũng đã được áp dụng trong Kitô giáo. Ông cũng nói rõ về sự khác biệt giữa đức tin vô tri của đám đông chưa phát triển và đức tin cao hơn, hợp lý hơn, dựa trên tri thức xác định. Ông phân biệt giữa "đức tin phi lý của quần chúng" dẫn đến điều Ông gọi là "Kitô giáo thể xác" (tức là hình thức tôn giáo chỉ mang tính vật chất) và "Kitô giáo tinh thần" được mang lại bởi Gnosis hay Minh Triết. Ông làm rõ ràng rằng "Kitô giáo thể xác" nghĩa là đức tin dựa trên câu chuyện Phúc Âm. Về một giáo lý dựa trên câu chuyện lịch sử này, Ông nói: "có phương pháp nào tốt hơn để giúp đỡ quần chúng?" Trong cuốn sách của Ông Inge đã đề cập trước đó (trang 89), Origen được trích dẫn rằng "Người Gnostic hay hiền triết không còn cần đến Đức Christ bị đóng đinh nữa. Phúc Âm vĩnh cửu hay tinh thần mà người ấy sở hữu cho thấy rõ ràng mọi điều liên quan đến chính Con Thiên Chúa, cả những Bí Nhiệm được thể hiện qua lời Ngài và những điều mà hành động của Ngài là biểu tượng." Điều này không có nghĩa là Origen phủ nhận hay nghi ngờ tính xác thực của câu chuyện Phúc Âm, nhưng Ông cảm thấy rằng các sự kiện chỉ xảy ra một lần không có tầm quan trọng, và coi cuộc sống, cái chết, và sự phục sinh của Đức Jesus [49] chỉ là một biểu hiện của một định luật phổ quát, vốn thực sự diễn ra, không phải trong thế giới bóng tối tạm thời này, mà trong những kế hoạch vĩnh cửu của Đấng Tối Cao. Ông cho rằng những ai đã hoàn toàn thuyết phục về các chân lý phổ quát được bày tỏ qua sự nhập thể và sự chuộc

thoroughly convinced of the universal truths revealed by the incarnation and the atonement need trouble themselves no more about their particular manifestations in time."

tội thì không cần phải bận tâm nữa về những biểu hiện cụ thể của chúng trong thời gian."

Here then we see distinct and repeated references to the hidden teaching, greater far than anything known to the Church of the present day, and carrying those who study it to a much higher level than is ever now attained by the disciples of orthodoxy. What has become of this magnificent heritage of Christianity? Why was this wonderful wisdom lost, and how can it be regained? Happily it has not been lost. The great Gnostic doctors, who taught it so poetically, were cast out of the church as heretics by the vote of the ignorant majority, who would not include within their scheme of religion anything which was beyond their comprehension, anything which took years of trouble and study to learn. Yet something of the Gnostic teaching has been preserved; the orthodox endeavoured with pious fury to destroy all traces of it, yet here and there a book has been discovered—kept perhaps until these later days among those who are commonly called savages, and yet have proved less savage than the orthodox defenders of the faith.

Như vậy, ở đây chúng ta thấy những tham chiếu rõ ràng và lặp đi lặp lại đến giáo lý ẩn giấu, vượt xa bất kỳ điều gì mà Giáo hội ngày nay biết đến, và đưa những người nghiên cứu nó lên một cấp độ cao hơn nhiều so với những gì mà các môn đồ của chính thống đạt được hiện nay. Di sản vĩ đại này của Kitô giáo đã biến đi đâu? Tại sao sự minh triết tuyệt vời này bị mất đi, và làm thế nào để nó có thể được khôi phục? May mắn thay, nó chưa bị mất. Các nhà bác học Gnostist vĩ đại, những người đã giảng dạy nó một cách đầy chất thơ, đã bị loại khỏi Giáo hội với danh nghĩa là dị giáo bởi sự bỏ phiếu của đa số thiếu hiểu biết, những người không muốn đưa vào tôn giáo của họ bất cứ điều gì vượt quá tầm hiểu biết của họ, bất cứ điều gì cần nhiều năm học tập và nghiên cứu để hiểu được. Tuy nhiên, một phần của giáo lý Gnostic đã được lưu giữ; những người chính thống đã cố gắng phá hủy tất cả dấu vết của nó với sự cuồng tín tôn giáo, nhưng ở đây và ở đó, một cuốn sách đã được phát hiện—có lẽ được giữ gìn cho đến ngày nay bởi những người thường được gọi là "man di", nhưng thực tế lại ít man rợ hơn những người chính thống bảo vệ đức tin.

In that way we are slowly coming to know something of those splendid teachings, and we find them, as the occult student would naturally expect, to be precisely the same truths which Theosophy is now placing once more before the Western world. Those who are interested in the study of this particular side of the doctrine of the wisdom-religion cannot approach it better than through the writings of Mr. G.R.S. Mead of London, the most [50] Scholarly of our Theosophical

Theo cách đó, chúng ta đang dần hiểu thêm về những giáo lý tuyệt vời đó, và chúng ta thấy chúng, như học giả huyền bí có thể mong đợi, chính xác là những chân lý mà Thông Thiên Học hiện nay đang một lần nữa đặt ra trước thế giới phương Tây. Những ai quan tâm đến việc nghiên cứu khía cạnh đặc biệt này của giáo lý tôn giáo minh triết không thể bắt đầu tốt hơn qua các tác phẩm của Ông G.R.S. Mead ở London, một trong những tác giả Thông Thiên Học uyên bác nhất của chúng ta. Ông đã

authors. He has spent many years in a careful study of the strange medley of faiths and opinions which gather round the cradle of Christendom, and his writings show us clearly how this Christian religion arose quite naturally and logically out of the faiths of the period just proceeding its birth. He makes it abundantly evident that this is not a revelation from on high, no new statement of additional fact, but simply a perfectly natural result of what has gone before it. Any one wishing to understand what Christianity really is, what its teaching truly mean, and what is its part in the great life of the world, cannot do better than commence by a thoughtful study of Mr. Mead's works.

dành nhiều năm nghiên cứu kỹ lưỡng về sự pha trộn kỳ lạ của các đức tin và quan điểm xung quanh cái nôi của Kitô giáo, và các tác phẩm của Ông cho chúng ta thấy rõ ràng cách mà tôn giáo Kitô giáo này đã nảy sinh một cách hoàn toàn tự nhiên và logic từ các đức tin của thời kỳ ngay trước khi nó ra đời. Ông đã làm rõ ràng rằng đây không phải là một sự mặc khải từ trên cao, không phải là một tuyên bố mới về sự thật bổ sung, mà đơn giản chỉ là một kết quả hoàn toàn tự nhiên của những gì đã có trước đó. Bất kỳ ai muốn hiểu Kitô giáo thực sự là gì, giáo lý của nó thực sự có nghĩa gì, và vai trò của nó trong cuộc sống vĩ đại của thế giới là gì, không thể làm tốt hơn ngoài việc bắt đầu bằng một nghiên cứu sâu sắc về các tác phẩm của Ông Mead.

Theosophy Explains—Thông Thiên Học Giải Thích

Meantime it needs not even so much study as is involved in that enquiry to convince any open-minded person that Theosophy holds the solution to all the problems connected with the Christian doctrine. Take, for example, the great dogma of the Trinity, which as originally stated seems so incomprehensible and meaningless. Invoke the aid of a Theosophical diagram such as that which is given in the last edition of my own little book upon The Christian Creed, and at once the obscurity will be lit up as by sunlight, and it will be seen that the strange and apparently incomprehensible statements have an obvious meaning which is full of interest and vividly clear. Read, for example, the Athanasian Creed; by the light of the Theosophical diagrams its sentences, hitherto so little comprehended, will be seen to be luminous and crystal clear; so that the very formula which has been cast aside by multitudes as hopelessly unintelligible now stands forth [51] as perhaps the strongest and

Trong lúc chờ đợi, không cần đến quá nhiều nghiên cứu như yêu cầu trong cuộc tìm hiểu đó để thuyết phục bất kỳ người cởi mở nào rằng Thông Thiên Học nắm giữ giải pháp cho tất cả các vấn đề liên quan đến giáo lý Cơ Đốc. Lấy ví dụ, giáo điều vĩ đại về Ba Ngôi, vốn ban đầu dường như khó hiểu và vô nghĩa. Hãy nhờ đến sự trợ giúp của một sơ đồ Thông Thiên Học, chẳng hạn như sơ đồ được đưa ra trong ấn bản cuối cùng của cuốn sách nhỏ của tôi về Tín điều Cơ Đốc, và ngay lập tức sự mờ mịt sẽ được thắp sáng như dưới ánh mặt trời, và người ta sẽ thấy rằng những tuyên bố kỳ lạ và dường như khó hiểu này lại mang một ý nghĩa rõ ràng, đầy thú vị và sống động. Hãy đọc, chẳng hạn, Tín điều Athanasian; dưới ánh sáng của các sơ đồ Thông Thiên Học, các câu văn trước đây ít được hiểu sẽ trở nên sáng sủa và trong suốt như pha lê; nhờ đó, công thức mà nhiều người đã bỏ qua vì không thể hiểu nổi giờ đây xuất hiện như có thể là tuyên bố mạnh mẽ và vĩ đại nhất về bản chất và quyền năng của Thượng Đế mà từng được diễn đạt bằng ngôn

grandest statement as to the nature and the power of God that has ever been put into words. The so-called damnatory clauses, to which so much exception has been taken, fall into their places and are at once seen to be free from all objection, when once their real meaning has been understood.

từ. Những đoạn văn bị gọi là lời nguyền rủa, mà đã bị phản đối rất nhiều, sẽ tự tìm được vị trí của chúng và ngay lập tức được nhận thấy là không có điều gì gây phản đối khi ý nghĩa thực sự của chúng được hiểu rõ.

There is no other way of rendering a great deal of this older teaching intelligible at all; unless we are prepared to accept the Theosophical explanation of them, we must resign all hope of finding any rational meaning at the back of these great symbols of one of the world faiths. But the Theosophical teaching introduces order into the chaos; it at once enables us to sift out these dogmas which are expressions of universal truth from the accretions with which the uncomprehending theology of the ignorant monks has surrounded them. The same thing is true with many of the other dogmas of the church; not only is the mighty doctrine of the Trinity made clear, but salvation, conversion, regeneration, sanctification—all these are explained, and from the Theosophical standpoint they are no longer mere names with a vague mist of uncertainty surrounding them, but definite and real facts, which are all parts of a coherent system. To understand these the student should read Mrs. Besant's great book Esoteric Christianity, which will throw a flood of light for him upon much that has been dark before. Best of all, it will show him that Christianity in no way contradicts the other great faiths of the world—that they are all alike efforts to state the same great truth, the truth that lies behind them all—this Divine Wisdom which in modern days we call Theosophy.

Không có cách nào khác để làm cho phần lớn các giáo lý cổ xưa này trở nên dễ hiểu; trừ khi chúng ta sẵn sàng chấp nhận cách giải thích Thông Thiên Học về chúng, chúng ta sẽ phải từ bỏ mọi hy vọng về việc tìm ra bất kỳ ý nghĩa hợp lý nào đằng sau những biểu tượng vĩ đại của một trong các tôn giáo lớn trên thế giới. Nhưng giáo lý Thông Thiên Học mang lại trật tự cho sự hỗn loạn; nó ngay lập tức giúp chúng ta lọc ra những giáo điều là biểu hiện của chân lý phổ quát từ những sự tích lũy mà thần học không hiểu biết của các tu sĩ đã bao bọc quanh chúng. Điều này cũng đúng với nhiều giáo điều khác của giáo hội; không chỉ giáo lý vĩ đại về Ba Ngôi được làm sáng tỏ, mà cả sự cứu rỗi, hoán cải, tái sinh và thánh hóa—tất cả những điều này đều được giải thích, và từ quan điểm Thông Thiên Học, chúng không còn chỉ là những cái tên với một làn sương mờ của sự không chắc chắn bao quanh, mà trở thành những sự thật rõ ràng và thực tế, tất cả đều là một phần của một hệ thống nhất quán. Để hiểu những điều này, người học nên đọc cuốn sách vĩ đại Cơ Đốc Giáo Nội Môn của bà Besant, cuốn sách sẽ chiếu rọi một ánh sáng rực rỡ lên nhiều điều mà trước đây vẫn còn tối tăm. Quan trọng nhất, nó sẽ chỉ cho họ thấy rằng Cơ Đốc giáo không hề mâu thuẫn với các tôn giáo lớn khác trên thế giới—rằng tất cả chúng đều là những nỗ lực để trình bày cùng một chân lý vĩ đại, chân lý nằm sau tất cả chúng—chính Minh Triết Thiêng Liêng mà ngày nay chúng ta gọi là Thông Thiên Học.

To the earnest Christian who has in some way or other been aroused into thinking about the

Đối với người Cơ Đốc chân thành, người vì lý do nào đó đã bắt đầu suy nghĩ về các giáo lý của

doctrines of the Church, and has therefore [52] naturally been led into doubting them in the form in which they are generally presented, we would strongly recommend the study of the teachings of Theosophy. Many a man who begins to doubt finds himself left without definite basis for any belief, and knows not where to turn for comfort and enlightenment. To such an one our advice would be: "Do not cast aside your religion, but rather try to learn what it really is. Then will be given back to you all that was bright and beautiful and true in the faith of your childhood, but it will be given back to you on a different basis. It will no longer be founded upon authority, whether it be of a book or of a Church; for such belief is always liable to be overthrown if you should find that the book or the Church is not as historically reliable as you had been led to suppose. You will receive back your faith, but founded this time upon the impregnable rock of reason and common-sense, so that the more fully you examine it, the more you will become convinced of its truth and the more you will understand its glory."

Giáo hội, và do đó tự nhiên bị dẫn đến việc nghi ngờ chúng trong hình thức mà chúng thường được trình bày, chúng tôi mạnh mẽ khuyên họ nên nghiên cứu các giáo lý của Thông Thiên Học. Nhiều người bắt đầu nghi ngờ sẽ thấy mình không còn có nền tảng rõ ràng cho bất kỳ niềm tin nào và không biết phải quay về đâu để tìm sự an ủi và giác ngộ. Đối với những người như vậy, lời khuyên của chúng tôi là: "Đừng vứt bỏ tôn giáo của bạn, mà hãy cố gắng học xem nó thực sự là gì. Khi đó, bạn sẽ nhận lại tất cả những gì tươi sáng, đẹp đẽ và chân thật trong đức tin thời thơ ấu của bạn, nhưng nó sẽ được trả lại cho bạn trên một nền tảng khác. Nó sẽ không còn được xây dựng trên quyền lực, dù đó là quyền lực của một cuốn sách hay của một Giáo hội; bởi vì niềm tin như vậy luôn có khả năng bị lật đổ nếu bạn phát hiện ra rằng cuốn sách hoặc Giáo hội không đáng tin cậy về mặt lịch sử như bạn đã từng nghĩ. Bạn sẽ nhận lại đức tin của mình, nhưng lần này nó sẽ được xây dựng trên nền tảng vững chắc của lý trí và sự hiểu biết thông thường, để càng kiểm tra kỹ lưỡng, bạn sẽ càng tin chắc về sự thật của nó và càng hiểu rõ hơn về vinh quang của nó.

The Gospel of Theosophy—Phúc Âm của Thông Thiên Học

In saying this we are speaking not from theory but from experience. To us who have studied Theosophy it has brought all this and more. It has been to us a veritable gospel of good news from on high, which has shown us light where before was darkness, which has made life easier to bear and death easier to face; which has given us, not hope only, but the glorious certainty of future progress. It is for that reason that we put it before you, for that reason that we urge your examination of it. We have no wish to make converts in the ordinary sense of the word. We are not impelled, as is the poor ignorant missionary,

Khi nói điều này, chúng tôi không nói từ lý thuyết mà từ kinh nghiệm. Đối với chúng tôi, những người đã nghiên cứu Thông Thiên Học, nó đã mang lại tất cả điều này và còn nhiều hơn thế nữa. Nó đã là một tin mừng thực sự từ trên cao, soi sáng cho chúng tôi nơi trước đây chỉ có bóng tối, giúp cuộc sống trở nên dễ chịu hơn và cái chết dễ đối mặt hơn; nó không chỉ mang lại cho chúng tôi hy vọng mà còn là sự chắc chắn vinh quang về tiến trình tương lai. Đó là lý do tại sao chúng tôi giới thiệu nó với bạn, và đó là lý do tại sao chúng tôi khuyến khích bạn khám phá nó. Chúng tôi không có mong muốn chuyển đổi bạn theo nghĩa thông

by any theory that, [53] unless we can induce our hearers or readers to believe as we do, there will be for them no way of salvation from the horrors of eternal suffering. We know that every one will attain the final goal of humanity, whether he now believes what we tell him or whether he does not. We know that the progress of every man is certain; but he may make his road easy or he may make it difficult. If he goes on in ignorance he is likely to find it hard and painful; if he learns the truth about life and death, about God and man, and the relation between them, he will understand how to travel so as to make the path easy for himself and also (which is much more important) to be able to lend a helping hand to his fellow-travellers who know less than he. This is what you all may do, and what we hope you will do.

thường của từ này. Chúng tôi không bị thôi thúc, như những nhà truyền giáo thiếu hiểu biết tội nghiệp, bởi bất kỳ lý thuyết nào cho rằng nếu chúng tôi không thuyết phục được người nghe hoặc người đọc tin như chúng tôi, thì họ sẽ không có cách nào thoát khỏi những nỗi kinh hoàng của sự đau khổ đời đời. Chúng tôi biết rằng mọi người đều sẽ đạt đến mục tiêu cuối cùng của nhân loại, cho dù họ có tin những gì chúng tôi nói với họ hay không. Chúng tôi biết rằng sự tiến bộ của mỗi người là chắc chắn; nhưng họ có thể làm cho con đường của mình dễ dàng hoặc họ có thể làm cho nó khó khăn. Nếu họ tiếp tục trong sự thiếu hiểu biết, họ có thể thấy nó khó khăn và đau đớn; nếu họ học được sự thật về sự sống và cái chết, về Thượng Đế và con người, và mối quan hệ giữa họ, họ sẽ hiểu cách đi con đường đó sao cho dễ dàng hơn với chính họ và (quan trọng hơn nhiều) có thể đưa tay giúp đỡ những người bạn đồng hành ít hiểu biết hơn. Đây là điều mà tất cả các bạn có thể làm, và là điều chúng tôi hy vọng các bạn sẽ làm.

We who are Theosophists ask no blind faith from you; we simply put this philosophy before you, and ask you to study it, and we believe that if you do so you will find what we have found—rest and peace and help, and the power to be of use in the world. Above all things we would say to you, not only study the Theosophical truth, but try to live the life which Theosophy recommends to you. Now as in the days of old it still remains true that those who do the will of the Father who is in Heaven, they shall know of the doctrine whether it be true; and so to those who doubt our teaching we would say take it up provisionally, take it as a hypothesis, but live the life which it directs, and then you will see for yourselves whether you are the better or the worse for it.

Chúng tôi, những người theo Thông Thiên Học, không yêu cầu bạn có niềm tin mù quáng; chúng tôi chỉ đơn giản giới thiệu triết lý này cho bạn, và yêu cầu bạn nghiên cứu nó, và chúng tôi tin rằng nếu bạn làm như vậy, bạn sẽ tìm thấy những gì chúng tôi đã tìm thấy—sự an lạc, bình yên, và khả năng trở nên hữu ích trong thế giới này. Trên hết, chúng tôi muốn nói với bạn rằng, không chỉ nghiên cứu sự thật Thông Thiên Học, mà hãy cố gắng sống theo cuộc sống mà Thông Thiên Học khuyến nghị bạn. Giờ đây cũng như thời xưa, điều đó vẫn đúng rằng những ai làm theo ý muốn của Cha trên trời, họ sẽ biết được giáo lý có đúng hay không; và vì thế, với những ai nghi ngờ giáo lý của chúng tôi, chúng tôi sẽ nói rằng hãy tạm thời chấp nhận nó, hãy coi nó như một giả thuyết, nhưng hãy sống theo cuộc sống mà nó chỉ dẫn, rồi bạn sẽ tự thấy liệu mình có tốt hơn hay tệ hơn vì nó.

Try to realize the unity of the brotherhood which it teaches, and to show the unselfishness which it exacts; and then see for yourself whether this is an improvement upon other modes of living or not. Try the unselfishness and the watchful helpfulness, and see whether here is not an opening into new fields of happiness and usefulness. [54]

Hãy cố gắng nhận ra sự hợp nhất của huynh đệ đoàn mà nó giảng dạy, và thể hiện sự vị tha mà nó yêu cầu; và sau đó tự mình xem liệu đây có phải là sự cải thiện so với các lối sống khác hay không. Hãy thử sống không vị kỷ và luôn cảnh giác giúp đỡ, và xem liệu không có một cánh cửa mở ra những cánh đồng mới của hạnh phúc và hữu ích hay không.

We who are studying this know that as yet we are only at the beginning of it; yet we say to you with the utmost confidence: “Come and join us in our study, and to you also will come the peace and the confidence that has come to us, so that through your knowledge of Theosophy your lives will become purer and brighter, and above all things more useful and helpful to your fellowman.” [55]

Chúng tôi, những người đang nghiên cứu điều này, biết rằng chúng tôi chỉ mới ở điểm bắt đầu của nó; tuy nhiên, chúng tôi nói với bạn bằng sự tự tin tuyệt đối: "Hãy đến và tham gia cùng chúng tôi trong việc học tập, và rồi bạn cũng sẽ có được sự bình an và sự tự tin mà chúng tôi đã có, để thông qua kiến thức của bạn về Thông Thiên Học, cuộc sống của bạn sẽ trở nên trong sáng hơn, tươi sáng hơn, và trên hết là hữu ích hơn và hỗ trợ nhiều hơn cho đồng loại của mình."

CHƯƠNG III - Các Bí Nhiệm Cổ Đại

Every nation, every race, every religion has always had its mysteries. But the sense in which we use that word today hardly conveys a fair idea of what it meant in the older time, to which we wish to turn our thoughts this evening. Its true signification is simply that which is hidden; but when we hear of it in connection with religious matters it seems to suggest to us a good deal more than that. We have been brought up along a certain line of religious belief, one of the professions of which is that all of its doctrines lie open to the comprehension of the dullest mind. If this claim were really true, it would be a confession of failure on the part of that religion, for it would mean that it had no teaching to give to the thinking man; but it is not in the least true of primitive Christianity, as I showed in my lecture upon that subject. That had its inner teaching, as is true of every great doctrine, so that it may be useful to all classes of humanity, and not only to one. But the mistaken idea which has been so sedulously impressed upon us leads us to feel a certain distrust for the wiser faiths which meet all needs, and to think of them as unnecessarily hiding part of the truth, or grudging it to the world. In the old days there was no such thought as this; it was recognized that only those who came up to a certain standard of life were fit to receive the higher instruction, and those who wished for it set to work to qualify themselves for it. Now there is a tendency to demand all knowledge without making any effort toward this necessary preparation, and to grumble that it is churlishly held back, [56] because the Great Ones in their wisdom foresee the dangers of placing certain truths before the minds of those who are not ready to grasp them. Knowledge is power, and people must prove their fitness before they will be entrusted with

Mỗi quốc gia, mỗi chủng tộc, mỗi tôn giáo luôn có những Bí Nhiệm của mình. Nhưng ý nghĩa của từ này khi chúng ta sử dụng ngày nay hầu như không truyền đạt được một cách công bằng về những gì mà nó đã mang ý nghĩa trong thời xưa, thời mà chúng ta muốn hướng suy nghĩ đến trong buổi tối hôm nay. Ý nghĩa thực sự của nó đơn giản là những gì bị che giấu; nhưng khi chúng ta nghe nó trong bối cảnh các vấn đề tôn giáo, dường như nó gợi ý cho chúng ta nhiều hơn thế. Chúng ta đã được nuôi dưỡng theo một hướng niềm tin tôn giáo nhất định, một trong những khẳng định của nó là tất cả các giáo lý của nó đều mở ra cho sự hiểu biết của trí óc tầm thường nhất. Nếu lời tuyên bố này thực sự đúng, đó sẽ là sự thú nhận thất bại của tôn giáo đó, vì điều đó sẽ có nghĩa là nó không có gì để dạy cho người biết suy nghĩ; nhưng điều này không đúng chút nào với đạo Kitô nguyên thủy, như tôi đã chỉ ra trong bài giảng về chủ đề đó. Đạo Kitô nguyên thủy có giáo lý bên trong của mình, giống như mọi giáo lý lớn khác, để nó có thể hữu ích cho tất cả các tầng lớp nhân loại, chứ không chỉ cho một tầng lớp. Nhưng quan niệm sai lầm đã được áp đặt một cách cẩn thận lên chúng ta khiến chúng ta cảm thấy một sự nghi ngờ đối với những đức tin khôn ngoan hơn, những đức tin đáp ứng mọi nhu cầu, và khiến chúng ta nghĩ rằng những đức tin đó che giấu một phần sự thật một cách không cần thiết, hoặc miễn cưỡng chia sẻ nó cho thế giới. Trong những ngày xưa, không có suy nghĩ nào như thế này; người ta nhận ra rằng chỉ những ai đạt đến một tiêu chuẩn sống nhất định mới xứng đáng nhận được giáo lý cao hơn, và những ai mong muốn điều đó đã tự mình nỗ lực để đủ điều kiện cho điều đó. Bây giờ, có một xu hướng đòi hỏi tất cả tri thức mà không cố gắng chút nào để chuẩn bị cần thiết, và phàn nàn rằng tri thức ấy bị giữ lại một cách keo kiệt, [56] bởi vì các Đấng Cao Cả trong sự khôn

power, for the object of the whole scheme is human evolution, and the interests of evolution would not be served by promiscuous publication of occult truth.

ngoan của các Ngài dự đoán được những nguy hiểm khi đặt những chân lý nhất định trước tâm trí của những người chưa sẵn sàng để nắm bắt chúng. Tri thức là quyền năng, và con người phải chứng tỏ sự xứng đáng của mình trước khi được trao quyền năng, vì mục đích của toàn bộ kế hoạch là sự tiến hóa của nhân loại, và lợi ích của sự tiến hóa sẽ không được phục vụ bởi sự công bố tràn lan chân lý huyền bí.

It is generally recognized that it would be foolish to put dynamite into the hands of a child at play, and we have ample evidence around us that such fragments of occult truth as have been allowed to become public have been terribly misused. The fact of the power of thought and will and the possibility of mesmeric influence is now finding wider acceptance, and the immediate result is that we see shoals of advertisements offering, always of course for a consideration, to teach us how to succeed in business by exercising undue pressure of this sort upon our fellowmen, in order that we may gain at their expense. The undeveloped man always misunderstands and misuse the least fragment of higher knowledge. To one who comprehends, there is the greatest solace and the most powerful incentive to right living in the profound truth of our unity with the Divine; yet that very truth has been offered as an excuse for the grossest sensuality by the unevolved among the Vedantins. The history of the great empire of Atlantis is the most impressive of warnings as to the awful consequences of the misapplication of occult knowledge.

Người ta thường nhận ra rằng sẽ thật dại dột khi đặt thuốc nổ vào tay một đứa trẻ đang chơi, và chúng ta có đủ bằng chứng xung quanh rằng những mảnh nhỏ của chân lý huyền bí đã được cho phép công khai đã bị lạm dụng kinh khủng. Thực tế về quyền năng của tư tưởng và ý chí và khả năng ảnh hưởng mê hoặc đang ngày càng được chấp nhận rộng rãi hơn, và kết quả ngay lập tức là chúng ta thấy vô số quảng cáo cung cấp, dĩ nhiên là có phí, để dạy chúng ta cách thành công trong kinh doanh bằng cách tạo áp lực không công bằng kiểu này lên đồng loại của mình, để chúng ta có thể hưởng lợi từ chi phí của họ. Người chưa phát triển luôn hiểu sai và lạm dụng dù là mảnh nhỏ nhất của tri thức cao hơn. Đối với một người hiểu biết, có sự an ủi lớn nhất và động lực mạnh mẽ nhất để sống đúng đắn trong chân lý sâu sắc về sự hợp nhất của chúng ta với Thiên Tính; thế nhưng chính chân lý đó đã được sử dụng như một cái cớ cho sự sa đọa tồi tệ nhất bởi những người chưa tiến hóa trong số những tín đồ Vedanta. Lịch sử của đế chế vĩ đại Atlantis là một lời cảnh báo ấn tượng nhất về những hậu quả khủng khiếp của sự lạm dụng tri thức huyền bí.

The Mysteries of Eleusis—Các Bí Nhiệm của Eleusis

So the existence of the secret teaching is more than justified, and its presence in all the

Vậy nên, sự tồn tại của giáo lý bí mật hoàn toàn có cơ sở, và sự hiện diện của nó trong tất

world-religions is explained. But though it may be traced in all, [57] when we speak of the Mysteries our thoughts turn to one or two only—chiefly to the Mysteries of Bacchus and Eleusis in connection with the religion of ancient Greece, and in a lesser degree to those of still more ancient Egypt and Chaldaea. The literature of the subject is scanty, and but little information is to be derived from it. Thomas Taylor's account is perhaps the best, though even in it there is much inaccuracy. Still, there is also a great deal of intuition displayed in his book—so much that it is difficult not to suppose that he may himself have been directly associated with the schools of the Mysteries in some past incarnation. Iamblichus, himself an initiate, has written upon the subject, but he gives even less information than Taylor—probably because he was more closely bound by promises of secrecy. A French author of the name of Foucart has also recently written on the subject. A chapter in Mr. Mead's book Orpheus epitomizes all that is known to scholars—a chapter which should be read by every one is interested in this side of the ancient life. Such information as I have to put before you is obtained in a different manner—not by studying the literary fragments which remain unto us, but rather by investigation and by memory. I have before had occasion to mention that certain members of our Society have been engaged in patient examination into the record of past incarnations, in order to study the laws under which rebirth takes place, and the way in which the actions of one life produce their inevitable results in the next. In the course of this research it was found that several of these members had been concerned in these Mysteries, and had been regularly initiated into their studies. Of course such initiations must in no way be confounded with those which separate the Steps of the Path of Holiness, for these latter

cả các tôn giáo trên thế giới được giải thích. Nhưng mặc dù nó có thể được truy tìm trong tất cả [57], khi chúng ta nhắc đến các Bí Nhiệm, suy nghĩ của chúng ta chủ yếu hướng đến một hoặc hai trường hợp — chủ yếu là các Bí Nhiệm Bacchus và Eleusis liên quan đến tôn giáo Hy Lạp cổ đại, và ở mức độ thấp hơn là những Bí Nhiệm của Ai Cập và Chaldée cổ xưa hơn. Tài liệu về chủ đề này khá ít ỏi, và có rất ít thông tin có thể được rút ra từ đó. Tường thuật của Thomas Taylor có lẽ là tốt nhất, mặc dù ngay cả trong đó cũng có nhiều sai sót. Tuy vậy, cũng có rất nhiều trực giác được thể hiện trong cuốn sách của Ông — đến mức khó có thể không nghĩ rằng Ông có thể đã trực tiếp liên quan đến các trường phái của các Bí Nhiệm trong một kiếp sống trước đây. Iamblichus, bản thân là một người đã được điểm đạo vào đó, đã viết về chủ đề này, nhưng Ông còn cung cấp ít thông tin hơn cả Taylor — có lẽ vì Ông bị ràng buộc chặt chẽ hơn bởi những lời hứa giữ bí mật. Một tác giả người Pháp tên là Foucart cũng gần đây đã viết về chủ đề này. Một chương trong cuốn sách Orpheus của Ông Mead tóm tắt tất cả những gì các học giả biết — một chương mà bất kỳ ai quan tâm đến khía cạnh này của đời sống cổ đại nên đọc. Những thông tin mà tôi có thể trình bày trước các bạn được thu thập theo một cách khác — không phải bằng cách nghiên cứu những mảnh vỡ văn học còn sót lại với chúng ta, *mà là bằng điều tra và ký ức*. Tôi đã có dịp đề cập rằng một số thành viên của Hội chúng ta đã tham gia vào việc điều tra kiên nhẫn về hồ sơ các kiếp sống trước, nhằm nghiên cứu các định luật theo đó sự tái sinh diễn ra, và cách mà những hành động của một đời sống tạo ra những kết quả tất yếu trong đời sống tiếp theo. Trong quá trình nghiên cứu này, người ta phát hiện rằng một số thành viên này đã tham gia vào những Bí Nhiệm đó, và đã được điểm đạo chính thức vào các nghiên cứu của họ. Tất nhiên, những lần điểm đạo này không nên bị nhầm lẫn với những lần phân chia các Cấp Bậc

lie at a much higher level, [58] and all the mysteries were only a preparation for them. Nevertheless, there were definite degrees in the Mysteries, and the man who entered pledged himself to remain silent as to what he saw. Now such a promise remains binding, even though it may have been made two thousand years ago; but those to whom it was given may release the disciple from his vow, and with regard to certain parts of the teaching this has been done. The reason is that the world has now evolved somewhat, and so a further experiment is being made; and much that used to be taught only under pledges of initiation is now published to the world in the Theosophical literature. Much of this information used to be regarded as secret and sacred; and today, though it is no longer secret, it is as sacred as ever. So that though I may not tell you all that the ancient Mysteries of Eleusis offered to the student, I may yet give you an outline of a great deal of it.

của Thánh Đạo, vì những lần điểm đạo sau này thuộc về một cấp độ cao hơn nhiều [58], và tất cả các Bí Nhiệm chỉ là sự chuẩn bị cho chúng. Tuy nhiên, các Bí Nhiệm có những cấp bậc cụ thể, và người nào bước vào đã cam kết giữ im lặng về những gì mình nhìn thấy. Lời hứa này vẫn còn ràng buộc, ngay cả khi nó đã được đưa ra cách đây hai nghìn năm; nhưng những ai đã trao lời hứa này có thể giải phóng đệ tử khỏi lời thề của họ, và đối với một số phần của giáo lý, điều này đã được thực hiện. Lý do là vì thế giới hiện đã tiến hóa phần nào, và do đó một thí nghiệm mới đang được thực hiện; nhiều điều từng chỉ được dạy dưới những lời thề điểm đạo giờ đây đã được công bố cho thế giới trong các tài liệu Thông Thiên Học. Nhiều thông tin trong số này từng được coi là bí mật và thiêng liêng; và hôm nay, mặc dù nó không còn là bí mật nữa, nhưng nó vẫn thiêng liêng như trước đây. Vì vậy, mặc dù tôi không thể nói cho các bạn tất cả những gì mà các Bí Nhiệm cổ đại của Eleusis đã cung cấp cho môn sinh, tôi vẫn có thể đưa ra cho các bạn một cái nhìn tổng quát về rất nhiều điều trong đó.

The first point which I wish to emphasize is that the charge of indecency so frequently brought against these Mysteries by their enemies had no foundation in fact—at least so far as the flourishing period of the race is concerned. It should never be forgotten that much of our so-called information about the Mysteries comes to us through the unscrupulous and bitterly hostile early Christian writers; and though these writers indignantly deny the suggestion that in their Church they have no mysteries worthy of the name, and claim that theirs are in every way as good and deep and far-reaching as those of their “pagan” opponents, they nevertheless bring the wildest and most abominable accusations against the mortality of those who participate in other rites than theirs. [59]

Điểm đầu tiên mà tôi muốn nhấn mạnh là cáo buộc về sự khiếm nhã mà các kẻ thù thường đưa ra đối với các Bí Nhiệm này không có cơ sở trên thực tế — ít nhất là trong thời kỳ hưng thịnh của nhân loại. Không bao giờ được quên rằng nhiều thông tin mà chúng ta gọi là thông tin về các Bí Nhiệm đến với chúng ta qua các nhà văn Cơ Đốc giáo đầu tiên đầy hận thù và vô lương tâm; và mặc dù những nhà văn này kịch liệt phủ nhận ý tưởng rằng trong Giáo hội của họ không có những Bí Nhiệm xứng đáng với tên gọi đó, và tuyên bố rằng những Bí Nhiệm của họ hoàn toàn tốt đẹp, sâu sắc và có ảnh hưởng như của các đối thủ "tà giáo" của họ, họ vẫn đưa ra những cáo buộc hoang đường và ghê tởm nhất về đạo đức của những người tham gia vào các nghi thức khác ngoài của họ. [59]

Perhaps we hardly realize how entirely we have only one side of all those early controversies, and how absolutely we are in the hands of bitter, unscrupulous sectarians. We had in Europe a dark period, lasting for many centuries, when the savagery of Christianity had stamped out all knowledge, all learning, and almost all art; a period during which no one could even read or write except the priest and monks, so that whatever we have of records of early times, whatever we have of classical literature, comes to us of necessity through their hands, since they alone were able to make the manuscript copies. In these days of universal printing, and of the wide effusion of knowledge, we have little idea of what that meant—of what a power it placed in the hands of these mediaeval monks. A few older manuscripts may be here and there discovered, but the vast majority of all that literature of the ancient times passed through the censorship of the Church at its most bigoted stage.

Có lẽ chúng ta khó mà nhận ra rằng chúng ta chỉ có được một khía cạnh duy nhất của tất cả những cuộc tranh cãi thời kỳ đầu đó, và chúng ta hoàn toàn nằm trong tay của những người bè phái cay nghiệt, vô lương tâm. Ở châu Âu, đã có một thời kỳ đen tối kéo dài hàng thế kỷ, khi sự tàn bạo của Cơ Đốc giáo đã dập tắt mọi tri thức, mọi học thuật, và gần như mọi nghệ thuật; một thời kỳ mà không ai có thể đọc hoặc viết ngoại trừ các linh mục và tu sĩ, vì vậy bất cứ hồ sơ nào mà chúng ta có từ thời kỳ đầu, bất cứ tác phẩm văn học cổ điển nào chúng ta có đều phải qua tay họ, vì họ là những người duy nhất có khả năng sao chép bản thảo. Trong những ngày này của việc in ấn phổ biến và sự lan tỏa rộng rãi của tri thức, chúng ta khó mà hình dung được điều đó có ý nghĩa gì — quyền lực mà nó đã trao vào tay của những tu sĩ thời trung cổ này. Một số bản thảo cổ hơn có thể được phát hiện đây đó, nhưng đại đa số tất cả những tài liệu văn học của thời cổ đại đều phải qua sự kiểm duyệt của Giáo hội vào giai đoạn cuồng tín nhất của nó.

Another thing that we must realize is that these monks had no conception of what we now mean by literary morality. They were all quite ready to quote to any extent without acknowledgement; they did not see any reason why they should not use good material wherever they found it, and they mentioned whence it was obtained only if they thought that the name of the writer would add to the force of the argument. Often also when they had what they thought a good thing to say, they fathered it on some well-known name in order to secure for it greater attention. In quoting controversially from opponents, they made no attempt to treat the enemy fairly, or to state his case impartially; we know from their own confessions that they cited only

Một điều khác mà chúng ta phải nhận thức được là những tu sĩ này không có khái niệm gì về cái mà chúng ta bây giờ gọi là đạo đức văn chương. Họ sẵn sàng trích dẫn đến bất cứ mức độ nào mà không cần công nhận nguồn; họ không thấy lý do gì tại sao họ không thể sử dụng tài liệu tốt ở bất cứ đâu họ tìm thấy nó, và họ chỉ đề cập đến nguồn gốc nếu họ nghĩ rằng tên của tác giả sẽ tăng thêm sức mạnh cho lập luận của họ. Nhiều khi, khi họ có điều gì mà họ nghĩ là đáng nói, họ gán cho một cái tên nổi tiếng nào đó để thu hút sự chú ý lớn hơn. Khi trích dẫn từ các đối thủ trong các cuộc tranh luận, họ không hề cố gắng đối xử công bằng với kẻ thù, hoặc trình bày một cách khách quan quan điểm của họ; chúng ta biết từ những lời thú nhận của chính họ rằng

what suited their argument of the moment, utilized that of which they thought something edifying could be made, and utterly ignored the rest. Thus we have only most partial accounts of the [60] real opinions of their opponents, and we get about as fair an idea of what they really held or taught, as we should have of Roman Catholic theology if we took the word of the most rabid Protestant as our only guide to its comprehension.

họ chỉ trích dẫn những gì phù hợp với lập luận hiện tại của họ, sử dụng những gì họ nghĩ có thể làm nên điều gì đó có ích, và hoàn toàn phớt lờ phần còn lại. Do đó, chúng ta chỉ có những ghi chép rất phiến diện về các [60] quan điểm thực sự của những người phản đối họ, và chúng ta có được một ý tưởng công bằng về những gì họ thực sự giữ vững hoặc giảng dạy, cũng giống như việc chúng ta hiểu về thần học Công giáo La Mã nếu chúng ta chỉ dựa vào lời của một người theo đạo Tin Lành cực đoan làm hướng dẫn duy nhất để thấu hiểu nó.

With regard to this matter of the Mysteries we know that there was specially bitter controversy, and the Christian writers never hesitated to take up any weapon which they thought would gain them a point. If there was a popular slander, they eagerly seized upon it and magnified it—perhaps even in their prejudice they really believed it; and in that way they accept and repeat those unfounded charges of indecency against the celebration of the Mysteries. Sometimes in their replies we incidentally gather what popular opinion said of them, and then we begin to see about how much reliance is to be placed on such stories. Rumour held the Christian Church as guilty of the most abominable outrages—the commonest accusation being that at their secret meetings they offered human sacrifices and indulged in cannibalism. The statement that they murdered and devoured children recurs again and again; and it is not difficult to see how it may have arisen. They celebrated their Eucharist with closed doors, and spoke of it as meeting together to partake of the body and blood of the Son of Man; and one can easily see how that statement might be misconstrued by the ignorant, and how unworthy of the attention of the historian are the mere rumours on either side in a theological quarrel!

Về vấn đề các Bí Nhiệm, chúng ta biết rằng đã có những cuộc tranh cãi đặc biệt gay gắt, và các nhà văn Cơ Đốc giáo không bao giờ ngần ngại sử dụng bất kỳ vũ khí nào mà họ nghĩ sẽ giúp họ ghi điểm. Nếu có một lời vu khống phổ biến, họ sẽ nhanh chóng nắm bắt và khuếch đại nó — có thể ngay cả trong định kiến của họ, họ thực sự tin vào điều đó; và theo cách này, họ chấp nhận và lặp lại những cáo buộc vô căn cứ về sự khiếm nhã trong việc cử hành các Bí Nhiệm. Đôi khi trong những lời phản biện của họ, chúng ta tình cờ thu thập được ý kiến phổ biến nói gì về họ, và khi đó chúng ta bắt đầu thấy được mức độ đáng tin cậy của những câu chuyện như vậy. Tin đồn cho rằng Giáo hội Cơ Đốc phạm những tội ác ghê tởm nhất — cáo buộc phổ biến nhất là tại các cuộc họp bí mật của họ, họ đã hiến tế con người và tham gia vào hành vi ăn thịt đồng loại. Tuyên bố rằng họ giết hại và ăn thịt trẻ em liên tục được lặp lại; và không khó để thấy nó có thể đã xuất hiện như thế nào. Họ cử hành Thánh Thể sau những cánh cửa đóng kín, và gọi đó là cuộc họp để cùng tham dự vào thân thể và máu của Con Người; và người ta có thể dễ dàng thấy cách mà tuyên bố đó có thể bị hiểu sai bởi những kẻ vô tri, và cách mà những tin đồn trong các cuộc tranh cãi thần học thật không đáng được nhà sử học chú ý!

There is no doubt that in the long period during which the Mysteries flourished the most strenuous discipline was exacted from all candidates, and the utmost purity preserved; but it is probable that in the days of the decadence both of Greece and Rome even [61] the Mysteries shared to some extent in the general degradation, just as, it will be remembered, did the Christian agapae also, which degenerated into the wildest and most reprehensible orgies. The Bacchic Mysteries came to be mere festivities towards the last, when Bacchus or Dionysos was regarded as the god of wine, instead of being recognized as the manifestation of the Logos, from whom came forth all life and strength. The life and strength were indeed sometimes symbolized as wine, or rather as the juice of the grape, and in this way the popular misconception arose. But this was only towards the end of the Empire, when all the true Mysteries had already been withdrawn into the background, and little but the outer shell remained. We must not judge them from their relics at that period, any more than we should judge the great Roman nation by its condition when it had fallen hopelessly into decay. Let us rather see what they were at the zenith of their glory and usefulness.

Không có gì nghi ngờ rằng trong thời kỳ dài khi các Bí Nhiệm thịnh hành, có một kỷ luật nghiêm ngặt nhất được áp đặt lên tất cả các ứng viên, và sự thuần khiết tối đa được duy trì; nhưng có khả năng rằng trong những ngày suy tàn của cả Hy Lạp và La Mã, thậm chí [61] các Bí Nhiệm cũng chia sẻ phần nào sự suy đồi chung, giống như, người ta vẫn nhớ, các lễ Agape của Cơ Đốc giáo cũng đã suy thoái thành những cuộc truy hoan hoang dã và đáng trách nhất. Các Bí Nhiệm Bacchic dần dần trở thành những lễ hội đơn thuần vào thời kỳ cuối, khi Bacchus hoặc Dionysos được coi là thần rượu, thay vì được công nhận là sự hiện thân của Logos (Thượng đế), từ Ngài mà tất cả sự sống và sức mạnh phát sinh. Sự sống và sức mạnh đôi khi được tượng trưng như rượu, hoặc chính xác hơn là nước nho, và theo cách này sự hiểu lầm phổ biến đã xuất hiện. Nhưng điều này chỉ xảy ra vào cuối thời kỳ Đế chế, khi tất cả các Bí Nhiệm chân chính đã bị rút lui vào hậu trường, và chỉ còn lại vỏ bọc bên ngoài. Chúng ta không nên đánh giá chúng qua những tàn dư của chúng trong thời kỳ đó, cũng giống như chúng ta không nên đánh giá dân tộc La Mã vĩ đại qua tình trạng của họ khi họ đã rơi vào sự suy tàn tuyệt vọng. Hãy cùng xem chúng ở đỉnh cao của vinh quang và sự hữu ích của chúng.

What the Mysteries Were—Các Bí Nhiệm Là Gì

As is generally known, there were two divisions, the Greater and the Lesser Mysteries. What is not generally known is that there was always, behind and above these, the true Mystery of the Path, towards which these others led. Occult teaching has always been open for those who were ready to enter; the qualifications exacted have never varied, for they are not arbitrarily imposed, but are essentially necessary to advancement. At the present time the Path and some of its stages,

Như ai cũng biết, có hai phần chính trong các Bí Nhiệm, đó là Đại Bí Nhiệm và Tiểu Bí Nhiệm. Điều không được biết đến rộng rãi là luôn có, phía sau và cao hơn những Bí Nhiệm này, Bí Nhiệm thật sự của Thánh Đạo, mà các Bí Nhiệm kia chỉ dẫn dắt tới. Giáo lý huyền bí luôn sẵn sàng mở ra cho những ai đã sẵn sàng bước vào; những tiêu chuẩn đòi hỏi không bao giờ thay đổi, vì chúng không được áp đặt một cách tùy ý, mà là những yêu cầu thiết yếu để tiến bộ. Hiện nay, Thánh Đạo và một số giai

and the qualifications required, are openly described in books and lectures, just as they were long ago in Indian literature; but in Greece and Rome no definite information seems to have been given on these points, and the very existence of the possibility of that [62] advancement was not certainly known even to the initiates of the Greater Mysteries until they were actually fit to receive the mystic summons from within.

But to the Mysteries of which we are speaking large numbers were admitted; indeed, one classical author mentions a gathering of thirty thousand initiates, which, when we consider how small relatively was the population of Greece, shows us that the organization of the Mysteries was by no means so exclusive as we usually suppose. Indeed, our investigations indicate that all seriously disposed and thinking people naturally gravitated towards them as the centre of religious knowledge. Men sometimes

đoạn của nó, cùng với những tiêu chuẩn cần thiết, được mô tả công khai trong các sách và bài giảng, cũng như đã từng được nêu ra từ lâu trong văn học Ấn Độ; nhưng ở Hy Lạp và La Mã, không có thông tin cụ thể nào được cung cấp về những điểm này, và ngay cả các điểm đạo đồ của Đại Bí Nhiệm cũng không chắc chắn biết về khả năng tiến bộ đó cho đến khi họ thực sự đủ điều kiện để nhận được lời triệu tập thần bí từ bên trong.

Nhưng đối với các Bí Nhiệm mà chúng ta đang nói đến, có một số lượng lớn người được chấp nhận; thực tế, một tác giả cổ điển đã nhắc đến một cuộc tụ họp gồm ba mươi nghìn điểm đạo đồ, và khi chúng ta xem xét dân số Hy Lạp nhỏ tương đối thế nào, điều này cho chúng ta thấy rằng tổ chức của các Bí Nhiệm không phải là nghiêm ngặt như chúng ta thường nghĩ. Thật ra, các cuộc điều tra của chúng ta chỉ ra rằng tất cả những người có tư duy nghiêm túc và có suy nghĩ đều tự nhiên hướng về chúng như là trung tâm của tri thức tôn giáo. Con người đôi

wonder how it was possible for great nations like Rome or Greece to remain satisfied with what we commonly call their religion—a chaos of unseemly myths, many of them not even decent, describing so-called gods and goddesses who were distinctly human in their actions and passions, and constantly quarrelling amongst themselves. The truth is that nobody was satisfied with it, and that it never was at all what we mean by a religion, though it was no doubt taken literally by many ignorant people. But all the cultured and thinking men took up the study of one or other of the systems of philosophy, and in many cases they were also initiates of the School of the Mysteries; and it was this higher teaching that really moulded their lives, and took for them the place of what we call religion—unless, indeed, they were frankly agnostic, as are so many cultured men now.

khi thắc mắc làm sao các quốc gia vĩ đại như La Mã hoặc Hy Lạp lại có thể thỏa mãn với cái mà chúng ta thường gọi là tôn giáo của họ—một mớ hỗn độn của những huyền thoại không phù hợp, nhiều trong số đó thậm chí còn không đúng đắn, miêu tả các vị thần và nữ thần được cho là rất nhân tính trong hành động và đam mê, và liên tục cãi vã với nhau. Sự thật là không ai thỏa mãn với điều đó, và nó chưa bao giờ thực sự là điều mà chúng ta gọi là tôn giáo, mặc dù chắc chắn nó được nhiều người vô tri tin theo một cách trực tiếp. Nhưng tất cả những người có học và có suy nghĩ đều theo học một trong những hệ thống triết học, và trong nhiều trường hợp, họ cũng là những điểm đạo đồ của Trường Bí Nhiệm; và chính giáo lý cao hơn này thực sự định hình cuộc sống của họ, và đóng vai trò như tôn giáo đối với họ—trừ khi, thực sự, họ thẳng thắn là những người không tin, như rất nhiều người có học ngày nay.

Moreover, it was through the teaching of the Mysteries that men learnt for the first time what the strange myths of the exoteric religion really meant—for originally they had a meaning, and for the Theosophical student it often lies near the surface. In my books on The Other Side of Death I have explained the signification given in the Mysteries [63] to the stories of Tantalus and Sisythus; the myth of Tityus also is obviously symbolical of the result of certain passions in the astral world;

Hơn nữa, chính qua giáo lý của các Bí Nhiệm mà con người lần đầu tiên học được những huyền thoại kỳ lạ của tôn giáo ngoại hiện thực sự có nghĩa gì—bởi vì ban đầu chúng có một ý nghĩa, và đối với học viên Thông Thiên Học, nó thường nằm gần bề mặt. Trong các cuốn sách của tôi về *Bên Kia Cái Chết*, tôi đã giải thích ý nghĩa được đưa ra trong các Bí Nhiệm [63] đối với những câu chuyện về Tantalus và Sisythus[2]; huyền thoại về Tityus cũng rõ ràng là biểu tượng cho kết quả của những đam mê

[2] Trong đoạn này, tác giả giải thích rằng các câu chuyện thần thoại của tôn giáo ngoại môn chứa đựng ý nghĩa biểu tượng và bí truyền, chỉ có thể được hiểu đầy đủ qua sự hướng dẫn của các giáo lý Huyền Bí. Các câu chuyện về Tantalus, Sisyphus và Tityus được xem là minh hoạ cho các hậu quả của những ham muốn và đam mê nhất định trong cõi cảm dục (cõi astral).
- *Tantalus* là nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, bị trừng phạt trong thế giới bên kia bằng cách đứng trong nước và dưới cành cây trái, nhưng khi Ông muốn uống nước hoặc hái trái cây thì chúng rút lui khỏi tầm với. Điều này biểu tượng cho sự khao khát không thể thỏa mãn của những ham muốn vật chất, một trạng thái tương tự trong cõi cảm dục.
- *Sisyphus* là người bị trừng phạt bằng việc đẩy một tảng đá lên núi, nhưng mỗi khi gần đến đỉnh, tảng đá lại lăn xuống, buộc Ông phải bắt đầu lại. Đây là biểu tượng cho tính vô vọng và những nỗ lực vô ích của các ham muốn và đam mê trong cõi astral, nơi không có sự thỏa mãn cuối cùng.

while the legend of Persephone or Proserpine is clearly an occult parable of the descent of the soul into matter. Remember how the story tells us that Prosperine was carried away while she was plucking the flower of the narcissus, and at once you have a suggestion of a connection with that other myth. Narcissus is represented to have been a young man of extraordinary beauty who fell in love with his own reflection in a pool of water, and was so attracted by it that he fell in and was drowned, and was afterwards changed by the gods into a beautiful flower. One sees instantly that such a story as this can have no meaning but a symbolical one, and by the light of the philosophical doctrine of the aeons it is one not difficult to interpret. All the cognate systems of thought teach that the soul was not originally immersed in matter, and need not have been so, but for the fact that she was attracted by the image of herself in the lower conditions of matter, so often symbolized by water. Beguiled by this reflection, she identifies herself with the lower personality, and is for the time sunk altogether in matter; yet nevertheless the divine seed remains, and presently she springs up again as a flower. Now realize that it was while Proserpine was stooping to Narcissus that she was seized and carried off by Desire, who is the king of this lower world; and that although she was rescued from complete captivity by the efforts of her

nhất định trong cõi cảm dục; trong khi truyền thuyết về Persephone hoặc Proserpine rõ ràng là một dụ ngôn huyền bí về sự giáng lâm của linh hồn vào vật chất. Hãy nhớ cách câu chuyện kể rằng Proserpine đã bị bắt cóc khi cô đang hái bông hoa thủy tiên, và ngay lập tức bạn có một gợi ý về sự liên kết với huyền thoại khác đó. Narcissus được miêu tả là một chàng trai trẻ vô cùng đẹp trai, người đã yêu chính hình ảnh phản chiếu của mình trong một hồ nước, và bị cuốn hút đến mức rơi xuống và chết đuối, và sau đó được các vị thần biến thành một bông hoa xinh đẹp. Người ta lập tức nhận ra rằng một câu chuyện như thế này không thể mang ý nghĩa nào khác ngoài ý nghĩa biểu tượng, và dưới ánh sáng của giáo lý triết học về các aeon, nó không khó để giải thích. Tất cả các hệ thống tư tưởng tương đồng đều dạy rằng linh hồn ban đầu không bị đắm mình trong vật chất, và không cần phải như vậy, nếu không phải vì thực tế rằng nó bị thu hút bởi hình ảnh của chính nó trong các điều kiện thấp hơn của vật chất, thường được tượng trưng bởi nước. Bị mê hoặc bởi hình ảnh phản chiếu này, nó đồng nhất mình với phàm ngã thấp hơn, và tạm thời bị chìm sâu vào vật chất; nhưng dù vậy, hạt giống thiêng liêng vẫn còn, và chẳng bao lâu sau nó trỗi dậy trở lại như một bông hoa. Bây giờ hãy nhận ra rằng chính khi Proserpine cúi xuống hái hoa Narcissus thì cô ấy đã bị Khát Vọng—vị vua của thế giới thấp hơn này—bắt cóc; và rằng mặc dù cô ấy đã được mẹ mình giải cứu khỏi sự giam cầm hoàn

---

- *Tityus* là nhân vật bị buộc phải nằm bất động với hai con chim đại bàng mổ vào gan Ông mỗi ngày. Đây có thể được hiểu là biểu tượng cho các hậu quả của những đam mê hung bạo hoặc tham vọng dẫn đến tự hủy hoại chính mình trong cõi cảm dục.

Bên cạnh đó, *truyền thuyết về Persephone (hay Proserpine)* là ẩn dụ huyền bí về việc linh hồn "xuống" vào thế giới vật chất. Khi Persephone bị bắt cóc khi đang hái hoa thủy tiên (narcissus), đây là một biểu tượng của sự lôi cuốn của cái tôi (ego) vào sự mê đắm với bản thân. *Narcissus*, người mê đắm hình ảnh phản chiếu của chính mình, chết chìm trong hồ nước và biến thành hoa, biểu tượng cho sự tự luyến và giam hãm trong bản ngã.

Những câu chuyện này, dưới góc nhìn của thần triết học (Theosophy), không chỉ là truyện cổ tích mà còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa về tâm thức, nghiệp quả và sự phát triển tâm linh của con người qua các cõi giới. (ChatGPT)

mother, yet after that she had to spend her life half in the lower world and half in that above —that is to say, partly in incarnation and partly out of it. [64]

toàn, nhưng sau đó cô ấy phải sống một nửa cuộc đời trong thế giới thấp và một nửa trong thế giới cao hơn—tức là, một phần là trong sự nhập thể và một phần là ngoài nó. [64]

The Lesser Mysteries—Các Tiểu Bí Nhiệm

This is an example of the way in which these odd and apparently pointless fables were taken up in the Mystery instructions and made luminous and beautiful. The explanations in connection with the astral life were given chiefly in the Lesser Mysteries, which were especially concerned with this side of the subject. The centre of their worship and work was at Agrae, and those who were initiated into them were called Mystae, and wore as their mystical dress a dappled fawn-skin, symbolizing the astral body. The appropriateness of this emblem will be immediately recognized by any clairvoyant, or by a Theosophical student who has examined the plates of my book Man, Visible and Invisible, for he will remember the bands and mottlings which indicate the various passions and emotions, and the rapid flashing changes which are so conspicuous in it. The same idea is expressed by the leopard-skin worn by the Egyptian initiated priest while offering his sacrifice, and the tiger or antelope-skin so often used by Eastern Yogis.

Đây là một ví dụ về cách mà những câu chuyện cổ tích kỳ lạ và dường như vô nghĩa này được tiếp thu trong các bài giảng Bí Nhiệm và được làm sáng tỏ, trở nên đẹp đẽ. Những lời giải thích liên quan đến đời sống cõi cảm dục chủ yếu được truyền dạy trong các Tiểu Bí Nhiệm, đặc biệt tập trung vào khía cạnh này của chủ đề. Trung tâm của việc thờ phượng và công việc của họ nằm ở Agrae, và những người được điểm đạo vào đó được gọi là Mystae, và họ mặc trang phục huyền bí là một chiếc da nai lốm đốm, tượng trưng cho thể cảm xúc. Biểu tượng này sẽ được ngay lập tức nhận ra bởi bất kỳ nhà thấu thị nào, hoặc bởi một học viên Thông Thiên Học đã xem các hình ảnh trong cuốn sách *Con Người, Hữu Hình và Vô Hình* của tôi, vì người đó sẽ nhớ đến các dải và mảng màu mô tả những đam mê và cảm xúc khác nhau, cùng với những thay đổi nhấp nháy nhanh chóng nổi bật trong đó. Cùng một ý tưởng này được thể hiện qua bộ da báo mà các linh mục Ai Cập đã được điểm đạo mặc khi hiến tế, và da hổ hoặc da linh dương mà các nhà Yogi phương Đông thường sử dụng.

Broadly speaking, the Lesser Mysteries were principally concerned with the astral world, and the Greater Mysteries with the heaven-world. They taught much more than this, of course, but the first and most prominent fact of their instruction was that certain results flowed inevitably from certain actions, and so that the life which a man lived on the physical plane was chiefly important as a preparation for that which it brought in its train. The Lesser Mysteries taught vividly the astral

Nói chung, các Tiểu Bí Nhiệm chủ yếu liên quan đến cõi cảm dục, còn các Đại Bí Nhiệm liên quan đến cõi trí. Họ dạy nhiều hơn thế, tất nhiên, nhưng thực tế đầu tiên và nổi bật nhất trong giáo lý của họ là những kết quả nhất định xảy ra không thể tránh khỏi từ những hành động nhất định, và do đó, cuộc sống mà một người sống trên cõi trần chủ yếu quan trọng như một sự chuẩn bị cho những gì mà nó mang lại sau đó. Các Tiểu Bí Nhiệm đã dạy một cách sống động phần liên quan đến cõi

part of these results, illustrating it by showing the most striking object lessons from real life. In the earlier days when the hierophant directing the studies described the effect of some particular vice or crime, he used his [65] occult power to materialize some good example of the fate which his words portrayed —in some cases, it is stated, enabling the sufferer to speak and explain the condition in which he found himself as the outcome of a neglect while on earth of the eternal laws under which the worlds are governed. Sometimes, instead of this, a vivid image of the state of some victim of his own folly would be materialized for the instruction of the neophytes.

cảm dục của những kết quả này, minh họa bằng cách trình bày những bài học từ cuộc sống thực. Trong những ngày đầu, khi các vị thầy dẫn dắt việc học mô tả tác động của một thói xấu hoặc tội ác cụ thể, họ đã sử dụng [65] quyền năng huyền bí của mình để hiện hình một ví dụ tốt về số phận mà lời nói của họ miêu tả — trong một số trường hợp, người ta cho rằng, họ cho phép người chịu đau khổ lên tiếng và giải thích tình trạng mà họ nhận thấy mình đang gặp phải như là kết quả của việc bỏ qua các định luật vĩnh cửu theo đó các thế giới được cai trị khi họ còn sống trên Trái Đất. Đôi khi, thay vì điều này, một hình ảnh sống động của trạng thái của một nạn nhân do sự dại dột của chính mình đã được hiện hình để dạy cho các tân sinh.

In the days of the decadence there remained no hierophant who possessed the power to produce these occult illustrations, and consequently their place was taken by actors dressed to represent the sufferers, or in some cases by ghostly images projected by means of concave mirrors—or even by cleverly executed statuary or mechanical figures. Of course it was perfectly understood by all concerned that these were only representations, and no one was ever deceived into supposing that they were original cases. Some of our ecclesiastical writers, however, failed to realize this, and some of them have spent much time and ingenuity in “exposing” deceptions which never have deceived any one, least of all those who were especially concerned with them. A gentleman named Hippolytus, who seems to have been the Maskelyne and Cook of this period, is especially zealous along these lines, and his accounts of apparatus whereby lights might be mysteriously produced, and his suggestions as to the use of invisible ink, are really quite amusing reading.

Vào những ngày suy tàn, không còn ai trong các vị thầy sở hữu khả năng tạo ra những hình ảnh huyền bí này, và do đó, vai trò của họ đã được thay thế bởi các diễn viên hóa trang thành những người chịu khổ, hoặc trong một số trường hợp, bằng những hình ảnh ma quái được chiếu qua các gương lõm — hoặc thậm chí bằng những bức tượng hoặc hình ảnh cơ khí được thực hiện khéo léo. Tất nhiên, tất cả mọi người đều hiểu rõ rằng đây chỉ là những hình ảnh đại diện, và không ai bị lừa dối để tin rằng chúng là những trường hợp thực tế. Tuy nhiên, một số nhà văn giáo hội của chúng ta đã không nhận ra điều này, và một số người trong số họ đã tốn nhiều thời gian và công sức để "vạch trần" những sự lừa gạt mà thực tế chưa bao giờ lừa dối ai, đặc biệt là những người có liên quan đến chúng. Một quý Ông tên là Hippolytus, dường như là Maskelyne và Cook của thời kỳ này, đặc biệt nhiệt thành trong việc này, và những câu chuyện của Ông về các thiết bị để tạo ra ánh sáng một cách Bí Nhiệm, cùng với những gợi ý của Ông về việc sử dụng mực vô hình, thực sự là những tác phẩm khá hài hước để đọc.

We may take it, then, that the principal work of the teachers of the Lesser Mysteries was to inform their pupils thoroughly of the exact result in astral life of physical thought and action. Besides this, however, much instruction was given in cosmogony, and the evolution of man on this earth was fully explained, again with the aid of illustrative scenes and figures, produced at first by [66] materialization, but later imitated in various ways. The directors seem always to have recognized two classes among their pupils, and to have chosen out from them those whom they thought capable of special training in the development of psychic faculties. These received special instruction as to how the astral body can be used as a vehicle, and had definite exercises set for their practice, to develope them in clairvoyance or prevision.

Chúng ta có thể chấp nhận rằng công việc chính của các vị thầy của Tiểu Bí Nhiệm là cung cấp cho môn sinh của họ hiểu biết đầy đủ về kết quả chính xác trong đời sống cõi cảm dục của những suy nghĩ và hành động vật lý. Ngoài ra, nhiều chỉ dạy cũng được đưa ra về vũ trụ học, và sự tiến hóa của con người trên trái đất này đã được giải thích một cách đầy đủ, lại một lần nữa với sự hỗ trợ của các cảnh tượng và hình ảnh minh họa, ban đầu được tạo ra bởi [66] hiện hình, nhưng sau đó được mô phỏng bằng nhiều cách khác nhau. Các vị thầy dường như luôn nhận ra hai lớp môn sinh, và chọn ra từ đó những người mà họ nghĩ có khả năng được huấn luyện đặc biệt trong việc phát triển các năng lực thông linh. Những người này đã nhận được sự chỉ dạy đặc biệt về cách thể cảm dục có thể được sử dụng như một phương tiện, và họ đã được giao các bài tập cụ thể để thực hành, nhằm phát triển khả năng thấu thị hoặc tiên tri.

The initiates had a number of proverbs or aphorisms peculiar to themselves, some of which were very characteristic and Theosophical in tone. “Death is life, and life is death,” is a saying which will need to interpretation for the student of Theosophy, who comprehends, at least to some extent, how infinitely more real and vivid is life on any other plane than this imprisonment in the flesh. Whosoever pursues realities during life will pursue them after death; whosoever pursues unrealities during this life will pursue them also after death,” is also a statement entirely in line with the facts as to post-mortem conditions with which Theosophy so fully acquaints us, and it emphasizes the great truth upon which we so often find it necessary to insist, that death in no way changes the real man, but that his disposition and his mode of thought remain exactly what they were before.

Những người được điểm đạo có một số câu châm ngôn hoặc ngạn ngữ riêng biệt, một số trong đó rất đặc trưng và mang âm hưởng Thông Thiên Học. "Cái chết là sự sống, và sự sống là cái chết," là một câu nói không cần giải thích đối với học viên Thông Thiên Học, người hiểu được, ít nhất ở một mức độ nào đó, rằng sự sống ở bất kỳ cõi giới nào khác đều thực tế và sống động hơn vô cùng so với sự giam cầm trong xác thịt này. "Ai theo đuổi những điều thực tế trong cuộc sống sẽ tiếp tục theo đuổi chúng sau cái chết; ai theo đuổi những điều hư ảo trong cuộc sống này sẽ tiếp tục theo đuổi chúng sau cái chết," cũng là một tuyên bố hoàn toàn phù hợp với những sự thật về các điều kiện hậu tử mà Thông Thiên Học đã truyền đạt đầy đủ cho chúng ta, và nó nhấn mạnh sự thật lớn lao mà chúng ta thường thấy cần phải nhấn mạnh, rằng cái chết không hề thay đổi con người thực sự, mà tư tưởng và cách suy nghĩ của họ vẫn giữ nguyên như trước đó.

The Greater Mysteries—Các Đại Bí Nhiệm

Turning to the Greater Mysteries, we find that the centre of their celebration was at Eleusis, near Athens. Their initiates were named Epoptai, and their ceremonial garment was no longer a fawn-skin, but a golden fleece—whence, naturally, the whole myth of Jason and his companions. This symbolized the mental body, and the power definitely to function in it. [67] Those who have seen the splendid radiance of all which pertains to that mental plane, who have noticed the innumerable vortices produced by the ceaseless emission and impact of thought-forms, who remember that brilliant yellow is especially the colour which manifests intellectual activity, will acknowledge that this was no inapt representation. In this class, as in the lower one, there were two types—those who could be taught to use the mental body, and to form round it the strong temporary vehicle of astral matter which has sometimes been called the mayavirupa, and the far greater majority who were not yet prepared for this development, but could nevertheless be instructed with regard to the mental plane and the powers and faculties appropriate to it. As in the Lesser Mysteries men learnt the exact result after death of certain actions and modes of life on the physical plane, so in the Greater Mysteries they learnt how causes generated in this lower existence worked out in the heaven-world. In the Lesser the necessity and the method of the control of the desires, passions and emotions was made clear; in the Greater the same teaching was given with regard to the control of mind.

Chuyển sang các Đại Bí Nhiệm, chúng ta thấy rằng trung tâm của các lễ kỷ niệm là ở Eleusis, gần Athens. Những người được điểm đạo vào các Bí Nhiệm này được gọi là Epoptai, và trang phục lễ nghi của họ không còn là da nai nữa, mà là bộ da cừu vàng—từ đó, tất nhiên, dẫn đến toàn bộ huyền thoại về Jason và những người đồng hành của Ông. Biểu tượng này đại diện cho thể trí, và khả năng hoạt động trong nó một cách chắc chắn. [67] Những ai đã thấy được ánh sáng rực rỡ tuyệt vời của tất cả những gì liên quan đến cõi trí, những ai đã chú ý đến vô số cơn lốc được tạo ra bởi sự phát sinh và va chạm không ngừng của các hình tư tưởng, những ai nhớ rằng màu vàng rực rỡ đặc biệt biểu hiện cho hoạt động trí tuệ, sẽ thừa nhận rằng đây là một biểu tượng rất phù hợp. Trong nhóm này, cũng như trong nhóm thấp hơn, có hai loại—những người có thể được dạy cách sử dụng thể trí, và hình thành xung quanh nó phương tiện tạm thời mạnh mẽ từ chất liệu cảm dục mà đôi khi được gọi là mayavirupa, và số đông lớn hơn những người chưa sẵn sàng cho sự phát triển này, nhưng vẫn có thể được hướng dẫn về cõi trí và các quyền năng và khả năng tương ứng với nó. Giống như trong các Tiểu Bí Nhiệm, con người học về kết quả chính xác sau khi chết của những hành động và lối sống nhất định trên cõi trần, thì trong các Đại Bí Nhiệm, họ học cách những nguyên nhân sinh ra trong cuộc sống thấp hơn này được thực hiện như thế nào trong thiên giới. Trong Tiểu Bí Nhiệm, sự cần thiết và phương pháp kiểm soát những dục vọng, đam mê và cảm xúc được làm rõ; trong Đại Bí Nhiệm, cùng giáo lý đó được truyền dạy với sự kiểm soát thể trí.

The other side of the Theosophical teaching, that of cosmogenesis and anthropogenesis, was also continued here, and carried to a

Khía cạnh khác của giáo lý Thông Thiên Học, về cosmogenesis (sự hình thành vũ trụ) và anthropogenesis (sự hình thành con người),

much greater length. Instead of being instructed only as to the broad outlines of evolution by reincarnation, and the previous races through which man has risen in this world, the initiates now received a description of the whole scheme as we have it now, including the seven great chains and their relation to the solar system as a whole. Their terms were different from ours, but the instruction was in essence the same; where we speak of successive life-waves and outpourings, they spoke of aeons and emanations, but there is no doubt [68] that they were fully in touch with the facts, and that they represented them to their pupils in wonderful visions of cosmic processes and their terrestrial analogies. Just as in the case of the after-death states, their representations were at first produced by occult methods; and later, when these failed them, by mechanical and pictorial means, the results of which were greatly inferior. Illustrations of germ development shown by picture or model, in the same way as we might show some of them by means of a microscope, were employed to teach by the law of correspondences the truth of cosmic evolution. It may possibly be that a misunderstanding of the theatrical representation of some of these processes of reproduction was distorted into an idea of indecency, and so the seed was sown from which sprang later the false and foolish accusations of the ignorant and bigoted Christians.

cũng được tiếp tục tại đây, và được mở rộng nhiều hơn. Thay vì chỉ được hướng dẫn về những nét lớn của sự tiến hóa qua tái sinh và các giống dân trước đó mà loài người đã trải qua trên thế giới này, những người được điểm đạo giờ đây nhận được mô tả về toàn bộ kế hoạch như chúng ta có ngày nay, bao gồm bảy dãy hành tinh lớn và mối liên hệ của chúng với hệ mặt trời nói chung. Thuật ngữ của họ khác với chúng ta, nhưng giáo lý thực chất là giống nhau; khi chúng ta nói về những làn sóng sự sống liên tiếp và những sự tuôn đổ, họ nói về những aeon và những sự phát xuất, nhưng không có gì nghi ngờ [68] rằng họ đã hoàn toàn nắm bắt các sự thật, và họ đã truyền đạt chúng cho môn sinh của mình qua những hình ảnh tuyệt vời về các quá trình vũ trụ và các tương ứng trên trái đất. Cũng giống như trong các trường hợp về trạng thái hậu tử, các hình ảnh đại diện ban đầu được tạo ra bằng các phương pháp huyền bí; và sau đó, khi những phương pháp này thất bại, chúng được thay thế bằng các phương tiện cơ học và hình ảnh, kết quả của những cách làm này thấp hơn nhiều. Các minh họa về sự phát triển phôi thai được hiển thị bằng hình ảnh hoặc mô hình, giống như cách chúng ta có thể minh họa một số trong số đó bằng kính hiển vi, được sử dụng để dạy chân lý về sự tiến hóa vũ trụ qua quy luật tương đồng. Có thể rằng sự hiểu lầm về các hình thức trình diễn sân khấu của một số quá trình sinh sản này đã bị bóp méo thành ý tưởng về sự khiếm nhã, và từ đó gieo mầm cho những cáo buộc sai trái và ngu ngốc của những người Cơ Đốc giáo vô tri và cuồng tín sau này.

Some have wondered why so much trouble should be taken to explain complicated processes of past evolution, which after all have no obvious bearing on practical life. One can only say in reply that it is important for man to know something of how he came to be what he is, so that he may the better

Một số người thắc mắc tại sao lại tốn nhiều công sức như vậy để giải thích các quá trình phức tạp của sự tiến hóa trong quá khứ, trong khi cuối cùng chúng không có mối liên hệ rõ ràng với đời sống thực tế. Câu trả lời duy nhất là điều quan trọng đối với con người là biết chút ít về cách mà mình đã trở thành như hiện

comprehend the future that lies before him, and see from the method of his progress in the past how best to further it in the lives to come. We may estimate the importance which such teaching bears in the minds of the Great Ones from whom all religions come, from the fact that in every faith in the world, even among those of savages, we always find some traces of an effort to explain the origin of the world and of man, even though often it may be only the wildest and least comprehensible of myths. We have a prominent example of this in the earlier part of the book of Genesis, which gives the account of these transactions which is traditional among the Jews. In the latest communication [69] from the Great Brotherhood which stands behind and directs the affairs of the world, we find once more how prominent a position is assigned to the origin of man and of the system, from the space which is devoted to them in Madame Blavatsky's monumental work The Secret Doctrine.

tại, để từ đó có thể hiểu rõ hơn về tương lai phía trước, và nhìn từ phương pháp tiến bộ trong quá khứ để biết cách tốt nhất thúc đẩy nó trong những kiếp sống tương lai. Chúng ta có thể đánh giá tầm quan trọng của những giáo lý như vậy trong tư duy của các Đấng Cao Cả mà từ đó mọi tôn giáo xuất phát, từ thực tế rằng trong mọi tín ngưỡng trên thế giới, ngay cả trong số các tín ngưỡng của những bộ tộc man dã, chúng ta luôn thấy dấu vết của nỗ lực giải thích nguồn gốc của thế giới và của con người, dù rằng đôi khi đó có thể là những huyền thoại hoang dã và khó hiểu nhất. Chúng ta có một ví dụ nổi bật về điều này trong phần đầu của sách Sáng Thế, là bản tường thuật truyền thống giữa người Do Thái về các sự kiện này. Trong thông điệp gần đây nhất [69] từ Huynh Đệ Đoàn Vĩ Đại đứng phía sau và chỉ đạo các công việc của thế giới, chúng ta một lần nữa thấy vị trí quan trọng được dành cho nguồn gốc của loài người và hệ thống, từ không gian được dành cho chúng trong tác phẩm kỳ vĩ Giáo Lý Bí Nhiệm của bà Blavatsky.

The Symbols Employed—Các Biểu tượng được sử dụng

Among the many interesting facts connected with the Mysteries was the use in their ceremonies of certain implements or symbolical treasures, the meaning of which perhaps needs some explanation. One of these was the Thyrsus, a rod with a pine-cone at the top; and frequently this rod was said to be hollow, and filled with fire. The same symbolic implement is found in India, where it is usually a seven-jointed bamboo which is employed. When a candidate has been initiated he was often described as one who had been touched with Thyrsus, indicating that this was not a mere emblem, but had also a practical use. It indicated the spinal cord ending in the brain, and the fire enclosed within it was the sacred serpent-fire which in

Trong số nhiều sự thật thú vị liên quan đến các Bí Nhiệm là việc sử dụng trong các nghi lễ của họ một số công cụ hoặc báu vật mang tính biểu tượng, mà ý nghĩa của chúng có lẽ cần được giải thích thêm. Một trong số đó là Thyrsus, một cây gậy với một quả thông ở đầu; và thường cây gậy này được cho là rỗng và chứa lửa bên trong. Cùng một biểu tượng công cụ này cũng được tìm thấy ở Ấn Độ, nơi mà nó thường là một cây tre có bảy khớp. Khi một ứng viên đã được điểm đạo, người ta thường mô tả rằng họ đã được chạm vào bằng Thyrsus, cho thấy rằng đây không chỉ là một biểu tượng, mà còn có một công dụng thực tế. Nó đại diện cho dây cột sống kết thúc trong bộ não, và ngọn lửa được chứa bên trong là lửa xà thiêng liêng, mà trong tiếng Phạn được gọi là

Sanskrit is called kundalini. It was magnetized by the instructor and laid against the back of the candidate in order to awaken the latent force within him. It may probably also have been employed in the production of trance conditions, and it is possible that the fire within it may often have not only animal magnetism, but electricity. The latent force of kundalini is closely connected with occult development and with many kinds of practical magic, but any attempt to awaken or use it without the supervision of a competent teacher is fraught with serious dangers.

kundalini. Nó được vị giảng viên truyền lực từ tính và đặt lên lưng của ứng viên để đánh thức lực tiềm ẩn bên trong họ. Nó cũng có thể đã được sử dụng trong việc tạo ra các trạng thái xuất thần, và có thể rằng ngọn lửa bên trong nó không chỉ mang tính từ động vật mà còn có cả điện. Lực tiềm ẩn của kundalini có liên hệ chặt chẽ với sự phát triển huyền bí và với nhiều loại huyền thuật thực tiễn, nhưng bất kỳ nỗ lực nào để đánh thức hoặc sử dụng nó mà không có sự giám sát của một giảng viên đủ năng lực đều tiềm ẩn nguy hiểm nghiêm trọng.

Another interesting group of symbols were the playthings of the infant Bacchus, or Dionysos. As I have [70] already said, Dionysos was one of the names applied to the Logos, and the infancy signifies the commencement of this manifestation. In this infancy he is represented as playing, and his toys are a spinning-top, a ball, a mirror and a set of dice. You may think these incomprehensible symbols, but if you could see them you would understand at once, for these playthings are the matter of which the worlds are built. The spinning-top is the atom, always whirling round and round; and atoms are the bricks out of which the edifice of the solar system is constructed. The dice are not of the ordinary type, but are all different, for they are the five Platonic solids—the only regular solids which exist—the tetrahedron, the cube, the octahedron, the dodecahedron and the eikosihedron. These again may be regarded as building material, though in rather a different way. They represent the atoms of the various planes of nature—not that these are the shapes of those atoms, but that they indicate to the student of practical occultism certain fundamental qualities of the atoms, and the direction in which their force can be poured forth. We may make them into a series of seven by adding the point at the lower end and

Một nhóm biểu tượng thú vị khác là các đồ chơi của Bacchus hoặc Dionysos khi còn là trẻ nhỏ. Như tôi đã [70] nói trước đây, Dionysos là một trong những tên gọi được áp dụng cho Logos, và thời thơ ấu biểu thị cho sự khởi đầu của sự biểu hiện này. Trong thời thơ ấu, Ngài được miêu tả là đang chơi đùa, và các món đồ chơi của Ngài là một con quay, một quả bóng, một chiếc gương và một bộ xúc xắc. Bạn có thể nghĩ rằng đây là những biểu tượng khó hiểu, nhưng nếu bạn có thể nhìn thấy chúng, bạn sẽ hiểu ngay, vì những đồ chơi này là chất liệu mà các thế giới được xây dựng nên. Con quay là nguyên tử, luôn xoay tròn; và các nguyên tử là những viên gạch từ đó hệ mặt trời được xây dựng. Các xúc xắc không phải là loại thông thường, mà tất cả đều khác nhau, vì chúng là năm khối rắn của Plato—những khối rắn đối xứng duy nhất tồn tại—là tứ diện, lập phương, bát diện, thập nhị diện và nhị thập diện. Những khối này một lần nữa có thể được xem như vật liệu xây dựng, dù theo một cách khác. Chúng đại diện cho các nguyên tử của các cõi giới khác nhau của tự nhiên—không phải rằng đây là hình dạng của những nguyên tử đó, mà chúng chỉ ra cho học viên huyền thuật thực tiễn các phẩm chất cơ bản của nguyên tử, và hướng mà lực của chúng có thể được phóng ra. Chúng ta có thể làm chúng thành một loạt bảy bằng cách thêm điểm ở đầu dưới và hình cầu ở

the sphere at the higher, and they then give us a sequence of deep hidden meaning. The ball with which he toys is naturally the earth, and his mirror is the astral matter, which so readily reflects and reverses everything, and is, therefore often symbolized as water, as in the story of Narcissus. It is interesting to note how all these curious and apparently unmeaning points clear up and become luminous as we study and understand them. It is also noteworthy for the Theosophical student that the indication of the earth by a ball shows the acquaintance of the teachers with its sphericity, and that the atom as drawn by Mrs. Besant in The Ancient Wisdom is by no means inaptly represented by a spinning-top. [71]

đầu trên, và sau đó chúng cho chúng ta một chuỗi các ý nghĩa sâu kín. Quả bóng mà Ngài chơi đùa tự nhiên là trái đất, và chiếc gương của Ngài là vật chất cảm dục, vốn dễ dàng phản chiếu và đảo ngược mọi thứ, do đó thường được tượng trưng là nước, như trong câu chuyện về Narcissus. Thật thú vị khi lưu ý rằng tất cả những điểm kỳ lạ và dường như vô nghĩa này trở nên rõ ràng và sáng tỏ khi chúng ta nghiên cứu và hiểu chúng. Cũng cần lưu ý đối với học viên Thông Thiên Học rằng việc ám chỉ trái đất qua quả bóng cho thấy sự hiểu biết của các vị thầy về tính hình cầu của nó, và rằng nguyên tử như được vẽ bởi bà Besant trong *Minh Triết Cổ Đại* không phải là không phù hợp khi được đại diện bởi một con quay. [71]

The Pythagorean School—Trường phái Pythagore

Many of the ancient schools of Philosophy worked in connection with the Mystery teaching. The Pythagoran seems to have been especially close to the Theosophical ideas of the present day. It divided its students into three degrees, which corresponded almost exactly with those of the early Christians, who called them the stages of Purification, Illumination and Perfection respectively—the last one including what St. Clement calls the scientific knowledge of God. In the Pythagorean scheme the first order was that of the Akoustikoi, or Hearers, who took no part in the discussions or addresses, but kept absolute silence in the meetings for two years, and devoted themselves to listening and learning.

Nhiều trường phái triết học cổ đại đã hoạt động liên kết với giáo lý của các Bí Nhiệm. Trường phái Pythagoras dường như có mối liên hệ đặc biệt gần gũi với những ý tưởng Thông Thiên Học ngày nay. Nó chia các môn sinh của mình thành ba cấp độ, gần như tương ứng chính xác với những cấp độ của các Kitô hữu sơ khai, những người gọi chúng là các giai đoạn Thanh Lọc, Soi Sáng và Hoàn Hảo—giai đoạn cuối cùng bao gồm điều mà Thánh Clement gọi là tri thức khoa học về Thượng Đế. Trong hệ thống Pythagoras, cấp độ đầu tiên là của các Akoustikoi, hay những người Lắng Nghe, họ không tham gia vào các cuộc thảo luận hoặc bài giảng, mà giữ im lặng tuyệt đối trong các cuộc họp trong hai năm và dành toàn bộ thời gian để lắng nghe và học hỏi.

At the end of that time, if otherwise satisfactory, the students were eligible for the second order of the Mathmatikoi. The mathematics which they learnt were not, however, confined to what we now mean by

Vào cuối thời gian đó, nếu đạt yêu cầu, các môn sinh sẽ đủ điều kiện để vào cấp độ thứ hai của Mathmatikoi. Tuy nhiên, môn toán học mà họ học không chỉ giới hạn trong ý nghĩa mà chúng ta hiểu ngày nay. Chúng ta hiện nay học

that term. We now study this science as an end in itself, but for them it was only a preparation for something much wider, higher and more practical. Geometry as we now know it was taught outside in ordinary life as a preparation; but inside these great Schools the subject was carried much farther, to the study and comprehension of the fourth dimension, and the laws and properties of higher space. It can only be fully understood it we take it thus as a whole, not in mere fragments, and as an introduction to astral development. It leads a man to understand all the octaves of vibrations, the vast areas of which as yet science knows nothing, the intricate occult relations of numbers, colours and sounds, the various three-dimensional sections of the mighty cone of space, [72] and the true shape of the universe. There is a vast amount to be gained from the study of mathematics by those who know how to take it up in the right way. It helps us to see how the worlds are made, for, as was said of old, "God geometrizes."

toán như một mục tiêu tự thân, nhưng đối với họ, nó chỉ là sự chuẩn bị cho một điều gì đó rộng hơn, cao hơn và thực tiễn hơn. Hình học mà chúng ta biết bây giờ được dạy bên ngoài đời sống thường ngày như là sự chuẩn bị; nhưng bên trong các Trường phái lớn này, chủ đề này được đưa xa hơn nhiều, đến việc nghiên cứu và hiểu về chiều không gian thứ tư, và các định luật và thuộc tính của không gian cao hơn. Điều này chỉ có thể được hiểu đầy đủ nếu chúng ta nhìn nhận nó như một tổng thể, không phải chỉ những mảnh vụn, và như là một sự giới thiệu về sự phát triển cõi cảm dục. Nó dẫn dắt con người hiểu được tất cả các quãng tám của rung động, những khu vực rộng lớn mà khoa học hiện nay chưa biết gì, những mối quan hệ huyền bí phức tạp của các con số, màu sắc và âm thanh, các phần cắt ba chiều của hình nón vĩ đại của không gian, [72] và hình dạng thực sự của vũ trụ. Có một khối lượng lớn kiến thức có thể thu được từ việc nghiên cứu toán học đối với những ai biết cách tiếp cận nó đúng cách. Nó giúp chúng ta thấy cách các thế giới được tạo ra, vì, như người xưa đã nói, "Thượng Đế hình học hoá."

The third degree of the Pythagoreans was that of the Physikoi—not physicists in our modern sense of the word, but students of the true inner life, who learnt how to distinguish the Divine Life under all its disguises, and so were able to comprehend the course of its evolution. The life exacted from all these pupils was one of the most exalted purity. In some of the schools it was divided into five stages, which correspond fairly with the five steps of the probationary Path, as described in our own literature.

Cấp độ thứ ba của trường phái Pythagoras là của Physikoi—không phải là các nhà vật lý theo nghĩa hiện đại của từ này, mà là những học viên của đời sống nội tâm thực sự, những người học cách phân biệt sự sống thiêng liêng dưới mọi hình thức che đậy của nó, và do đó có thể hiểu được tiến trình tiến hóa của nó. Đời sống mà tất cả các môn sinh này phải tuân theo là một đời sống thanh cao nhất. Ở một số trường phái, nó được chia thành năm giai đoạn, tương ứng khá chính xác với năm bước trên Con Đường Dự Bị, như được mô tả trong tài liệu của chúng ta.

The Greek Mysteries appear under different names in different places, but what has been said above will apply to all of them. There were the Mysteries of Zeus in Crete, of Hera in

Các Bí Nhiệm Hy Lạp xuất hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau ở các nơi khác nhau, nhưng những gì đã được nói ở trên sẽ áp dụng cho tất cả. Có các Bí Nhiệm của Zeus ở Crete, của Hera

Argolis, of Athena in Athens, of Artemis in Arcadia, of Hecate in Aegina, and of Rhea in Phrygia. There was the so-called worship of the Kabeiroi in Egypt, Phoenicia and Greece; there were the interesting Persian Mysteries of Mithra, and those of Isis and Osiris in Egypt.

ở Argolis, của Athena ở Athens, của Artemis ở Arcadia, của Hecate ở Aegina, và của Rhea ở Phrygia. Có sự thờ phượng của các Kabeiroi ở Ai Cập, Phoenicia và Hy Lạp; có các Bí Nhiệm thú vị của Mithra ở Ba Tư, và của Isis và Osiris ở Ai Cập.

The Egyptian Mysteries—Các Bí Nhiệm Ai Cập

These last were surrounded by much that is of special interest to us. The well-known Book of the Dead is part of one of their manuals. The chapters which have been gradually collected from various tombs do not give us the whole of that work, but only one section of it, and even that is much corrupted. In its entirety it was intended as a kind of guide to the astral plane, containing [73] a number of instructions for the conduct of the departed in the lower regions of that new world. The mind of the Egyptian seems to have worked along exceedingly formal and orderly lines; he tabulated every conceivable description of entity which a dead man could by any possibility meet, and arranged carefully the special charm or "word of power" which he considered most certain to vanquish the creature if he should prove hostile.

Những điều cuối cùng này được bao quanh bởi nhiều yếu tố đặc biệt thú vị đối với chúng ta. Cuốn *Sách của Người Chết* nổi tiếng là một phần trong các tài liệu hướng dẫn của họ. Các chương đã được dần dần thu thập từ các lăng mộ khác nhau không cung cấp cho chúng ta toàn bộ tác phẩm, mà chỉ là một phần của nó, và ngay cả phần đó cũng đã bị biến dạng nhiều. Trong toàn bộ, nó được dự định như một loại hướng dẫn cho cõi cảm dục, chứa đựng [73] một số chỉ dẫn về cách ứng xử cho người đã khuất trong các vùng thấp hơn của thế giới mới đó. Tâm trí của người Ai Cập dường như hoạt động theo những đường lối cực kỳ hình thức và có trật tự; họ lập bảng mô tả mọi loại thực thể mà một người chết có thể gặp phải, và sắp xếp cẩn thận bùa hộ mệnh hoặc "Quyền Lực Từ" đặc biệt mà họ cho là chắc chắn nhất để đánh bại sinh vật nếu nó tỏ ra thù địch.

The Egyptian initiations were calculated on the same general plan. The candidate was attired in a white robe, emblematic of the purity which was expected (further symbolized by the preliminary bath, from which was derived the idea of Christian baptism), and brought before a conclave of priest-initiates in a sort of vault or cavern. He was formally tested as to the development of the clairvoyant faculty which he had been previously instructed how to awaken, and for this purpose had to read an inscription upon a brazen shield, of which the blank side was

Các cuộc điểm đạo của người Ai Cập được tính toán theo cùng một kế hoạch tổng thể. Ứng viên mặc một bộ áo trắng, biểu tượng của sự thanh khiết mà người ta mong đợi (cũng được biểu tượng hóa bằng nghi thức tắm trước, từ đó sinh ra ý tưởng về phép rửa tội của Kitô giáo), và được đưa đến trước một hội đồng các tu sĩ đã được điểm đạo trong một dạng hầm mộ hoặc hang động. Họ đã được kiểm tra chính thức về sự phát triển của khả năng thông nhãn mà trước đó họ đã được chỉ dẫn cách thức để đánh thức, và với mục đích này, họ phải đọc một dòng chữ trên một chiếc

presented to his physical vision. Later he was left alone to keep a kind of vigil. Certain mantrams, or words of power, had been taught to him, which were supposed to be appropriate to control certain classes of entities; so during his vigil various appearances were projected before him, some of a terrifying and some of a seductive nature, so that it might be seen whether his courage and coolness remained perfect. He drove away all these appearances in turn, each by his own special sign or word; but at the end, all these combined bore down upon him at once, and in this final effort he was instructed to use the mightiest word of power (what is called in the East a Raja-Mantram), by which all possible evil could be vanquished. Whether the majority of the Egyptian students knew, as we know, that all these various charms and words were given only to aid and strengthen the [74] will of the man, is not clear; though undoubtedly the higher initiates must have understood this. In truth, courage and purity of intention are all that is necessary, when coupled with the knowledge that had already been given.

khiên bằng đồng thau, trong khi mặt trống của chiếc khiên được đưa ra trước mắt vật lý của họ. Sau đó, họ được để lại một mình để giữ một dạng cảnh giác. Một số mantram, hoặc Quyền Lực Từ, đã được dạy cho họ, được cho là phù hợp để kiểm soát một số loại thực thể nhất định; vì vậy, trong thời gian họ canh gác, các sự xuất hiện khác nhau đã được tạo ra trước mặt họ, một số mang tính chất khủng khiếp và một số mang tính chất quyến rũ, để xem liệu lòng can đảm và sự bình tĩnh của họ có còn nguyên vẹn không. Họ lần lượt xua đuổi tất cả những hình ảnh này, mỗi lần bằng dấu hiệu hoặc từ riêng của mình; nhưng đến cuối cùng, tất cả những hình ảnh này kết hợp lại tấn công họ cùng một lúc, và trong nỗ lực cuối cùng này, họ được chỉ dẫn sử dụng Quyền Lực Từ mạnh mẽ nhất (được gọi là Raja-Mantram ở phương Đông), bằng cách đó mọi ác lực có thể bị đánh bại. Liệu phần lớn môn sinh Ai Cập có biết, như chúng ta biết, rằng tất cả những bùa hộ mệnh và Quyền Lực Từ này chỉ được đưa ra để hỗ trợ và củng cố [74] ý chí của con người hay không vẫn chưa rõ; mặc dù không nghi ngờ gì rằng những điểm đạo đồ cấp cao hơn chắc chắn phải hiểu điều này. Thực ra, lòng dũng cảm và sự thanh khiết trong ý định là tất cả những gì cần thiết, khi được kết hợp với kiến thức đã được truyền đạt.

Other ceremonies of the Egyptian Mysteries are of interest to us in the Occidental nations, because some of their ritual has curiously been entangled with our religious teachings, and utterly misunderstood and materialized. Even though at these later dates the ritual was shorn of much of its ancient splendour, it was still impressive. At one stage the candidate laid himself upon a curiously hollowed wooden cross, and after certain ceremonies was entranced. His body was then carried down into the vaults underneath the temple or pyramid, while he himself “descended into hades,” or the underworld—that is to say, in

Các nghi thức khác của Bí Nhiệm Ai Cập rất đáng quan tâm đối với chúng ta ở các quốc gia phương Tây, vì một số nghi lễ của họ đã được gắn kết một cách kỳ lạ với các giáo lý tôn giáo của chúng ta, và hoàn toàn bị hiểu sai và vật chất hóa. Mặc dù vào những ngày sau đó nghi thức đã mất đi nhiều sự huy hoàng cổ xưa, nó vẫn còn ấn tượng. Ở một giai đoạn, ứng viên nằm trên một cây thập giá bằng gỗ được khoét rỗng một cách kỳ lạ, và sau một số nghi thức, họ bị đưa vào trạng thái xuất thần. Thân thể họ sau đó được đưa xuống các hầm mộ dưới đền thờ hoặc kim tự tháp, trong khi chính họ "đi xuống địa ngục" hay thế giới ngầm — tức

our modern nomenclature, he passed on to the astral plane. Here he had many experiences, part of his work being to “preach to the spirits in prison”; for he remained in that trance condition for three days and three nights, which typified the three rounds and the intervals between them, during which man was going through the earlier part of his evolution, and descending into matter. Then, after “three days and three nights in the heart of the earth,” on the morning of the fourth day “he rose again from the dead”—that is to say, his body was brought back from the vault, and so placed that the rays of the rising sun fell upon his face and he awoke. This symbolizes the awakening of man in the fourth round, and the commencement of his ascent out of matter on the upward arc of evolution.

là, trong thuật ngữ hiện đại của chúng ta, họ đã chuyển sang cõi cảm dục. Ở đây họ trải qua nhiều trải nghiệm, một phần trong công việc của họ là "giảng đạo cho các linh hồn trong ngục tù"; vì họ ở trong trạng thái xuất thần đó trong ba ngày ba đêm, điều này tượng trưng cho ba cuộc tuần hoàn và các khoảng nghỉ giữa chúng, trong đó con người đã trải qua phần đầu tiên của sự tiến hóa và chìm vào vật chất. Sau đó, sau "ba ngày ba đêm trong lòng đất," vào buổi sáng ngày thứ tư, "họ trỗi dậy từ cõi chết" — nghĩa là, thân thể của họ được mang trở lại từ hầm mộ, và được đặt sao cho các tia sáng của mặt trời mọc chiếu lên mặt họ và họ tỉnh dậy. Điều này tượng trưng cho sự thức tỉnh của con người trong cuộc tuần hoàn thứ tư, và sự bắt đầu của sự thăng tiến của họ ra khỏi vật chất trên cung tiến hóa đi lên.

Then was given to the candidate a glimpse of the buddhic plane, a touch of that higher consciousness which enabled him to feel the underlying unity of all, and so [75] realize, the divinity in all; and thus “he ascended into heaven.” Many other points out of the life of an initiate and the stages through which he passes have been woven into the Christ-story by its authors, but they have been horribly misunderstood and degraded by the ignorant. An endeavour has been made to limit them and materialize them as historical events in the life one man; though the philosophical student realizes that, as Origen has so well put it, “Events which happened only once can be of no importance, and life, death, and resurrection are only a manifestation of a universal law which is really enacted, not in this fleeting world of shadows, but in the eternal counsels of the most High.”

Sau đó, ứng viên được ban cho một thoáng nhìn về cõi bồ đề, một sự xúc chạm vào tâm thức cao hơn giúp họ cảm nhận được sự hợp nhất tiềm ẩn của tất cả, và do đó [75] nhận ra thiên tính trong mọi thứ; và như vậy "họ đã lên thiên đàng." Nhiều điểm khác trong cuộc sống của một điểm đạo đồ và các giai đoạn mà họ trải qua đã được dệt vào câu chuyện về Chúa Kitô bởi các tác giả của nó, nhưng chúng đã bị hiểu sai một cách khủng khiếp và bị làm biến dạng bởi những kẻ vô tri. Đã có nỗ lực để giới hạn và vật chất hóa chúng thành những sự kiện lịch sử trong cuộc đời của một người duy nhất; mặc dù học giả triết học nhận ra rằng, như Origen đã diễn đạt rất rõ, "Những sự kiện chỉ xảy ra một lần thì không quan trọng, và sự sống, cái chết và sự phục sinh chỉ là sự biểu hiện của một quy luật phổ quát thực sự được diễn ra, không phải trong thế giới tạm bợ này của những cái bóng, mà trong các tư tưởng vĩnh cửu của Đấng Tối Cao."

In time there came degradation of the Mysteries, and the inner light and life were largely withdrawn from them, yet they did

Qua thời gian, đã có sự suy đồi của các Bí Nhiệm, và ánh sáng và sự sống nội tâm phần lớn đã bị rút đi khỏi chúng, nhưng chúng

not entirely die. In spite of the Church, all through the darkest times when anyone who was suspected of unorthodoxy was relentlessly persecuted, when it would seem that knowledge was dead, and that anything like intellectual progress was impossible, there were nevertheless certain half-secret societies which carried on something of the tradition and the work. There were the Knights Templar, the Rosicrucians of the Middle Ages, the Knights of Light, the Brothers of Asia, and many another occult body. It is true that in many of these there seems to have been but little knowledge, and even that heavily veiled; yet then, as ever, it remained true that there were always in the background those who knew, so that those who earnestly sought the Truth have always been able to find it.

không hoàn toàn chết. Bất chấp Giáo hội, suốt qua những thời kỳ đen tối nhất khi bất kỳ ai bị nghi ngờ về việc đi ngược giáo lý chính thống đều bị truy đuổi tàn nhẫn, khi có vẻ như tri thức đã chết và bất kỳ điều gì giống như tiến bộ trí tuệ là không thể, vẫn có những hội kín nửa công khai nào đó tiếp tục duy trì truyền thống và công việc. Có các Hiệp sĩ Dòng Đền, các hội viên của Rosicrucians (Hồng Hoa Thập Tự) trong thời Trung Cổ, các Hiệp sĩ Ánh Sáng, Huynh đệ Á Châu, và nhiều tổ chức huyền môn khác. Đúng là trong nhiều hội này, dường như chỉ có rất ít tri thức, và ngay cả điều đó cũng bị che đậy nhiều; nhưng vẫn như mọi khi, sự thật vẫn là luôn luôn có những người ở hậu trường biết rõ, để những ai thực sự tìm kiếm Chân Lý luôn có thể tìm thấy nó.

At the present time their quest is surely easier than it has ever been before. The conditions of the world now are different from any that have previously existed; the invention of printing has made it possible to spread [76] knowledge abroad in a new way, and those who stand behind and direct the destinies of the world have thought it well that a small corner of the veil should be lifted, and that something at least of what has so long been jealously guarded should be put freely and openly before the eyes of men. The world at large has evolved, and so it is hoped that we may be safely trusted with something of additional knowledge; and thus it has come to pass, as Christ said of old, that “many prophets and kings desired to see the things that we see, and have not seen them, and to hear the things which we hear, and have not heard them.” All this we in the Theosophical Society are enjoying freely; yet because it is now so freely given we must not ungratefully despise it. All the more should we value and prize this possession which is ours, all the

Hiện tại, việc tìm kiếm của họ chắc chắn dễ dàng hơn bao giờ hết. Các điều kiện của thế giới bây giờ khác với bất kỳ điều kiện nào đã từng tồn tại trước đây; sự phát minh ra in ấn đã làm cho việc truyền bá [76] tri thức theo một cách mới trở nên khả thi, và những người đứng sau và chỉ đạo vận mệnh của thế giới đã cho rằng thật tốt khi hé lộ một góc nhỏ của bức màn, và ít nhất một phần của những gì đã được bảo vệ kín đáo từ lâu nay được đưa ra một cách tự do và công khai trước mắt loài người. Thế giới nói chung đã tiến hóa, và vì vậy hy vọng rằng chúng ta có thể được tin tưởng với một phần kiến thức bổ sung; và do đó, như Đức Christ đã nói từ lâu, rằng "nhiều tiên tri và vua mong muốn thấy những điều chúng ta thấy, mà không thấy, và nghe những điều chúng ta nghe, mà không nghe." Tất cả những điều này chúng ta trong Hội Thông Thiên Học đang tận hưởng một cách tự do; nhưng vì nó bây giờ được trao một cách tự do, chúng ta không được khinh thường nó một cách vô ơn. Càng nhiều hơn, chúng ta nên trân trọng và đánh giá cao sự sở hữu này, trách nhiệm của chúng ta càng

greater is our responsibility for its right use, all the more strenuous should be our effort to make it a part of our very lives, and to aid, in its light, in the evolution of the world. The opportunities now put before us are greater than those of our ancestors; let us see to it that we prove worthy of them. Let us not, as did the men of Atlantis, take advantage of them for selfish and personal gain, but let us take care that as we obtain greater knowledge and greater power it is always directed by greater love, so that we may learn to use it for the development of humanity and for the good of our fellowman. [77]

lớn đối với việc sử dụng đúng đắn của nó, và nỗ lực của chúng ta càng mạnh mẽ hơn để làm cho nó trở thành một phần của chính cuộc sống của chúng ta, và để giúp đỡ, dưới ánh sáng của nó, trong sự tiến hóa của thế giới. Những cơ hội bây giờ được đặt trước chúng ta lớn hơn những cơ hội của tổ tiên chúng ta; hãy đảm bảo rằng chúng ta chứng tỏ mình xứng đáng với chúng. Chúng ta đừng, như những người Atlantis đã làm, lợi dụng những cơ hội đó cho lợi ích ích kỷ và cá nhân, mà hãy đảm bảo rằng khi chúng ta đạt được nhiều kiến thức và quyền năng hơn, nó luôn được điều khiển bởi tình yêu thương lớn hơn, để chúng ta có thể học cách sử dụng nó cho sự phát triển của nhân loại và lợi ích của đồng loại. [77]

Note. On the relation that exists between the Platonic solids of the Mysteries and the periodic law of the elements in modern chemistry, see Occult Chemistry by Annie Besant, 1909.

Ghi chú. Về mối quan hệ giữa các khối rắn của Plato trong các Bí Nhiệm và định luật chu kỳ của các nguyên tố trong hóa học hiện đại, xem cuốn *Hóa học Huyền Bí* của Annie Besant, 1909.

CHƯƠNG IV—PHẬT GIÁO

It is obviously impossible to put before an audience in a lecture of an hour an adequate presentation of one of the great world-religions which is probably entirely new to many of those who are present. I do not propose therefore to give you the mere formal detail or framework of the subject, which those who wish for it can obtain from any encyclopaedia. My wish is rather to endeavor to put before you something of the life of the religion—less to quote from its books than to tell you how it acts and works as a living force today upon those who hold it as their creed. In connection with the Theosophical Society I have worked for years among the Buddhists of Ceylon and of Burma, and I was myself admitted into the Southern Buddhist Church by its Chief Abbott Hikkaduwe Sumangala. Though I must quote occasionally I will do so as little as possible, but shall try rather to give you my own impression of this great religion.

Rõ ràng là không thể trình bày đầy đủ về một trong những tôn giáo lớn của thế giới, có lẽ hoàn toàn mới đối với nhiều người hiện diện, trong một bài giảng kéo dài một giờ đồng hồ. Do đó, tôi không có ý định cung cấp cho các bạn những chi tiết hình thức hoặc khuôn khổ đơn thuần của chủ đề, mà những ai muốn có thể lấy từ bất kỳ cuốn bách khoa toàn thư nào. Mong muốn của tôi là cố gắng trình bày trước các bạn một phần nào đó về đời sống của tôn giáo này—ít trích dẫn từ kinh sách của nó hơn là kể cho các bạn nghe nó hoạt động và tác động như thế nào như một lực lượng sống động ngày nay đối với những người coi nó là tín ngưỡng của họ. Liên quan đến Hội Thông Thiên Học, tôi đã làm việc nhiều năm trong số những người theo Phật giáo ở Ceylon và Miến Điện, và bản thân tôi đã được vị trụ trì Hikkaduwe Sumangala tiếp nhận vào Giáo hội Phật giáo Nam tông. Mặc dù đôi khi tôi phải trích dẫn, nhưng tôi sẽ làm điều đó càng ít càng tốt, mà thay vào đó sẽ cố gắng mang đến cho các bạn ấn tượng của riêng tôi về tôn giáo vĩ đại này.

I must say a few words first as to the life of the Founder of Buddhism; then secondly I will outline its broad principles; and thirdly I will say something of its practical working.

Trước tiên, tôi phải nói vài lời về cuộc đời của Đức Phật, người sáng lập ra Phật giáo; thứ hai, tôi sẽ phác thảo những nguyên tắc rộng lớn của nó; và thứ ba, tôi sẽ nói đôi điều về hoạt động thực tế của nó.

The Life of the Founder

Cuộc đời của Vị Sáng Lập

The story of the life of the Founder is one of the most beautiful that has ever been told, but I can give you only a slight sketch of it now. Those who wish to read it, told as it should be told, in glowing melodious poetry, [78] should read The Light of Asia, by Sir Edwin Arnold. Indeed, grandly poetical though it be, there is no statement so beautiful of the principles of this great religion as that which Sir Edwin

Câu chuyện về cuộc đời của Đấng Sáng Lập là một trong những câu chuyện đẹp nhất từng được kể, nhưng tôi chỉ có thể phác thảo một chút về nó ở đây. Những ai muốn đọc câu chuyện này, được kể như nó nên được kể, bằng thơ ca rực rỡ và du dương, hãy đọc *Ánh Sáng Á Châu* của Sir Edwin Arnold. Thật vậy, mặc dù nó mang tính thi ca vĩ đại, nhưng không có một tuyên bố nào về các nguyên tắc của tôn

Arnold has given in his matchless verse, and if it be my privilege to introduce to that book any one who does not know it, assuredly that reader will owe me a debt of gratitude.

giáo vĩ đại này lại đẹp đẽ như những gì Sir Edwin Arnold đã diễn tả trong những câu thơ vô song của Ông, và nếu tôi có đặc ân giới thiệu cuốn sách đó cho bất kỳ ai chưa biết đến, chắc chắn người đọc đó sẽ mang ơn tôi.

Briefly, then, this mighty Founder was the Prince Siddartha Gautama of Kapilavastu, a city about a hundred miles north-east of Benares in India, within forty miles of the lower spurs of the Himalaya mountains. He was the son of Suddhodana, king of the Sakyas, and his wife, Queen Maya. He was born in the year 623 B.C. And his birth is surrounded with many beautiful legends, just as are the births of all the other great teachers. It is related that various portents took place—for example, that a wonderful star appeared, just as was afterward told with regard to the birth of Christ. His father, the king, as was natural for an Indian monarch, had the child's horoscope cast immediately after his birth; and a remarkable and transcendent destiny was predicted for him. It was foretold that he had before him a great choice, and that the might excel all men of his time along one of two lines, according to his preference. Either he might become a king of much wider temporal power than his father—an Overlord or Emperor of the whole Indian Peninsula such as has arisen only occasionally in history; or he might abandon all the privileges of his princely birth and become a homeless ascetic, vowed to perpetual poverty and chastity. But if he selected this latter destiny he would be the greatest religious teacher whom the world had ever seen, and the millions who would follow him in this capacity would be more numerous by far than the subjects of any earthly kingdom. [79]

Tóm tắt ngắn gọn, Đấng Sáng Lập vĩ đại này là Thái tử Siddhartha Gautama của Kapilavastu, một thành phố cách Benares ở Ấn Độ khoảng một trăm dặm về phía đông bắc, cách dãy Himalaya khoảng bốn mươi dặm. Ngài là con trai của Vua Suddhodana, vua của dòng tộc Sakyas, và vợ Ngài, Hoàng hậu Maya. Ngài sinh vào năm 623 trước Công nguyên. Và sự ra đời của Ngài được bao quanh bởi nhiều truyền thuyết đẹp đẽ, giống như sự ra đời của tất cả các vị thầy vĩ đại khác. Người ta kể rằng có nhiều điềm báo khác nhau xảy ra—chẳng hạn như một ngôi sao tuyệt diệu xuất hiện, tương tự như câu chuyện về sự ra đời của Đức Christ sau này. Vua cha, như một vị vua Ấn Độ, đã lập tức cho người lập lá số chiêm tinh của Ngài ngay sau khi sinh; và một số phận xuất chúng và vượt trội đã được tiên đoán cho Ngài. Người ta tiên đoán rằng Ngài sẽ phải đối mặt với một sự lựa chọn vĩ đại, và có thể vượt qua mọi người trong thời đại của Ngài theo một trong hai hướng, tùy theo sở thích của mình. Hoặc Ngài có thể trở thành một vị vua có quyền lực thế tục rộng lớn hơn nhiều so với cha mình—một Đại Đế của toàn bộ bán đảo Ấn Độ, như đã thỉnh thoảng xuất hiện trong lịch sử; hoặc Ngài có thể từ bỏ mọi đặc quyền của dòng dõi hoàng gia và trở thành một nhà tu khổ hạnh không nhà cửa, thề sống trong cảnh nghèo khó và khiết tịnh vĩnh viễn. Nhưng nếu Ngài chọn số phận sau này, Ngài sẽ trở thành vị thầy tôn giáo vĩ đại nhất mà thế giới từng thấy, và số người theo Ngài trong vai trò này sẽ nhiều hơn nhiều so với thần dân của bất kỳ vương quốc nào trên trần thế.

Perhaps we can hardly wonder that King Suddhodana shrank somewhat from the idea

Có lẽ chúng ta không thể ngạc nhiên khi Vua Suddhodana có phần lưỡng lự với ý tưởng về

of this mendicant life for his firstborn son, and wished rather that his royal line should be perpetuated and elevated. So he endeavoured from the first to direct the Prince's choice rather along temporal than spiritual lines; and since he knew that the acceptance of the spiritual life would be most likely to be determined by the sight of the woes and sorrows of the world, and the desire to remedy them, he decided (so the story tells us) to keep from the Prince's sight anything which could suggest these doleful topics. It is said that he resolved that the Prince should know nothing of decay or of death, and should be brought up in the midst of temporal pleasures and taught to devote himself to the glory and power of the royal house. The Prince dwelt in a noble palace encircled by miles of beautiful gardens, in which he was practically a prisoner, although he knew it not. He was surrounded by all that could minister to his delights in every possible way; only the young and the beautiful were allowed to approach him, and any one who was sick or suffering was sedulously kept out of his sight.

cuộc sống khất sĩ dành cho con trai đầu lòng của mình, và muốn rằng dòng dõi hoàng gia của mình sẽ được tiếp nối và nâng cao. Vì vậy, ngay từ đầu, nhà vua đã cố gắng định hướng sự lựa chọn của Thái tử theo hướng thế tục hơn là tinh thần; và vì Ông biết rằng sự chấp nhận đời sống tinh thần có thể được quyết định nhiều nhất bởi việc nhìn thấy những khổ đau và đau thương của thế gian, và mong muốn khắc phục chúng, Ông đã quyết định (theo câu chuyện) ngăn chặn Thái tử không được nhìn thấy bất cứ điều gì có thể gợi lên những chủ đề buồn thảm này. Người ta kể rằng vua đã quyết định rằng Thái tử không được biết đến sự già yếu hay cái chết, và Ngài phải được nuôi dưỡng trong sự hưởng thụ trần thế và được dạy để cống hiến cho vinh quang và quyền lực của hoàng gia. Thái tử sống trong một cung điện nguy nga được bao quanh bởi những khu vườn xinh đẹp trải dài hàng dặm, trong đó Ngài hầu như là một tù nhân, dù Ngài không nhận ra điều đó. Ngài được bao bọc bởi tất cả những gì có thể làm thỏa mãn niềm vui của mình theo mọi cách có thể; chỉ những người trẻ trung và xinh đẹp mới được phép tiếp cận Ngài, và bất kỳ ai bị ốm đau hoặc đau khổ đều được cẩn thận giữ xa khỏi tầm nhìn của Ngài.

So he seems to have passed his early years in this strange, confined and yet delightful world. The boy grew up until he became of marriageable age, when he was betrothed to Yasodhara, daughter of the King Suprabuddha. It seems to have been supposed that this new interest would entirely fill the Prince's life; and yet it is recorded that all the while at intervals remembrances of other lives would rise within his mind, and some faint presage of a mighty duty unfulfilled would trouble his repose. This uneasiness steadily increased and eventually he seems to have insisted upon passing into the outer world and seeing something of life other than his own. [80]

Vì vậy, Ngài dường như đã trải qua những năm tháng đầu đời của mình trong thế giới kỳ lạ, bị giới hạn nhưng vẫn đầy thú vị này. Chàng trai lớn lên cho đến khi đến tuổi kết hôn, khi Ngài được đính hôn với Yasodhara, con gái của Vua Suprabuddha. Dường như người ta cho rằng sự quan tâm mới này sẽ hoàn toàn lấp đầy cuộc sống của Thái tử; nhưng người ta ghi lại rằng trong suốt thời gian này, đôi khi những ký ức về các kiếp sống trước lại trỗi dậy trong tâm trí Ngài, và một dấu hiệu mờ nhạt của một nhiệm vụ vĩ đại chưa hoàn thành đã khiến Ngài cảm thấy không yên lòng. Sự bồn chồn này ngày càng gia tăng, và cuối cùng dường như Ngài đã quyết định bước ra thế giới bên ngoài và thấy được một phần cuộc sống ngoài cuộc sống của

mình.

It is recorded how in this way for the first time he came in contact with old age, with sickness and with death; and, profoundly affected by the sight of these states, so common to us, yet wholly new and unfamiliar to him, he sorrowed greatly over the sad destiny of his fellowmen. Seeing also one day a holy hermit, he was deeply impressed with the serenity and majesty of his appearance, and realized that here at least was one who rose superior to the otherwise universal ills of life. From that period his resolve to live the spiritual life grew stronger and stronger, and though in due course he married Yasodhara, and had one son, Rahula, at last the time came when in his twenty-ninth year he definitely abandoned his princely rank, leaving all his wealth in the hands of his wife and son, and betook himself to the jungle as an ascetic.

Người ta kể lại rằng theo cách này, lần đầu tiên Ngài tiếp xúc với sự già yếu, bệnh tật và cái chết; và, bị ảnh hưởng sâu sắc bởi cảnh tượng những điều này—vốn rất quen thuộc với chúng ta nhưng hoàn toàn mới và xa lạ đối với Ngài—Ngài đã đau buồn rất nhiều trước số phận buồn thảm của đồng loại. Khi thấy một vị ẩn sĩ thánh thiện, Ngài bị ấn tượng mạnh mẽ bởi vẻ thanh thản và uy nghi của vị ấy, và nhận ra rằng đây ít nhất là một người đã vượt qua những đau khổ phổ quát của cuộc sống. Từ thời điểm đó, quyết tâm sống đời sống tinh thần của Ngài ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn, và dù sau này Ngài đã kết hôn với Yasodhara và có một con trai, Rahula, cuối cùng vào năm hai mươi chín tuổi, Ngài đã dứt khoát từ bỏ địa vị hoàng gia, để lại toàn bộ của cải cho vợ và con, và đi vào rừng sâu như một nhà tu khổ hạnh.

This may seem to our modern notions a very strange course to adopt, but it must be remembered that it was the only way to obtain such instruction as he desired. The conditions of life then were so different from our own that it is difficult for us to realize them. There were no printed books, and all the holy men were mendicants and ascetics. A student then had no alternative but to go from teacher to teacher to learn what each had to tell, and to discuss with each the problems of life so as to see what light he could throw on them.

Điều này có thể dường như rất lạ lẫm đối với quan niệm hiện đại của chúng ta, nhưng chúng ta cần nhớ rằng đó là con đường duy nhất để có được những giáo lý mà Ngài mong muốn. Điều kiện sống lúc đó khác xa với hiện nay đến mức khó để chúng ta hình dung. Không có sách in, và tất cả các vị thánh đều là những người khất sĩ và ẩn sĩ. Một môn sinh lúc đó không có lựa chọn nào khác ngoài việc đi từ thầy này sang thầy khác để học những gì mỗi người có thể dạy, và để thảo luận với từng người về các vấn đề của cuộc sống nhằm xem họ có thể soi sáng điều gì.

Naturally at this time the Prince, like his father and all other inhabitants of India, belonged to the great Hindu religion; and consequently it was to some of the leading ascetic Brahmans that he went for instruction and guidance in this new life. For six years he passed from one of these teachers to another seeking to learn from them the true solution

Tự nhiên vào thời điểm đó, Thái tử, giống như cha Ngài và tất cả cư dân Ấn Độ, theo tôn giáo vĩ đại Hindu; và do đó, Ngài đã đến với một số nhà tu khổ hạnh hàng đầu trong số các đạo sĩ Bà La Môn để tìm kiếm chỉ dẫn và hướng dẫn trong cuộc sống mới này. Trong sáu năm, Ngài đã đi từ một vị thầy này sang vị thầy khác, cố gắng học hỏi từ họ giải pháp thực sự cho vấn

to the problem of life, and a remedy for the misery of the world, yet never finding fully that [81] which he sought. Their doctrine seems always to have been that only through the most rigid asceticism and the heaviest self-imposed penances could one hope to escape from the sorrow and suffering which were the heritage of all men; and he tried all their systems to the uttermost one after the other, yet ever with an unsatisfied yearning for something greater, truer, and more real beyond. At last such persistent and rigorous asceticism told upon his health, and it is related that one day he fainted from hunger and lay almost at the point of death. He recovered from this, but he realized that though this might certainly be a way out of the world, it was hardly the way in which life could be brought into the world; and he reasoned that to aid his fellow-men he must at least live long enough to find the truth which should set them free. He seems to have taken from the first the most altruistic attitude. For himself he had all that could make life happiest; yet the dumb sorrow of the teeming millions appealed to him so strongly that while that existed unassuaged no happiness was possible for him. It was for them, not for himself, that he sought the way of escape from the misery of physical life. For them, not for himself, he felt the need of a higher life that could be lived by all.

đề của cuộc sống và một phương thuốc cho nỗi khổ đau của thế giới, nhưng không bao giờ tìm thấy đầy đủ điều mà Ngài tìm kiếm. Giáo lý của họ dường như luôn khẳng định rằng chỉ qua sự khổ hạnh nghiêm ngặt nhất và những hình phạt tự áp đặt nặng nề nhất, người ta mới có thể hy vọng thoát khỏi nỗi đau và khổ mà loài người thừa hưởng; và Ngài đã thử tất cả các hệ thống của họ đến mức tối đa, nhưng luôn với một nỗi khao khát không nguôi về điều gì đó lớn lao hơn, chân thật hơn và thực sự hơn. Cuối cùng, sự khổ hạnh kiên trì và nghiêm ngặt này đã ảnh hưởng đến sức khỏe của Ngài, và người ta kể lại rằng một ngày kia, Ngài ngất xỉu vì đói và nằm gần như sắp chết. Ngài đã hồi phục, nhưng nhận ra rằng dù điều này có thể là một cách thoát khỏi thế gian, thì đó cũng không phải là cách mà sự sống có thể được mang lại cho thế giới; và Ngài suy luận rằng để giúp đỡ đồng loại, Ngài phải sống đủ lâu để tìm ra chân lý có thể giải thoát họ. Ngay từ đầu, dường như Ngài đã có thái độ vị tha nhất. Đối với bản thân Ngài, Ngài có tất cả những gì có thể làm cho cuộc sống trở nên hạnh phúc nhất; nhưng nỗi đau câm lặng của hàng triệu sinh linh đã khiến Ngài cảm thấy không thể nào hạnh phúc khi những nỗi khổ đó vẫn chưa được giải quyết. Ngài tìm kiếm con đường thoát khỏi nỗi khổ của cuộc sống vật chất không phải vì bản thân Ngài, mà vì họ. Ngài cảm nhận nhu cầu về một cuộc sống cao cả hơn mà tất cả mọi người có thể sống, không phải cho chính Ngài, mà cho những người khác.

So, finding all the ascetic practices unavailing, he decided instead to try the training of the mind along the lines of the highest meditation; and presently he seated himself beneath the Bodhi tree, determined to attain by the power of his own spirit the knowledge of which he was in search. There he sat in meditation reviewing all these things, studying deeply into the heart and cause of life and endeavouring to raise his

Vì vậy, khi thấy rằng tất cả các phương pháp khổ hạnh đều không hiệu quả, Ngài quyết định thay vào đó thử rèn luyện tâm trí theo hướng tham thiền cao nhất; và rồi Ngài ngồi xuống dưới cây Bồ Đề, quyết tâm đạt được bằng sức mạnh của tinh thần kiến thức mà Ngài đang tìm kiếm. Ở đó, Ngài ngồi tham thiền, suy ngẫm về tất cả những điều này, nghiên cứu sâu vào tâm điểm và nguyên nhân của sự sống, cố gắng nâng cao tâm thức của mình lên một

consciousness to a higher level. At last by a mighty effort he succeeded, and then he saw unrolled before him the marvellous [82] scheme of evolution and the true destiny of man. Thus he became the Buddha, the enlightened one; and then he turned to share with his fellow-men this wondrous knowledge that he had gained. He went forth to preach his new doctrine, commencing by the delivery of a sermon which is still preserved in the sacred books of his followers. In his own tongue, Pali (which is still for them the sacred language, just as Latin is that of the Catholic Church), this first sermon is known as the Dhammachakkappavattana Sutta, which has been interpreted to mean “The setting in motion of the royal chariot wheels of the Kingdom of Righteousness.”

cấp độ cao hơn. Cuối cùng, bằng một nỗ lực vĩ đại, Ngài đã thành công, và lúc đó Ngài đã thấy trước mắt mình trải dài toàn bộ chương trình tiến hóa kỳ diệu và số phận thực sự của con người. Do đó, Ngài trở thành Đức Phật, đấng giác ngộ; và rồi Ngài quay lại để chia sẻ với đồng loại tri thức kỳ diệu mà Ngài đã đạt được. Ngài bắt đầu đi giảng dạy về giáo lý mới của mình, bắt đầu bằng bài thuyết pháp đầu tiên, bài giảng vẫn còn được lưu giữ trong các sách thánh của những người theo Ngài. Trong ngôn ngữ của chính Ngài, tiếng Pali (vẫn được coi là ngôn ngữ thiêng liêng của họ, giống như tiếng Latin đối với Giáo hội Công giáo), bài giảng đầu tiên này được gọi là Dhammachakkappavattana Sutta (Chuyển Pháp Luân), được hiểu là "Sự khởi động của bánh xe hoàng gia của Vương quốc Công lý".

In several of the books of our modern Orientalists you may find a literal translation of it; but if you wish to catch the real spirit of what he said, once more you will do well to turn to the Eighth Book of Sir Edwin Arnold’s wonderful poem. Perhaps the poet does not give us the literal meaning of each word as accurately as other Oriental scholars; perhaps his work is rather a splendid paraphrase than a verbal translation; but this at least I know, that he gives as no other has yet given in English the spirit which permeates this mighty Oriental faith. I have lived among these people; I have shared in their religious festivals and I know the feelings in their hearts; and to read The Light of Asia brings the whole scene back before me vividly as I have seen it so many times; whereas the wooden and pedantic accuracy of the Orientalist calls forth no echo of the mystic music of the East.

Trong một số cuốn sách của các nhà Đông phương học hiện đại, bạn có thể tìm thấy bản dịch theo nghĩa đen của nó; nhưng nếu bạn muốn hiểu tinh thần thực sự của những gì Ngài đã nói, một lần nữa bạn nên đọc cuốn thứ tám của bài thơ tuyệt vời *Ánh Sáng Á Châu* của Sir Edwin Arnold. Có lẽ nhà thơ không đưa ra nghĩa đen của từng từ một cách chính xác như các học giả Đông phương khác; có thể tác phẩm của Ông là một bản diễn giải xuất sắc hơn là một bản dịch nguyên văn; nhưng ít nhất tôi biết rằng Ông đã diễn đạt, như chưa ai từng diễn đạt trong tiếng Anh, tinh thần thấm đẫm trong tín ngưỡng vĩ đại này của phương Đông. Tôi đã sống cùng những người này; tôi đã tham gia vào các lễ hội tôn giáo của họ và tôi biết những cảm xúc trong lòng họ; và khi đọc *Ánh Sáng Á Châu* đã đưa toàn bộ khung cảnh trở lại trước mắt tôi một cách sống động, như tôi đã thấy nó nhiều lần; trong khi sự chính xác cứng nhắc và gò bó của các nhà Đông phương học lại không gợi lên được âm nhạc huyền bí của phương Đông.

Briefly, the Buddha set before his hearers what

Tóm tắt ngắn gọn, Đức Phật đã đặt ra trước các

he called “The Middle Path.” He declared that extremes in either direction are equally irrational; that on the one hand the life of the man of the world, wrapped up entirely in his business, pursuing dreams of wealth and [83] power, is foolish and defective because it leaves out of account all that is really worthy of consideration. But he affirmed also that on the other hand the extreme asceticism which teaches each man to turn his back upon the world altogether, and to devote himself exclusively and selfishly to the endeavour to shut himself away from it and escape from it, is also foolish. He held that the “middle path” of truth and of duty is the best and the safest, and that while certainly the life devoted entirely to spirituality is the highest of all for those who are ready for it, there is also a good and true and spiritual life possible for the man who yet holds his place and does his work in the world.

thính giả của mình điều mà Ngài gọi là "Con đường Trung đạo." Ngài tuyên bố rằng các cực đoan ở bất kỳ hướng nào cũng đều vô lý như nhau; rằng, một mặt, cuộc sống của người trần thế, hoàn toàn bị cuốn vào công việc của mình, theo đuổi những giấc mơ về sự giàu có và quyền lực, là ngu ngốc và thiếu sót vì nó bỏ qua tất cả những gì thực sự xứng đáng được xem xét. Nhưng Ngài cũng khẳng định rằng, mặt khác, sự khổ hạnh cực đoan, dạy mỗi người quay lưng hoàn toàn với thế gian và hoàn toàn tập trung vào việc trốn tránh nó, là ngu ngốc. Ngài cho rằng "con đường trung đạo" của chân lý và bổn phận là con đường tốt nhất và an toàn nhất, và dù chắc chắn rằng cuộc sống hoàn toàn tận hiến cho tâm linh là cao quý nhất cho những ai sẵn sàng, thì cũng có một cuộc sống tốt đẹp, chân thật và tinh thần dành cho người vẫn đang giữ vị trí của mình và làm việc trong thế gian.

He based his doctrine solely on reason and on common-sense; he asked no man to believe anything blindly, but rather told him to open his eyes and look round him. He declared that in spite of all the sorrow and the misery of the world, the great scheme of which man is a part is a scheme of eternal justice, and that the law under which we are living is a good law, and needs only that we should understand it and adapt ourselves to it. He declared that man causes his own suffering by yielding himself perpetually to desire for that which he has not, and that happiness and contentment can be gained better by limiting desires than by increasing possessions. He preached this “middle path” with the most wonderful success for forty-five years in all parts of India, and eventually died at the age eighty at the town of Kusinagara in the year 543 B.C.

Ngài đặt giáo lý của mình dựa hoàn toàn trên lý trí và lương tri; Ngài không yêu cầu bất kỳ ai phải tin tưởng mù quáng, mà thay vào đó, bảo họ hãy mở mắt và nhìn xung quanh. Ngài tuyên bố rằng bất chấp tất cả những đau khổ và phiền muộn trên thế gian, chương trình vĩ đại mà con người là một phần là một chương trình của công lý vĩnh cửu, và luật lệ mà chúng ta đang sống là một luật lệ tốt, và chỉ cần chúng ta hiểu nó và thích nghi với nó. Ngài khẳng định rằng con người tự gây ra khổ đau cho mình bằng cách liên tục nhượng bộ trước những ham muốn không có được, và rằng hạnh phúc và sự thỏa mãn có thể đạt được dễ dàng hơn bằng cách giới hạn những ham muốn hơn là gia tăng tài sản. Ngài đã giảng dạy về "con đường trung đạo" này với thành công tuyệt vời trong suốt bốn mươi lăm năm tại khắp các vùng của Ấn Độ, và cuối cùng Ngài qua đời ở tuổi tám mươi tại thành phố Kusinagara vào năm 543 trước Công nguyên.

The dates which I have given above are those of the Eastern records; and although European Orientalists at first declined to accept them and tried to prove that the life of the Buddha was much nearer to the Christian era, further discovery has steadily forced them back until [84] most of them now admit that the original records are reliable. The history and the edicts of the great Buddhist Emperor Asoka have done much to clear up this question of chronology; and the Mahawanso of Ceylon gives us a careful and detailed record which proves only the more definite and reliable the more it is investigated. So that now the dates connected with the life of the Buddha are fairly accepted.

Những ngày tháng mà tôi đã đưa ra ở trên là của các bản ghi chép từ phương Đông; và mặc dù ban đầu các nhà Đông phương học châu Âu từ chối chấp nhận chúng và cố gắng chứng minh rằng cuộc đời của Đức Phật gần với thời kỳ Công Nguyên hơn nhiều, các phát hiện sau này đã buộc họ phải quay lại dần dần, cho đến khi hầu hết họ giờ đây chấp nhận rằng những bản ghi chép ban đầu là đáng tin cậy. Lịch sử và các sắc lệnh của vị Hoàng đế Phật giáo vĩ đại Asoka đã làm sáng tỏ nhiều về vấn đề niên đại này; và cuốn Mahawanso của Ceylon cung cấp cho chúng ta một bản ghi chép cẩn thận và chi tiết, càng được điều tra kỹ lưỡng, càng chứng minh sự rõ ràng và đáng tin cậy. Do đó, giờ đây những ngày tháng liên quan đến cuộc đời của Đức Phật đã được chấp nhận khá ổn định.

How far we may depend upon the details of that life as accurate it is difficult to say. Probably the reverence and affection of his followers drew around his memory a certain mist or halo of legend, just as has been the case with all the other great religious teachers. Yet none can doubt that we have here a beautiful story embodying the life of a most saintly man of splendid purity of life and wonderful clearness of spiritual vision. As Monsieur Barthelemy St. Hilaire says: “His life is absolutely without stain. His constant heroism equals his conviction; he is the perfected example of all the virtues which he preaches; his abnegation, his charity, his unchanging sweetness never fail him for a single instant..... He prepares silently his doctrine through six years of labour and of meditation; he propagates it by the sole power of speech and of persuasion during more than half a century, and when he dies in the arms of his disciples it is with the certainty of a sage who has practised the highest all his life, and who is assured of having found the truth.”

Việc chúng ta có thể dựa vào những chi tiết về cuộc đời đó một cách chính xác đến đâu là điều khó nói. Có lẽ lòng tôn kính và tình yêu thương của các đệ tử Ngài đã tạo ra một lớp hào quang hoặc truyền thuyết xung quanh ký ức về Ngài, cũng giống như với tất cả các vị thầy tôn giáo vĩ đại khác. Tuy nhiên, không ai có thể nghi ngờ rằng chúng ta có ở đây một câu chuyện đẹp đẽ thể hiện cuộc đời của một người thánh thiện với sự thuần khiết tuyệt vời và cái nhìn tâm linh trong sáng. Như Monsieur Barthelemy St. Hilaire đã nói: "Cuộc đời của Ngài hoàn toàn không có vết nhơ. Lòng quả cảm kiên định của Ngài ngang bằng với niềm tin của Ngài; Ngài là ví dụ hoàn thiện của tất cả các đức tính mà Ngài giảng dạy; sự từ bỏ, lòng bác ái, và sự ngọt ngào không thay đổi của Ngài chưa bao giờ bị mất đi dù chỉ trong một khoảnh khắc... Ngài âm thầm chuẩn bị giáo lý của mình qua sáu năm lao động và thiền định; Ngài truyền bá giáo lý của mình chỉ bằng sức mạnh của lời nói và sự thuyết phục trong hơn nửa thế kỷ, và khi Ngài chết trong vòng tay của các đệ tử, đó là với sự chắc chắn của một nhà hiền triết đã thực hành điều cao cả nhất suốt cuộc đời, và tin chắc rằng mình đã tìm ra chân

lý."

His Teaching—Giáo Lý của Đức Phật

Let us turn now to examine the great principles of his doctrine. He himself was once asked whether it was possible for him to embody it in one Sutta, or verse of four lines, and in reply he spoke what follows:- [85]

Chúng ta hãy chuyển sang xem xét các nguyên tắc vĩ đại trong giáo lý của Ngài. Một lần, Ngài đã được hỏi liệu có thể diễn đạt toàn bộ giáo lý trong một bài Kinh hoặc một câu thơ bốn dòng hay không, và Ngài đã trả lời như sau:

“Sabbapapassa akaranam;

Kusalassa upasampada;

Sa chittapariyo dapanam;

Etam Buddhana sasanam.

“Sabbapapassa akaranam;

Kusalassa upasampada;

Sa chittapariyo dapanam;

Etam Buddhana sasanam.”

This may perhaps best be translated:-

Có lẽ bản dịch tốt nhất có thể là:

“Cease to do evil;

Learn to do well;

Cleanse your own heart;

This is the religion of the Buddhas.”

"Ngừng làm điều ác;

Học cách làm điều thiện;

Thanh lọc tâm hồn của bạn;

Đây là giáo lý của Chư Phật."

It will be seen at once that this is a fine and comprehensive definition. First of all the man is directed to give up every activity which is evil in any sense of that word; but he is by no means to rest contented with that. He must take up activity in a fresh direction and “learn to do well.” Then, having thus regulated his conduct with regard to the outer world, he is instructed to cleanse his own heart—a command so far-reaching that there is little in the spiritual life which is not included within it. The whole foundation of the teaching of the Buddha was always common-sense and justice. He based his claim to be heard upon the fact that his teachings were clear and understandable; and he impressed this attitude strongly upon the minds of his followers—so much so that at an Ecumenical

Người ta sẽ nhận thấy ngay rằng đây là một định nghĩa tuyệt vời và bao quát. Trước hết, con người được hướng dẫn từ bỏ mọi hành động ác, dù trong bất kỳ ý nghĩa nào của từ này; nhưng anh ta cũng không được bằng lòng chỉ với điều đó. Anh ta phải bắt đầu hành động theo một hướng mới và "học cách làm điều thiện". Sau đó, khi đã điều chỉnh hành vi của mình đối với thế giới bên ngoài, anh ta được dạy phải thanh lọc tâm hồn mình—một mệnh lệnh bao quát đến mức hầu như không có gì trong đời sống tinh thần mà không nằm trong đó. Toàn bộ nền tảng của giáo lý Đức Phật luôn là lương tri và công lý. Ngài dựa vào sự rõ ràng và dễ hiểu của giáo lý của mình để yêu cầu được lắng nghe; và Ngài nhấn mạnh thái độ này mạnh mẽ đến mức nó đã in sâu vào tâm trí các đệ tử của Ngài—đến mức tại một Công

Council of the Buddhist monks held at Vaisali, when the question arose as to whether certain doctrines had really been part of the Buddha's teaching, a resolution was unanimously passed to the effect that "That only can pass as teaching of the Buddha which is not in contradiction to sound reason." (Schlagintweit's Buddhism in Tibet, p.21.) One cannot but wish that the Ecumenical Councils of the Christian Church had made a similar resolution; for in that [86] case the absurdities which have encrusted the true faith could never have been permitted to grow into gigantic but baseless structure of the orthodox theology of the present day.

Đồng Toàn Cầu của các tăng sĩ Phật giáo tổ chức tại Vaisali, khi câu hỏi được đặt ra liệu một số giáo lý nhất định có thực sự là một phần trong giáo lý của Đức Phật hay không, một quyết định đã được thông qua với sự đồng thuận rằng "Chỉ những gì không mâu thuẫn với lý trí đúng đắn mới có thể coi là giáo lý của Đức Phật" (trong cuốn *Buddhism in Tibet* của Schlagintweit, trang 21). Người ta không thể không ước rằng các Công Đồng Toàn Cầu của Giáo Hội Kitô giáo cũng đã đưa ra một nghị quyết tương tự; vì nếu như vậy, những điều phi lý đã bám rễ vào đức tin chân chính sẽ không bao giờ được phép phát triển thành cấu trúc to lớn nhưng vô căn cứ của thần học chính thống ngày nay.

This decision of the Council agrees also with what the Buddha himself had said to the people of the village of Kalama when they came to him and asked him what, amidst all the varied doctrines of the world, they ought to believe. His answer was; "Do not believe in a thing said merely because it is said; or in traditions because they have been handed down from antiquity; nor in rumours as such; nor in writings by sages, merely because sages wrote them; nor in fancies that you may suspect to have been inspired by a Deva (that is, in presumed spiritual inspiration); nor in inferences drawn from some haphazard assumption you may have made; nor because of what seems an analogical necessity; nor on the mere authority of your own teachers or Masters. But believe when the writing, doctrine, or saying is corroborated by your own consciousness. For thus I have taught you, not to believe merely because you have heard; but when you believe of your own consciousness, then to act accordingly and abundantly." These words are quoted in Colonel Olcott's Buddhist Catechism from the Kalama Sutta of the Anguttara Nikaya; and assuredly the attitude which they represent is

Quyết định này của Công Đồng cũng phù hợp với những gì Đức Phật tự mình đã nói với dân làng Kalama khi họ đến với Ngài và hỏi rằng giữa tất cả những giáo lý đa dạng trên thế giới, họ nên tin vào điều gì. Câu trả lời của Ngài là: "Đừng tin vào một điều gì đó chỉ vì nó được nói ra; hay tin vào những truyền thống chỉ vì chúng được truyền lại từ thời cổ đại; cũng không phải tin vào những tin đồn; cũng không phải tin vào các văn bản của các hiền nhân chỉ vì họ đã viết chúng; cũng không phải tin vào những linh cảm mà bạn nghi ngờ là do một vị thần linh ban cho; cũng không phải tin vào những suy luận rút ra từ những giả định ngẫu nhiên mà bạn có thể đã đưa ra; cũng không phải tin chỉ vì uy quyền của các thầy hay các bậc thầy của bạn. Nhưng hãy tin khi văn bản, giáo lý, hay lời nói đó được xác nhận bởi tâm thức của chính bạn. Vì vậy, ta đã dạy các ngươi rằng không nên tin chỉ vì đã nghe thấy; nhưng khi các ngươi tin theo tâm thức của chính mình, hãy hành động phù hợp và dồi dào." Những lời này được trích dẫn trong *Buddhist Catechism* của Đại Tá Olcott từ Kalama Sutta trong bộ Anguttara Nikaya; và chắc chắn rằng thái độ mà chúng đại diện là một thái độ rất tốt đẹp cho một vị thầy tôn giáo.

a very fine one for a religious teacher to take.

Buddhism therefore has no creed; it simply required that a man shall recognize the facts which surround him. It is the only belief that the world has known which is entirely free from dogma, ceremony and priestcraft. According to its teachings, within the unchangeable laws of righteousness, each man is absolutely the creator of himself and of his own destiny. The Buddhist is one [87] who follows the instructions of the Buddha and lives the life which he has prescribed; so that there may be many among us who according to that test could be described as Buddhists, even though we may never have read a world of his wonderful utterances. His teaching also recognizes the different types of men, and the need of some of them for fuller knowledge than would be comprehensible to others. I had occasion to emphasize this point in speaking to you of Christianity, and exactly the same thing may be said of Buddhism.

Do đó, Phật giáo không có tín điều; nó chỉ yêu cầu rằng một người phải nhận ra các sự thật xung quanh mình. Đây là đức tin duy nhất mà thế giới từng biết đến hoàn toàn không có giáo điều, nghi thức và hệ thống tăng lữ. Theo giáo lý của nó, trong các quy luật bất biến của đạo đức, mỗi người hoàn toàn là người sáng tạo ra chính mình và số phận của mình. Phật tử là người tuân theo những chỉ dẫn của Đức Phật và sống cuộc đời mà Ngài đã quy định; vì vậy, có thể có nhiều người trong chúng ta, theo tiêu chuẩn đó, có thể được mô tả là Phật tử, ngay cả khi chúng ta chưa bao giờ đọc một từ nào trong những lời dạy tuyệt vời của Ngài. Giáo lý của Ngài cũng thừa nhận các loại người khác nhau, và nhu cầu của một số người về tri thức phong phú hơn sẽ khó hiểu đối với những người khác. Tôi đã có dịp nhấn mạnh điểm này khi nói với các bạn về Kitô giáo, và điều tương tự cũng có thể nói về Phật giáo.

It is true that the Buddha is represented in the Parinibbana Sutta as declaring that he does not give with a closed fist, as do some teachers who keep some things back; yet though he evidently meant that he taught everything freely, it is equally certain that the real basis of the great law can only be understood by those who have perfected their powers of comprehension. We see that he spoke parables and recited stories for the unenlightened masses, just as the Christ did; but he also preached the Sutta Pitaka for the more advanced, while he gives the Vinaya Pitaka for the government of the monks of his order, and he perfected the Abhidhamma Pitaka, or philosophical and psychological teaching, for the highest order of minds. He insisted strongly that it is a possibility and a duty for every man to live a holy life even while he is yet engaged in the world; but he

Quả thật, trong Parinibbana Sutta, Đức Phật được mô tả là tuyên bố rằng Ngài không đưa ra điều gì với nắm tay đóng kín, như những vị thầy khác vẫn giữ lại một số điều; nhưng mặc dù rõ ràng Ngài có ý rằng Ngài giảng dạy tất cả một cách tự do, cũng chắc chắn rằng cơ sở thực sự của luật lớn chỉ có thể được hiểu bởi những người đã hoàn thiện khả năng thấu hiểu của mình. Chúng ta thấy rằng Ngài nói bằng dụ ngôn và kể những câu chuyện cho đám đông chưa giác ngộ, giống như Đức Christ đã làm; nhưng Ngài cũng giảng dạy bộ Sutta Pitaka cho những người tiến bộ hơn, trong khi Ngài đưa ra bộ Vinaya Pitaka để quản lý các tu sĩ của tăng đoàn Ngài, và Ngài hoàn thiện bộ Abhidhamma Pitaka, hay giáo lý triết học và tâm lý học, dành cho những trí tuệ cao nhất. Ngài nhấn mạnh rằng mỗi người đều có khả năng và nhiệm vụ sống một cuộc đời thánh thiện ngay cả khi còn đang gắn bó với thế giới;

also taught, as every great teacher has done, that the highest of all lives is that devoted entirely to spiritual advancement and to the helping of humanity. For that purpose he founded the great monastic order called the Sangha, to which I shall have to refer later.

nhưng Ngài cũng dạy, như mọi vị thầy vĩ đại đã từng dạy, rằng cuộc đời cao cả nhất là cuộc đời hoàn toàn tận hiến cho sự tiến bộ tinh thần và giúp đỡ nhân loại. Vì mục đích đó, Ngài đã sáng lập ra dòng tu lớn gọi là Tăng Đoàn, mà sau này tôi sẽ phải đề cập đến.

The Four Noble Truths—Tứ Diệu Đế

One interesting feature of the Buddha's teaching is the way in which he tabulates everything, arranging it under [88] various heads for mnemonic purposes. In his first sermon he commences by the recital of his Four Noble Truths. These represent four links in a chain of reasoning, and each one of them is associated with a detailed explanation; but the whole thing is so arranged that a single word at once calls up to the mind of any student the whole argument, and it would scarcely be possible for even the least intelligent who had once learnt the chain of reasoning to forget any one of its links. His four truths are:

Một đặc điểm thú vị trong giáo lý của Đức Phật là cách Ngài phân loại mọi thứ, sắp xếp chúng theo các nhóm khác nhau vì mục đích ghi nhớ. Trong bài giảng đầu tiên của mình, Ngài bắt đầu bằng việc trình bày Bốn Chân Lý Cao Quý. Đây là bốn mắt xích trong chuỗi lập luận, và mỗi mắt xích đều đi kèm với một giải thích chi tiết; nhưng toàn bộ đều được sắp xếp sao cho chỉ cần một từ cũng có thể gợi lại toàn bộ lập luận cho bất kỳ người học nào, và gần như không thể có trường hợp ai đã học qua chuỗi lập luận này mà quên đi bất kỳ mắt xích nào. Bốn chân lý của Ngài là:

1. Sorrow.

2. The Cause of sorrow.

3. The ceasing of sorrow.

4. The path to the ceasing of sorrow.

1. Sự Khổ.

2. Nguyên nhân của Sự khổ.

3. Sự chấm dứt Sự khổ.

4. Con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.

The First Truth he explains in this way. All the life of the man of the world is a life which is either full of sorrow or at any moment liable to sorrow. Constantly the man is striving to attain something which he does not possess, and sorrowing because he does not get it; or, on the other hand, he is in constant fear of being dispossessed of something which he has already. The man suffers because he loses those whom he loves, or that to which he is strongly attached; he suffers sometimes

Chân lý thứ nhất Ngài giải thích như sau: Tất cả cuộc sống của con người thế gian đều là một cuộc sống tràn đầy khổ đau hoặc vào bất kỳ thời điểm nào cũng dễ dàng gặp phải khổ đau. Liên tục, con người cố gắng đạt được những thứ mình không có và khổ sở vì không đạt được; hoặc mặt khác, anh ta luôn lo sợ sẽ mất đi những gì mình đã có. Con người chịu khổ vì mất đi những người thân yêu hoặc những gì mình gắn bó; anh ta đôi khi đau khổ vì khao khát nhận được tình yêu không được đáp lại,

because he desires affection which is not given to him, or because that which he loves is passing away from him. He suffers from a fear of death, either for himself or for those who are dear to him. So, all the way through, the life of the ordinary man in the world is a life of more or less disturbance and sorrow.

hoặc vì những gì anh ta yêu đang dần rời xa anh. Anh ta sợ chết, dù là cho chính mình hay cho những người thân yêu của mình. Vì vậy, suốt cuộc đời, cuộc sống của người bình thường trong thế gian là một cuộc sống đầy sự bất an và khổ đau.

Then he passes on to the second of his Truths and proceeds to enquire what is the cause of this sorrow; and after careful analysis he comes to the conclusion that [89] the cause of all sorrow is the lower desire. If a man has no desire for riches or for fame, he will remain serene and unruffled whether these come to him or whether they are taken away from him. If his affection is fixed at higher levels, if he loves his friend and not merely the physical body of his friend, then he can never be separated from him and there can be no decay or loss of that affection. Man sorrows sometimes when he finds old age descending upon him; but this is only because he has a keen desire for those physical faculties which he now finds to be leaving him. If he realized truly that the soul remains unchanged however the bodily faculties may alter, there would be no sorrow in this wearing out of the earthly garment.

Chân lý thứ hai tiếp theo, Đức Phật đi tìm nguyên nhân của khổ; và sau khi phân tích kỹ lưỡng, Ngài kết luận rằng nguyên nhân của tất cả khổ đau là dục vọng thấp kém. Nếu một người không ham muốn sự giàu có hay danh vọng, anh ta sẽ giữ được sự bình tĩnh và không bị xáo trộn dù chúng đến với anh hay rời bỏ anh. Nếu tình cảm của anh ta được đặt ở những cấp độ cao hơn, nếu anh ta yêu thương bạn mình và không chỉ yêu thể xác của bạn, thì anh ta sẽ không bao giờ bị tách rời khỏi bạn và tình cảm đó sẽ không bao giờ suy tàn hay mất đi. Con người đôi khi đau khổ khi nhận ra mình đang già đi; nhưng điều này chỉ xảy ra vì anh ta khao khát những khả năng thể chất mà anh ta thấy đang rời bỏ mình. Nếu anh ta thực sự nhận ra rằng linh hồn vẫn không thay đổi dù các khả năng thể chất có thay đổi thế nào, thì sẽ không có nỗi buồn nào trong việc mất đi chiếc áo trần thế này.

So we are led on to the Third Noble Truth, the ceasing of sorrow; and naturally the way to escape sorrow is to put aside this lower desire. Thus he explains how if we fix our thoughts upon the highest and learn to withdraw our desire from lower levels, all sorrow will cease for us and we shall become serene and untroubled. A man may live happily in the physical world, if only he will not allow himself to be attached to it by desire. Be content with that you have, and take this lower life with calm philosophy, and then for you sorrow will have ceased.

Vì vậy, chúng ta được dẫn dắt đến Chân lý thứ ba, sự chấm dứt của khổ; và con đường thoát khỏi khổ tự nhiên là từ bỏ dục vọng thấp kém. Ngài giải thích rằng nếu chúng ta tập trung suy nghĩ vào những điều cao cả nhất và học cách từ bỏ dục vọng ở những cấp độ thấp hơn, thì mọi khổ đau sẽ chấm dứt đối với chúng ta và chúng ta sẽ trở nên thanh thản và không bị xáo động. Một người có thể sống hạnh phúc trong thế giới vật chất, miễn là anh ta không cho phép mình bị ràng buộc bởi dục vọng. Hãy bằng lòng với những gì bạn có, và đối diện với cuộc sống thấp kém này bằng triết lý điềm đạm, và rồi khổ đau sẽ chấm dứt đối với bạn.

His Fourth Noble Truth expresses to us the way in which this absence of desire may be attained. The path to this, he says, contains eight steps, and therefore it is constantly spoken of in Buddhist literature as “The Noble Eightfold Path.”

Chân lý thứ tư của Ngài chỉ ra con đường để đạt được sự không còn dục vọng. Ngài nói rằng con đường này có tám bước, do đó nó thường được nhắc đến trong văn học Phật giáo như là "Bát Chánh Đạo."

The first of these steps he states to be Right Belief; but we must be careful not to misunderstand him here. No blind belief is expected in Buddhism; indeed, as we have seen, such faith as that is distinctly deprecated. A man should believe not because he is told that such and [90] such a thing is true, but because he sees it to be inherently reasonable. Still, unless he has assured himself that certain broad facts are true, he will be little likely to make the necessary effort to raise himself along the path of evolution. His definition of Right Belief comes very near to a statement of Theosophical principles; for the belief required is that in the perfect law of justice or cause and effect, and in the possibility of attaining the highest good by following the path of holiness.

Bước đầu tiên trong tám bước này được Ngài nêu là Chánh Kiến; nhưng chúng ta phải cẩn thận không hiểu nhầm điều này. Trong Phật giáo không yêu cầu niềm tin mù quáng; thực tế, như chúng ta đã thấy, loại niềm tin như vậy rõ ràng bị phản đối. Một người nên tin không phải vì được bảo rằng điều này hay điều kia là đúng, mà vì anh ta thấy điều đó là hợp lý theo bản chất. Tuy nhiên, nếu anh ta không tự xác nhận rằng những sự thật rộng lớn nào đó là đúng, thì anh ta khó có thể thực hiện nỗ lực cần thiết để tự nâng mình lên trên con đường tiến hóa. Định nghĩa của Ngài về Chánh Kiến rất gần với tuyên bố của các nguyên tắc Thông Thiên Học; vì niềm tin được yêu cầu ở đây là tin vào luật công lý hoàn hảo hoặc luật nhân quả, và tin rằng có thể đạt được điều thiện cao nhất bằng cách theo con đường thánh thiện.

These postulates will lead him to the second step, which is Right Thought, and from that he passes naturally to the third and fourth, which are Right Speech and Right Action. Another necessity for the man still living in the world is the fifth step, Right Means of Livelihood; and the criterion by which a man may know whether his method of gaining a living is a right one is that it can do no harm to any living thing. The sixth of these steps is described as Right Energy, or Right Exertion. The Pali word means also strength; and the suggestion is that the man must not merely be passively good, but that he must exert himself to be of use to his fellow-men. The seventh step is translated as Right Remembrance; and it involves recollection and self-discipline—that a man should remember what he has

Những tiền đề này sẽ dẫn anh ta đến bước thứ hai, đó là Chánh Tư Duy, và từ đó anh ta tự nhiên tiến đến bước thứ ba và thứ tư, là Chánh Ngữ và Chánh Nghiệp. Một nhu cầu khác cho người sống trong thế gian là bước thứ năm, Chánh Mạng; và tiêu chí để biết liệu phương tiện kiếm sống của một người có đúng đắn hay không là nó không gây hại cho bất kỳ sinh vật nào. Bước thứ sáu được miêu tả là Chánh Tinh Tấn, hoặc Chánh Nỗ Lực. Từ trong tiếng Pali cũng có nghĩa là sức mạnh; và gợi ý là người ta không chỉ thụ động làm điều thiện, mà còn phải nỗ lực để trở nên hữu ích cho đồng loại của mình. Bước thứ bảy được dịch là Chánh Niệm; và nó bao gồm sự hồi tưởng và kỷ luật bản thân—rằng một người nên nhớ những gì mình đã làm sai, và cẩn thận để tránh lặp lại sai lầm đó. Cuối cùng, bước thứ tám là Chánh

done that is wrong, and so take care to avoid falling into the same error again. Then the last step is Right Concentration or Meditation—definite control of thought and the direction of it toward high and unselfish objects.

Định hoặc Thiền Định—kiểm soát tư tưởng một cách rõ ràng và hướng nó đến những mục tiêu cao cả và vô ngã.

All these eight steps he suggests as necessities in order that a man, while living in the world, may be so far detached from its power as to live wisely and happily. For the man in ordinary life are given also the Pancha Sila, or five commandments, to which I shall refer presently. [91]

Tất cả tám bước này được Ngài đề xuất là những điều cần thiết để một người, khi đang sống trong thế gian, có thể tách rời khỏi quyền lực của nó đủ để sống một cách khôn ngoan và hạnh phúc. Đối với người sống đời thường cũng được đưa ra Ngũ Giới mà tôi sẽ đề cập sau đây.

The Order of the Yellow Robe—Tăng Đoàn Cà Sa

The Buddha has other rules, however, for his Sangha—the order of the Yellow Robe—those who help the world, as they are often called. This Sangha is in many ways not unlike the Christian monastic orders. In it, as in them, the monks are vowed to poverty and chastity; but there is this decided advantage in the Buddhist rule, that no one is permitted to take vows in perpetuity, as is done in the Christian orders. We know that it not infrequently happens in European countries that a man enters some monastic body under the influence of religious enthusiasm, or perhaps sometimes of disgust for the world, or as the result of some great sorrow. Later, when the rush of feeling has passed away, he may discover that he has in reality no vocation for the religious life; and often much misery results from the fact that his vows are irrevocable and that no change is now possible for him.

Đức Phật còn có các quy tắc khác dành cho *Tăng đoàn* của Ngài—những người mặc áo *Cà-sa*—thường được gọi là những người giúp đỡ thế giới. Tăng đoàn này, trong nhiều khía cạnh, không khác gì các dòng tu trong Kitô giáo. Trong đó, cũng như trong các dòng tu, các tu sĩ đều thề nguyện sống trong nghèo khó và khiết tịnh; tuy nhiên, trong luật Phật giáo có một ưu điểm rõ ràng là không ai được phép thề nguyện vĩnh viễn, như thường thấy trong các dòng tu Kitô giáo. Chúng ta biết rằng ở các quốc gia châu Âu, không hiếm trường hợp một người gia nhập một dòng tu nào đó dưới ảnh hưởng của lòng nhiệt thành tôn giáo, hoặc có khi là vì chán ghét thế gian, hoặc kết quả của một nỗi đau buồn lớn. Sau đó, khi cảm xúc lắng xuống, anh ta có thể phát hiện ra rằng thực ra mình không có thiên hướng sống đời tu hành; và thường dẫn đến nhiều nỗi khổ khi lời thề nguyện của anh không thể bị hủy bỏ và không còn có thể thay đổi gì được nữa.

In the Buddhist system full provision is made for such a case as this. Any one who by his life has shown himself fit to do so may prepare himself for what is called ordination or admission to the brotherhood of monks. If

Trong hệ thống Phật giáo, có đầy đủ điều khoản để giải quyết những trường hợp như vậy. Bất cứ ai, nếu qua đời sống của mình đã chứng tỏ mình đủ khả năng, có thể chuẩn bị cho việc gọi là thụ giới hay được gia nhập vào

after a few months or a few years he should find himself no longer able to adhere to the strict rules of the monastic life, he may put off the robe again and enter once more into the ordinary life of the world without any reproach of any kind attaching to him. No one thinks the worse of him in any way; he has simply tried to live upon a level for which he is not quite fitted; he needs a few years longer in the world in order that he may develop himself to the requisite position; but no one blames him for this. Indeed, in Burma it is the custom for all the male population to put on the robes for a short time at least at some period of their lives. Those who feel this to be the existence best suited for [92] them retain them and become permanently members of the order; others put off their robes after a year or so of monasticism and enter the ranks of ordinary life, by no means the worse, but much the better, for their short experience of something higher.

tăng đoàn. Nếu sau một vài tháng hoặc vài năm, người đó nhận ra rằng mình không còn có thể tuân thủ các quy tắc khắt khe của đời sống tu sĩ, người đó có thể cởi bỏ áo cà-sa và quay trở lại đời sống bình thường mà không có bất kỳ lời trách cứ nào đeo bám. Không ai coi thường anh ta; anh ta chỉ đơn giản là đã thử sống ở một cấp độ cao hơn nhưng không hoàn toàn phù hợp; anh ta cần thêm vài năm nữa trong thế gian để phát triển mình lên vị trí cần thiết; nhưng không ai trách cứ anh ta về điều đó. Thực tế, ở Miến Điện, tất cả nam giới đều có thói quen mặc áo cà-sa trong một thời gian ngắn ở một giai đoạn nào đó trong cuộc đời. Những người cảm thấy cuộc sống này phù hợp với họ sẽ giữ áo và trở thành thành viên chính thức của tăng đoàn; còn những người khác sẽ cởi áo sau một năm hoặc hơn và quay lại đời sống bình thường, không hề tệ đi mà ngược lại còn tốt hơn nhiều sau trải nghiệm ngắn ngủi của họ với một điều gì đó cao cả hơn.

It must be remembered that to be a great religious teacher in the East is not at all the same thing as to be the head of some great faith here in the West. The Eastern teacher does not enjoy a princely revenue, and drive about in carriages with a state equal to that of many a monarch. It is just because many Christian bishops and Christian missionaries live along such lines as these that most Orientals do not believe them to be truly religious teachers at all. For in the East the religious teacher is one who devotes his whole life to the highest spirituality, who observes absolute purity of heart and mind, who never touches money in any form, whose first rule of life is that he must possess no property excepting the robes that he wears; and even these robes are so made as to be valueless if sold.

Chúng ta cần nhớ rằng, làm một nhà giáo tôn giáo vĩ đại ở phương Đông không giống với làm người đứng đầu của một tôn giáo lớn ở phương Tây. Ở phương Đông, vị thầy tôn giáo không có thu nhập như hoàng tử, cũng không đi lại trên xe ngựa với đoàn tùy tùng sang trọng như các quốc vương. Chính vì nhiều giám mục và nhà truyền giáo Kitô giáo sống theo lối sống như vậy mà hầu hết người phương Đông không tin rằng họ là những vị thầy tôn giáo thực sự. Bởi lẽ ở phương Đông, vị thầy tôn giáo là người hiến dâng cả cuộc đời cho đời sống tinh thần cao cả nhất, là người giữ gìn sự trong sạch tuyệt đối của tâm hồn và trí óc, là người không bao giờ chạm đến tiền bạc dưới bất kỳ hình thức nào, và quy tắc đầu tiên trong đời sống của họ là không được sở hữu bất kỳ tài sản nào ngoài chiếc áo mà họ mặc; thậm chí chiếc áo đó còn được may theo cách không có giá trị nếu đem bán.

On the other hand, so great is the universal veneration in the East for this spiritual life that the deference paid to the poorest or youngest of the teachers is greater than that paid to the king. The reverence given to the Yellow Robe of the monks of Buddha is striking and beautiful, and I have again and again seen the wealthiest and most influential of the city magnates rise respectfully and stand with bowed heads in the presence even of a child probationer who had but just put on the robes. The greatest respect is shown in Ceylon to the hereditary Chiefs of the people—the descendants of the ancient royal family; I have repeatedly seen the passers-by retire altogether [93] from the road as the Chieftain passed along it, the people standing at a lower level and bowing until he had gone his way. Yet these Chieftains gathered in solemn assembly will immediately rise to their feet at the entrance of the youngest member of the Sangha, and will remain standing until requested to be seated; so great is the homage given to the Yellow Robe all over the Buddhist world.

Mặt khác, sự tôn kính dành cho đời sống tâm linh này lớn đến mức sự tôn trọng dành cho vị thầy nghèo nhất hoặc trẻ nhất còn lớn hơn sự tôn kính dành cho một vị vua. Sự tôn kính dành cho áo cà-sa của các tăng sĩ Phật giáo là vô cùng ấn tượng và đẹp đẽ, và tôi đã nhiều lần chứng kiến những người giàu có và có ảnh hưởng nhất trong các quan lại thành phố đứng dậy với đầu cúi thấp trước sự hiện diện của ngay cả một sa-di trẻ vừa mới khoác lên mình chiếc áo cà-sa. Sự tôn trọng lớn nhất được dành cho các Thủ lĩnh thế hệ của người dân ở Tích Lan—những người thừa kế của hoàng tộc cổ xưa; tôi đã thấy nhiều lần người đi đường hoàn toàn rời khỏi con đường khi vị Thủ lĩnh đi qua, và họ đứng ở một vị trí thấp hơn và cúi chào cho đến khi ngài đi qua. Tuy nhiên, những vị Thủ lĩnh này, khi tụ họp một cách trang trọng, sẽ lập tức đứng dậy khi thành viên trẻ nhất của Tăng đoàn bước vào, và họ sẽ đứng cho đến khi được yêu cầu ngồi xuống; sự tôn kính dành cho áo cà-sa thật sự lớn lao trên khắp thế giới Phật giáo.

The Life of the Monk—Cuộc đời của Tu sĩ

The life of the monks is one of absolute detachment. Not only do they own no earthly possessions, but they take only simple food, just as it is given to them, without choice or question. Their lives are spent in study and in meditation, though they are also expected to preach to the people at certain set times. The principal festivity of the Buddhist is the day of the full moon; but in a subordinate way the other quarters of the moon's age are also celebrated, so that practically they come to have a weekly day of visiting the temple, much as in our land people go to church on Sunday. The monks also have it as a duty to give advice and admonition to any one who

Cuộc sống của các vị tăng là cuộc sống hoàn toàn thoát ly. Không chỉ là họ không sở hữu bất kỳ tài sản trần tục nào, mà họ chỉ ăn những thức ăn đơn giản được dâng cho họ, mà không lựa chọn hay thắc mắc. Cuộc sống của họ dành cho việc học tập và thiền định, mặc dù họ cũng được mong đợi sẽ thuyết giảng cho dân chúng vào những thời điểm nhất định. Lễ hội chính của Phật tử là ngày trăng tròn; nhưng theo một cách phụ, các tuần khác của chu kỳ mặt trăng cũng được kỷ niệm, vì vậy họ gần như có một ngày hàng tuần để đến chùa, tương tự như cách mà mọi người ở đất nước chúng ta đi nhà thờ vào ngày Chủ nhật. Các vị tăng cũng có nhiệm vụ đưa ra lời khuyên và nhắc nhở bất kỳ

may come to them, and to read what is called the Pirit Ceremony—that is to say, the words of consolation and blessing—on certain occasions in public, and also (when requested) at a private house when any one is sick.

ai đến gặp họ, và thực hiện nghi thức *Pirit*—tức là các lời an ủi và ban phước—vào những dịp nhất định ở nơi công cộng, và cũng có khi (theo yêu cầu) tại một nhà riêng khi có ai đó bị ốm.

The members of the Sangha have often been described in books of travel, and indeed generally in the literature on the subject, as "Buddhist priests", but the truth is that that designation is both inaccurate and misleading. The ideas which would be associated either in Catholicism or in Judaism with the word priest are entirely foreign to the whole teaching of Buddhism. There is no thought of any intermediary between man [94] and the great law of Divine Justice—no suggestion that man needs any such work done for him as a priest is supposed to do. So that when we meet with this expression, "a Buddhist priest," we must always bear in mind that in reality it means nothing more than a monk—one whose life is set apart and devoted to religion. His development is supposed to lead him entirely away from the things of this world and into the higher conditions of which I have written in Clairvoyance and The Other Side of Death. He is supposed definitely to have set his feet upon the Path of Holiness—the Path which leads him to Nirvana. In the concluding chapters of Invisible Helpers I have given in full detail the steps of this Path, and the qualifications which the candidate must develop at each of these steps; so I will not repeat them here, although I should most earnestly commend their study to every one who wishes to understand the beautiful and elevated spirit of this glorious religion.

Các thành viên của *Tăng đoàn* thường được miêu tả trong các sách du lịch, và thực sự trong nhiều tài liệu khác, như là "tu sĩ Phật giáo", nhưng sự thật là danh xưng đó không chính xác và gây hiểu lầm. Những ý tưởng mà từ *"tu sĩ"* gợi lên, dù trong Công giáo hay Do Thái giáo, hoàn toàn xa lạ với toàn bộ giáo lý của Phật giáo. Không có ý niệm về bất kỳ trung gian nào giữa con người và luật công bằng thiêng liêng—không có gợi ý nào cho rằng con người cần ai đó thực hiện công việc mà một tu sĩ thường được cho là làm thay cho mình. Vì vậy, khi gặp cụm từ "tu sĩ Phật giáo," chúng ta phải luôn nhớ rằng thực ra nó chỉ có nghĩa là một vị tăng—người có cuộc sống dành riêng cho tôn giáo. Sự phát triển của Ông ta được cho là hoàn toàn thoát khỏi những sự vật của thế gian và hướng đến các trạng thái cao hơn mà tôi đã viết trong cuốn *"Thông nhãn"* và *"Bên kia cái chết"*. Ông ta được cho là đã đặt chân lên *Con đường Thánh Thiện*—Con đường dẫn đến *Niết bàn*. Trong các chương cuối của cuốn *"Những người trợ giúp vô hình"*, tôi đã trình bày chi tiết các bước của Con đường này và những phẩm chất mà người hành giả phải phát triển ở mỗi bước; vì vậy, tôi sẽ không nhắc lại chúng ở đây, mặc dù tôi hết sức khuyến khích mọi người nên nghiên cứu chúng nếu muốn hiểu được tinh thần tuyệt đẹp và cao quý của tôn giáo huy hoàng này.

Nirvana—Niết Bàn

There is another point, however, with regard

Có một điểm khác, tuy nhiên, liên quan đến

to Nirvana, the goal of this Path, which I must not omit to mention, because there has been a widespread misunderstanding upon the subject. The description which the Buddha himself gives of Nirvana is so far above the comprehension of any man who is trained only in ordinary and worldly methods of thought that it is little wonder that it should have been misunderstood at first sight by the European Orientalist. Even Max Muller, the great Oxford Sanskritist, held for many years that Nirvana was simply equivalent to annihilation; and unfortunately this misconception seems to have been widely spread. Later in his life, with further and deeper study, [95]he came to understand that in this he had been mistaken; and indeed no one who has lived in the East among the Buddhists can for a moment suppose that they regard annihilation as the end which they are striving to reach.

Niết Bàn, mục tiêu của con đường này, mà tôi không thể không nhắc đến, bởi vì đã có sự hiểu lầm phổ biến về chủ đề này. Sự miêu tả mà chính Đức Phật đưa ra về Niết Bàn vượt xa sự hiểu biết của bất kỳ ai chỉ được huấn luyện theo các phương pháp tư duy thông thường và thế tục, đến mức không có gì ngạc nhiên khi nó bị hiểu sai ngay từ cái nhìn đầu tiên bởi các nhà Đông phương học châu Âu. Ngay cả Max Muller, nhà ngôn ngữ học tiếng Phạn vĩ đại của Oxford, trong nhiều năm đã tin rằng Niết Bàn đơn giản chỉ là sự hủy diệt; và thật không may, sự hiểu lầm này dường như đã lan rộng. Sau này, trong cuộc đời của mình, với sự nghiên cứu sâu hơn và thấu hiểu hơn, [95] Ông đã nhận ra rằng mình đã sai lầm; và thực sự không ai đã từng sống ở phương Đông giữa các Phật tử có thể trong một khoảnh khắc nghĩ rằng họ coi hủy diệt là mục tiêu mà họ đang phấn đấu để đạt được.

It is quite true that the attainment of Nirvana does involve utter annihilation of that lower side of man which is in truth all that we know of him at the present time. The personality and everything connected with the lower vehicles is impermanent and will disappear. If we endeavor to realize what man would be when deprived of all which is included under those terms, we shall see that for us at our present stage it would be difficult to comprehend that anything remained. And yet the truth is that everything remains—that in the glorified spirit that then exists, all the essence of all the qualities which have been developed through the centuries of strife and stress in earthly incarnation will inhere to the fullest possible degree. The man has become more than man, since he is now on the threshold of Divinity; yet he is still himself, even though it be a so much wider self. Many definitions have been given of Nirvana, and naturally none of them can possibly be

Đúng là việc đạt đến Niết Bàn liên quan đến sự hủy diệt hoàn toàn của phần thấp hơn của con người, vốn là tất cả những gì chúng ta biết về y vào thời điểm hiện tại. Phàm ngã và mọi thứ liên quan đến các thể thấp đều là vô thường và sẽ biến mất. Nếu chúng ta cố gắng hiểu con người sẽ như thế nào khi bị tước đi tất cả những gì nằm trong những thuật ngữ đó, chúng ta sẽ thấy rằng ở giai đoạn hiện tại của chúng ta, sẽ rất khó để hiểu rằng có bất cứ điều gì còn lại. Tuy nhiên, sự thật là mọi thứ vẫn còn tồn tại—rằng trong tinh thần vinh quang khi đó tồn tại, tất cả tinh hoa của mọi phẩm tính đã được phát triển qua hàng thế kỷ đấu tranh và căng thẳng trong các kiếp sống trên trần gian sẽ tồn tại đến mức cao nhất có thể. Con người đã trở nên hơn cả con người, bởi vì y giờ đây đang đứng trước ngưỡng cửa của Thiêng liêng; tuy nhiên, y vẫn là chính mình, dù đó là một bản thân rộng lớn hơn rất nhiều. Nhiều định nghĩa đã được đưa ra về Niết Bàn, và tự nhiên không có định nghĩa nào trong số

satisfactory; perhaps the best on the whole is that of peace in omniscience.

When, many years ago, I was preparing a simple introductory catechism of their religion for Buddhist children, the Chief Abbot Sumangala himself gave me as the best definition of Nirvana to put before them that it was a condition of peace and blessedness so high above our present state that it was impossible for us to understand it. Surely that is far removed from the idea of annihilation. Truly all that we now call the man has disappeared; but that is not because the individuality is annihilated, but because it is lost in divinity. [96]

đó có thể thỏa mãn; có lẽ định nghĩa tốt nhất trên toàn bộ là sự an bình trong sự toàn tri.

Khi nhiều năm trước đây, tôi đang chuẩn bị một cuốn giáo lý nhập môn đơn giản về tôn giáo của họ cho trẻ em Phật tử, chính Đại Trụ Trì Sumangala đã đưa ra cho tôi định nghĩa tốt nhất về Niết Bàn để đặt trước chúng, rằng đó là một trạng thái an bình và phúc lạc cao đến mức không thể nào chúng ta có thể hiểu được nó. Chắc chắn điều đó rất xa so với ý tưởng về sự hủy diệt. Thực sự, tất cả những gì chúng ta gọi là con người hiện tại đã biến mất; nhưng điều đó không phải vì cá thể đã bị hủy diệt, mà bởi vì nó đã hòa tan vào thiêng liêng. [96]

The Practical Result—Kết quả thực tiễn

Let us turn to our third heading and consider something of the practical side of this great world-religion as it may be seen at the present day. So far as I have seen, I must certainly bear testimony that it works exceedingly well. Of course there are good and bad men in every nation, and there are many nominal Buddhists in Burma and Ceylon just as there are nominal Christians in England; but statistics show that the proportion of crime to the population is much lower among the Buddhists of Ceylon than it is in any European country or in America.

Hãy chuyển sang tiêu đề thứ ba của chúng ta và xem xét một khía cạnh thực tiễn nào đó của tôn giáo lớn này, như nó có thể được thấy vào thời điểm hiện nay. Theo những gì tôi đã thấy, tôi chắc chắn phải làm chứng rằng nó hoạt động vô cùng tốt. Tất nhiên, có những người tốt và xấu trong mọi quốc gia, và có nhiều Phật tử danh nghĩa ở Miến Điện và Tích Lan, giống như có những tín đồ Cơ Đốc danh nghĩa ở Anh; nhưng thống kê cho thấy rằng tỷ lệ tội phạm so với dân số thấp hơn nhiều trong số các Phật tử Tích Lan so với bất kỳ quốc gia châu Âu nào hoặc ở Mỹ.

One great reason for this undoubted fact is that we see so much crime arise from drink, and drink is utterly forbidden by the Buddhist religion. That one fact in itself makes an enormous difference in the life of a nation. Unfortunately Europeans have introduced many new forms of intoxicating liquor among the Buddhist peoples, as they have carried them everywhere else; for this is a mark of their so-called civilization. So that here and

Một lý do lớn cho thực tế không thể phủ nhận này là chúng ta thấy rất nhiều tội phạm phát sinh từ rượu chè, và rượu hoàn toàn bị cấm bởi tôn giáo Phật giáo. Chính một sự kiện này đã tạo nên sự khác biệt rất lớn trong đời sống của một quốc gia. Thật không may, người châu Âu đã mang đến nhiều hình thức rượu mới cho các dân tộc Phật giáo, giống như họ đã mang chúng đến khắp mọi nơi; vì đây là dấu ấn của nền văn minh mà họ gọi là văn minh. Do đó,

there a man may be found even among the Buddhists who violates the precepts of his religion and partakes of the forbidden liquor; but he is keenly aware of the degradation which this entails, and the popular opinion invariably regards him as a wicked man, to quite the same extent as we in these Western countries should apply that designation to a robber or one who committed deeds of violence. I suppose it is difficult for a Western reader to grasp at once all the changes which the absence of this one fatal habit make in the life of a nation.

đây đó, người ta có thể tìm thấy ngay cả trong số các Phật tử những người vi phạm các giới luật của tôn giáo của họ và tham gia vào việc uống rượu bị cấm; nhưng y nhận thức sâu sắc về sự suy đồi mà điều này mang lại, và dư luận quần chúng luôn coi y là người xấu, giống như chúng ta ở các nước phương Tây thường gọi kẻ cướp hoặc kẻ phạm tội bạo lực là người ác. Tôi cho rằng sẽ khó khăn đối với độc giả phương Tây khi ngay lập tức hiểu được tất cả những thay đổi mà sự thiếu vắng thói quen nguy hiểm này tạo ra trong đời sống của một quốc gia.

I wish it were possible for me to describe how this grand old Oriental religion permeates the daily existence of those who profess it, so that you might have before you a perfect picture of that wonderful Eastern life, and might [97] feel the fascination of that Oriental atmosphere which is so totally unlike anything experienced elsewhere. The attitude of mind towards religion in the East is something so different from our position with regard to it here, that it is with difficulty that a man who has not seen it and lived in the midst of it can be brought fully to comprehend it. Here men belong to various sects, and are not infrequently bigoted and bitter in maintaining the tenets of their particular sect and denouncing those of all others; yet in the vast majority of cases this profession of religious belief is kept exclusively for Sunday, and it has practically no influence over the man's daily life during the rest of the week.

Tôi ước gì có thể mô tả được tôn giáo phương Đông cổ kính vĩ đại này thấm nhuần vào cuộc sống hàng ngày của những người theo nó ra sao, để các bạn có thể có trước mắt một bức tranh hoàn hảo về cuộc sống phương Đông kỳ diệu đó, và có thể [97] cảm nhận được sức cuốn hút của bầu không khí phương Đông ấy, vốn hoàn toàn khác biệt với bất cứ điều gì mà các bạn từng trải qua ở nơi nào khác. Thái độ đối với tôn giáo ở phương Đông rất khác với cách mà chúng ta đề cập đến nó ở đây, đến mức một người chưa từng thấy và sống trong đó sẽ khó có thể hiểu được đầy đủ. Ở đây, con người thuộc về nhiều giáo phái khác nhau và không hiếm khi cố chấp và cay đắng trong việc duy trì các giáo lý của giáo phái của mình, đồng thời phê phán những giáo lý của tất cả các giáo phái khác; tuy nhiên, trong phần lớn các trường hợp, sự tuyên xưng niềm tin tôn giáo này chỉ dành riêng cho ngày Chủ nhật, và hầu như không có ảnh hưởng gì đến cuộc sống hàng ngày của con người trong suốt phần còn lại của tuần.

In the East the whole attitude of man is the reverse of this. Each has his religious convictions, yet each is tolerant of the convictions of others. The Muhammadan truly is almost as fanatical as the Christian; but the Brahman and the Buddhist are always

Ở phương Đông, thái độ của con người hoàn toàn ngược lại. Mỗi người có những niềm tin tôn giáo của mình, nhưng mỗi người đều khoan dung với niềm tin của người khác. Người Hồi giáo thực sự gần như cuồng tín giống như người Cơ Đốc giáo; nhưng người Bà-

ready to admit that those who do not believe as they do may nevertheless be on the way towards the light, and they will always say that if even the most ignorant unbeliever does his duty according to his lights in this life he will assuredly in his next incarnation have further opportunities of learning something more of the truth than he knows at present, and so will finally attain his goal just as much as they themselves.

la-môn và Phật tử luôn sẵn sàng thừa nhận rằng những người không tin như họ có thể dù sao vẫn đang trên con đường đi tới ánh sáng, và họ sẽ luôn nói rằng ngay cả những kẻ vô tín ngu dốt nhất nếu làm tròn bổn phận của mình theo ánh sáng của chính họ trong kiếp sống này, thì chắc chắn trong kiếp tái sinh tiếp theo của họ sẽ có thêm cơ hội để học hỏi thêm về chân lý hơn những gì họ hiện biết, và do đó cuối cùng sẽ đạt đến mục tiêu của mình cũng như họ.

Even the intolerant Mohammedan differs greatly from the average Christian; for at least his religion is a vivid and real thing to him, and, such as it is, it permeates his very life, and is to him the dearest and the greatest thing in it. Every traveller in the East will have noticed how at the moment when the call of the Muezzin [98] rings from the minaret every Muhammadan within hearing, whatever he may be doing or however great a crowd may surround him, immediately pauses, draws forth his prayer-carpet, spreads it before him, and prostrates himself in prayer. How many of our ordinary Christians would be willing thus to turn aside three times a day in the midst of their trafficking and their business, and confess their faith before all men by acts of prayer and worship performed in the public streets?

Ngay cả người Hồi giáo cuồng tín cũng khác biệt rất nhiều so với người Cơ Đốc giáo trung bình; bởi ít nhất tôn giáo của y là một điều sống động và thực sự đối với y, và, dù nó là gì, nó thấm sâu vào cuộc sống của y, và đối với y, đó là điều quý giá và vĩ đại nhất trong đời sống của y. Mọi du khách phương Đông đều sẽ nhận thấy rằng khi tiếng gọi của người Muezzin [98] vang lên từ ngọn tháp, bất kỳ người Hồi giáo nào trong phạm vi nghe thấy, bất kể y đang làm gì hoặc dù có bao nhiêu người xung quanh, ngay lập tức dừng lại, lấy ra tấm thảm cầu nguyện của mình, trải nó ra trước mặt, và quỳ gối cầu nguyện. Có bao nhiêu tín đồ Cơ Đốc bình thường của chúng ta sẽ sẵn sàng quay lại ba lần một ngày giữa lúc buôn bán và kinh doanh của họ, và xưng nhận đức tin của mình trước mọi người bằng những hành động cầu nguyện và thờ phụng thực hiện ngay giữa đường phố?

So it is with the Buddhist also; he has no such public prayer as this, and yet his religion permeates his whole life, somewhat in the way which is the case with a few of the most highly devotional people here in the Roman Catholic Church. The majority of us in these countries seem to keep our religion and our daily business life in two watertight compartments, so that they may in no way interfere with one another. To the Buddhist that attitude is incomprehensible and

Phật tử cũng vậy; y không có những lời cầu nguyện công khai như thế này, nhưng tôn giáo của y thấm sâu vào toàn bộ cuộc sống của y, theo một cách nào đó giống như trường hợp với một số ít người sùng đạo nhất ở đây trong Giáo hội Công giáo La Mã. Đa số chúng ta ở các quốc gia này dường như giữ tôn giáo của mình và đời sống kinh doanh hàng ngày trong hai ngăn kín nước, để chúng không ảnh hưởng lẫn nhau. Đối với người Phật tử, thái độ đó là không thể hiểu nổi và không chân thành, bởi

insincere, for to him the religion is everything, and although sometimes in daily life he may depart from its precepts, he recognizes afterwards with sorrow that he has done so, and never attempts to justify himself with the plea of business interests, as men so often do with us.

vì đối với y, tôn giáo là tất cả, và mặc dù đôi khi trong cuộc sống hàng ngày y có thể xa rời các giới luật của nó, y nhận ra sau đó với nỗi buồn rằng mình đã làm như vậy, và không bao giờ cố biện minh cho mình bằng cái cớ của lợi ích kinh doanh, như con người chúng ta thường làm.

Buddhism in Burma—Phận Giáo Miến Điện

By far the best account that I read of the practical effect of the religion upon its votaries is contained in The Soul of a People, by H. Fielding Hall. It is indeed refreshing to find a writer who so fully understands and appreciates a faith other than his own—who has so entirely comprehended the spirit of Buddhism as it lives in the hearts of the people. He tells us that under its benign sway "the Burmese are a community of equals, in a sense that has probably never been known elsewhere." [99]

Cho đến nay, bản tường thuật hay nhất mà tôi đã đọc về ảnh hưởng thực tiễn của tôn giáo lên những người sùng đạo của nó được chứa đựng trong cuốn *Linh Hồn của Một Dân Tộc* của H. Fielding Hall. Thật sự là một điều làm tươi mới khi tìm thấy một tác giả hiểu và đánh giá cao một niềm tin khác ngoài niềm tin của chính mình—một người đã hoàn toàn thấu hiểu tinh thần Phật giáo như nó đang sống trong trái tim của người dân. Ông ấy kể cho chúng ta rằng dưới sự thống trị nhân từ của nó, "người Miến Điện là một cộng đồng bình đẳng, theo một cách có lẽ chưa từng được biết đến ở bất kỳ nơi nào khác." [99]

He bears high testimony to the earnestness of the monks, and describes how in the time of the Burmese War, while the country was seething with strife, they "went about their business calmly as ever, preaching of peace, not war, of kindness, not hatred, of pity, not revenge." The difference between Buddhism and our modern Occidental theology was well expressed by an English cavalry officer, who explained that Buddhism would never do for a man of his profession. "What the soldier wants," he said," is a personal god who will always be on his side, always share his opinions, always support him against every one else. But a law that points out unalterably that right is always right, and wrong always wrong, that nothing can alter one into the other, nothing can ever make killing

Ông đưa ra chứng nhận cao về sự thành tâm của các tu sĩ và mô tả rằng trong thời kỳ Chiến tranh Miến Điện, khi đất nước chìm trong xung đột, họ "vẫn đi về công việc của mình một cách bình thản như mọi khi, giảng về hòa bình, không phải chiến tranh, về lòng nhân từ, không phải thù hận, về lòng thương xót, không phải trả thù." Sự khác biệt giữa Phật giáo và thần học phương Tây hiện đại của chúng ta được một sĩ quan kỵ binh người Anh diễn đạt rõ ràng, khi Ông giải thích rằng Phật giáo không bao giờ phù hợp cho một người của nghề nghiệp như Ông. "Điều mà một người lính cần," Ông nói, "là một vị thần cá nhân luôn đứng về phía anh ta, luôn chia sẻ quan điểm của anh ta, luôn ủng hộ anh ta chống lại tất cả mọi người khác. Nhưng một định luật chỉ ra một cách bất biến rằng đúng luôn là đúng, và

righteous and violence honourable—that is no creed for a soldier."

sai luôn là sai, rằng không có gì có thể thay đổi cái này thành cái kia, không có gì có thể làm cho việc giết chóc trở nên chính đáng và bạo lực trở nên danh dự—đó không phải là một tín ngưỡng dành cho người lính."

Mr. Hall evidently feels very strongly the charm of a common-sense, consistent religion, which recognizes the unity of nature and the divine life which underlies it. In another passage in his delightful book he draws the distinction between the comfortless petrifaction of modern theories; and the living beauty and romance of real knowledge:

Ông Hall rõ ràng cảm thấy rất mạnh mẽ sức hấp dẫn của một tôn giáo có lý lẽ, nhất quán, nhận ra sự thống nhất của tự nhiên và sự sống thiêng liêng nằm ẩn bên dưới nó. Trong một đoạn khác trong cuốn sách thú vị của mình, Ông nêu rõ sự khác biệt giữa sự hóa đá khô khan của các lý thuyết hiện đại và vẻ đẹp sống động cùng sự lãng mạn của tri thức thực sự:

"Knowledge so far has brought us only death. Later on it will bring us a new life. But now all is dark. And because we have lost our belief in fairies, because we do not now think that there are goblins in our caves, because there is no spirit in the winds nor voice in the thunder, we have come to think that the trees and the rocks, the flowers and the storm, are all dead things. They are made up, we say, of materials that we know, they are governed by laws we have discovered, and there is no life anywhere in nature. To the Buddhist, not less than to the Greek of long ago, all nature is alive." [100]

"Tri thức cho đến nay chỉ mang đến cho chúng ta cái chết. Sau này nó sẽ mang lại cho chúng ta một cuộc sống mới. Nhưng hiện tại mọi thứ đều tối tăm. Và bởi vì chúng ta đã mất niềm tin vào những nàng tiên, bởi vì chúng ta không còn nghĩ rằng có yêu tinh trong các hang động của chúng ta, bởi vì không có linh hồn trong gió hay tiếng nói trong sấm sét, chúng ta đã đi đến chỗ nghĩ rằng cây cối và đá, hoa và cơn bão, tất cả đều là những vật vô tri. Chúng được tạo thành, chúng ta nói, từ những vật chất mà chúng ta biết, chúng được điều khiển bởi những định luật mà chúng ta đã khám phá ra, và không có sự sống nào ở đâu trong tự nhiên. Đối với Phật tử, không kém gì đối với người Hy Lạp cổ xưa, tất cả tự nhiên đều sống động." [100]

The Offering in the Temple—Lễ Dâng Hiến Trong Thánh Điện

Let us see now what are the especial commandments or ordinances of this religion which the man has to obey in common life. We have spoken before of the Pancha Sila, or five commandments; but the truth is that, although these are distinctly more far-reaching than our own Decalogue, they are

Bây giờ hãy xem các giới luật hoặc điều răn đặc biệt của tôn giáo này là gì mà con người phải tuân theo trong cuộc sống thường nhật. Chúng ta đã nói trước đây về Ngũ giới (Pancha Sila), hay năm điều giới; nhưng sự thật là, mặc dù những điều này rõ ràng có phạm vi rộng hơn nhiều so với Thập giới của chúng ta,

not really commandments at all. Each of them is not an order but an assertion; the form is not a command from on high, “Thou shalt not do this,” but it is an affirmation by the man, “ I will observe the teaching to avoid this sin.” The Buddhist visits his temple, as we have said, on one day of the week at the least, but many contrive to present themselves there for a few minutes daily. And they never go empty-handed, for each devotee will carry with him a flower, or sometimes a bunch of flowers, which he lays upon the altar of the Buddha with a few words of love and gratitude.

chúng thực sự không phải là những điều răn theo nghĩa thông thường. Mỗi điều trong số chúng không phải là một mệnh lệnh, mà là một sự khẳng định; hình thức không phải là một lệnh từ trên cao “Ngươi không được làm điều này,” mà là một sự khẳng định từ người đó: “Tôi sẽ tuân theo giáo lý để tránh tội lỗi này.” Như chúng ta đã nói, người Phật tử viếng thăm chùa của mình ít nhất là một ngày trong tuần, nhưng nhiều người cố gắng có mặt ở đó trong vài phút mỗi ngày. Và họ không bao giờ đi tay không, vì mỗi người sùng đạo sẽ mang theo một bông hoa, hoặc đôi khi là một bó hoa, mà họ đặt lên bàn thờ Đức Phật với vài lời yêu thương và biết ơn.

Wishing to arrive at the idea in the minds of the simple peasantry who perform this ceremony daily, I have frequently asked such a man through an interpreter, “Why do you offer these flowers to the Buddha? do you think that it pleases him? “ The man would invariably reply with a look of surprise, “How can it please him, since he has entered Nirvana more than two thousand years ago?” If I still pressed the question as to why the flowers were offered, the reply would always come: “ We offer them out of gratitude to the memory of the Founder of our religion who has showed us the way of escape from the wheel of birth and death; and we lay them before his image with the desire that our souls may be pure as the flower, and like it may shed a sweet perfume around us.” Even the word altar is perhaps misleading, for the Buddhist has no conception of what we mean by the offering of [101] sacrifice or of worship. To him the Lord Buddha is not in any sense a god, but a man just like ourselves, though so infinitely far in advance of us; not in the least one to be worshipped, but only to be deeply reverenced and loved.

Muốn hiểu được ý nghĩ trong tâm trí của những người nông dân giản dị, những người thực hiện nghi thức này hàng ngày, tôi thường hỏi một người thông qua phiên dịch, “Tại sao Ông dâng hoa lên Đức Phật? Ông có nghĩ rằng điều đó làm Ngài vui lòng không?” Người đó sẽ luôn trả lời với vẻ ngạc nhiên, “Làm sao Ngài có thể hài lòng được, khi Ngài đã nhập Niết Bàn hơn hai ngàn năm trước?” Nếu tôi tiếp tục hỏi tại sao họ dâng hoa, câu trả lời luôn là: “Chúng tôi dâng hoa để tỏ lòng biết ơn đối với người sáng lập ra tôn giáo của chúng tôi, người đã chỉ cho chúng tôi con đường thoát khỏi vòng sinh tử; và chúng tôi đặt chúng trước hình ảnh của Ngài với mong muốn rằng linh hồn của chúng tôi sẽ trong sạch như bông hoa, và giống như nó, sẽ tỏa ra hương thơm ngọt ngào xung quanh chúng tôi.” Ngay cả từ “bàn thờ” có lẽ cũng gây hiểu nhầm, bởi vì Phật tử không có khái niệm gì về việc dâng hiến [101] lễ vật hay thờ phượng như chúng ta. Đối với họ, Đức Phật không phải là một vị thần theo bất kỳ nghĩa nào, mà là một con người giống như chúng ta, dù Ngài vượt xa chúng ta vô cùng; không phải là một đối tượng để thờ phượng, mà chỉ để tôn kính và yêu thương sâu sắc.

There is at least one inestimable advantage

Có ít nhất một lợi thế vô giá có thể được khẳng

which can be claimed for this great religion, that never through all its history have its altars been stained with blood; never throughout the centuries has Buddhism even once descended to the level of persecuting those who did not think along its lines. It is the only great religion of the world which has this honourable distinction, that it has never persecuted. For two thousand four hundred and fifty years it has run its course, with not a drop of blood on its onward march, not a groan along its pathway. It has never deceived the people, never practised pious fraud, never discouraged literature, never appealed to prejudice, never used the sword. If this could be said even of a small and obscure sect, it would a grand claim to be able to make; but when we remember the vast extent of this wondrous religion and the number of races which are included within its sway, it is indeed a marvellous fact.

định cho tôn giáo vĩ đại này, đó là trong suốt lịch sử của nó, các bàn thờ của nó chưa bao giờ bị vấy máu; trong suốt nhiều thế kỷ, Phật giáo chưa từng một lần hạ mình xuống mức độ bức hại những người không nghĩ giống như nó. Đây là tôn giáo lớn duy nhất trên thế giới có được sự phân biệt vinh dự này, rằng nó chưa bao giờ bức hại. Trong hai nghìn bốn trăm năm mươi năm, nó đã trải qua chặng đường của mình mà không có một giọt máu nào trên con đường tiến tới, không một tiếng rên rỉ trên lối đi của nó. Nó chưa bao giờ lừa dối người dân, chưa bao giờ thực hiện sự gian trá tôn giáo, chưa bao giờ ngăn cản văn học, chưa bao giờ kêu gọi thành kiến, chưa bao giờ sử dụng gươm giáo. Nếu điều này có thể được nói ngay cả về một giáo phái nhỏ và vô danh, đó sẽ là một sự khẳng định tuyệt vời; nhưng khi chúng ta nhớ đến phạm vi bao la của tôn giáo kỳ diệu này và số lượng các dân tộc được bao gồm trong sự ảnh hưởng của nó, đó thực sự là một thực tế kỳ diệu.

As Sir Edwin Arnold remarks: “Four hundred and seventy millions of our race live and die in the tenets of Gautama; and the spiritual dominions of this ancient teacher extend at the present time over Nepal and Ceylon, over the whole Eastern Peninsula to China, Japan, Tibet, Central Asia, Siberia, and even Swedish Lapland. India itself might fairly be included in this magnificent empire of belief; for though the profession of Buddhism has for the most part passed away from the land of his birth, the mark of Gautama’s sublime [102] teaching is stamped ineffaceably upon modern Brahmanism, and the most characteristic habits and convictions of the Hindus are clearly due to the benign influence of Buddhist precepts. More than a third of mankind therefore owe their moral and religious ideas to this illustrious Prince. Forests of flowers are daily laid upon his stainless shrines, and countless millions of

Như Sir Edwin Arnold nhận xét: “Bốn trăm bảy mươi triệu người trong nhân loại của chúng ta sống và chết theo các giáo lý của Đức Cồ Đàm; và các lãnh địa tinh thần của vị thầy cổ xưa này hiện nay mở rộng khắp Nepal và Tích Lan, khắp bán đảo Đông Nam Á đến Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Trung Á, Siberia, và thậm chí Lapland Thụy Điển. Chính Ấn Độ cũng có thể được bao gồm trong đế chế tín ngưỡng vĩ đại này; bởi vì mặc dù Phật giáo phần lớn đã biến mất khỏi vùng đất sinh ra Ngài, nhưng dấu ấn của giáo lý [102] cao cả của Đức Cồ Đàm đã in sâu không thể xóa nhòa lên Ấn Độ giáo hiện đại, và những thói quen và niềm tin đặc trưng nhất của người Hindu rõ ràng là nhờ vào ảnh hưởng nhân từ của các giới luật Phật giáo. Hơn một phần ba nhân loại vì thế mắc nợ ý niệm đạo đức và tôn giáo của họ đối với vị Hoàng tử vĩ đại này. Những khu rừng hoa được đặt lên các đền thờ không tì vết của Ngài mỗi ngày, và hàng triệu đôi môi không đếm được

lips daily repeat the formula, 'I take refuge in Buddha.' "

hàng ngày lặp lại câu kinh, 'Con xin nương tựa nơi Đức Phật.'"

The Three Guides—Ba Nương Tựa (Quy y)

These last words are a translation, although not quite an accurate one, of the opening words of the Tisarana, the recitation of which with the five precepts constitutes the only public formula used by the Southern Church of Buddhism. The word Saranam, which has so often been rendered "refuge," seems to mean much more nearly "a guide," so that the threefold formula which is repeated by each Buddhist as he visits his temple would really be translated thus:

Những lời cuối cùng này là một bản dịch, mặc dù không hoàn toàn chính xác, của những lời mở đầu trong Tisarana, việc tụng niệm mà cùng với Ngũ giới cấu thành công thức công khai duy nhất được sử dụng bởi Giáo hội Phật giáo Nam tông. Từ *Saranam*, thường được dịch là "nương tựa," dường như mang ý nghĩa gần hơn với "một người dẫn đường," vì vậy công thức ba phần được lặp lại bởi mỗi Phật tử khi họ đến viếng chùa thực sự sẽ được dịch như sau:

I take the Lord Buddha as my guide.

Con xin nương tựa Đức Phật làm người dẫn đường của con.

I take his Law as my guide.

Con xin nương tựa Pháp của Ngài làm người dẫn đường của con.

I take his Order as my guide.

Con xin nương tựa Tăng đoàn của Ngài làm người dẫn đường của con.

The word Dharma, which is usually translated "law," really bears a much wider signification than that English term. It is not in the least a law or series of commandments ordained by the Buddha, but his statement of the universal laws under which the Universe exists, and consequently of the duties of man as part of that mighty scheme. It is in this sense that the expressions quoted above are employed by the Buddhist. In pronouncing the Tisarana he expresses his acceptance of the Lord Buddha as his guide and teacher; his adherence to the doctrine which the Buddha taught; and his recognition of the great order of Buddhist monks as the practised interpreters of the [103] meaning of the doctrine. This does not in the least imply the

Từ *Dharma*, thường được dịch là "Pháp," thực sự mang ý nghĩa rộng hơn nhiều so với thuật ngữ "luật" trong tiếng Anh. Nó không phải là một bộ luật hay một loạt giới luật do Đức Phật ban hành, mà là sự trình bày của Ngài về các định luật phổ quát mà vũ trụ tồn tại theo đó, và do đó là những bổn phận của con người như một phần của kế hoạch vĩ đại đó. Chính trong ý nghĩa này mà những biểu đạt trên được Phật tử sử dụng. Khi tụng niệm Tisarana, người Phật tử thể hiện sự chấp nhận Đức Phật là người dẫn đường và giáo huấn của họ; sự tuân thủ với giáo pháp mà Đức Phật đã dạy; và sự công nhận Tăng đoàn lớn của các tu sĩ Phật giáo là những người thực hành diễn giải [103] ý nghĩa của giáo pháp. Điều này không hề ngụ ý sự chấp nhận diễn giải của bất kỳ tu sĩ nào cụ

acceptance of the interpretation of any particular monk, but only that of the Order in the most catholic sense; he believes that interpretation to be accurate which is held by the entire Brotherhood in all places and at all times.

thể, mà chỉ là sự chấp nhận của Tăng đoàn theo nghĩa rộng nhất; họ tin rằng cách diễn giải đó là chính xác khi được toàn thể Huynh Đệ đoàn đồng thuận ở mọi nơi và mọi lúc.

The Five Precepts—Ngũ Giới

Following upon this confession of faith comes the recitation of the five precepts to which we have already referred, which in Ceylon are shortly called the Pansil. These run as follows:

Sau lời tuyên xưng đức tin này là phần tụng niệm Ngũ giới mà chúng ta đã đề cập trước đó, ở Tích Lan thường được gọi tắt là Pansil. Các giới này như sau:

1. I observe the precept to refrain from the destruction of life.

1. Con nguyện giữ giới không sát sinh.

2. I observe the precept to refrain from taking that which is not mine.

2. Con nguyện giữ giới không lấy của không cho.

3. I observe the precept to refrain from unlawful intercourse.

3. Con nguyện giữ giới không tà dâm.

4. I observe the precept to refrain from falsehood.

4. Con nguyện giữ giới không nói dối.

5. I observe the precept to refrain from using intoxicating liquors or stupefying drugs.

5. Con nguyện giữ giới không sử dụng rượu và các chất ma túy làm mê muội.

It can hardly fail to strike the intelligent person that, as Colonel Olcott observes, " One who observes these strictly must escape from every cause productive of human misery, for if we study history we shall find that it has all sprung from one or another of these causes. The farseeing wisdom of the Buddha is most plainly shown in the first, third, and fifth; for the taking of life, sensuality, and the use of intoxicants cause at least ninety-five per cent of the suffering among men." It is interesting to notice how each of these precepts goes further than the corresponding Jewish commandment. Instead of being told to do no murder, we find ourselves enjoined to take no

Người thông minh khó có thể không nhận ra, như Đại tá Olcott đã quan sát, "Ai tuân thủ nghiêm ngặt những điều này sẽ thoát khỏi mọi nguyên nhân gây ra khổ đau cho con người, vì nếu chúng ta nghiên cứu lịch sử, chúng ta sẽ thấy rằng mọi khổ đau đều bắt nguồn từ một hoặc một vài nguyên nhân này. Sự sáng suốt nhìn xa trông rộng của Đức Phật rõ ràng nhất được thể hiện trong giới thứ nhất, thứ ba và thứ năm; vì việc giết hại, tham dục và sử dụng chất kích thích gây ra ít nhất chín mươi lăm phần trăm sự khổ đau của nhân loại." Thật thú vị khi nhận thấy mỗi giới này đi xa hơn nhiều so với điều răn tương ứng trong luật Do Thái. Thay vì chỉ được dạy không giết người, chúng

[104] life whatever; instead of being commanded not to steal, we have the more far-reaching precept not to take that which does not belong to us, which would obviously cover the acceptance of praise not honestly due to us, and many another case quite outside of what is commonly called stealing. It will be observed also that the third of these precepts includes a great deal more than the seventh of the commandments of Moses, forbidding not only one particular type of unlawful intercourse, but all types. Instead of being forbidden to bear false witness in a court of law, we are enjoined to avoid falsehood altogether. I have often thought of what a good thing it would have been for all these European countries which have taken up the teaching of Christ if the legendary Moses had included in his Decalogue the fifth of these Buddhist precepts—the instruction to touch no intoxicating liquor nor stupefying drugs. How much simpler would be all our essential problems if that commandment were observed in England and America as it is observed in Buddhist countries!

ta được răn dạy không lấy [104] mạng sống của bất kỳ sinh vật nào; thay vì bị cấm trộm cắp, chúng ta có một giới rộng hơn là không lấy bất cứ thứ gì không thuộc về mình, điều này rõ ràng bao gồm cả việc nhận những lời khen không xứng đáng với mình và nhiều trường hợp khác ngoài những gì thường được gọi là trộm cắp. Cũng cần lưu ý rằng giới thứ ba bao gồm nhiều điều hơn so với điều răn thứ bảy của Môsê, không chỉ cấm một loại quan hệ bất hợp pháp cụ thể, mà cấm tất cả các loại. Thay vì chỉ cấm làm chứng gian trong tòa án, chúng ta được răn dạy tránh nói dối hoàn toàn. Tôi đã nhiều lần nghĩ rằng điều tốt đẹp biết bao nếu các nước châu Âu, những nơi đã tiếp nhận giáo lý của Đức Kitô, cũng thực hành điều răn thứ năm trong các giới Phật giáo này—giới không dùng rượu và các chất ma túy. Những vấn đề căn bản của chúng ta sẽ đơn giản hơn nhiều nếu điều răn đó được tuân thủ ở Anh và Mỹ như nó được tuân thủ ở các nước Phật giáo!

The recitation of the Tisarana and the Pancha Sila which I have just described is the nearest approach of the Southern Buddhist to what we should call a public service. There is, however, the regular weekly preaching by the monks, which is attended by large crowds of people. There is usually a large preaching-hall attached to each of the temples, but in many cases this is used only in wet weather, and when the day is fine the preaching is held in the palm-grove near the temple. There is a great deal of this preaching, and it is often carried on far into the night, different monks relieving one another, and taking up the word in turn. I suppose that it is scarcely possible for you in these temperate climes to form any idea of the peaceful and almost unearthly [105] beauty of such a scene. The splendid

Việc tụng niệm Tisarana và Ngũ giới mà tôi vừa mô tả là hình thức gần gũi nhất của Phật tử Nam tông với những gì chúng ta gọi là lễ cầu nguyện công khai. Tuy nhiên, vẫn có các buổi thuyết giảng hàng tuần thường lệ của các tu sĩ, với sự tham dự của đám đông lớn. Thông thường có một giảng đường lớn gắn liền với mỗi ngôi chùa, nhưng trong nhiều trường hợp, giảng đường này chỉ được sử dụng trong thời tiết ẩm ướt, và khi ngày trời đẹp, các buổi thuyết giảng được tổ chức trong rừng cọ gần chùa. Có rất nhiều buổi giảng như vậy, và thường diễn ra đến tận đêm khuya, các tu sĩ thay phiên nhau giảng, lần lượt lên tiếng. Tôi cho rằng thật khó cho các bạn ở những vùng khí hậu ôn hòa này có thể hình dung được vẻ đẹp thanh bình và gần như siêu phàm [105] của một cảnh tượng như vậy. Ánh sáng rực rỡ

light of the tropical moon, brilliant enough to enable one easily to read the type of newspaper, pours down upon the many-coloured crowd, flecked with the shadows of the graceful waving palm leaves, and in the midst sits the yellow-robed monk pouring forth fluently his simple and homely address to the villagers. Usually he recites some story or parable from the sacred books, and then proceeds to explain it. A curious old custom which I have seen many times in Ceylon is that one monk preaches in the sacred language, Pali, and another interprets what he says sentence by sentence into Sinhalese, the common tongue of the people. It is evidently a relic of the time, more than two thousand years ago, when Buddhism was being preached in Ceylon by those missionaries from Northern India whose mother tongue was Pali; and the fact that it should thus have been preserved is a curious instance of the conservatism of the immemorial East.

của trăng nhiệt đới, đủ sáng để dễ dàng đọc một tờ báo, chiếu xuống đám đông đầy màu sắc, điểm xuyết với bóng của những tàu lá cọ đung đưa duyên dáng, và ở giữa là vị tu sĩ trong y phục màu vàng đang lưu loát thuyết giảng những lời giản dị và thân thuộc cho dân làng. Thông thường, ngài kể một câu chuyện hoặc một ngụ ngôn từ các kinh điển, sau đó giải thích nó. Một phong tục cổ xưa thú vị mà tôi đã nhiều lần thấy ở Tích Lan là một tu sĩ thuyết giảng bằng ngôn ngữ thiêng liêng, Pali, và một tu sĩ khác dịch từng câu sang tiếng Sinhala, ngôn ngữ thông dụng của người dân. Điều này rõ ràng là một di tích của thời kỳ hơn hai nghìn năm trước, khi Phật giáo được giảng dạy ở Tích Lan bởi những nhà truyền giáo từ Bắc Ấn Độ, ngôn ngữ mẹ đẻ của họ là Pali; và việc điều này vẫn được bảo tồn là một ví dụ thú vị về tính bảo thủ của vùng Đông phương bất biến.

The Chanting of the Blessing—Tụng Niệm Ban Phước

One other ceremony the Southern Church possesses to which a passing reference has already been made—that of the recitation of the verses of Paritta or blessing. It is of so interesting a nature as to merit a somewhat detailed description. In essence it is, as the name implies, a recitation of blessings and invocations for the purpose of warding off evil influences—the chanting of those verses from the sacred books of the Buddhists in which the Buddha declares that blessing follows upon certain actions, and also of hymns from the same books invoking the benevolent attention of the sun-god and of the Arhats and Buddhas. The principal of these is the beautiful hymn of the peacock-king from the Jataka stories. These Pirit verses are chanted by the Buddhist monks on various [106]

Một nghi lễ khác mà Giáo hội Phật giáo Nam tông có, như đã được đề cập thoáng qua trước đó, là tụng niệm các câu kệ Paritta hay ban phước. Nghi lễ này thú vị đến mức đáng được miêu tả chi tiết hơn. Về bản chất, như tên gọi cho thấy, đó là việc tụng niệm các phước lành và lời khấn nguyện nhằm xua đuổi các ảnh hưởng xấu—tụng các câu kệ từ kinh sách Phật giáo trong đó Đức Phật tuyên bố rằng phước lành sẽ đến từ những hành động nhất định, và cũng từ các bài tụng ca từ cùng các kinh sách đó để khấn nguyện sự chú ý nhân từ của thần mặt trời, các A-la-hán, và các vị Phật. Nổi bật nhất trong số này là bài tụng ca tuyệt đẹp về vua chim công từ các câu chuyện Jataka. Các câu kệ Pirit này được các tu sĩ Phật giáo tụng niệm trong các dịp [106] khác nhau, cả trong buồn đau và vui mừng. Chúng ta có thể chia

occasions, alike of sorrow and of rejoicing. We may divide such occasions roughly into two classes—public and private.

các dịp đó thành hai loại chính—công cộng và cá nhân.

The most common example of the latter is that in case of serious sickness or the approach of death, one or two monks from the nearest temple are often invited to come and chant these verses of benediction by the bedside of the sufferer, keeping in mind all the time an earnest wish for his recovery—or, if that is considered hopeless, for his welfare in the condition after death. The monks do not pray for the sick man in our sense of the word, for that is no part of their faith; they simply chant their verses, with the will to help and to avert any evil influence ever strongly present in their minds.

Ví dụ phổ biến nhất của loại nghi lễ cá nhân là khi có bệnh nặng hoặc cận kề cái chết, một hoặc hai vị sư từ ngôi chùa gần nhất thường được mời đến tụng các câu kệ ban phước bên giường bệnh của người đau khổ, luôn giữ trong tâm nguyện chân thành cho sự hồi phục của họ—hoặc nếu điều đó được cho là vô vọng, thì nguyện cho phúc lợi của họ trong trạng thái sau khi chết. Các vị sư không cầu nguyện cho người bệnh theo nghĩa mà chúng ta hiểu, vì điều đó không thuộc niềm tin của họ; họ chỉ đơn giản tụng niệm các câu kệ, với ý chí mạnh mẽ để giúp đỡ và xua tan mọi ảnh hưởng xấu.

Of course no remuneration is offered to the monks, for their rules forbid them to touch money under any circumstances; a meal may perhaps be given to them, if the ceremony be performed in the morning, but later than noon they cannot accept even that, as they eat nothing after the middle of the day.

Tất nhiên, không có sự đền đáp nào được trao cho các vị sư, vì quy tắc của họ cấm họ chạm vào tiền bạc trong bất kỳ hoàn cảnh nào; có thể họ sẽ được dâng một bữa ăn nếu nghi lễ được thực hiện vào buổi sáng, nhưng sau buổi trưa họ cũng không thể nhận ngay cả điều đó, vì họ không ăn gì sau giữa ngày.

The public ceremony is a more imposing affair, and lasts much longer. It takes place usually on some festival, such as the celebration of the dedication of a temple. On such occasion the simple festivities and processions will sometimes last for a week or even a fortnight; and during the whole of this time the recitation of Pirit is going on. Just as in connection with some churches and convents there is a "Confraternity of Perpetual Adoration," whose members relieve one another in regular watches in order to keep up night and day continuous worship before the alter, so from the beginning to the end of this Buddhist festival the monotonous chant of the recitations from the sacred books never ceases. [107]

Nghi lễ công cộng là một sự kiện trang trọng hơn và kéo dài lâu hơn nhiều. Nó thường diễn ra vào những ngày lễ hội, chẳng hạn như lễ cúng dường một ngôi chùa. Trong dịp đó, các lễ hội đơn giản và các cuộc rước có khi kéo dài cả tuần hoặc thậm chí hai tuần; và trong suốt thời gian này, việc tụng niệm Pirit liên tục diễn ra. Cũng giống như một số nhà thờ và tu viện có "Hội Huynh đệ Tôn kính Vĩnh viễn," trong đó các thành viên thay phiên nhau trong những giờ cầu nguyện đều đặn để duy trì việc thờ phượng liên tục ngày đêm trước bàn thờ, từ khi bắt đầu đến khi kết thúc lễ hội Phật giáo này, tiếng tụng niệm đơn điệu từ các kinh sách thiêng liêng không bao giờ ngừng lại. [107]

Attached to most of the temples is a Dharmasalawa or preaching-hall, and it is in this that the Pirit is chanted. This preaching hall is so entirely different from any building used for similar purposes in the West, that perhaps a description of it may not be uninteresting. Its size varies with the means at the disposal of the builder, but its shape is invariably square. The lofty roof is supported simply by pillars, and it has no wall of any sort —nor does it contain any seats, the people disposing themselves on mats on the earthen floor.

Gắn liền với hầu hết các ngôi chùa là một Dharmasalawa hay giảng đường, và chính tại đây các câu kệ Pirit được tụng niệm. Giảng đường này hoàn toàn khác với bất kỳ tòa nhà nào được sử dụng cho mục đích tương tự ở phương Tây, nên có lẽ mô tả về nó sẽ không kém phần thú vị. Kích thước của nó thay đổi tùy theo nguồn lực của người xây dựng, nhưng hình dạng của nó luôn luôn là hình vuông. Mái nhà cao được nâng đỡ đơn giản bởi các cột, và nó không có bức tường nào—cũng không có chỗ ngồi nào bên trong; người dân thường ngồi trên những chiếc chiếu trải trên nền đất.

In the centre is a large raised square platform, having pillars at its corners and a low railing round it; and round the edge of this, inside the railing, runs a low seat—often scarcely more than a step—on which (facing inwards) the members of the Sangha or monastic order sit, while one of their number addresses the people, who are thus, it will be seen, not grouped in front of the speaker only, as is usual in the West, but surround him on all sides. On the platform, in the centre of the hollow square thus formed by the monks, is usually a small table with flowers upon it, or sometimes a relic, if the temple happens to possess one.

Ở giữa là một bục vuông lớn, có các cột ở các góc và một hàng rào thấp bao quanh; và xung quanh mép của bục, bên trong hàng rào, là một băng ghế thấp—thường chỉ cao hơn một bước chân—mà trên đó (quay mặt vào trong) các thành viên của Tăng đoàn hay giới tu sĩ ngồi, trong khi một trong số họ giảng cho dân chúng, người mà như vậy, sẽ thấy rằng không chỉ ngồi nhóm trước mặt diễn giả như thường thấy ở phương Tây, mà ngồi xung quanh ngài từ mọi phía. Trên bục, ở giữa hình vuông rỗng do các tu sĩ tạo thành, thường có một chiếc bàn nhỏ với những bông hoa trên đó, hoặc đôi khi là một xá lợi, nếu ngôi chùa có.

When no permanent building of this sort exists, a temporary one (but always exactly on the same plan) is put up for the festival; and a stranger is surprised to see how substantial these temporary erections of bamboo, palm leaves and coloured paper can be made to appear under the skilful hands of native workmen.

Khi không có tòa nhà cố định như vậy, một tòa nhà tạm thời (nhưng luôn theo cùng một thiết kế) sẽ được dựng lên cho lễ hội; và người lạ sẽ ngạc nhiên khi thấy những công trình tạm thời bằng tre, lá cọ và giấy màu có thể trông vững chắc như thế nào dưới bàn tay khéo léo của thợ thủ công địa phương.

It is in this preaching-hall, then, whether permanent or temporary, that the constant recitation of the Pirit goes on; and there also three times in each day the whole available band of monks assembles to chant the more

Chính trong giảng đường này, dù là cố định hay tạm thời, việc tụng niệm Pirit liên tục diễn ra; và tại đây, ba lần mỗi ngày, toàn bộ tăng đoàn có mặt sẽ tập hợp lại để tụng niệm Maha Pirit trang trọng hơn—một nghi lễ mê hoặc

imposing Maha Pirit—an interesting mesmeric ceremony which merits special description. It should be premised that [108] before the ceremony commences a huge pot of water carefully covered has been placed in the centre of the platform and numerous threads or strings have been arranged to run from pillar to pillar above the heads of the monks as they sit—this system of threads being connected by several converging lines with the pot of water in the centre.

thú vị đáng được miêu tả đặc biệt. Trước khi nghi lễ bắt đầu, một bình nước lớn được đậy kín cẩn thận sẽ được đặt ở trung tâm của bục, và nhiều sợi dây hoặc chỉ sẽ được bố trí để chạy từ cột này sang cột khác phía trên đầu các tu sĩ khi họ ngồi—hệ thống dây này được kết nối với bình nước ở giữa bằng một số đường dây hội tụ.

At the time of the Maha Pirit, when all the monks are seated in a hollow square as above described, a piece of rope, about the thickness of an ordinary clothesline, is produced and laid on the knees of the monks, each of whom holds it in his hands all through the ceremony, thus establishing a connection with his fellows not unlike that of the circle at a spiritualistic séance. Care is taken that after the circle is completed one of the ends of the rope shall be carried up and connected with the threads and strings above, so that the whole arrangement in reality converges on the pot of water.

Tại thời điểm tụng Maha Pirit, khi tất cả các tu sĩ đã ngồi thành một hình vuông rỗng như đã miêu tả, một đoạn dây thừng, có độ dày tương đương với dây phơi quần áo thông thường, được lấy ra và đặt trên đầu gối của các tu sĩ, mỗi người cầm nó trong tay suốt buổi lễ, thiết lập một kết nối với các đồng đạo của mình không khác gì với vòng tròn trong một buổi gọi hồn. Người ta cẩn thận để sau khi vòng tròn hoàn thành, một đầu của dây thừng sẽ được mang lên và kết nối với các sợi dây phía trên, để toàn bộ bố trí này thực sự hội tụ vào bình nước.

This being done the Maha Pirit commences, and the whole body of monks, with the united will to bless, recite for some forty minutes a series of benedictions from the sacred books. The portions selected vary, but to give an idea of their general nature I will quote from the Mahamangala Sutta, which is one of those most frequently chosen. A question has been put to the Buddha: “Men, yearning for good, have held divers things to be desirable; do thou inform us, O Master, what are in reality the greatest blessings.” In reply the Buddha says:-

Sau khi làm xong việc này, Maha Pirit bắt đầu, và toàn bộ tăng đoàn, với ý chí đoàn kết để ban phước, tụng trong khoảng bốn mươi phút một loạt các lời chúc phúc từ kinh sách thiêng liêng. Các đoạn được chọn lọc khác nhau, nhưng để minh họa bản chất chung của chúng, tôi sẽ trích dẫn từ Mahamangala Sutta, một trong những đoạn thường được chọn nhất. Một câu hỏi đã được đặt ra cho Đức Phật: “Con người, mong muốn điều lành, đã xem nhiều điều là đáng mong ước; xin thầy cho chúng con biết đâu là những phước lành lớn nhất.” Đức Phật đáp rằng:

Not to serve the foolish

Không giao du với kẻ ngu,

But to serve the wise,

Nhưng giao du với người trí,

To honor those worthy of honor;	Kính trọng những người xứng đáng được kính trọng;
This is the greatest blessing.	Đây là phước lành lớn nhất.
To dwell in a pleasant land,	Sống ở vùng đất an lành,
To have done good deeds in a former birth, [109]	Đã làm việc thiện trong kiếp trước,
To have a soul filled with right desires;	Có tâm hồn đầy những khát vọng chính đáng;
This is the greatest blessing.	Đây là phước lành lớn nhất.
Much insight and much education,	Nhiều sự thông tuệ và nhiều học vấn,
Self-control and a well-trained mind,	Tự kiểm soát và một tâm trí được rèn luyện kỹ lưỡng,
Pleasant words that are well spoken;	Những lời lẽ dễ nghe và tốt lành;
This is the greatest blessing.	Đây là phước lành lớn nhất.
To support father and mother,	Phụng dưỡng cha mẹ,
To cherish wife and child,	Yêu thương vợ con,
To follow a peaceful calling;	Theo đuổi một nghề nghiệp hòa bình;
This is the greatest blessing.	Đây là phước lành lớn nhất.
To bestow alms and live righteously,	Bố thí và sống công chính,
To give help to one's kindred,	Giúp đỡ thân nhân,
To do deeds which cannot be blamed;	Làm những việc không thể bị chê trách;
This is the greatest blessing.	Đây là phước lành lớn nhất.
To abhor and cease from sin,	Ghét và từ bỏ tội lỗi,
To abstain from strong drink,	Tránh xa rượu mạnh,
Not to be weary in well-doing;	Không mệt mỏi trong việc làm điều lành;
This is the greatest blessing.	Đây là phước lành lớn nhất.
To be long-suffering and meek,	Nhẫn nhục và khiêm tốn,

To associate with the tranquil,

Religious talk at due seasons;

This is the greatest blessing.

Self –restraint and purity,

The knowledge of the Four Great Truths,

The realization of Nirvana;

This is the greatest blessing.

Beneath the stroke of life's changes

The soul that stands unshaken,

Passionless, unsorrowing, secure;

This is the greatest blessing.

Invincible on every side

Is he who acteth thus;

On every side he walks in safety;

This is the greatest blessing

Kết giao với những người tĩnh lặng,

Nói chuyện đạo đức vào những thời điểm thích hợp;

Đây là phước lành lớn nhất.

Tự kiểm soát và thanh tịnh,

Hiểu biết Tứ Diệu Đế,

Chứng ngộ Niết Bàn;

Đây là phước lành lớn nhất.

Trước những biến cố của đời sống

Linh hồn vẫn đứng vững không lay chuyển,

Không tham dục, không buồn đau, vững vàng;

Đây là phước lành lớn nhất.

Không thể đánh bại từ mọi phía

Là người hành động như vậy;

Người đó bước đi an toàn từ mọi phía;

Đây là phước lành lớn nhất.

As this ceremony of the Maha Pirit is performed [110] three times daily for seven days, and the influence kept up in the interval by the ceaseless chanting of the ordinary Pirit, the student of mesmerism will have no difficulty in believing that by the end of that time the cord, the connected threads and the pot of water in the centre of the circle are all thoroughly magnetized.

Khi nghi lễ Maha Pirit này được thực hiện [110] ba lần mỗi ngày trong suốt bảy ngày, và ảnh hưởng được duy trì trong khoảng thời gian đó bằng việc tụng niệm Pirit liên tục, người nghiên cứu về thuật thôi miên sẽ không gặp khó khăn gì khi tin rằng vào cuối thời gian đó, sợi dây, các sợi chỉ kết nối và bình nước ở trung tâm vòng tròn đều đã được từ hóa hoàn toàn.

On the last day comes the crowning glory of the festival – the distribution of the mesmerized water. First of all the principal men and honoured guests go up to the steps of

Vào ngày cuối cùng diễn ra đỉnh cao của lễ hội —việc phân phát nước từ hóa. Trước hết, những người quan trọng và các vị khách quý bước lên bậc thềm của bục, và vị tu sĩ chính,

the platform, and the chief monk, uttering a form of benediction, pours three times a few drops of the water into their outstretched palms, they bending reverently the while. At the conclusion of the benediction the recipient drinks a little of the water and applies the rest to his forehead, the whole ceremony to a Western mind strangely suggesting a combination of two well-known Christian rites.

đọc một lời chúc phúc, rót ba lần một vài giọt nước vào lòng bàn tay đang giơ ra của họ, trong khi họ cúi đầu cung kính. Khi kết thúc lời chúc phúc, người nhận uống một ít nước và thoa phần còn lại lên trán, toàn bộ nghi lễ này gợi ý lạ lùng cho tâm trí phương Tây về sự kết hợp của hai nghi lễ Kitô giáo quen thuộc.

The rest of the water is then poured into smaller vessels and distributed by the assistants among the crowd, each person receiving it in the same manner. The mesmerized thread is cut into pieces and distributed among the people, who wear it around the arm or neck as a talisman.

Phần nước còn lại sau đó được đổ vào các bình nhỏ hơn và phân phát bởi các trợ lý cho đám đông, mỗi người nhận nước theo cách tương tự. Sợi chỉ từ hóa được cắt thành từng đoạn và phân phát cho mọi người, họ đeo nó quanh cánh tay hoặc cổ như một bùa hộ mệnh.

It is not uncommon to attach special threads to the circle, and allow them to hang down outside the platform, so that any who are suffering from fever, rheumatism, or other ailments, may hold the ends in their hands during the chanting of the Maha Pirit, and the patient frequently seems to derive advantage from this tapping the mesmeric battery.

Không phải là điều hiếm gặp khi gắn những sợi chỉ đặc biệt vào vòng tròn, và để chúng buông xuống bên ngoài bục, để bất kỳ ai đang bị sốt, thấp khớp hoặc các bệnh tật khác, có thể cầm các đầu chỉ trong tay trong suốt thời gian tụng Maha Pirit, và bệnh nhân thường cảm thấy có lợi từ việc này, giống như đang rút năng lượng từ một cục pin từ trường.

This much of ceremony, at any rate, the Southern Church of Buddhism possesses; but I think we must all agree that it is a harmless and interesting one. [111]

Dù sao thì nghi lễ này cũng là một phần của Giáo hội Phật giáo Nam tông; nhưng tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta đều phải đồng ý rằng đó là một nghi lễ vô hại và thú vị. [111]

The Two Churches—Hai Thừa Phật Giáo

The great Northern Church of Buddhism has many more public ceremonies; but as I have no personal experience of them I will not repeat to you that which you yourselves may read in any book on the subject. You may remember how in speaking of Christianity I explained that every religion in course of time inevitably departed somewhat from the

Giáo hội Phật giáo Bắc tông có nhiều nghi lễ công khai hơn; nhưng vì tôi không có kinh nghiệm cá nhân về chúng, tôi sẽ không nhắc lại những điều mà các bạn có thể tự đọc trong bất kỳ cuốn sách nào về chủ đề này. Các bạn có thể nhớ rằng khi nói về Cơ Đốc giáo, tôi đã giải thích rằng mỗi tôn giáo theo thời gian không thể tránh khỏi việc rời xa phần nào giáo lý

primitive teaching given by its founder. This has been less the case with Buddhism than with any other of the great world-religions; yet nevertheless it is an undoubted fact that the tenets have varied with the lapse of time. Curiously enough the two churches have varied in exactly opposite directions; the Northern Church has undoubtedly added, while the Southern Church, in its zeal to retain the purity of the doctrine, and to avoid accretions, has lost something of its pristine fullness. The Northern Church spread chiefly among the wilder tribes of Central Asia, and has been considerably influenced by relics of their original nature-worship. If one reads any of the more accurate accounts of the Buddhism of Tibet, it will at once be noted that a great deal of this nature-worship exists in connection with it. Unknown deities appear, many of them of a dangerous nature and requiring propitiation; while many of the orders and hierarchies of Devas and other beings have taken on a gloomier cast, and are regarded as at least potentially evil. On the other hand some part at least of the highest metaphysics is clearly preserved, the Amitabha and Avalokiteshvara of their system corresponding closely to Parabrahm (the unmanifested) and to Ishvara (the manifested Logos) among the Hindus.

nguyên thủy mà người sáng lập đã truyền dạy. Điều này xảy ra ít hơn với Phật giáo so với bất kỳ tôn giáo lớn nào khác trên thế giới; tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng giáo lý đã thay đổi theo thời gian. Điều kỳ lạ là hai giáo hội đã thay đổi theo hướng hoàn toàn ngược lại; Giáo hội Bắc tông chắc chắn đã thêm vào, trong khi Giáo hội Nam tông, với nhiệt tâm giữ gìn sự trong sạch của giáo lý và tránh những sự tích lũy thêm, đã đánh mất một phần nào đó sự đầy đủ nguyên thủy của nó. Giáo hội Bắc tông lan rộng chủ yếu trong các bộ tộc hoang dã hơn ở Trung Á, và đã bị ảnh hưởng đáng kể bởi tàn tích của tín ngưỡng thờ tự nhiên ban đầu của họ. Nếu đọc bất kỳ bản tường thuật chính xác nào về Phật giáo ở Tây Tạng, ngay lập tức sẽ nhận thấy rằng có rất nhiều sự thờ cúng tự nhiên tồn tại liên quan đến nó. Các vị thần không tên tuổi xuất hiện, nhiều trong số đó có bản chất nguy hiểm và cần được xoa dịu; trong khi nhiều cấp bậc và hệ thống Huyền Giai của các thiên thần (Deva) và các chúng sinh khác đã mang màu sắc u ám hơn và được coi là ít nhất có tiềm năng ác. Mặt khác, một phần nào đó của siêu hình học cao cấp vẫn được bảo tồn rõ ràng, với Amitabha và Avalokiteshvara trong hệ thống của họ tương ứng chặt chẽ với Parabrahm (không biểu hiện) và Ishvara (Logos biểu hiện) trong số các tín đồ Ấn Độ giáo.

The Southern Church, on the other hand, has almost entirely refused accretions of any sort. In Burma, [112] though one may see hundreds of images in some of the great temples, yet they are every one images of the Buddha himself in many different positions. In Ceylon, it is true, images of Hindu deities, of Vishnu and Subrfamani Iyer, are often to be seen, presumably as a concession to the Hindu faith of the later Tamil rulers of Ceylon, but even so they are invariably represented as inferior to the Buddha, and as acting under his orders. The Southern Church has somewhat

Giáo hội Nam tông, mặt khác, hầu như hoàn toàn từ chối các sự tích lũy thêm vào dưới bất kỳ hình thức nào. Ở Miến Điện, [112] mặc dù người ta có thể thấy hàng trăm bức tượng trong một số ngôi chùa lớn, nhưng tất cả đều là những hình tượng của Đức Phật trong nhiều tư thế khác nhau. Ở Tích Lan, đúng là có thể thấy các hình tượng của các vị thần Hindu, như Vishnu và Subramani Iyer, xuất hiện khá nhiều, có lẽ là để nhượng bộ niềm tin Hindu của các vị vua Tamil sau này của Tích Lan, nhưng ngay cả như vậy, các vị thần này luôn được đại diện như thấp kém hơn Đức Phật và

forgotten the higher metaphysics, and gives but little study at the present day to the Abhidhamma Pitaka, in which all the higher philosophical teaching is contained. It devotes itself, however, with great assiduity to those other books which expound the rules of daily life, and also those which prescribe the life of the monks.

hoạt động dưới sự chỉ huy của Ngài. Giáo hội Nam tông đã phần nào quên đi siêu hình học cao cấp và ngày nay ít nghiên cứu về Tạng Vi Diệu Pháp (Abhidhamma Pitaka), trong đó chứa đựng tất cả các giáo lý triết học cao cấp. Tuy nhiên, họ dồn sức nghiên cứu rất chăm chỉ vào những cuốn sách khác, trong đó giải thích các quy tắc của đời sống hàng ngày và những quy định về đời sống của các tu sĩ.

Materialistic Tendencies—Các Khuynh Hướng Duy Vật

Its tendency has been on the whole distinctly materialistic; and it has fastened so determinedly upon those texts in which the Buddha combats the idea of the permanence of our present personality, that it has practically come to deny the definite survival of the soul at all. Almost any monk of the Southern Church, if he were asked as to the immortality of the soul, would unhesitatingly deny that Buddhism held any such doctrine, and would carefully proceed to explain that all that we usually mean by the soul of man—his thoughts, his disposition, his feelings, all that makes him an individual apart from others—all these things, he would tell us, are impermanent and do not survive to the end of the cycle of incarnations.

Xu hướng của Giáo hội Nam tông nhìn chung đã trở nên rõ ràng là mang tính duy vật; và nó đã kiên quyết bám lấy những đoạn kinh văn mà Đức Phật phản bác ý tưởng về sự vĩnh cửu của phàm ngã hiện tại của chúng ta, đến mức nó hầu như đã phủ nhận sự tồn tại rõ ràng của linh hồn sau khi chết. Gần như bất kỳ vị sư nào của Giáo hội Nam tông, nếu được hỏi về sự bất tử của linh hồn, sẽ không chút do dự phủ nhận rằng Phật giáo có giữ quan điểm đó, và sẽ cẩn thận giải thích rằng tất cả những gì chúng ta thường nghĩ đến khi nói về linh hồn con người—tư tưởng, tính cách, cảm xúc, tất cả những gì làm cho con người trở thành cá nhân tách biệt với người khác—tất cả những thứ đó, y sẽ nói với chúng ta, là vô thường và không tồn tại đến cuối chu kỳ luân hồi.

If he were then pressed as to what it is that does pass over from life to life, he would confidently answer that it is the karma of the man—that is to say, the result of this thoughts and his actions; but that the persons who in the [113] next life enjoys or suffers the results of this life is in reality different from the man living now. Of course this is true if we understand the technical meaning of the word “person”; but the average monk makes no such distinction as this, and is so intensely occupied in resisting anything like the ghost of an idea of the personal immortality of John

Nếu được hỏi tiếp rằng vậy điều gì thực sự đi từ kiếp này sang kiếp khác, y sẽ tự tin trả lời rằng đó là nghiệp của con người—tức là kết quả của những suy nghĩ và hành động của y; nhưng rằng người sẽ [113] hưởng hoặc chịu đựng kết quả của cuộc sống này ở kiếp sau thực sự là một người khác với con người đang sống bây giờ. Tất nhiên điều này đúng nếu chúng ta hiểu rõ ý nghĩa kỹ thuật của từ "con người"; nhưng hầu hết các vị sư không có sự phân biệt như vậy, và họ quá chú tâm vào việc chống lại bất kỳ ý tưởng nào về sự bất tử cá nhân của một người như John Jones hay Thomas Brown,

Jones or Thomas Brown, that he passes into the opposite extreme and practically denies immortality altogether. In every expression of his daily life, however, he betrays that this is not in reality his true meaning, for he constantly speaks of any suffering which comes to him as the consequence of something which he did in a previous birth, and every Buddhist sermon is closed with the benediction or pious addressed to the congregation, "May you all attain Nirvana." As it is invariably and inevitably recognized that Nirvana will be attained only after many lives have enabled the aspirant to reach its perfection, this is of course conclusive as to the survival of an individual ego.

đến mức họ đi đến cực đoan đối lập và hầu như phủ nhận hoàn toàn sự bất tử. Tuy nhiên, trong mọi biểu hiện của cuộc sống hàng ngày của họ, họ lại tiết lộ rằng đây không thực sự là ý nghĩa thật sự của họ, vì họ liên tục nói về bất kỳ đau khổ nào xảy đến với mình như là kết quả của điều gì đó mà họ đã làm trong một kiếp trước, và mọi bài giảng Phật giáo đều kết thúc với lời chúc phúc hoặc lời nguyện cho tín đồ, "Cầu mong tất cả các bạn đều đạt đến Niết Bàn." Vì người ta luôn luôn và tất yếu thừa nhận rằng Niết Bàn sẽ chỉ đạt được sau nhiều kiếp sống đã cho phép người hành giả đạt đến sự hoàn thiện của nó, điều này tất nhiên là một bằng chứng chắc chắn về sự tồn tại của chân ngã cá nhân.

The Permanent Ego—Chân ngã Thường Tồn

The idea that the Buddha preached the non-existence of the self rests principally on some of the later and non-canonical books, such as *The Questions of King Milinda*. It is chiefly based on certain answers which he gives upon the question of the self and the non-self, which are exactly in the manner of the Upanishads. He tells us that neither the form, nor the sensations, nor the perceptions, nor the impressions, nor the mind is the self. He by no means says that the self does not exist, but that the body and all these other possessions which are generally mistaken for the self are not that in reality, [114]

Ý tưởng cho rằng Đức Phật thuyết giảng về sự không tồn tại của cái tôi chủ yếu dựa trên một số sách sau này và không phải kinh điển, chẳng hạn như *Câu Hỏi của Vua Milinda*. Ý tưởng này chủ yếu dựa trên những câu trả lời của Ngài về câu hỏi về 'cái tôi' và cái 'không phải là cái tôi' (Ngã và Phi Ngã), mà những câu trả lời này chính xác theo cách của Upanishad. Ngài nói với chúng ta rằng không phải hình tướng, không phải cảm thọ, không phải tri giác, không phải các ấn tượng, cũng không phải tâm trí là *Ngã*. Ngài tuyệt nhiên không nói rằng *Bản Ngã* không tồn tại, mà rằng thân xác và tất cả những gì khác vốn thường bị nhầm lẫn là cái tôi không thực sự là nó [114].

The self is something beyond them all, and he states that when it recognizes itself as different from all else and divests itself of all attachment, by absence of attachment it is made free. This again seems conclusive as to the existence of a permanent self; for if the self does not exist, who is it that is to be made free? Our Western minds, untrained in the ideas of

Bản Ngã là một thứ vượt lên trên tất cả chúng, và Ngài tuyên bố rằng khi nó nhận ra bản thân mình khác biệt với mọi thứ khác và từ bỏ mọi sự bám víu, nhờ vào sự không bám víu mà nó được giải thoát. Điều này một lần nữa dường như kết luận về sự tồn tại của một cái tôi thường hằng; vì nếu cái tôi không tồn tại, thì ai là người sẽ được giải thoát? Tâm trí của chúng

the Hindus to whom the Buddha addressed his sermons, see nothing but annihilation before them when they hear that even reason is stated not to be the self. Few can comprehend the idea that mind and reason, and even much that is behind these, no matter how sublime they be, are essentially merely vehicles, themselves composed of matter.

ta ở phương Tây, không được huấn luyện trong những tư tưởng của người Ấn Độ mà Đức Phật đã truyền dạy, không thấy gì ngoài sự hủy diệt khi họ nghe rằng thậm chí lý trí cũng không phải là cái tôi. Rất ít người có thể thấu hiểu ý tưởng rằng tâm trí và lý trí, và thậm chí nhiều thứ đằng sau chúng, dù có cao siêu đến đâu, bản chất thực sự chỉ là những phương tiện, và chính chúng cũng được cấu thành từ vật chất.

The true self transcends them all; and we may find abundant evidence in the direct teaching of the Buddha which contradicts the theory that he denied this presiding ego. Let me quote here only one instance from the Samannaphala Sutta of the Digha-Nikaya. After first mentioning the condition and training of the mind that are necessary for success in spiritual progress, the Buddha describes how a man can recover the memory of his past lives, and how he sees all the scenes in which he was in any way concerned passing in succession before his mind's eye. He illustrates it by saying: " If a man goes out from his own village to another, and thence to another, he may think thus: I indeed went from my own village to that other. There I stood thus, I sat in this manner; thus I spoke, and thus I remained silent. From that village again I went to another, and I did the same there. The same 'I am' returned from that village to my own village. In the very same way, O King, the ascetic, when his mind is pure, knows his former births. He thinks: 'In such a place I had a name, I was born in such a family, such was my caste, [115] such was my food, and such and such a way I experienced pleasure and pain, and my life extended through in some other place, and there also I had such and such conditions. Thence removed, the same "I" am now born here.' "

Cái tôi chân thật vượt lên trên tất cả; và chúng ta có thể tìm thấy vô số bằng chứng trong giáo lý trực tiếp của Đức Phật, phủ nhận lý thuyết cho rằng Ngài đã phủ nhận cái tôi chủ đạo này. Để minh họa, tôi chỉ xin trích dẫn một trường hợp từ *Samannaphala Sutta* trong *Digha-Nikaya*. Sau khi đề cập đến tình trạng và sự huấn luyện tâm trí cần thiết để thành công trong tiến trình tâm linh, Đức Phật mô tả cách một người có thể hồi phục ký ức về những kiếp sống trước của mình, và cách người ấy thấy tất cả những cảnh tượng mà người ấy từng trải qua lần lượt xuất hiện trước mắt tâm trí. Ngài minh họa điều này bằng cách nói: "Nếu một người từ làng của mình đi đến làng khác, rồi từ đó đến một làng khác, người ấy có thể nghĩ như sau: Quả thực ta đã đi từ làng của mình đến làng kia. Ở đó ta đứng như thế này, ta ngồi như thế này; như thế ta đã nói, và như thế ta đã giữ im lặng. Từ làng đó, ta lại đi đến làng khác, và ta đã làm điều tương tự ở đó. Cùng chính 'ta' này đã trở về từ làng đó về làng của mình. Cũng theo cách tương tự, thưa vua, vị tu sĩ, khi tâm trí của vị ấy trở nên thanh tịnh, biết được những kiếp sống trước của mình. Vị ấy nghĩ: 'Ở nơi như thế ta đã có tên, ta đã sinh ra trong gia đình như thế, ta thuộc về giai cấp như thế [115], đây là thức ăn của ta, và ta đã trải nghiệm khoái lạc và đau khổ như thế, và cuộc sống của ta đã kéo dài ở một nơi khác, và cũng tại nơi đó ta đã có những điều kiện như thế. Sau khi lìa đời, cùng chính 'ta' này bây giờ được sinh ra ở đây.'"

This quotation shows very clearly the doctrine of the Buddha with regard to the reincarnating ego. He gives illustrations also in the same Sutta of the manner in which an ascetic can know the past births of others, - how he can see them die in one place, and after the sorrows and joys of hell and heaven, the same men are born again somewhere else. It is true that in the Brahmajala Sutta he mentions all the various aspects of the soul, and says that they do not absolutely exist, because their existence depends upon “contact”—that is to say, upon relation. But in thus denying the absolute reality of the soul he agrees with the other great Indian teachers; for the existence not only of the soul, but even of the Logos Himself is true only relatively. Untrained minds frequently misunderstand these ideas, but the careful student of Oriental thought will not fail to grasp exactly what is meant, and to realize that the teaching of the Buddha in this respect is exactly that given now by Theosophy.

Trích dẫn này cho thấy rất rõ ràng giáo lý của Đức Phật liên quan đến cái tôi tái sinh. Ngài cũng đưa ra những minh họa trong cùng Sutta về cách một vị tu sĩ có thể biết các kiếp sống trước của người khác, - cách Ngài có thể thấy họ chết ở một nơi, và sau những nỗi đau khổ và niềm vui ở địa ngục và thiên đường, chính những con người ấy được sinh ra ở một nơi khác. Đúng là trong *Brahmajala Sutta*, Ngài đề cập đến tất cả các khía cạnh khác nhau của linh hồn và nói rằng chúng không tồn tại một cách tuyệt đối, bởi vì sự tồn tại của chúng phụ thuộc vào "sự tiếp xúc" — tức là, phụ thuộc vào mối liên hệ. Nhưng khi phủ nhận thực tại tuyệt đối của linh hồn, Ngài đồng ý với những bậc thầy vĩ đại khác của Ấn Độ; bởi vì sự tồn tại không chỉ của linh hồn, mà thậm chí cả của chính *Logos* cũng chỉ là tương đối. Những tâm trí không được huấn luyện thường xuyên hiểu lầm những tư tưởng này, nhưng học giả cẩn thận về tư tưởng phương Đông sẽ không thất bại trong việc nắm bắt chính xác những gì được nói đến, và sẽ nhận ra rằng giáo lý của Đức Phật về khía cạnh này hoàn toàn giống như giáo lý hiện nay của Thông Thiên Học.

Theosophy and the Religions—Thông Thiên Học và Tôn Giáo

Naturally it is only the barest outline of this magnificent system which I have been able to put before you tonight; yet I hope that what I have said may give you some slight idea of another of the world’s great religions, and show you that however much its outward form may differ, however unlike our own are the surroundings in which it flourishes, it also is but another statement of the glorious truth which lies behind all religions alike. Often [116] in endeavouring to explain Theosophy we are met with the objection that it is identical with Hinduism, or with Buddhism, and that it is simply an attempt to propagate one or the other of these religions here in the

Tự nhiên là tôi chỉ có thể đưa ra cho các bạn một cái nhìn sơ lược nhất về hệ thống vĩ đại này tối nay; tuy nhiên, tôi hy vọng rằng những gì tôi đã nói có thể giúp các bạn hiểu đôi chút về một trong những tôn giáo vĩ đại khác của thế giới, và chỉ ra rằng dù hình thức bề ngoài của nó có khác biệt bao nhiêu, dù hoàn cảnh mà nó phát triển có khác với của chúng ta như thế nào, nó cũng chỉ là một sự diễn đạt khác của chân lý huy hoàng ẩn sau tất cả các tôn giáo. Thường [116] khi cố gắng giải thích Thông Thiên Học, chúng tôi gặp phải sự phản đối rằng nó giống hệt với Ấn Độ giáo hoặc với Phật giáo, và rằng nó chỉ đơn thuần là một nỗ lực để truyền bá một trong hai tôn giáo này tại

West. We can meet that only with the careful and patient explanation that in Theosophy we do not seek to propagate any religion, but rather to set forth the ancient wisdom that underlies them all. To many a Western mind its teachings seem to savour of the Oriental religions, because, as a matter of fact, those religions have retained within their popular doctrine more of the great truths of nature than has the orthodox faith as it is commonly taught in Europe; and consequently some of the first ideas which a Theosophist acquires from the study of our literature are likely to remind him of what he has heard of these great Eastern systems. In one sense such an objection has truth in it, for Theosophy is identical with esoteric Buddhism and Hinduism, but then so it is also with esoteric Christianity—the latter being well shown in Mrs. Besant's admirable book under that title.

phương Tây. Chúng ta có thể đáp lại điều đó chỉ bằng sự giải thích cẩn thận và kiên nhẫn rằng trong Thông Thiên Học, chúng ta không tìm cách truyền bá bất kỳ tôn giáo nào, mà thay vào đó là trình bày minh triết cổ xưa làm nền tảng cho tất cả chúng. Đối với nhiều tâm trí phương Tây, những giáo lý của Thông Thiên Học dường như có mùi vị của các tôn giáo phương Đông, bởi vì thực tế là những tôn giáo đó đã giữ lại trong giáo lý phổ biến của họ nhiều hơn về các chân lý vĩ đại của tự nhiên so với đức tin chính thống như thường được giảng dạy ở châu Âu; và do đó, một số ý tưởng đầu tiên mà một Thông Thiên Học giả có được từ việc nghiên cứu văn học của chúng ta có thể làm họ nhớ đến những gì họ đã nghe về các hệ thống phương Đông vĩ đại này. Theo một nghĩa nào đó, sự phản đối này có phần đúng, vì Thông Thiên Học giống hệt với Phật giáo nội môn và Ấn Độ giáo, nhưng nó cũng giống như vậy đối với Cơ Đốc giáo nội môn — điều này được thể hiện rõ ràng trong cuốn sách xuất sắc của bà Besant với tựa đề đó.

It is not only here that such an objection has been raised against Theosophical teaching. In India there have been men who have misunderstood Theosophy in a similar way—who, because the founders of the Society and some of its prominent members and officials happen to be Buddhists by religion, have hinted that the whole work of the Society is nothing but the propagation of Buddhism; and this remark has occasioned hesitation on the part of some Indians who were about to join its ranks. In Ceylon and other Buddhist countries the misunderstanding has taken the opposite direction, and some Buddhists whose zeal outran their discretion and their knowledge, have accused our Theosophical leaders of unduly favouring the faith of our Hindu brothers. The very fact that [117] such contradictory reports exist ought to show where the truth lies to those who have eyes to

Không chỉ ở đây mà sự phản đối như vậy đã được đưa ra đối với giáo lý Thông Thiên Học. Ở Ấn Độ, đã có những người hiểu lầm Thông Thiên Học theo cách tương tự—những người, vì các nhà sáng lập Hội và một số thành viên nổi bật và quan chức của Hội tình cờ là Phật tử, đã ám chỉ rằng toàn bộ công việc của Hội chỉ là sự truyền bá Phật giáo; và nhận xét này đã gây ra sự do dự từ một số người Ấn Độ đang chuẩn bị gia nhập hàng ngũ của nó. Ở Tích Lan và các quốc gia Phật giáo khác, sự hiểu lầm đã đi theo hướng ngược lại, và một số Phật tử, với lòng nhiệt thành vượt quá sự cẩn trọng và hiểu biết của họ, đã cáo buộc các nhà lãnh đạo Thông Thiên Học của chúng ta thiên vị quá mức cho đức tin của những anh em Ấn Độ giáo của chúng ta. Chính thực tế rằng [117] những báo cáo mâu thuẫn như vậy tồn tại sẽ cho thấy sự thật nằm ở đâu đối với những người có đôi mắt nhìn thấy—những người có tâm trí đủ rộng, có

see—whose minds are large enough, whose heads are steady enough to stand upon the real Theosophical platform.

đầu óc đủ vững vàng để đứng vững trên nền tảng thực sự của Thông Thiên Học.

The Theosophical Standpoint—Quan Điểm Thông Thiên Học

The motto of our Society is "There is no religion higher than truth, "and as a corporate body it holds no particular belief or dogma. No one on joining it is required to change his faith, or is even asked what his faith is. We have members among Hindus, Buddhists, Parsis, Mohammedans, Jews, and Christians, and each is entirely at liberty to seek to attain the highest truth along the lines of thought to the use of which he is most accustomed; indeed, adherents of each of these systems have again and again spoken gratefully of the flood of light which Theosophy has thrown upon the real meaning of the more obscure points in the teaching handed down to them from their ancestors. The only stipulation made when a man joins our ranks is that he shall show to his brothers the same enlightened tolerance and kindly courtesy which he himself would wish to receive at their hands.

Châm ngôn của Hội chúng ta là "Không có tôn giáo nào cao hơn chân lý", và với tư cách là một tổ chức, Hội không theo đuổi niềm tin hay giáo điều nào cụ thể. Không ai khi gia nhập Hội được yêu cầu phải thay đổi đức tin của mình, thậm chí còn không được hỏi đức tin của họ là gì. Chúng ta có các thành viên là người Hindu, Phật tử, Parsi, Hồi giáo, Do Thái giáo, và Kitô giáo, và mỗi người hoàn toàn có tự do tìm kiếm chân lý cao nhất theo con đường suy nghĩ mà họ quen thuộc nhất; thật vậy, những người theo mỗi trong các hệ thống này đã nhiều lần bày tỏ lòng biết ơn về ánh sáng mà Thông Thiên Học đã chiếu rọi vào ý nghĩa thực sự của những điểm giáo lý khó hiểu hơn được truyền lại từ tổ tiên của họ. Điều duy nhất được yêu cầu khi một người gia nhập hàng ngũ của chúng ta là họ phải thể hiện sự khoan dung sáng suốt và sự lịch thiệp tử tế đối với anh em của mình, giống như cách mà họ mong muốn được nhận lại từ tay của những người khác.

This is the true Theosophical standpoint; but it is a high one, and its air is too rarefied for the respiration of the sectarian or the bigot. He finds himself unable to exist at this unaccustomed altitude, and he must either sink back again into his own dismal swamp of self-complacency, or cast off forever his shell of spiritual pride and evolve into a higher and nobler creature. No wonder then that those who can see no light but that which shines through their own tiny lamps, should be unable to grasp so great a religious idea, and should consequently [118] misunderstand these leaders of thought whose minds are cast in a nobler mould than their own. Truth is

Đây là quan điểm Thông Thiên Học chân chính; nhưng nó là một quan điểm cao cả, và bầu không khí của nó quá tinh khiết để người cuồng tín hay người hẹp hòi có thể hít thở. Họ cảm thấy không thể tồn tại ở độ cao không quen này, và họ phải hoặc là chìm trở lại vào vũng lầy tối tăm của tự mãn, hoặc vĩnh viễn cởi bỏ vỏ bọc của niềm kiêu hãnh tinh thần và tiến hóa thành một sinh vật cao cả và cao quý hơn. Không có gì ngạc nhiên khi những người chỉ nhìn thấy ánh sáng qua những ngọn đèn nhỏ bé của riêng mình không thể hiểu được một ý tưởng tôn giáo lớn lao như vậy, và do đó họ [118] hiểu lầm những nhà lãnh đạo tư tưởng có tâm trí được định hình cao quý hơn

one, but its aspects are many; and on the lower levels its pursuit often seems to lead men in different directions, just as to two travellers who approach a mountain from different sides, the upward road leads in one case towards the north and in the other towards the south, so that each might well suppose the other to be entirely wrong. Yet ever as they reach the higher levels and the purer air, the searchers, however unconsciously, are drawing nearer and nearer to each other, until that supreme moment arrives when they stand side by side upon the loftiest peak, and for the first time fully realize the difference between the real and the unreal.

chính họ. Chân lý là một, nhưng các khía cạnh của nó thì nhiều; và trên các tầng mức thấp hơn, việc theo đuổi chân lý thường có vẻ dẫn dắt con người đi theo những hướng khác nhau, giống như hai người lữ hành tiếp cận một ngọn núi từ hai phía khác nhau, con đường lên núi trong một trường hợp dẫn về phía bắc và trong trường hợp kia dẫn về phía nam, để mỗi người có thể nghĩ rằng người kia hoàn toàn sai lầm. Tuy nhiên, càng lên cao và không khí càng trong lành, những người tìm kiếm, dù vô thức, cũng đang tiến gần nhau hơn, cho đến khi khoảnh khắc tối thượng đó đến, khi họ đứng cạnh nhau trên đỉnh cao nhất và lần đầu tiên hoàn toàn nhận ra sự khác biệt giữa cái thật và cái giả.

Perhaps of all the great religions it is Buddhism which comes closest to this which I have outlined as the true Theosophical attitude. As Sir Edwin Arnold remarks: “This venerable religion has in it the eternity of a universal hope, the immortality of a boundless love, an indestructible element of faith in final good, and the proudest assertion ever made of human freedom.” How high is its aim, how noble and unselfish its teachings, I cannot hope to tell you in so short a speech as this. But this grand old faith will well repay your closer study, for in its scriptures you will find much of the purest Theosophy. Let me end this brief sketch by reading to you a beautiful poetical translation by Sir Edwin Arnold of the first chapter of one of the principal books of the Buddhist scriptures, the Dhammapada. This translation was written in 1889 by Sir Edwin for a little periodical called The Buddhist, which I was then editing in Colombo. [119]

Có lẽ trong tất cả các tôn giáo lớn, Phật giáo là tôn giáo gần nhất với điều mà tôi đã phác thảo như là thái độ Thông Thiên Học chân chính. Như Sir Edwin Arnold nhận xét: “Tôn giáo cổ kính này mang trong mình sự vĩnh hằng của hy vọng phổ quát, sự bất tử của tình yêu vô biên, một yếu tố đức tin không thể phá vỡ vào điều thiện tối hậu, và lời khẳng định tự do con người mạnh mẽ nhất từng được đưa ra.” Mục tiêu của tôn giáo này cao quý ra sao, giáo lý của nó cao thượng và vị tha như thế nào, tôi không thể hy vọng diễn đạt hết trong một bài diễn thuyết ngắn như thế này. Nhưng niềm tin vĩ đại cổ xưa này sẽ xứng đáng để các bạn nghiên cứu sâu hơn, vì trong kinh điển của nó, các bạn sẽ tìm thấy nhiều điều tinh túy nhất của Thông Thiên Học. Hãy để tôi kết thúc bản phác thảo ngắn gọn này bằng cách đọc cho các bạn nghe một bản dịch thơ tuyệt đẹp của Sir Edwin Arnold về chương đầu tiên của một trong những quyển sách chính của kinh điển Phật giáo, Kinh Pháp Cú. Bản dịch này được Sir Edwin viết vào năm 1889 cho một tạp chí nhỏ có tên The Buddhist, mà lúc đó tôi đang biên tập tại Colombo. [119]

Thought in the mind hath made us. What we are

By thought was wrought and built. If a man's mind

Hath evil thoughts, pain comes on him as comes

The wheel the ox behind.

All that we are is what we thought and willed;

Our thoughts shape us and frame. If one endure

In purity of thought, joy follows him

As his own shadow – sure.

"He hath defamed me, wronged me, injured me,

Abased me, beaten me!" If one should keep

Thoughts like these angry words within his breast

Hatred will never sleep.

"He hath defamed me, wronged me, injured me,

Abased me. Beaten me!" If one should send

Such angry words away for pardoning thoughts

Hatreds will have an end.

For never anywhere at any time

Did hatred cease by hatred. Always 'tis

By love that hatred ceases – only love;

The ancient law is this.

The many, who are foolish, have forgot –

Or never knew – how mortal wrongs pass by;

But they who know and who remember, let

Transient quarrels die.

1. "Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu một người có ý nghĩ xấu, đau khổ sẽ theo sau như bánh xe theo chân con bò."

2. "Tất cả những gì chúng ta là đều do suy nghĩ và ý chí của chúng ta tạo nên; suy nghĩ định hình và xây dựng chúng ta. Nếu một người duy trì sự trong sạch trong suy nghĩ, niềm vui sẽ theo sau anh ta như bóng không rời hình."

3. "'Hắn đã phỉ báng tôi, làm sai tôi, gây tổn thương cho tôi, hạ nhục tôi, đánh tôi!' Nếu ai giữ những suy nghĩ giận dữ như vậy trong lòng, hận thù sẽ không bao giờ ngủ yên."

4. "'Hắn đã phỉ báng tôi, làm sai tôi, gây tổn thương cho tôi, hạ nhục tôi, đánh tôi!' Nếu ai loại bỏ những suy nghĩ giận dữ như vậy và thay thế bằng lòng tha thứ, hận thù sẽ chấm dứt."

5. "Chưa từng có nơi nào hay thời điểm nào mà hận thù chấm dứt bằng hận thù. Luôn luôn, chỉ có tình thương mới chấm dứt hận thù; đây là luật cổ xưa."

6. "Nhiều người ngu muội đã quên – hoặc chưa bao giờ biết – rằng những sai lầm trần tục sẽ qua đi; nhưng những ai biết và nhớ, hãy để những tranh chấp tạm thời lụi tàn."

7. "Ai sống tìm kiếm niềm vui, không được giáo dục, tham ăn, yếu đuối, trong những xa hoa vô ích, Ma vương sẽ lật đổ anh ta, như gió mạnh quật ngã cây có rễ nông."

8. "Ai sống tìm kiếm niềm vui, kiểm soát bản thân, tiết độ, trung thành, mạnh mẽ, tránh xa mọi điều xấu, Ma vương sẽ không thể lật đổ người đó, như gió không thể lay chuyển ngọn núi."

9. "Ai mặc áo cà sa – y vàng – nhưng không trong sạch, không tránh xa tội lỗi, không tuân theo sự thật và kỷ luật – người đó không xứng đáng mặc y phục đó."

Whoso abides, looking for joy, unschooled,
Gluttonous, weak, in idle luxuries,
Mara will overthrow him, as fierce winds
Level short-rooted trees.
Whoso abides, looking for joy, controlled,
Temperate, faithful, strong, shunning all ill,
Mara shall no more overthrow that man
Than the wind doth a hill.
Whoso Kashya wears – the yellow robe –
Being anishkashya* - not sin-free,
Nor heeding truth and governance – unfit
To wear that dress is he.
But whoso, being nishkashya, pure,
Clean from offence, doth still in virtues dwell,
Regarding temperance and truth – that man
Weareth Kashya well.
Whoso imagines truth in the untrue,
And in the true finds untruth – he expires
Never attaining knowledge: life is waste;
He follows vain desires.
Whoso discerns in truth the true, and sees
The false in falseness with unblinded eye,
He shall attain to knowledge; life with such
Aims well before it die.
As rain breaks through an ill-thatched roof, so break
Passions through minds that holy thought despise;
As rain runs from a perfect thatch, so run
Passions from off the wise.
The evildoer mourneth in this world,Z

10. "Nhưng ai, là người trong sạch, không phạm lỗi, vẫn sống trong đức hạnh, tuân theo tiết độ và sự thật – người đó mặc áo cà sa một cách xứng đáng."

11. "Ai tưởng tượng sự thật trong điều không thật, và trong điều thật thấy điều không thật – người đó sẽ không bao giờ đạt được tri thức: cuộc sống là vô ích; anh ta theo đuổi những ham muốn hão huyền."

12. "Ai phân biệt được sự thật trong điều thật, và thấy điều sai trong điều sai với con mắt không bị che mờ, người đó sẽ đạt được tri thức; cuộc sống với người như vậy có mục tiêu rõ ràng trước khi chết."

13. "Như mưa thấm qua mái nhà lợp kém, đam mê thâm nhập vào tâm trí coi thường suy nghĩ thánh thiện; như mưa chảy khỏi mái nhà hoàn hảo, đam mê rời xa người khôn ngoan."

14. "Kẻ làm điều ác đau khổ trong thế giới này, và đau khổ trong thế giới tiếp theo; trong cả hai, anh ta đều buồn bã. Khi thấy kết quả của hành động của mình, anh ta sẽ không muốn nhìn thấy."

15. "Người chính trực vui mừng trong thế giới này và trong thế giới tiếp theo; trong cả hai, anh ta đều vui vẻ. Khi thấy kết quả của công việc của mình, cảnh tượng tốt đẹp mang lại niềm vui."

16. "Vui mừng khi sống, vui mừng khi chết, vui mừng sau khi chết; luôn luôn vui mừng, vui mừng khi biết những việc tốt mình đã làm, vui mừng khi thấy trước nhiều điều tốt đẹp nơi mình sẽ đến."

And mourneth in the world to come; in both
He grieveth. When he sees fruit of his deeds
To see he will be loath.
The righteous man rejoiceth in this world
And in the world to come; in both he takes
Pleasure. When he shall see fruit of his works
The good sight gladness makes.
Glad is he living, glad in dying, glad
Having once died; glad always, glad to know
What good deeds he hath done, glad to foresee
More good where he shall go.

MODERN

CHAPTER V - THE UNSEEN WORLD

[123]

Theosophical teaching on the subject of the unseen world is much more precise and definite than that which we usually receive from current religious doctrine in England and America. We hold that there is an unseen world, that it is around us here and now, and not far away from us, and that it remains unseen only because most of us have not yet developed the senses by which it can be perceived; that for those who have developed these senses the world is not unseen and not unknown, but is entirely within reach, and can be explored and investigated as may be desired, precisely as any country here on earth might be. Vast parts of the world's surface remained unknown for hundreds, even thousands of years, until explorers were found who took the trouble and had the necessary qualifications to investigate them. Even now there remain parts of our world's surface of which little is known. The North Pole lies still beyond the reach of man, though it may not be long before even that also is conquered.

These unseen worlds have not remained unknown to all, any more than many of the remote places of the earth have really remained unknown from the beginning of time until now. There are vast tracts of primeval forest still standing in, for example, South America, untouched by any recent exploration, untrodden by the foot of man [124] for perhaps thousands of years; but long before that there were great races to whom all that country was not unknown or untrodden, but, on the contrary, to whom it was perfectly familiar, for whom it as a native land. In the

[123]

Giáo lý Thông Thiên Học về thế giới vô hình chính xác và cụ thể hơn nhiều so với những gì chúng ta thường nhận được từ các giáo lý tôn giáo hiện tại ở Anh và Mỹ. Chúng tôi khẳng định rằng có một thế giới vô hình, rằng nó hiện diện xung quanh chúng ta ngay tại đây và ngay lúc này, không hề xa cách, và rằng nó chỉ vô hình vì hầu hết chúng ta chưa phát triển các giác quan để có thể nhận thức được nó; đối với những người đã phát triển các giác quan này, thế giới đó không còn vô hình và không còn xa lạ, mà hoàn toàn nằm trong tầm tay, và có thể được khám phá và nghiên cứu theo ý muốn, chính xác như bất kỳ vùng đất nào trên trái đất này có thể được thám hiểm. Những phần rộng lớn của bề mặt trái đất đã không được biết đến trong hàng trăm, thậm chí hàng ngàn năm, cho đến khi những nhà thám hiểm có đủ phẩm chất cần thiết để nghiên cứu chúng được tìm thấy. Ngay cả bây giờ vẫn còn những khu vực trên bề mặt trái đất mà chúng ta biết rất ít. Bắc Cực vẫn nằm ngoài tầm với của con người, mặc dù có lẽ không còn lâu nữa ngay cả nơi đó cũng sẽ bị chinh phục.

Những thế giới vô hình này không phải là hoàn toàn không được biết đến với tất cả mọi người, cũng giống như nhiều nơi xa xôi trên trái đất không thực sự không được biết đến từ thuở ban đầu cho đến nay. Có những khu rừng nguyên sinh rộng lớn vẫn còn đứng vững, chẳng hạn như ở Nam Mỹ, chưa từng được khám phá gần đây, chưa từng có bước chân con người [124] đặt lên có lẽ trong hàng ngàn năm; nhưng từ lâu trước đó, đã có những giống dân vĩ đại mà đối với họ vùng đất đó không phải là vô danh hay chưa từng có dấu chân, mà trái lại, đó là vùng đất quen thuộc, là quê

same way this “unseen world” is unknown only to use here and now; it was not unknown to the great races of old, not unseen by those among them who were more highly developed, the seers and the prophets and the teachers. There is a great deal of information about this unseen world among the sacred writings of the various religions, and in many cases exactly what has been taught by Theosophy is to be found in the ancient faiths.

hương. Tương tự, “thế giới vô hình” này chỉ khôgn được biết đến đối với chúng ta tại đây và bây giờ; nó không phải là không được biết đến đối với các giống dân vĩ đại thời xưa, không phải vô hình đối với những người trong số họ phát triển cao hơn, các nhà tiên tri, các người thấy trước, và các nhà giảng dạy. Có rất nhiều thông tin về thế giới vô hình này trong các thánh thư của nhiều tôn giáo, và trong nhiều trường hợp, những gì đã được Thông Thiên Học giảng dạy có thể được tìm thấy trong các tín ngưỡng cổ xưa.

It is only here and now, and especially among the followers of the religion which is predominant in Western countries, that any uncertainty seems to have arisen with regard to this unseen world. The consequence of all the vague thought and speech about it is that the world itself is supposed to be vague and dim and uncertain also. People feel that because they individually know nothing for certain with regard to it, there is therefore nothing certainly to be known, and the whole affair is misty, distant, and unreal. Let me endeavour to put before you the Theosophical teaching on this subject, and to show you that we have every reason for accepting that teaching and understanding that this higher world, though at present unseen to many, is by no means unreal, but is in every way as actual as this which we can all touch and see and hear.

Chỉ ở đây và bây giờ, đặc biệt là giữa những người theo tôn giáo chiếm ưu thế ở các nước phương Tây, dường như mới có sự mơ hồ liên quan đến thế giới vô hình này. Hậu quả của tất cả những suy nghĩ và lời nói mơ hồ về nó là thế giới đó bị cho là mơ hồ, mờ nhạt và không chắc chắn. Mọi người cảm thấy rằng vì cá nhân họ không biết chắc chắn điều gì về nó, nên không có gì chắc chắn để biết, và toàn bộ sự việc trở nên mờ ảo, xa xôi và không thực. Hãy để tôi cố gắng trình bày trước các bạn giáo lý Thông Thiên Học về chủ đề này, và cho thấy rằng chúng ta có mọi lý do để chấp nhận giáo lý này và hiểu rằng thế giới cao hơn, dù hiện tại chưa thấy được đối với nhiều người, không hề không thực, mà thực sự là có thật hoàn toàn như thế giới mà chúng ta có thể chạm vào, thấy, và nghe.

The first idea to be grasped is that this unseen world is merely a continuation of what is known, and that the senses (latent in all of us, though developed only in few) by which it may be cognized are in the first place an extension of the senses which we all possess. That may, perhaps, help us to understand the reality of this unseen world, [125] and to see that there is no difficulty in our way in accepting it. Unfortunately all that most

Ý tưởng đầu tiên cần nắm bắt là thế giới vô hình này chỉ là một sự tiếp nối của những gì đã được biết, và rằng các giác quan (tiềm ẩn trong tất cả chúng ta, nhưng chỉ được phát triển ở một số ít) mà qua đó nó có thể được nhận thức, về cơ bản là một sự mở rộng của các giác quan mà tất cả chúng ta đều sở hữu. Điều đó có thể giúp chúng ta hiểu thực tại của thế giới vô hình này [125] và thấy rằng không có gì khó khăn trong việc chấp nhận nó. Thật không

people know about it—or think they know—has been given to them by the religions, and the religions have contrived to be so unscientific in their presentment of it that they have cast doubt and thrown discredit upon the whole affair in the minds of thinking men; so that those among the orthodox who most thoroughly believe in the unseen world now, who feel most certain that they know exactly what that world contains, and what will be the fate of man after death, are usually precisely the most ignorant people of all. Now that should not be so. It should not be for the ignorant, the bigoted, to feel certain about these matters. On the contrary, the most highly intelligent and most scientifically trained men ought to be best able to grasp the evidence for the existence of this unseen world, ought to be the foremost in upholding it as a truth.

may, tất cả những gì hầu hết mọi người biết về nó—hoặc nghĩ rằng họ biết—đã được truyền đạt bởi các tôn giáo, và các tôn giáo đã trình bày nó một cách thiếu khoa học đến mức khiến những người có tư duy hoài nghi và làm mất đi uy tín của toàn bộ sự việc trong tâm trí của những người có suy nghĩ. Vì vậy, những ai trong số những người chính thống tin tưởng mạnh mẽ nhất vào thế giới vô hình bây giờ, những người cảm thấy chắc chắn nhất rằng họ biết chính xác thế giới đó chứa đựng những gì, và số phận của con người sau khi chết sẽ ra sao, thường chính là những người kém hiểu biết nhất trong tất cả. Điều đó không nên xảy ra. Không nên để những người kém hiểu biết, hẹp hòi, cảm thấy chắc chắn về những vấn đề này. Ngược lại, những người có trí tuệ cao và được đào tạo khoa học nhất phải là những người có khả năng nắm bắt tốt nhất các bằng chứng về sự tồn tại của thế giới vô hình này, phải là những người tiên phong trong việc ủng hộ nó như một sự thật.

Let me first say something about the senses by which this unseen world is perceived, and about the constitution of the world itself, because those two subjects are closely connected, and we cannot examine one without also looking into the other.

Hãy để tôi trước hết nói một chút về các giác quan qua đó thế giới vô hình này được nhận thức, và về bản chất của chính thế giới đó, bởi vì hai chủ đề này có liên hệ mật thiết với nhau, và chúng ta không thể khám phá cái này mà không xem xét đến cái kia.

States of Matter—Các Trạng thái của Vật Chất

It is obvious that we may have matter in different conditions, and that it may be made to change its condition by variations of pressure and of temperature. We have known here three well-known states of matter, the solid, liquid, and gaseous, and it is the theory of scientists that all substances can, under proper variations of temperature and pressure, exist in all these conditions. There are still, I think, a few substances which chemists have [126] not succeeded in reducing from one state to another; but the

Rõ ràng là chúng ta có thể có vật chất trong những trạng thái khác nhau, và vật chất có thể thay đổi trạng thái của mình bằng cách thay đổi áp suất và nhiệt độ. Chúng ta biết ba trạng thái quen thuộc của vật chất là rắn, lỏng, và khí, và theo lý thuyết của các nhà khoa học, tất cả các chất, dưới điều kiện thích hợp về nhiệt độ và áp suất, có thể tồn tại trong tất cả các trạng thái này. Tôi nghĩ vẫn còn một vài chất mà các nhà hóa học chưa thành công trong việc chuyển đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác; nhưng lý thuyết phổ biến là cuối

theory universally held is that it is after all only a questions of temperature one way or the other; that just as what is ordinarily water may become ice at a lower temperature, and may become steam at a higher one, so every solid which we know might become liquid or might become gaseous, given proper conditions; every liquid may be made solid or gaseous, every gas might be liquefied and even solidified. We know that air itself has been liquefied, and that some of the other gases have been reduced to form even a solid slab.

Since that is so, it is supposed that all substances can in this way be changed from one condition to another, either by pressure or heat. Occult chemistry shows us another and higher conditions than the gaseous—a condition that that we call the etheric—into which all substances known to us can be translated or transmuted; so that any element (such as hydrogen, for example) may exist in etheric condition as well as gaseous; we may have gold or silver or any other element either as a solid, a liquid, or a gas under sufficient heat, and we may carry the experiment further and reduce them to these other higher states, to this condition of matter which we call etheric. We are able to do so because that which science postulates as ether is found by occult chemistry to be not a homogeneous body, but simply another state of matter—not itself a new kind of substance, but any kind of matter reduced to a particular state. Just as we have here around us elements which are normally solid but can be changed into the liquid or the gaseous condition, such as iron or lead, others which are normally liquid, such as mercury, and still others which are normally gaseous, such as nitrogen, so we have a large number of elements or substances which are normally etheric—which are ordinarily in that condition, but by special treatment can be brought to a gaseous condition. [127]

cùng, đó chỉ là vấn đề nhiệt độ, một cách này hay cách khác; rằng cũng như nước có thể trở thành băng ở nhiệt độ thấp hơn, và có thể trở thành hơi nước ở nhiệt độ cao hơn, thì bất kỳ chất rắn nào mà chúng ta biết có thể trở thành chất lỏng hoặc chất khí, nếu có điều kiện thích hợp; bất kỳ chất lỏng nào cũng có thể trở thành chất rắn hoặc chất khí, và bất kỳ chất khí nào cũng có thể được hóa lỏng và thậm chí trở thành rắn. Chúng ta biết rằng không khí đã được hóa lỏng, và một số khí khác đã được làm ngưng tụ thành dạng chất rắn.

Vì điều đó là như vậy, người ta cho rằng tất cả các chất có thể được thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác bằng áp suất hoặc nhiệt độ. Hóa học huyền bí chỉ ra cho chúng ta một trạng thái khác cao hơn trạng thái khí, một trạng thái mà chúng ta gọi là dĩ thái, trong đó tất cả các chất chúng ta biết đến có thể được chuyển hóa hoặc biến đổi; như vậy, bất kỳ nguyên tố nào (ví dụ như hydro) có thể tồn tại trong trạng thái dĩ thái cũng như trạng thái khí; chúng ta có thể có vàng hoặc bạc hay bất kỳ nguyên tố nào khác ở dạng rắn, lỏng, hoặc khí dưới nhiệt độ đủ cao, và chúng ta có thể tiếp tục thí nghiệm xa hơn và chuyển đổi chúng sang các trạng thái cao hơn này, đến trạng thái mà chúng ta gọi là dĩ thái. Chúng ta có thể làm điều đó bởi vì điều mà khoa học giả định là dĩ thái được hóa học huyền bí tìm thấy không phải là một thể đồng nhất, mà chỉ là một trạng thái khác của vật chất—không phải là một loại chất mới, mà là bất kỳ loại vật chất nào được giảm xuống một trạng thái cụ thể. Cũng như chúng ta có ở xung quanh mình các nguyên tố mà bình thường là rắn nhưng có thể được chuyển đổi sang trạng thái lỏng hoặc khí, như sắt hoặc chì, và các nguyên tố khác mà bình thường là lỏng, như thủy ngân, và lại có những chất bình thường là khí, như nitơ, thì chúng ta cũng có một số lượng lớn các nguyên tố hoặc chất mà bình thường là dĩ thái—tức là bình thường ở trong trạng thái đó, nhưng có

thể được chuyển đổi thành trạng thái khí bằng cách xử lý đặc biệt. [127]

There is nothing at all impossible or unreasonable about that; even a sceptic may see that it might easily be so, and that there is nothing in science to contradict it. Indeed, ether is a necessary hypothesis; it is only the idea that it is a state of matter instead of a substance that is in any way new in what I am suggesting. In ordinary science they speak constantly of an atom of oxygen, an atom of hydrogen, an atom of any of the seventy or eighty substances which chemists call elements, the theory being that that is an element which cannot be further reduced; that each of these elements has its atom—and an atom, as we may see from its Greek derivation, means that which cannot be cut or further subdivided. Occult science tells us what many scientists have frequently suspected, that all of these so-called elements are not in the true sense of the word elements at all; that is to say, that they can be further subdivided; that what is commonly called an atom of oxygen or hydrogen is not an ultimate something, and therefore in fact not an atom at all, but a molecule which can under certain circumstances be broken up into atoms.

Không có gì là không thể hoặc vô lý trong điều đó; ngay cả người hoài nghi cũng có thể thấy rằng điều đó có thể dễ dàng xảy ra, và rằng không có gì trong khoa học mâu thuẫn với điều đó. Thực ra, dĩ thái là một giả thuyết cần thiết; chỉ có ý tưởng rằng đó là một trạng thái của vật chất thay vì là một chất mới là điều mới mẻ trong đề xuất của tôi. Trong khoa học thông thường, người ta thường xuyên nói về một nguyên tử của oxy, một nguyên tử của hydro, một nguyên tử của bất kỳ trong số bảy mươi hoặc tám mươi chất mà các nhà hóa học gọi là nguyên tố, lý thuyết cho rằng đó là một nguyên tố không thể chia nhỏ hơn nữa; rằng mỗi nguyên tố này có nguyên tử của nó—và nguyên tử, như chúng ta có thể thấy từ gốc Hy Lạp của nó, có nghĩa là cái không thể cắt nhỏ hay chia tách thêm nữa. Khoa học huyền bí nói với chúng ta điều mà nhiều nhà khoa học đã nghi ngờ từ lâu, rằng tất cả các nguyên tố được gọi như vậy thực ra không phải là nguyên tố thực sự theo nghĩa đúng của từ đó; nghĩa là, chúng có thể được chia nhỏ thêm; rằng cái mà thông thường được gọi là nguyên tử oxy hay hydro không phải là một điều gì đó cuối cùng, và do đó thực ra không phải là nguyên tử, mà là phân tử, có thể trong một số trường hợp nhất định bị phá vỡ thành các nguyên tử.

The Ultimate Atoms —Các Nguyên tử Tối hậu

By carrying on this breaking-up process it is found that we arrive eventually at an infinite number of definite physical atoms which are all alike; there is one substance at the back of all substance, and it is only the different combinations of the ultimate atoms which give us what in chemistry are called atoms of oxygen, hydrogen, gold or silver, platinum, etc. When they are so broken up we get back to a series of atoms which are all identical, except

Khi tiếp tục quá trình phân tách này, người ta nhận thấy rằng cuối cùng chúng ta sẽ đạt đến một số lượng vô hạn các nguyên tử hồng trần xác định, tất cả đều giống nhau; có một chất nằm phía sau tất cả các chất, và chỉ là do sự kết hợp khác nhau của các nguyên tử cơ bản mà chúng ta có cái mà trong hóa học được gọi là nguyên tử của oxy, hydro, vàng, bạc, bạch kim, v.v. Khi chúng bị phân tách ra, chúng ta trở về với một chuỗi các nguyên tử hoàn toàn

that some are positive and some are negative, or as we might say, some male and some female. [128]

If we can realize that this is so—and remember, it is not only taught by occult science but it is strongly suspected by many scientific men—there is as yet no direct stumbling-block before us. If that be so, we see at once all sorts of new possibilities in chemistry. If it be true that all substances have the same basis and that it is only a question of raising them to a sufficient temperature or getting them into a particular state to prove this, then we see that a change is a possibility; that we might break up an element and then in reuniting we might join the particles differently, so that actually we might change one of our elements into another, leaving out perhaps in some combinations certain things, and including some that were not there before. Undoubtedly we might make such changes as this, and so we see that we are within reasonable distance of showing the possibility of the transmutation theory of the alchemists, who stated that they made lead or copper or other metals into gold or silver. The thing is not necessarily an impossibility if this theory be true, for by reducing the lead or copper to ultimate atoms, and then may be changed into different metals altogether. The idea becomes feasible if we adopt this suggestion, which has been advanced as a theory by scientists, but is stated by occult chemistry to be a definite fact. [*Since this lecture was delivered its suggestions have been very largely confirmed by later scientific discoveries. So far at least as the production of radium is concerned, transmutation is now recognized, and obviously if it can occur in the case of one element it can occur with others also, and all that remains is to find the exact process, since the principle is established. That all

giống nhau, ngoại trừ một số là dương và một số là âm, hoặc như chúng ta có thể nói, một số là nam và một số là nữ. [128]

Nếu chúng ta có thể hiểu rằng điều này là như vậy—và hãy nhớ rằng không chỉ có khoa học huyền bí giảng dạy điều này mà nhiều nhà khoa học cũng đã nghi ngờ mạnh mẽ điều đó—vẫn chưa có trở ngại trực tiếp nào trước mắt chúng ta. Nếu điều này là đúng, chúng ta ngay lập tức nhìn thấy mọi khả năng mới trong hóa học. Nếu đúng là tất cả các chất có cùng một cơ sở và chỉ là vấn đề tăng nhiệt độ lên đủ cao hoặc đưa chúng vào một trạng thái cụ thể để chứng minh điều này, thì chúng ta thấy rằng một sự thay đổi là có thể; rằng chúng ta có thể phá vỡ một nguyên tố và sau đó khi tái hợp, chúng ta có thể kết hợp các hạt theo cách khác, đến mức chúng ta có thể thay đổi thực sự một nguyên tố thành một nguyên tố khác, có thể bỏ qua một số thứ trong một số sự kết hợp, và bao gồm những thứ không có trước đó. Chắc chắn, chúng ta có thể thực hiện những thay đổi như vậy, và do đó chúng ta thấy rằng chúng ta đang ở rất gần khả năng chứng minh lý thuyết chuyển hóa của các nhà giả kim, những người đã nói rằng họ có thể biến chì hoặc đồng hoặc các kim loại khác thành vàng hoặc bạc. Điều này không nhất thiết là điều không thể nếu lý thuyết này là đúng, bởi vì bằng cách phân tách chì hoặc đồng thành các nguyên tử cơ bản, sau đó chúng có thể được thay đổi thành các kim loại hoàn toàn khác. Ý tưởng này trở nên khả thi nếu chúng ta chấp nhận đề xuất này, mà đã được đưa ra như một lý thuyết bởi các nhà khoa học, nhưng được khoa học huyền bí tuyên bố là một sự thật xác định. [Kể từ khi bài giảng này được đưa ra, những gợi ý của nó đã được khẳng định rất nhiều bởi các khám phá khoa học sau này. Ít nhất trong trường hợp của radium, sự chuyển hóa đã được công nhận, và rõ ràng nếu nó có thể xảy ra đối với một nguyên tố thì nó cũng có thể xảy ra với những nguyên tố khác, và tất

substances are but modifications of one substance is now generally admitted, and what for the moment is supposed to be the ultimate atom is just now called the electron. It seems likely, that the electron is not what we in Theosophy have called the physical atom, but more probably the astral atom; though it is difficult to speak with certainty until science has defined its discovery a little more closely.] [129]

cả những gì còn lại là tìm ra quy trình chính xác, vì nguyên lý đã được thiết lập. Tất cả các chất chỉ là sự biến đổi của một chất duy nhất giờ đây đã được chấp nhận rộng rãi, và cái mà hiện tại được cho là nguyên tử cuối cùng hiện nay được gọi là electron. Có vẻ như electron không phải là cái mà chúng ta trong Thông Thiên Học gọi là nguyên tử hồng trần, mà có lẽ là nguyên tử cõi cảm dục; mặc dù thật khó để nói chắc chắn cho đến khi khoa học định nghĩa phát hiện của mình kỹ lưỡng hơn một chút.] [129]

We eventually get back, then, to the ultimate physical atom, and we find that it is an atom as far as the physical plane is concerned. We cannot break it up any further and still retain the matter in physical condition; nevertheless, it can be broken up, only when that is done the matter belongs to a different realm altogether, to part of this unseen world of which I am going to speak. It can no longer be called physical because it has ceased to obey some of the laws which all physical matter does obey. It is no longer apparently contractible by any cold or expandable by any heat of which we know anything, though there is some evidence to show that it can be affected by solar temperatures. It no longer seems to obey the ordinary laws of gravity, although it has what I suppose we may call a kind of law of gravity of its own.

Cuối cùng, chúng ta quay trở lại với nguyên tử hồng trần cơ bản, và chúng ta nhận thấy rằng nó là nguyên tử đối với cõi trần. Chúng ta không thể phân tách nó thêm nữa mà vẫn giữ được vật chất trong trạng thái vật lý; tuy nhiên, nó có thể bị phân tách, nhưng khi điều đó xảy ra, vật chất sẽ thuộc về một cõi khác hoàn toàn, thuộc về một phần của thế giới vô hình mà tôi sẽ nói đến. Nó không còn có thể được gọi là vật lý nữa vì nó đã ngừng tuân theo một số quy luật mà mọi vật chất vật lý đều tuân theo. Nó dường như không còn bị co lại bởi bất kỳ cái lạnh nào hoặc bị giãn nở bởi bất kỳ nhiệt độ nào mà chúng ta biết, mặc dù có một số bằng chứng cho thấy nó có thể bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ mặt trời. Nó không còn dường như tuân theo các quy luật thông thường của trọng lực, mặc dù nó có cái mà tôi cho rằng chúng ta có thể gọi là một dạng quy luật trọng lực riêng của nó.

It is very difficult to put the conception of the finer matter of this higher realm clearly into words upon the physical plane; in fact, I might say it is impossible to put it fully; but this much at least must be emphasized, that the planes above this physical follow naturally from it and fit in with it, and are not abruptly divided and entirely different. Indeed, we have only to suppose a finer subdivision of matter than that with which we are familiar,

Thật khó để diễn đạt khái niệm về vật chất tinh tế của cõi cao hơn này một cách rõ ràng bằng ngôn ngữ của cõi trần; thực tế, tôi có thể nói rằng không thể diễn đạt đầy đủ; nhưng ít nhất điều này cần phải được nhấn mạnh, rằng các cõi cao hơn này tiếp nối tự nhiên từ cõi trần và phù hợp với nó, không bị chia cắt đột ngột và hoàn toàn khác biệt. Thực ra, chúng ta chỉ cần giả định một sự phân chia tinh vi hơn của vật chất so với những gì chúng ta quen thuộc,

and a much higher rate of vibration than any which we know, and we shall realize one aspect of the conditions of the astral plane, though there are many other aspects which are not so readily comprehensible. [130]

và một tần số rung động cao hơn nhiều so với bất kỳ điều gì chúng ta biết, và chúng ta sẽ hiểu được một khía cạnh của các điều kiện trên cõi cảm dục, mặc dù còn nhiều khía cạnh khác không dễ hiểu như vậy. [130]

Planes of Subtler Matter—Các Cõi Giới của Vật chất Tế Vi

We find that above and beyond this physical atom we have another series of states of that finer kind of matter, which corresponds fairly to the degrees of matter down here, solid, liquid, gaseous, and etheric. Again, by pushing up the division far enough we have another atom, the atom of that astral world; and then the process may be repeated. By further subdivision of that astral atom we find ourselves in another still higher and still more refined world, still composed of matter, but of matter so much subtler that nothing that we predicate of matter down here would be true of that except its capability of being subdivided into molecules and atoms. We see that the idea gears on to this plane, that we are not suddenly obliged to leap from the physical which we know—or think we know—into some spiritual region of which we can form no reasonable or distinct conception. It is true that these other realms are unseen, but they are not therefore at all incomprehensible when we approach the subject in this manner.

Chúng ta nhận thấy rằng, phía trên và vượt ra khỏi nguyên tử hồng trần này, có một loạt các trạng thái khác của một loại vật chất tinh tế hơn, tương ứng khá rõ với các mức độ của vật chất ở đây, gồm rắn, lỏng, khí và dĩ thái. Một lần nữa, khi đẩy quá trình phân chia đủ xa, chúng ta có một nguyên tử khác, nguyên tử của thế giới cảm dục; và quá trình này có thể lặp lại. Bằng cách phân chia sâu hơn nguyên tử cảm dục đó, chúng ta thấy mình ở một thế giới khác cao hơn, tinh tế hơn, vẫn được cấu tạo từ vật chất, nhưng là loại vật chất tinh vi đến mức không có gì trong những gì chúng ta gán cho vật chất ở đây có thể áp dụng đúng cho nó, ngoại trừ khả năng bị phân chia thành phân tử và nguyên tử. Chúng ta thấy rằng ý tưởng này kết nối với cõi này, rằng chúng ta không đột ngột bị buộc phải nhảy từ vật lý mà chúng ta biết—hoặc nghĩ rằng chúng ta biết—vào một vùng tinh thần mà chúng ta không thể hình thành bất kỳ khái niệm hợp lý hay rõ ràng nào. Đúng là những cõi giới khác này là vô hình, nhưng chúng không hề khó hiểu khi chúng ta tiếp cận chủ đề này theo cách này.

All students are aware that a great part of even this physical world is not appreciable by our senses; that the whole of the etheric part of the world is to us as though it were not, except for the fact that it carries vibrations for us. We never see the ether which carries the vibration of light to our eyes, though we may demonstrate its necessity as a hypothesis to explain what we find. Just in the same way vibrations are received from the other and higher matter. Although the ether cannot be

Tất cả các học giả đều biết rằng một phần lớn của thế giới vật lý này thậm chí không thể nhận thức được bằng các giác quan của chúng ta; rằng toàn bộ phần dĩ thái của thế giới đối với chúng ta như thể không tồn tại, ngoại trừ việc nó truyền tải các rung động cho chúng ta. Chúng ta không bao giờ thấy được dĩ thái, thứ mang rung động ánh sáng đến mắt chúng ta, mặc dù chúng ta có thể chứng minh sự cần thiết của nó như một giả thuyết để giải thích những gì chúng ta tìm thấy. Cũng giống như

seen, yet its effects are constantly known and felt by us; and just in the same way, although the astral matter and the mental matter are not visible to ordinary sight, yet the vibrations of that matter affect man, and he is conscious of them in a large number of ways; indeed, some of them he habitually uses, as we shall see when we come to consider the subject of telepathy in a later lecture. [131]

vậy, các rung động được nhận từ vật chất khác và cao hơn. Mặc dù dĩ thái không thể nhìn thấy, nhưng các hiệu ứng của nó luôn được chúng ta biết đến và cảm nhận; và cũng theo cách đó, mặc dù vật chất cảm dục và vật chất trí tuệ không thể nhìn thấy bằng mắt thường, nhưng những rung động của vật chất đó ảnh hưởng đến con người, và con người nhận thức chúng theo nhiều cách; thật ra, một số trong số đó được chúng ta sử dụng thường xuyên, như chúng ta sẽ thấy khi đề cập đến chủ đề viễn cảm trong một bài giảng sau. [131]

It is important that those who approach the investigation of Theosophical teaching should understand this idea of the various planes or degrees of matter in Nature, making in one sense each a world in itself, though in a higher sense they are all parts of one great whole. If people can be induced to examine this, they will see that we are in no way claiming their faith in a miracle, but rather their investigation of a system, which we offer to them simply as a hypothesis for their study, though to us it is not a hypothesis, but an ascertained fact.

Điều quan trọng là những ai tiếp cận việc nghiên cứu giáo lý Thông Thiên Học cần hiểu ý tưởng về các cõi hoặc cấp độ vật chất khác nhau trong Tự nhiên, theo một nghĩa nào đó mỗi cõi là một thế giới riêng, mặc dù ở một ý nghĩa cao hơn, chúng đều là các phần của một tổng thể lớn. Nếu con người có thể bị thuyết phục để kiểm tra điều này, họ sẽ thấy rằng chúng ta không hề yêu cầu đức tin của họ vào một phép lạ, mà là sự điều tra của họ về một hệ thống, mà chúng ta đưa ra đơn thuần như một giả thuyết để họ nghiên cứu, mặc dù đối với chúng ta nó không phải là một giả thuyết, mà là một sự thật đã được xác định.

Where are these worlds? They are here round about us all the time, though unseen. We need only open the senses which correspond to them in order to be conscious of them, because each of them is full of life, exactly as is this physical world that we know. Just as earth and air and water are always found to be full of various forms of life, so is the astral world, so is the mental world—each full of its own kind of life; and among the inhabitants of these two stages of the unknown world are the vast hosts of those whom we call the dead.

Những thế giới này ở đâu? Chúng luôn hiện diện xung quanh chúng ta, mặc dù vô hình. Chúng ta chỉ cần mở các giác quan tương ứng với chúng để có thể nhận thức được chúng, bởi vì mỗi cõi đều đầy sự sống, chính xác như thế giới vật lý mà chúng ta biết. Cũng giống như trái đất, không khí và nước luôn được phát hiện là đầy các hình thức sống khác nhau, thế giới cảm dục và thế giới trí tuệ cũng vậy—mỗi cõi đều đầy những dạng sống riêng của nó; và trong số những cư dân của hai cõi thế giới vô hình này là vô số những người mà chúng ta gọi là người chết.

How does man become cognizant of this? As I said, by the development of the senses corresponding to them. That implies—and it is true—that man has within himself matter of all these finer degrees; that man has not only a physical body, but that he has also within him that higher etheric type of physical matter, and astral matter, and mental matter, the vibration of which is his thought. That is not an unreasonable thing, and if a man is prepared to accept that as a hypothesis, he will also see that a vibration of matter of one of these finer planes can communicate [132] itself to the corresponding matter in the man and can reach the ego within him through that vehicle, just as vibrations of physical matter are conveyed to the senses of the man through his physical organism on this plane. The whole thing is precisely analogous.

Con người nhận thức điều này như thế nào? Như tôi đã nói, bằng cách phát triển các giác quan tương ứng với các cõi đó. Điều này ngụ ý —và đúng như vậy—rằng con người có bên trong mình vật chất của tất cả các cấp độ tinh tế này; rằng con người không chỉ có một thể xác, mà còn có trong mình loại vật chất dĩ thái cao hơn của vật lý, vật chất cảm dục, và vật chất trí tuệ, mà rung động của nó chính là tư tưởng của con người. Điều đó không phải là điều vô lý, và nếu một người sẵn sàng chấp nhận điều đó như một giả thuyết, họ cũng sẽ thấy rằng một rung động của vật chất từ một trong các cõi tinh tế này có thể truyền đạt [132] đến vật chất tương ứng trong con người và có thể đến được chân ngã bên trong con người qua thể đó, giống như cách mà rung động của vật chất vật lý được truyền đến các giác quan của con người qua cơ thể vật lý của họ trên cõi này. Toàn bộ quá trình này hoàn toàn tương tự.

Perhaps the easiest way to get some idea of these higher senses will be to begin by considering the senses that we have now. All sensation which reaches us from without is a matter of vibration. Heat, for example, and light, what are these but rates of vibration? There seem to be infinite numbers of possible rates of vibration; there is no limit that we can set, either above or below, to the possibilities of variance among these different rates. Now out of all this infinite series only a small number can reach us here on the physical plane. It is only a small set of vibrations of exceeding rapidity which appear to our eyes and are recognized by us as light. Anything which we see, we see only because it either emits or reflects some out of this small set of vibrations.

Có lẽ cách dễ nhất để hình dung các giác quan cao hơn này là bắt đầu bằng cách xem xét các giác quan mà chúng ta hiện có. Tất cả cảm giác mà chúng ta nhận được từ bên ngoài đều là vấn đề của rung động. Ví dụ, nhiệt và ánh sáng, chúng là gì nếu không phải là các tần số rung động? Dường như có một số lượng vô hạn các tần số rung động có thể có; không có giới hạn nào mà chúng ta có thể đặt ra, cả ở phía trên lẫn phía dưới, cho khả năng thay đổi giữa các tần số khác nhau này. Giờ đây, từ chuỗi vô hạn này, chỉ có một số lượng nhỏ có thể đến được với chúng ta trên cõi trần. Chỉ có một tập hợp nhỏ các rung động có tốc độ cực nhanh xuất hiện với mắt chúng ta và được chúng ta nhận biết là ánh sáng. Bất cứ thứ gì chúng ta nhìn thấy, chúng ta chỉ thấy được vì nó phát ra hoặc phản xạ một phần nào đó trong tập hợp nhỏ này của các rung động.

We know in many ways that there are other vibrations beyond those that we see. For example, we know it by photography. If we take a BI-sulphide of carbon prism and let a ray of sunlight pass through it, we shall get a beautiful coloured spectrum cast upon a sheet of paper of a piece of linen or anything white that we may use. It is a beautiful spectrum, but only a small one. If, instead of putting there the white sheet of paper which reflects to us what we see, we put a highly sensitive photographic plate (taking care, of course, to exclude all other light except that which comes through the prism), we shall have a spectrum reproduced which contains a good deal more than [133] we previously saw. It is considerably extended at the violet end, because the plate is capable of being impressed by ultraviolet rays which do not affect the eye. Our eyes are absolutely blind to this extension of the spectrum, but nevertheless it is there, and it is utilized in various branches of scientific research.

Chúng ta biết theo nhiều cách rằng có những rung động khác vượt ra ngoài những gì chúng ta có thể nhìn thấy. Ví dụ, chúng ta biết điều này qua nhiếp ảnh. Nếu chúng ta lấy một lăng kính bi-sulphide của carbon và để một tia nắng mặt trời chiếu qua nó, chúng ta sẽ có một quang phổ màu tuyệt đẹp được chiếu lên một tờ giấy, một miếng vải lanh, hoặc bất kỳ vật gì có màu trắng mà chúng ta sử dụng. Đó là một quang phổ đẹp, nhưng chỉ là một phần nhỏ. Nếu thay vì đặt tờ giấy trắng đó, chúng ta đặt một tấm phim ảnh nhạy cảm cao (dĩ nhiên là phải cẩn thận loại bỏ mọi ánh sáng khác ngoài ánh sáng đi qua lăng kính), chúng ta sẽ thu được một quang phổ có nhiều chi tiết hơn [133] so với những gì chúng ta đã thấy trước đó. Nó được mở rộng đáng kể ở đầu tím, vì tấm phim có thể bị ảnh hưởng bởi các tia tử ngoại, những tia không tác động đến mắt. Mắt chúng ta hoàn toàn mù với phần mở rộng này của quang phổ, nhưng dù vậy nó vẫn hiện diện, và nó được sử dụng trong nhiều ngành nghiên cứu khoa học.

An interesting example of this is seen in the photographs of the sun taken by Professor Hale and others. One of the most abundant elements in the sun is calcium, but the rays from the calcium in the sun are invisible to us, though they appear in the ultraviolet part of the spectrum, and therefore produce an impression upon the photographic plate. Sir Robert Ball writes:-

Một ví dụ thú vị về điều này có thể thấy trong các bức ảnh chụp mặt trời do Giáo sư Hale và các nhà khoa học khác thực hiện. Một trong những nguyên tố phong phú nhất trong mặt trời là canxi, nhưng các tia từ canxi trong mặt trời không thể nhìn thấy được với chúng ta, mặc dù chúng xuất hiện trong phần tử ngoại của quang phổ và do đó tạo ra ấn tượng trên tấm phim. Ngài Robert Ball viết:

"Views of the sun by this invisible light are utterly unlike the pictures of the sun by ordinary photographs. In ordinary photographs, the brilliant clouds forming the photosphere are represented; these consist of masses of carbon vapours, or rather masses of particles of solid carbon heated to dazzling

"Những hình ảnh của mặt trời qua ánh sáng vô hình này hoàn toàn khác so với những bức ảnh thông thường của mặt trời. Trong các bức ảnh thông thường, các đám mây sáng chói tạo thành quang quyển được thể hiện; chúng bao gồm các khối hơi carbon, hay đúng hơn là các khối hạt carbon rắn được nung đến trạng thái

incandescence. Floating above this region are the mighty calcium vapours. Their subdued light cannot be photographed in the glare of the photosphere, but when all that glare has been filtered away we obtain pictures of what is indeed a new sun, or rather of the wonderful developments of rolling volumes of calcium vapours of whose existence we must without this device have remained in ignorance. In some cases Professor Hale has given us striking duplicate pictures of the same part of the sun, but taken with two different lights. These pictures show large differences in detail, arising from the circumstance that the parts of the sun which give out one kind of light are often not the same as those which give out another kind. Such pictures reveal the structure of the sun as it has never been revealed before. [134] The description of a scientific experiment such as this is of great interest to the occult student, because it exactly illustrates what he so well knows—that the same object seen simultaneously by two observers may not present at all the same appearance to them. The two photographs of the sun, one taken by the ultraviolet calcium light and the other in the ordinary way, produce very different results, yet each is perfectly accurate, and all that is shown in each is really there. In the same way, if two men simultaneously look at a friend, one using clairvoyant sight and the other ordinary physical vision, they will see their friend very differently, and yet each will be right as far as his vision extends. The clairvoyant faculty, like the ultra-violent light, will reveal much that can never be seen without it, and for exactly the same reason—because it brings within our ken vibrations which otherwise remain out of our reach.

phát sáng chói lòa. Nổi trên vùng này là các khối hơi canxi khổng lồ. Ánh sáng mờ nhạt của chúng không thể được chụp ảnh dưới ánh sáng rực rỡ của quang quyển, nhưng khi tất cả ánh sáng đó bị lọc đi, chúng ta thu được những hình ảnh về một mặt trời hoàn toàn mới, hay đúng hơn là về các phát triển kỳ diệu của những đám hơi canxi cuồn cuộn mà chúng ta không thể biết đến nếu không có thiết bị này. Trong một số trường hợp, Giáo sư Hale đã cung cấp cho chúng ta những bức ảnh chụp đôi nổi bật của cùng một phần của mặt trời, nhưng được chụp bằng hai loại ánh sáng khác nhau. Những bức ảnh này cho thấy những khác biệt lớn về chi tiết, xuất phát từ thực tế là các phần của mặt trời phát ra một loại ánh sáng thường không giống với những phần phát ra loại ánh sáng khác. Những bức ảnh như vậy tiết lộ cấu trúc của mặt trời theo cách chưa từng được tiết lộ trước đây." [134] Mô tả về một thí nghiệm khoa học như thế này rất thú vị đối với sinh viên huyền bí học, bởi vì nó minh họa chính xác điều mà họ rất hiểu rõ—rằng cùng một vật thể được hai người quan sát đồng thời có thể không mang lại cùng một hình ảnh cho cả hai người. Hai bức ảnh của mặt trời, một được chụp bởi ánh sáng tử ngoại của canxi và một được chụp theo cách thông thường, tạo ra các kết quả rất khác nhau, nhưng mỗi bức đều hoàn toàn chính xác, và tất cả những gì hiển thị trong mỗi bức ảnh thực sự có ở đó. Tương tự, nếu hai người đồng thời nhìn vào một người bạn, một người sử dụng khả năng thần nhãn và người kia sử dụng thị giác vật lý thông thường, họ sẽ nhìn thấy người bạn của mình rất khác nhau, và mỗi người đều đúng theo phạm vi tầm nhìn của họ. Khả năng thần nhãn, giống như ánh sáng tử ngoại, sẽ tiết lộ nhiều điều mà không thể nhìn thấy nếu không có nó, và vì lý do chính xác này—bởi vì nó mang đến những rung động mà nếu không sẽ vẫn nằm ngoài tầm với của chúng ta.

If we come down to the other end of this great

Nếu chúng ta đi xuống phần cuối khác của

gamut, to the slow vibrations, we shall find a certain number so slow as to affect the heavy matter of the atmosphere, to strike upon the tympanum of our ear and reach us as sound. There may be, and there must be, an infinity of sounds which are too high or too low for the human ear to respond to them; and to all such sounds, of which there must be millions and millions, the human ear is absolutely deaf. If there be vibrations so slow that they appear to us as sound, and other exceedingly rapid ones which appear to us as light, what are all the others? Assuredly there are vibrations of all intermediate rates. We have them as electrical phenomena of various kinds; we have them as the Rontgen rays. In fact, the whole secret of the Rontgen rays, or X-rays, is simply the bringing within the capacity of our eyes and within the field of our vision a few more rays, [135] a few of the finer rates of vibration, which normally would be out of our reach.

dải rung động lớn này, đến những rung động chậm, chúng ta sẽ thấy một số rung động chậm đến mức ảnh hưởng đến vật chất nặng của bầu khí quyển, tác động đến màng nhĩ của tai chúng ta và truyền đến chúng ta dưới dạng âm thanh. Có thể, và chắc chắn rằng, có vô số âm thanh quá cao hoặc quá thấp để tai người có thể phản ứng, và với tất cả những âm thanh như vậy, trong số đó chắc hẳn có hàng triệu, tai người hoàn toàn điếc. Nếu có những rung động chậm đến mức xuất hiện với chúng ta dưới dạng âm thanh, và những rung động cực kỳ nhanh xuất hiện với chúng ta dưới dạng ánh sáng, thì còn tất cả các rung động khác là gì? Chắc chắn rằng có những rung động ở mọi tốc độ trung gian. Chúng ta có chúng như các hiện tượng điện khác nhau; chúng ta có chúng dưới dạng các tia Rontgen. Thực tế, toàn bộ bí mật của các tia Rontgen, hay tia X, đơn giản là mang lại trong khả năng của mắt chúng ta và trong phạm vi tầm nhìn của chúng ta thêm một vài tia [135], một vài tần số rung động tinh vi hơn, mà bình thường sẽ nằm ngoài tầm với của chúng ta.

I will append here a table of the vibrations at present recognised by scientific men. It is that issued by the Polytechnic School in Paris.

Tôi sẽ đính kèm ở đây một bảng các rung động hiện được các nhà khoa học công nhận. Đây là bảng do Trường Bách Khoa Paris phát hành.

Extension of Faculty—Mở Rộng Khả Năng

Many people suppose that our faculties are limited—that they have their definite bounds, beyond which we cannot go. But this is not so. Now and then we find an abnormal person who has the X-ray sight by nature and is able to see far more than others; but we can observe variations for ourselves without going as far as that. If we take a spectroscope, which is an arrangement of a series of prisms, its spectrum, instead of being an inch or an inch and a half long; will extend several feet, although it will be much fainter. If we throw that upon a huge sheet of white paper,

Nhiều người cho rằng các khả năng của chúng ta bị giới hạn—rằng chúng có những ranh giới xác định mà chúng ta không thể vượt qua. Nhưng điều này không đúng. Đôi khi, chúng ta gặp một người bất thường có khả năng nhìn tia X tự nhiên và có thể nhìn thấy nhiều hơn những người khác; nhưng chúng ta có thể tự mình quan sát những biến thể mà không cần đi xa đến mức đó. Nếu chúng ta sử dụng một kính quang phổ, vốn là một loạt các lăng kính, thì quang phổ của nó, thay vì chỉ dài một inch hoặc một inch rưỡi, sẽ kéo dài vài feet, mặc dù sẽ mờ hơn nhiều. Nếu chúng ta chiếu nó lên

and get a number of our friends to mark on that sheet of paper exactly how far they can see light, how far the red extends at one end, or how far the violet extends at the other, we shall be surprised to find that some of our friends can see further at one end, and some further at the other. We may come upon some one who can see a great deal further than most people at both ends of the spectrum; and if so, we have found some one who is on the way to becoming clairvoyant.

một tấm giấy trắng lớn và yêu cầu một số người bạn của mình đánh dấu chính xác trên tấm giấy đó họ có thể nhìn thấy ánh sáng xa đến đâu, phần màu đỏ kéo dài bao xa ở một đầu hoặc phần màu tím kéo dài bao xa ở đầu kia, chúng ta sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng một số bạn có thể nhìn xa hơn ở một đầu, và một số người khác có thể nhìn xa hơn ở đầu kia. Chúng ta có thể gặp một người có khả năng nhìn xa hơn nhiều so với hầu hết mọi người ở cả hai đầu quang phổ; nếu vậy, chúng ta đã tìm thấy một người đang trên đường trở thành nhà thần nhãn.

It might be supposed that it is only a question of keenness of sight, but it is not that in the least; it is a question of sight which is able to respond to different series of vibrations, and of two people the keenness of whose sight is absolutely equal, we may find that one can exercise it only toward the violet end, and the other toward the red end. The whole phenomenon of colour-blindness hinges on this capacity; but when we find a person who can see a great deal further at both ends of this spectrum, we have some one who is partially clairvoyant, who can respond to more vibrations; and that is the secret of seeing so much more. There may be and there are many entities [137] many objects about us which do not reflect rays of light that we can see, but do reflect these other rays of rates of vibration which we do not see; consequently some of such things can be photographed, though our eyes cannot see them. What are called “spirit photographs” have often been taken, although there is a great deal of scepticism in connection with them, because, as is well known to any photographer, such a thing can easily be produced by a slight preliminary exposure. There are various ways in which it can be done; nevertheless, although they can be counterfeited by fraud, it is certain that some such photographs have been taken.

Có thể cho rằng đây chỉ là vấn đề về độ sắc bén của thị giác, nhưng thực tế không phải vậy; đây là vấn đề về thị giác có thể phản ứng với các chuỗi rung động khác nhau, và giữa hai người có độ sắc bén thị giác hoàn toàn bằng nhau, chúng ta có thể thấy rằng một người chỉ có thể sử dụng nó ở đầu tím, còn người kia thì ở đầu đỏ. Toàn bộ hiện tượng mù màu xoay quanh khả năng này; nhưng khi chúng ta tìm thấy một người có thể nhìn xa hơn nhiều ở cả hai đầu của quang phổ, chúng ta đã tìm thấy một người có phần nào khả năng thông nhãn, người có thể phản ứng với nhiều rung động hơn; và đó là bí quyết để nhìn thấy nhiều hơn. Có thể có và thực sự có nhiều thực thể [137] nhiều vật thể xung quanh chúng ta không phản xạ các tia sáng mà chúng ta có thể nhìn thấy, nhưng lại phản xạ những tia có tần số rung động khác mà chúng ta không nhìn thấy; do đó, một số trong những vật thể này có thể được chụp ảnh, mặc dù mắt chúng ta không thể nhìn thấy chúng. Những gì được gọi là “ảnh linh hồn” đã từng được chụp, mặc dù có rất nhiều sự hoài nghi liên quan đến chúng, bởi vì, như bất kỳ nhiếp ảnh gia nào cũng biết, những bức ảnh như vậy có thể dễ dàng được tạo ra bằng cách phơi sáng sơ bộ nhẹ. Có nhiều cách khác nhau để làm điều đó; tuy nhiên, mặc dù chúng có thể bị làm giả bởi sự gian lận, nhưng chắc chắn rằng một số bức ảnh như vậy

đã từng được chụp.

Dr. Baraduc's Experiments—Các Thí Nghiệm của Bác sĩ Dr. Baraduc's

The recent experiments of Dr. Baraduc, of Paris, seem to show conclusively the possibility of photographing these invisible vibrations. When last I was there he showed me a large series of photographs in which he had succeeded in reproducing the effects of emotion and of thought. He has one of a little girl mourning over the death of a pet bird, where a curious sort of network of lines produced by the emotion surrounds both the bird and the child. Another of two children, taken the moment after they were suddenly startled, shows a speckled and palpitating cloud. Anger at an insult is manifested by a number of little thought-forms thrown off in a shape of flecks or incomplete globules. A lady who has seen the collection since I did describes "a photograph demonstrating the purr of a cat, whose sonorous contentment projected a delicately-tinted cloud."

Những thí nghiệm gần đây của Tiến sĩ Baraduc ở Paris dường như chứng minh một cách thuyết phục khả năng chụp ảnh các rung động vô hình này. Khi tôi đến thăm Ông lần gần đây nhất, Ông đã cho tôi xem một loạt các bức ảnh mà Ông đã thành công trong việc tái tạo hiệu ứng của cảm xúc và tư tưởng. Ông có một bức chụp một bé gái đang buồn rầu vì cái chết của một con chim cưng, trong đó một mạng lưới các đường kỳ lạ được tạo ra bởi cảm xúc bao quanh cả con chim và cô bé. Một bức ảnh khác của hai đứa trẻ, chụp ngay sau khi chúng bất ngờ bị giật mình, cho thấy một đám mây lốm đốm và rung rinh. Sự tức giận khi bị xúc phạm được thể hiện qua một số hình dạng tư tưởng nhỏ bị ném ra dưới dạng các đốm hoặc các hình cầu không hoàn chỉnh. Một quý bà, người đã xem bộ sưu tập sau khi tôi xem, mô tả "một bức ảnh minh họa tiếng rừ rừ của một con mèo, mà sự hài lòng êm ái của nó đã tạo ra một đám mây có màu sắc tinh tế."

The doctor employs the dry-plate system without contact and with or without a camera, in total obscurity through black paper or in a darkroom. The plate is held near the forehead, the heart, or the hand of the person [138] who is experimenting. He says, "Vital force is eminently plastic and, like clay, received impressions as lifelike as if modelled by the invisible hand of some spirit sculptor. These phantom photographs, these telepathic images of the invisible, are produced by concentration of thought; thus, an officer fixed his mind upon an eagle and the majestic form of the bird was depicted upon the plate. Another shows the silhouette of a horse." He tells us that sometimes faces appear upon the plates, and especially describes one case in

Tiến sĩ sử dụng hệ thống chụp ảnh bằng tấm khô mà không cần tiếp xúc, có hoặc không có máy ảnh, trong bóng tối hoàn toàn qua giấy đen hoặc trong phòng tối. Tấm phim được giữ gần trán, tim, hoặc tay của người đang tham gia thí nghiệm [138]. Ông nói: "Sinh lực có tính chất cực kỳ linh động và, giống như đất sét, tiếp nhận các ấn tượng sống động như thể được tạo hình bởi bàn tay vô hình của một nhà điêu khắc linh hồn nào đó. Những bức ảnh ma này, những hình ảnh viễn cảm của cái vô hình, được tạo ra bằng sự tập trung của tư tưởng; chẳng hạn, một sĩ quan đã tập trung tâm trí của mình vào hình ảnh một con đại bàng và hình dạng uy nghi của con chim đã được ghi lại trên tấm phim. Một bức ảnh khác cho thấy hình bóng của một con ngựa." Ông cho biết

which a mother's thought produces a portrait of a dead child. He gives us also the following interesting account of an impression made during an astral visit:

"An astonishing feat of telepathic photography is related by a medical practitioner of Bucharest, Dr. Hasdeu. Being interested in telepathic phenomena, he and his friend, Dr. Istrati, determined to put it to a photographic test, so as to prove whether it were possible to project an image at a distance upon a plate already prepared. The evening agreed on for the crucial experiment arrived. Dr. Hasdeu before retiring placed his camera beside his bed. Dr. Istrati was separated from him by several hundred miles. The latter according to agreement was, just before going to sleep, to concentrate his thoughts in the endeavour to impress his image upon the plate prepared by his friend in Bucharest. The next morning, on awakening, Dr. Istrati was convinced that he had succeeded, being assured of it in a dream. He wrote to a mutual friend, who went to Dr. Hasdeu's residence and who found that gentleman engaged in the development of the plate in question. Upon it there appeared three distinct figures, one of them particularly clear and lifelike. It depicted Dr. Istrati gazing with intensity into the camera, the extremity of the instrument being illuminated by a [139] phosphorescent glow which appeared to emanate from the apparition. When Dr. Istrati returned to Bucharest he was surprised at the resemblance of his fluidic portrait, which revealed his type of face and most marked characteristics with more fidelity than photographs taken by ordinary processes."

rằng đôi khi có những khuôn mặt xuất hiện trên tấm phim, và đặc biệt mô tả một trường hợp trong đó suy nghĩ của một người mẹ tạo ra hình ảnh chân dung của đứa con đã qua đời. Ông cũng cung cấp cho chúng ta bản tường thuật thú vị sau đây về một ấn tượng được tạo ra trong một chuyến viếng thăm thể vía:

"Một thành tựu đáng kinh ngạc của nhiếp ảnh viễn cảm được kể lại bởi một bác sĩ y khoa người Bucharest, Tiến sĩ Hasdeu. Quan tâm đến các hiện tượng viễn cảm, Ông và người bạn của mình, Tiến sĩ Istrati, đã quyết định thử nghiệm bằng nhiếp ảnh để chứng minh xem liệu có thể chiếu một hình ảnh từ xa lên một tấm phim đã chuẩn bị sẵn hay không. Buổi tối được chọn cho cuộc thử nghiệm quan trọng đã đến. Trước khi đi ngủ, Tiến sĩ Hasdeu đặt máy ảnh bên cạnh giường. Tiến sĩ Istrati lúc đó đang ở cách xa Ông hàng trăm dặm. Theo thỏa thuận, ngay trước khi đi ngủ, Tiến sĩ Istrati phải tập trung suy nghĩ với nỗ lực ghi dấu hình ảnh của mình lên tấm phim đã được người bạn chuẩn bị ở Bucharest. Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, Tiến sĩ Istrati tin chắc rằng Ông đã thành công, vì Ông đã được báo trước điều đó trong một giấc mơ. Ông viết thư cho một người bạn chung, người đã đến nhà của Tiến sĩ Hasdeu và thấy rằng Ông đang tiến hành phát triển tấm phim liên quan. Trên tấm phim, có ba hình ảnh rõ ràng xuất hiện, trong đó có một hình đặc biệt rõ ràng và sống động. Hình ảnh đó mô tả Tiến sĩ Istrati đang nhìn chằm chằm vào máy ảnh, với đầu máy phát sáng bởi một [139] ánh sáng lân quang dường như phát ra từ hình ảnh hiện ra. Khi Tiến sĩ Istrati trở về Bucharest, Ông ngạc nhiên trước sự giống nhau của hình ảnh chân dung tinh thể của mình, bức chân dung cho thấy khuôn mặt và những đặc điểm nổi bật nhất của Ông một cách trung thực hơn nhiều so với những bức ảnh được chụp bằng các quy trình thông thường."

All these experiments show us how much is visible to the eye of the camera which is invisible to ordinary human vision; and it is therefore obvious that if the human vision can be made as sensitive as the plates used in photography we shall see many things to which now we are blind. It is within the power of man not only to equal the highest sensitiveness attainable by chemicals, but greatly to transcend it; and by this means a vast amount of information about this unseen world may be gained.

Tất cả những thí nghiệm này cho thấy có bao nhiêu điều mắt thường không thể nhìn thấy nhưng lại hiển thị rõ ràng qua ống kính máy ảnh; do đó, rõ ràng là nếu khả năng thị giác của con người có thể trở nên nhạy cảm như các tấm phim ảnh, chúng ta sẽ thấy nhiều điều mà hiện nay chúng ta bị mù. Con người không chỉ có khả năng đạt đến độ nhạy cảm cao nhất có thể của các chất hóa học, mà còn có thể vượt xa nó; và bằng cách này, có thể thu thập được một lượng lớn thông tin về thế giới vô hình.

With regard to hearing, the same thing is true. We do not all hear equally, and again I do not mean by that that some of us have better hearing than others, but that some of us hear sounds which the others could under no circumstances hear, however loud they might become. This, again, is demonstrable. There are various vibratory sounds caused by machinery which may be carried to such a height as to become inaudible; as the machinery moves faster and faster they gradually become less and less audible, and at last pass beyond the stage of audibility, not because they have ceased, but because the note has been raised too far for the human ear to follow it. The pleasantest test I know of—which anyone can apply in the summer months if he is living in the country—is the sound of the squeak of the bat. That is a very razor edge of sound, a tiny, needle-like cry like the squeak of [140] a mouse, only several octaves higher. It is on the edge of the possibility of human hearing. Some people can hear it and others cannot, which shows us again that there is no definite limit, and that the human ear varies considerably in its power of responding to vibrations.

Về khả năng nghe, điều tương tự cũng đúng. Không phải tất cả chúng ta đều nghe giống nhau, và tôi không có ý nói rằng một số người có thính giác tốt hơn người khác, mà là một số người có thể nghe những âm thanh mà những người khác không bao giờ có thể nghe, dù âm thanh đó lớn đến đâu. Điều này cũng có thể chứng minh được. Có những âm thanh rung động do máy móc gây ra mà khi đạt đến một tần số nhất định thì trở nên không nghe thấy được; khi máy móc chạy nhanh hơn và nhanh hơn, các âm thanh này dần trở nên ít nghe thấy hơn, và cuối cùng vượt ra ngoài mức độ có thể nghe, không phải vì âm thanh đã ngừng, mà vì tần số của nó đã tăng quá cao khiến tai người không theo kịp. Một thử nghiệm thú vị nhất mà tôi biết—mà ai cũng có thể thực hiện vào mùa hè nếu sống ở nông thôn—là âm thanh rít của dơi. Đó là một âm thanh cực kỳ sắc bén, như tiếng rít của một con chuột, nhưng ở tần số cao hơn nhiều bậc. Nó nằm ở rìa khả năng nghe của con người. Một số người có thể nghe thấy, một số người khác thì không, điều này cho thấy một lần nữa rằng không có giới hạn cụ thể, và rằng tai người có sự khác biệt đáng kể về khả năng phản ứng với các rung động.

If then, we are capable of responding only to certain small groups out of the vast mass of vibrations, we may readily see what an enormous change would be produced if we were able to respond to all. The etheric sight of which we sometimes speak is simply an added power of responding to physical vibrations, and much of the clairvoyance on a small scale which is shown by dead people at séances is of that type. They read some passage out of a closed book, or a letter which is shut up within a box. The X-rays enable us to do something similar—not to read a letter, perhaps, but to see through material objects, to descry a key inside a wooden box, or to observe the bones of the human body through the flesh. All such additional sight is obtained in the way I have described, by being able to respond to a larger set of vibrations.

Nếu vậy, chúng ta chỉ có khả năng phản ứng với một số nhóm nhỏ trong số vô vàn rung động, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra sự thay đổi to lớn sẽ xảy ra nếu chúng ta có thể phản ứng với tất cả các rung động. Khả năng nhìn dĩ thái mà đôi khi chúng ta nhắc đến chỉ đơn giản là một khả năng bổ sung để phản ứng với các rung động vật lý, và nhiều khả năng thần nhãn nhỏ lẻ được hiển thị bởi những người đã khuất trong các buổi gọi hồn thuộc loại này. Họ đọc một đoạn văn trong một cuốn sách đóng kín, hoặc một lá thư được giữ trong một chiếc hộp. Các tia X cho phép chúng ta làm điều gì đó tương tự—không phải là đọc một lá thư, có lẽ, nhưng nhìn xuyên qua các vật thể vật chất, phát hiện một chiếc chìa khóa trong một chiếc hộp gỗ, hoặc quan sát xương người qua lớp da. Tất cả những khả năng bổ sung về thị giác như vậy đạt được theo cách tôi đã mô tả, nhờ khả năng phản ứng với một tập hợp lớn hơn các rung động.

Let us carry that a little further; let us go beyond the vibrations of physical matter and imagine ourselves able to respond to the vibrations of physical mater and imagine ourselves able to respond to the vibrations of astral matter; at once another world is ours for the winning, and we see the objects of a plane material still, but on a higher level. In this, although there may be much which is unfamiliar, there is nothing which is impossible. It all leads on stage by stage from the faculties which we already know and use, and this world of astral matter follows step by step from the world with which we are so familiar. There is nothing irrational about the conception. The claim made by Theosophy, and by all those belonging to the great religions of the East, that it is possible for man to sense this unknown world and tell us all about it, is in reality a perfectly reasonable one, instead of being a grotesque and absurd suggestion savouring only of charlatanism or

Hãy tiến xa hơn một chút; hãy vượt ra ngoài các rung động của vật chất vật lý và tưởng tượng rằng chúng ta có thể phản ứng với các rung động của vật chất cảm dục; ngay lập tức, một thế giới khác sẽ thuộc về chúng ta, và chúng ta sẽ nhìn thấy các vật thể của một cõi giới vẫn là vật chất, nhưng ở một cấp độ cao hơn. Mặc dù có thể có nhiều điều lạ lẫm trong đó, nhưng không có gì là không thể. Tất cả điều này diễn ra từng bước một từ các khả năng mà chúng ta đã biết và sử dụng, và thế giới của vật chất cảm dục tiếp nối từng bước từ thế giới mà chúng ta đã quá quen thuộc. Không có gì phi lý trong khái niệm này. Khẳng định của Thông Thiên Học, và của tất cả những ai thuộc các tôn giáo lớn của phương Đông, rằng con người có thể cảm nhận thế giới chưa biết này và kể cho chúng ta mọi điều về nó, thực chất là một tuyên bố hoàn toàn hợp lý, thay vì là một đề xuất lố bịch và kỳ quái mang mùi vị của trò bịp bợm hoặc lừa đảo, như thường được cho là. Toàn bộ lý thuyết này thực tế là có tính khoa

fraud, as is so often supposed. The whole theory is in fact scientific and coherent and may be approached along a purely scientific line of investigation. [141]

học và nhất quán, và có thể được tiếp cận theo một con đường điều tra hoàn toàn khoa học. [141]

The Truth About the Unseen —Sự thật về Cái Không được thấy

Broadly, in order that the scheme in outline at any rate may be before you,no (not quite accurately, but in a general way) to the orthodox idea of hell and heaven; or they are rather heaven and purgatory; because although it is true that terrible suffering may come to mankind under certain conditions in the lower part of that astral plane, yet all suffering of any sort that comes to him is not of a punitive but of a purgative nature. Suffering is always and under all circumstances intended to benefit the man. It is part of the scheme which has for its object the evolution of the man; not an endless, meaningless punishment given through revenge, but the steady working out of a great law of justice, a law which gives to every man exactly that which he has deserved, not as reward or punishment, but simply as a scientific result. If a man puts his hand into the fire and it is burn, it does not occur to him to say that somebody punished him for doing that; he knows that it is the natural result; it is a question of the rapidity with which the vibrations from the burning matter have pierced his skin, and have produced the various disintegrations which have taken place. Just in the same way the suffering which follows evil is not a punishment imposed from

Nói chung, để cho bạn có thể hình dung sơ lược về hệ thống này, nó không hoàn toàn (mặc dù không chính xác lắm, nhưng theo một cách tổng quát) giống với ý tưởng thông thường về địa ngục và thiên đường; hay đúng hơn là chúng giống thiên đường và luyện ngục; bởi vì mặc dù đúng là nhân loại có thể chịu đựng những đau khổ khủng khiếp trong những điều kiện nhất định ở phần thấp của cõi cảm dục đó, nhưng tất cả những đau khổ thuộc bất kỳ loại nào đến với con người không mang tính trừng phạt mà mang tính thanh lọc. Đau khổ luôn luôn và trong mọi trường hợp đều nhằm mục đích mang lại lợi ích cho con người. Nó là một phần của hệ thống, mà mục đích của hệ thống này là sự tiến hóa của con người; không phải là một hình phạt vô tận, vô nghĩa được đưa ra vì sự trả thù, mà là sự vận hành ổn định của một định luật công lý vĩ đại, một định luật mang lại cho mỗi người chính xác những gì họ đáng nhận, không phải là phần thưởng hay hình phạt, mà đơn giản là một kết quả khoa học. Nếu một người đưa tay vào lửa và bị bỏng, người đó sẽ không nghĩ rằng có ai đó đã trừng phạt mình vì đã làm điều đó; người đó biết rằng đó là kết quả tự nhiên; đó là vấn đề về tốc độ mà các rung động từ vật chất đang cháy đã xuyên qua da của người đó, và tạo ra các sự phân rã khác nhau đã xảy ra. Cũng giống như vậy, đau khổ theo sau cái ác không phải là một hình phạt áp đặt từ...

When by the use of such faculties man is able to examine this unseen world, what does he find with regard it? Broadly, in order that scheme outline at any rate may be before you,

Khi con người có khả năng xem xét thế giới vô hình này bằng cách sử dụng các năng lực như vậy, người đó sẽ tìm thấy gì liên quan đến nó? Nói chung, để bạn có thể hình dung sơ lược về

let me say we world divided into two stages, astral and mental, these correspond (not quite accurately, but a general way) orthodox idea hell heaven; or they are rather heaven purgatory; because although it true terrible suffering come mankind under certain conditions lower part plane, yet all sort comes him not punitive purgative nature. Always circumstances intended benefit man. Which has for its object evolution man; an endless, meaningless punishment given through revenge, steady working out great law justice, gives every exactly deserved, as reward punishment, simply scientific result. If puts his hand fire burnt, occur somebody punished doing that; knows natural result; question rapidity vibrations from burning matter have pierced skin, produced various disintegration taken place. Just same way follows evil imposed from outside, but merely the result under an unvarying law of what the man [142] himself has done; and so all the suffering that comes to him comes under the great law and is intended to purify and help him, and will undoubtedly produce that effect.

hệ thống này, tôi xin nói rằng thế giới được chia thành hai giai đoạn, cảm dục và trí tuệ, chúng tương ứng (không hoàn toàn chính xác, nhưng theo một cách tổng quát) với ý tưởng thông thường về địa ngục và thiên đường; hay đúng hơn là chúng giống thiên đường và luyện ngục; bởi vì mặc dù đúng là nhân loại có thể chịu đựng những đau khổ khủng khiếp trong những điều kiện nhất định ở phần thấp của cõi giới đó, nhưng tất cả những đau khổ thuộc bất kỳ loại nào đến với con người không mang tính trừng phạt mà mang tính thanh lọc. Luôn luôn và trong mọi trường hợp đều nhằm mục đích mang lại lợi ích cho con người. Mục đích của hệ thống này là sự tiến hóa của con người; không phải là một hình phạt vô tận, vô nghĩa được đưa ra vì sự trả thù, mà là sự vận hành ổn định của một định luật công lý vĩ đại, một định luật mang lại cho mỗi người chính xác những gì họ đáng nhận, không phải là phần thưởng hay hình phạt, mà đơn giản là một kết quả khoa học. Nếu một người đưa tay vào lửa và bị bỏng, người đó sẽ không nghĩ rằng có ai đó đã trừng phạt mình vì đã làm điều đó; người đó biết rằng đó là kết quả tự nhiên; đó là vấn đề về tốc độ mà các rung động từ vật chất đang cháy đã xuyên qua da của người đó, và tạo ra các sự phân rã khác nhau đã xảy ra. Cũng giống như vậy, đau khổ theo sau cái ác không phải là một hình phạt áp đặt từ bên ngoài, mà chỉ đơn giản là kết quả theo một định luật bất biến về những gì con người [142] đã tự làm; và do đó, tất cả những đau khổ đến với người đó đều theo định luật vĩ đại này và nhằm mục đích thanh lọc và giúp đỡ người đó, và chắc chắn sẽ tạo ra hiệu quả đó.

The lower astral world, therefore, corresponds very much more to purgatory than to the ordinary and most blasphemous idea of hell. There is nothing in the whole universe, happily, which in the least corresponds to that. Although there is no endless torture such as has been pictured for

Do đó, cõi cảm dục thấp tương ứng với luyện ngục hơn là với ý tưởng thông thường và báng bổ nhất về địa ngục. Thật may mắn là không có gì trong toàn thể vũ trụ, dù chỉ một chút, tương ứng với điều đó. Mặc dù không có sự tra tấn bất tận nào như những gì đã được mô tả bởi tâm trí bệnh hoạn và trí tưởng tượng rối

us by the diseased mind and disordered imagination of the mediaeval monk, there are individual cases of suffering; but even that suffering, terrible though it may sometimes be, is the best thing for the man, because only in that way can he get rid of the desire which has come upon him, the evil which he has allowed to grow within him; only by that means can he cast this off, so as to begin anew in the next birth under better conditions his effort toward the higher evolution.

loạn của các tu sĩ thời trung cổ, nhưng có những trường hợp đau khổ cá nhân; nhưng ngay cả sự đau khổ đó, dù đôi khi có thể rất khủng khiếp, vẫn là điều tốt nhất cho con người, bởi vì chỉ bằng cách đó, người đó mới có thể thoát khỏi ham muốn đã đến với mình, cái ác mà người đó đã cho phép phát triển bên trong mình; chỉ bằng phương tiện đó, người đó mới có thể loại bỏ điều này, để bắt đầu lại trong lần sinh sau trong điều kiện tốt hơn nỗ lực của mình hướng tới sự tiến hóa cao hơn.

The second part of life after death, the heaven world, is also the result of the man's actions, but of the higher and nobler part of them. There all the spiritual force which he has set in motion during his world-life finds its full result. Here again it is merely a scientific question of the amount of energy invested, for the law of the conservation of energy holds good in all these loftier planes, just as it does on the physical. A man's intensity of feeling for some high ideal, the intensity of the unselfish affection which he pours out, whether it be in devotion upon his deity, or merely in love upon those around him—whether it be an exalted type of impersonal love which includes all, or the more ordinary variety which [143] fully lavishes itself only upon one or two—all these are spiritual forces at their different stages of their different degrees, and all represent energy generated, which can never bear its full result in this physical life, because all our highest thoughts and aspirations belong to the realm of the untrammelled soul, and so this lower plane is incapable of providing a field for their fulfilment or realization. None knows it better than the artist or the poet who tries to realize them—the man who paints a picture or writes a poem, hoping thereby to convey to others what he has seen in a vision of that higher world; none knows better than such an artist how utterly the expression of that thought fails, how the best that he can do, the most satisfactory reproduction that he makes, falls infinitely short of the reality.

Phần thứ hai của cuộc sống sau khi chết, thế giới thiên đường, cũng là kết quả từ những hành động của con người, nhưng là phần cao thượng và tốt đẹp hơn của những hành động đó. Tại đây, tất cả sức mạnh tinh thần mà y đã khởi động trong cuộc đời sẽ đạt được kết quả trọn vẹn. Một lần nữa, đó chỉ là vấn đề khoa học về mức năng lượng đã đầu tư, bởi vì định luật bảo toàn năng lượng vẫn đúng trên tất cả những cõi cao hơn này, giống như nó vẫn đúng ở cõi trần. Cường độ cảm xúc của một người đối với một lý tưởng cao cả, cường độ của tình thương vô ngã mà y bày tỏ, dù là lòng sùng kính đối với đấng thiêng liêng của y, hay chỉ là tình thương dành cho những người xung quanh—dù là loại tình yêu cao cả vô vị kỷ bao trùm tất cả, hay là dạng tình yêu thông thường hơn chỉ dồn hết cho một hoặc hai người—tất cả những điều này đều là các lực lượng tinh thần ở những giai đoạn khác nhau, ở những mức độ khác nhau, và tất cả đại diện cho năng lượng đã được tạo ra, năng lượng này không thể đạt được kết quả trọn vẹn trong đời sống vật lý, bởi vì tất cả những suy nghĩ và khát vọng cao nhất của chúng ta thuộc về lĩnh vực của linh hồn không bị ràng buộc, và do đó cõi thấp này không thể cung cấp một trường cho sự hoàn thành hay hiện thực hóa của chúng. Không ai hiểu rõ điều này hơn những người nghệ sĩ hay nhà thơ cố gắng hiện thực hóa chúng—người vẽ một bức tranh hoặc viết một bài thơ, hy vọng truyền đạt cho người khác những gì mà y đã thấy trong một khải tượng về thế giới cao hơn; không ai hiểu rõ hơn những người nghệ sĩ đó về việc biểu đạt suy nghĩ của mình thất bại ra sao, về việc những điều tốt nhất mà y có thể làm, sự tái hiện thỏa đáng nhất mà y thực hiện, đều vô cùng thấp hơn so với thực tại.

All that being so, all these higher ideals and aspirations remain a vast force stored up, which can never be exhausted on the physical

Tất cả những điều đó là như vậy, tất cả những lý tưởng cao cả và khát vọng đó vẫn là một nguồn năng lượng lớn được tích lũy, không

plane or during physical life. It is only after death and the lower passions and desires are dissipated that it is possible for all these grander forces to work themselves out. And so there comes to be a higher unseen world of transcendent beauty and unimaginable splendour which has been called heaven. Attempts have been made to picture it by all religions, but they have all fallen miserably short of the truth. We have passages imaging heaven as containing gates of pearl and streets of gold and seas of fire mingled with glass, and trees which bear twelve manner of fruits, and jewellery and precious stones of various sorts, all clumsy endeavours presenting the highest and best that the imagination of the writer could attain. We shall find similar symbology in the Hindu and Buddhist manuscripts, the same trees of gold and silver with fruits of precious stones in the gardens of the gods, - crude yet genuine endeavours of the early writers to image something that they had seen, something too glorious for words to express. [144]

bao giờ có thể cạn kiệt trong cõi trần hay trong cuộc sống vật lý. Chỉ sau khi chết và những dục vọng thấp đã tan biến thì tất cả những lực lượng cao cả hơn này mới có thể tự biểu hiện. Và như vậy, sẽ có một thế giới vô hình cao hơn với vẻ đẹp siêu việt và sự huy hoàng không thể tưởng tượng nổi mà người ta đã gọi là thiên đường. Mọi tôn giáo đều đã cố gắng mô tả thiên đường, nhưng tất cả đều không đạt được sự thật trọn vẹn. Chúng ta có những đoạn văn miêu tả thiên đường như có cổng làm bằng ngọc trai, đường phố bằng vàng và biển lửa pha trộn với thủy tinh, cùng với những cây mang mười hai loại trái, và những trang sức quý giá, tất cả đều là những nỗ lực vụng về nhằm trình bày những điều cao quý nhất và tốt đẹp nhất mà trí tưởng tượng của người viết có thể đạt tới. Chúng ta sẽ tìm thấy những biểu tượng tương tự trong các bản thảo của Ấn Độ giáo và Phật giáo, những cây vàng và bạc với trái là đá quý trong các khu vườn của chư thiên —những nỗ lực thô sơ nhưng chân thành của các tác giả thời kỳ đầu để miêu tả một điều gì đó mà họ đã thấy, một điều quá huy hoàng không thể diễn tả bằng lời.

We, in our day, draw a different picture of the heaven-world. It is something far more refined, more intellectual for those who understand what spirituality means; but still our efforts, although to us they are so much more satisfactory, equally fall short of the reality of the grand truth behind. So it remains true as it was written long ago: “Eye hath not seen, nor ear hath heard, neither hath it entered into the heart of man to conceive the things which God hath prepared for them that love him.” But there is a happy difference; it is not only for a faithful few, but for all; for surely all must love Him as far as they know Him. There is no limitation; this heaven-world is heaven for all who can reach it.

Chúng ta, trong thời đại của mình, vẽ ra một bức tranh khác về thế giới thiên đường. Đó là một thứ gì đó tinh tế hơn nhiều, trí tuệ hơn nhiều đối với những người hiểu rõ tinh thần nghĩa là gì; nhưng dù nỗ lực của chúng ta, mặc dù đối với chúng ta chúng có vẻ thỏa đáng hơn nhiều, cũng vẫn không đạt được sự thật vĩ đại đằng sau. Vì vậy, sự thật vẫn còn đó như đã được viết từ rất lâu: “Mắt chưa hề thấy, tai chưa hề nghe, lòng người chưa hề nghĩ đến những điều mà Thượng Đế đã chuẩn bị cho những người yêu mến Ngài.” Nhưng có một sự khác biệt hạnh phúc; đó không chỉ dành cho một số ít trung thành, mà dành cho tất cả; vì chắc chắn rằng tất cả đều phải yêu mến Ngài khi họ biết đến Ngài. Không có sự giới hạn nào cả; thế giới thiên đường này là thiên đường dành cho tất cả những ai có thể đạt tới nó.

Instead of consigning some men to heaven and some to hell, as modern theology does, it would be more true to say that every man must pass through both the states which are typified by those names. Every man must pass through the astral plane on his way to the heaven-world. Every man at the end of his astral life will attain that heaven-world, unless he be a person so elementary, so degraded as never yet to have had any unselfish thought or feeling. If that be so, there can indeed be no heaven-world for him, because all these selfish desires and feelings belong exclusively to the astral plane, and they will find their result on that plane. There are those who have scarcely anything which is unselfish in their nature; such people also will reap the reward of whatever good they have done, not in that heaven-world, but at a lower level, in the higher part of the astral plane. [145]

Thay vì phân một số người vào thiên đường và một số khác vào địa ngục, như thần học hiện đại thường làm, sẽ đúng hơn nếu nói rằng mỗi người đều phải trải qua cả hai trạng thái được biểu tượng bằng những cái tên đó. Mỗi người đều phải trải qua cõi cảm dục trên con đường đến thế giới thiên đường. Mỗi người khi kết thúc đời sống tại cõi cảm dục sẽ đạt được thế giới thiên đường đó, trừ khi y là một người quá thô sơ, quá suy đồi đến mức chưa bao giờ có một tư tưởng hay cảm xúc vô ngã. Nếu điều đó đúng, sẽ không có thế giới thiên đường nào cho y, bởi vì tất cả những ham muốn và cảm xúc vị kỷ đều thuộc về cõi cảm dục, và chúng sẽ tìm thấy kết quả của mình trên cõi đó. Có những người hầu như không có gì là vô ngã trong bản chất của họ; những người như vậy cũng sẽ gặt hái phần thưởng từ những điều tốt mà họ đã làm, nhưng không phải ở thế giới thiên đường, mà ở một mức độ thấp hơn, tại phần cao hơn của cõi cảm dục.

As was said long ago about those who prayed in public places in order that they might be seen of men: “Verily, I say unto you, they have their reward.” As it is with those of high ideals, who do not get all that they desire here, so it is with those whose ideals are selfish; they have their reward also after death; in the higher part of the astral world they will gain their result; they will find themselves surrounded by that which they desire; but they will miss the higher things which they have not desired, because as yet they have not evolved to that level. Still, all will be happy in their own way and at their own time. The selfish will doubtless suffer much on the way to that stage, but there will be something even for them—something for all. It will be seen that this is a less confined idea than that of the orthodox religions. We go somewhat further than they, and we are enabled to do so because the whole scheme is scientific, because there

Như đã được nói từ lâu về những người cầu nguyện nơi công cộng để được người khác nhìn thấy: “Thật vậy, ta nói với các ngươi, họ đã nhận được phần thưởng của mình.” Cũng giống như đối với những người có lý tưởng cao cả, những người không đạt được tất cả những gì họ mong muốn ở đây, điều đó cũng áp dụng cho những người có lý tưởng vị kỷ; họ cũng nhận được phần thưởng sau khi chết; ở phần cao hơn của cõi cảm dục, họ sẽ nhận kết quả của mình; họ sẽ thấy mình được bao quanh bởi những gì họ khao khát; nhưng họ sẽ bỏ lỡ những điều cao hơn mà họ không mong muốn, bởi vì họ chưa tiến hóa đến mức độ đó. Tuy nhiên, tất cả đều sẽ hạnh phúc theo cách riêng của mình và vào thời điểm của mình. Những người vị kỷ chắc chắn sẽ phải chịu nhiều đau khổ trên con đường đến giai đoạn đó, nhưng sẽ có điều gì đó thậm chí dành cho họ—điều gì đó dành cho tất cả mọi người. Điều này được nhìn nhận là một ý tưởng ít giới hạn hơn so với quan

is no question of a favouritism that consigns some people to heaven and shuts others out of it.

niệm của các tôn giáo chính thống. Chúng ta đi xa hơn một chút, và chúng ta có thể làm như vậy bởi vì toàn bộ sơ đồ này là khoa học, bởi vì không có vấn đề của sự thiên vị mà một số người được đưa vào thiên đường và một số khác bị loại ra.

All this is no surmise; it is the simple truth—truth based upon careful observation, and capable of being verified by those who have eyes to see upon the higher planes. Nor is this heaven-world a mere land of dreams; it is full of the most vivid reality. Indeed, it is the plane of the Divine mind, which responds to whatever call is made upon it. If one man has a wealth of the grandest aspirations, he draws down a corresponding outpouring from above; if another has only just a little grain or two of anything unselfish within his nature, even that little grain still brings forth its appropriate result. There is no question of one entering and the other being shut out, but each gains just what he is capable of gaining. This is the essence of the heaven-world. Every man there is happy; [146] necessarily all are not equally happy, nor all happy in the same way, but every individual is happy to the fullest extent of his capacity for happiness. The only thing which prevents him from going further is that he is unable to grasp any more. Each vessel is filled to the utmost; though some vessels are small and some are large, they are filled to their respective capacities.

Tất cả điều này không phải là phỏng đoán; đó là sự thật đơn giản—sự thật dựa trên quan sát cẩn thận, và có thể được xác minh bởi những người có khả năng nhìn thấy ở các cõi cao hơn. Thế giới thiên đường này không phải là một vùng đất của những giấc mơ; nó tràn đầy thực tại sống động nhất. Thực ra, đó là cõi của Tâm Trí Thiêng Liêng, nơi đáp ứng bất cứ lời kêu gọi nào được đưa ra đối với nó. Nếu một người có những khát vọng cao quý nhất, y sẽ thu hút được một luồng tuôn trào tương ứng từ phía trên; nếu một người khác chỉ có một chút hạt giống nào đó của sự vô ngã trong bản chất của mình, thì ngay cả hạt giống nhỏ đó cũng mang lại kết quả thích hợp. Không có vấn đề của việc một người được vào và người khác bị loại ra, mà mỗi người đều đạt được đúng mức mà họ có thể đạt được. Đây chính là bản chất của thế giới thiên đường. Mỗi người ở đó đều hạnh phúc; tất nhiên, không phải ai cũng hạnh phúc như nhau, cũng không phải tất cả đều hạnh phúc theo cùng một cách, nhưng mỗi cá nhân đều hạnh phúc ở mức tối đa với khả năng hạnh phúc của mình. Điều duy nhất ngăn cản họ tiến xa hơn là họ không thể nắm bắt được thêm nữa. Mỗi bình chứa đều được lấp đầy tối đa; mặc dù một số bình chứa nhỏ và một số bình lớn, tất cả đều được lấp đầy đến sức chứa tương ứng của chúng.

We must, I think, admit that this is a far more reasonable theory than that held by modern theology. My intention today has been not so much to give you details as to the conditions of the worlds beyond the grave, as to show you they are all part of the same world; to show you that there is no sudden break of any kind,

Chúng ta phải thừa nhận rằng đây là một lý thuyết hợp lý hơn nhiều so với lý thuyết của thần học hiện đại. Mục đích của tôi hôm nay không phải là cung cấp cho các bạn chi tiết về điều kiện của các thế giới bên kia, mà là để cho các bạn thấy rằng tất cả đều là một phần của cùng một thế giới; để các bạn thấy rằng không

but that everything is reasonable, coherent and graded all the way through. As to their place, I have told you that these worlds are about us here. But, you will say, how can that be? How is it possible, the space around us being filled with matter, that other matter, however fine, can exist?

có sự gián đoạn đột ngột nào, mà mọi thứ đều hợp lý, mạch lạc và phân cấp theo từng bước. Về vị trí của chúng, tôi đã nói rằng những thế giới này ở xung quanh chúng ta. Nhưng các bạn sẽ hỏi, làm sao có thể như vậy? Làm thế nào có thể, khi không gian xung quanh chúng ta đã đầy vật chất, mà vẫn có thể tồn tại các loại vật chất khác, dù là vật chất tinh vi?

Interpenetration—Xuyên thấu

I do not think it will be difficult for us to realize how this may be. It is a well-known scientific fact, that even in the hardest substances on earth no two atoms ever touch one another; always every atom has its field of action and vibration; every molecule has its field of vibration, however small; consequently there is also space between them, under any possible circumstances. Every physical atom is floating in an astral sea, a sea of astral matter surrounding it, interpenetrating every interstice of this physical matter. These same laws explain another phenomenon of which you have heard—the passage of matter through matter at spiritualistic séances. Matter either in the physical etheric condition or in the astral condition can pass with ease through dense physical matter [147] exactly as though it were not there, by reason of this interpenetration, so that the whole thing which seemed so difficult becomes quite simple to a man who can grasp that idea.

Tôi không nghĩ rằng việc hiểu điều này sẽ khó khăn đối với chúng ta. Một sự thật khoa học đã được biết đến, đó là ngay cả trong những chất cứng nhất trên Trái đất, không có hai nguyên tử nào chạm vào nhau; mỗi nguyên tử luôn có trường hành động và dao động của riêng nó; mỗi phân tử đều có trường dao động của nó, dù nhỏ đến mức nào; do đó, luôn có khoảng không gian giữa chúng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Mỗi nguyên tử hồng trần đều trôi nổi trong một biển cảm dục, một biển vật chất cảm dục bao quanh nó, xuyên thấu vào mọi khe hở của vật chất vật lý này. Những quy luật này cũng giải thích một hiện tượng khác mà các bạn đã nghe nói đến—việc vật chất xuyên qua vật chất tại các buổi gọi hồn. Vật chất, dù ở trạng thái dĩ thái vật lý hay ở trạng thái cảm dục, đều có thể dễ dàng đi qua vật chất vật lý đậm đặc như thể nó không có ở đó, nhờ vào sự xuyên thấu này, vì vậy tất cả những gì dường như khó khăn trở nên khá đơn giản đối với người có thể nắm bắt được ý tưởng đó.

One more word of caution with regard to this unseen world. Do not imagine that these various stages or divisions of matter are lying above one another like the shelves of a bookcase. Realize that interpenetration is perfect, within and around every physical object. It is already known that ether interpenetrates all physical substances. I should like, if I could, to make clear to you how natural all this is and to guard you against the

Một lời cảnh báo nữa về thế giới vô hình này. Đừng tưởng tượng rằng các giai đoạn hay sự phân chia của vật chất nằm chồng lên nhau như các kệ của một tủ sách. Hãy nhận thức rằng sự xuyên thấu là hoàn hảo, bên trong và xung quanh mọi vật thể vật lý. Đã được biết rằng dĩ thái xuyên thấu qua tất cả các chất vật lý. Nếu có thể, tôi muốn làm rõ với các bạn rằng tất cả những điều này đều tự nhiên và ngăn chặn các bạn khỏi sai lầm khi cho rằng

error which comes from supposing that everything beyond the physical is not natural but supernatural. It is not so at all. It is superphysical if you will, but not supernatural. The whole scheme is one scheme, and the same laws run through it all. It is true that there is a certain further extension of these planes. In dealing with this physical earth, we have first a ball of solid matter, which is surrounded by water to a great extent. Above that we find the air, because it is surrounded by this atmosphere; but these three conditions of matter alike are interpenetrated by astral matter, only there is this difference, that the astral matter being so much lighter rises further from the surface of the earth than the atmosphere does. If it were possible for anyone to penetrate beyond the atmosphere of our earth, he might still for a time be within the astral plane, because the astral plane extends further than does the physical atmosphere; so in that sense it is true that the astral plane rises higher. Not that it does not exist here and now, but its extension is greater, and consequently it makes a larger sphere than the earth.

mọi thứ vượt ngoài vật lý là không tự nhiên mà siêu nhiên. Thực ra không phải vậy. Đó là siêu vật lý nếu các bạn muốn, nhưng không phải là siêu nhiên. Toàn bộ sơ đồ là một sơ đồ duy nhất, và cùng một định luật vận hành xuyên suốt tất cả. Đúng là có một sự mở rộng nhất định của các cõi này. Khi đề cập đến Trái đất vật lý này, đầu tiên chúng ta có một quả cầu vật chất rắn, được bao quanh phần lớn bởi nước. Bên trên đó, chúng ta tìm thấy không khí, vì nó được bao quanh bởi bầu khí quyển này; nhưng ba trạng thái vật chất này đều được xuyên thấu bởi vật chất cảm dục, chỉ khác ở chỗ vật chất cảm dục nhẹ hơn nhiều nên nó vươn cao hơn bề mặt Trái đất so với bầu khí quyển. Nếu có ai đó có thể xuyên qua bầu khí quyển của Trái đất, y vẫn có thể trong một thời gian còn ở trong cõi cảm dục, vì cõi cảm dục mở rộng hơn bầu khí quyển vật lý; vì vậy, theo nghĩa đó, đúng là cõi cảm dục vươn cao hơn. Không phải là nó không tồn tại ngay tại đây và ngay bây giờ, mà là sự mở rộng của nó lớn hơn, và do đó nó tạo ra một quả cầu lớn hơn Trái đất.

The same thing is true of the mental plane; there we have still finer matter; it is interpenetrating all the astral [148] and physical matter round about, and also extending further from the world than does the astral plane. The mental plane of our earth is a definite globe, much larger than the physical planet which it surrounds, but still separated by millions of miles from the mental plane of any other planet. On the other hand, when we pass beyond the mental plane and reach the buddhic, there is no division there, for that plane is common to all the planets of our chain. The same is true, probably, to a still greater and wider extent of other and higher realms, but of those we need not speak at present. They are beyond the

Điều tương tự cũng đúng với cõi trí; ở đó chúng ta có vật chất tinh vi hơn; nó xuyên thấu qua tất cả vật chất cảm dục và vật chất vật lý xung quanh, và cũng mở rộng xa hơn khỏi thế giới so với cõi cảm dục. Cõi trí của Trái đất chúng ta là một bầu hành tinh nhất định, lớn hơn nhiều so với hành tinh vật lý mà nó bao quanh, nhưng vẫn cách xa hàng triệu dặm so với cõi trí của bất kỳ hành tinh nào khác. Mặt khác, khi chúng ta vượt qua cõi trí và đến cõi bồ đề, không còn sự phân chia nào ở đó, vì cõi này là chung cho tất cả các hành tinh trong dãy hành tinh của chúng ta. Điều tương tự, có lẽ, đúng hơn ở một mức độ lớn hơn nữa đối với các cõi cao hơn, nhưng chúng ta không cần bàn về chúng ở đây. Chúng nằm ngoài phạm vi của bài giảng này. Những ai muốn hiểu các cõi của

scope of this lecture. Those who wish to understand the planes of nature, who wish to get some idea of the wonder and the beauty of these higher worlds, may obtain their desire by examining the Theosophical literature. I should recommend them to study the book which I have written about The Other Side of Death, and also two of our Theosophical Manuals, the fifth and sixth, The Astral Plane and The Devachanic Plane. If they read these books carefully, they will grasp all we at present know of these unseen worlds, and I can assure them that they will also find, as the rest of us have found, that the whole of this scheme is so logical, so coherent and easy to grasp, that there will be nothing repellent about it, that no mental gymnastics will be required, no perilous leaps over weak spots where the ground of reason is not firm, but a steadily graded ascent from one stage to another; for we do no violence to the convictions of any man.

tự nhiên, những ai muốn có một ý tưởng về sự kỳ diệu và vẻ đẹp của những thế giới cao hơn này, có thể đạt được mong muốn của mình bằng cách tìm hiểu các tài liệu Thông Thiên Học. Tôi khuyến nghị họ nên nghiên cứu cuốn sách tôi đã viết về "Phía Bên Kia của Cái Chết", cũng như hai cuốn sách của Thông Thiên Học, cuốn thứ năm và thứ sáu, Cõi Cảm Dục và Cõi Devachan. Nếu họ đọc những cuốn sách này một cách cẩn thận, họ sẽ nắm được tất cả những gì chúng ta hiện biết về các thế giới vô hình này, và tôi có thể đảm bảo với họ rằng họ cũng sẽ nhận thấy, như tất cả chúng ta đã nhận thấy, rằng toàn bộ sơ đồ này rất logic, rất mạch lạc và dễ nắm bắt, không có gì là khó hiểu, không cần đến những "trò nhào lộn" tinh thần hay những bước nhảy nguy hiểm qua những điểm yếu nơi nền tảng của lý trí không vững chắc, mà chỉ là một sự thăng tiến có cấp bậc đều đặn từ một giai đoạn này sang giai đoạn khác; vì chúng ta không hề bạo hành những niềm tin của bất kỳ ai.

Reason and Common-sense—Lý trí và Lương Tri

They will find that this system of teaching which we put before them is full of the same reasonableness in every direction; that it is in fact an apotheosis of common-sense, as is all occultism of which I know anything. [149]

Họ sẽ nhận thấy rằng hệ thống giảng dạy mà chúng tôi đưa ra cho họ đầy tính hợp lý ở mọi phương diện; thực tế, đó là sự tôn vinh cao độ của lương tri, như mọi giáo lý huyền bí mà tôi biết đến.

If you find some pretended occultism, so-called, which makes violent demands on your faith, which suggests all sorts of curious, unnatural performances, you have at once strong reason to suspect that occultism, to feel that it is not of the true kind. In every case that can arise man must apply his reason and common-sense. I do not say that there is nothing except reason that can aid you. There is a spiritual certainty which comes from behind, about which it is impossible to reason; but that comes only from previous knowledge. The man who has that definite

Nếu các bạn gặp phải cái gọi là huyền bí học giả mạo, đòi hỏi các bạn phải có niềm tin mù quáng, hay gợi ý những hoạt động kỳ lạ, phi tự nhiên, thì ngay lập tức các bạn có lý do mạnh mẽ để nghi ngờ rằng đó không phải là huyền bí học thật sự. Trong mọi trường hợp, con người phải áp dụng lý trí và lương tri của mình. Tôi không nói rằng ngoài lý trí ra thì không có gì khác có thể giúp đỡ các bạn. Có một sự chắc chắn tinh thần xuất phát từ sâu thẳm bên trong, mà người ta không thể lý giải được; nhưng điều đó chỉ đến từ tri thức trước đó. Người có sự chắc chắn trực giác rõ ràng về

intuitive certainty about anything has known the fact beforehand at some time, in another life; as a soul, therefore, he still knows it, and his conviction with regard to it is based upon experience and reason, although the links of the chain of reasoning by which he arrives at that certainty are not within the memory of the physical brain. Such intuitions, however, are rare, and reason must be our guide in all of our beliefs. Assuredly any scheme which asks us to do violence to our reason is one which should be instantly rejected. In Theosophy we specially emphasize the fact that blind faith of any kind is a fetter which holds man back in the spiritual race. He who wishes to advance must throw aside blind faith; he must learn that no particular book is infallible; for our knowledge of truth is progressive, and we are steadily learning more and more with every day that passes over our heads.

bất cứ điều gì đã biết về sự thật đó từ trước, trong một kiếp sống khác; như vậy, với tư cách là linh hồn, người đó vẫn biết điều đó, và niềm tin của y dựa trên kinh nghiệm và lý trí, mặc dù những liên kết của chuỗi lập luận dẫn đến sự chắc chắn đó không nằm trong ký ức của bộ não vật lý. Tuy nhiên, những trực giác như vậy rất hiếm, và lý trí phải là kim chỉ nam trong mọi niềm tin của chúng ta. Chắc chắn rằng bất kỳ hệ thống nào yêu cầu chúng ta làm trái với lý trí là hệ thống nên bị bác bỏ ngay lập tức. Trong Thông Thiên Học, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh rằng đức tin mù quáng dưới bất kỳ hình thức nào cũng là một gông cùm kìm hãm con người trong cuộc đua tinh thần. Người nào muốn tiến bộ phải từ bỏ đức tin mù quáng; y phải hiểu rằng không có cuốn sách nào là không thể sai lầm; vì tri thức của chúng ta về sự thật luôn tiến hóa, và chúng ta đang liên tục học hỏi ngày càng nhiều hơn qua mỗi ngày trôi qua.

Theosophy has no dogma to impose upon his students, no faith once for all delivered to the saints. It has a certain amount of knowledge to offer for their examination; but students should never forget that those upon whom it has devolved to write books and give lectures upon these subjects are themselves also fellow-students who are constantly observing and learning. Those who wish to follow Theosophical thought must read the latest [150] editions of the books, not the earlier, because in the interval between any two editions new facts have been observed. There are members who would prefer to have a definite, perfect creed given to them which they could learn once and for all, so that it would be unnecessary to do any further thinking; but this is a desire which our writers are unable to gratify, for though the Theosophical ideas are in the highest degree religious, they are approached entirely from a scientific standpoint. It is the mission of

Thông Thiên Học không có giáo điều nào để áp đặt lên học viên của mình, không có niềm tin bất biến nào được trao một lần cho các thánh đồ. Nó có một lượng tri thức nhất định để cung cấp cho sự kiểm tra của họ; nhưng các học viên không bao giờ nên quên rằng những người có trách nhiệm viết sách và giảng dạy về những chủ đề này cũng là những đồng học đang liên tục quan sát và học hỏi. Những ai muốn theo đuổi tư tưởng Thông Thiên Học phải đọc các ấn bản mới nhất của các sách, chứ không phải các ấn bản trước đó, vì trong khoảng thời gian giữa hai ấn bản, các sự thật mới đã được quan sát. Có những thành viên thích có một tín điều rõ ràng, hoàn hảo, được trao cho họ để họ có thể học một lần và không cần phải suy nghĩ thêm; nhưng đây là một mong muốn mà các nhà văn của chúng tôi không thể đáp ứng, bởi vì mặc dù các ý tưởng của Thông Thiên Học mang tính tôn giáo cao nhất, chúng được tiếp cận hoàn toàn từ quan điểm khoa học. Sứ mệnh của Thông Thiên Học là kết hợp hai

Theosophy to bring together these two lines of thought, to show there need be no conflict between religion and science, but that on the contrary science is the handmaid of religion, and religion is the highest of all possible objects of scientific examination.

dòng tư tưởng này, để chứng minh rằng không có sự xung đột giữa tôn giáo và khoa học, mà ngược lại, khoa học là người phụ tá của tôn giáo, và tôn giáo là đối tượng cao nhất của mọi nghiên cứu khoa học.

Those who will study the Theosophical teaching will find, as we have found, that year after year it will grow more interesting and more fascinating, giving them more and more satisfaction for their reason as well as more perfect fulfilment and realization of their higher aspirations. Those who examine it will never regret it; through all their future lives they will find reason to be thankful that they undertook the study of the mighty and all-embracing Wisdom-Religion, which in these modern days we call Theosophy.

Những ai nghiên cứu giáo lý Thông Thiên Học sẽ nhận thấy, như chúng tôi đã nhận thấy, rằng năm này qua năm khác, nó sẽ ngày càng trở nên thú vị và hấp dẫn hơn, mang lại cho họ nhiều sự hài lòng hơn cho lý trí cũng như sự hoàn thành và hiện thực hóa cao hơn các khát vọng của họ. Những ai tìm hiểu nó sẽ không bao giờ hối tiếc; qua tất cả những kiếp sống tương lai của họ, họ sẽ thấy lý do để cảm ơn vì đã theo đuổi việc nghiên cứu Minh Triết Tôn Giáo hùng vĩ và bao quát, mà trong thời đại hiện đại này chúng ta gọi là Thông Thiên Học.

Note. Since this chapter has been revised for the second edition of this book, additional important facts concerning the structure of the Unseen World have been discovered, and appear in Mrs. Besant's Occult Chemistry, especially in the appendix on "The Aether of Space," by A. Besant and C.W. Leadbeater.

Lưu ý: Từ khi chương này được chỉnh sửa cho ấn bản thứ hai của cuốn sách, các sự thật quan trọng mới về cấu trúc của Thế giới Vô hình đã được khám phá và xuất hiện trong cuốn Hóa Học Huyền Bí của bà Besant, đặc biệt trong phần phụ lục "Dĩ thái của Không gian" của A. Besant và C.W. Leadbeater.

CHAPTER -VI- THE RATIONALE OF MESMERISM

[151] This subject of mesmerism must be, I think, one of considerable interest to every one who understands at all what it includes. There is a great deal of misconception as to the signification of the word, so it is well to commence with some sort of definition. In these days we hear little of mesmerism, but much of hypnotism, and the question at once arises, are these two things the same? I believe myself that we may usefully make a distinction between them, though many people use them practically as synonyms. Hypnotism is derived from the Greek word hupnos, sleep; so that hypnotism is the study of the art of putting to sleep. The word, however, has rather unfortunate associations, and a history behind it which is far from credible. There is no question that originally the name of mesmerism was applied to all phenomena which are now covered by the other, because Mesmer was, as far as Europe is concerned, the discoverer of the power which has been called after him. He was ridiculed and persecuted by the ignorant and prejudiced scientific men of his time, and the medical profession would have nothing to say to his experiments. They simply denied the facts, just as many people now think it intelligent to deny the facts of spiritualism.

Fifty years later a certain Mr. Braid, a surgeon of Manchester, published a little book approaching these facts from a new standpoint, and stated that they were all due to the fatigue of certain muscles of the eyelid. [152]. He called his book Neurypnology, and there are still many who suppose him to be the first man to treat these subjects scientifically. This, however, by no means represents the facts, for his hypothesis leaves most of the phenomena unaccounted for; and

[151] Tôi nghĩ rằng chủ đề về thôi miên phải là một trong những vấn đề đáng quan tâm đối với bất kỳ ai hiểu chút ít về nó. Có rất nhiều sự hiểu lầm về ý nghĩa của từ này, vì vậy, tốt nhất là bắt đầu với một số định nghĩa. Ngày nay, chúng ta ít nghe nói về mesmerism nhưng lại nghe nhiều về thuật thôi miên (hypnotism), và câu hỏi ngay lập tức được đặt ra là: liệu hai điều này có giống nhau không? Tôi tin rằng chúng ta có thể hữu ích khi đưa ra một sự phân biệt giữa chúng, mặc dù nhiều người sử dụng chúng như những từ đồng nghĩa. Thuật thôi miên (hypnotism) bắt nguồn từ từ tiếng Hy Lạp *hupnos*, có nghĩa là giấc ngủ; vì vậy, thuật thôi miên là việc nghiên cứu nghệ thuật đưa vào giấc ngủ. Tuy nhiên, từ này lại có những liên tưởng không may và có một lịch sử đằng sau nó không mấy đáng tin cậy. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng ban đầu tên gọi mesmerism được áp dụng cho tất cả các hiện tượng hiện nay được bao trùm bởi thuật ngữ khác, bởi vì Mesmer, ít nhất là đối với châu Âu, là người phát hiện ra sức mạnh mà sau này được đặt theo tên của Ông. Ông bị chế giễu và bức hại bởi những người khoa học ngu dốt và định kiến của thời đại mình, và ngành y không hề muốn đả động đến các thí nghiệm của Ông. Họ đơn giản là phủ nhận các sự thật, giống như nhiều người hiện nay cho rằng việc phủ nhận sự thật về thần linh học là thông minh.

Năm mươi năm sau, một người nào đó tên là Ông Braid, một bác sĩ phẫu thuật ở Manchester, đã xuất bản một cuốn sách nhỏ tiếp cận các sự thật này từ một quan điểm mới và cho rằng tất cả đều là do sự mệt mỏi của một số cơ mắt nhất định. [152] Ông đặt tên cho cuốn sách của mình là *Neurypnology*, và vẫn còn nhiều người cho rằng Ông là người đầu tiên đề cập đến các vấn đề này một cách khoa học. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn không phản ánh đúng sự thật, bởi vì giả thuyết của Ông đã bỏ qua hầu hết các

it seems to have won official acceptance only because it offered a line of retreat from an untenable position. The phenomena which the profession had decided to ridicule and deny were constantly recurring; here was a method by which they could at least partially be admitted without having to make the humiliating confession that Mesmer had after all been right, and orthodox science wrong. So the theory was set up that this was in reality an entirely new discovery, and must be called by a distinct name. Along this line followed Charcot, Binet and Fere, and a number of recent writers—all taking but a partial view of the subject, all ignoring any facts which did not square with this partial view.

hiện tượng; và dường như nó chỉ được chấp nhận chính thức vì nó đưa ra một phương pháp để thoát khỏi một tình thế không thể chấp nhận được. Những hiện tượng mà giới khoa học đã quyết định chế giễu và phủ nhận vẫn liên tục tái diễn; đây là một phương pháp mà qua đó họ có thể ít nhất một phần chấp nhận mà không cần phải thừa nhận một cách nhục nhã rằng Mesmer rốt cuộc đã đúng, và khoa học chính thống đã sai. Vì vậy, lý thuyết này được thiết lập rằng đây thực sự là một phát hiện hoàn toàn mới và phải được gọi bằng một cái tên riêng biệt. Theo hướng này, Charcot, Binet, Fere và một số nhà văn gần đây đã đi theo — tất cả đều chỉ có một cái nhìn phiến diện về vấn đề, và đều bỏ qua bất kỳ sự thật nào không phù hợp với quan điểm phiến diện này.

Mesmer himself, the real pioneer of this line of discovery, came much nearer to the facts in the opinions which he expressed. He held the existence of a subtle fluid which passes from the operator to the subject, and in this correct assumption he was followed by the earlier French experimenters, the Marquis de Puysegur, Deleuze, Baron du Potet and Baron von Reichenbach.

Chính Mesmer, người tiên phong thực sự của dòng phát hiện này, đã đến gần với sự thật hơn nhiều trong các quan điểm mà Ông đã bày tỏ. Ông tin vào sự tồn tại của một loại chất lỏng tinh tế truyền từ người thao tác sang đối tượng, và trong quan điểm chính xác này, Ông đã được các nhà thí nghiệm người Pháp thời kỳ đầu như Marquis de Puysegur, Deleuze, Nam tước du Potet và Nam tước von Reichenbach tiếp bước.

The last-mentioned patiently tried and recorded a long series of experiments with sensitives, and his works deserve careful study. His first discovery was that certain young people among his patients could, in a dark room, see flames issuing from the poles of a magnet; then a little later he found that similar flames were seen flowing from the tips of his fingers while he was engaged in making mesmeric passes. [153] It was because of this similarity that he bestowed upon the fluid which is transferred from the operator to the patient in mesmerism the name of "animal magnetism." He suspected its connection with the vital force poured forth from the sun, and confirmed his idea by an ingenious experiment. He arranged a copper wire so that one end should be exposed to the sunlight out of doors, and the other he led into his dark room. He then found that if the outer end of the wire was kept in the shade, the sensitive in the room saw nothing; but if the wire was exposed to the sunlight, the patient was at once able to point out the end of the wire in the dark room, because a faint light began to issue from it. When a copper plate was attached to the outer end of the wire, so as to collect more of the sun's power, quite a brilliant light was discernible by the sensitive.

Người được đề cập cuối cùng đã kiên nhẫn thử nghiệm và ghi chép một loạt các thí nghiệm dài với những người nhạy cảm, và các tác phẩm của Ông xứng đáng được nghiên cứu kỹ lưỡng. Phát hiện đầu tiên của Ông là một số người trẻ tuổi trong số các bệnh nhân của Ông có thể, trong một căn phòng tối, nhìn thấy những ngọn lửa phát ra từ các cực của một nam châm; sau đó, Ông phát hiện rằng những ngọn lửa tương tự cũng phát ra từ các đầu ngón tay của Ông khi Ông thực hiện các động tác thôi miên. [153] Chính vì sự tương đồng này mà Ông đã đặt tên cho chất lỏng được chuyển từ người thao tác sang bệnh nhân trong thôi miên là "từ trường động vật". Ông nghi ngờ rằng chất lỏng này có liên quan đến sinh lực được tỏa ra từ mặt trời, và Ông đã xác nhận ý tưởng của mình bằng một thí nghiệm khéo léo. Ông sắp xếp một dây đồng sao cho một đầu của dây tiếp xúc với ánh sáng mặt trời bên ngoài, và đầu còn lại dẫn vào phòng tối. Ông phát hiện ra rằng nếu đầu dây bên ngoài được giữ trong bóng râm, người nhạy cảm trong phòng không nhìn thấy gì; nhưng nếu đầu dây tiếp xúc với ánh sáng mặt trời, bệnh nhân ngay lập tức có thể chỉ ra vị trí của đầu dây trong phòng tối, vì một ánh sáng mờ bắt đầu phát ra từ đó. Khi một tấm đồng được gắn vào đầu dây bên ngoài để thu thập nhiều năng lượng từ mặt trời hơn, người nhạy cảm có thể nhìn thấy một ánh sáng khá rực rỡ.

Through all his earlier experiments he was under the impression that this magnetic sensitiveness was always a symptom of ill-health, and it seems to have been a great surprise to him when he found that one of his patients retained her power after her recovery. Further investigation led him to understand that its possession was not a question of health but of psychic faculty; and he conjectures, correctly enough, that all in reality have the power to a greater or less

Qua tất cả các thí nghiệm ban đầu, Ông có ấn tượng rằng tính nhạy cảm từ trường này luôn là một triệu chứng của bệnh tật, và có vẻ như Ông rất ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng một trong những bệnh nhân của Ông vẫn giữ được khả năng của mình sau khi bình phục. Cuộc điều tra tiếp theo đã giúp Ông hiểu rằng việc sở hữu khả năng này không phải là vấn đề sức khỏe mà là khả năng thông linh; và Ông đã suy đoán, đúng đắn, rằng tất cả mọi người thực sự đều có khả năng này ở mức độ lớn hay nhỏ,

degree, but that in some it is only able to come to the surface when the ordinary physical faculties are weakened by sickness. It will at once be seen that these earlier writers were much nearer to the truth about such matters than many of their successors have been.

nhưng ở một số người, nó chỉ có thể bộc lộ khi các giác quan vật lý thông thường bị suy yếu bởi bệnh tật. Ngay lập tức chúng ta có thể thấy rằng những nhà văn thời kỳ đầu này đã đến gần với sự thật về những vấn đề như vậy hơn nhiều so với nhiều người kế thừa của họ.

Even at the present day there are probably no better records of cases of surgical operations under mesmerism, and of curative mesmerism generally, than those contained in the books of Dr. Esdaile of Calcutta, and of Dr.Elliotson, [154] who was working in North London. At about that period—in 1842, I think it was—considerable attention was attracted by an operation performed at St. Bartholomew's Hospital in London by a Mr. Ward, who amputated above the knee the leg of a patient who had been put into the mesmeric trance—as good a case as the most sceptical enquirer could desire. Yet when a report of this case was laid before the Royal Medical and Chirurgical Society of London, they declined to listen to the testimony, on the ground that it was manifestly incredible and absurd, and that even if it were true it would be contrary to the will of Providence, since pain was intended to be part of a surgical operation! It seems impossible that any assemblage of educated and presumably scientific men could be so idiotic, but there is no doubt that this resolution was passed and still stands on record.

Ngay cả vào ngày nay, có lẽ không có tài liệu nào tốt hơn về các ca phẫu thuật dưới thôi miên và về thôi miên chữa bệnh nói chung so với các sách của bác sĩ Esdaile ở Calcutta và bác sĩ Elliotson, [154] người làm việc tại Bắc London. Vào khoảng thời gian đó—tôi nghĩ là vào năm 1842—một sự chú ý đáng kể đã được thu hút bởi một ca phẫu thuật do Ông Ward thực hiện tại Bệnh viện St. Bartholomew's ở London, khi Ông cắt bỏ phần chân trên đầu gối của một bệnh nhân đã được đưa vào trạng thái thôi miên—một ca mà người hoài nghi nhất cũng có thể mong đợi. Tuy nhiên, khi báo cáo về ca này được trình lên Hội Y khoa và Phẫu thuật Hoàng gia London, họ đã từ chối lắng nghe lời chứng, với lý do rằng đó là điều hiển nhiên không thể tin được và phi lý, và ngay cả khi nó có thật thì điều đó sẽ trái với ý muốn của Thượng Đế, vì đau đớn là một phần của phẫu thuật! Có vẻ như không thể tin được rằng bất kỳ nhóm người có học thức và được cho là có hiểu biết khoa học nào lại có thể ngu ngốc như vậy, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, nghị quyết này đã được thông qua và vẫn được ghi lại.

Invincible Ignorance— Sự thiếu hiểu biết không thể khuất phục.

Things have improved since then, but there is still a good deal of foolish incredulity with regard to this subject—and, worse still, a great deal of unfounded assertion on the part of the ignorant, to which it is difficult for the student to listen with patience. On this point Mr. Sinnett, our Vice-President, has well written:- " No one deserves blame for leaving

Tình hình đã cải thiện kể từ đó, nhưng vẫn còn rất nhiều sự hoài nghi ngớ ngẩn liên quan đến chủ đề này — và tệ hơn nữa là có nhiều tuyên bố vô căn cứ từ những người thiếu hiểu biết, khiến cho người nghiên cứu khó có thể kiên nhẫn lắng nghe. Về điểm này, Ông Sinnett, Phó Chủ tịch của chúng tôi, đã viết rất hay: "Không ai đáng trách vì hoàn toàn không nghiên cứu

altogether unstudied any subject that does not attract him. But in most cases people who are conscious of limited intellectual resources entertain a decent respect for others who are better furnished. A man may be nothing but a sportsman himself, and yet refrain from asserting that chemists and electricians must be impostors, and a chemist may know nothing of Italian art, and yet may refrain from declaring that Raphael never existed. But all through the commonplace world people who are ignorant of psychic science encourage [155]one another in the brainless and absurd denial of facts, whenever any of its phenomena come up for treatment. The average country grocer, the average reporter, the average student of physical science, are all steeped in the same dense incapacity to understand the propriety of respecting the knowledge of others, even if they do not share it themselves, whenever they brush up against any statement relating to the work of those who are engaged in any branch of psychic enquiry. From the occult point of view, indeed, one can understand why this should be so, for the incredulity of unspiritual mankind is Nature's own protection against those unfit as yet to use her higher spiritual gifts."

một chủ đề mà họ không bị thu hút. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, những người nhận thức được giới hạn về trí tuệ của mình thường có sự tôn trọng thích đáng đối với những người có kiến thức sâu rộng hơn. Một người có thể chỉ là một vận động viên thể thao, nhưng vẫn có thể tránh việc khẳng định rằng các nhà hóa học và các nhà điện học là kẻ lừa đảo, và một nhà hóa học có thể không biết gì về nghệ thuật Ý, nhưng vẫn có thể tránh việc tuyên bố rằng Raphael chưa bao giờ tồn tại. Nhưng trong thế giới thông thường, những người thiếu kiến thức về khoa học tâm linh lại thường khuyến khích [155] nhau trong việc phủ nhận các sự kiện một cách ngớ ngẩn và vô lý, bất cứ khi nào bất kỳ hiện tượng nào của khoa học này được đưa ra để thảo luận. Người bán tạp hóa trung bình ở nông thôn, phóng viên trung bình, và sinh viên trung bình về khoa học vật lý đều bị ngập tràn trong cùng một sự không hiểu biết đậm đặc về việc tôn trọng kiến thức của người khác, ngay cả khi họ không có được kiến thức đó, bất cứ khi nào họ gặp phải bất kỳ tuyên bố nào liên quan đến công việc của những người đang tham gia vào bất kỳ ngành nghiên cứu tâm linh nào. Thực sự, từ quan điểm huyền môn, chúng ta có thể hiểu tại sao lại như vậy, bởi vì sự hoài nghi của nhân loại thiếu tinh thần là cách bảo vệ tự nhiên của Tự nhiên chống lại những người chưa đủ khả năng để sử dụng những món quà tinh thần cao cấp của Ngài."

The book from which that quotation is made is called The Rationale of Mesmerism, and it is one which no student of this subject should neglect to read, for it puts the Theosophical theory of the matter much more ably than I can, the author being a practical mesmerist of considerable power and experience. All that I can do is to give you an outline sketch; for the filling in I must refer you to Mr. Sinnett. It is impossible to understand mesmerism unless we take it as part of an orderly scheme of the

Cuốn sách từ đó trích dẫn này có tên là *The Rationale of Mesmerism*, và đó là một cuốn sách mà không một sinh viên nào nghiên cứu chủ đề này nên bỏ qua, vì nó trình bày lý thuyết Thông Thiên Học về vấn đề này tốt hơn nhiều so với những gì tôi có thể làm, bởi vì tác giả là một nhà thôi miên thực hành có năng lực và kinh nghiệm đáng kể. Tất cả những gì tôi có thể làm là đưa ra cho các bạn một bản phác thảo; còn việc bổ sung chi tiết, tôi phải giới thiệu các bạn đến Ông Sinnett. Không thể hiểu được thôi

universe, and explain it in accordance with the facts which are known about the constitution of man, and his relation to the world around him. Taken in that way, it at once becomes comprehensible, and no difficulty is found in classifying and accounting for its various manifestations. We must remember the Theosophical explanation of the different planes of nature and the corresponding bodies possessed by man; for since the fluid poured out in mesmerism is subtle and invisible to ordinary sight, it will obviously affect the subtler part of the body, and consequently it is to our study of that part that we must turn for a rational theory of its effects. [156]

miên nếu chúng ta không xem nó như một phần của một kế hoạch có trật tự của vũ trụ, và giải thích nó phù hợp với những sự thật đã biết về cấu trúc của con người và mối quan hệ của con người với thế giới xung quanh. Khi xem xét theo cách này, nó lập tức trở nên dễ hiểu, và không gặp khó khăn trong việc phân loại và giải thích các hiện tượng khác nhau của nó. Chúng ta phải nhớ đến lời giải thích của Thông Thiên Học về các cõi giới khác nhau của tự nhiên và các thể tương ứng mà con người sở hữu; bởi vì chất lỏng được truyền ra trong thôi miên là tinh tế và vô hình đối với mắt thường, nó rõ ràng sẽ ảnh hưởng đến phần tinh tế hơn của cơ thể, và do đó, chúng ta phải nghiên cứu phần đó để tìm ra lý thuyết hợp lý về các tác động của nó. [156]

It is well to remember that man is a being living simultaneously in two worlds—the seen and the unseen; existing simultaneously upon several of these planes of nature, and consciously or unconsciously receiving impressions from them all through his life.

Cần nhớ rằng con người là một thực thể sống đồng thời trong hai thế giới—thế giới hữu hình và vô hình; tồn tại đồng thời trên nhiều cõi giới tự nhiên, và dù có ý thức hay vô thức, nhận được những ấn tượng từ tất cả các cõi đó suốt cuộc đời mình.

When we realize this we are prepared to understand how partial any merely physical view of man must be, and how easily we may miscalculate actions and happenings on this plane, if we are ignorant of their causes on higher levels. Mr. Sinnett, in the book just mentioned, compares our position in that respect to that of a fish which, swimming in the water, tries to understand the motions of the keel of a ship as it moves beside him. He will no doubt be able to comprehend the resistance offered by the water to the keel, its deflection from a straight course by currents, and so on; but there must frequently appear motions of the reason of which he can have no conception, because it belongs to another and higher world. The slope given to the hull of the vessel by the setting of the sails this way or that would be to him a mysterious and

Khi nhận ra điều này, chúng ta sẽ sẵn sàng hiểu rằng bất kỳ cái nhìn thuần túy vật lý nào về con người cũng chỉ là một phần, và chúng ta có thể dễ dàng tính toán sai lầm về các hành động và sự việc trên cõi này, nếu chúng ta không biết nguyên nhân của chúng ở các cấp độ cao hơn. Ông Sinnett, trong cuốn sách vừa được đề cập, so sánh vị trí của chúng ta trong khía cạnh đó với vị trí của một con cá, đang bơi trong nước, cố gắng hiểu các chuyển động của thân tàu khi nó di chuyển bên cạnh nó. Không nghi ngờ gì, nó sẽ có thể hiểu được sự cản trở mà nước tạo ra đối với thân tàu, sự lệch hướng của nó khỏi một đường thẳng do các dòng chảy, và v.v.; nhưng chắc chắn sẽ có những chuyển động mà lý do của chúng nó không thể nào hiểu được, vì nó thuộc về một thế giới khác và cao hơn. Góc nghiêng của thân tàu do sự điều chỉnh của cánh buồm theo hướng này hay hướng kia sẽ là

unaccountable movement, and he would probably suppose it to be due to a living will residing in the creature. A flying fish might conceivably learn to understand something of the conditions both of the air and the sea, and so would come nearer to a correct theory; and in this respect the clairvoyant student is like the flying fish—he is able to transcend his element to some extent, and so to enter a wider world, in which he learns many lessons. The thoughts and passions of the man are seen on the physical plane only by their effects, yet they are the motive power, and must be taken into account if we wish to understand, just as our supposititious fish would have to know something about sails before he could know why his ship moved as it did. [157]

một chuyển động bí ẩn và không thể giải thích được đối với nó, và có lẽ nó sẽ cho rằng đó là do ý chí của một sinh vật sống nào đó. Một con cá bay có thể học được một chút về cả điều kiện của không khí và của biển, và do đó sẽ đến gần hơn với một lý thuyết đúng đắn; và ở khía cạnh này, người nghiên cứu thông nhãn giống như con cá bay—họ có thể vượt qua phần nào yếu tố của mình và do đó bước vào một thế giới rộng lớn hơn, nơi họ học được nhiều bài học. Những suy nghĩ và đam mê của con người chỉ được nhìn thấy trên cõi trần qua các tác động của chúng, nhưng chúng là động lực, và chúng phải được tính đến nếu chúng ta muốn hiểu, giống như con cá trong ví dụ của chúng ta phải biết một chút về cánh buồm trước khi có thể biết tại sao tàu của nó lại di chuyển như vậy. [157]

We may approach this subject of mesmerism along one of two lines. We may either commence to make practical experiments for ourselves, or we may take up the study of the experiments of others through the books which they have written. To any man who decides for the books, I should recommend Dr. Esdaile's as the best of all to begin with; for his subjects were all Orientals, and they are on the average far more sensitive to mesmeric influence than white men are.

Chúng ta có thể tiếp cận chủ đề thôi miên theo một trong hai cách. Hoặc chúng ta có thể bắt đầu tự mình tiến hành các thí nghiệm thực hành, hoặc chúng ta có thể tiếp nhận việc nghiên cứu các thí nghiệm của người khác qua các cuốn sách mà họ đã viết. Đối với bất kỳ ai chọn cách đọc sách, tôi khuyên rằng cuốn sách của bác sĩ Esdaile là cuốn sách tốt nhất để bắt đầu; bởi vì tất cả các đối tượng nghiên cứu của Ông đều là người phương Đông, và trung bình họ nhạy cảm với ảnh hưởng thôi miên hơn nhiều so với người da trắng.

The Nature of Sensitiveness— Bản chất của sự nhạy cảm.

That does not mean that they are necessarily of weaker will; it is a question of the side of the man which is developed. You may remember how I have explained in previous lectures that the evolution of man is cyclical in its character—that is consists in a descent into matter and then a rising out of it again, bearing the results of the immersion in experience gained and quality developed.

Điều đó không có nghĩa là họ nhất thiết có ý chí yếu hơn; vấn đề nằm ở phía của con người mà được phát triển. Các bạn có thể nhớ rằng tôi đã giải thích trong các bài giảng trước rằng sự tiến hóa của con người có tính chu kỳ—tức là nó bao gồm một quá trình đi xuống vào vật chất và sau đó lại đi lên khỏi nó, mang theo kết quả của sự đắm chìm trong kinh nghiệm đã thu nhận và phẩm chất đã phát triển. Trong quá trình của

There comes in the course of this cycle a lowest point, at which the man is most deeply buried in matter, and consequently least open to any influences from subtler forces, and this point of extreme materiality is often coincident with strong intellectual development. In this way we have a combination of a grossly material nature with a specially materialistic mental attitude; and just at that period the man would certainly not be a good subject mesmerically. I do not say that his resistance might not be overcome by a sufficiently strong will, but it would require more effort than it would be in the least likely to be worth while to make, and so we should call him a bad subject.

chu kỳ này có một điểm thấp nhất, tại đó con người bị chôn sâu nhất trong vật chất, và do đó ít cởi mở với bất kỳ ảnh hưởng nào từ các lực tinh tế hơn, và điểm cực đoan của tính vật chất này thường trùng hợp với sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ. Theo cách này, chúng ta có sự kết hợp giữa một bản chất vật chất thô thiển với một thái độ trí tuệ đặc biệt duy vật; và ngay tại thời điểm đó, con người chắc chắn sẽ không phải là một đối tượng tốt để bị thôi miên. Tôi không nói rằng sự kháng cự của anh ta không thể bị khuất phục bởi một ý chí đủ mạnh, nhưng điều đó sẽ đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn mức mà sẽ không đáng để bỏ ra, và vì vậy chúng ta sẽ coi anh ta là một đối tượng thôi miên kém.

Before that there would be a period when the psychic side of him could be more readily reached, and again later in his evolution it would reappear, though at [158] this second stage it would hardly be possible to control him mesmerically except with his own consent, for this is the truer psychism in which the man possesses his powers in full consciousness, and can use them voluntarily efficiently. But at the intermediate point it is not the amount of intellect which he possesses which saves him from mesmeric influence, as he often proudly thinks, but simply the materialism of his conceptions. It is because he is tied down to the merely physical plane that he resists any effort to impress him in that way from without.

Trước đó sẽ có một giai đoạn mà mặt thông linh của anh ta có thể dễ dàng tiếp cận hơn, và một lần nữa sau này trong tiến trình tiến hóa của mình, nó sẽ tái xuất hiện, mặc dù ở giai đoạn thứ hai này, khó có thể kiểm soát anh ta bằng thôi miên nếu không có sự đồng ý của anh ta, vì đây là dạng thông linh chân thật hơn, trong đó con người sở hữu sức mạnh của mình trong sự tỉnh thức đầy đủ và có thể sử dụng chúng một cách tự nguyện và hiệu quả. Nhưng tại điểm trung gian, không phải là mức độ trí tuệ mà anh ta sở hữu cứu anh ta khỏi ảnh hưởng thôi miên, như anh ta thường tự hào nghĩ, mà đơn giản chỉ là tính chất duy vật trong quan niệm của anh ta. Chính vì anh ta bị trói buộc vào cõi trần mà anh ta kháng cự mọi nỗ lực gây ấn tượng từ bên ngoài.

When, however, an impression can be made, the effects are often of the most striking character. Not only may one person subjugate the will of another to almost any conceivable extent, but physical results may be produced such as anaesthesia or rigidity, and many diseases may be readily cured. How is all this to be produced? We must remember that the physical body contains a

Tuy nhiên, khi có thể tạo ra một ấn tượng, thì hiệu quả thường rất nổi bật. Không chỉ một người có thể khuất phục ý chí của người khác gần như đến mức độ nào cũng có thể tưởng tượng, mà còn có thể tạo ra các kết quả vật lý như tê liệt hoặc cứng đờ, và nhiều bệnh tật có thể dễ dàng được chữa khỏi. Làm thế nào để tất cả điều này được tạo ra? Chúng ta phải nhớ rằng thể xác chứa rất nhiều chất mà mắt

great deal of matter that is invisible to ordinary sight. Not only has it its solid and liquid constituents, but there is also much that is gaseous, and a great deal that is etheric. This latter constituent plays no small part in the man's well-being, for the whole of his body is permeated by it, so that if it were possible to withdraw from him all the solid, liquid and gaseous particles, the form of his body would still be clearly marked out in etheric matter. This part of his body, which has sometimes been called the etheric double, is the vehicle of vitality in the man.

thường không nhìn thấy được. Không chỉ có các thành phần rắn và lỏng của nó, mà còn có nhiều chất khí, và một lượng lớn chất dĩ thái. Thành phần cuối cùng này đóng một vai trò không nhỏ trong sự khỏe mạnh của con người, vì toàn bộ cơ thể của anh ta được thấm nhuần bởi nó, đến mức nếu có thể rút hết tất cả các hạt rắn, lỏng và khí, hình dạng của cơ thể anh ta vẫn sẽ được đánh dấu rõ ràng bằng chất dĩ thái. Phần cơ thể này, đôi khi được gọi là thể dĩ thái, là phương tiện của sinh lực trong con người.

The Nervous Circulation— Tuần hoàn thần kinh

We know that besides the system of veins and arteries, we have a system of nerves running all through the body; and just as arteries and veins have their circulation, whose centre is the heart, so have the nerves their circulation, [159] whose centre is the brain. But it is a circulation not of blood but of the life-fluid, and it flows not so much along the nerves themselves as along a sort of coating of ether which surrounds each nerve. Many electricians have thought it probable that electricity does not flow along a wire at all, but along a coating of ether surrounding the wire; and if that be so, the phenomenon is exactly duplicated by this flowing of the vital force.

Chúng ta biết rằng ngoài hệ thống tĩnh mạch và động mạch, chúng ta còn có một hệ thống dây thần kinh chạy khắp cơ thể; và giống như động mạch và tĩnh mạch có sự tuần hoàn của chúng, có trung tâm là tim, thì các dây thần kinh cũng có sự tuần hoàn của chúng, [159] có trung tâm là não. Nhưng đó là sự tuần hoàn không phải của máu mà là của chất lỏng sự sống, và nó không chảy dọc theo chính các dây thần kinh mà dọc theo một lớp vỏ bọc dĩ thái bao quanh mỗi dây thần kinh. Nhiều nhà điện học cho rằng có khả năng điện không hề chảy dọc theo dây dẫn, mà là dọc theo lớp vỏ bọc dĩ thái bao quanh dây dẫn; và nếu đúng như vậy, thì hiện tượng này hoàn toàn giống với sự vận hành của sinh lực này.

Normally in the healthy man two types of fluid are connected with this system of nervous circulation. First, there is the nerve-aura, which flows regularly and steadily round from the brain as a centre; and secondly, there is this vital fluid, which is absorbed from without and carried round by the nerve-aura in the form of rose-coloured particles, which are easily visible to clairvoyant sight. Let us consider the nerve-

Thông thường ở người khỏe mạnh, có hai loại chất lỏng liên quan đến hệ thống tuần hoàn thần kinh này. Đầu tiên, có hào quang thần kinh, chảy đều đặn và ổn định từ não bộ như một trung tâm; và thứ hai, có chất lỏng sinh lực này, được hấp thụ từ bên ngoài và được hào quang thần kinh mang theo dưới dạng các hạt màu hồng, có thể dễ dàng nhìn thấy bằng thị giác thông linh. Trước tiên, chúng ta hãy xem xét hào quang thần kinh. Người ta đã quan sát

aura first. It has been observed that upon the presence of this fluid depends the proper working of the nerve—a fact which can be demonstrated by various experiments. We know that it is possible by mesmeric passes to make a person's arm quite insensible to pain; this is done by driving back this nerve-aura, so that over that part of the body the flow is no longer kept up, and consequently the nerve is unable to report to the brain what touches it, as it usually does. Without the specialized ether which normally surrounds it, the nerve is not able to communicate with the brain, and so it is precisely as though the nerve were not there for the time—or in other words, there is no feeling.

thấy rằng sự hoạt động bình thường của dây thần kinh phụ thuộc vào sự hiện diện của chất lỏng này—một thực tế có thể được chứng minh bằng nhiều thí nghiệm khác nhau. Chúng ta biết rằng có thể bằng cách vuốt ve thôi miên để làm cho cánh tay của một người hoàn toàn không cảm thấy đau; điều này được thực hiện bằng cách đẩy lùi hào quang thần kinh này, do đó, dòng chảy trên phần cơ thể đó không còn được duy trì nữa, và do đó, dây thần kinh không thể báo cáo lên não những gì chạm vào nó, như thường lệ. Không có dĩ thái chuyên biệt thường bao quanh nó, dây thần kinh không thể giao tiếp với não, và do đó, nó giống như thể dây thần kinh không có ở đó trong thời gian đó —hay nói cách khác, không có cảm giác.

The vital fluid is also specialized, and in the healthy man it is present in great abundance. It is poured upon us originally from the sun, which is the source of life in this inner sense as well as, by means of its light and heat, in the outer world. The atoms in the earth's atmosphere are more or less charged with this force at all times, [160] though it is in much greater activity and abundance in brilliant sunshine; and it is only by absorbing it that our physical bodies are able to live. In itself it is naturally invisible, like all other forces; but we see its effect in the intense activity of the atoms energized by it. After it has been absorbed into the human body and thereby specialized, these atoms take on the beautiful rose-colour already described, and are carried in a constant stream over and through the whole body along the nerves. The man in perfect health has plenty of this fluid to spare, and it is constantly radiating from his body in all directions, so that he is in truth shedding strength and vitality on those around him, even though quite unconsciously. On the other hand, a man who from weakness or other causes is unable to specialize for his own use a sufficient

Chất lỏng sinh lực cũng chuyên biệt, và ở người khỏe mạnh, nó hiện diện rất nhiều. Nó được đổ xuống chúng ta ban đầu từ mặt trời, là nguồn gốc của sự sống theo nghĩa nội tâm này cũng như, bằng ánh sáng và sức nóng của nó, trong thế giới bên ngoài. Các nguyên tử trong bầu khí quyển của trái đất ít nhiều bị nhiễm mãnh lực này mọi lúc, [160] mặc dù nó hoạt động mạnh hơn và phong phú hơn nhiều dưới ánh nắng rực rỡ; và chỉ bằng cách hấp thụ nó, thể xác của chúng ta mới có thể sống. Bản thân nó vô hình một cách tự nhiên, giống như tất cả các mãnh lực khác; nhưng chúng ta thấy tác dụng của nó trong hoạt động mạnh mẽ của các nguyên tử được nó tiếp thêm năng lượng. Sau khi được hấp thụ vào cơ thể con người và do đó chuyên biệt hóa, các nguyên tử này có màu hồng tuyệt đẹp đã được mô tả, và được mang theo trong một dòng chảy liên tục trên khắp cơ thể dọc theo các dây thần kinh. Người có sức khỏe hoàn hảo có rất nhiều chất lỏng này để dự trữ, và nó liên tục tỏa ra từ cơ thể của người đó theo mọi hướng, do đó, người đó thực sự đang truyền sức mạnh và sức sống cho những người xung quanh, mặc dù hoàn toàn vô thức. Mặt khác, một người vì yếu đuối hoặc những nguyên nhân khác không thể chuyên biệt hóa đủ lượng

amount of the world's life-force, sometimes equally unconsciously acts as a sponge, and absorbs the already specialized vitality of any sensitive person with whom he comes in contact, to his own temporary benefit, no doubt, but often to the serious injury of his victim. Probably most persons have experienced this in a minor degree, and have found that there is some one among their acquaintances after whose visits they always feel an unaccountable weakness and languor.

sinh lực của thế giới cho riêng mình, đôi khi cũng vô thức hoạt động như một miếng bọt biển, và hấp thụ sức sống đã được chuyên biệt hóa của bất kỳ người nhạy cảm nào mà người đó tiếp xúc, chắc chắn là vì lợi ích tạm thời của chính người đó, nhưng thường gây tổn hại nghiêm trọng cho nạn nhân của người đó. Có lẽ hầu hết mọi người đã trải qua điều này ở mức độ nhẹ, và nhận thấy rằng có một số người quen mà sau khi họ đến thăm, họ luôn cảm thấy suy nhược và uể oải không thể giải thích được.

What the Mesmerist Gives— Những gì nhà thôi miên ban tặng

Now you will begin to see what it is that the mesmerizer pours into his subject. It may be either the nerve-ether or the vitality, or both. Supposing a patient to be seriously weakened or exhausted, so that he has lost power to specialize the life-fluid for himself, the mesmerizer may renew his stock by pouring some of his own upon the quivering nerves, and so produce a rapid recovery. The process is analogous to what is often done [161] in the case of food. When a person reaches a certain stage of weakness the stomach loses the power to digest, and so the body is not properly nourished, and the weakness is thereby increased. The remedy adopted in that case is to present to the stomach food already partially digested by means of pepsin or other similar preparations; this can probably be assimilated, and thus strength is gained. Just so, a man who is unable to specialize for himself may still absorb what has been done already specialized by another, and so gains strength to make an effort to resume the normal action of the etheric organs. In many cases of weakness that is all that is needed.

Bây giờ bạn sẽ bắt đầu thấy được điều mà nhà thôi miên truyền vào đối tượng của mình. Nó có thể là dĩ thái thần kinh hoặc sức sống, hoặc cả hai. Giả sử một bệnh nhân bị suy yếu nghiêm trọng hoặc kiệt sức, đến nỗi người đó mất khả năng chuyên biệt hóa chất lỏng sự sống cho chính mình, thì nhà thôi miên có thể bổ sung lượng dự trữ của người đó bằng cách đổ một ít chất lỏng của chính mình lên các dây thần kinh đang rung động, và do đó tạo ra sự phục hồi nhanh chóng. Quá trình này tương tự như những gì thường được thực hiện [161] trong trường hợp thức ăn. Khi một người đạt đến một giai đoạn suy nhược nhất định, dạ dày sẽ mất khả năng tiêu hóa, và do đó, cơ thể không được nuôi dưỡng đúng cách, và sự suy nhược do đó càng tăng lên. Biện pháp khắc phục được áp dụng trong trường hợp đó là cung cấp cho dạ dày thức ăn đã được tiêu hóa một phần bằng pepsin hoặc các chế phẩm tương tự khác; điều này có thể được đồng hóa, và do đó sức mạnh đạt được. Cũng giống như vậy, một người không thể chuyên biệt hóa cho chính mình vẫn có thể hấp thụ những gì đã được người khác chuyên biệt hóa, và do đó có được sức mạnh để nỗ lực tiếp tục hoạt động bình thường của các cơ quan dĩ thái. Trong nhiều trường hợp suy nhược, đó là tất cả những gì cần thiết.

There are other instances in which congestion of some kind has taken place, the vital fluid has not circulated properly, and the nerve-aura is sluggish and unhealthy. Then the obvious course of proceeding is to replace it by healthy nerve-ether from without; but there are several ways in which this may be done. Some magnetizers simply employ brute force, and steadily pour in resistless floods of their own ether in the hope of washing away that which needs removal. Success may be attained along these lines, though with the expenditure of a good deal more energy than is necessary. A more scientific method is that which goes to work somewhat more quietly, and first withdraws the congested or diseased matter, and then replaces it by healthier nerve-ether thus gradually stimulating the sluggish current into activity. If the man has a headache, for example, there will almost certainly be a congestion of unhealthy ether about some part of his brain, and the first step is to draw that away.

Có những trường hợp khác xảy ra một số loại sung huyết, chất lỏng sinh lực không lưu thông bình thường, và hào quang thần kinh trì trệ và không lành mạnh. Khi đó, phương thức tiến hành rõ ràng là thay thế nó bằng dĩ thái thần kinh khỏe mạnh từ bên ngoài; nhưng có một số cách để thực hiện việc này. Một số nhà thôi miên chỉ đơn giản là sử dụng brute force, và liên tục đổ vào những dòng dĩ thái không thể cưỡng lại của chính họ với hy vọng rửa sạch những gì cần loại bỏ. Có thể đạt được thành công theo cách này, mặc dù phải tiêu tốn nhiều năng lượng hơn mức cần thiết. Một phương pháp khoa học hơn là phương pháp hoạt động yên tĩnh hơn một chút, trước tiên rút chất ứ đọng hoặc bệnh tật ra, sau đó thay thế bằng dĩ thái thần kinh khỏe mạnh hơn, do đó dần dần kích thích dòng chảy trì trệ hoạt động. Ví dụ, nếu người đó bị đau đầu, gần như chắc chắn sẽ có dĩ thái không lành mạnh bị sung huyết xung quanh một phần nào đó của não, và bước đầu tiên là rút nó ra.

How is this to be managed? Just in the same way as the outpouring of strength is managed—by an exercise of the will. We must not forget that these finer subdivisions of matter are readily moulded or affected by the [162] action of the human will. The mesmerist may make passes, but they are at most nothing but the pointing of his gun in a certain direction, while his will is the powder that moves the ball and produces the result, the fluid being the shot sent out. A mesmerizer who understands his business can manage as well without passes if he wishes; I have known one who never employed them, but simply looked at his subject. The only use of the hand is to concentrate the fluid, and perhaps to help the imagination of the operator; for to will strongly he must believe, and the action no doubt makes it easier for him to realize what

Làm thế nào để quản lý việc này? Cũng giống như cách quản lý sự tuôn trào sức mạnh—bằng cách vận dụng ý chí. Chúng ta không được quên rằng những phân khu vật chất tinh vi hơn này dễ dàng được định hình hoặc bị ảnh hưởng bởi [162] tác động của ý chí con người. Nhà thôi miên có thể thực hiện các động tác vuốt ve, nhưng chúng nhiều nhất cũng chỉ là hướng khẩu súng của người đó theo một hướng nhất định, trong khi ý chí của người đó là thuốc súng di chuyển viên đạn và tạo ra kết quả, chất lỏng là viên đạn được bắn ra. Một nhà thôi miên hiểu rõ công việc của mình có thể xoay xở tốt mà không cần vuốt ve nếu người đó muốn; Tôi đã biết một người chưa bao giờ sử dụng chúng, mà chỉ đơn giản là nhìn đối tượng của mình. Công dụng duy nhất của bàn tay là tập trung chất lỏng, và có lẽ là để hỗ trợ trí tưởng tượng của người vận hành; vì để có ý chí mạnh mẽ, người đó phải tin tưởng, và hành động chắc chắn sẽ

he is doing. Just as a man may pour out magnetism by an effort of will, so may he draw it away by an effort of will, though in this case also he may often use a gesture of the hands to help him. In dealing with the headache, he would probably lay his hands upon the forehead of the patient, and think of them as sponges steadily drawing out the unhealthy magnetism from the brain. That he is actually producing the result of which he thinks, he will probably soon discover; for unless he takes precautions to cast off the bad magnetism which he is absorbing, he will either himself feel the headache or begin to suffer from a pain in the arm and hand with which the operation is being performed. He is actually drawing into himself diseased matter, and it is necessary for his comfort and well-being that he should dispose of it before it obtains a permanent lodgement in his body.

giúp người đó dễ dàng nhận ra những gì mình đang làm. Cũng giống như một người có thể tuôn trào từ tính bằng nỗ lực của ý chí, thì người đó cũng có thể rút nó ra bằng nỗ lực của ý chí, mặc dù trong trường hợp này, người đó cũng thường có thể sử dụng cử chỉ của bàn tay để hỗ trợ mình. Khi xử lý chứng đau đầu, người đó có thể sẽ đặt tay lên trán bệnh nhân và coi chúng như những miếng bọt biển liên tục hút từ tính không lành mạnh ra khỏi não. Người đó có thể sẽ sớm phát hiện ra rằng mình thực sự đang tạo ra kết quả mà mình nghĩ đến; vì trừ khi người đó thực hiện các biện pháp phòng ngừa để loại bỏ từ tính xấu mà người đó đang hấp thụ, nếu không người đó sẽ tự cảm thấy đau đầu hoặc bắt đầu bị đau ở cánh tay và bàn tay đang thực hiện thao tác. Người đó thực sự đang hút vào mình chất bệnh, và vì sự thoải mái và hạnh phúc của người đó, người đó cần phải loại bỏ nó trước khi nó trú ngụ vĩnh viễn trong cơ thể người đó.

He should therefore adopt some definite plan to get rid of it, and the simplest is just to throw it away, to shake it from the hands as one would shake water. Although he does not see it, the matter which he has withdrawn is physical, and can be dealt with by physical means. It is therefore necessary that he should not neglect these precautions, and that he should not forget to [163] wash his hands carefully after curing a headache or any malady of that nature. Then, after he has removed the cause of the evil, he proceeds to pour in good strong healthy magnetism to take its place and to protect the patient against the return of the disease. One can see that in the case of any nervous affection this method would have manifold advantages. In most of such cases what is wrong is an irregularity of the fluids which course along the nerves; either they are congested, or they are sluggish in their flow, or on the other hand they may be too rapid; they may be

Do đó, người đó nên áp dụng một kế hoạch nhất định nào đó để loại bỏ nó, và cách đơn giản nhất là vứt bỏ nó, rũ bỏ nó khỏi tay như người ta rũ nước. Mặc dù người đó không nhìn thấy nó, nhưng vật chất mà người đó đã rút ra là vật chất, và có thể được xử lý bằng các phương tiện vật chất. Do đó, người đó không nên bỏ qua những biện pháp phòng ngừa này, và không nên quên [163] rửa tay cẩn thận sau khi chữa khỏi chứng đau đầu hoặc bất kỳ bệnh nào thuộc loại đó. Sau đó, sau khi đã loại bỏ nguyên nhân của bệnh, người đó tiếp tục đổ từ tính tốt, mạnh, khỏe mạnh vào để thay thế và bảo vệ bệnh nhân khỏi bệnh tái phát. Người ta có thể thấy rằng trong trường hợp bất kỳ bệnh thần kinh nào, phương pháp này sẽ có nhiều lợi thế. Trong hầu hết các trường hợp như vậy, sai lầm là sự bất thường của các chất lỏng chảy dọc theo các dây thần kinh; hoặc chúng bị sung huyết, hoặc chúng chảy chậm chạp, hoặc mặt khác, chúng có thể quá nhanh; chúng có thể bị thiếu về số lượng hoặc kém về chất lượng. Bây

deficient in quantity, or poor in quality. Now if we administer drugs of any sort, at the best we can only act upon the physical nerve, and through it to some limited extent upon the fluids surrounding it; whereas mesmerism acts directly upon the fluids themselves, and so goes straight to the root of the evil.

giờ nếu chúng ta sử dụng bất kỳ loại thuốc nào, thì tốt nhất chúng ta chỉ có thể tác động lên dây thần kinh vật lý, và thông qua nó ở một mức độ hạn chế nào đó đối với các chất lỏng xung quanh nó; trong khi thôi miên tác động trực tiếp lên chính các chất lỏng, và do đó đi thẳng vào gốc rễ của bệnh.

Magnetic Sympathy— Lòng trắc ẩn từ tính

In those other cases where trance is produced, or where the rigidity of certain muscles is one of the results, the will of the operator is also concerned, and force of some sort is always poured in. But the will is somewhat differently directed; instead of thinking of curing, or of withdrawing evil magnetism, the mesmerizer is thinking of dominating the will of the subject, or of replacing the man's nerve-aura either partially or entirely by his own. When this latter is the case, the subject's nerves no longer report to his brain, but a close sympathy is created between the two persons concerned. This may be made to work in two ways—so that the operator feels instead of the subject, or that the subject feels everything that touches the operator. I have seen instances in which, while the subject was entranced, the operator stood with [164] his hands behind him a few yards away; and if some third person pricked the hand of the operator (hidden behind his back, so that the sensitive could by no possibility see it in the ordinary way) the subject would immediately rub the corresponding hand, as though she had felt the prick instead of the mesmerizer. Presumably his nerve-ether was in connection with her brain instead of her own, and when she received from this aura the feeling that she would have otherwise associated with a prick in her hand, she supposed it to come from its usual source, and acted accordingly.

Trong những trường hợp khác khi xuất thần được tạo ra, hoặc khi sự cứng nhắc của một số cơ nhất định là một trong những kết quả, thì ý chí của người vận hành cũng có liên quan, và một số loại mãnh lực luôn được truyền vào. Nhưng ý chí được định hướng hơi khác một chút; thay vì nghĩ đến việc chữa bệnh, hoặc rút ra từ tính xấu, nhà thôi miên đang nghĩ đến việc chi phối ý chí của đối tượng, hoặc thay thế một phần hoặc toàn bộ hào quang thần kinh của người đó bằng hào quang của chính mình. Khi điều này xảy ra, các dây thần kinh của đối tượng không còn báo cáo lên não của người đó nữa, mà một sự đồng cảm chặt chẽ được tạo ra giữa hai người có liên quan. Điều này có thể được thực hiện theo hai cách—để người vận hành cảm nhận thay cho đối tượng, hoặc để đối tượng cảm nhận mọi thứ chạm vào người vận hành. Tôi đã thấy những trường hợp mà trong khi đối tượng đang xuất thần, người vận hành đứng với [164] hai tay ra sau lưng cách đó vài thước; và nếu người thứ ba châm vào tay người vận hành (giấu sau lưng, để người nhạy cảm không thể nhìn thấy nó theo cách thông thường) thì đối tượng sẽ ngay lập tức xoa tay tương ứng, như thể người đó đã cảm nhận được vết châm thay cho nhà thôi miên. Có lẽ dĩ thái thần kinh của người đó có liên hệ với não của người đó thay vì não của chính người đó, và khi người đó nhận được từ hào quang này cảm giác mà người đó sẽ liên tưởng đến một vết châm ở tay, người đó cho rằng nó đến từ nguồn thông thường của nó, và hành động tương ứng.

This is after all only a phenomenon of precisely the same nature as that which we observe when a man has had his arm removed by an operation; sometimes something will cause irritation to one of the nerves which were originally connected with the fingers, and his brain will refer this sensation to its accustomed cause, and the man will assert that he feels pain in the amputated limb. Another analogous experiment is made in optical study; it is possible to produce a slight electrical discharge inside a person's head, thus affecting the optic nerve at an intermediate point, instead of through the retina of the eye. When this is done, the brain registers the flash as though it had come through the ordinary channel, and it seems to the man that he has seen a flash external to himself. The brain instinctively refers the impression which it receives to the source from which such impressions have always hitherto come. It is as though we should tap a telegraph wire at an intermediate point, and send a message thence; the operator at each end would suppose that the message came from the operator at the other; it would not occur to them that the signals which had always hitherto come from the other station were now caused at an intermediate point. [165]

Rốt cuộc, đây chỉ là một hiện tượng có bản chất hoàn toàn giống với hiện tượng mà chúng ta quan sát thấy khi một người bị cắt bỏ cánh tay bằng phẫu thuật; đôi khi có điều gì đó sẽ gây kích ứng cho một trong những dây thần kinh ban đầu được kết nối với các ngón tay, và não của người đó sẽ liên hệ cảm giác này với nguyên nhân quen thuộc của nó, và người đó sẽ khẳng định rằng người đó cảm thấy đau ở chi bị cắt cụt. Một thí nghiệm tương tự khác được thực hiện trong nghiên cứu quang học; có thể tạo ra một dòng điện phóng nhẹ bên trong đầu của một người, do đó ảnh hưởng đến dây thần kinh thị giác tại một điểm trung gian, thay vì qua võng mạc của mắt. Khi điều này được thực hiện, não sẽ ghi nhận ánh sáng lóe lên như thể nó đến từ kênh thông thường, và người đó có vẻ như đã nhìn thấy một ánh sáng lóe lên bên ngoài mình. Não theo bản năng liên hệ ấn tượng mà nó nhận được với nguồn mà từ đó những ấn tượng như vậy luôn đến. Giống như chúng ta nên chạm vào một sợi dây điện báo tại một điểm trung gian và gửi một tin nhắn từ đó; người vận hành ở mỗi đầu sẽ cho rằng tin nhắn đến từ người vận hành ở đầu kia; họ sẽ không nghĩ rằng các tín hiệu mà từ trước đến nay luôn đến từ trạm kia giờ đây lại được tạo ra tại một điểm trung gian. [165]

We know begin to glimpse the method in which mesmeric phenomena are produced. This nerve-aura or nerve-ether is the intermediary on the one hand between will and physical action, and on the other between the impressions received upon the physical plane and the mind which accepts and analyzes them. So when the mesmerist substitutes his own nerve-aura for that of the subject he can control both the actions and sensations of his patient. The nerves which normally bear messages from the man's own brain now bring them from a different brain; but the muscles, receiving their message through the accustomed channel, obey it unhesitatingly, and so the man can be made to do all kinds of foolish and incongruous actions. On the other hand, since the reception and translation of all impressions from without depends upon this nerve-aura, when it is under foreign control any illusion may be conveyed to the undeveloped and therefore undiscerning ego.

Giờ đây, chúng ta bắt đầu thoáng thấy phương thức tạo ra các hiện tượng thôi miên. Hào quang thần kinh hay dĩ thái thần kinh này, một mặt là trung gian giữa ý chí và hành động thể chất, mặt khác là trung gian giữa các ấn tượng nhận được trên cõi trần và thể trí tiếp nhận và phân tích chúng. Vì vậy, khi nhà thôi miên thay thế hào quang thần kinh của chính mình cho hào quang thần kinh của đối tượng, người đó có thể kiểm soát cả hành động và cảm giác của bệnh nhân. Các dây thần kinh thường mang thông điệp từ não của chính người đó giờ đây lại mang chúng từ một bộ não khác; nhưng các cơ, nhận được thông điệp của chúng thông qua kênh quen thuộc, tuân theo một cách không do dự, và do đó, người đó có thể bị buộc phải thực hiện tất cả các loại hành động ngu ngốc và phi lý. Mặt khác, vì việc tiếp nhận và chuyển đổi tất cả các ấn tượng từ bên ngoài phụ thuộc vào hào quang thần kinh này, nên khi nó bị kiểm soát bởi ngoại lực, bất kỳ ảo tưởng nào cũng có thể được truyền đến Chân ngã chưa phát triển và do đó không có khả năng phân biệt.

I remember seeing a good instance of that in Burma. Our president-founder, Colonel H.S. Olcott, is a good mesmerist, and I have seen him try many interesting experiments. I recollect that in one case he threw into the mesmeric condition a native servant who could not speak English. The man seemed as usual, and was not in any obvious kind of trance, yet as to impressions he was absolutely under the control of the Colonel's will. Our president asked (in English) what illusion should be produced, and some one suggested that a line of fire should be seen in a certain part of the room. The Colonel made one strong pass in the direction indicated, thereby creating a vigorous thought-form; and then the servant was called up and told to walk around the room. He [166] moved quite

Tôi nhớ đã từng thấy một ví dụ điển hình về điều đó ở Miến Điện. Vị chủ tịch sáng lập của chúng tôi, Đại tá H.S. Olcott, là một nhà thôi miên giỏi, và tôi đã thấy Ông ấy thử nhiều thí nghiệm thú vị. Tôi nhớ rằng trong một trường hợp, Ông ấy đã đưa một người hầu bản xứ không biết nói tiếng Anh vào trạng thái thôi miên. Người đàn Ông này có vẻ như bình thường và không ở trong bất kỳ trạng thái xuất thần rõ ràng nào, nhưng về ấn tượng, anh ta hoàn toàn chịu sự kiểm soát của ý chí của Đại tá. Vị chủ tịch của chúng tôi hỏi (bằng tiếng Anh) nên tạo ra ảo tưởng gì, và ai đó đề nghị rằng nên nhìn thấy một vệt lửa ở một vị trí nhất định trong phòng. Đại tá thực hiện một động tác vuốt mạnh theo hướng đã chỉ định, do đó tạo ra một tư tưởng hình mạnh mẽ; và sau đó người hầu được gọi đến và bảo đi vòng

naturally until he reached the imaginary line, when he manifested symptoms of great surprise and terror, and cried out that there was a fire in the way, and that he could not pass. In another case the Colonel drew an imaginary line on the ground and willed that the servant should be unable to pass over it – the man of course was not present. The servant was then called by his master, and came briskly as usual; but when he reached the imaginary line he stumbled and almost fell, and as he recovered himself he declared that he must be bewitched, since something held his feet, so that he could not move. And though he made several efforts, he was evidently unable to cross that imaginary line, though he was much puzzled and frightened to find himself in such an incomprehensible dilemma.

quanh phòng. Anh ta [166] di chuyển khá tự nhiên cho đến khi đến vạch tưởng tượng, khi đó anh ta biểu hiện các triệu chứng ngạc nhiên và sợ hãi tột độ, và kêu lên rằng có lửa chắn đường, và anh ta không thể đi qua. Trong một trường hợp khác, Đại tá vẽ một đường tưởng tượng trên mặt đất và muốn rằng người hầu không thể bước qua nó—tất nhiên là người đàn Ông này không có mặt. Sau đó, người hầu được chủ gọi, và đến nhanh nhẹn như thường lệ; nhưng khi đến vạch tưởng tượng, anh ta vấp ngã và suýt ngã, và khi đứng dậy, anh ta tuyên bố rằng anh ta chắc hẳn đã bị bỏ bùa, vì có thứ gì đó giữ chân anh ta, khiến anh ta không thể di chuyển. Và mặc dù đã cố gắng nhiều lần, anh ta rõ ràng không thể vượt qua vạch tưởng tượng đó, mặc dù anh ta rất bối rối và sợ hãi khi thấy mình rơi vào tình thế khó hiểu như vậy.

I have seen many such instances as that, and I think they at once show us how dangerous this power might become in the hands of an unscrupulous man. This servant appeared normal, and no one could have supposed him to be in any unusual condition, yet he was entirely under delusion; therefore he could easily have been led into foolish or even criminal action under the influence of some other imposed delusion. Experiments have shown that in such cases action may be delayed – that a person may be impressed to do a certain thing, say at three o'clock tomorrow, and then awakened from the mesmeric influence. But at three o'clock tomorrow a sudden uncontrollable impulse will come over him to do that thing, and in the vast majority of cases he will at once proceed to do it. Uncontrollable is perhaps too strong a word, for no impulse is really that; but this thought which will arise within the man is in no way distinguishable from a thought or impulse of his own, and most men do not greatly reason about their impulses,

Tôi đã thấy nhiều trường hợp như vậy, và tôi nghĩ chúng ngay lập tức cho chúng ta thấy sức mạnh này có thể trở nên nguy hiểm như thế nào trong tay kẻ vô đạo đức. Người hầu này trông có vẻ bình thường, và không ai có thể cho rằng anh ta đang ở trong tình trạng bất thường nào, nhưng anh ta hoàn toàn bị ảo tưởng; do đó, anh ta có thể dễ dàng bị dẫn dắt vào hành động ngu ngốc hoặc thậm chí là phạm tội dưới ảnh hưởng của một số ảo tưởng áp đặt khác. Các thí nghiệm đã chỉ ra rằng trong những trường hợp như vậy, hành động có thể bị trì hoãn—rằng một người có thể bị ấn tượng để làm một việc nhất định, chẳng hạn như vào ba giờ chiều mai, và sau đó được đánh thức khỏi ảnh hưởng của thôi miên. Nhưng vào ba giờ chiều mai, một sự thôi thúc đột ngột không thể kiểm soát sẽ đến với người đó để làm việc đó, và trong đại đa số trường hợp, người đó sẽ ngay lập tức tiến hành làm việc đó. Không thể kiểm soát có lẽ là một từ quá mạnh, vì không có sự thôi thúc nào thực sự như vậy; nhưng suy nghĩ này sẽ phát sinh trong người đó không khác gì suy nghĩ hoặc sự thôi thúc của chính người đó, và hầu hết mọi

or [167] make much effort to weigh and govern them. If the act ordered were an immoral one, a good and pure subject would be much horrified, and a struggle would arise, which might end in submission to the impulse or victory over it. I am sorry to say that some unscrupulous experiments of that sort have been tried in Paris – experiments which I should consider immoral and unjustifiable. Their results have shown that there are cases in which innate virtue is strong enough to triumph over even the most determined attempt to compel it to violate its conscience; but in the majority of instances the temptation prevailed. You see therefore how necessary it is that every mesmerist should be good and pure-hearted, as he might readily be tempted to misuse so terrible a power.

người không lý luận nhiều về sự thôi thúc của họ, hoặc [167] cố gắng cân nhắc và điều chỉnh chúng. Nếu hành động được yêu cầu là vô đạo đức, một đối tượng tốt và thuần khiết sẽ rất kinh hoàng, và một cuộc đấu tranh sẽ nảy sinh, có thể kết thúc bằng việc khuất phục trước sự thôi thúc hoặc chiến thắng nó. Tôi rất tiếc phải nói rằng một số thí nghiệm vô đạo đức kiểu đó đã được thử nghiệm ở Paris—những thí nghiệm mà tôi cho là vô đạo đức và không thể bào chữa. Kết quả của chúng đã chỉ ra rằng có những trường hợp mà đức hạnh bẩm sinh đủ mạnh để chiến thắng ngay cả những nỗ lực kiên quyết nhất nhằm buộc nó vi phạm lương tâm của mình; nhưng trong phần lớn các trường hợp, sự cám dỗ đã thắng thế. Do đó, bạn thấy việc mỗi nhà thôi miên phải tốt bụng và thuần khiết trong trái tim là điều cần thiết như thế nào, vì người đó có thể dễ dàng bị cám dỗ lạm dụng sức mạnh khủng khiếp như vậy.

A Word of Caution— Lời cảnh báo

For this reason among others it is not well to dabble in mesmerism or to play with it. All psychic forces are distinctly edged tools for the inexperienced person, and all who take up the investigation of any of them will do well to prepare themselves by an exhaustive study of the results attained by their predecessors, for it is only when armed with knowledge and shielded by purity of intention and selflessness that the neophyte can be certain of safety. All these things – mesmerism, spiritualism, telepathy, et id genus omne should be taken up seriously and scientifically if they are taken up at all. As. Mr. Stead remarks with regard to similar studies: "If you cannot or will not examine the subject seriously, you had a thousand times better leave it alone. It is unwise for a boy to go fooling round a buzz-saw. Anybody with a smattering of chemistry can manufacture dynamite, but the promiscuous

Vì lý do này, trong số những lý do khác, việc học đòi thôi miên hay đùa giỡn với nó là không tốt. Tất cả các lực thông linh rõ ràng là những công cụ sắc bén đối với người thiếu kinh nghiệm, và tất cả những ai bắt đầu nghiên cứu bất kỳ lực nào trong số chúng nên chuẩn bị cho mình bằng cách nghiên cứu kỹ lưỡng các kết quả mà những người đi trước đã đạt được, vì chỉ khi được trang bị kiến thức và được bảo vệ bởi sự thuần khiết của ý định và lòng vị tha, người mới học mới có thể chắc chắn về sự an toàn. Tất cả những điều này—thôi miên, thuyết duy linh, thần giao cách cảm, và những thứ tương tự—nên được thực hiện một cách nghiêm túc và khoa học nếu chúng được thực hiện. Như Ông Stead nhận xét về các nghiên cứu tương tự: "Nếu bạn không thể hoặc không muốn xem xét vấn đề một cách nghiêm túc, thì tốt hơn hết là bạn nên bỏ qua nó. Thật không khôn ngoan khi một cậu bé đi nghịch ngợm xung quanh một cái cưa vòng. Bất kỳ ai có kiến thức sơ đẳng về

experimenting with high explosives is more likely to result in explosion than profit. And if [168] you feel disposed to go in 'for the fun of the thing,' every serious investigator has only one word to say, and that is – don't!"

hóa học đều có thể chế tạo thuốc nổ, nhưng việc thử nghiệm bừa bãi với các chất nổ mạnh rất có thể dẫn đến nổ hơn là lợi nhuận. Và nếu [168] bạn cảm thấy muốn tham gia 'vì niềm vui của sự việc', thì mọi nhà nghiên cứu nghiêm túc chỉ có một điều để nói, và đó là—đừng!"

There is no need, however, for the peaceable member of the general public to go about in fear of having gruesome and uncanny currents of mesmeric influence poured upon him from unexpected directions. It is quite easy for any ordinary person to resist any effort on the part of another to act upon him in this way, and in all the terrible cases of which we hear, where some weak-willed victim is used as a tool in the hands of an unscrupulous villain, we may be sure that there has been a long series of previous experiments, to which the victim willingly lent himself, before that baneful control was so firmly established. It is only in novels that one glance from the eye of the bold, bad man reduces the unfortunate heroine to abject submission. In real life those who are unselfish and determined need have no fear.

Tuy nhiên, các thành viên ôn hòa của công chúng không cần phải lo sợ về việc bị ảnh hưởng bởi các luồng thôi miên khủng khiếp và kỳ lạ từ những hướng bất ngờ. Bất kỳ người bình thường nào cũng có thể dễ dàng chống lại bất kỳ nỗ lực nào của người khác nhằm tác động lên mình theo cách này, và trong tất cả các trường hợp khủng khiếp mà chúng ta nghe nói, khi một nạn nhân có ý chí yếu đuối bị kẻ ác vô đạo đức sử dụng như một công cụ, chúng ta có thể chắc chắn rằng đã có một loạt các thí nghiệm trước đó, mà nạn nhân sẵn sàng tham gia, trước khi sự kiểm soát tai hại đó được thiết lập vững chắc như vậy. Chỉ trong tiểu thuyết, một cái liếc mắt từ người đàn Ông táo bạo, xấu xa mới khiến nữ anh hùng bất hạnh phải phục tùng một cách thảm hại. Trong cuộc sống thực, những người vị tha và kiên định không cần phải sợ hãi.

In close connection with mesmerism is the study of the various types of clairvoyance which may be developed under its influence; but I have devoted several lectures recently to clairvoyance, so I am purposely omitting special reference to that subject now. The connection is simply that before the higher faculties can be employed the lower must be controlled, and as many persons have not yet learnt to do this for themselves, it is only when some external repression is applied that their inner senses have any opportunity of action. But in all cases it is better for the man to manage his own affairs, and wait for psychic powers until he can obtain them naturally in the course of his evolution, without needing the application of force

Liên quan chặt chẽ đến thôi miên là nghiên cứu về các loại khả năng thấu thị khác nhau có thể được phát triển dưới ảnh hưởng của nó; nhưng gần đây tôi đã dành một số bài giảng để nói về khả năng thấu thị, vì vậy tôi cố tình không đề cập cụ thể đến chủ đề đó bây giờ. Mối liên hệ đơn giản là trước khi các năng lực cao hơn có thể được sử dụng, các năng lực thấp hơn phải được kiểm soát, và vì nhiều người vẫn chưa học cách tự làm điều này cho bản thân, nên chỉ khi một số sự kìm nén bên ngoài được áp dụng thì các giác quan bên trong của họ mới có cơ hội hoạt động. Nhưng trong mọi trường hợp, tốt hơn là con người nên tự quản lý công việc của mình và chờ đợi các năng lực thông linh cho đến khi người đó có thể đạt được chúng một cách tự nhiên trong quá trình tiến hóa của

from without to aid him in conquering his own lower nature. Steady natural development is always the safest and best; and the character is in all [169] cases the first point to which training should be applied. Let him educate his heart, that it shall be pure and true; and his intellect, that he may be balanced by common-sense and reason; so shall he be ready for psychic faculty and mesmeric power when they come to him, and as of old, it still remains true "Seek ye first the kingdom of God and His righteousness, and all these things shall be added unto you." [171]

mình, mà không cần sự hỗ trợ của ngoại lực để giúp người đó chinh phục bản chất thấp kém của chính mình. Sự phát triển tự nhiên ổn định luôn là an toàn nhất và tốt nhất; và trong mọi trường hợp [169], tính cách là điểm đầu tiên cần được rèn luyện. Hãy để người đó giáo dục trái tim mình, để nó được thuần khiết và chân thật; và trí tuệ của người đó, để người đó có thể được cân bằng bởi lương tri và lý trí; như vậy, người đó sẽ sẵn sàng cho năng lực thông linh và sức mạnh thôi miên khi chúng đến với người đó, và như xưa, điều đó vẫn đúng "Trước hết, hãy tìm kiếm vương quốc của Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, rồi tất cả những điều này sẽ được ban thêm cho bạn." [171]

CHAPTER VII - TELEPATHY AND MIND-CURE

Let us commence by defining the meaning of our terms. The term telepathy is derived from two Greek words, and its literal meaning is “feeling at a distance,” but it is now generally used almost synonymously with thought-transference, and may be taken to cover any transfer of an image, a thought or a sensation from one person to another by non-physical means—means unknown to ordinary science. The word “mind-cure” bears its meaning on its face—unless indeed one reverses the arrangement of the words; it does not mean a cure for a mind diseased, but the curing of physical ills by the use of the mind, or at least by distinctly non-physical means. So we see that both these subjects are closely connected with the influence and power of thought, and a comprehension of them will therefore largely depend upon thoroughly understanding these latter questions. Let us spend a few minutes, then, in considering exactly how we think.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách định nghĩa ý nghĩa của các thuật ngữ của chúng ta. Thuật ngữ "telepathy" xuất phát từ hai từ Hy Lạp và nghĩa đen của nó là "cảm nhận từ xa," nhưng hiện nay nó thường được sử dụng gần như đồng nghĩa với việc truyền tư tưởng, và có thể hiểu là bất kỳ sự chuyển giao nào của một hình ảnh, một ý nghĩ hay một cảm giác từ một người sang người khác bằng các phương tiện phi vật lý—những phương tiện mà khoa học thông thường chưa biết đến. Từ "mind-cure" mang ý nghĩa rõ ràng—trừ khi người ta đảo ngược sắp xếp của các từ; nó không có nghĩa là chữa trị cho một tâm trí bị bệnh, mà là chữa các bệnh về thể xác bằng việc sử dụng trí óc, hoặc ít nhất là bằng các phương tiện rõ ràng phi vật lý. Vì vậy, chúng ta thấy rằng cả hai chủ đề này đều liên quan mật thiết đến ảnh hưởng và sức mạnh của tư tưởng, và do đó sự hiểu biết về chúng sẽ phụ thuộc phần lớn vào việc thấu hiểu hoàn toàn những vấn đề này. Hãy dành vài phút để xem xét chính xác cách chúng ta suy nghĩ.

To us thought seems an instantaneous process; we have a proverb “quick as thought,” Yet, rapid though it be, it is more complicated than we suppose. In that respect it resembles the process by which sensation reaches the brain from the different parts of the body. We commonly think of that also as almost instantaneous, but science assures us that it is not so in reality. When, for example, we grasp something which is too hot, we quickly drop it; yet in that moment of time two distinct transactions have taken place. The nerves of the hand [172] have, as it were, telegraphed to the brain the message, “This object is too hot,” and the brain has sent back the answer, “Then drop it,” and it is only in response to this order that the hand relaxes, and the object is released. The rate at which these messages

Đối với chúng ta, tư tưởng dường như là một quá trình tức thời; chúng ta có câu tục ngữ "nhanh như suy nghĩ". Tuy nhiên, mặc dù nó rất nhanh, nhưng nó phức tạp hơn chúng ta tưởng. Ở khía cạnh đó, nó giống với quá trình mà cảm giác được truyền đến não từ các phần khác nhau của cơ thể. Chúng ta thường nghĩ rằng điều đó cũng gần như tức thời, nhưng khoa học đảm bảo với chúng ta rằng thực tế không phải như vậy. Khi, chẳng hạn, chúng ta nắm lấy một vật gì đó quá nóng, chúng ta nhanh chóng thả nó ra; tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó đã xảy ra hai quá trình riêng biệt. Dây thần kinh ở tay [172] đã, như thể, truyền đi thông điệp tới não rằng "vật này quá nóng," và não đã gửi lại câu trả lời "Vậy thì thả nó ra," và chỉ khi nhận được lệnh này tay mới nới lỏng, và vật đó mới được thả ra. Tốc độ

travel has been measured by students of physics, so that the time occupied is appreciable by their instruments, though to us it seems indistinguishable.

mà các thông điệp này di chuyển đã được đo bởi các nhà vật lý học, vì vậy thời gian diễn ra có thể được nhận thấy bởi các dụng cụ của họ, mặc dù với chúng ta nó dường như không thể phân biệt được.

How We Think— Chúng ta suy nghĩ như thế nào

An analogous process takes place every time we think, though in this case it needs clairvoyant sight to watch what happens. To one who possesses the sight of the mental plane, thought is distinguishable in its formation as a vibration of the matter of the mental body of the thinker. Then it is observable that by that vibration another is set up—a vibration an octave lower, as it were, in the grosser matter of the thinker's astral body, and from that in turn the etheric particles of the man's brain are affected, and through them at last the denser grey matter is brought into action. All these successive steps must be taken before a thought can be translated into action on the physical plane; it may be said that the thought has to pass through two whole planes and part of another before it can come into effect down here. I must describe to you how this appears from the clairvoyant point of view, so that you may have a clear mental image before you.

Một quá trình tương tự diễn ra mỗi khi chúng ta suy nghĩ, mặc dù trong trường hợp này cần có thông nhãn để quan sát những gì xảy ra. Đối với người có khả năng nhìn thấy cõi trí, tư tưởng có thể phân biệt được trong quá trình hình thành như một rung động của vật chất thể trí của người suy nghĩ. Sau đó có thể quan sát thấy rằng rung động đó tạo ra một rung động khác—như thể là một bát độ thấp hơn, trong vật chất thô hơn của thể cảm dục của người suy nghĩ, và từ đó, các hạt dĩ thái trong não của con người bị ảnh hưởng, và cuối cùng thông qua chúng, vật chất xám đậm đặc hơn được kích hoạt. Tất cả những bước kế tiếp này phải được thực hiện trước khi một tư tưởng có thể được chuyển thành hành động trên cõi trần; có thể nói rằng tư tưởng phải đi qua hai cõi hoàn toàn và một phần của một cõi khác trước khi nó có thể tác động xuống đây. Tôi phải mô tả cho các bạn cách điều này xuất hiện từ quan điểm thông nhãn, để các bạn có thể có một hình ảnh tư tưởng rõ ràng trước mắt.

Every cell in the physical brain—every particle of its matter even—has its corresponding and interpenetrating astral matter; and behind (or rather within) that, it has also the still finer mental matter. The brain is a cubical mass, but for the purposes of our examination let us suppose that it could be spread out upon a surface so that [173] it should be only one particle thick. Let us further suppose that the astral and mental

Mỗi tế bào trong não vật lý—thậm chí là mỗi hạt vật chất của nó—đều có tương ứng với một vật chất cảm dục đan xen vào nó; và phía sau (hoặc chính xác hơn là bên trong) vật chất đó, nó còn có vật chất thể trí tinh tế hơn. Não là một khối lập phương, nhưng để tiện cho việc khảo sát, hãy giả định rằng nó có thể được trải ra trên một bề mặt sao cho [173] nó chỉ dày một hạt vật chất. Hãy giả định thêm rằng vật chất cảm dục và vật chất thể trí tương ứng với

matter corresponding to it could also be laid out in layers in a similar manner, the astral layer a little above the physical, and the mental a little above the astral in turn. Then we should have three layers of matter of different degrees of density all corresponding one to the other, but not joined together in any way, except that here and there wires of communication existed between the physical and astral particles, and were continued up into the mental matter. That would fairly represent the condition of affairs existing in the brain of the average man. In the adept, the perfected man, every particle has its own wire, and there is full communication in every part of the brain alike; but the ordinary man has at present only very few of these channels of communication opened. Now we know that the brain is mapped out into certain areas, each corresponding to a certain set of qualities. In the perfect man all these qualities are fully developed, for the wires belonging to all of them are active; but in the ordinary man the great majority of the wires are as yet inactive, or hardly formed at all, and so the qualities corresponding to them are dormant in his brain.

nó cũng có thể được trải ra thành các lớp theo cách tương tự, với lớp cảm dục nằm trên lớp vật lý một chút, và lớp thể trí nằm trên lớp cảm dục một chút nữa. Khi đó chúng ta sẽ có ba lớp vật chất với các độ dày khác nhau, tất cả tương ứng với nhau, nhưng không kết nối với nhau theo bất kỳ cách nào, ngoại trừ ở một số nơi có các dây liên lạc tồn tại giữa các hạt vật lý và cảm dục, và tiếp tục đi lên vào vật chất thể trí. Điều đó phản ánh khá chính xác tình trạng tồn tại trong não của người bình thường. Trong người tinh luyện, tức là người hoàn hảo, mỗi hạt đều có dây liên lạc của riêng nó, và có sự giao tiếp đầy đủ trong mọi phần của não; nhưng người bình thường hiện tại chỉ có rất ít các kênh liên lạc này được mở ra. Giờ chúng ta biết rằng não được chia thành các khu vực nhất định, mỗi khu vực tương ứng với một tập hợp phẩm chất nhất định. Ở người hoàn thiện, tất cả các phẩm chất này đều được phát triển đầy đủ, vì các dây liên lạc của chúng đều hoạt động; nhưng ở người bình thường, phần lớn các dây liên lạc vẫn còn chưa hoạt động, hoặc hầu như chưa được hình thành, và do đó các phẩm chất tương ứng với chúng vẫn còn ngủ yên trong não của anh ta.

We may image these wires as tubes, through which the true man within has to send down his thoughts to his physical brain. In the developed man, each thought has its own appropriate channel, through which it can descend directly to the correspondingly appropriate matter in the physical brain; but in the average man many of those channels are not yet open, and so the thought which ought to flow through them must go a long way out of its way, as it were—must find its expression through other and inappropriate channels, going laterally through the brain of mental matter until it can find a way [174] down, passing eventually through a tube not at all suited to it, and then, when it does reach

Chúng ta có thể hình dung những dây liên lạc này như các ống dẫn, qua đó con người thực sự bên trong phải gửi xuống các tư tưởng của mình đến não vật lý. Ở người phát triển, mỗi tư tưởng có kênh thích hợp riêng của nó, qua đó nó có thể đi thẳng xuống vật chất tương ứng trong não vật lý; nhưng ở người trung bình, nhiều kênh chưa mở ra, do đó tư tưởng lẽ ra phải đi qua chúng lại phải đi vòng xa, như thể—phải tìm cách biểu hiện qua các kênh khác không phù hợp, di chuyển ngang qua não của vật chất thể trí cho đến khi nó có thể tìm thấy một lối [174] đi xuống, cuối cùng đi qua một ống không hề phù hợp với nó, và rồi khi nó đến được mức độ vật lý, lại phải di chuyển ngang nữa trong vật lý trước khi gặp các hạt

the physical level, having to move laterally again in the physical before it encounters the physical particles which are capable of expressing it. We see at once how awkward and clumsy such a roundabout expression is likely to be, and we thus understand why it is that some people have no comprehension of mathematics, or no taste for music or art, as the case may be. The reason is that in the part of the brain devoted to that particular quality the communications have not yet been opened up, so that all thought connected with that subject has to go round through unsuitable channels; the brain is not yet in full working order, and therefore the thought cannot work freely in all directions. The physical brain is a solid mass, and the astral and mental brains interpenetrate it, so that the layers and tubes do not really exist; but nevertheless the symbol is an accurate one as describing the want of communication between the mental, astral and physical particles.

vật lý có khả năng biểu hiện nó. Chúng ta ngay lập tức thấy rằng cách biểu hiện vòng vo như vậy rất cồng kềnh và vụng về, và do đó chúng ta hiểu tại sao một số người lại không hiểu về toán học, hoặc không có hứng thú với âm nhạc hay nghệ thuật, tùy từng trường hợp. Nguyên nhân là bởi trong phần não dành cho phẩm chất cụ thể đó, các kênh liên lạc chưa được mở ra, do đó tất cả những tư tưởng liên quan đến chủ đề đó phải đi vòng qua các kênh không phù hợp; não chưa hoạt động đầy đủ, và do đó tư tưởng không thể vận hành tự do theo mọi hướng. Não vật lý là một khối đặc, và não cảm dục và thể trí đan xen nó, nên các lớp và ống thực sự không tồn tại; nhưng dù vậy, biểu tượng này chính xác khi mô tả sự thiếu giao tiếp giữa các hạt thể trí, cảm dục và vật lý.

Picture to yourself what happens when we interchange ideas down here upon the physical plane. I formulate a thought, but before it can reach you it must pass from my mind through the astral matter of my brain down to the physical, and be translated into speech or writing. Then it appeals to you either through the waves of air which strike upon the tympanum of your ear, or through the light reflected to your eyes from the printed page; the idea enters the physical brain, but even then it has to pass up through the astral to the mental before it reaches the true man within, thus reversing the process which took place in my brain when I sent out that thought. Once more you see that this is a laborious method—that the message has to go a long way round; [175] and it will inevitably occur to you to ask whether this circuitous route is really necessary—whether it is not

Hãy tưởng tượng điều gì xảy ra khi chúng ta trao đổi ý tưởng trên cõi trần này. Tôi hình thành một tư tưởng, nhưng trước khi nó có thể đến với bạn, nó phải đi từ tâm trí của tôi thông qua vật chất cảm dục của não xuống vật lý, và được chuyển thành lời nói hoặc chữ viết. Sau đó, nó đến với bạn hoặc thông qua sóng âm chạm vào màng nhĩ của bạn, hoặc qua ánh sáng phản chiếu đến mắt bạn từ trang in; ý tưởng đi vào não vật lý, nhưng ngay cả khi đó, nó phải đi lên thông qua cảm dục đến thể trí trước khi nó đến với con người thực sự bên trong, đảo ngược quá trình diễn ra trong não của tôi khi tôi gửi ra tư tưởng đó. Một lần nữa, các bạn thấy rằng đây là một phương pháp nặng nề—thông điệp phải đi một vòng rất dài; [175] và nó sẽ khiến các bạn không thể không tự hỏi liệu vòng vo này có thực sự cần thiết hay không—liệu có thể đi tắt được hay không, có thể chạm vào dây điện báo tại một điểm trung

possible to take a short cut, to tap the telegraph wire at some intermediate point. Since the starting point and the terminus are alike on the mental plane, since both on the way up and on the way down the message must pass through the astral and the etheric levels, is there no communication possible at any of these points, without lengthening the process by descent to the physical?

gian nào đó hay không. Vì điểm khởi đầu và điểm kết thúc đều ở trên cõi trí, và vì cả trên đường đi lên và trên đường đi xuống, thông điệp phải đi qua các cõi cảm dục và dĩ thái, liệu không có cách nào giao tiếp tại bất kỳ điểm nào trong số đó mà không phải kéo dài quá trình bằng cách đi xuống cõi trần hay sao?

Three Types of Telepathy— Ba loại viễn cảm

There is such a possibility; indeed, there are three such possibilities; and this is precisely what is meant by telepathy. We may under favourable circumstances open up a direct communication between two mental bodies, between two astral bodies, or between two etheric brains; and this gives us three varieties of telepathy. Let us begin with the lowest.

Có một khả năng như vậy; thực tế, có ba khả năng như vậy, và đây chính xác là ý nghĩa của thuật ngữ "viễn cảm". Chúng ta có thể, trong những hoàn cảnh thuận lợi, mở ra một kênh giao tiếp trực tiếp giữa hai thể trí, giữa hai thể cảm dục, hoặc giữa hai não dĩ thái; và điều này mang lại ba loại viễn cảm. Hãy bắt đầu với mức thấp nhất.

If I think strongly of any simple concrete form in my physical brain, I make that form in etheric matter, so that it can be seen by a clairvoyant; but in the effort of making that image I send out etheric waves all around me, like the waves which radiate from the spot where a stone falls into a pond. When these waves strike upon another etheric brain, they tend to reproduce in it the same image. It is not the image itself which is sent out, but a set of vibrations which will reproduce the image. It is not like a speaking-tube, through which the voice itself passes, and could be heard as a voice at any point of its journey. It rather resembles a telephone, in which it is not the voice itself which is conveyed, but a number of electrical vibrations set up by the voice, which when they enter the receiver are transmuted into the sounds of that voice once more. If you cut the telephone wire and

Nếu tôi suy nghĩ mạnh mẽ về bất kỳ hình thức cụ thể đơn giản nào trong não vật lý của mình, tôi tạo ra hình thức đó trong vật chất dĩ thái, sao cho nó có thể được một người có thông nhãn nhìn thấy; nhưng trong nỗ lực tạo ra hình ảnh đó, tôi phát ra các sóng dĩ thái xung quanh mình, giống như những gợn sóng tỏa ra từ điểm mà một viên đá rơi xuống ao. Khi những sóng này chạm vào một bộ não dĩ thái khác, chúng có xu hướng tái tạo cùng một hình ảnh. Không phải hình ảnh tự nó được phát ra, mà là một tập hợp rung động sẽ tái tạo lại hình ảnh. Nó không giống như một ống dẫn âm thanh, qua đó giọng nói tự nó truyền đi và có thể nghe được như một giọng nói ở bất kỳ điểm nào trên hành trình của nó. Nó giống như một điện thoại hơn, trong đó không phải giọng nói tự truyền đi, mà là một số rung động điện được tạo ra bởi giọng nói, và khi chúng đi vào ống nghe thì được chuyển đổi thành âm

listened [176] at the end of it without a receiver, you will hear nothing, for the vibrations are not the sound, but under proper conditions they will reproduce the sound.

thanh của giọng nói đó một lần nữa. Nếu bạn cắt dây điện thoại và lắng nghe [176] ở đầu dây mà không có ống nghe, bạn sẽ không nghe thấy gì, vì các rung động không phải là âm thanh, nhưng trong điều kiện thích hợp chúng sẽ tái tạo âm thanh.

In exactly this way a simple form may readily be transferred from one brain to another. It is an experiment that may easily be tried, if any two people are sufficiently interested to take a little trouble with it. One of them would have to think strongly of some simple geometrical form, such as a cross, for example, or a triangle, while the other would have to sit quietly, and note what ideas formed themselves in his mind. In a number of cases such an effort would be successful the second or third time it was tried, though of course some people are more sensitive than others, and some people can form clearer images than others. In this case we have come down to the etheric state of matter, so that we are only one remove from the ordinary method of speech or writing; in fact, what we have done is very like Marconi's wireless telegraphy. Let us see whether the same thing can be effected a stage earlier, at the astral level.

Chính xác theo cách này, một hình thức đơn giản có thể dễ dàng được chuyển từ bộ não này sang bộ não khác. Đây là một thí nghiệm có thể dễ dàng được thử nghiệm, nếu hai người có đủ hứng thú để dành chút nỗ lực cho nó. Một trong số họ sẽ phải suy nghĩ mạnh mẽ về một hình dạng hình học đơn giản, chẳng hạn như một thập giá, hoặc một tam giác, trong khi người kia ngồi yên lặng và ghi nhận những ý tưởng hình thành trong tâm trí mình. Trong nhiều trường hợp, nỗ lực như vậy sẽ thành công vào lần thứ hai hoặc thứ ba, mặc dù tất nhiên một số người nhạy cảm hơn những người khác, và một số người có thể hình thành hình ảnh rõ ràng hơn những người khác. Trong trường hợp này, chúng ta đã hạ xuống đến trạng thái dĩ thái của vật chất, chỉ cách phương pháp nói hoặc viết thông thường một bước; thực tế, những gì chúng ta đã làm rất giống với điện báo không dây của Marconi. Hãy xem liệu điều tương tự có thể được thực hiện ở một giai đoạn sớm hơn, tại mức cảm dục hay không.

Not only can it be done, but it is constantly being done all round us, though we do not notice it. The astral body is the vehicle of emotion and passion, as we have seen in previous lectures, so that what is conveyed from one person to another at this level will be an impression of a passional or emotional nature. Notice it for yourselves in family life. When one person is in a condition of deep depression, it will be found that others round him are liable to be affected in the same way. If one person is especially irritable, it will soon be observed that others in turn become less

Không những có thể làm được, mà thực tế nó đang diễn ra xung quanh chúng ta liên tục, mặc dù chúng ta không nhận ra. Thể cảm dục là phương tiện của cảm xúc và đam mê, như chúng ta đã thấy trong các bài giảng trước, do đó những gì được truyền từ người này sang người khác ở mức này sẽ là một ấn tượng có tính cảm xúc hay đam mê. Hãy tự mình nhận thấy điều này trong cuộc sống gia đình. Khi một người ở trong trạng thái trầm cảm sâu, sẽ thấy rằng những người xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng theo cách tương tự. Nếu một người đặc biệt dễ cáu kỉnh, sớm muộn

serene and more readily affected than usual. This means that any person who gives way to a strong wave of feeling of any sort is radiating a certain rate of astral vibration which tends to reproduce that [177] state of feeling in others as it impinges upon their astral bodies. The case in which above all others this is important is with regard to the dead, for they are living entirely in the astral vehicle, and so are more sensitive to these waves of emotion than the living, who are to some extent protected by the density and dullness of their physical bodies. So if a man selfishly gives way to uncontrolled grief for the dead, he often causes his departed friend the most acute and profound depression. On the other hand, if he thinks of his friend with love and an earnest desire for his progress, he may help instead of hindering, because these feelings also will faithfully reproduce themselves in the astral body of the dead man. This is a case of real telepathy, or "feeling at a distance."

người ta sẽ nhận thấy rằng những người khác cũng trở nên ít bình tĩnh hơn và dễ bị ảnh hưởng hơn bình thường. Điều này có nghĩa là bất kỳ ai chìm đắm trong một làn sóng cảm xúc mạnh mẽ đều đang phát ra một tỷ lệ rung động cảm dục nhất định, có xu hướng tái tạo trạng thái cảm xúc đó [177] trong người khác khi nó tác động lên thể cảm dục của họ. Trường hợp mà điều này đặc biệt quan trọng là liên quan đến người đã qua đời, vì họ đang sống hoàn toàn trong thể cảm dục, và do đó nhạy cảm hơn với những làn sóng cảm xúc này so với người sống, những người được bảo vệ phần nào bởi sự đậm đặc và trì trệ của cơ thể vật lý. Vì vậy, nếu một người nào đó ích kỷ chìm đắm trong nỗi buồn không kiểm soát được về người đã khuất, anh ta thường gây ra cho người bạn quá cố của mình sự trầm cảm sâu sắc và mãnh liệt nhất. Mặt khác, nếu anh ta nghĩ về bạn mình với tình yêu và mong muốn chân thành cho sự tiến bộ của bạn mình, anh ta có thể giúp đỡ thay vì cản trở, bởi vì những cảm xúc này cũng sẽ tái tạo một cách trung thực trong thể cảm dục của người đã khuất. Đây là một trường hợp của viễn cảm thực sự, hoặc "cảm nhận từ xa."

Now let us advance one stage more, and see whether it is not possible that the thought may be communicated directly from mind to mind on its own level, without descending even so far as to the astral plane. This also can be done, and often is done, but as a regular thing it is a means of converse for the more exalted souls only. One who is highly developed may thus flash his ideas through space with literally the speed of thought, but for ordinary men as yet such power is rare. Nevertheless, it sometimes exists where there is unusually close sympathy between two persons, and I feel sure that when mankind is further evolved this will be our common method of communication. It is already employed by the great Masters of Wisdom in

Bây giờ chúng ta tiến thêm một bước nữa, và xem liệu có thể truyền đạt tư tưởng trực tiếp từ tâm trí này sang tâm trí khác ở chính cấp độ của nó, mà không cần hạ xuống ngay cả mức cõi cảm dục. Điều này cũng có thể được thực hiện, và thường xuyên được thực hiện, nhưng như một quy tắc chung, đây là một phương tiện giao tiếp chỉ dành cho những linh hồn cao siêu hơn. Một người phát triển cao có thể truyền đạt tư tưởng của mình qua không gian với tốc độ thực sự của tư tưởng, nhưng đối với những người bình thường, khả năng này vẫn còn hiếm. Tuy nhiên, đôi khi nó vẫn tồn tại khi có mối quan hệ đồng cảm đặc biệt chặt chẽ giữa hai người, và tôi chắc chắn rằng khi nhân loại tiến hóa hơn, đây sẽ là phương thức giao tiếp phổ biến của chúng ta. Phương thức này

the instruction of their pupils, and in this way they can convey with ease the most complicated ideas.

đã được các Chân sư Minh Triết sử dụng trong việc giảng dạy cho các đệ tử của họ, và bằng cách này, các Ngài có thể truyền đạt dễ dàng những ý tưởng phức tạp nhất.

We have before us, then, these three kinds of telepathy, all of them consisting simply of the conveyance of vibrations at their respective levels—liable, perhaps, to be confused by the superficial observer, but readily distinguishable [178] by the trained clairvoyant. In a minor way we may find evidence of one or other of them almost daily, for we often observe cases in which some friend is thinking simultaneously along the same lines as ourselves—thinking, it may be, about a subject which has not occurred to either of us for months previously.

Như vậy, chúng ta có trước mắt ba loại viễn cảm này, tất cả đều chỉ đơn giản là sự truyền đạt các rung động ở các cấp độ tương ứng của chúng—có lẽ dễ gây nhầm lẫn đối với người quan sát hời hợt, nhưng lại dễ dàng phân biệt [178] bởi người có thông nhãn được huấn luyện. Ở một mức độ nhỏ hơn, chúng ta có thể tìm thấy bằng chứng về một trong những loại này gần như hàng ngày, vì chúng ta thường thấy những trường hợp một người bạn nào đó đang suy nghĩ cùng lúc với chúng ta theo cùng một hướng—suy nghĩ về một chủ đề mà có thể đã không xuất hiện trong suy nghĩ của cả hai chúng ta trong nhiều tháng trước đó.

Mind-Cure— Trị liệu bằng tâm trí

We at once see how closely associated is telepathy with mind-cure, which aims to transfer good, strong thoughts from the operator to the patient. We meet with various types of mind-cure, differing considerably in their teachings, and calling themselves Christian science, mental science, mind-healing, etc., but they all agree in endeavouring to produce physical cures by non-physical means. There seems to be a vague general opinion afloat that Theosophy is opposed to no form of faith; on the contrary, it points out whatever is good in each of them, emphasizes and explains it, and thus combines them all into one harmonious whole. It objects only to misunderstanding and misuse of dogma or practice; it seeks, not to attack these multitudinous religions, but to comprehend them intelligently and to select

Chúng ta ngay lập tức thấy viễn cảm có mối liên hệ chặt chẽ như thế nào với phương pháp chữa bệnh bằng trí óc, nhằm mục đích chuyển những tư tưởng mạnh mẽ, tích cực từ người điều khiển sang bệnh nhân. Chúng ta gặp nhiều loại hình chữa bệnh bằng trí óc khác nhau, có sự khác biệt đáng kể trong giáo lý của họ, và tự gọi mình là khoa học Thiên chúa giáo, khoa học tinh thần, chữa lành bằng tâm trí, v.v., nhưng tất cả đều đồng ý trong việc cố gắng tạo ra các phương pháp chữa bệnh thể chất bằng những phương tiện phi vật lý. Có một quan điểm chung mơ hồ rằng Thông Thiên Học không phản đối bất kỳ hình thức đức tin nào; trái lại, Thông Thiên Học chỉ ra những điều tốt đẹp trong mỗi tôn giáo, nhấn mạnh và giải thích chúng, và do đó kết hợp tất cả thành một tổng thể hài hòa. Thông Thiên Học chỉ phản đối sự hiểu lầm và lạm dụng giáo

from them impartially whatsoever things in them are beautiful and true. Our belief is that it is a serious mistake for religious people to quarrel over trifles as they do. On broad principles of right and wrong they are all at one; they all agree that man ought to leave the lower and seek the higher; let them then band together to convert the rest of the world to that much of religious faith, and leave the discussion of unimportant details until that great task is accomplished. That seems to us to be a suggestion [179] of the merest common-sense; yet how few can be induced to listen to it for a moment!

điều hay thực hành; nó không tìm cách tấn công những tôn giáo đa dạng này, mà tìm cách hiểu chúng một cách thông minh và lựa chọn một cách khách quan bất cứ điều gì đẹp đẽ và chân thật trong chúng. Chúng tôi tin rằng đó là một sai lầm nghiêm trọng khi những người theo tôn giáo tranh cãi về những điều nhỏ nhặt như họ thường làm. Về những nguyên tắc cơ bản của đúng và sai, tất cả họ đều đồng thuận; tất cả đều đồng ý rằng con người nên từ bỏ cái thấp kém và tìm kiếm cái cao cả hơn; vậy hãy để họ cùng hợp tác để chuyển hóa phần còn lại của thế giới theo niềm tin tôn giáo đó, và để lại việc tranh luận về các chi tiết không quan trọng cho đến khi nhiệm vụ lớn lao đó được hoàn thành. Đối với chúng tôi, đó dường như là một gợi ý [179] của sự hiểu biết thông thường nhất; tuy nhiên, có rất ít người có thể được thuyết phục để lắng nghe điều đó trong một khoảnh khắc!

So we who study Theosophy are in no way opposed to mind-cure, though there are some times things connected with it to which we take exception. Its leading idea is a grand one —that of the power of thought. It is in no way new conception, for the old religions have always taught it; you will find it, for example, clearly laid down in the first chapter of that noble Buddhist book, The Dhammapada, a beautiful translation of which by Sir Edwin Arnold was quoted in my lecture on Buddhism. To claim for the mind-curists the credit of discovering the power of thought is a mistake, and shows a sad ignorance of the teaching of the great Oriental faiths; but it is true that they are making many people in this country see it now for the first time. For this, then, we owe thanks to them, that they are raising some people out of materialism, and opening their eyes to something higher and more rational; and that is a grand thing to do, for when it has once been done, further advance becomes possible. All honour to them

Vì vậy, chúng ta, những người nghiên cứu Thông Thiên Học, không phản đối phương pháp chữa bệnh bằng trí óc, mặc dù đôi khi có một số điều liên quan đến nó mà chúng ta không đồng tình. Ý tưởng chính của nó là một ý tưởng vĩ đại—đó là sức mạnh của tư tưởng. Đây không phải là một khái niệm mới, vì các tôn giáo cổ đại luôn dạy điều này; chẳng hạn, các bạn sẽ thấy điều này được nêu rõ ràng trong chương đầu tiên của cuốn sách Phật giáo cao quý *Kinh Pháp Cú*, một bản dịch tuyệt đẹp của Sir Edwin Arnold đã được trích dẫn trong bài giảng của tôi về Phật giáo. Việc tuyên bố rằng những người chữa bệnh bằng trí óc đã phát hiện ra sức mạnh của tư tưởng là một sai lầm, và cho thấy một sự thiếu hiểu biết đáng buồn về giáo lý của các tôn giáo lớn ở phương Đông; nhưng sự thật là họ đang khiến nhiều người ở quốc gia này lần đầu tiên nhận ra điều đó. Vì vậy, chúng ta phải cảm ơn họ vì điều này, vì họ đang giúp một số người thoát khỏi chủ nghĩa duy vật, và mở mắt cho họ thấy điều gì đó cao cả và hợp lý hơn; và đó là một việc

for their share in this work of elevating the thought of the time; and though there are points in their schemes that we may criticize, let us never forget that they have this always to their credit. Let me briefly mention first certain dogmas of theirs with which I cannot agree, and get those out of our way, so that afterwards we may turn to the more congenial task of stating the ideas with which we found ourselves in sympathy.

làm tuyệt vời, vì khi điều đó đã được thực hiện, sự tiến bộ tiếp theo trở nên khả thi. Hãy tôn vinh họ vì vai trò của họ trong công việc nâng cao tư tưởng của thời đại; và mặc dù có những điểm trong các hệ thống của họ mà chúng ta có thể phê phán, hãy đừng quên rằng họ luôn có công trong việc này. Hãy để tôi đề cập ngắn gọn trước những giáo điều nhất định của họ mà tôi không thể đồng ý, và giải quyết chúng trước, để sau đó chúng ta có thể chuyển sang nhiệm vụ dễ chịu hơn là trình bày những ý tưởng mà chúng ta cảm thấy đồng cảm.

Some Objections to It— Một số phản đối đối với nó

First, I have never been able to see why a medical process should be erected into a religion; one might as well make a religion of homeopathy or hydropathy. So [180] to those who are working upon such an unsatisfactory mental basis, I would offer the magnificent system of philosophy which they will find in Theosophy—a scheme which will give them food for thought, and supply them with a rational theory of the universe. One of the principal schools of mind-cure denies altogether the existence of matter—one which calls itself Christian science, though it is difficult to see upon what grounds such a name was assumed, since to deny the existence of matter is neither Christian nor scientific. Certainly it cannot be the latter, for it is matter only that science can cognize, and all its experiments are conducted by its means. And this doctrine of the non-existence of material things is emphatically not Christian, but pagan, for it is the teaching of one of the oldest Oriental systems.

Trước tiên, tôi chưa bao giờ hiểu tại sao một quá trình y học lại phải được nâng lên thành một tôn giáo; người ta cũng có thể tạo ra một tôn giáo từ liệu pháp đồng căn (homeopathy) hay liệu pháp nước (hydropathy). Vì vậy [180], đối với những người đang hoạt động trên nền tảng tinh thần không thỏa đáng như vậy, tôi muốn đề xuất với họ hệ thống triết học vĩ đại mà họ sẽ tìm thấy trong Thông Thiên Học—một kế hoạch sẽ mang lại cho họ nguồn cảm hứng để suy nghĩ và cung cấp cho họ một lý thuyết hợp lý về vũ trụ. Một trong những trường phái chính của phương pháp chữa bệnh bằng tâm trí hoàn toàn phủ nhận sự tồn tại của vật chất—trường phái gọi chính nó là Khoa học Thiên Chúa giáo, mặc dù thật khó để thấy căn cứ nào họ chọn tên như vậy, bởi vì việc phủ nhận sự tồn tại của vật chất không phải là Thiên Chúa giáo cũng chẳng phải là khoa học. Chắc chắn nó không thể là khoa học, vì chỉ có vật chất là thứ mà khoa học có thể nhận thức, và tất cả các thí nghiệm của nó đều được thực hiện nhờ vào vật chất. Và giáo lý về sự không tồn tại của các thứ vật chất rõ ràng không phải là Thiên Chúa giáo, mà là ngoại giáo, vì đó là giáo lý của một trong những hệ

thống phương Đông cổ xưa nhất.

There is a grand truth behind it, if it is rightly understood. All manifestation comes forth from the Absolute, and presumably all will one day return to Him. All manifestation, therefore, is impermanent, and from the point of view of eternity may be regarded as fleeting and momentary and hardly worth taking into account at all. Still, to say that it does not exist seems to be misleading, since it is in truth just as much one of the manifestations of the Logos as is that spirit which is its other pole. The Lord Buddha has said that there are two things which are eternal, akasa and nirvana; and the context seems to show us that he means what we now call matter and force. Herein modern science agrees with him; and it seems to me that it is both truer and safer to recognize that while manifestation exists each type of matter is real on its own plane. It is true that while we are on the physical plane only physical matter is real to us, and astral and mental matter remain invisible to the lower senses, while when we raise our consciousness to the higher planes [181] this condition of things is reversed; but it is the focus of our consciousness that has changed, not the manifestation of the Logos. So while we fully recognize that the unseen things are the most important, we yet prefer to regard matter as real to us as long as we are upon its level. It scarcely seems sensible first to deny the existence of the body, and then to point to an improvement in its condition as the result of the denial of its existence; for how can one cure that which does not exist?

Có một chân lý vĩ đại đằng sau điều đó, nếu nó được hiểu đúng. Mọi sự biểu hiện đều xuất phát từ Tuyệt Đối, và có thể giả định rằng tất cả sẽ một ngày trở lại với Ngài. Mọi sự biểu hiện, do đó, đều là tạm thời, và từ quan điểm của vĩnh cửu có thể được coi là thoáng qua và không đáng kể. Tuy nhiên, nói rằng nó không tồn tại dường như là một sự hiểu lầm, vì nó thực sự là một trong những biểu hiện của Logos cũng giống như linh hồn là cực khác của nó. Đức Phật đã nói rằng có hai thứ là vĩnh cửu, akasa và niết bàn; và ngữ cảnh dường như chỉ ra rằng Ngài muốn nói đến những gì chúng ta ngày nay gọi là vật chất và lực. Khoa học hiện đại đồng ý với Ngài về điểm này; và theo tôi, vừa chân thật vừa an toàn hơn khi thừa nhận rằng trong khi sự biểu hiện tồn tại, mỗi loại vật chất là thực trên cõi của nó. Đúng là khi chúng ta ở cõi trần, chỉ có vật chất trần là thực với chúng ta, và vật chất cảm dục và trí tuệ vẫn vô hình đối với các giác quan thấp, trong khi khi chúng ta nâng cao tâm thức lên các cõi cao hơn [181], tình trạng này bị đảo ngược; nhưng điều thay đổi là trọng tâm của tâm thức chúng ta, chứ không phải là sự biểu hiện của Logos. Do đó, trong khi chúng ta hoàn toàn công nhận rằng những điều vô hình mới là quan trọng nhất, chúng ta vẫn thích coi vật chất là thực với chúng ta miễn là chúng ta còn ở trên cấp độ của nó. Dường như không hợp lý khi phủ nhận sự tồn tại của thân thể, rồi lại chỉ ra sự cải thiện tình trạng của nó là kết quả của sự phủ nhận sự tồn tại của nó; vì làm sao có thể chữa lành một thứ không tồn tại?

I incline to believe that this denial of matter is probably in essence a reaction against the old and horrible theory of a personal devil. Our friends feel intuitively that the idea of evil imposed upon us from without is an absurdity, since every man makes his own

Tôi nghiêng về tin rằng sự phủ nhận vật chất này có lẽ về bản chất là một phản ứng chống lại lý thuyết cổ xưa và kinh khủng về một con quỷ cá nhân. Bạn bè của chúng ta cảm nhận một cách trực giác rằng ý tưởng về cái ác áp đặt lên chúng ta từ bên ngoài là điều vô lý, vì mỗi

good and evil destiny for himself; so they say there is in truth no evil but that which we make—all is subjective; and then, since they constantly find themselves struggling against matter and its qualities, they make the old mistake of identifying matter with evil, and so come to the conclusion that there is really no matter. It is strange thus to find Bishop Berkeley's theory reappearing amidst such different surroundings, and we find ourselves reminded of Swift's remark about him, "If Berkeley says there is no matter, then surely it is no matter what he says!"

người đều tự tạo ra số phận tốt hoặc xấu cho chính mình; vì vậy họ nói rằng không có cái ác nào khác ngoài cái mà chúng ta tạo ra—tất cả đều mang tính chủ quan; và rồi, vì họ thường xuyên thấy mình đấu tranh chống lại vật chất và các phẩm tính của nó, họ lại mắc sai lầm cũ khi đồng nhất vật chất với cái ác, và do đó đi đến kết luận rằng thực ra không có vật chất. Thật lạ lùng khi thấy lý thuyết của Giám mục Berkeley xuất hiện trở lại trong bối cảnh hoàn toàn khác biệt như vậy, và chúng ta nhớ đến nhận xét của Swift về Ông ta: "Nếu Berkeley nói rằng không có vật chất, thì chắc hẳn không quan trọng những gì Ông ta nói!"

But the point in all these theories to which I feel myself bound to take exception is the idea of securing wealth by undue influence; there I must most emphatically disagree altogether. Even to ask money for the use of mental power in curing disease seems to me undesirable; to use mental power in order unlawfully to extract it from others is a degradation and prostitution of the higher knowledge which ought to be held sacred for unselfish work. He who would seek wealth through mental effort should do so through legitimate channels [182] only, and his attempt should be rather to limit his desires than to increase his possessions, for that alone is the path of true wisdom.

Nhưng điểm trong tất cả những lý thuyết này mà tôi cảm thấy bắt buộc phải phản đối là ý tưởng về việc kiếm tiền bằng cách ảnh hưởng quá mức; ở điểm đó, tôi phải hoàn toàn không đồng tình. Ngay cả việc yêu cầu tiền để sử dụng sức mạnh tinh thần trong việc chữa bệnh dường như đối với tôi cũng là điều không mong muốn; việc sử dụng sức mạnh tinh thần để bất hợp pháp lấy tiền từ người khác là một sự suy thoái và xúc phạm đến tri thức cao siêu, thứ lẽ ra phải được giữ thiêng liêng để phục vụ công việc vô ngã. Người nào muốn kiếm tiền thông qua nỗ lực tinh thần nên làm như vậy chỉ qua các kênh hợp pháp [182], và nỗ lực của anh ta nên là giới hạn các ham muốn hơn là tăng cường tài sản, vì đó mới là con đường của sự minh triết chân thật.

Yet again—I know the value of strong faith and affirmation as well as any man, yet truth forbids that I should deny that a body can ever be in ill-health. The true man, the ego, the soul, is not ill, and if the denial is understood in that sense there can be no objection to it. But it is not usually understood in that sense; the statement is clearly made that the way to get rid of a headache is to assert "I have no headache"; an assertion which may presently become true, but is undoubtedly false when it

Lại một lần nữa—tôi biết giá trị của niềm tin mạnh mẽ và sự khẳng định, cũng như bất kỳ ai, nhưng sự thật không cho phép tôi phủ nhận rằng thân thể có thể mắc bệnh. Con người thật sự, chân ngã, linh hồn, không bị bệnh, và nếu sự phủ nhận được hiểu theo nghĩa đó, không có lý do gì để phản đối nó. Nhưng nó thường không được hiểu theo nghĩa đó; rõ ràng là người ta nói rằng cách để loại bỏ cơn đau đầu là khẳng định "Tôi không có đau đầu"; một lời khẳng định có thể trở thành sự thật sau đó,

is first made. I do not deny that by persistently making that false statement an effect may be produced; but it seems to me that the falsehood is a much more serious evil than the headache or the toothache which it eventually removes. Any man may lawfully say "My head or my tooth shall not ache," and in thus setting his will persistently against the pain he may probably drive it away. Such an effort of will is legitimate and even admirable; the concentration of thought which it implies is a splendid exercise for any man. In this way one may well think against any disease, and thus repel its attacks, avoiding it altogether if it has not yet effected a lodgement in the body, and greatly enhancing the effect of remedial measures if it is already in possession. The power of thought is enormous, and can hardly be exaggerated.

nhưng chắc chắn là sai khi nó được đưa ra lần đầu. Tôi không phủ nhận rằng bằng cách liên tục đưa ra lời khẳng định sai lầm đó, có thể tạo ra một hiệu ứng; nhưng đối với tôi, sự dối trá còn là một điều xấu nghiêm trọng hơn nhiều so với cơn đau đầu hoặc đau răng mà nó cuối cùng sẽ loại bỏ. Bất kỳ ai cũng có thể hợp pháp nói rằng "Đầu tôi hoặc răng tôi sẽ không đau," và bằng cách quyết tâm chống lại cơn đau như vậy, có thể sẽ xua đuổi nó. Nỗ lực ý chí như vậy là hợp pháp và thậm chí đáng khen ngợi; sự tập trung tư tưởng mà nó ngụ ý là một bài tập tuyệt vời cho bất kỳ ai. Theo cách này, người ta có thể suy nghĩ chống lại bất kỳ căn bệnh nào, và nhờ đó đẩy lùi các cuộc tấn công của nó, tránh được nó hoàn toàn nếu nó chưa xâm nhập vào cơ thể, và tăng cường hiệu quả của các biện pháp khắc phục nếu nó đã xâm nhập. Sức mạnh của tư tưởng là vô cùng lớn, và khó mà nói quá về nó.

The Power of Thought— Sức mạnh của tư tưởng

This brings us to that part of the teaching of the mental scientists which we can unreservedly approve. When they exhort their clients to think always cheerful thoughts, to cast away from them fear and worry, to [183] avoid sedulously that faultfinding which always intensifies the evil to which it draws attention—in all this, and much more that they say, we have for them nothing but unstinting praise. In one of their books I find this advice given to a man: "If you feel depression or sad thought coming over you, think of something to be glad about, quick! You have not time to waste over depression!" And as to fear, again and again they assure us that most things that are feared never come to pass, and that, whether they do or not, we double our trouble if we suffer the

Điều này đưa chúng ta đến phần trong giáo lý của các nhà khoa học tinh thần mà chúng ta có thể hoàn toàn đồng tình. Khi họ khuyến khích khách hàng của mình luôn nghĩ những ý nghĩ vui vẻ, loại bỏ nỗi sợ hãi và lo âu, [183] tránh kỹ càng việc tìm lỗi mà luôn làm tăng thêm điều xấu mà nó chú ý tới—về tất cả những điều này và nhiều điều khác họ nói, chúng ta không có gì ngoài những lời khen ngợi chân thành. Trong một cuốn sách của họ, tôi tìm thấy lời khuyên dành cho một người đàn Ông: "Nếu bạn cảm thấy sự trầm cảm hay những suy nghĩ buồn bã đang đến, hãy nghĩ đến điều gì đó để vui mừng, ngay lập tức! Bạn không có thời gian để lãng phí cho sự trầm cảm!" Và về nỗi sợ, họ liên tục khẳng định rằng hầu hết những điều chúng ta sợ sẽ không bao giờ xảy ra, và dù chúng có xảy ra hay không, chúng ta

pain of fearing it beforehand—all of which is true and healthy doctrine. Even this, however, may run somewhat into extremes. I have read the statement that if men had no fear of disease there would be no infection, which of course is not true, since men often catch disease when they do not know of its existence. But what is true is that the man who is fearless about a disease is much less likely to catch it; though even then it may happen to him, if he is overtired, if the forces of the body are not active enough to repel the infection. So that in that exaggerated form the remark is untrue, though it has a basis of truth.

đã tự nhân đôi rắc rối của mình nếu phải chịu đựng nỗi đau vì lo sợ trước—tất cả những điều này đều là giáo lý đúng đắn và lành mạnh. Tuy nhiên, ngay cả điều này cũng có thể đi vào cực đoan. Tôi đã đọc tuyên bố rằng nếu con người không sợ bệnh tật thì sẽ không có sự lây nhiễm, điều này dĩ nhiên là không đúng, vì nhiều khi con người mắc bệnh mà họ không hề biết đến sự tồn tại của nó. Nhưng điều đúng là, người không sợ bệnh thì ít có khả năng mắc bệnh hơn nhiều; dù vậy, ngay cả khi đó, điều đó vẫn có thể xảy ra nếu anh ta quá mệt mỏi, nếu sức mạnh của cơ thể không đủ hoạt động để đẩy lùi sự lây nhiễm. Vì vậy, trong hình thức cường điệu đó, tuyên bố này không đúng, mặc dù nó có một nền tảng chân lý.

The realization of the effect of thought upon others, and therefore of our responsibility for our thoughts, is also admirable. We find it constantly in the mental science literature of the better class. For example, it is stated that "false conceptions of God, and especially belief in eternal vindictive punishment, make their unwholesome influence felt in every bodily tissue"—a startling and yet obvious truth, which it would be well for many people who think themselves orthodox to take seriously to heart. Again, I find them asking us how we can wonder that we have such an increase of all diseases among us, especially nervous diseases, when for many [184] generations the whole atmosphere has been full of chronic, fearful, selfish thought about religious matters—loaded with the thought-forms of terror-stricken men about an angry God, a horned devil with a barbed tail, the flames of hell, and other abominable figments of the diseased ecclesiastical imagination—an idea with much truth in it, as any Theosophist will readily realize.

Sự nhận thức về ảnh hưởng của tư tưởng đối với người khác, và do đó về trách nhiệm của chúng ta đối với các tư tưởng của mình, cũng rất đáng khâm phục. Chúng ta thường thấy điều này trong các tài liệu khoa học tinh thần thuộc loại tốt hơn. Chẳng hạn, có lời khẳng định rằng "những quan niệm sai lầm về Thượng Đế, và đặc biệt là niềm tin vào sự trừng phạt vĩnh cửu và tàn nhẫn, tạo ra ảnh hưởng không lành mạnh của chúng trong từng mô tế bào của cơ thể"—một sự thật đáng ngạc nhiên nhưng rõ ràng, mà nhiều người tự coi mình là chính thống nên nghiêm túc suy ngẫm. Một lần nữa, tôi thấy họ hỏi chúng ta làm sao có thể ngạc nhiên rằng chúng ta có sự gia tăng của tất cả các loại bệnh tật, đặc biệt là các bệnh về thần kinh, khi qua nhiều [184] thế hệ toàn bộ bầu không khí đã tràn ngập những tư tưởng sợ hãi và ích kỷ về các vấn đề tôn giáo—ngập tràn những hình tư tưởng của những con người kinh hoàng về một vị Thượng Đế tức giận, một con quỷ có sừng với cái đuôi nhọn, ngọn lửa địa ngục, và những tưởng tượng ghê tởm khác của trí tưởng tượng bệnh hoạn của giáo hội—một ý tưởng chứa đầy sự thật, mà bất kỳ nhà Thông Thiên Học nào cũng sẽ dễ dàng nhận ra.

I heartily agree also with the dictum which I find our friends laying down, that if a man thinks himself a poor worm and a miserable sinner, full of natural depravity, that is exactly the way to make him an unpleasant entity of that description! If he despises himself to begin with, he is likely to become despicable; if he respects himself he is likely to remain worthy of respect. If he realizes himself as a spark of the Divine Life, and so knows that he can do all things through the Christ within, which strengthen him, he is far less likely to be swept away by the storm of passion, far less likely to yield to the insistent temptation. It is true that we all are sinners, but we surely need not aggravate our offences by being miserable sinners; and as to worms, we have passed through the reptilian stage many aeons ago, and there is nothing to be gained by talking nonsense! We are far more likely to be encouraged to forsake sin and to rise to virtue if we comprehend our true place and dignity, than if we believe, or profess to believe, a degrading falsehood. The "miserable sinner" can excuse himself by taking refuge in platitudes about human frailty: the Divine spark knows that he himself is responsible for his own actions and his own evolution, and that he has the power to make himself what he will.

Tôi cũng hoàn toàn đồng ý với lời khẳng định mà tôi thấy các bạn của chúng ta đưa ra, rằng nếu một người tự coi mình là một sâu bọ tầm thường và một kẻ tội lỗi khốn khổ, đầy sự đồi bại tự nhiên, thì đó chính xác là cách biến anh ta thành một thực thể khó ưa đúng như mô tả đó! Nếu anh ta khinh thường chính mình ngay từ đầu, anh ta có khả năng trở nên đáng khinh; nếu anh ta tôn trọng bản thân, anh ta có khả năng giữ được sự đáng tôn trọng. Nếu anh ta nhận thức mình là một tia lửa của Sự Sống Thiêng Liêng, và do đó biết rằng anh ta có thể làm được mọi điều thông qua Đức Christ bên trong, Đấng ban sức mạnh cho anh ta, thì anh ta ít có khả năng bị cuốn trôi bởi cơn bão đam mê, ít có khả năng khuất phục trước cám dỗ dai dẳng. Đúng là tất cả chúng ta đều là tội nhân, nhưng chúng ta chắc chắn không cần làm trầm trọng thêm tội lỗi của mình bằng việc là những tội nhân khốn khổ; và về phần những con sâu, chúng ta đã vượt qua giai đoạn bò sát nhiều thời đại trước, và không có gì thu được khi nói những điều vô nghĩa! Chúng ta có nhiều khả năng được khích lệ từ bỏ tội lỗi và vươn lên đức hạnh nếu chúng ta hiểu rõ vị trí và phẩm giá thật của mình, hơn là nếu chúng ta tin, hoặc giả vờ tin, một lời dối trá hạ thấp. "Tội nhân khốn khổ" có thể bào chữa cho mình bằng cách trốn tránh vào những lời sáo rỗng về sự yếu đuối của con người: tia lửa thiêng liêng biết rằng chính anh ta chịu trách nhiệm về hành động của mình và sự tiến hóa của chính mình, và rằng anh ta có sức mạnh để làm cho mình trở thành bất cứ điều gì anh ta muốn.

One passage which I met with in reading books on mental cure I should like to quote verbatim, for it is a most beautiful idea, and as entirely Theosophical as [185] though it had come straight from one of our own teachers. "Knead love into the bread you bake; wrap strength and courage in the parcel you tie for the woman with the weary face; hand trust

Một đoạn mà tôi gặp khi đọc các cuốn sách về phương pháp chữa bệnh bằng tâm trí, tôi muốn trích dẫn nguyên văn, vì đó là một ý tưởng vô cùng đẹp đẽ, và hoàn toàn phù hợp với Thông Thiên Học [185] như thể nó xuất phát trực tiếp từ một trong những huấn sư của chúng ta. "Nhồi tình yêu vào ổ bánh mà bạn nướng; gói ghém sức mạnh và lòng can đảm

and candour with the coin you pay to the man with the suspicious eyes." Quaint in expression, but lovely in its thought; truly the Theosophical concept that every connection is an opportunity, and that every man whom we meet even casually is a person to be helped. Thus the student of the Good Law goes through life distributing blessings all about him, doing good unobtrusively everywhere, though often the recipients of the blessing and the help may have no idea whence it comes. In such benefactions every man can take his share, the poorest as well as the richest; all who can think can send out kindly, helpful thoughts, and no such thought has ever failed, or can ever fail while the laws of the universe held. You may not see the result, but the result is there, and you know not what fruit may spring from that tiny seed which you sow in passing along your path of peace and love.

vào món hàng bạn buộc cho người phụ nữ có khuôn mặt mệt mỏi; đưa niềm tin và sự chân thành cùng với đồng tiền mà bạn trả cho người đàn Ông có đôi mắt nghi ngờ." Cách diễn đạt có phần độc đáo, nhưng tư tưởng thì đẹp đẽ; thực sự đó là quan niệm Thông Thiên Học rằng mỗi kết nối là một cơ hội, và mỗi người mà chúng ta gặp, dù chỉ thoáng qua, đều là một người cần được giúp đỡ. Như vậy, học viên của Thiện Luật đi qua cuộc đời, phân phát những phước lành khắp nơi, làm việc tốt một cách kín đáo, dù thường khi những người nhận được phước lành và sự giúp đỡ có thể không biết nguồn gốc của nó đến từ đâu. Trong những sự ban phước này, mỗi người đều có thể đóng góp phần của mình, người nghèo cũng như người giàu; tất cả những ai có thể suy nghĩ đều có thể gửi đi những suy nghĩ thân thiện, giúp đỡ, và không một suy nghĩ nào như thế từng thất bại, hay có thể thất bại khi các định luật của vũ trụ vẫn tồn tại. Bạn có thể không nhìn thấy kết quả, nhưng kết quả vẫn có đó, và bạn không biết được quả gì có thể nảy mầm từ hạt giống nhỏ bé mà bạn gieo trên con đường bình an và tình yêu của mình.

How Men Are Cured— Con người được chữa lành như thế nào

Turning from the general principles to the definite cures which are frequently effected, it remains for us to consider how they are produced. There are several methods, and I think we may divide them into four classes, though there is also a fifth to which I must refer—one apart from any ordinary cures such as we have to consider, but nevertheless necessary to make our list perfect.

Chuyển từ các nguyên tắc chung sang những phương pháp chữa bệnh cụ thể thường được thực hiện, chúng ta cần xem xét cách mà chúng được tạo ra. Có nhiều phương pháp khác nhau, và tôi nghĩ chúng ta có thể chia chúng thành bốn loại, mặc dù cũng có một loại thứ năm mà tôi phải đề cập—một loại ngoài những phương pháp chữa bệnh thông thường mà chúng ta cần xem xét, nhưng dù sao cũng cần để hoàn thiện danh sách của chúng ta.

1. The first type is that which denies the existence of matter and disease, and aims at

1. Loại đầu tiên là loại phủ nhận sự tồn tại của vật chất và bệnh tật, và nhằm mục đích chữa

curing the person simply by making him believe he is well. A considerable amount of hypnotic influence is frequently exercised in [186] the course of such efforts, and the hope is that if the man really believes himself well, the mind acting upon the body (which, however, does not exist) will force it into harmony with itself, and so produce a cure. They never can call it a cure, I notice, but always employ the scriptural word "healing," so as to cast a sort of religious glamour over the transaction, and suggest a comparison with the miracles described in the bible. It seems to me better to divest the subject of all unusual terms which tend to obscure the matter and throw a veil of sentiment over plain fact. We say that the ordinary doctor "cures" us by his skill; why then must we abandon the Latin word for the Saxon when we speak of the result of a mind-cure?

lành bằng cách đơn giản làm cho người bệnh tin rằng họ đã khỏe. Một lượng đáng kể ảnh hưởng thôi miên thường được áp dụng trong [186] quá trình thực hiện các nỗ lực này, và hy vọng là nếu người bệnh thực sự tin rằng mình đã khỏe, tâm trí tác động lên cơ thể (dù cơ thể thực ra không tồn tại) sẽ buộc nó vào trạng thái hài hòa với chính nó và do đó tạo ra sự chữa lành. Tôi nhận thấy họ không bao giờ gọi nó là chữa bệnh, mà luôn sử dụng từ "healing" (chữa lành) theo Kinh thánh để tạo ra một kiểu hào quang tôn giáo cho giao dịch này, và gợi ý sự so sánh với các phép lạ được miêu tả trong Kinh Thánh. Theo tôi, tốt hơn là nên loại bỏ tất cả những thuật ngữ không phổ biến có thể làm lu mờ vấn đề và phủ lên một lớp tình cảm đối với những sự thật rõ ràng. Chúng ta nói rằng bác sĩ thông thường "chữa" chúng ta bằng kỹ năng của họ; vậy tại sao chúng ta phải từ bỏ từ gốc Latin để sử dụng từ Saxon khi nói về kết quả của phương pháp chữa bệnh bằng tâm trí?

2. The second class holds (truly enough) that all illness means inharmony of some sort in the system, and the effort of its members is to restore harmony, usually by the transfer of vibrations from themselves. The operator endeavours to bring himself into a condition of intense harmony and peace and devotion, and then to project this influence upon the patient, or to enfold him in it. The practitioner of either this type or the first does not care to know what is the matter with the patient; the nature of the disease is of no importance to him; in any case it must be disharmony, and he can cure it by establishing harmony once more.

2. Loại thứ hai cho rằng (và điều này đúng) rằng tất cả các bệnh tật đều có nghĩa là có sự mất hài hòa nào đó trong hệ thống, và nỗ lực của các thành viên trong nhóm này là khôi phục sự hài hòa, thường là bằng cách chuyển giao các rung động từ chính họ. Người thực hiện cố gắng đưa bản thân vào một trạng thái hài hòa, bình an và cống hiến cao độ, sau đó truyền ảnh hưởng này lên bệnh nhân, hoặc bao bọc họ trong trạng thái này. Người thực hành phương pháp này hoặc phương pháp thứ nhất không cần biết bệnh nhân gặp phải vấn đề gì; bản chất của bệnh không quan trọng đối với họ; trong mọi trường hợp, đó đều là sự mất hài hòa, và họ có thể chữa lành bằng cách thiết lập lại sự hài hòa.

3. The third class just pours vitality into the patient, again largely irrespective of the nature of the disease, though some practitioners of this method do make an attempt to direct their stream to the portion of

3. Loại thứ ba chỉ đơn giản là truyền sinh lực vào bệnh nhân, và lần nữa, thường không quan tâm nhiều đến bản chất của bệnh tật, mặc dù một số người thực hành phương pháp này cố gắng hướng dòng sinh lực của họ đến

the body which is affected. Many people who are themselves in strong health radiate a great deal of vitality quite unconsciously, and the sick or weak feel better and stronger for their very presence. [187]

4. Our fourth class adopts what we may call, by comparison with the others, a scientific method. They try to discover exactly what is wrong, picture to themselves mentally the diseased organ, and then image it as it ought to be. The idea here is that the strong thought will mould etheric matter into the desired form, and that will help nature to build up new tissues much more rapidly than would otherwise be possible. It is obvious that this plan demands more knowledge than the others; to be successful along this line a person must have at least some acquaintance with anatomy and some idea of physiology.

Types of Disease

There is no doubt that all these methods sometimes succeed, and they would do so oftener and more fully if they were employed more scientifically and with greater knowledge of the human body and its structure. Consider the various classes of diseases to which we are subject. The mind-curists are right in their contention that many of them proceed from want of harmony, and it is chiefly want of harmony between the etheric and the physical particles in some part of the body—most often of all in the brain. We must remember that there is a close connection between the mental body, the astral body and the etheric double in man, so that it is well within the bounds of possibility to influence one of them through the others. All nervous diseases imply a jangled, inharmonious condition of the etheric double;

phần cơ thể bị ảnh hưởng. Nhiều người khỏe mạnh tự nhiên phát ra rất nhiều sinh lực mà họ hoàn toàn không ý thức, và những người bệnh hoặc yếu thường cảm thấy khỏe hơn và mạnh mẽ hơn chỉ bởi sự hiện diện của họ. [187]

4. Loại thứ tư áp dụng phương pháp mà chúng ta có thể gọi là phương pháp khoa học so với các phương pháp khác. Họ cố gắng tìm hiểu chính xác vấn đề là gì, hình dung trong tâm trí mình cơ quan bị bệnh, sau đó tưởng tượng nó theo cách mà nó nên là. Ý tưởng ở đây là tư tưởng mạnh mẽ sẽ định hình vật chất dĩ thái theo hình dạng mong muốn, và điều đó sẽ giúp tự nhiên tái tạo các mô mới nhanh chóng hơn nhiều so với những gì có thể xảy ra. Rõ ràng là phương pháp này đòi hỏi nhiều kiến thức hơn các phương pháp khác; để thành công theo hướng này, một người ít nhất phải có một số kiến thức về giải phẫu và một số ý tưởng về sinh lý học.

Types of Disease

Không nghi ngờ gì rằng tất cả các phương pháp này đôi khi thành công, và chúng sẽ thành công thường xuyên hơn và đầy đủ hơn nếu chúng được thực hiện khoa học hơn và với kiến thức sâu rộng hơn về cơ thể con người và cấu trúc của nó. Hãy xem xét các loại bệnh khác nhau mà chúng ta phải đối mặt. Những người chữa bệnh bằng tâm trí đúng khi cho rằng nhiều căn bệnh bắt nguồn từ sự thiếu hài hòa, và chủ yếu là sự thiếu hài hòa giữa các hạt dĩ thái và các hạt vật lý trong một phần nào đó của cơ thể—thường nhất là ở não. Chúng ta phải nhớ rằng có sự kết nối chặt chẽ giữa thể trí, thể cảm dục và thể dĩ thái trong con người, vì vậy hoàn toàn có khả năng ảnh hưởng đến một trong số chúng thông qua các thể khác. Tất cả các bệnh thần kinh đều ngụ ý một tình trạng bất hòa, lộn xộn của thể dĩ thái; và điều đó dường như rất thường xuyên là nguyên

and that seems very often to be the cause of diseases of the digestive organs, of headache and sleeplessness. In all such cases what is needed is first of all to quiet the hurried, irregular vibrations, and give Nature an opportunity to reassert herself. The strong, quiet, persistent thought of the [188] operator tends to produce such an effect, and leaves the patient soothed and strengthened. The system of pouring in vitality is also helpful, if it be not a type that will aggravate the restless symptoms. In almost any kind of illness, to take the patient's mind off it, and calm and encourage him, is a long way towards a cure. Many a doctor of the older schools does far more good by the confidence he inspires than by his drugs.

nhân của các bệnh ở cơ quan tiêu hóa, đau đầu và mất ngủ. Trong tất cả các trường hợp như vậy, điều cần thiết trước tiên là làm dịu các rung động vội vã, không đều đặn, và cho Tự Nhiên cơ hội để tự tái thiết lập. Tư tưởng mạnh mẽ, bình tĩnh, và kiên trì của [188] người thực hiện có xu hướng tạo ra tác dụng như vậy và để lại cho bệnh nhân cảm giác bình an và mạnh mẽ hơn. Phương pháp truyền sinh lực cũng rất hữu ích, nếu không thuộc loại sẽ làm trầm trọng thêm các triệu chứng bồn chồn. Trong hầu hết các loại bệnh tật, việc làm bệnh nhân không chú ý đến bệnh và làm dịu lòng anh ta, khích lệ anh ta là một bước tiến dài đến việc chữa lành. Nhiều bác sĩ thuộc trường phái cũ đã giúp ích nhiều hơn nhờ sự tự tin mà họ truyền tải hơn là nhờ thuốc men.

But there is a class of human ills where there is a definite lesion or wound. Can mind-cure do anything with it? The first and second kind seem less effective here, though always to quiet and encourage the sufferer increases his chance of recovery. The third plan would also assist Nature to recuperate; but such cases as these are certainly best met by the fourth method, according to which an effort is made to image the wounded part as it should be in health, and thus assist the building in of new tissue. This is of course merely an expedient to hasten the natural process of recovery.

Nhưng có một loại bệnh tật trong đó có tổn thương hoặc vết thương rõ rệt. Phương pháp chữa bệnh bằng tâm trí có thể làm được gì với nó? Phương pháp thứ nhất và thứ hai dường như ít hiệu quả hơn ở đây, mặc dù luôn luôn việc làm dịu và khích lệ người bệnh làm tăng khả năng hồi phục của họ. Phương pháp thứ ba cũng sẽ hỗ trợ Tự Nhiên phục hồi; nhưng những trường hợp như thế này chắc chắn được đáp ứng tốt nhất bằng phương pháp thứ tư, trong đó nỗ lực được thực hiện để hình dung phần bị tổn thương như nó nên là khi khỏe mạnh, và do đó hỗ trợ việc xây dựng các mô mới. Đây tất nhiên chỉ là một phương tiện để thúc đẩy quá trình phục hồi tự nhiên nhanh hơn.

In another class of human disease we have the presence of some poison in the blood, and in yet another the illness is in reality the life-history of a microbe, as is the case in most infectious diseases. It would probably be difficult to deal directly with these by mental cure, but it might assist by giving the patient greater strength to enable the natural guardians of his body to drive out the foreign

Trong một loại bệnh khác, chúng ta có sự hiện diện của một số chất độc trong máu, và trong một loại khác, bệnh tật thực ra là lịch sử sinh học của một vi trùng, như trong hầu hết các bệnh truyền nhiễm. Có lẽ sẽ khó khăn để xử lý trực tiếp các trường hợp này bằng phương pháp chữa bệnh bằng tâm trí, nhưng nó có thể trợ giúp bằng cách cung cấp cho bệnh nhân sức mạnh lớn hơn để cho các bảo vệ tự nhiên

invader. I hear that the head of the least scientific of the schools of mind-cure has recently issued an order that infectious cases should not be treated by her followers. If people would only look at this matter scientifically and reasonably, and consider exactly what mental treatment can do, and what it cannot be expected to achieve, they would be saved much trouble and danger. If they could understand that in many cases it is a valuable [189] auxiliary to the ordinary treatment, but is by no means always competent to take its place, it might be more successful than it is now.

của cơ thể đánh bật kẻ xâm lược ngoại lai. Tôi nghe nói rằng người đứng đầu của trường phái ít khoa học nhất trong các trường phái chữa bệnh bằng tâm trí gần đây đã ban hành một lệnh rằng các trường hợp bệnh truyền nhiễm không nên được điều trị bởi những người theo học của bà ấy. Nếu mọi người chỉ nhìn nhận vấn đề này một cách khoa học và hợp lý, và cân nhắc chính xác những gì mà việc điều trị bằng tâm trí có thể làm được, và những gì không thể kỳ vọng đạt được, họ sẽ tránh được nhiều rắc rối và nguy hiểm. Nếu họ hiểu rằng trong nhiều trường hợp, đó là một sự hỗ trợ quý giá [189] cho các phương pháp điều trị thông thường, nhưng không phải lúc nào cũng có thể thay thế hoàn toàn phương pháp điều trị thông thường, thì phương pháp này có thể thành công hơn so với hiện tại.

It is obvious that different diseases must be met by different methods, and that though there may perhaps be a universal cure for all physical ills, non of these plans which I have described contain it. The strong centre of quiet thought set up in the second of them cannot fail to do good to any man; yet regarded as an attempt to cure a wound, let us say, it is a great waste of force; it is like pouring a bucket of water over a man in order to wash his finger! And being, as far as the wound is concerned, a blind effort, it can never be so concentrated as one made on the fourth plan, which forms a mould to assist Nature in repairing the damage. It is probable that a great Adept could so hasten the natural process as to cause an almost instantaneous building into shape of the tissues which had been injured or destroyed; but the thought of an ordinary man is never strong enough for that, and he can only hope to produce his result by continuous action.

Rõ ràng là các loại bệnh khác nhau phải được điều trị bằng các phương pháp khác nhau, và mặc dù có thể tồn tại một phương pháp chữa bệnh chung cho tất cả các loại bệnh lý, không có kế hoạch nào trong số những phương pháp tôi đã mô tả bao gồm được tất cả. Trung tâm mạnh mẽ của tư tưởng tĩnh lặng trong phương pháp thứ hai không thể không mang lại lợi ích cho bất kỳ ai; tuy nhiên, nếu coi nó như một nỗ lực để chữa lành vết thương, thì đó là sự lãng phí năng lượng lớn; nó giống như việc dội một xô nước lên một người để rửa ngón tay của anh ta! Và vì đó là một nỗ lực mù quáng liên quan đến vết thương, nó không bao giờ có thể tập trung được như một nỗ lực được thực hiện theo phương pháp thứ tư, phương pháp tạo ra một khuôn mẫu để hỗ trợ Tự Nhiên sửa chữa tổn thương. Có khả năng một vị Chân Sư vĩ đại có thể đẩy nhanh quá trình tự nhiên đến mức gây ra việc tái tạo gần như tức thời các mô đã bị tổn thương hoặc phá hủy; nhưng tư tưởng của một người bình thường không bao giờ đủ mạnh để làm được điều đó, và anh ta chỉ có thể hy vọng đạt được kết quả của mình bằng hành động liên tục.

5. Nevertheless, there is another method of which we know very little, though unmistakable traces of it occasionally appear. No one who hears or reads of it need presumptuously suppose that he or she possesses the power which it gives; though unfortunately human self-conceit is so great that each is quite sure to do so instantly! We who have to lecture or to write know this only too well. If we, for the sake of our earnest students and as an encouragement for them, make an effort to describe the sight of the buddhic plane, immediately somebody who has perhaps once had half a glimpse of something [190] astral will come trotting up to say that his experiences on the buddhic plane were far grander than those which the unfortunate lecturer or writer endeavoured to describe! But in spite of this certainty that the information will be misapplied, I must yet mention that there is another method connected with the great healing principle in Nature—with a mighty life-force from some far higher level, which may under certain circumstances and for a limited time be poured out through a man without his detailed knowledge or volition. In that case his very touch will heal, and there seems to be no limit to the power employed, and no disease that cannot be cured by it. We know little of it, I say, except that it is among the powers of one of the great orders of the devas, or angels, as our orthodox friends would call them. The power undoubtedly exists, but beyond that we can say very little. Our own president, Colonel Olcott, once possessed this marvellous power for a time, and effected some extraordinary cures while it remained with him.

5. Tuy nhiên, có một phương pháp khác mà chúng ta biết rất ít, mặc dù dấu vết không thể nhầm lẫn của nó đôi khi xuất hiện. Không ai nghe hay đọc về phương pháp này cần tự phụ cho rằng mình sở hữu năng lực mà nó mang lại; mặc dù thật không may, sự tự mãn của con người quá lớn đến mức mỗi người đều chắc chắn sẽ nghĩ như vậy ngay lập tức! Chúng tôi, những người phải thuyết giảng hoặc viết lách, biết điều này quá rõ. Nếu chúng tôi, vì lợi ích của những học viên nghiêm túc của mình và để khuyến khích họ, cố gắng mô tả cách nhìn thấy cõi bồ đề, ngay lập tức sẽ có ai đó, người có lẽ chỉ từng có một cái nhìn thoáng qua về điều gì đó [190] thuộc cõi cảm dục, sẽ đến và nói rằng những trải nghiệm của họ trên cõi bồ đề còn tuyệt vời hơn nhiều so với những gì người thuyết giảng hoặc người viết đã cố gắng mô tả! Nhưng mặc dù chắc chắn rằng thông tin này sẽ bị áp dụng sai, tôi vẫn phải nhắc đến rằng có một phương pháp khác liên quan đến nguyên lý chữa lành vĩ đại trong Tự Nhiên—với một lực sống mạnh mẽ từ một cấp độ cao hơn rất xa, có thể trong những hoàn cảnh nhất định và trong một thời gian giới hạn được tuôn đổ qua một người mà không cần đến sự hiểu biết chi tiết hay ý chí của người đó. Trong trường hợp đó, chỉ một cái chạm của anh ta đã có thể chữa lành, và dường như không có giới hạn nào đối với sức mạnh được sử dụng, cũng không có bệnh tật nào không thể được chữa lành bởi nó. Tôi đã nói rằng chúng ta biết rất ít về điều này, ngoại trừ rằng nó nằm trong số những năng lực của một trong các huyền giai vĩ đại của các thiên thần, hoặc như những người bạn chính thống của chúng ta sẽ gọi họ là các thiên sứ. Năng lực này không nghi ngờ gì là có thật, nhưng ngoài điều đó, chúng ta có thể nói rất ít. Chủ tịch của chúng ta, Đại tá Olcott, từng sở hữu năng lực tuyệt vời này

trong một thời gian và đã thực hiện một số ca chữa lành phi thường khi nó còn hiện diện với Ông.

Out of it emerges this great fact, that through this idea of mind-cure many thousands have been induced to accept the reality of the power of thought, and to understand that there is something outside of this mere world of physical matter; and that at least is a good thing, and an achievement upon which mind-cure may reasonably be congratulated. But it will be well for those who study it to learn that it should be used only for altruistic purposes, and to try to raise their thought to something higher than the mere curing of the physical body. For those who have no thought beyond that will presently find their occupation gone, since as the world evolves there will surely come a time when disease shall be no more, because man will at last have learnt to live reasonably, purely and healthily. But if they turn their knowledge [191] to a higher use, and leave the physical for the mental, the curing of the body for the development of the soul, they may be a mighty force for the evolution of the world. Let them think less of body, and more of life and soul; less of removing physical ailment, and more of removing ignorance and prejudice; less of bodily health and of personal gain, and more of love and compassion and brotherhood; so shall their rapidly-spreading movement become a power for good which cannot readily be overestimated, a world-wide blessing which shall endure and flourish through the ages which are yet to come. [193]

Từ điều này xuất hiện một sự thật lớn lao rằng thông qua ý tưởng chữa bệnh bằng tâm trí, hàng ngàn người đã được khuyến khích chấp nhận thực tại của sức mạnh tư tưởng, và hiểu rằng có điều gì đó nằm ngoài thế giới vật chất thuần túy; và ít nhất đó là một điều tốt, một thành tựu mà phương pháp chữa bệnh bằng tâm trí có thể đáng được khen ngợi. Nhưng sẽ là tốt hơn cho những người nghiên cứu nó học cách sử dụng nó chỉ cho các mục đích vị tha, và cố gắng nâng cao tư tưởng của họ lên điều gì đó cao hơn việc chỉ chữa lành thân xác. Với những người không có suy nghĩ nào khác ngoài điều đó, họ sẽ sớm thấy rằng công việc của họ sẽ chấm dứt, vì khi thế giới tiến hóa, chắc chắn sẽ đến một thời điểm khi bệnh tật sẽ không còn nữa, bởi vì con người cuối cùng sẽ học được cách sống hợp lý, trong sạch và lành mạnh. Nhưng nếu họ chuyển tri thức của mình [191] sang một mục đích cao cả hơn, và từ bỏ việc chữa bệnh thể xác để phát triển linh hồn, họ có thể trở thành một lực lượng hùng mạnh cho sự tiến hóa của thế giới. Hãy để họ nghĩ ít hơn về thân thể, và nhiều hơn về sự sống và linh hồn; ít hơn về việc loại bỏ bệnh tật thể xác, và nhiều hơn về việc loại bỏ sự ngu dốt và định kiến; ít hơn về sức khỏe thân thể và lợi ích cá nhân, và nhiều hơn về tình yêu thương, lòng từ bi và tình huynh đệ; như vậy, phong trào đang lan rộng nhanh chóng của họ sẽ trở thành một sức mạnh cho điều thiện mà không dễ gì có thể được đánh giá quá cao, một phước lành toàn cầu sẽ tồn tại và phát triển qua những thời đại đang tới. [193]

CHAPTER VIII - MAGIC: WHITE AND BLACK

The dictionary definition of the word magic is "the use of supernatural means to produce preternatural results." In Theosophy we cannot agree with that definition, because we hold that nothing is supernatural, and that however unusual or curious any phenomenon may be, it happens in obedience to the laws of nature. We recognize that as yet man knows very few of these laws, and that consequently many things may happen that he cannot explain; but, reasoning from analogy as well as from direct observation, we feel certain that the laws themselves are immutable, and that whenever anything to us inexplicable is produced, the inexplicability is due to our ignorance of the laws and not to any contravention of them. Our knowledge is as yet so limited in so many ways, that it is not remarkable that we should now and then come into contact with occurrences that we do not understand. We know only one small fraction of our world—just this lowest physical part of it; and even with that our acquaintance is only very partial and superficial. But the average man is profoundly unconscious of the extent of his ignorance; and he is so shocked and surprised at any manifestation which transcends the boundaries of his infinitesimal experience.

Định nghĩa trong từ điển của từ "huyền thuật" là "việc sử dụng các phương tiện siêu nhiên để tạo ra kết quả siêu nhiên." Trong Thông Thiên Học, chúng tôi không đồng ý với định nghĩa đó, vì chúng tôi cho rằng không có gì là siêu nhiên, và dù hiện tượng có kỳ lạ hoặc hiếm thấy đến đâu, nó vẫn tuân theo các định luật của thiên nhiên. Chúng tôi nhận ra rằng cho đến nay con người chỉ biết rất ít về những định luật này, và do đó, có nhiều điều xảy ra mà anh ta không thể giải thích; nhưng dựa trên sự suy luận từ sự tương tự cũng như từ quan sát trực tiếp, chúng tôi tin chắc rằng các định luật đó là bất biến, và mỗi khi có điều gì đó không thể giải thích được xảy ra, sự khó hiểu là do sự thiếu hiểu biết của chúng ta về các định luật, chứ không phải do sự vi phạm chúng. Kiến thức của chúng ta vẫn còn quá hạn chế trên nhiều phương diện, không có gì đáng ngạc nhiên khi thỉnh thoảng chúng ta gặp phải những sự việc mà mình không hiểu. Chúng ta chỉ biết một phần nhỏ của thế giới này—chỉ là phần thấp nhất về mặt vật lý; và ngay cả với phần đó, sự quen thuộc của chúng ta cũng chỉ rất hạn chế và hời hợt. Nhưng người bình thường lại hoàn toàn không nhận thức được mức độ thiếu hiểu biết của mình; anh ta cảm thấy sốc và ngạc nhiên trước bất kỳ hiện tượng nào vượt quá giới hạn kinh nghiệm nhỏ bé của mình.

With regard to this question of magic many people express exactly the same doubt as they do with regard to telepathy, mind-cure, mesmerism, apparitions, and spiritualism; they say, "Is there any such thing as magic?" There are always to be found those who deny the possibility [194] of anything which is outside of their own experience; "We have never seen these things," they say, "and consequently we know that all who have seen them are either fools or knaves, either

Liên quan đến câu hỏi về huyền thuật, nhiều người bày tỏ sự hoài nghi tương tự như khi họ nói về viễn cảm, chữa lành bằng trí tuệ, thôi miên, hiện tượng linh hồn và thần linh học; họ hỏi, "Có cái gì gọi là huyền thuật không?" Luôn có những người phủ nhận khả năng tồn tại của bất cứ điều gì nằm ngoài kinh nghiệm của họ; "Chúng tôi chưa từng thấy những thứ này," họ nói, "và do đó chúng tôi biết rằng tất cả những ai nói đã nhìn thấy chúng đều là kẻ ngốc hoặc kẻ lừa đảo, hoặc là lừa gạt hoặc là bị

fraudulent or deluded." It is useless to waste argument upon people whose minds are in so undeveloped a condition as that; it is better to leave them undisturbed to wallow in the self-satisfaction of their own invincible ignorance. They are in the position of the African king who was indignant at the shameless falsehood of the traveller who asserted that in other lands water sometimes became solid. Ice was outside of his experience, and so he denied the possibility of its existence; and just at the same mental level are the people who ignorantly ridicule what they do not understand.

lừa dối." Thật vô ích khi tranh luận với những người có tâm trí chưa phát triển đến mức như vậy; tốt hơn là để họ yên ổn đắm mình trong sự tự mãn của sự ngu dốt không thể đánh bại của chính mình. Họ giống như vị vua châu Phi tức giận trước sự dối trá trơ trẽn của du khách khi khẳng định rằng ở những vùng đất khác, nước đôi khi trở nên rắn. Băng đá nằm ngoài kinh nghiệm của Ông ta, nên Ông phủ nhận khả năng tồn tại của nó; và những người chế giễu những gì họ không hiểu cũng ở cùng một mức độ nhận thức đó.

If we wish to try to improve upon the definition given in the dictionary, we may describe magic as the employment of forces as yet not recognized to produce visible results. In many cases it is the control of such forces by the human will. Once more there are persons who deny that any forces can be directly controlled by the will, and once more it is simply a question of how much the person happens to know. The inexperienced but conceited man will deny anything and everything; the wiser man who has studied has learnt to be more cautious, and so for idle assertion he substitutes enquiry and investigation. The adoption of this latter attitude with regard to the production of physical results by as yet unrecognized forces speedily shows that there are many instances of this, and that they may be connected by easy gradations with phenomena which are common and readily accepted.

Nếu chúng ta muốn cải thiện định nghĩa trong từ điển, chúng ta có thể mô tả huyền thuật là việc sử dụng các mãnh lực chưa được công nhận để tạo ra kết quả hữu hình. Trong nhiều trường hợp, đó là sự kiểm soát các mãnh lực đó bằng ý chí con người. Một lần nữa, có những người phủ nhận rằng ý chí có thể trực tiếp kiểm soát bất kỳ mãnh lực nào, và một lần nữa đó chỉ là vấn đề của việc người đó biết đến mức độ nào. Người thiếu kinh nghiệm nhưng tự phụ sẽ phủ nhận mọi thứ; người khôn ngoan hơn, người đã học hỏi, sẽ thận trọng hơn, và thay vì khẳng định vô ích, anh ta thay thế bằng sự tìm tòi và điều tra. Việc áp dụng thái độ này đối với việc tạo ra kết quả vật lý bằng các mãnh lực chưa được công nhận sẽ nhanh chóng cho thấy rằng có nhiều ví dụ về điều này, và chúng có thể được kết nối dễ dàng với những hiện tượng thông thường và dễ dàng chấp nhận.

If we accept some such definition of magic as that suggested above, there arises the further question what is meant by the adjectives white and black? In this association they are simply synonymous with good and evil [195] The unrecognized forces of nature are no more good and evil in themselves than are the

Nếu chúng ta chấp nhận định nghĩa về huyền thuật như đã đề xuất ở trên, thì câu hỏi tiếp theo là ý nghĩa của các tính từ trắng và đen là gì? Trong mối quan hệ này, chúng chỉ đồng nghĩa với thiện và ác. Những mãnh lực chưa được công nhận của thiên nhiên không phải là tốt hay xấu tự thân, cũng như những mãnh lực

recognized forces of electricity, steam, or gunpowder. All of these things may be employed for good or ill according to the mental attitude of the man who employs them. Just as gunpowder may be usefully applied to clear away the rocks which obstruct the channel at the entrance of a harbour, or maliciously used by the evilly-disposed person to destroy the house of his enemy, so may the unrecognized magical forces be employed by wicked men for selfish purposes, or by the good man for the helping and shielding of his fellows.

đã được công nhận như điện, hơi nước, hoặc thuốc nổ. Tất cả những điều này có thể được sử dụng cho tốt hay xấu tùy thuộc vào thái độ tinh thần của người sử dụng chúng. Cũng giống như thuốc nổ có thể được sử dụng một cách hữu ích để dọn sạch những tảng đá cản trở lối vào cảng, hoặc ác ý được sử dụng bởi người có tâm địa xấu để phá hủy nhà cửa của kẻ thù, thì các mãnh lực huyền thuật chưa được công nhận có thể được những người xấu sử dụng vì mục đích ích kỷ, hoặc bởi người tốt để giúp đỡ và bảo vệ đồng loại của mình.

The Unrecognized Forces of Nature— Các mãnh lực chưa được công nhận của tự nhiên

Let us see what some of these unrecognized forces are. When I was speaking about mesmerism I mentioned the possession by every man of a certain amount of nerve-ether, and also of a vital fluid which flowed along with this nerve-ether. Both of these, you will remember, can be projected under the direction of the human will; so in that way mesmerism itself may claim to be a modified kind of magic, since in it these unseen forces are manipulated by the human will, and visible results are produced thereby. The condition of the subject may be affected to a considerable extent; not only may all sorts of delusions be produced, but the limbs may be made rigid and insensible to pain, and the man may be thrown into a deep trance. So that we may claim these two forces of vitality and nerve-ether as among those which can be employed and have been employed by magic.

Hãy xem một số những mãnh lực chưa được công nhận này là gì. Khi tôi nói về thôi miên, tôi đã đề cập đến việc mỗi người sở hữu một lượng nhất định dĩ thái thần kinh, và cũng có một loại dịch sinh lực chảy cùng với dĩ thái thần kinh này. Các bạn sẽ nhớ rằng cả hai thứ này đều có thể được phát ra dưới sự chỉ đạo của ý chí con người; do đó, theo cách đó, thôi miên có thể được coi là một dạng huyền thuật đã được biến đổi, bởi trong đó các mãnh lực vô hình này được điều khiển bởi ý chí con người, và kết quả hữu hình được tạo ra. Trạng thái của đối tượng có thể bị ảnh hưởng đáng kể; không chỉ có thể tạo ra đủ loại ảo giác, mà còn có thể làm cứng các chi và khiến chúng không cảm nhận được đau đớn, và con người có thể bị đưa vào trạng thái thôi miên sâu. Vì vậy, chúng ta có thể coi hai mãnh lực này—sinh lực và dĩ thái thần kinh—là những mãnh lực có thể được sử dụng và đã từng được sử dụng bởi huyền thuật.

Another great force which is used perhaps more frequently than any other is that of the elemental essence. It is impossible for me to turn aside from my subject in order to describe fully what elemental essence is, since

Một mãnh lực lớn khác có thể được sử dụng nhiều hơn bất kỳ mãnh lực nào khác là tinh hoa hành khí. Tôi không thể rời khỏi chủ đề của mình để mô tả đầy đủ tinh hoa hành khí là gì, vì điều đó sẽ yêu cầu cả một bài giảng. Do

[196] that would require a whole lecture. I can therefore give but a slight sketch of it now, and I must refer my hearers to the Theosophical Manuals and textbooks for fuller information. When speaking on reincarnation and on the various bodies of man, I explained how the ego when descending to a new birth draws round himself matter of the various planes, in order that later on he may build vehicles corresponding to each of these levels. It must be remembered that all this matter - alike that which draws the ego to himself for his own use, and the great sea of matter which lies outside—is not dead, but instinct with life. This life is essentially divine, for there is no life which is not divine; but it is nevertheless at a much earlier stage of evolution than the life which manifests in humanity or in the animal and vegetable kingdoms. We must then recognize that all this matter is charged with a kind of living essence; and the study of occultism enables us to distinguish between the many varieties of this strange living essence and to learn that these different kinds may be employed for different purposes in magic. The finer and more plastic matter of the astral and mental planes is readily sensitive to the action of the human will; so that the living force contained in this essence —even though it be divine force—is to a great extent at the disposal of anyone who learns how to use it.

đó, tôi chỉ có thể đưa ra một cái nhìn thoáng qua, và tôi phải giới thiệu người nghe của mình đến các sách hướng dẫn và sách giáo khoa về Thông Thiên Học để tìm hiểu thêm thông tin chi tiết. Khi nói về luân hồi và về các thể của con người, tôi đã giải thích cách mà chân ngã khi hạ xuống để đầu thai mới sẽ thu hút quanh mình vật chất của các cõi khác nhau, để sau này y có thể xây dựng các thể tương ứng với mỗi cõi. Cần nhớ rằng tất cả vật chất này—cả những thứ mà chân ngã thu hút đến để y sử dụng, lẫn biển vật chất lớn nằm bên ngoài—không phải là vật chết, mà là được thấm nhuần sự sống. Sự sống này về cơ bản là thiêng liêng, vì không có sự sống nào không phải là thiêng liêng; tuy nhiên, nó vẫn đang ở giai đoạn tiến hóa sớm hơn rất nhiều so với sự sống biểu hiện trong nhân loại hoặc trong các giới động vật và thực vật. Chúng ta phải nhận ra rằng tất cả vật chất này đều chứa đựng một loại tinh hoa sống; và nghiên cứu huyền học giúp chúng ta phân biệt giữa nhiều loại tinh hoa sống kỳ lạ này và học được rằng các loại khác nhau này có thể được sử dụng cho các mục đích khác nhau trong huyền thuật. Vật chất tinh tế và dẻo dai hơn của các cõi cảm dục và trí tuệ rất nhạy cảm với sự tác động của ý chí con người; do đó, mãnh lực sống chứa trong tinh hoa này—dù là mãnh lực thiêng liêng—đến mức độ lớn có thể nằm trong tầm kiểm soát của bất kỳ ai học được cách sử dụng nó.

Sometimes we read in Theosophical literature of “elementals.” Properly speaking the word applies only to temporary creations built up by the action of the human will out of this living essence and the matter in which it inheres. Such entities are impermanent, and are in no sense of the word evolving beings. The divine essence of which they are composed has an evolution of its own as essence; but the entity temporarily built out of

Đôi khi chúng ta đọc trong tài liệu Thông Thiên Học về “các tinh linh.” Theo đúng nghĩa, từ này chỉ áp dụng cho các tạo vật tạm thời được tạo ra bởi hành động của ý chí con người từ tinh hoa sống này và vật chất mà nó thấm nhuần. Những thực thể này là tạm thời, và không phải là các thực thể đang tiến hóa theo bất kỳ nghĩa nào. Tinh hoa thiêng liêng mà chúng được cấu thành có một quá trình tiến hóa riêng của nó như là tinh hoa; nhưng thực

[197] it has no evolution as an entity, and no power to reincarnate. It may be described indeed as consisting for the time of a body and a soul, for the matter and its living essence make a vehicle, which is energized by the thought-form as a separate entity will depend upon the strength of the thought-force which is its ensouling principle and holds it together. As soon as that force dies away its body of astral or mental matter (infused with elemental essence) will disintegrate, and the essence and matter will return to the surrounding atmosphere from which they were drawn. These thought-forms, however, may be capable and forceful while they last; and their employment by the will of the thinker is one of the commonest and yet one of the most effective of the acts of magic. Those who wish for further information on this important subject will find it in a book called Thought-Forms, in the production of which I had the honour of collaborating with Mrs. Besant. I should recommend all who are interested in this matter to study that book carefully, as the coloured illustrations which are there given will help the inquirer to a ready comprehension of the way in which forces act.

thể tạm thời được xây dựng từ nó không có sự tiến hóa với tư cách là một thực thể, và không có khả năng luân hồi. Nó có thể được mô tả như là bao gồm trong thời gian đó một thể xác và một linh hồn, vì vật chất và tinh hoa sống của nó tạo thành một thể, được kích hoạt bởi hình tư tưởng, như một thực thể riêng biệt phụ thuộc vào sức mạnh của lực tư tưởng là nguyên lý linh hồn của nó và giữ nó cùng nhau. Ngay khi lực đó mất đi, thể xác của nó bằng vật chất cảm dục hoặc trí tuệ (được thấm nhuần với tinh hoa hành khí) sẽ phân rã, và tinh hoa cùng vật chất sẽ trở về bầu không khí xung quanh nơi chúng được rút ra. Những hình tư tưởng này, tuy nhiên, có thể rất mạnh mẽ và hiệu quả trong thời gian tồn tại của chúng; và việc sử dụng chúng bởi ý chí của người suy nghĩ là một trong những hành vi phổ biến nhất và cũng là một trong những hành vi hiệu quả nhất của huyền thuật. Những ai muốn tìm hiểu thêm về chủ đề quan trọng này sẽ tìm thấy nó trong một cuốn sách có tựa đề *Hình Tư Tưởng*, mà tôi có vinh dự hợp tác với bà Besant trong việc biên soạn. Tôi khuyến nghị tất cả những ai quan tâm đến vấn đề này hãy nghiên cứu kỹ lưỡng cuốn sách đó, vì các hình minh họa màu trong đó sẽ giúp người nghiên cứu dễ dàng hiểu được cách thức mà các mãnh lực hoạt động.

Nature-Spirits—Tinh Linh

We have also to consider another class of entities which are frequently employed in magic; and this time we are dealing with real and evolving beings—not merely with temporary creations. There is a whole kingdom of vivid life which does not belong to our human line of evolution, but runs parallel with it, and utilizes this same world in which we live. This evolution contains all grades of intelligences, from entities at the level in that respect of our animal kingdom, to others who

Chúng ta cũng cần xem xét một nhóm thực thể khác thường xuyên được sử dụng trong huyền thuật; và lần này chúng ta đang nói về những sinh thể thực sự và đang tiến hóa—không chỉ đơn thuần là những tạo vật tạm thời. Có cả một vương quốc của sự sống sinh động không thuộc về dòng tiến hóa của nhân loại chúng ta, nhưng song hành với nó, và sử dụng cùng thế giới này mà chúng ta đang sống. Dòng tiến hóa này bao gồm tất cả các cấp bậc của trí tuệ, từ các thực thể ở mức độ tương

equal or [198] even greatly surpass the highest intellectual power of man. This evolution does not normally descend to the lower part of the physical plane; its members, at any rate, never take upon themselves dense physical bodies such as ours. The majority of those with whom we have to deal possess only astral bodies, although many types come down to the etheric part of the physical plane and clothe themselves with its matter, thus bringing themselves nearer to the limit of ordinary human sight. There are vast hosts of these beings, and an almost infinite number of types and classes and tribes among them.

đương với giới động vật của chúng ta, đến những thực thể ngang bằng hoặc thậm chí vượt xa trí tuệ cao nhất của con người. Dòng tiến hóa này thường không hạ xuống phần thấp hơn của cõi trần; dù sao thì, các thành viên của nó không bao giờ đảm nhận những thể vật lý đậm đặc như chúng ta. Đa số những thực thể mà chúng ta phải đối phó chỉ sở hữu các thể cảm dục, mặc dù nhiều loại trong số này hạ xuống phần dĩ thái của cõi trần và tự bao bọc mình trong vật chất này, do đó đưa chúng đến gần giới hạn của thị giác con người thông thường. Có vô số các thực thể này, và một số lượng hầu như vô tận các loại, lớp, và bộ tộc giữa chúng.

Broadly speaking, we may divide them into two great classes (a) nature-spirits or fairies, and (b) angels or, as they are called in the East, devas. This second class begins at a level corresponding to the human, but reaches up to heights far beyond any that humanity has as yet touched, so that its connection with magic is naturally of the slightest kind, and belongs solely to one special type of it, of which we shall speak presently. The nature-spirits have been called by many different names at different periods and in various countries. We read of them as fairies, elves, pixies, kobolds, sylphs, gnomes, salamanders, undines, brownies, or “good people,” and traditions of their occasional appearance exist in every country under heaven. They have usually been supposed to be merely the creations of popular superstition, and it is now doubt, true that much has been said of them which will not bear scientific investigation. Nevertheless it is true that such an evolution does exist, and that its members occasionally, though rarely, manifest themselves to human vision. Normally they have no connection whatever with humanity, and the majority of them rather shun than court the presence of man, since his ill-

Nói chung, chúng ta có thể chia chúng thành hai lớp lớn (a) các tinh linh tự nhiên hoặc tiên, và (b) thiên thần hoặc, như chúng được gọi ở phương Đông, các thiên thần (deva). Lớp thứ hai này bắt đầu ở một mức độ tương ứng với con người, nhưng vươn lên đến những đỉnh cao vượt xa bất kỳ thứ gì mà nhân loại đã chạm tới, do đó sự liên quan của chúng với huyền thuật là rất ít, và chỉ thuộc về một loại đặc biệt của nó, mà chúng ta sẽ nói đến sau. Các tinh linh tự nhiên đã được gọi bằng nhiều tên khác nhau ở các thời kỳ khác nhau và ở các quốc gia khác nhau. Chúng ta đọc về chúng như các tiên, yêu tinh, pixie, kobold, tinh linh không khí, người lùn đất, người lùn lửa, tinh linh nước, brownies, hoặc "những người tốt", và những truyền thuyết về sự xuất hiện của chúng tồn tại ở mọi quốc gia trên trái đất. Chúng thường được cho là những tạo vật chỉ tồn tại trong sự mê tín của dân gian, và có lẽ đúng là có nhiều điều đã được nói về chúng mà không chịu được sự điều tra khoa học. Tuy nhiên, sự thật là một dòng tiến hóa như vậy có tồn tại, và các thành viên của nó thỉnh thoảng, dù rất hiếm, biểu hiện ra trước thị giác con người. Thông thường, chúng không có mối liên hệ gì với nhân loại, và đa số trong số chúng thà lánh xa hơn là tìm đến sự hiện diện của con

regulated emotions, passions, and desires are to them a source [199] of much disturbance and acute discomfort; yet now and then exceptional circumstances have brought some of them into direct contact and even friendship with man.

người, vì những cảm xúc, đam mê và ham muốn không kiểm soát được của con người gây ra cho chúng nhiều rối loạn và sự khó chịu nghiêm trọng; tuy nhiên, thỉnh thoảng có những hoàn cảnh đặc biệt đã đưa một số trong số chúng tiếp xúc trực tiếp và thậm chí kết bạn với con người.

Naturally they possess powers and methods of their own, and sometimes they can be either induced or compelled to put these powers at the service of the student of occultism. Although they are not as yet individualized, and in that respect correspond rather to the animal kingdom than to humanity, yet their intelligence is in many cases equal to that of man. They seem, however, to have usually but little sense of responsibility, and the will is generally somewhat less developed with them than it is with the average man. They can therefore readily be dominated by the exercise of mesmeric powers, and can then be employed in many ways to carry out the will of the magician. There are many purposes for which they may be utilized, and so long as the tasks prescribed to them are within their power they will be faithfully and surely executed.

Tự nhiên chúng có những sức mạnh và phương pháp riêng, và đôi khi chúng có thể bị thúc đẩy hoặc bị ép buộc để đặt những sức mạnh này vào sự phục vụ của học viên huyền thuật. Mặc dù chúng chưa được cá nhân hóa, và ở khía cạnh đó, chúng tương ứng với giới động vật hơn là với nhân loại, nhưng trí tuệ của chúng trong nhiều trường hợp ngang bằng với trí tuệ của con người. Tuy nhiên, dường như chúng có rất ít ý thức trách nhiệm, và ý chí của chúng thường ít phát triển hơn so với con người bình thường. Do đó, chúng có thể dễ dàng bị chi phối bởi việc sử dụng các năng lực thôi miên, và sau đó chúng có thể được sử dụng theo nhiều cách để thực hiện ý chí của nhà huyền thuật. Có nhiều mục đích mà chúng có thể được sử dụng, và miễn là các nhiệm vụ được giao trong phạm vi khả năng của chúng, chúng sẽ được thực hiện một cách trung thành và chắc chắn.

All this will no doubt seem strange and new to many minds, but any student of the occult will confirm what I have said here as to the existence of these beings and the possibility that they can be used in various ways by one who understands them. I have myself made a considerable study of this subject, and you must therefore pardon me if I appear to speak positively and as a matter of course with regard to many things that for the majority of you may seem questionable or beyond human knowledge. To give a full account of all of the many classes of these nature-spirits would be to write a kind of natural history of the astral plane, and in order to describe them all we

Tất cả những điều này hẳn sẽ có vẻ lạ lẫm và mới mẻ đối với nhiều người, nhưng bất kỳ học viên huyền học nào cũng sẽ xác nhận những gì tôi đã nói ở đây về sự tồn tại của các thực thể này và khả năng chúng có thể được sử dụng theo nhiều cách bởi những ai hiểu về chúng. Tôi tự mình đã có một nghiên cứu khá sâu về chủ đề này, và do đó các bạn phải tha thứ cho tôi nếu tôi có vẻ nói một cách khẳng định và như là một điều tất nhiên liên quan đến nhiều điều mà đối với phần lớn các bạn có vẻ là đáng nghi ngờ hoặc vượt quá hiểu biết của con người. Để đưa ra một miêu tả đầy đủ về tất cả các lớp khác nhau của những tinh linh tự nhiên này sẽ là viết ra một dạng lịch sử tự

should need many large volumes. Yet the man who wishes to deal fully and efficiently with what is called practical magic must not only be able to [200] recognize immediately upon sight all these thousands of varieties, but must also know which of them can most suitably be employed for any special piece of work that he may have in hand.

nhiên của cõi cảm dục, và để mô tả tất cả chúng, chúng ta sẽ cần rất nhiều tập sách lớn. Tuy nhiên, người muốn xử lý đầy đủ và hiệu quả với những gì gọi là huyền thuật thực tiễn không chỉ phải có khả năng nhận biết ngay lập tức khi nhìn thấy tất cả hàng ngàn loại khác nhau này, mà còn phải biết loại nào có thể được sử dụng phù hợp nhất cho bất kỳ công việc đặc biệt nào mà anh ta đang thực hiện.

The forces to which I have referred are those most commonly employed in ordinary types of magic; but in addition to them the occult student has at his command stupendous reserves of power of various sorts not yet known to the scientific world. There is an etheric pressure, just as there is an atmospheric pressure; but the scientific man will never be able to use this force, or even to demonstrate its existence, until he can invent some substance which shall be impervious to ether, so that he can construct a chamber or vessel out of which ether can be pumped, precisely as the air is withdrawn from the reservoir of an air-pump. There are methods known to occult science by which this can be done, and so this tremendous etheric pressure can be reined in and utilized. There are also mighty electric and magnetic currents, which can be tapped and brought down to the physical plane by him who understands them; and an enormous amount of energy may be liberated by the mere process of transferring matter from one condition to another. So that along different lines there is much energy available in nature for a man who knows how to use it; and all of it is controllable by the developed human will. Another point that must not be forgotten is that all round us stand those whom we call the dead—those who have only recently put off their physical bodies, and are still hovering close about us in their astral vehicles. They also may be influenced, either mesmerically or by

Các mãnh lực mà tôi đã đề cập là những mãnh lực thường được sử dụng nhất trong các dạng huyền thuật thông thường; nhưng bên cạnh chúng, học viên huyền học có trong tay những dự trữ sức mạnh khổng lồ của các loại khác nhau mà khoa học thế giới vẫn chưa biết đến. Có một áp lực dĩ thái, giống như có một áp lực khí quyển; nhưng nhà khoa học sẽ không bao giờ có thể sử dụng mãnh lực này, hoặc thậm chí chứng minh sự tồn tại của nó, cho đến khi anh ta có thể phát minh ra một chất không bị xuyên thấu bởi dĩ thái, để anh ta có thể tạo ra một buồng hoặc bình chứa từ đó dĩ thái có thể bị rút đi, giống như cách không khí được rút khỏi kho chứa của máy bơm không khí. Có những phương pháp được khoa học huyền học biết đến mà qua đó điều này có thể được thực hiện, và do đó áp lực dĩ thái khổng lồ này có thể bị kiểm soát và sử dụng. Ngoài ra, còn có những dòng điện và từ trường mạnh mẽ, có thể được khai thác và đưa xuống cõi trần bởi những ai hiểu chúng; và một lượng năng lượng khổng lồ có thể được giải phóng chỉ bằng quá trình chuyển đổi vật chất từ một trạng thái này sang trạng thái khác. Do đó, theo những hướng khác nhau, có rất nhiều năng lượng sẵn có trong tự nhiên cho người biết cách sử dụng nó; và tất cả đều có thể được kiểm soát bởi ý chí con người đã phát triển. Một điểm khác không được quên là xung quanh chúng ta luôn có những người mà chúng ta gọi là người chết—những người chỉ mới gần đây từ bỏ các thể xác của họ, và vẫn đang lơ lửng quanh chúng ta trong các thể cảm

persuasion, just as those still in the flesh can be; and many cases arise in which we have to take account of their action. [201] and of the extent to which their control of the astral forces can be brought into play.

dục của họ. Họ cũng có thể bị ảnh hưởng, hoặc bởi thôi miên hoặc bởi sự thuyết phục, giống như những người còn sống trong thể xác; và có nhiều trường hợp chúng ta phải tính đến hành động của họ và mức độ mà sự kiểm soát của họ đối với các mãnh lực cảm dục có thể được đưa vào cuộc chơi.

Four Types of Magicians— Bốn loại nhà huyền thuật

First, there is a type of man who possesses such iron determination and such confidence in himself and in his power to dominate nature by the mere force of his spirit that he gains his end solely by determined insistence upon it. He realizes that his will is the true motive force, and he neither knows nor cares through what intermediary agencies this will may work. He is careless, and may even be ignorant, as to methods; but rides down all opposition, as it were, by brute force, and does that which he wishes simply through the tremendous strength of his unalterable conviction that it can be done and shall be done. Such magicians are few, but they exist; and if not benevolently inclined they may be formidable. They do not need a method by which to gain confidence; they appear to possess it in their very nature.

Trước hết, có một kiểu người sở hữu sự quyết tâm sắt đá và niềm tin tuyệt đối vào bản thân cũng như khả năng thống trị thiên nhiên chỉ bằng sức mạnh tinh thần của mình, đến mức anh ta đạt được mục đích chỉ đơn giản bằng sự kiên quyết khăng khăng. Anh ta nhận ra rằng ý chí của mình là động lực thực sự, và anh ta không biết cũng không bận tâm đến các phương tiện trung gian mà ý chí của mình có thể hoạt động thông qua. Anh ta không chú ý đến các phương pháp, và có thể thậm chí không biết gì về chúng; nhưng anh ta lướt qua mọi trở ngại, như thể bằng sức mạnh thuần túy, và thực hiện điều mình mong muốn chỉ đơn giản nhờ vào sức mạnh khổng lồ của niềm tin không thể lay chuyển rằng điều đó có thể thực hiện được và chắc chắn sẽ được thực hiện. Những nhà huyền thuật như vậy rất hiếm, nhưng họ tồn tại; và nếu họ không có khuynh hướng từ thiện, họ có thể là những người rất đáng sợ. Họ không cần phương pháp để đạt được sự tự tin; dường như họ sở hữu nó trong bản chất của chính mình.

The second type of man gains the necessary confidence to command from his thorough knowledge of the subject with which he is dealing and of the forces which he is employing. He may be called the scientific magician, for he has made a close study of the astral and mental physics, he knows all about the different types of elemental essence and the various classes of nature-spirits, so that in

Loại người thứ hai có được sự tự tin cần thiết để điều khiển từ kiến thức kỹ lưỡng về chủ đề mà anh ta đang xử lý và về các mãnh lực mà anh ta đang sử dụng. Anh ta có thể được gọi là nhà huyền thuật khoa học, vì anh ta đã nghiên cứu kỹ lưỡng về vật lý cảm dục và trí tuệ, anh ta biết tất cả về các loại tinh hoa hành khí khác nhau và các lớp tinh linh tự nhiên khác nhau, để trong mọi trường hợp, anh ta có thể sử dụng

every case he is able to use the most appropriate means to obtain the result which he desires with the least possible exertion or difficulty. His thorough familiarity with the subject makes him feel thoroughly at home with it and capable of dealing with any emergencies which may arise. [203]

phương tiện thích hợp nhất để đạt được kết quả mà mình mong muốn với ít nỗ lực hoặc khó khăn nhất. Sự quen thuộc kỹ lưỡng của anh ta với chủ đề khiến anh ta cảm thấy hoàn toàn thoải mái với nó và có khả năng xử lý bất kỳ tình huống khẩn cấp nào có thể phát sinh.

Many such men also make a study of appropriate times and seasons as well as of appropriate forces; they know at what moment it will be easiest to produce a certain result, and so they gain what they need with the least possible expenditure. This whole question of times and seasons and of periodical influences which wax and wane is one of extreme interest; but it would take us too far from the main line of our subject if we were to plunge into that this evening, for it would mean the opening up and the review of the whole question of astrology. It is sufficient for us for the moment if we understand that there are times when, and conditions under which, certain efforts can more easily be made, so that what can be done only with extreme difficulty (or perhaps even cannot be done at all) at one time, may be managed with comparative ease at another. This obviously implies the existence of influences, planetary or otherwise, which are acting upon and within our world; and the exhaustive knowledge of all these and of their combinations is naturally necessary for the worker in practical magic.

Nhiều người thuộc loại này cũng nghiên cứu về thời gian và mùa thích hợp cũng như về các mãnh lực thích hợp; họ biết vào lúc nào dễ dàng nhất để tạo ra một kết quả cụ thể, và do đó họ đạt được điều mình cần với chi phí thấp nhất. Toàn bộ vấn đề về thời gian, mùa và ảnh hưởng chu kỳ tăng giảm là một vấn đề vô cùng thú vị; nhưng điều đó sẽ đưa chúng ta quá xa khỏi chủ đề chính của mình nếu chúng ta lún sâu vào nó tối nay, vì điều đó có nghĩa là mở ra và xem xét toàn bộ vấn đề về chiêm tinh học. Tạm thời, điều đủ cho chúng ta hiểu là có những thời điểm và điều kiện khi những nỗ lực nhất định có thể dễ dàng thực hiện hơn, vì vậy những điều có thể rất khó khăn (hoặc thậm chí có thể không thực hiện được) vào một thời điểm này, có thể được xử lý dễ dàng vào thời điểm khác. Điều này rõ ràng ngụ ý rằng có những ảnh hưởng, có thể là hành tinh hoặc những thứ khác, đang tác động đến và bên trong thế giới của chúng ta; và kiến thức thấu đáo về tất cả những điều này và sự kết hợp của chúng là cần thiết cho người thực hành huyền thuật thực tế.

Another type of magician attains the confidence necessary to insure obedience to his commands by means of faith or devotion. He has so firm a faith in his leader or deity, that he is certain that any command pronounced in that name must be instantly obeyed. I am not speaking merely of results which may be produced upon the mental and upon the astral planes, but also of definite and

Một loại nhà huyền thuật khác có được sự tự tin cần thiết để đảm bảo sự tuân theo các mệnh lệnh của mình bằng đức tin hoặc lòng sùng kính. Anh ta có đức tin vững chắc đến mức vào vị lãnh đạo hoặc Thượng Đế của mình, rằng anh ta chắc chắn rằng bất kỳ mệnh lệnh nào phát ra dưới danh nghĩa đó phải được tuân thủ ngay lập tức. Tôi không chỉ nói về những kết quả có thể được tạo ra trên các cõi

visible physical effects. We have only to read ecclesiastical history to come across many cases of wonderful cures of physical diseases which have been produced through just such determined efforts of faith as those to which I have referred. The authenticated accounts of [204] the cures at Lourdes in France and at Knock in Ireland show that a great many ills, even of purely physical type, will yield before determined faith. Any man who has in this way obtained sufficient confidence will find his will so much strengthened thereby that he will be able to produce the most unexpected results.

trí tuệ và cảm dục, mà còn về những kết quả cụ thể và hữu hình trong cõi trần. Chúng ta chỉ cần đọc lịch sử giáo hội để thấy nhiều trường hợp về những phép chữa lành kỳ diệu các bệnh thể chất đã được tạo ra chỉ qua những nỗ lực đức tin mạnh mẽ như những điều tôi vừa đề cập. Những ghi chép được xác thực về những phép chữa lành tại Lourdes ở Pháp và Knock ở Ireland cho thấy rằng nhiều bệnh tật, thậm chí là những loại hoàn toàn về thể chất, sẽ lùi bước trước đức tin mạnh mẽ. Bất kỳ người nào có được sự tự tin đủ mạnh mẽ theo cách này sẽ thấy ý chí của mình được củng cố đến mức anh ta có thể tạo ra những kết quả bất ngờ nhất.

It should be remembered that it is his own will which brings the satisfactory result—not the intervention of the Greater One whose name he speaks. I know that many earnest Christians attribute the healing directly to Christ, in whose name it is performed; but deeper study of the subject will show them that cures precisely similar and quite as astonishing have been performed by equally earnest men in the name of the Lord Buddha, or in the name of Mithra, or of any other of the great leaders and teachers of the world. It is the tremendous faith that gives the power; in what or in whom is the faith matters but little. The greater person whose name is invoked may not even be aware of the circumstance; although if he does know and does in any way interfere we may be sure that it will rather be by the strengthening of the faith and will of his follower than by any special effort of his own power.

Cần nhớ rằng chính ý chí của anh ta mang lại kết quả tốt đẹp—không phải sự can thiệp của Đấng Cao Cả mà tên của Ngài được nhắc đến. Tôi biết rằng nhiều tín đồ Cơ Đốc chân thành quy kết phép chữa lành trực tiếp cho Đức Christ, nhân danh Ngài mà điều đó được thực hiện; nhưng nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này sẽ cho họ thấy rằng những phép chữa lành tương tự và không kém phần kỳ diệu đã được thực hiện bởi những người chân thành không kém dưới danh nghĩa của Đức Phật, hoặc của Mithra, hoặc của bất kỳ nhà lãnh đạo và giáo huấn vĩ đại nào của thế giới. Chính đức tin mạnh mẽ mới là điều mang lại sức mạnh; đối tượng hay cá nhân mà đức tin hướng tới là gì không quan trọng nhiều. Vị vĩ nhân có tên được xưng có thể thậm chí không nhận thức được tình huống đó; mặc dù nếu Ngài có biết và có can thiệp theo cách nào, chúng ta có thể chắc chắn rằng điều đó sẽ là thông qua việc củng cố đức tin và ý chí của người đi theo mình hơn là bất kỳ nỗ lực đặc biệt nào của chính quyền lực của Ngài.

Yet another class consists of those who believe in the efficacy of certain ceremonies, or of certain formulae. For them and in their hands the formulae or the ceremonies are effective; but in most cases it is not because of any

Lại có một lớp khác gồm những người tin vào hiệu quả của các nghi lễ nhất định, hoặc các công thức nhất định. Đối với họ và trong tay họ, các công thức hoặc nghi lễ đó có hiệu quả; nhưng trong hầu hết các trường hợp, không

inherent virtue which the forms possess, but because of the confidence of the magician that when he employs them the result must inevitably ensue. If we read any account of the working of mediaeval alchemists, we shall see that they had many such ceremonies, and that the majority of them would have considered themselves incapable of obtaining their results without the [205] surroundings to which they were accustomed. They wore robes of various types, they used Kabalistic figures, they waved round their heads swords magnetized for definite purposes; they burnt their drugs or sprinkled their essences. It is true that some of these things have also a certain potency of their own, but in the majority of cases all that they do is to give confidence to the performer, and so to strengthen his will to the requisite point. He has been told by his teachers or his scriptures that all these paraphernalia are effective, and that in using them he will certainly succeed. The man by himself might possibly waver and feel frightened; but with the proper robes and signs and weapons he feels so sure of success that he goes straight through without hesitation.

phải vì các hình thức đó có một phẩm chất nội tại nào, mà là vì sự tự tin của nhà huyền thuật rằng khi anh ta sử dụng chúng, kết quả nhất định sẽ xảy ra. Nếu chúng ta đọc bất kỳ tài liệu nào về hoạt động của các nhà giả kim thời trung cổ, chúng ta sẽ thấy rằng họ có nhiều nghi lễ như vậy, và phần lớn trong số họ sẽ coi mình là không có khả năng đạt được kết quả mà không có những vật dụng mà họ quen thuộc. Họ mặc những loại áo choàng khác nhau, họ sử dụng các hình vẽ Kabalistic, họ vung kiếm được từ hóa quanh đầu cho các mục đích nhất định; họ đốt các loại thuốc của mình hoặc rắc các loại tinh chất. Đúng là một số thứ này cũng có một số sức mạnh riêng, nhưng trong hầu hết các trường hợp, tất cả những gì chúng làm là mang lại sự tự tin cho người thực hiện, và do đó củng cố ý chí của anh ta đến mức cần thiết. Anh ta được thầy dạy hoặc sách kinh bảo rằng tất cả những công cụ này đều hiệu quả, và rằng khi sử dụng chúng, anh ta chắc chắn sẽ thành công. Người đó có thể do dự hoặc sợ hãi, nhưng với trang phục, dấu hiệu, và vũ khí thích hợp, anh ta cảm thấy chắc chắn về sự thành công đến mức đi thẳng về phía trước mà không do dự.

The Magic of Command— Huyền thuật của mệnh lệnh

We may usefully divide the subject of magic into two great parts, according to the methods which it employs; and we may characterize these respectively as methods of evocation and of invocation—of command and of entreaty.

Chúng ta có thể phân chia chủ đề huyền thuật một cách hữu ích thành hai phần lớn, dựa trên các phương pháp mà nó sử dụng; và chúng ta có thể đặc trưng hóa chúng tương ứng như là các phương pháp triệu hồi và khẩn cầu—của mệnh lệnh và của sự van xin.

Let us consider the former first. Although it may act through many different channels, the one great force at the back of all magic of this first type is the human will. By this the vitality and the nerve-ether can be directed; by this all the varieties of elemental essence may be

Hãy xem xét phần đầu tiên trước. Mặc dù nó có thể hành động thông qua nhiều kênh khác nhau, nhưng sức mạnh lớn duy nhất đứng sau tất cả huyền thuật thuộc loại này là ý chí con người. Nhờ đó, sinh lực và dĩ thái thần kinh có thể được điều khiển; nhờ đó, tất cả các loại tinh

guided, selected and built into forms either simple or complex according to the work that they have to do. By this magnetic control may be gained over any of the classes of nature-spirits; by this also the wills of others, whether living or dead, may be so dominated that they become practically but tools in the hands of the magician. Indeed it is scarcely possible to fix the limits of the power of the human will when properly directed; it is so much more far-reaching than the ordinary man ever supposes, that the results gained by its means appear to him astounding and supernatural. The study of this subject brings one gradually to the realization of what was meant by the remark that if faith were only sufficient it could remove mountains and cast them into the sea; and even this oriental description seems scarcely exaggerated when one examines authenticated instances of what has been achieved by this marvellous power.

hoa hành khí có thể được hướng dẫn, chọn lọc và xây dựng thành các hình tướng, đơn giản hoặc phức tạp tùy theo công việc mà chúng phải thực hiện. Nhờ đó, sự kiểm soát từ tính có thể đạt được đối với bất kỳ lớp tinh linh tự nhiên nào; nhờ đó, ý chí của những người khác, dù còn sống hay đã chết, có thể bị chi phối đến mức họ trở thành công cụ trong tay của nhà huyền thuật. Thật vậy, hầu như không thể xác định giới hạn của sức mạnh của ý chí con người khi được hướng dẫn đúng cách; nó mạnh mẽ hơn nhiều so với những gì mà người thường có thể tưởng tượng, đến mức các kết quả đạt được nhờ phương tiện của nó dường như làm người ta kinh ngạc và cho là siêu nhiên. Việc nghiên cứu chủ đề này dần dần đưa người ta đến nhận thức về điều đã được nói rằng nếu đức tin đủ lớn, nó có thể dời núi và ném chúng xuống biển; và ngay cả mô tả mang tính phương Đông này dường như cũng không bị phóng đại khi người ta xem xét các trường hợp đã được xác thực về những gì đã đạt được nhờ sức mạnh tuyệt vời này.

But in order that this mighty engine of the will may work effectively, the magician must possess perfect confidence. This is gained in various ways, according to [202] the type to which the mind of the magician belongs. Broadly speaking, we may classify the magicians under four heads, though in a detailed account we should have to take into consideration the various subdivisions and modifications of these.

Nhưng để bộ máy hùng mạnh của ý chí này có thể hoạt động hiệu quả, nhà huyền thuật phải có sự tự tin hoàn hảo. Sự tự tin này được đạt được theo nhiều cách khác nhau, tùy theo kiểu tư duy của nhà huyền thuật thuộc về loại nào. Nói chung, chúng ta có thể phân loại các nhà huyền thuật thành bốn nhóm lớn, mặc dù trong một mô tả chi tiết hơn, chúng ta sẽ phải xem xét đến các phân loại và biến thể khác nhau của chúng.

Three Types of Force— Ba loại mãnh lực

A magician of any one of these types has at his disposal the forces of three levels—the mental, the astral, and the etheric physical. All of these can be directed by the human will, and in using any one of them a man necessarily sets in motion vibrations in the

Một nhà huyền thuật thuộc bất kỳ loại nào trong các loại này đều có thể sử dụng các mãnh lực từ ba cõi—trí tuệ, cảm dục, và dĩ thái vật lý. Tất cả các mãnh lực này đều có thể được điều khiển bởi ý chí con người, và khi sử dụng bất kỳ một trong số chúng, con người sẽ tất yếu

others also. The scientific magician will choose among these, and so will save himself much exertion. Along other lines of magic than the scientific it is probable that the performer nearly always sets in motion much more force and power, and employs much more energy than is at all needful for the object in hand; nevertheless he also attains his results, though it may be at the cost of superfluous disturbance and unnecessary fatigue to himself.

khởi động các rung động trong các cõi khác nữa. Nhà huyền thuật khoa học sẽ chọn lựa giữa chúng, nhờ đó tiết kiệm được nhiều công sức. Trong các phương pháp huyền thuật khác không mang tính khoa học, rất có thể người thực hiện hầu như luôn kích hoạt nhiều mãnh lực và sức mạnh hơn rất nhiều so với mức cần thiết cho mục tiêu trước mắt; tuy nhiên, anh ta vẫn đạt được kết quả của mình, mặc dù có thể phải trả giá bằng sự xáo trộn không cần thiết và sự mệt mỏi không đáng có cho bản thân.

Without going into details, it is not difficult to see how a man who understands will make choice of his materials. If he is dealing with a man of great intellectual development and keen receptivity on the mental [206] plane, it will obviously be better to approach him on that level by means of definite thought, or through the services of the nature-spirits abiding there. If on the other hand, he is dealing with a man whose life is intensely emotional, he will probably find it easier to impress him along that line, and consequently he will send thought-forms veiled in astral matter, or employ the services of the lower type of nature-spirits whose bodies are built of the matter of that plane. If he is dealing with a man of grossly material type, one who has dipped very deeply into the physical plane, it seems reasonable to employ the forces and intelligences which clothe themselves most readily in physical matter. But in all these cases alike the motive power at the back is the indomitable will of the operator, through whatever channels he may find it best to work.

Không cần đi vào chi tiết, không khó để thấy cách mà một người hiểu biết sẽ lựa chọn nguyên liệu của mình. Nếu anh ta đang xử lý một người có sự phát triển trí tuệ lớn và nhạy bén trong việc tiếp nhận ở cõi trí tuệ, thì rõ ràng sẽ tốt hơn khi tiếp cận người đó ở cấp độ đó bằng những tư tưởng cụ thể, hoặc thông qua sự phục vụ của các tinh linh tự nhiên cư ngụ tại cõi này. Mặt khác, nếu anh ta đang xử lý một người mà cuộc sống cực kỳ cảm xúc, anh ta có thể sẽ thấy dễ dàng hơn khi gây ấn tượng cho người đó theo hướng này, và do đó anh ta sẽ gửi các hình tư tưởng được che giấu trong vật chất cảm dục, hoặc sử dụng sự phục vụ của các tinh linh tự nhiên cấp thấp hơn, những thực thể có thân thể được xây dựng từ vật chất của cõi này. Nếu anh ta đang đối phó với một người có bản chất vật chất thô thiển, người đã chìm rất sâu vào cõi trần, có vẻ hợp lý để sử dụng các mãnh lực và các trí tuệ dễ dàng khoác lên mình vật chất vật lý nhất. Nhưng trong tất cả các trường hợp này, sức mạnh động lực đứng sau vẫn là ý chí bất khuất của người điều khiển, dù anh ta tìm thấy kênh nào là tốt nhất để hành động.

Magic in Religion— Huyền thuật trong tôn giáo

We find abundant traces of this magic of command in the ceremonies connected with

Chúng ta tìm thấy rất nhiều dấu vết của huyền thuật mệnh lệnh trong các nghi lễ liên quan

almost every religion in the world. You may remember that in speaking of Buddhism I drew your attention to a manifestation of it which appears in connection with the chanting of the Pirit; and you will see many signs of it in the accounts given to us of old Egyptian ceremonies. Indeed, we have obvious relics of it much nearer to us than that, for they appear again and again in the ritual of the Christian church. For example, it is well known to students of practical occultism that of all substances water is one of the most easily charged with force. It may readily be induced to absorb influence of any particular type, and will retain this unimpaired for a long period of time. We see analogy to this on the physical plane, for we know that water which has stood uncovered in a bedroom [207] during the night is unfit for drinking purposes, because it has absorbed into itself all the impurities cast off during that period from the physical bodies of the sleepers. It is found that it may equally readily be charged with magnetism of any type, either for good or evil purposes, as will be seen by the accounts of various mesmeric experiments in almost any of the books devoted to that subject.

đến hầu hết mọi tôn giáo trên thế giới. Các bạn có thể nhớ rằng khi nói về Phật giáo, tôi đã thu hút sự chú ý của các bạn đến một biểu hiện của điều này liên quan đến việc tụng niệm Pirit; và các bạn sẽ thấy nhiều dấu hiệu của điều đó trong các tường thuật về các nghi lễ cổ của Ai Cập. Thực sự, chúng ta có những tàn tích rõ ràng của điều này ở gần chúng ta hơn nhiều, vì chúng xuất hiện lặp đi lặp lại trong nghi thức của Giáo hội Cơ Đốc. Ví dụ, điều mà các học viên huyền học thực hành biết rõ là trong tất cả các chất, nước là một trong những thứ dễ dàng bị nạp mãnh lực nhất. Nước có thể dễ dàng hấp thụ ảnh hưởng của bất kỳ loại lực nào, và sẽ giữ lại sự ảnh hưởng đó trong một thời gian dài. Chúng ta thấy sự tương tự với điều này trên cõi trần, vì chúng ta biết rằng nước đã được để hở trong phòng ngủ qua đêm là không thích hợp để uống, vì nó đã hấp thụ tất cả các tạp chất thải ra từ thể xác của những người đang ngủ trong thời gian đó. Nước cũng có thể dễ dàng được nạp từ tính của bất kỳ loại nào, dù là cho mục đích tốt hay xấu, như có thể thấy qua các tường thuật về các thí nghiệm thôi miên khác nhau trong hầu hết các sách viết về chủ đề này.

This fact seems to have been well known to those who established the ceremonies of the early Christian church. Even at the present day upon entering any Roman Catholic church we find at the door a stoup of holy water, as it is called; and it will be observed that the faithful as they enter dip their fingers into this water and make with it the sign of the cross upon their foreheads or breasts. If interrogated as to the meaning of this, they tell us that it is in order to drive away from them evil thoughts or feelings and to purify them for the services in which they are about to take part. The ignorant and boastful Protestant probably regards this as an

Điều này dường như đã được biết đến rất rõ đối với những người thiết lập các nghi lễ của Giáo hội Cơ Đốc sơ khai. Thậm chí vào thời điểm hiện tại, khi bước vào bất kỳ nhà thờ Công giáo La Mã nào, chúng ta thấy tại cửa có một chậu nước thánh; và có thể quan sát thấy rằng các tín hữu khi vào nhà thờ nhúng ngón tay của họ vào nước này và làm dấu thánh giá lên trán hoặc ngực của họ. Nếu hỏi họ về ý nghĩa của điều này, họ sẽ cho biết rằng đó là để xua đuổi khỏi họ những suy nghĩ hoặc cảm xúc xấu xa và thanh tẩy họ để tham gia vào các nghi lễ mà họ sắp thực hiện. Người theo đạo Tin Lành thiếu hiểu biết và tự mãn có thể coi điều này là một ví dụ của sự mê tín thấp hèn; nhưng như

instance of degrading superstition; but, as usual, that shows only that he knows nothing whatever of the subject.

thường lệ, điều đó chỉ cho thấy rằng anh ta không hề biết gì về chủ đề này.

Any student of occultism who will take the trouble to read in the Roman prayer-book the office for the making of holy water cannot fail to be struck with the fact that it is undoubtedly a definite magical ceremony. For the purpose of consecration of holy water the priest is directed to take clean water and clean salt; and he commences operations by a process which is called the exorcising of the salt and the water. He has to recite certain forms which, though by courtesy they are called prayers, are in reality adjurations of the strongest type. He adjures the salt and the water successively in the most determined language, commanding that all evil influences shall be driven out from them and that they shall be left [208] clean and pure; and as he does this he is directed again and again to lay his hand upon the vessels containing the salt and the water. Evidently the whole ceremony is a mesmeric one, and the objectionable influence, if there be any, would be driven out by the time the priest had finished his devotions. Then having purified his elements —having removed from them anything that might be undesirable—he proceeds to magnetize them vigorously for a particular and definite purpose. Once more he recites determined adjurations, and is directed again and again as he uses these powerful words to make over the elements with his hand the sign of the cross, holding strongly in mind the will to bless. This means that he is saturating both the salt and the water with his own magnetic influence, specially charged and directed by his will for this clearly-defined purpose—that wherever this water shall be sprinkled all evil thought or feeling shall be driven away before it. Then with one final effort he casts the salt into the water in the form of a cross, and the

Bất kỳ học viên huyền học nào chịu khó đọc trong sách cầu nguyện của Giáo hội La Mã phần nghi thức làm nước thánh đều không thể không bị ấn tượng bởi thực tế rằng đó chắc chắn là một nghi lễ huyền thuật cụ thể. Để thánh hóa nước thánh, linh mục được chỉ dẫn lấy nước sạch và muối sạch; và nghi lễ bắt đầu bằng một quá trình gọi là "trừ tà" cho muối và nước. Linh mục phải đọc các hình thức nhất định, mặc dù theo cách lịch sự chúng được gọi là "lời cầu nguyện", nhưng thực tế là những lời nghiêm nghị mạnh mẽ. Linh mục trịnh trọng yêu cầu muối và nước, từng cái một, với ngôn ngữ mạnh mẽ nhất, ra lệnh rằng tất cả các ảnh hưởng xấu xa phải bị xua đuổi khỏi chúng và chúng phải được để lại sạch sẽ và tinh khiết; và khi làm điều này, Ông ta được chỉ đạo nhiều lần đặt tay lên các bình chứa muối và nước. Rõ ràng, toàn bộ nghi lễ này là một quá trình thôi miên, và nếu có bất kỳ ảnh hưởng xấu nào, nó sẽ bị đẩy ra trước khi linh mục kết thúc lời cầu nguyện của mình. Sau đó, sau khi đã thanh tẩy các yếu tố này—đã loại bỏ khỏi chúng bất kỳ điều gì có thể không mong muốn—ông ta tiếp tục nạp mãnh lực mạnh mẽ cho chúng với một mục đích cụ thể và rõ ràng. Một lần nữa, Ông ta đọc những lời trịnh trọng mạnh mẽ, và nhiều lần khi đọc những lời này, Ông ta được chỉ đạo làm dấu thánh giá trên các yếu tố bằng tay của mình, giữ trong tâm trí ý chí muốn ban phước. Điều này có nghĩa là Ông ta đang thấm nhuần muối và nước bằng ảnh hưởng từ tính của chính mình, đặc biệt được nạp và hướng dẫn bởi ý chí của Ông ta cho mục đích được xác định rõ ràng—rằng bất cứ nơi nào nước này được rảy, mọi suy nghĩ hoặc cảm xúc xấu xa sẽ bị xua đuổi trước nó. Sau đó, với một nỗ lực cuối cùng, Ông ta rắc muối vào nước theo hình thánh giá, và nghi lễ được hoàn thành.

ceremony is completed.

I have no doubt that there are many priests who simply go through all this ceremonial as a matter of form, without putting any thought or strength into it. But I also know that there are many others to whom the ritual is intensely real—men who do throw strength and force into their proceedings; and naturally in their case the water is heavily charged with powerful magnetism and a decided magnetic result is produced. I myself have frequently performed this little ceremony as a priest of what was called the ritualistic section of the Church of England; and I can testify that in my own case I believed vividly in the efficacy of the operation, and I have no doubt therefore that the water which I magnetized was really effective for the purposes intended. Any one who [209] is psychically sensitive may easily tell upon entering a Catholic church and just touching the holy water with the hand, whether or not the priest who consecrated it put real strength and thought into his work.

Tôi không nghi ngờ rằng có nhiều linh mục chỉ thực hiện nghi lễ này như một hình thức mà không đặt bất kỳ suy nghĩ hay sức mạnh nào vào đó. Nhưng tôi cũng biết rằng có nhiều người khác coi nghi lễ này là vô cùng thực tế—những người thực sự đưa sức mạnh và mãnh lực vào trong các nghi thức của mình; và tự nhiên, trong trường hợp của họ, nước thánh được nạp từ tính mạnh mẽ và một kết quả từ tính rõ ràng được tạo ra. Chính bản thân tôi đã thường xuyên thực hiện nghi lễ nhỏ này khi còn là linh mục của phần nghi lễ trong Giáo hội Anh; và tôi có thể làm chứng rằng trong trường hợp của riêng tôi, tôi tin tưởng mãnh liệt vào hiệu quả của việc này, và do đó tôi không nghi ngờ gì rằng nước mà tôi nạp từ tính thực sự có hiệu quả cho các mục đích mong muốn. Bất kỳ ai có nhạy cảm tâm linh đều có thể dễ dàng nhận biết khi bước vào một nhà thờ Công giáo và chỉ cần chạm tay vào nước thánh, xem liệu linh mục đã thánh hóa nó có thực sự đặt sức mạnh và suy nghĩ vào công việc của mình hay không.

Consecrated water is employed in many other of the ceremonies of the Church. In baptism, for example, the water is carefully blessed before the ceremony commences; even in the services of the Church of England you will still find traces of this, for the priest prays that the water shall be sanctified to the mystical washing away of sin, and as he utters these words it is usual for him to make the sign of the cross in the water which is to be employed. It will be remembered also that churches and burial grounds are consecrated or set apart for a holy purpose, and there also a special effort is made to scatter good influences, so that all who enter shall thereby be brought into a proper and devotional frame of mind. Almost every object utilized in the service of the Church was originally consecrated in the

Nước thánh còn được sử dụng trong nhiều nghi lễ khác của Giáo hội. Ví dụ, trong lễ rửa tội, nước được cẩn thận ban phước trước khi nghi lễ bắt đầu; thậm chí trong các nghi lễ của Giáo hội Anh, các bạn vẫn thấy dấu vết của điều này, vì linh mục cầu nguyện rằng nước sẽ được thánh hóa để rửa tội một cách huyền bí, và khi đọc những lời này, Ông ta thường làm dấu thánh giá trong nước sẽ được sử dụng. Cũng cần nhớ rằng các nhà thờ và nghĩa trang được thánh hóa hoặc dành riêng cho một mục đích thiêng liêng, và ở đó cũng có một nỗ lực đặc biệt để lan tỏa các ảnh hưởng tốt, để tất cả những ai vào đó sẽ được mang vào một trạng thái tâm trí đúng đắn và đầy tôn kính. Hầu hết mọi vật dụng được sử dụng trong nghi lễ của Giáo hội ban đầu đều được thánh hóa theo cách này; các đồ dùng của bàn thờ, áo lễ của

same manner; the vessels of the alter, the vestments of the priest, the bells, the incense —all had their special services of blessing. In the case of the bells, they were permeated with certain rates of vibration and a certain type of magnetism, the idea being that the thoughts and feelings which these suggested should be spread abroad wherever the sound of the bells travelled—a perfectly scientific idea from the point of view of the higher occult physics. In the same way the incense was especially blessed, in order that his blessing might be showered wherever its perfume penetrated, and that its scent might drive away all evil thoughts or influences from the church in which it was used. [210]

linh mục, chuông, hương đều có các nghi thức ban phước riêng. Trong trường hợp của các chuông, chúng được thấm nhuần với các tần số rung động và loại từ tính nhất định, với ý tưởng rằng những suy nghĩ và cảm xúc mà chúng gợi lên sẽ được lan tỏa ở bất kỳ nơi nào âm thanh của chuông truyền tới—một ý tưởng hoàn toàn khoa học từ quan điểm của huyền học cao cấp. Tương tự, hương cũng được đặc biệt ban phước, để sự ban phước này có thể lan tỏa ở bất cứ nơi nào hương thơm của nó thấm vào, và mùi hương này có thể xua đuổi mọi suy nghĩ hoặc ảnh hưởng xấu khỏi nhà thờ nơi nó được sử dụng.

Mesmeric influence is again evident in the ceremony of the ordination of priests; for it will be remembered that not only does the bishop lay his hands upon the head of the candidate, but all the priests who are present converge their forces upon him and lay their hands upon his head also. Undoubtedly when all present are thoroughly in earnest this is no mere outward sign; it must pass on from one to the other a strong influence of devotion and loyalty, and help to conform the confidence of the newly ordained priest as to the powers which have been given to him. The student of occultism cannot but see that all these are manifestly survivals from a time when practical magic was thoroughly understood in the Church. There is hardly a single ceremony among those used either in the Greek, Roman, or Anglican Churches which has not behind it some true occult significance, though in these days many people go through such ceremonies merely as a matter of form, and never even think that there may be something real and weighty behind them. In the older days people were not only less sceptical but also less ignorant, and those who arranged the ritual of the Church knew very well what they

Ảnh hưởng thôi miên lại một lần nữa được thể hiện trong nghi lễ phong chức cho linh mục; vì chúng ta nhớ rằng không chỉ giám mục đặt tay lên đầu ứng viên, mà tất cả các linh mục có mặt đều tập trung sức mạnh của họ lên người đó và cũng đặt tay lên đầu anh ta. Chắc chắn khi tất cả những người có mặt thực sự nghiêm túc, đây không chỉ là một dấu hiệu bên ngoài; nó phải truyền từ người này sang người kia một ảnh hưởng mạnh mẽ của lòng sùng kính và trung thành, và giúp củng cố sự tự tin của linh mục mới được phong chức về các quyền năng đã được ban cho anh ta. Học viên huyền học không thể không thấy rằng tất cả những điều này rõ ràng là những tàn tích từ thời mà huyền thuật thực tiễn được hiểu rõ trong Giáo hội. Hầu như không có nghi lễ nào trong số những nghi lễ được sử dụng trong các Giáo hội Hy Lạp, La Mã, hoặc Anh mà không có đằng sau nó một ý nghĩa huyền học thực sự, mặc dù trong những ngày này, nhiều người chỉ thực hiện các nghi lễ đó như một hình thức, và thậm chí không bao giờ nghĩ rằng có thể có điều gì đó thực sự và trọng đại đằng sau chúng. Trong những ngày xưa, người ta không chỉ ít hoài nghi hơn mà còn ít thiếu hiểu biết hơn, và những người sắp xếp các nghi thức của Giáo

were doing.

hội biết rất rõ họ đang làm gì.

Talismans—Bùa chú

This leads us to consider the questions of talismans. There used to be universal belief that a jewel or almost any object might be charged mesmerically with good or evil influences; and though this idea would be in modern days be regarded by many as a mere superstition, it is nevertheless a fact that such force may be stored in a physical object, and may remain there for a long period of time. A man can pour his magnetism into such an object, so that his definite rate of vibration will radiate from it as light radiates out from the sun. The influence put into such an object may be either good or evil, helpful or harmful. In many cases such magnetic action resembles [211] that of a cordial—that is to say, it is highly stimulant; in other cases it is arranged for the purpose of calming and soothing the subject, so that he may overcome his fears or his agitation. Such a talisman may be magnetized, for example, with the object of strengthening a man to resist a certain temptation—say that towards sensuality; and there is no doubt that when properly charged it has a powerful influence in the direction intended.

Điều này dẫn chúng ta đến việc xem xét các câu hỏi về bùa hộ mệnh. Từng có niềm tin phổ biến rằng một viên ngọc hoặc hầu như bất kỳ vật thể nào cũng có thể được nạp từ lực từ tính với những ảnh hưởng tốt hoặc xấu; và mặc dù ngày nay nhiều người sẽ coi ý tưởng này chỉ là mê tín dị đoan, nhưng đó vẫn là sự thật rằng loại lực này có thể được lưu trữ trong một vật thể vật lý và có thể duy trì ở đó trong một thời gian dài. Một người có thể truyền năng lượng từ tính của mình vào một vật thể như vậy, sao cho tần số rung động cụ thể của anh ta sẽ phát ra từ đó giống như ánh sáng phát ra từ mặt trời. Ảnh hưởng đưa vào một vật thể như vậy có thể là tốt hoặc xấu, có ích hoặc có hại. Trong nhiều trường hợp, hành động từ tính này giống như [211] tác động của một chất bổ dưỡng—nghĩa là nó rất kích thích; trong các trường hợp khác, nó được sắp xếp nhằm mục đích làm dịu và trấn an đối tượng, để anh ta có thể vượt qua nỗi sợ hãi hoặc sự kích động của mình. Một bùa hộ mệnh có thể được từ hóa, ví dụ, với mục đích tăng cường sức mạnh cho một người để chống lại một cám dỗ nhất định—giả sử là cám dỗ về nhục dục; và không có nghi ngờ gì rằng khi được nạp đúng cách, nó có ảnh hưởng mạnh mẽ theo hướng mong muốn.

Here we have the philosophy of relics—the truth which lies behind the widely-spread veneration for them and belief in their efficacy. Every one of us has his special rates of mental and astral vibration, and any object which has been long in contact with us will be permeated with those rates of vibration and capable of radiating them in turn, or of communicating them with concentrated energy to any person who may wear the object

Ở đây chúng ta có triết lý về các thánh tích—sự thật nằm sau sự tôn kính rộng rãi đối với chúng và niềm tin vào hiệu quả của chúng. Mỗi người trong chúng ta đều có tần số rung động tâm trí và cảm dục riêng, và bất kỳ vật thể nào đã tiếp xúc với chúng ta trong thời gian dài sẽ thấm nhuần các tần số rung động đó và có khả năng phát ra chúng, hoặc truyền chúng với năng lượng tập trung đến bất kỳ người nào đeo vật thể đó hoặc nằm trong

or come within the range of its action. Anything therefore which has been in close contact with some great saint or some devoted person will bear with it much of his own individual magnetism, and will tend to reproduce in the man or woman who wears it something of the same state of feeling which existed in him from whom it came. I have known of many instances in which such a talisman was effective—in which, for example, it was possible my its means to calm and soothe persons prostrated by nervous disease, so that they were enabled to gain the repose of which they were in such urgent need.

phạm vi tác động của nó. Do đó, bất cứ vật thể nào đã tiếp xúc gần với một thánh nhân vĩ đại hoặc một người tận tâm nào đó sẽ mang theo nhiều từ tính cá nhân của họ, và có xu hướng tái tạo lại trong người nam hoặc nữ đeo nó một trạng thái cảm xúc tương tự với trạng thái của người mà vật thể này đến từ. Tôi đã biết nhiều trường hợp trong đó một bùa hộ mệnh đã có hiệu quả—ví dụ, nó có thể làm dịu và trấn an những người suy sụp vì bệnh thần kinh, giúp họ có được sự nghỉ ngơi mà họ rất cần.

We must not forget that in many cases the faith of the wearer in the talisman also comes into play and contributes its quota to the effect. If a person is impressively informed by someone in whom he has confidence that a certain talisman will undoubtedly produce a certain result, his own firm expectation of that result tends to bring it [212] about; but quite apart from man's faith in it, it is possible for a talisman to produce an effect even upon those who do not know of its presence. When charged by a powerful mesmerist certain objects will retain the magnetism for a very long period of time. I have seen in the British Museum Gnostic charms which still radiate quite a powerful and perceptible influence, although they must have been magnetized at least seventeen hundred years ago; and some Egyptian scarabaei are still effective, even though they are much older than that. Naturally it is possible to charge an object for evil as well as for good; any one who will take the trouble to read Ennemoser's History of Magic will find various instances quoted therein.

Chúng ta không được quên rằng trong nhiều trường hợp, niềm tin của người đeo vào bùa hộ mệnh cũng đóng vai trò quan trọng và góp phần tạo ra hiệu quả. Nếu một người được một người mà họ tin tưởng thông báo một cách ấn tượng rằng một bùa hộ mệnh nhất định sẽ chắc chắn mang lại một kết quả cụ thể, kỳ vọng vững chắc của chính họ về kết quả đó có xu hướng giúp đưa nó [212] đến. Tuy nhiên, ngoài niềm tin của con người vào bùa hộ mệnh, nó vẫn có thể tạo ra tác động ngay cả đối với những người không biết về sự hiện diện của nó. Khi được một nhà thôi miên mạnh mẽ nạp từ, một số vật thể sẽ giữ từ tính trong một thời gian rất dài. Tôi đã thấy trong Bảo tàng Anh những bùa hộ mệnh Gnostic vẫn phát ra một ảnh hưởng khá mạnh mẽ và dễ nhận thấy, mặc dù chúng phải được từ hóa ít nhất cách đây mười bảy trăm năm; và một số bùa hình bọ hung của Ai Cập vẫn còn hiệu quả, mặc dù chúng còn cổ xưa hơn nhiều. Tự nhiên là có thể nạp từ vào một vật thể để làm điều xấu cũng như làm điều tốt; bất kỳ ai chịu khó đọc cuốn Lịch sử Huyền Thuật của Ennemoser sẽ thấy có nhiều ví dụ được trích dẫn trong đó.

Charms or Mantrams— Thần chú hoặc Chân ngôn

Another side of the subject is that connected with charms and mantrams. These are forms of words by means of which certain occult results are supposed to be achieved. Here also, as in the case of the talisman, definite effects are sometimes undoubtedly produced; and, as with the talisman, this result may be reached in either of two ways, or both of them may contribute towards it. In the majority of cases the formula does nothing beyond strengthening the will of the person who uses it, and impressing upon the mind of the subject the result which it is desired to achieve. The strong confidence of the operator that his formula must produce its effect, and the belief of the subject that such effect will be produced, are frequently quite sufficient for the purpose.

Một khía cạnh khác của chủ đề này liên quan đến bùa chú và các mantram. Đây là những hình thức ngôn từ mà nhờ đó người ta cho rằng có thể đạt được những kết quả huyền bí nhất định. Ở đây cũng vậy, giống như trong trường hợp bùa hộ mệnh, đôi khi những hiệu quả rõ ràng được tạo ra; và, giống như với bùa hộ mệnh, kết quả này có thể đạt được theo hai cách, hoặc cả hai cách đều có thể góp phần vào đó. Trong phần lớn các trường hợp, công thức này không làm gì hơn ngoài việc củng cố ý chí của người sử dụng nó và gây ấn tượng lên tâm trí của đối tượng về kết quả mà người ta mong muốn đạt được. Sự tự tin mạnh mẽ của người sử dụng rằng công thức của mình chắc chắn sẽ tạo ra hiệu quả, và niềm tin của đối tượng rằng hiệu quả đó sẽ xảy ra, thường là đủ để đạt được mục đích.

There is another and much rarer type of mantram in which the sounds themselves produce a definite effect. Each sound sets up its own vibration, and an orderly succession of such vibrations following one another according [213] to the predetermined scheme, may be so arranged as to evoke definite feelings or emotions or thoughts within the man. Many of the Sanskrit mantrams used in India are of this nature. In this case the charm is untranslatable, it must be employed in the original language and it must be correctly pronounced by one who understands how it is intended to be sounded. On the other hand, it is not in the least necessary for the success of that kind of mantram that the person who uses it should understand the meaning of the words, or even that the sounds should make intelligible words will be found in some of the Gnostic writings.

Có một loại mantram khác hiếm hơn nhiều, trong đó chính các âm thanh tạo ra một hiệu quả cụ thể. Mỗi âm thanh thiết lập rung động riêng của nó, và một chuỗi rung động trật tự nối tiếp nhau theo [213] kế hoạch đã được định trước, có thể được sắp xếp để gợi lên những cảm giác, cảm xúc hoặc suy nghĩ nhất định trong con người. Nhiều mantram bằng tiếng Phạn được sử dụng ở Ấn Độ thuộc loại này. Trong trường hợp này, bùa chú không thể dịch được, nó phải được sử dụng bằng ngôn ngữ gốc và phải được phát âm chính xác bởi người hiểu cách âm thanh đó được xướng lên như thế nào. Mặt khác, không hề cần thiết để người sử dụng hiểu ý nghĩa của các từ, hoặc thậm chí những âm thanh này có thể không tạo thành những từ có nghĩa rõ ràng, điều này cũng được thấy trong một số bản văn Gnostic.

Be it always understood that along whatever line the magician works, by whatever means he obtains his confidence, the forces at this

Cần luôn hiểu rằng bất kể nhà huyền thuật làm việc theo hướng nào, bằng phương tiện nào mà anh ta đạt được sự tự tin của mình, các

command may be employed for evil or for good according to the intention which lies behind them. We have spoken chiefly of the pleasanter side of the subject, dealing principally with cases in which the will of the operator was employed in order to help; but there have been and are cases of evil will, and it is important for us to remember this, because of the fact that such will may often be unconsciously exercised. That, however, belongs to the practical application of the subject to ourselves, with which I hope to deal next week when speaking upon the use and abuse of psychic powers.

mãnh lực nằm trong tầm kiểm soát của anh ta có thể được sử dụng để làm điều xấu hoặc điều tốt tùy theo ý định đằng sau chúng. Chúng ta đã chủ yếu đề cập đến những mặt dễ chịu hơn của chủ đề này, chủ yếu là những trường hợp trong đó ý chí của người sử dụng được dùng để giúp đỡ; nhưng đã có và vẫn còn những trường hợp của ý chí xấu, và điều quan trọng là chúng ta phải ghi nhớ điều này, vì thực tế là ý chí đó thường được thực hiện một cách vô thức. Tuy nhiên, điều này thuộc về ứng dụng thực tiễn của chủ đề đối với chính chúng ta, mà tôi hy vọng sẽ đề cập vào tuần tới khi nói về việc sử dụng và lạm dụng các năng lực thông linh.

Invocatory Magic— Huyền thuật cầu khẩn

Let us turn now to the second type of magic—that which works by invocation—that which does not command, but persuades. It will be seen that this type of magic has at its command fewer resources that the other. Here the suppliant himself does nothing; he simply begs [214] or bribes some one else to do something. The thought-form therefore is not at his command, nor are the various forms of forces such as etheric pressure or the use of the elemental essence. He confines himself to obtaining the services of definite living entities, whether human or non-human. Efforts in this direction are made much more commonly that we might at first sight suppose; for you will observe that whenever a man tries to produce a result, to obtain anything for himself, or to have facts or conditions modified by means of some agency outside of the physical plane, he is in reality using invocatory magic, although no such name may have entered his mind.

Bây giờ, chúng ta hãy chuyển sang loại huyền thuật thứ hai—loại huyền thuật hoạt động thông qua sự khẩn cầu—loại không ra lệnh, mà thuyết phục. Sẽ thấy rằng loại huyền thuật này có ít nguồn lực hơn loại huyền thuật kia. Ở đây, người cầu nguyện không tự mình làm gì cả; anh ta chỉ đơn giản là cầu xin [214] hoặc hối lộ một ai đó khác để thực hiện điều gì đó. Vì vậy, hình tư tưởng không nằm trong tầm kiểm soát của anh ta, cũng như các hình thức mãnh lực khác như áp lực dĩ thái hoặc việc sử dụng bản chất hành khí. Anh ta chỉ giới hạn trong việc tìm kiếm sự phục vụ của các thực thể sống cụ thể, dù là con người hay phi nhân loại. Những nỗ lực theo hướng này thường được thực hiện nhiều hơn so với những gì chúng ta có thể giả định ban đầu; bởi vì các bạn sẽ thấy rằng bất cứ khi nào một người cố gắng tạo ra kết quả, đạt được điều gì đó cho bản thân, hoặc làm thay đổi các sự kiện hay điều kiện thông qua một phương tiện nào đó bên ngoài cõi trần, anh ta thực sự đang sử dụng huyền thuật khẩn cầu, mặc dù anh ta có thể chưa bao giờ nghĩ đến tên gọi này.

A great deal of the ordinary kind of prayer for selfish purposes is an example of this. I am speaking here only of that lower variety of prayer to which alone the name can properly be applied—that which definitely asks for something. The word prayer is derived from the Sanskrit prashna, through the Latin precor, and is connected with the German fragen; so that its original and proper meaning can be only a definite request. Often people incorrectly apply the name of prayer to what is in reality meditation or worship—the contemplation of the highest ideal known to the worshipper, and the endeavour to raise his own mind and heart upwards toward that object of worship. But the mere ordinary prayer, for definite and frequently physical gains, is certainly an attempt to draw down an influence from higher planes to produce visible results, and so comes clearly within our definition of magic. It frequently happens when two nations are engaged in a war that each of them will pray for its own success and for the destruction of the opposing armies; and this is clearly an endeavour to enlist invisible forces upon its side. Fortunately, however, this idea of calling [215] in extraneous influences may be used for good as well as evil purposes, and we find that many efforts are made in this way to invoke from above some help for the soul.

Một phần lớn của loại cầu nguyện thông thường vì mục đích ích kỷ là một ví dụ của điều này. Tôi đang đề cập ở đây chỉ đến loại cầu nguyện thấp hơn mà tên gọi này có thể được áp dụng đúng đắn nhất—loại cầu nguyện cụ thể yêu cầu một điều gì đó. Từ "cầu nguyện" xuất phát từ tiếng Phạn "prashna," qua tiếng Latin "precor," và có liên quan đến tiếng Đức "fragen"; vì vậy nghĩa gốc và đúng đắn của nó chỉ có thể là một yêu cầu cụ thể. Thường thì người ta áp dụng sai từ "cầu nguyện" cho những gì thực chất là tham thiền hoặc thờ phụng—sự chiêm nghiệm lý tưởng cao nhất mà người thờ phụng biết, và nỗ lực nâng cao tâm trí và trái tim của họ hướng tới đối tượng thờ phụng đó. Nhưng việc cầu nguyện thông thường, với mục đích cụ thể và thường là để đạt được những lợi ích vật chất, chắc chắn là một nỗ lực nhằm thu hút ảnh hưởng từ các cõi cao hơn để tạo ra kết quả hữu hình, và như vậy rõ ràng nằm trong định nghĩa của chúng ta về huyền thuật. Thường xảy ra khi hai quốc gia đang tham chiến, mỗi bên sẽ cầu nguyện cho thành công của mình và sự tiêu diệt của quân đội đối phương; và điều này rõ ràng là một nỗ lực nhằm kêu gọi [215] các lực lượng vô hình về phía mình. Tuy nhiên, may mắn thay, ý tưởng kêu gọi các ảnh hưởng ngoại vi này có thể được sử dụng cho các mục đích tốt cũng như xấu, và chúng ta thấy rằng nhiều nỗ lực đã được thực hiện theo cách này để cầu xin sự giúp đỡ từ trên cao cho linh hồn.

Perhaps the most striking instance of this is to be found in the life of the Brahman. The whole of that life is practically one continuous prayer; for every one of his acts, even the smallest, a special form of petition is assigned. Though much more elaborate and detailed, it is somewhat on the lines of the form which is given for use in some Catholic convents, where the novice is instructed to pray every time that he eats that his soul may be nourished with the bread of life; every time

Có lẽ ví dụ nổi bật nhất về điều này được tìm thấy trong đời sống của người Bà-la-môn. Toàn bộ cuộc sống của họ về cơ bản là một lời cầu nguyện liên tục; đối với mỗi một hành động của họ, ngay cả những hành động nhỏ nhất, một hình thức cầu xin đặc biệt được quy định. Mặc dù phức tạp và chi tiết hơn nhiều, nó tương tự như các hình thức được sử dụng trong một số tu viện Công giáo, nơi mà các tập sinh được chỉ dẫn cầu nguyện mỗi khi họ ăn rằng linh hồn họ có thể được nuôi dưỡng bằng

that he washes his hands to form the aspiration that his soul may be kept pure and clean; every time that he enters a church to pray that his whole life may be one long service; every time that he sows a seed, to think of the seed of the word of God which is to be sown in the first place in his own heart of others; and so on. The life of the Brahman is precisely similar, except his devotion is on a larger scale and is carried into much greater detail. No one can doubt that he who really and honestly obeys all these directions must be deeply and constantly affected by such action.

bánh của sự sống; mỗi khi họ rửa tay để khẩn cầu rằng linh hồn của họ có thể được giữ sạch sẽ và thuần khiết; mỗi khi họ bước vào nhà thờ để cầu nguyện rằng toàn bộ cuộc đời của họ có thể là một sự phụng sự dài lâu; mỗi khi họ gieo một hạt giống, để nghĩ về hạt giống lời của Thượng Đế mà trước tiên phải được gieo trong trái tim của chính họ và của những người khác; và cứ như thế. Cuộc sống của người Bà-la-môn chính xác tương tự, ngoại trừ lòng sùng kính của họ có quy mô lớn hơn và được thực hiện chi tiết hơn nhiều. Không ai có thể nghi ngờ rằng người thực sự và trung thực tuân theo tất cả những chỉ dẫn này sẽ bị ảnh hưởng sâu sắc và liên tục bởi những hành động như vậy.

We observe that although the invocatory magician is much more limited in his field of action than is he who proceeds by command, he has nevertheless the choice of several classes of entities to whom his appeal can be directed. He may beg help, for example, from angels, from nature-spirits, or from the dead. We know how frequently and how readily our Roman Catholic friends invoke help from the guardian angels whom they believe to be always about them. That is an effort at invocatory [216] magic, and it may in many cases obtain a definite response; whether it does so or not, at any rate some result is produced by the man's confidence in the efficacy of his supplication.

Chúng ta thấy rằng mặc dù nhà huyền thuật khẩn cầu bị giới hạn hơn nhiều trong lĩnh vực hành động của mình so với người làm việc bằng lệnh, nhưng anh ta vẫn có sự lựa chọn của nhiều loại thực thể mà anh ta có thể hướng lời khẩn cầu. Anh ta có thể cầu xin sự giúp đỡ, ví dụ, từ các thiên thần, từ các linh hồn thiên nhiên, hoặc từ những người đã qua đời. Chúng ta biết rằng các bạn Công giáo La Mã của chúng ta thường xuyên và dễ dàng cầu xin sự giúp đỡ từ các thiên thần hộ mệnh mà họ tin rằng luôn ở bên cạnh họ. Đó là một nỗ lực sử dụng huyền thuật khẩn cầu [216], và trong nhiều trường hợp nó có thể nhận được một phản ứng cụ thể; dù có hay không, ít nhất thì cũng có một kết quả nào đó được tạo ra bởi sự tự tin của người cầu nguyện vào hiệu quả của lời cầu nguyện của mình.

Evil Invocations— Những lời cầu khẩn xấu xa

That is the good side of such magic; but it has also a real and serious evil side. We shall find that showing itself with painful prominence in the Voodoo or Obeah ceremonies of the Negroes. In these the magicians are

Đó là mặt tốt của loại huyền thuật như vậy; nhưng nó cũng có một mặt xấu thật sự và nghiêm trọng. Chúng ta sẽ thấy điều đó xuất hiện rõ rệt với sự đau đớn trong các nghi lễ Voodoo hay Obeah của người da đen. Trong

endeavouring to invoke outside aid in order to work evil upon the physical plane; and it is unquestionable that they sometimes meet with a considerable amount of success in their nefarious efforts. I have seen a good deal of this in South America, and am therefore able personally to testify that results are produced along this undesirable line of activity. The same thing may occasionally be seen in India, more especially among the hill tribes. There it is by no means uncommon to find tribal gods worshipped, and the worship frequently takes the shape of propitiatory sacrifices, in return for which the tribal deity sometimes produces results upon the physical plane. We read, for example, of villages in which all goes well so long as the village god receives his accustomed offerings; but the moment that these regular meals are intermitted, trouble instantly manifest in some way or other. I heard of one case in which spontaneous fires broke out in the various huts of the village as soon as they neglected to look after their tribal deity in the usual way. In such cases there is an entity posing as the deity—an entity who enjoys the worship paid to him, or finds real pleasure and profit in the sacrifices which are offered. [217]

những nghi lễ này, các nhà huyền thuật cố gắng kêu gọi sự trợ giúp từ bên ngoài để gây hại trên cõi trần; và không thể chối cãi rằng đôi khi họ gặp một số thành công đáng kể trong những nỗ lực độc ác của mình. Tôi đã thấy khá nhiều điều này ở Nam Mỹ, và do đó tôi có thể tự mình chứng thực rằng những kết quả đã được tạo ra theo hướng hoạt động không mong muốn này. Điều tương tự cũng có thể thấy ở Ấn Độ, đặc biệt là trong số các bộ lạc miền núi. Ở đó, việc thờ phụng các vị thần bộ lạc không phải là hiếm, và việc thờ phụng thường có hình thức hiến tế để xoa dịu, đổi lại thần linh bộ lạc đôi khi tạo ra kết quả trên cõi trần. Ví dụ, chúng ta đọc về những ngôi làng mà mọi việc đều diễn ra suôn sẻ miễn là thần làng nhận được các lễ vật như thường lệ; nhưng ngay khi những bữa ăn định kỳ này bị gián đoạn, rắc rối lập tức xuất hiện dưới một hình thức nào đó. Tôi đã nghe về một trường hợp trong đó các đám cháy tự phát bùng lên trong các túp lều khác nhau của ngôi làng ngay khi họ bỏ qua việc chăm sóc thần linh bộ lạc theo cách thông thường. Trong những trường hợp như vậy, có một thực thể đóng vai trò như vị thần — một thực thể thích thú với sự thờ phụng dành cho hắn, hoặc tìm thấy niềm vui và lợi ích thực sự trong những lễ vật được dâng hiến.

It will be noticed that such sacrifices are usually of two kinds; either there is a sacrifice of some living creature in which blood is poured out, or else food of some kind (and preferably fresh food) is burnt, so that the fumes of it may arise. This implies that the tribal deity is a very low grade of entity, possessing a vehicle upon the etheric portion of the physical plane—a vehicle through which he can absorb these physical fumes and either draw nourishment from them or experience pleasure from partaking of them. It may be taken as a certain rule that every deity, under whatever name he may

Người ta sẽ nhận thấy rằng những lễ vật như vậy thường có hai loại; hoặc có sự hy sinh của một sinh vật sống nào đó mà máu được đổ ra, hoặc thức ăn nào đó (tốt nhất là thức ăn tươi) bị đốt cháy, để khói của nó có thể bay lên. Điều này ngụ ý rằng thần linh bộ lạc là một loại thực thể cấp thấp, sở hữu một phương tiện trên phần dĩ thái của cõi trần — một phương tiện qua đó hắn có thể hấp thụ những khói vật lý này và hoặc rút dưỡng chất từ chúng hoặc trải nghiệm niềm vui khi tham dự vào chúng. Có thể xem đó là một quy luật nhất định rằng bất kỳ vị thần nào, dưới bất kỳ tên gọi nào mà hắn có thể giả trang, yêu cầu những sự hy sinh

masquerade, who claims blood sacrifices or burnt sacrifices, is only a nature-spirit of a low and brutal type; for it is only to such an entity that such abominations could by any possibility be pleasing. It will be remembered that in the earlier days of the Jewish religion horrible holocausts of this nature were frequently offered; but as we draw nearer to the present age and the Jewish race has taken its place in civilization, such sacrifices have naturally been discontinued. It is surely unnecessary to insist upon the obvious fact that no developed being of any sort, no angel or deva, could for one moment exact or consent to receive any form of offering which involves death and suffering. No beneficent deity has ever yet delighted in the foul scent and fumes of blood; and the higher types of religion have consistently avoided such horrors.

bằng máu hoặc đốt cháy, chỉ là một tinh linh thiên nhiên thuộc loại thấp kém và tàn bạo; vì chỉ có một thực thể như vậy mới có thể thấy hài lòng với những điều ghê tởm này. Người ta sẽ nhớ rằng trong những ngày đầu của tôn giáo Do Thái, những sự hy sinh ghê rợn như vậy thường được dâng hiến; nhưng khi chúng ta tiến gần hơn đến thời đại hiện tại và dân tộc Do Thái đã có chỗ đứng trong nền văn minh, những sự hy sinh như vậy đã tự nhiên bị chấm dứt. Chắc chắn không cần nhấn mạnh đến sự thật hiển nhiên rằng không có thực thể tiến hóa nào, không có thiên thần hay thiên thần nào, có thể trong một giây phút nào đó yêu cầu hoặc đồng ý nhận bất kỳ hình thức lễ vật nào liên quan đến cái chết và sự đau khổ. Không có vị thần nào nhân từ từng thích thú với mùi hôi thối và khói của máu; và các tôn giáo cao cấp hơn đã luôn tránh xa những kinh dị như vậy.

The Darker Magic— Huyền thuật đen tối hơn

The distinguishing characteristic of that evil side of magic which has usually been called “black’ is that its object is entirely selfish. There are many cases in which it is nothing more than this—in which its object is not to do evil for evil’s sake, but to obtain for the possessor of the powers whatever he may happen to desire at the [218] moment. Much of the witchcraft of primitive tribes is of this nature, and here also there is no doubt that a certain measure of success frequently attend the efforts of the magician. I have myself seen instances of this; indeed, I once took the trouble to learn an elaborate ritual of this nature, which, if put into practice, would have given me the services of an entity which undertook to procure whatever its coadjutor might require. Not only would it furnish him with boundless wealth, but it would also carry out his wishes with regard to either his friends

Đặc điểm phân biệt của mặt xấu trong huyền thuật, thường được gọi là "huyền thuật tả đạo," là mục đích của nó hoàn toàn ích kỷ. Có nhiều trường hợp trong đó không có gì hơn ngoài điều này—trong đó mục đích không phải là làm điều ác vì cái ác, mà là đạt được cho người sở hữu quyền năng bất cứ điều gì mà y mong muốn vào thời điểm đó. Phần lớn các hình thức phù thủy của các bộ lạc nguyên thủy mang bản chất này, và cũng không nghi ngờ gì rằng một mức độ thành công nhất định thường đi kèm với nỗ lực của nhà huyền thuật. Chính tôi đã chứng kiến những ví dụ về điều này; thực tế, tôi từng đã bỏ công sức để học một nghi lễ phức tạp thuộc loại này, mà nếu được thực hành, sẽ mang lại cho tôi sự phục vụ của một thực thể đảm nhận việc cung cấp bất cứ điều gì mà cộng sự của nó yêu cầu. Không chỉ cung cấp cho y sự giàu có vô tận, mà nó còn thực hiện mong muốn của y đối với cả bạn bè

or his enemies. From what I saw in connection with other practitioners, I know that these offers could certainly be made good up to very high limits; but the conditions required were such that it was impossible for any right-thinking man to go further into the matter. The ritual required was easy of accomplishment, but the agreement with the entity would have had to be cemented with human blood in the first instance, and the creature would afterwards have needed regular food involving the sacrifice of lower forms of life. Much more of such magic exists in many parts of the world than is usually suspected. On the other hand, interesting developments of it are free from such horrors as were involved in the type just mentioned.

hoặc kẻ thù của y. Dựa trên những gì tôi thấy liên quan đến các thực hành khác, tôi biết rằng những lời đề nghị này chắc chắn có thể được thực hiện đến một mức độ rất cao; nhưng những điều kiện yêu cầu là điều không thể chấp nhận đối với bất kỳ người có suy nghĩ đúng đắn nào. Nghi lễ yêu cầu dễ dàng thực hiện, nhưng thỏa thuận với thực thể đó sẽ phải được củng cố bằng máu người ngay từ đầu, và sinh vật này sau đó sẽ cần được cung cấp thức ăn thường xuyên, liên quan đến việc hy sinh các hình thức sống thấp hơn. Nhiều hơn nữa về loại huyền thuật như vậy tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới hơn là thường được nghi ngờ. Mặt khác, những phát triển thú vị của nó không bao gồm những kinh hoàng như trong loại vừa đề cập.

Petty Magic— Huyền thuật nhỏ

It is no uncommon thing to find in the East men who have inherited from their fathers the services of some non-human entity, who in consideration of an occasional trifling provision of food will perform small phenomena of various kinds for the person to whom it is especially attached. Usually there are curious restrictions connected with the compact. Almost invariably the human partner in this bond is bound to give to no one the name [219] or description of his unseen coadjutor; and, oddly enough, in a large number of cases the condition is attached that no money, or not more than a fixed and nominal amount may ever be obtained by the coadjutor's help or accepted for any exhibition of his peculiar powers.

Ở phương Đông, không phải hiếm khi tìm thấy những người thừa hưởng từ cha mình sự phục vụ của một thực thể phi nhân loại nào đó, mà để đổi lấy một phần nhỏ lương thực thỉnh thoảng, thực thể này sẽ thực hiện các hiện tượng nhỏ khác nhau cho người mà nó gắn bó đặc biệt. Thường thì có những hạn chế kỳ lạ liên quan đến thỏa thuận này. Gần như chắc chắn là đối tác con người trong mối liên kết này bị ràng buộc phải không cho bất kỳ ai biết tên hoặc mô tả về cộng sự vô hình của mình; và điều kỳ lạ là, trong nhiều trường hợp, có điều kiện rằng không được nhận tiền bạc, hoặc không được nhận nhiều hơn một số tiền tượng trưng từ sự giúp đỡ của cộng sự hoặc từ bất kỳ màn trình diễn nào của hắn về các năng lực đặc biệt.

I remember, for example, a man possessing such a partner who was brought to me while in the East. In this case the entity attached showed his power principally by bringing to his human partner any objects that might be

Tôi nhớ, ví dụ, một người đàn Ông sở hữu một cộng sự như vậy được đưa đến gặp tôi khi tôi đang ở phương Đông. Trong trường hợp này, thực thể gắn bó đã thể hiện quyền năng của mình chủ yếu bằng cách mang đến cho đối tác

indicated, in precisely the same way that such things are frequently brought at a spiritualistic séance. Fortunately, however, one of the stipulations which formed part of their agreement was that the unseen partner should never be asked to bring anything which was not honestly the property of his friend on the physical plane; otherwise a system of wholesale robbery would have been easy, and it would have been impossible to trace or punish the thefts.

con người của hắn bất kỳ đồ vật nào được chỉ định, theo cách chính xác như những vật đó thường được mang đến trong một buổi lễ gọi hồn. Tuy nhiên, may mắn thay, một trong những điều kiện là cộng sự vô hình không bao giờ được phép mang đến bất cứ thứ gì không thực sự là tài sản của người bạn đồng hành của hắn trên cõi trần; nếu không, một hệ thống trộm cắp quy mô lớn sẽ trở nên dễ dàng, và sẽ không thể lần ra dấu vết hoặc trừng phạt các vụ trộm đó.

The example of this power which was shown to me was conclusive. I went with the magician into a fruiterer's shop and bought a selection of fruit of various kinds, and had it laid aside for me until I should send to fetch it. All that was required was that the magician should see the fruit, so that he might know exactly what there was. Then driving directly home with my magician—of course leaving the fruit behind me in the shop—we asked whether he would be able to produce for us the various items of the purchase in any order we required. He seemed confident of this, and indeed the result showed that his trust in his unseen friend was fully justified. The man belonged distinctly to the lower classes, and seemed quite uneducated. He wore no clothing excepting a small loincloth, so that it would be impossible to suppose that he had somehow concealed some fruit about his [220] person. We sat upon a flat roof with nothing but the sky above us, and yet each fruit as we asked for it was instantly thrown down among us as though it had fallen from the sky. In this way the whole of our purchase was duly delivered to us, in the order in which we called for it; and that although we were at a distance of some miles from the shop in which it had been left.

Ví dụ về năng lực này mà tôi đã được chứng kiến là rất thuyết phục. Tôi đã cùng nhà huyền thuật đến một cửa hàng bán trái cây và mua một số loại trái cây khác nhau, sau đó để lại cửa hàng cho đến khi tôi đến lấy. Tất cả những gì cần làm là để nhà huyền thuật nhìn thấy những quả trái cây, để y biết chính xác những gì có ở đó. Sau đó, tôi lái xe thẳng về nhà với nhà huyền thuật—dĩ nhiên để trái cây lại trong cửa hàng—và chúng tôi hỏi xem y có thể mang đến cho chúng tôi các mặt hàng đã mua theo bất kỳ thứ tự nào mà chúng tôi yêu cầu hay không. Y có vẻ rất tự tin về điều này, và kết quả đã chứng minh rằng niềm tin của y vào người bạn vô hình là hoàn toàn có cơ sở. Người đàn Ông này rõ ràng thuộc tầng lớp thấp kém và có vẻ như không được học hành. Y không mặc gì ngoài một cái khố nhỏ, vì vậy sẽ không thể cho rằng y đã giấu trái cây nào đó trong người. Chúng tôi ngồi trên một mái nhà bằng phẳng với chỉ bầu trời phía trên, và mỗi loại trái cây mà chúng tôi yêu cầu đều ngay lập tức được ném xuống giữa chúng tôi như thể nó rơi từ trên trời. Theo cách này, toàn bộ số trái cây mà chúng tôi đã mua đã được giao cho chúng tôi theo đúng thứ tự mà chúng tôi yêu cầu, mặc dù chúng tôi cách cửa hàng nơi chúng tôi để lại trái cây vài dặm.

Many of the more inexplicable feats of the Indian jugglers are performed under some

Nhiều màn trình diễn khó giải thích của các nhà ảo thuật Ấn Độ được thực hiện theo những

such arrangement as this. Any clever European juggler can deceive the eyes of the average man, and can produce results of the most wonderful nature by methods which are inexplicable to the untrained. Nevertheless there are definite limits as to what can be done in this direction; and for the production of many of the feats of the occidental conjurer a considerable amount of machinery is required, and often also a particular position or arrangement of his audience. The Oriental juggler has to work under different conditions; his performances are usually in the open air, upon the stone pavement of a courtyard, and in the midst of an excited crowd which presses closely upon him on every side. It will be seen that under circumstances such as these many of the resources of his European competitor are not available.

sắp đặt tương tự như vậy. Bất kỳ nhà ảo thuật châu Âu tài giỏi nào cũng có thể đánh lừa mắt của người bình thường và tạo ra những kết quả tuyệt vời nhất bằng những phương pháp mà người chưa được đào tạo khó có thể hiểu được. Tuy nhiên, có những giới hạn nhất định về những gì có thể thực hiện theo cách này; và để tạo ra nhiều màn trình diễn của nhà ảo thuật phương Tây, cần một lượng máy móc đáng kể và thường là một vị trí hoặc sắp xếp đặc biệt cho khán giả của hắn. Nhà ảo thuật phương Đông phải làm việc trong các điều kiện khác nhau; các màn trình diễn của hắn thường diễn ra ngoài trời, trên nền đá của một sân và giữa đám đông háo hức đang chen chúc xung quanh hắn từ mọi phía. Có thể thấy rằng trong những hoàn cảnh như thế này, nhiều nguồn lực của đối thủ phương Tây của hắn không khả dụng.

No doubt most men have heard of the celebrated mango trick in which a tree grows, or appears to grow, from a seed before the eyes of the spectators, and even bears fruit which is handed round and tasted. Then again there is the basket trick, in which a child is concealed under the basket and then apparently cut to pieces, though when the basket is raised it is found to be empty and the child comes running in unharmed from behind the spectators. Again we read how in some cases a rope is thrown into the air and appears to remain miraculously [221] suspended, the conjuror himself, and usually one of his assistants, climbing up the rope and disappearing into space. Now some of these feats are manifestly impossible; and on enquiring more closely into the matter we find that the phenomena described are produced by means of what is commonly called glamour—a kind of power of wholesale mesmerism without the usual preliminaries of passes or of trance. That this is the way in

Không nghi ngờ gì, hầu hết mọi người đã từng nghe về màn ảo thuật xoài nổi tiếng, trong đó một cái cây mọc lên, hoặc có vẻ như mọc lên, từ một hạt giống trước mắt khán giả và thậm chí ra quả được phát xung quanh và nếm thử. Sau đó, lại có màn ảo thuật rổ, trong đó một đứa trẻ được giấu dưới rổ và sau đó có vẻ như bị cắt thành từng mảnh, mặc dù khi nâng rổ lên, không thấy có gì và đứa trẻ lại chạy vào không hề hấn gì từ phía sau khán giả. Chúng ta cũng nghe kể về những trường hợp dây thừng được ném lên trời và có vẻ như lơ lửng một cách kỳ diệu, nhà ảo thuật và thường là một trong những trợ lý của hắn trèo lên dây thừng và biến mất vào không trung. Một số màn này rõ ràng là không thể; và khi tìm hiểu kỹ hơn về vấn đề này, chúng ta thấy rằng các hiện tượng được mô tả được tạo ra bằng phương pháp thường được gọi là ảo cảm—một loại quyền năng thôi miên tập thể mà không cần các bước chuẩn bị thông thường như vẫy tay hay nhập định. Tôi đã tự chứng minh điều này qua nhiều thí nghiệm khác nhau, nên chúng ta

which some of these tricks are performed I have myself proved by various experiments; so we need not consider any of these under our present head of invocatory magic—though it is probable that in some cases this power of glamour is exercised not by the conjuror himself, but by the unseen partner, who has at his command the various resources of the astral plane.

không cần xem xét bất kỳ điều nào trong số này theo chủ đề huyền thuật triệu gọi của chúng ta hiện nay—mặc dù có khả năng trong một số trường hợp, quyền năng ảo cảm này được thực hiện không phải bởi nhà ảo thuật, mà bởi cộng sự vô hình, người có quyền điều khiển các nguồn lực khác nhau trên cõi cảm dục.

Many tricks on a smaller scale than the above, however, appear to be performed directly by the astral coadjutor. I recollect, for example, a little experiment of which I was a witness which I think must have belonged to this category. Once more our magician wore almost nothing in the way of clothing, and therefore could not have concealed about him any apparatus by which his marvels could be performed. I was asked to produce a silver coin and to lay it upon the palm of my hand. I held it towards the magician, who breathed upon it but did not touch it, and then motioned me back to my seat some fifteen feet away. I was then instructed to cover this coin with my other hand, and as I did so the juggler began to mutter rapidly some incomprehensible words. Instantly I felt the sense of something exceedingly cold swelling between my hands and forcing them apart. In a moment or two this curious cold mass began to stir between my hands, and I opened them to see what was there. To my horror I found that a huge black [222] scorpion had taken the place of the coin. Instinctively I threw him to the ground, and after erecting his tail angrily he scuttled away.

Nhiều màn ảo thuật nhỏ hơn so với những màn trên dường như được thực hiện trực tiếp bởi cộng sự trên cõi cảm dục. Tôi nhớ, ví dụ, một thí nghiệm nhỏ mà tôi đã chứng kiến và nghĩ rằng nó thuộc loại này. Một lần nữa, nhà huyền thuật gần như không mặc quần áo, vì vậy không thể giấu trong người bất kỳ thiết bị nào để thực hiện các phép màu của mình. Tôi được yêu cầu lấy ra một đồng xu bạc và đặt nó lên lòng bàn tay. Tôi đưa nó về phía nhà huyền thuật, hắn thổi vào đồng xu nhưng không chạm vào, rồi ra hiệu cho tôi ngồi cách xa khoảng mười lăm bước chân. Sau đó, tôi được hướng dẫn dùng tay khác che đồng xu lại, và khi tôi làm như vậy, nhà ảo thuật bắt đầu lẩm bẩm nhanh chóng những lời khó hiểu. Ngay lập tức tôi cảm thấy có một cảm giác rất lạnh lẽo đang nở ra giữa hai tay tôi và đẩy chúng ra. Chỉ trong giây lát, khối lạnh kỳ lạ này bắt đầu động đậy giữa tay tôi, và tôi mở chúng ra để xem có gì ở đó. Kinh hoàng thay, tôi phát hiện ra một con bọ cạp đen lớn đã thay thế đồng xu. Theo bản năng, tôi ném nó xuống đất, và sau khi dựng đứng đuôi một cách giận dữ, nó bỏ chạy.

Another man present went through exactly the same performance, except that in his case as he opened his hands a small but active snake was found neatly coiled up between them. Now this was by no means a performance of the same nature as the

Một người khác có mặt đã trải qua màn trình diễn tương tự, chỉ khác là khi anh ta mở tay ra, một con rắn nhỏ nhưng rất năng động đã được cuộn gọn gàng giữa hai bàn tay. Điều này hoàn toàn không giống với việc sản xuất một con thỏ sống từ chiếc mũ của nhà ảo thuật thông

production of a living rabbit out of one's hat by the ordinary juggler; for in this case the conjuror was some fifteen feet away, and the coin was obviously a coin and nothing else after we had withdrawn far beyond his reach. The result might have been produced by the same power of glamour to which I have previously referred; but certain circumstances connected with it make that to my mind highly improbable, and I suspect it to be a case of genuine substitution by some astral entity.

thường; bởi trong trường hợp này, nhà ảo thuật ở cách xa chúng tôi khoảng mười lăm bước chân, và đồng xu rõ ràng là một đồng xu, không phải là thứ gì khác sau khi chúng tôi đã rời xa tầm với của hắn. Kết quả có thể đã được tạo ra bởi quyền năng ảo cảm mà tôi đã đề cập trước đó; nhưng một số hoàn cảnh liên quan khiến tôi cho rằng điều này khó có khả năng, và tôi nghi ngờ đây là một trường hợp thay thế thực sự bởi một thực thể trên cõi cảm dục.

Another curious little case of the employment of this sort of traditional magic, by a man quite uneducated and ignorant of the methods by which it worked, came under my notice some years later. It happened that I had received a somewhat severe wound from which blood was pouring plentifully. A passing coolie hastily snatched a leaf from a shrub at the roadside, pressed it for a moment to the wound and muttered half a dozen words, and the flow of blood instantly ceased. Naturally I asked the man how he had done this, but he was unable or unwilling to give any satisfactory reply. All he could say was that this charm (which he was forbidden to disclose) had been handed down in his family for some generations, and his belief was that there was a spirit of some sort summoned by the charm who produced the required result. I inquired whether the leaf selected had any part in the success of his experiment, but he answered that [223] any leaf, or a fragment of paper or cloth, would done equally well. He evidently believed that the effect was wholly due to the form of words employed; and it may have been that it was his own confidence in this which enabled his will to produce the physical result.

Một trường hợp nhỏ khác liên quan đến việc sử dụng loại huyền thuật truyền thống này, bởi một người đàn Ông hoàn toàn vô học và không biết các phương pháp mà nó hoạt động, đã đến với tôi vài năm sau. Tình cờ tôi đã bị một vết thương khá nặng và máu chảy ra rất nhiều. Một người lao công qua đường vội vã hái một chiếc lá từ một bụi cây bên đường, ép nó vào vết thương và lẩm bẩm một vài câu, và dòng máu lập tức ngừng chảy. Tự nhiên, tôi hỏi anh ta đã làm điều đó như thế nào, nhưng anh ta không thể hoặc không muốn đưa ra câu trả lời thỏa đáng. Tất cả những gì anh ta có thể nói là bùa chú này (mà anh ta bị cấm tiết lộ) đã được truyền lại trong gia đình anh ta qua nhiều thế hệ, và anh ta tin rằng có một linh hồn nào đó được triệu hồi bởi bùa chú đã tạo ra kết quả cần thiết. Tôi hỏi liệu chiếc lá được chọn có vai trò gì trong thành công của thí nghiệm không, nhưng anh ta trả lời rằng bất kỳ chiếc lá nào, hoặc một mảnh giấy hoặc vải, cũng đều có tác dụng như nhau. Rõ ràng, anh ta tin rằng hiệu quả hoàn toàn do hình thức câu thần chú được sử dụng; và có thể chính niềm tin của anh ta vào điều này đã giúp ý chí của anh ta tạo ra kết quả vật lý.

In none of the cases which I have described was there anything evil or selfish about the

Trong không có trường hợp nào mà tôi đã mô tả có điều gì ác độc hoặc ích kỷ trong huyền

magic employed, but I fear that there are many instances in which the work done in such ways is less innocent. Many of the witch stories of mediaeval times, and the curious tales of supposed compacts with the devil, were probably examples of the black art on a lower scale. All of this may be paralleled in certain parts of the world at the present day; and the wiseacres who dismiss all accounts of such things as merely superstitious fancy are, as usual, speaking of that which they do not in the least understand. There is, however, no need that any should be nervous with regard to such performances, or should fear that they may be injured in this way by those whose enmity they have incurred. No doubt results are produced, for example, by the Voodoo or Obeah enchantments among the Negroes; but it is rarely indeed that the practitioners are able to affect the incredulous white man.

thuật được sử dụng, nhưng tôi lo rằng có nhiều trường hợp trong đó công việc được thực hiện theo cách này ít vô hại hơn. Nhiều câu chuyện phù thủy thời trung cổ và những câu chuyện kỳ lạ về các thỏa thuận với quỷ dữ có lẽ là những ví dụ về huyền thuật tả đạo ở quy mô thấp hơn. Tất cả điều này có thể được thấy ở một số nơi trên thế giới ngày nay; và những người thông thái mà bác bỏ mọi câu chuyện về những điều như vậy chỉ là mê tín vô căn cứ thường nói về những gì họ không hề hiểu. Tuy nhiên, không cần ai phải lo lắng về những màn trình diễn như vậy, hoặc sợ rằng họ có thể bị tổn hại theo cách này bởi những kẻ có ác cảm với họ. Không nghi ngờ gì rằng kết quả đã được tạo ra, ví dụ như bởi các phép thuật Voodoo hoặc Obeah trong số người da đen; nhưng rất hiếm khi những người thực hành có thể ảnh hưởng đến người da trắng hoài nghi."

How Evil May Be Resisted— Cái ác có thể bị chống lại như thế nào

There are cases in which this has been done; but it should be remembered that it can only happen when the evil from without finds something in the victim upon which it can act. The man whose soul is strong and unselfish cannot be touched by any such machinations. The evil thoughts and practices dictated by envy and hatred may work harm along one of two lines. They may produce fear in the victim, and so throw him into a pitiable condition, in which disease and evil of many [224] sorts may readily descend upon him. The man who is perfectly fearless has a much greater capability of resisting all such things, precisely as the man who has no fear of contagious disease is less likely to be infected by it than the man who is always in terror of it. Any clairvoyant who watched the conditions produced both in the astral body and in the etheric part of the physical vehicle

Có những trường hợp mà điều này đã xảy ra; nhưng cần nhớ rằng nó chỉ có thể xảy ra khi cái ác từ bên ngoài tìm thấy điều gì đó trong nạn nhân để nó có thể tác động. Người có linh hồn mạnh mẽ và vị tha sẽ không bị chạm tới bởi bất kỳ âm mưu nào như vậy. Những suy nghĩ và hành động xấu xa do sự ghen tị và thù hận xúi giục có thể gây hại theo một trong hai cách. Chúng có thể tạo ra sự sợ hãi trong nạn nhân, và do đó ném người đó vào tình trạng đáng thương, trong đó bệnh tật và cái ác dưới nhiều hình thức có thể dễ dàng giáng xuống. Người hoàn toàn không sợ hãi có khả năng chống lại những điều như vậy lớn hơn nhiều, giống như người không sợ bệnh truyền nhiễm thì ít có khả năng bị lây nhiễm hơn người luôn sợ hãi về nó. Bất kỳ ai có khả năng thông nhãn, khi quan sát các điều kiện tạo ra trong thể cảm dục và phần dĩ thái của thể xác bởi sự lo lắng và sợ hãi, sẽ dễ dàng hiểu tại sao điều này lại

by nervousness and fear will easily understand why this should be, and will see the immunity of the fearless man is explicable on purely scientific grounds.

như vậy, và sẽ thấy rằng sự miễn nhiễm của người không sợ hãi có thể được giải thích hoàn toàn trên cơ sở khoa học.

Another and even more deadly way in which such forces may act upon a person for evil is that they may stir up within him vibrations of the same nature as their own. So if the man has within him the seeds of envy, jealousy, hatred, sensuality, these feelings may be roused to the point of frenzy, and he may be induced in that way to commit actions on which in his calmer moments he would look with horror. Unselfishness, one-pointedness, purity of thought guard a man entirely from such dangers, and it is therefore unnecessary that any man should be nervous with regard to the effects which may be produced upon him by others. A more real danger is that we may ourselves unconsciously yield to undesirable feelings with regard to other people, and so may, without especial intention, be causing evil results for them. That is a much more imminent peril, and one against which we can guard ourselves only by seeing to it that no thought of malice or anger, of envy or of jealousy shall for an instant be allowed to harbour itself within our hearts.

Một cách khác, thậm chí còn nguy hiểm hơn, mà các thế lực này có thể tác động xấu đến một người là chúng có thể khơi dậy trong người đó những rung động cùng bản chất với chính chúng. Vì vậy, nếu người đó có trong mình những mầm mống của sự ghen tị, đố kỵ, thù hận, dục vọng, những cảm xúc này có thể bị kích thích đến mức cuồng loạn, và người đó có thể bị dụ dỗ thực hiện những hành động mà trong những khoảnh khắc bình tĩnh, người đó sẽ kinh hoàng khi nghĩ tới. Tính vị tha, sự nhất tâm, sự thanh khiết trong tư tưởng sẽ hoàn toàn bảo vệ một người khỏi những nguy hiểm như vậy, và do đó không cần bất kỳ ai phải lo lắng về những tác động mà người khác có thể gây ra cho mình. Mối nguy hiểm thực sự hơn là chính chúng ta có thể vô tình khuất phục trước những cảm xúc không mong muốn đối với người khác, và do đó, dù không cố ý, chúng ta có thể gây ra những hậu quả xấu cho họ. Đây là mối nguy hiểm gần kề hơn nhiều, và chúng ta chỉ có thể bảo vệ mình khỏi nó bằng cách chắc chắn rằng không một ý nghĩ ác ý hay giận dữ, ghen tị hay đố kỵ nào được phép tồn tại trong trái tim chúng ta dù chỉ trong khoảnh khắc.

For the rest, the man who is true and unselfish gives no handle for any evil influence to seize, no door for its entrance into his heart. If his life and his thought be in harmony with the Divine Will, he may be certain that [225] no black magician in the world can harm him. Our danger is not in the least that we shall be injured, but far more that by want of control over ourselves, our own thoughts and desires, we may sometimes do harm to others. This practical side of the subject, however, belongs more especially to our topic for next week,

Ngoài ra, người chân chính và vị tha không để lại chỗ cho bất kỳ ảnh hưởng xấu nào nắm bắt, không có cánh cửa nào để cái ác xâm nhập vào trái tim mình. Nếu cuộc sống và suy nghĩ của người ấy hòa hợp với Thiên Ý, người ấy có thể chắc chắn rằng không một nhà huyền thuật tả đạo nào trên thế giới có thể làm hại mình. Nguy hiểm của chúng ta không nằm ở việc chúng ta sẽ bị tổn thương, mà ở chỗ chúng ta, do thiếu kiểm soát bản thân, suy nghĩ và ham muốn của mình, có thể đôi khi vô tình làm hại người khác. Khía cạnh thực tiễn của chủ đề

“The Use and Abuse of Psychic Powers.” [227]

này, tuy nhiên, thuộc về chủ đề của tuần tới, “Sự Sử Dụng và Lạm Dụng các Năng Lực Thông Linh.”

CHAPTER IX - THE USE AND ABUSE OF PSYCHIC POWERS
SỬ DỤNG VÀ LẠM DỤNG NĂNG LỰC THÔNG LINH

Strictly speaking, psychic powers mean the powers of the soul, because this word psychic is derived from the Greek psyche, the soul. But in ordinary language this term is used rather to imply that we in Theosophy call the powers of the astral body, or even in many cases those pertaining to the etheric part of the physical body. To speak of persons as “psychic” generally means nothing more than that they are sensitive—that they sometimes see or hear more than the majority of people around them are as yet able to see or hear. Though it is of course true that this sight is a power of the soul, it is equally true that all the powers which we display in physical life are also powers of the soul, for our bodies, whether astral or physical, are after all only vehicles. What is commonly termed “psychic power” is then only a slight extension of the ordinary faculties; but the expression is also sometimes used to include other manifestations which are yet somewhat abnormal among men, such as mesmeric power, or the power of mind-cure. Since the will is the motive force both in mesmerism and in mind-cure, I presume that we can hardly object to the application of this term psychic power in these cases. Often telepathy and Psychometry are considered to come under the same head, although these in reality merely indicate a somewhat unusual sensitiveness to impressions from without. In truth, all of these powers of the soul are inherent in every son of man, though they are developed [228] as yet only in a few, and are working only partially even with them, unless they have had the inestimable advantage of definite occult training.

Nói một cách chính xác, các năng lực thông linh có nghĩa là các năng lực của linh hồn, vì từ "psychic" này xuất phát từ tiếng Hy Lạp "psyche," có nghĩa là linh hồn. Nhưng trong ngôn ngữ thông thường, thuật ngữ này thường được dùng để chỉ những gì chúng ta trong Thông Thiên Học gọi là các năng lực của thể cảm dục, hoặc thậm chí trong nhiều trường hợp là những năng lực thuộc về phần dĩ thái của thể xác. Khi nói về những người có "năng lực thông linh," thường không có nghĩa gì hơn việc họ nhạy cảm—rằng đôi khi họ nhìn thấy hoặc nghe thấy nhiều hơn so với đa số người xung quanh họ có thể nhìn hoặc nghe. Mặc dù tất nhiên sự nhìn thấy này là một năng lực của linh hồn, nhưng cũng đúng rằng tất cả các năng lực mà chúng ta thể hiện trong cuộc sống vật lý cũng là các năng lực của linh hồn, vì các thể của chúng ta, dù là thể cảm dục hay thể xác, sau cùng chỉ là các phương tiện. Điều được gọi phổ biến là "năng lực thông linh" chỉ là một sự mở rộng nhỏ của các khả năng thông thường; nhưng thuật ngữ này cũng đôi khi được sử dụng để bao gồm các biểu hiện khác mà vẫn còn hơi bất thường trong loài người, chẳng hạn như năng lực thôi miên, hoặc năng lực chữa bệnh bằng tâm trí. Vì ý chí là động lực trong cả thôi miên và chữa bệnh bằng tâm trí, tôi cho rằng chúng ta khó có thể phản đối việc áp dụng thuật ngữ "năng lực thông linh" trong các trường hợp này. Thường thì viễn cảm và tâm lý trắc học cũng được coi là thuộc cùng loại, mặc dù thực tế chúng chỉ đơn thuần chỉ ra một sự nhạy cảm khác thường với các ấn tượng từ bên ngoài. Thực ra, tất cả các năng lực này của linh hồn đều vốn có trong mọi người con của nhân loại, mặc dù chúng chỉ mới phát triển ở một số ít, và chỉ hoạt động một phần ngay cả với những người này, trừ khi họ đã có được lợi thế vô giá của sự huấn luyện huyền

môn rõ ràng.

The Trained and the Untrained— Người được đào tạo và người không được đào tạo

In my lectures upon clairvoyance I have often had to draw a distinction between the trained and the untrained man. Until we come to examine the matter practically we can have little idea what an enormous difference the definite training in the use of such powers makes to the capacity of the man. Practically all those of whom we commonly thing as psychic in this occidental country are entirely untrained. They are simply persons who possess a little of this higher faculty, which has been born in them as a consequence of some efforts which they have made to attain it in past lives—possibly as vestal virgins in ancient temples, or possibly as practitioners of less desirable forms of magic in mediaeval times. In most cases in this life they have used such powers somewhat blindly, or perhaps have made no conscious effort to use them at all, but have rather been satisfied to accept whatever impressions came to them.

Trong các bài giảng của tôi về thông nhãn, tôi thường phải phân biệt giữa người đã qua đào tạo và người chưa qua đào tạo. Cho đến khi chúng ta thực sự kiểm tra vấn đề, chúng ta mới có thể nhận ra sự khác biệt to lớn mà việc huấn luyện rõ ràng trong việc sử dụng những năng lực như vậy tạo ra đối với khả năng của một người. Hầu như tất cả những người mà chúng ta thường nghĩ đến như là có năng lực thông linh ở các nước phương Tây đều hoàn toàn chưa được đào tạo. Họ đơn giản chỉ là những người sở hữu một chút khả năng cao hơn này, được sinh ra trong họ như một hệ quả của một số nỗ lực mà họ đã thực hiện để đạt được điều đó trong các kiếp sống trước—có thể là những trinh nữ Vestal trong các ngôi đền cổ, hoặc có thể là những người thực hành các hình thức huyền thuật kém mong muốn hơn trong thời kỳ trung cổ. Trong hầu hết các trường hợp, trong kiếp sống này, họ đã sử dụng những năng lực đó một cách mù quáng, hoặc có lẽ họ chưa hề cố gắng sử dụng chúng một cách có ý thức, mà thay vào đó, hài lòng chấp nhận bất kỳ ấn tượng nào đến với họ.

In India, and in other Oriental countries, these things have been scientifically studied for many centuries, so that there any one who shows signs of such development is instructed to either to repress its manifestations altogether, or else to put himself under the definite training of those who thoroughly understand the subject. The Indian mind approaches these problems from a totally different point of view. To the Hindu mere sensitiveness seems an undesirable quality, lest it should degenerate into

Ở Ấn Độ, và ở các nước phương Đông khác, những điều này đã được nghiên cứu một cách khoa học qua nhiều thế kỷ, đến mức ở đó bất kỳ ai có dấu hiệu phát triển như vậy đều được hướng dẫn hoặc đàn áp hoàn toàn những biểu hiện của nó, hoặc đưa bản thân vào một khóa huấn luyện rõ ràng dưới sự hướng dẫn của những người hiểu biết sâu sắc về vấn đề này. Tâm trí người Ấn Độ tiếp cận những vấn đề này từ một quan điểm hoàn toàn khác. Đối với người Hindu, sự nhạy cảm thuần túy dường như là một phẩm chất không mong muốn, sợ

mediumship a condition which he regards with the utmost horror. To him these powers of the soul are not in the slightest degree abnormal; he knows That they are [229] inherent in every man, and so he is in no way surprised at their occasional manifestation. But he knows also that unless carefully trained and kept in control they are likely to mislead their possessor in the early days of his experience.

rằng nó có thể suy thoái thành tình trạng trung gian—một trạng thái mà y coi là vô cùng kinh hãi. Đối với y, những năng lực của linh hồn không phải là điều bất thường; y biết rằng chúng vốn có trong mọi người, và do đó y không ngạc nhiên khi chúng thỉnh thoảng biểu hiện. Nhưng y cũng biết rằng trừ khi được đào tạo kỹ lưỡng và kiểm soát, chúng có khả năng đánh lừa chủ nhân của chúng trong những ngày đầu trải nghiệm.

The Indian student knows what he is doing in regard to these matters, for they have all been classified thousands of years ago. There are many teachers in India who will take a man and train him psychically, just as here a man might be trained in athletics or in the practice of some science. In Eastern countries the whole thing is systematized, and all of those who are here called psychic and clairvoyant would be regarded in the East as somewhat unpromising pupils. Indeed I believe that many of the Oriental teachers would rather not undertake the development of a man who has already some small amount of these psychic powers, because it is found that such a man has usually much to unlearn, and is more difficult to manage and to train than one in whom as yet no such faculties have manifested themselves.

Người học Ấn Độ biết mình đang làm gì với những vấn đề này, vì tất cả đã được phân loại hàng ngàn năm trước. Ở Ấn Độ có nhiều huấn sư sẽ dẫn dắt một người và huấn luyện y về mặt thông linh, giống như ở đây một người có thể được huấn luyện về thể thao hoặc về thực hành một số khoa học nào đó. Ở các nước phương Đông, mọi thứ đều có hệ thống, và tất cả những người mà ở đây được gọi là người có năng lực thông linh và thông nhãn sẽ được coi là những học viên không mấy hứa hẹn ở phương Đông. Thật vậy, tôi tin rằng nhiều huấn sư phương Đông thà không tiếp nhận sự phát triển của một người đã có một chút năng lực thông linh này, bởi vì người như vậy thường phải học lại nhiều điều, và khó quản lý cũng như đào tạo hơn so với người chưa có những khả năng như vậy biểu hiện.

In the East they have a thorough comprehension of all these things; with them a man is trained in the use of his faculties from the first, and the possibilities of error and miscalculation are clearly explained to him, and therefore he is naturally far less likely to fall a victim to them

Ở phương Đông, họ có sự hiểu biết sâu sắc về tất cả những điều này; với họ, một người được huấn luyện về cách sử dụng các năng lực của mình ngay từ đầu, và những khả năng sai lầm và tính toán sai lầm được giải thích rõ ràng cho y, và do đó, y ít có khả năng trở thành nạn nhân của những sai lầm đó hơn.

In our Western countries clairvoyance has a bad reputation, by reason of the fact that there are many pretenders to its possession who are constantly unsuccessful and blundering in their efforts. There may be some of these who

Ở các nước phương Tây của chúng ta, thông nhãn có tiếng xấu vì thực tế có rất nhiều kẻ giả mạo năng lực này thường xuyên thất bại và mắc lỗi trong những nỗ lực của họ. Có thể một số trong số này là những kẻ lừa đảo trắng trợn;

are barefaced impostors; but I imagine that the majority have really some partial development of this faculty, although they have often entirely misunderstood even the little that they have. Certainly no [230] man in the East would ever come before the public, or be known in any way as a clairvoyant, until he had been trained far enough to be beyond all possibility of the ordinary gross errors which are so painfully common among so-called clairvoyants here. When we grasp this fact, we at once see how great is the difference between the trained and the untrained, and how little reliance is usually to be placed upon the latter.

nhưng tôi hình dung rằng phần lớn thực sự có một số sự phát triển phần nào về năng lực này, mặc dù họ thường hoàn toàn hiểu sai ngay cả những gì ít ỏi mà họ có. Chắc chắn không ai ở phương Đông sẽ xuất hiện trước công chúng, hoặc được biết đến dưới bất kỳ hình thức nào như là một người có thông nhãn, cho đến khi y đã được đào tạo đủ xa để tránh mọi khả năng của những sai lầm thô thiển thường thấy ở những người tự xưng là có thông nhãn ở đây. Khi hiểu được điều này, chúng ta ngay lập tức thấy sự khác biệt to lớn giữa người đã qua đào tạo và người chưa qua đào tạo, và thấy rằng thường thì rất ít sự tin cậy có thể đặt vào những người chưa được đào tạo.

Most psychics among us feel themselves to be infallible, and consider that the messages and impressions which reach them come always from the highest possible quarters; but the truth is that a little common-sense and study of the subject would show them that in this they are mistaken. No doubt it is to some extent gratifying to each one's subtle self-conceit to suppose that she has the exclusive power of communication with some great archangel; but if she will but take the trouble to read the literature of the subject it will soon become apparent that many hundreds of other people have also had their private archangels, and have nevertheless been frequently grossly mistaken. Of course no trained man could possibly fall into such an error as this; but then, as I have said, the vast majority of our psychics in Europe and America are entirely untrained. Some of them may receive a certain amount of guidance from dead people — "spirit guides," as they are called - but it is rarely of an exact and practical kind, and it usually tends much more towards mediumship and general sensitiveness than towards the gain of definite control and self-development.

Phần lớn những người có năng lực thông linh trong chúng ta cảm thấy mình không thể sai lầm, và cho rằng những thông điệp và ấn tượng đến với họ luôn xuất phát từ những nguồn cao nhất có thể; nhưng sự thật là một chút lý trí và nghiên cứu về chủ đề này sẽ cho họ thấy rằng họ đã nhầm lẫn. Không nghi ngờ gì rằng ở một mức độ nào đó, việc tin rằng mình có quyền giao tiếp độc quyền với một vị đại thiên thần nào đó mang lại sự thỏa mãn cho lòng tự phụ tinh tế của mỗi người; nhưng nếu họ dành chút công sức để đọc các tài liệu về chủ đề này, họ sẽ sớm nhận ra rằng hàng trăm người khác cũng có các đại thiên thần riêng của mình, và dù vậy, họ vẫn thường xuyên sai lầm nghiêm trọng. Dĩ nhiên, không có người đã qua đào tạo nào có thể mắc phải sai lầm này; nhưng như tôi đã nói, phần lớn những người có năng lực thông linh ở châu Âu và châu Mỹ hoàn toàn chưa được đào tạo. Một số trong số họ có thể nhận được một mức độ hướng dẫn nhất định từ những người đã qua đời—"người hướng dẫn tinh thần," như họ gọi —nhưng đó hiếm khi là sự hướng dẫn chính xác và thực tế, và thường có xu hướng nghiêng nhiều hơn về trạng thái trung gian và sự nhạy cảm nói chung hơn là đạt được sự kiểm soát và phát triển tự thân rõ ràng.

I doubt whether any large number of our occidental psychics would for a moment submit themselves to the kind of training which the wiser teachers of the East consider necessary. There a man has to try persistently~ patiently, over and over again at the simplest feats until [231] he succeeds in producing his results neatly and perfectly; he is expected to build up his knowledge of higher planes step by step from those with which he is already familiar, and he is not encouraged in lofty flights which take his feet away from the bedrock of ascertained fact. Our Western psychics would probably consider themselves much injured if they were made to work laboriously at self-control in the way which is always exacted as a matter of course in all Oriental schools of development of these psychic powers.

Tôi nghi ngờ liệu có nhiều người trong số những người có năng lực thông linh ở phương Tây của chúng ta sẽ chấp nhận đưa mình vào loại huấn luyện mà các huấn sư thông thái của phương Đông coi là cần thiết hay không. Ở đó, một người phải kiên trì—nhẫn nại—thử đi thử lại nhiều lần những động tác đơn giản nhất cho đến khi y thành công trong việc thực hiện chúng một cách gọn gàng và hoàn hảo; y được kỳ vọng xây dựng kiến thức của mình về các cõi cao hơn từng bước từ những cõi mà y đã quen thuộc, và không được khuyến khích thực hiện những chuyến bay cao xa rời khỏi thực tế đã được xác minh. Những người có năng lực thông linh ở phương Tây của chúng ta có lẽ sẽ cảm thấy mình bị tổn thương nghiêm trọng nếu bị bắt làm việc cần mẫn về việc kiểm soát bản thân theo cách mà ở các trường phái phương Đông, đó luôn là điều tất yếu trong việc phát triển những năng lực thông linh này.

Studies Not Definitely Psychic— Các nghiên cứu không hoàn toàn thuộc về thông linh

I suppose that many people would include among psychic powers astrology, palmistry and phrenology. I think, however, that we are hardly justified in describing these as psychic, because in all of them the theory is that the results are obtained by deduction from matters of fact and of observation. The astrologer ascertains the position of the stars at any given moment, and from that he casts his horoscope or sets up his figure, and after that it is supposed to be a mere matter of calculation to discover what influences are at work. In the same way the palmist observes the lines of the hand and then gives his delineation according to the accepted rules of his science; and the same is done by the phrenologist from his examination of the

Tôi cho rằng nhiều người sẽ bao gồm trong các năng lực thông linh các môn chiêm tinh học, xem chỉ tay và tướng sọ học. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng chúng ta khó có thể coi chúng là thuộc về thông linh, bởi vì trong tất cả những môn này, lý thuyết là kết quả được rút ra từ sự suy luận dựa trên các sự kiện và quan sát. Nhà chiêm tinh xác định vị trí của các ngôi sao tại một thời điểm nhất định, và từ đó lập lá số chiêm tinh hoặc dựng lên hình ảnh tương ứng, và sau đó người ta cho rằng chỉ cần tính toán để khám phá ra các ảnh hưởng đang hoạt động. Tương tự, người xem chỉ tay quan sát các đường nét trên tay và sau đó đưa ra mô tả của mình theo các quy tắc đã được công nhận của khoa học này; và điều tương tự cũng được thực hiện bởi nhà tướng sọ từ việc kiểm tra cấu

varied configuration of the skull. In all these sciences the real proficiency lies in the capacity to balance the contradictory indications and to judge accurately between them; and many practitioners of these arts are no doubt aided in such decision by impressions which come much nearer to psychic faculty. To these last perhaps we might permit the name of psychic power, but hardly to the sciences themselves; so that I think we may put them on one side for [232] the purpose of our lecture. It sometimes happens that one who practices these arts is in the habit of receiving impressions and communications from some astral entity — impressions which greatly assist him in judging accurately from the facts put before him. In this case obviously such success as he may attain is not in consequence of his own psychic powers, but of the additional discernment which ordinary astral faculty gives to his departed helper.

hình đa dạng của hộp sọ. Trong tất cả những môn khoa học này, sự tinh thông thực sự nằm ở khả năng cân nhắc các dấu hiệu mâu thuẫn và đánh giá chính xác giữa chúng; và nhiều người thực hành các môn nghệ thuật này chắc chắn được hỗ trợ trong việc đưa ra quyết định nhờ vào những ấn tượng đến gần với năng lực thông linh. Có lẽ, chúng ta có thể cho phép gọi những điều này là năng lực thông linh, nhưng khó có thể gọi chính các môn khoa học này là như vậy; vì thế tôi nghĩ rằng chúng ta có thể bỏ qua chúng cho [232] mục đích của buổi giảng này. Đôi khi, người thực hành các môn nghệ thuật này có thói quen nhận được những ấn tượng và thông điệp từ một thực thể thuộc cõi cảm dục—những ấn tượng giúp đỡ rất nhiều trong việc đánh giá chính xác từ những sự thật được đặt ra trước mặt. Trong trường hợp này, rõ ràng thành công mà người đó đạt được không phải là do năng lực thông linh của chính mình, mà là nhờ vào sự phân biện thêm mà năng lực thông linh thông thường của thực thể đã khuất mang lại cho người trợ giúp.

In the same way it does not seem to me that mediumship should be recognized among psychic powers, or indeed considered properly a power at all. The man who is a medium is not exercising power, but is on the contrary abdicating his rightful possession of control over his own organs or principles. It is essential for a medium that his principles should be readily separable. If he is a trance or writing medium, that means that any astral entity may easily take possession of his physical body and utilize either the hand or the vocal organs, so that he is simply one who can be promptly dispossessed by dead man. If, on the other hand, he is a materializing medium (whether the materializations are perfect and visible forms, or merely invisible hands which touch the sitters at the séance, or play musical instruments, or carry small objects about), the special quality which he

Tương tự, tôi không nghĩ rằng trạng thái đồng cốt nên được coi là thuộc về năng lực thông linh, hoặc thậm chí không nên coi đó là một năng lực nào cả. Người làm đồng không sử dụng năng lực, mà ngược lại, là từ bỏ quyền kiểm soát chính đáng của mình đối với các cơ quan hoặc nguyên lý của chính mình. Điều thiết yếu đối với một người làm đồng là các nguyên lý của y phải dễ dàng tách rời. Nếu y là một đồng cốt nhập hồn hoặc viết chữ, điều đó có nghĩa là bất kỳ thực thể cảm dục nào cũng có thể dễ dàng chiếm hữu thân thể vật lý của y và sử dụng tay hoặc cơ quan phát âm, do đó y chỉ là người có thể dễ dàng bị trục xuất bởi một người đã khuất. Mặt khác, nếu y là một đồng cốt hiện hình (dù các hình hiện hình có hoàn hảo và rõ ràng hay chỉ là những bàn tay vô hình chạm vào người ngồi trong buổi cầu cơ, hoặc chơi các nhạc cụ, hoặc mang các vật nhỏ di chuyển xung quanh), phẩm chất đặc biệt

possesses is that etheric or even physical matter can quickly and safely be withdrawn from his body and used for the various operations of the séance. In any or all of these cases it will be seen that the medium's part is to be passive and not active, so that he may be seized upon and obsessed without too great an effort on the part of the obsessing entity. It is evident that he cannot be described as possessing or using a power at all, but rather as able to [233] assume a condition in which he can without difficulty yield himself to the power of others.

mà y sở hữu là vật chất dĩ thái hoặc thậm chí là vật chất vật lý có thể nhanh chóng và an toàn bị rút ra khỏi cơ thể của y và được sử dụng cho các hoạt động khác nhau của buổi cầu cơ. Trong tất cả các trường hợp này, sẽ thấy rằng phần của người làm đồng là thụ động chứ không phải chủ động, để y có thể bị chiếm hữu và bị ám mà không cần nỗ lực quá nhiều từ phía thực thể ám nhập. Rõ ràng là y không thể được mô tả là đang sở hữu hoặc sử dụng một năng lực nào, mà đúng hơn là có thể [233] đạt được một trạng thái trong đó y có thể dễ dàng trao mình cho quyền lực của kẻ khác.

Conscious Psychic Powers—Năng lực thông linh có ý thức

It would seem then that we may reserve the title of "psychic" powers for the definite use of will or of the astral or etheric senses — that is to say, we may include genuine and controlled clairvoyance, mind-cure, mesmerism, telepathy, and psychnometry. A great deal of unconscious psychic power is also being constantly exercised, and of that I shall speak later; but we will take the conscious exercise of power first. This conscious exercise of these powers is only for the few among us at present. It is by no means uncommon to find men who have good deal of mesmeric capability; and a fair number of persons have considerable curative power along various lines; but still as compared to the total population these are only a few. The unconscious powers are possessed by all of us, and all of us are using them to greater or less extent,

Có vẻ như chúng ta có thể dành thuật ngữ "năng lực thông linh" để chỉ việc sử dụng ý chí một cách rõ ràng hoặc các giác quan cảm dục hoặc dĩ thái—tức là chúng ta có thể bao gồm khả năng thông nhãn chân chính và có kiểm soát, chữa bệnh bằng trí, thuật thôi miên, viễn cảm, và phép đo cảm giác. Còn rất nhiều năng lực thông linh vô thức đang được thực hành liên tục, và tôi sẽ nói về điều đó sau; nhưng trước tiên chúng ta sẽ xem xét việc thực hành năng lực một cách có ý thức. Việc thực hành những năng lực này một cách có ý thức hiện tại chỉ dành cho một số ít người trong chúng ta. Không phải là hiếm khi gặp những người có khả năng thôi miên tốt; và một số người có khả năng chữa bệnh đáng kể theo các phương pháp khác nhau; nhưng so với tổng dân số thì họ chỉ là thiểu số. Các năng lực vô thức được sở hữu bởi tất cả chúng ta, và tất cả chúng ta đều đang sử dụng chúng ở mức độ lớn hay nhỏ.

To those who possess and employ these conscious psychic powers I would say that all of them may be used and all of them may be abused, so great care should be exercised

Với những ai sở hữu và sử dụng các năng lực thông linh có ý thức này, tôi muốn nói rằng tất cả chúng có thể được sử dụng và tất cả chúng có thể bị lạm dụng, vì vậy cần phải hết sức cẩn

with regard to them. There is a good general rule which is universally applicable with regard to all such matters, and that is the rule of perfect unselfishness. If those who have such powers are using them in any way for personal gain, whether it be of money or of influence, that is distinctly an abuse. These are truly powers of the soul; they are connected with the advancement of man and with his higher development, and it is for that higher development only that they should be employed. That is an important point for the person possessing [234] them to bear in mind; it is the only safe rule that can be made for their use,These are in all cases glimpses of the future of the human race. If these higher powers which will one day come to every one of us are to be used by each man for himself, the future may well be dark and fearful. If, on the other hand, as they develop, men learn to use them for the uplifting and the helping of the race, that future will be a bright and a grand one. Our record tells us that in the remote past there was a mighty race which possessed these powers to the full; but that race as a whole used them wrongly, and in consequence that race disappeared. We of the fifth root-race must also in our turn pass through the same trial, we must inherit the same powers. Their occasional appearance among us now is an earnest of the time when they will presently become almost universal, when they will be fully understood and accepted.

thận đối với chúng. Có một quy tắc chung rất tốt áp dụng cho tất cả các vấn đề như vậy, đó là quy tắc của sự vị tha hoàn toàn. Nếu những người có những năng lực này đang sử dụng chúng cho bất kỳ mục đích cá nhân nào, dù là để kiếm tiền hay để gây ảnh hưởng, thì điều đó rõ ràng là một sự lạm dụng. Đây thực sự là những năng lực của linh hồn; chúng gắn liền với sự tiến bộ của con người và sự phát triển cao hơn của y, và chúng chỉ nên được sử dụng cho sự phát triển cao hơn đó. Đây là điểm quan trọng mà người sở hữu [234] chúng phải luôn ghi nhớ; đó là quy tắc duy nhất an toàn cho việc sử dụng chúng. Đây trong mọi trường hợp đều là những cái nhìn thoáng qua về tương lai của nhân loại. Nếu những năng lực cao hơn này mà một ngày nào đó sẽ đến với tất cả chúng ta được sử dụng cho chính mỗi người, tương lai có thể sẽ đen tối và đáng sợ. Ngược lại, nếu khi chúng phát triển, con người học cách sử dụng chúng để nâng cao và giúp đỡ nhân loại, tương lai đó sẽ tươi sáng và vĩ đại. Hồ sơ của chúng ta cho thấy rằng trong quá khứ xa xôi đã từng có một chủng tộc hùng mạnh sở hữu đầy đủ những năng lực này; nhưng chủng tộc đó đã sử dụng chúng sai cách, và kết quả là chủng tộc đó đã biến mất. Chúng ta, những người thuộc giống dân gốc thứ năm, cũng phải lần lượt trải qua thử thách tương tự, chúng ta phải thừa hưởng những năng lực tương tự. Sự xuất hiện ngẫu nhiên của chúng giữa chúng ta hiện nay là dấu hiệu của thời điểm khi chúng sẽ sớm trở nên phổ biến, khi chúng sẽ được hiểu và chấp nhận đầy đủ.

The great question is whether, having followed our predecessors so far, we shall follow them to the end; whether when we have developed these powers as they did, we also shall abuse them as they did; for if we do, it is certain that we shall also follow them in their destruction. If, as may be hoped, we shall do somewhat better than they, if there shall be

Câu hỏi lớn là liệu chúng ta, sau khi đã theo bước các tiền nhân, có đi theo họ đến cuối cùng không; liệu khi chúng ta đã phát triển những năng lực này như họ đã làm, chúng ta cũng sẽ lạm dụng chúng như họ đã làm; vì nếu chúng ta làm vậy, chắc chắn chúng ta cũng sẽ theo họ đến sự diệt vong của mình. Nếu, như chúng ta hy vọng, chúng ta sẽ làm tốt hơn họ một chút,

a larger proportion who will use these powers for the good of mankind as a whole, it may be that the doom can be averted, and that the common-sense and public feeling of the majority will condemn and curb their employment for selfish purposes. But if that is to be, if we are to have this larger proportion of those who understand and who use their powers intelligently, it is certain that we must begin now; now that these things are as yet only in seed among us we must begin by using them unselfishly, and we must put [235] away altogether the idea of exploiting them for the sake of the lower self. There is already far too great a tendency in This direction; the grasping avarice of the ignorant leads them to employ every additional advantage which they think they can gain, in order that they may make a little more money, that they may obtain a little more advancement or a little more fame for the wretched personal self.

nếu sẽ có một tỷ lệ lớn hơn những người sử dụng những năng lực này vì lợi ích của nhân loại, thì có lẽ sự diệt vong có thể được ngăn chặn, và sự nhận thức chung và cảm giác công lý của đa số sẽ lên án và kiềm chế việc sử dụng chúng cho các mục đích vị kỷ. Nhưng nếu điều đó sẽ xảy ra, nếu chúng ta sẽ có một tỷ lệ lớn hơn những người hiểu và sử dụng các năng lực của họ một cách thông minh, thì chắc chắn chúng ta phải bắt đầu ngay bây giờ; ngay từ bây giờ, khi những điều này mới chỉ là hạt giống trong chúng ta, chúng ta phải bắt đầu bằng cách sử dụng chúng một cách vị tha, và chúng ta phải loại bỏ hoàn toàn ý nghĩ khai thác chúng vì phàm ngã thấp kém. Hiện đã có xu hướng quá lớn theo hướng này; lòng tham vô độ của những kẻ ngu dốt khiến họ sử dụng mọi lợi thế bổ sung mà họ nghĩ rằng mình có thể đạt được, để họ có thể kiếm thêm một chút tiền, tiến xa hơn một chút hoặc đạt được một chút danh tiếng cho cái tôi cá nhân tầm thường.

The dawn of these higher faculties must never be corrupted by such thoughts or such feelings as these. We must remember that higher powers involve higher responsibility, that the man who possesses them is already in a different position, because he is already coming within reach of grander possibilities in many directions. We understand this readily in other and more purely physical matters, and none of us would think of regarding the responsibility of the savage when he commits a murder or a robbery as in any way equal to our own if we should fall into the same crime. That is because we have a greater knowledge than he, and so every one instinctively realizes that more is to be expected from us. The same thing is true with regard to this additional knowledge — this knowledge that brings with it so much more of power; for added power means added opportunity, and therefore added

Bình minh của những năng lực cao hơn này không bao giờ được làm ô uế bởi những suy nghĩ hoặc cảm xúc như vậy. Chúng ta phải nhớ rằng những năng lực cao hơn đi kèm với trách nhiệm lớn hơn, rằng người sở hữu chúng đã ở trong một vị thế khác, bởi vì y đã tiếp cận với những khả năng lớn lao hơn trên nhiều phương diện. Chúng ta hiểu điều này một cách dễ dàng trong những vấn đề khác mang tính vật lý hơn, và không ai trong chúng ta lại nghĩ rằng trách nhiệm của một kẻ man rợ khi y phạm tội giết người hoặc cướp bóc lại bằng với trách nhiệm củachúng ta nếu chúng ta rơi vào cùng tội lỗi đó. Đó là bởi vì chúng ta có kiến thức lớn hơn, và do đó mọi người đều nhận thức được một cách bản năng rằng chúng ta được kỳ vọng nhiều hơn. Điều tương tự cũng đúng đối với kiến thức bổ sung này—kiến thức mang theo nó nhiều quyền lực hơn; vì quyền lực tăng thêm có nghĩa là có thêm cơ hội, và do đó trách nhiệm tăng thêm.

responsibility.

Mesmerism and Mind-Cure— Thôi miên và Trị liệu bằng tâm trí

In previous lectures I have already explained the Theosophical view with regard to mesmerism and mind-cure, so I need not now repeat myself with regard to these subjects. It is easy to see how the former might be misused — how it might be employed with great facility to dominate the mind of a person and to influence him unduly to favour the operator. One hears sometimes of [236] such cases, in which a man desiring to obtain a position, of another one desiring to obtain money, exercises undue mesmeric influence and thereby gets himself appointed to some place which he is unfitted to fill, or perhaps succeeds in having money given to him or left to him as a legacy when it should by ordinary canons of justice have passed into other hands. It is common to see advertisements in the papers from men who profess to teach mesmeric influence avowedly with the intention that it shall be used in ordinary business, in order that the person who uses it may in this way get the better of the unfortunate man who comes into contact with him in the way of It is obvious that all these are very serious abuses; and I think that we must class 'with them that use of mesmeric power which is so frequently exhibited in public - that which makes the subject ridiculous in some one or other of many ways. On the other hand, there is no doubt that mesmerism may be usefully employed for curative purposes. As I explained in my lecture on that subject, it is usually possible to withdraw from a patient such pains as those of headache or toothache by means of a few passes, without putting him

Trong những bài giảng trước đây, tôi đã giải thích quan điểm Thông Thiên Học về thuật thôi miên và chữa bệnh bằng trí lực, nên bây giờ tôi không cần phải lặp lại về các chủ đề này. Rất dễ thấy làm thế nào mà thuật thôi miên có thể bị lạm dụng — cách nó có thể được sử dụng một cách dễ dàng để chi phối tâm trí của một người và ảnh hưởng không đúng mực đến người đó để ủng hộ người thực hành. Thỉnh thoảng người ta nghe về [236] những trường hợp như vậy, trong đó một người mong muốn có được một vị trí, hoặc một người khác mong muốn có được tiền bạc, sử dụng ảnh hưởng thôi miên quá mức và từ đó giành được vị trí nào đó mà y không đủ khả năng đảm nhận, hoặc có thể thành công trong việc được tặng hoặc thừa kế tiền bạc mà theo quy chuẩn thông thường của công lý, số tiền đó lẽ ra nên được chuyển cho người khác. Chúng ta thường thấy các quảng cáo trên báo từ những người tuyên bố dạy thuật thôi miên với mục đích sử dụng nó trong kinh doanh thông thường, để người sử dụng nó có thể lợi dụng những người không may mắn tiếp xúc với mình. Rõ ràng là tất cả những điều này đều là những sự lạm dụng nghiêm trọng; và tôi nghĩ rằng chúng ta phải xếp cùng loại với việc sử dụng năng lực thôi miên những buổi trình diễn công khai — những buổi khiến đối tượng trở nên lố bịch theo một số cách nào đó. Mặt khác, không có nghi ngờ gì rằng thuật thôi miên có thể được sử dụng một cách hữu ích cho mục đích chữa bệnh. Như tôi đã giải thích trong bài giảng về chủ đề này, thường có thể rút ra khỏi bệnh nhân những cơn đau như đau đầu hoặc đau răng bằng vài lần vẫy tay mà không cần đưa bệnh nhân vào trạng thái mê. Thật vậy, tôi

into a trance condition at all. Indeed I imagine that a large number of ills to which flesh is heir can be cured in this way without the use of trance. This latter should be used very sparingly, because it involves domination of one man's will by another; perhaps almost the only case in which it is justifiable is that of a surgical operation. We shall find accounts of its successful employment in such cases in the works of Dr. Esdaile of Calcutta and Dr. Elliotson of London.

tưởng tượng rằng một số lượng lớn các bệnh mà cơ thể con người phải chịu có thể được chữa trị theo cách này mà không cần sử dụng trạng thái mê. Phương pháp này nên được sử dụng rất hạn chế, vì nó liên quan đến việc chi phối ý chí của một người bởi người khác; có lẽ gần như chỉ có trường hợp phẫu thuật là đáng được biện minh. Chúng ta có thể tìm thấy các ghi chép về việc sử dụng thành công phương pháp này trong các trường hợp như vậy trong các tác phẩm của bác sĩ Esdaile ở Calcutta và bác sĩ Elliotson ở London.

One may see equally readily how easy it would be to misuse the power of mind-cure. It is often employed as a means of making money; and it seems to me that [237] wherever that is done there is a terrible danger of impurity in the motive and unscrupulousness in the practice. It is sometimes said that those who devote the whole of their time and strength to the curing of others must themselves obtain their livelihood in some way, and that in this respect mind-cure stands only on the same level as ordinary medicine. I do not feel myself able to agree with this latter contention. In the case of the ordinary doctor we all know that he passed through an expensive training in order to fit himself to deal with the especial needs of the human body; and we all realize what it is that we are buying from him — the services which his skill and experience enable him to place at our disposal. But the mind-curist is often entirely ignorant, and has undergone no preliminary training; in any case he is using a power which cannot be measured upon the physical plane, because it belongs to something higher and less material. If such a practitioner has no means of his own, and is devoting the whole of his time to the work of curing diseases, there can be no objection to his accepting any gift that a grateful patient may wish to make to him in recognition of the help which he has given; but it seems to me

Cũng dễ thấy làm thế nào mà năng lực chữa bệnh bằng trí lực có thể bị lạm dụng. Nó thường được sử dụng như một phương tiện để kiếm tiền; và dường như với tôi rằng [237] bất cứ nơi nào điều đó xảy ra, đều có một nguy cơ lớn về sự không trong sạch trong động cơ và sự vô lương tâm trong thực hành. Đôi khi người ta nói rằng những người dành toàn bộ thời gian và sức lực của mình để chữa trị cho người khác cũng phải kiếm sống bằng cách nào đó, và rằng chữa bệnh bằng trí lực đứng ở cùng mức độ với y học thông thường. Tôi không cảm thấy mình có thể đồng ý với quan điểm này. Trong trường hợp của bác sĩ thông thường, tất cả chúng ta đều biết rằng y đã trải qua một khóa đào tạo tốn kém để phù hợp với nhu cầu đặc biệt của cơ thể con người; và tất cả chúng ta đều nhận thức được rằng chúng ta đang mua những gì từ y — đó là dịch vụ mà kỹ năng và kinh nghiệm của y cho phép y cung cấp cho chúng ta. Nhưng người chữa bệnh bằng trí lực thường hoàn toàn không có kiến thức, và đã không trải qua bất kỳ sự đào tạo chuẩn bị nào; trong bất kỳ trường hợp nào, y đang sử dụng một năng lực không thể đo lường trên cõi trần, bởi vì nó thuộc về điều gì đó cao hơn và ít vật chất hơn. Nếu một người thực hành như vậy không có phương tiện sinh sống riêng, và đang dành toàn bộ thời gian của mình cho công việc chữa trị bệnh tật, thì không có gì phản đối việc y chấp nhận bất kỳ

that to fix a definite charge for services of this nature is eminently undesirable and contrary to the whole spirit of occult teaching. This is a matter which every person must decide with his own conscience; but it is a dangerous thing to introduce any element of personal gain into the utilization of powers which belong to these higher levels. It is better to avoid in this case the very appearance of evil

món quà nào mà một bệnh nhân biết ơn có thể muốn tặng y để công nhận sự giúp đỡ mà y đã cung cấp; nhưng dường như với tôi việc đặt ra một khoản phí cụ thể cho các dịch vụ thuộc loại này là cực kỳ không mong muốn và trái ngược với toàn bộ tinh thần của giáo lý huyền bí. Đây là một vấn đề mà mỗi người phải quyết định với lương tâm của chính mình; nhưng thật nguy hiểm khi đưa bất kỳ yếu tố lợi ích cá nhân nào vào việc sử dụng các năng lực thuộc về những cõi cao hơn này. Tốt hơn hết là tránh ngay cả sự xuất hiện của điều ác trong trường hợp này.

Clairvoyance—Thông nhãn

All this is true also of clairvoyance. Any faculty of that nature which a person possesses may be used for [238] good in a great may ways. For one who has this faculty higher worlds lie partially open, at any rate sometimes, and therefore this power may be used to learn. For this purpose it is necessary that the clairvoyant should make a careful study of the literature of the subject, in order that he may see what others possessing this faculty have previously learnt, that he may be guided by their experience, and may avoid the pitfalls into which some of them have fallen. A clairvoyant who does not study the subject, who makes no effort to verify his visions and to compare them with the experiences of others, is liable to be seriously deceived, and by his wild predictions and descriptions to bring the whole subject into discredit with those who do not yet understand it. But for one who uses this power with common-sense and without self-conceit, in a scientific spirit of investigation rather than with the hope of obtaining personal gain from it, it may be a source not only of great pleasure but also of

Tất cả điều này cũng đúng đối với thông nhãn. Bất kỳ khả năng nào thuộc loại này mà một người sở hữu có thể được sử dụng cho [238] lợi ích theo nhiều cách lớn lao. Đối với một người có khả năng này, các thế giới cao hơn ít nhất cũng phần nào mở ra, dù đôi khi chỉ là một phần, và do đó khả năng này có thể được sử dụng để học hỏi. Để làm được điều này, người thông nhãn cần phải nghiên cứu cẩn thận tài liệu về chủ đề này, để y có thể thấy những gì người khác có khả năng này đã học được trước đó, để y có thể được hướng dẫn bởi kinh nghiệm của họ, và có thể tránh những cạm bẫy mà một số người trong số họ đã mắc phải. Một người thông nhãn không nghiên cứu về chủ đề này, không nỗ lực xác minh các thị kiến của mình và so sánh chúng với kinh nghiệm của những người khác, dễ bị lừa dối nghiêm trọng, và bằng những dự đoán và mô tả điên rồ của mình, có thể khiến toàn bộ chủ đề này mất uy tín đối với những người chưa hiểu nó. Nhưng đối với người sử dụng khả năng này với lương tri và không tự phụ, với tinh thần điều tra khoa học hơn là hy vọng thu lợi cá nhân từ nó, nó có thể là nguồn không chỉ mang lại niềm

great advancement. Not only may be obtain knowledge for himself — knowledge which he can pass on to his fellow-men — but by its means he may also learn to see when and how people need help, and to distinguish the way in which it can most successfully be given. By its means he can often see where a kind word is especially needed, where a loving, comforting, strengthening thought can be sent with the certainty of immediate result. The clairvoyant has at least a little more power for good than his fellows if he will only watch for opportunities for using it, if only he will think always of helping others rather than of gaining anything for himself. Beautiful possibilities open up before us when we think of the power that will be in the hands of all in the not-far-distant future; the man who is to some extent clairvoyant now is beginning even already to reap a little [239] of the harvest of capacity for good which will come to us all as the race advances. The clairvoyant who is thoroughly unselfish, whose additional powers are carefully balanced by strong and robust common-sense, may do much good in the world, and may gain spiritual advancement for himself in the very act of helping his fellow-creatures.

vui lớn mà còn giúp thăng tiến. Không chỉ có thể y thu được kiến thức cho chính mình — kiến thức mà y có thể truyền lại cho đồng loại của mình — mà nhờ nó, y cũng có thể học cách nhìn thấy khi nào và cách nào con người cần được giúp đỡ, và phân biệt cách mà sự giúp đỡ có thể thành công nhất. Nhờ nó, y có thể thường thấy nơi cần một lời tử tế, nơi một suy nghĩ yêu thương, an ủi, củng cố có thể được gửi đi với sự chắc chắn về kết quả ngay lập tức. Người thông nhãn có ít nhất một chút quyền lực hơn để làm điều tốt so với đồng loại của mình nếu y chỉ cần theo dõi các cơ hội để sử dụng nó, nếu y chỉ cần luôn nghĩ đến việc giúp đỡ người khác hơn là đạt được bất kỳ lợi ích nào cho bản thân. Những khả năng tuyệt vời mở ra trước mắt chúng ta khi chúng ta nghĩ về quyền lực mà tất cả mọi người sẽ có trong tương lai không xa; người hiện tại có một phần nào đó thông nhãn đang bắt đầu thụ hưởng [239] một chút mùa gặt của khả năng làm điều tốt mà sẽ đến với tất cả chúng ta khi nhân loại tiến bộ. Người thông nhãn hoàn toàn vị tha, người có thêm các năng lực được cân bằng cẩn thận bằng sự lương tri mạnh mẽ và lành mạnh, có thể làm rất nhiều điều tốt trên thế giới, và có thể đạt được sự tiến bộ tinh thần cho chính mình trong chính hành động giúp đỡ đồng loại.

It is not difficult to see that this is a power that may be misused. The additional information about others which it puts in the hands of its possessor may be employed, and unfortunately is sometimes employed, for personal gain, for the gratification of curiosity and even for the levying of blackmail. We see from this how essentially necessary it is that the clairvoyant should possess the characteristic of a gentleman, and when he belongs to the class which in Theosophy we call the first class pitri this is of course the case.

Không khó để thấy rằng đây là một năng lực có thể bị lạm dụng. Thông tin bổ sung về người khác mà nó đặt vào tay người sở hữu có thể bị lợi dụng, và thật không may đôi khi bị lợi dụng, cho lợi ích cá nhân, để thỏa mãn sự tò mò và thậm chí để tống tiền. Chúng ta thấy từ đây rằng điều cần thiết là người thông nhãn phải có phẩm chất của một quý Ông, và khi y thuộc về nhóm mà trong Thông Thiên Học chúng ta gọi là nhóm Pitri đệ nhất, thì điều này tất nhiên là đúng.

Scandalous Misuse of It— Sự lạm dụng đáng xấu hổ của nó

Unfortunately clairvoyance may be acquired by less developed souls who do not possess the instincts of the man of delicate feeling, as we may see by some of the disgraceful advertisements which so frequently appear in our papers. There we see persons shamelessly announcing that they are prepared to put clairvoyant power (such as it is) at any man's disposal in order to help him to obtain an unfair advantage over his fellows in some speculation, that they will help him to rob other men under the pretext of gambling or of betting on horse racing. In this way they are pandering to the lowest passions of man, they are descending from what should be a higher and purer realm into the foulest mud of the most degraded physical life.

Thật không may, khả năng thông nhãn có thể được phát triển bởi những linh hồn kém phát triển hơn, những người không có bản năng của những người có cảm xúc tinh tế, như chúng ta có thể thấy qua một số quảng cáo đáng hổ thẹn thường xuyên xuất hiện trên các tờ báo của chúng ta. Ở đó, chúng ta thấy những người không biết xấu hổ tuyên bố rằng họ sẵn sàng đặt khả năng thông nhãn của mình (dù là thế nào) vào sự phục vụ của bất kỳ ai, để giúp người đó đạt được lợi thế không công bằng so với đồng loại của mình trong một số vụ đầu cơ, rằng họ sẽ giúp người đó cướp bóc những người khác dưới vỏ bọc cờ bạc hoặc đặt cược vào đua ngựa. Bằng cách này, họ đang nuông chiều những đam mê thấp kém nhất của con người, họ đang từ bỏ những gì đáng lẽ phải thuộc về một lĩnh vực cao hơn và tinh khiết hơn để chìm xuống bùn lầy của đời sống vật lý thấp hèn nhất.

Nor are these the only offenders, for we often see [240] announcements from those who profess to teach clairvoyance or occult science of some sort in return for so many pounds or so many dollars. These unscrupulous practitioners are able to live and flourish only because the public is as yet ignorant of the true conditions of all such teaching. It is certain that no true occultist has ever yet taken money for occult teaching or information. The moment That a man advertises — the moment that he takes money for any service which professes to be of an occult nature — that moment he brands himself as having no true occultism to give. True teaching along these lines is to be obtained only from recognized schools of occultism existing under the guardianship of the great Brotherhood; and every pupil of

Nhưng đây không phải là những người vi phạm duy nhất, vì chúng ta thường thấy [240] các quảng cáo từ những người tự xưng là dạy thông nhãn hoặc khoa học huyền bí nào đó đổi lại số tiền nhất định bằng bảng Anh hoặc đô la. Những kẻ hành nghề vô lương tâm này chỉ có thể tồn tại và phát triển vì công chúng vẫn còn thiếu hiểu biết về những điều kiện thực sự của tất cả các loại hình giảng dạy như vậy. Chắc chắn rằng chưa từng có nhà huyền bí chân chính nào từng nhận tiền để dạy huyền bí hoặc cung cấp thông tin. Ngay khi một người quảng cáo — ngay khi người đó nhận tiền cho bất kỳ dịch vụ nào tuyên bố là có tính chất huyền bí — người đó ngay lập tức tự mình đóng dấu là không có huyền bí chân chính để trao truyền. Giảng dạy chân chính trong các lĩnh vực này chỉ có thể được nhận từ các trường huyền bí đã được công nhận, hoạt động

these is forbidden to take money for the use of any psychic power. So all these people condemn themselves, and bear this condemnation on the very face of their announcements; and if they flourish and grow fat upon the property of Those whom they deceive, the sufferers have only themselves to thank for the results of their own foolish credulity. Once more I repeat that there is one, and only one, safe rule with regard to the use of all these higher faculties, and that is that. They shall never under any conditions be employed for any selfish or personal object.

dưới sự bảo trợ của Huynh Đệ Đoàn vĩ đại; và mọi môn sinh của các trường này đều bị cấm nhận tiền cho việc sử dụng bất kỳ năng lực tâm linh nào. Vì vậy, tất cả những người này tự kết án mình, và sự kết án này hiển hiện ngay trên các thông báo của họ; và nếu họ phát đạt và trở nên giàu có trên tài sản của những người họ lừa gạt, thì những người bị lừa chỉ có thể tự trách mình vì sự cả tin ngu ngốc của họ. Một lần nữa, tôi nhắc lại rằng chỉ có một, và chỉ một quy tắc an toàn duy nhất liên quan đến việc sử dụng tất cả các năng lực cao hơn này, đó là: Chúng không bao giờ được sử dụng cho bất kỳ mục đích ích kỷ hoặc cá nhân nào trong bất kỳ điều kiện nào.

Let us turn now from these powers which belong only to the few to those others which all of us possess and are using, even though we may be unconscious of them. The first and the greatest of these is the power of thought. Many a man has heard vaguely that thoughts are things, and yet the statement has not conveyed to him. Any real or definite meaning. When he is fortunate enough to have developed clairvoyance to the level of the mental [241] plane, he will be able to bear testimony to the enormous importance of the truth which is expressed in that statement. If, utilizing the senses of the mental body, he looks out through them at the mental bodies of his fellows, he will see how thought manifests itself at that level and what results it produces. It is in the mental body or mind of man that thought first shows itself to clairvoyant vision as a vibration arising in the matter of that body. From the plates which I have published in Man visible and Invisible some idea may be gathered of the appearance of this mental body to the man who is able to see it; though the drawings given in that book are only an attempt to present in section and on the physical plane something of the far grander and wider impression which is really

Hãy chuyển từ những năng lực chỉ thuộc về một số ít người sang những năng lực khác mà tất cả chúng ta đều sở hữu và đang sử dụng, mặc dù có thể chúng ta không nhận thức được chúng. Năng lực đầu tiên và lớn nhất trong số này là năng lực suy nghĩ. Nhiều người đã nghe nói một cách mơ hồ rằng ý nghĩ là những thực thể, nhưng tuyên bố này chưa mang lại cho họ ý nghĩa thực sự hoặc rõ ràng nào. Khi một người đủ may mắn để phát triển khả năng thông nhãn đến mức có thể quan sát ở cõi trí tuệ [241], người đó sẽ có thể chứng thực tầm quan trọng to lớn của sự thật được thể hiện trong tuyên bố đó. Nếu, sử dụng các giác quan của thể trí, người đó quan sát các thể trí của những người khác, người đó sẽ thấy ý nghĩ biểu lộ ra sao ở cấp độ đó và những kết quả mà nó tạo ra. Chính trong thể trí hoặc tâm trí của con người mà ý nghĩ đầu tiên hiện ra đối với tầm nhìn của người có thông nhãn như một rung động phát sinh trong chất liệu của thể đó. Từ những hình ảnh minh họa mà tôi đã công bố trong sách *Man Visible and Invisible* (Con người Hữu hình và Vô hình), có thể phần nào hình dung được về hình dạng của thể trí đối với người có khả năng nhìn thấy nó; mặc dù những hình vẽ được đưa ra trong cuốn sách đó chỉ là một nỗ lực để thể hiện bằng cách cắt lớp

made on the sense at that higher level by the appearance of that body.

và trên cõi trần một phần nhỏ trong ấn tượng lớn hơn và rộng hơn thực sự được tạo ra ở cấp độ cao hơn đó bởi hình dạng của thể đó.

We man thinks while a clairvoyant is watching him, the latter will see that a vibration is set up in the mental body, and that this vibration produces two distinct results. Like all other vibrations, it tends to communicate itself to any surrounding matter which is capable of receiving it; and thus, since the atmosphere is filled with mental matter, which is readily set in motion in response to any such impulse, the first effect produced is that of a sort of ripple which spreads out through circumjacent space, exactly as when a stone is thrown into a pond ripples will be seen to radiate from that centre along the surface of the water. In this case the radiation is not in one plane but in all directions, like the radiations from the sun or from a lamp. It must be remembered that man exists in a great sea of mental matter, just as we here on the physical plane are living in the midst of the atmosphere, although we so rarely think of it. This thought-vibration, therefore, radiates out in all directions, [242] becoming less powerful in proportion to the distance from its source. Again, like all other vibrations, this one tends to reproduce itself wherever opportunity is offered to it; and as each variety of thought is represented by its own rate of vibration, that fact means that whenever this wave strikes upon another mental body it will tend to provoke in it vibrations similar to those which gave it birth in the first place. That is to say, from the point of view of that other man whose mental body is touched by the wave, it tends to produce in his mind a thought identical with that which had previously arisen in the mind of The thinker.

Khi một người suy nghĩ trong lúc một người có thông nhãn đang quan sát, người quan sát sẽ thấy rằng một rung động được tạo ra trong thể trí, và rung động này tạo ra hai kết quả riêng biệt. Giống như tất cả các rung động khác, nó có xu hướng truyền đạt chính nó cho bất kỳ chất liệu xung quanh nào có khả năng tiếp nhận nó; và do đó, vì không gian đầy những chất liệu trí tuệ, chất liệu này sẵn sàng được kích động để đáp ứng với bất kỳ xung động nào như vậy, hiệu ứng đầu tiên được tạo ra là một loại gợn sóng lan tỏa qua không gian xung quanh, giống hệt như khi một hòn đá được ném vào một cái ao và những gợn sóng sẽ được thấy lan ra từ trung tâm đó trên bề mặt nước. Trong trường hợp này, sự lan tỏa không xảy ra trong một mặt phẳng mà theo mọi hướng, giống như các bức xạ từ mặt trời hoặc từ một ngọn đèn. Cần nhớ rằng con người tồn tại trong một đại dương chất liệu trí tuệ, cũng giống như chúng ta ở đây trên cõi trần đang sống giữa bầu không khí, mặc dù chúng ta hiếm khi nghĩ đến điều đó. Do đó, rung động tư tưởng này lan tỏa theo mọi hướng, [242] và giảm dần cường độ theo khoảng cách từ nguồn gốc của nó. Một lần nữa, giống như tất cả các rung động khác, rung động này có xu hướng tự tái tạo bất cứ nơi nào có cơ hội; và vì mỗi loại tư tưởng được biểu hiện bằng tần số rung động riêng của nó, nên thực tế này có nghĩa là mỗi khi làn sóng này chạm vào một thể trí khác, nó có xu hướng khơi dậy trong thể trí đó những rung động tương tự như những rung động ban đầu tạo ra nó. Nói cách khác, từ quan điểm của người khác mà thể trí của người đó bị làn sóng này chạm vào, nó có xu hướng tạo ra trong tâm trí của người đó một ý nghĩ giống hệt với ý nghĩ đã từng xuất hiện trong tâm trí của người nghĩ ban đầu.

The distance to which such a thought-wave penetrates, the strength and persistence with which it impinges upon the mental bodies of others, depend upon the strength and clearness of the original thought. The voice of a speaker sets in motion waves of sound in the air, which radiate from him in all directions, and convey his message to all those who are, as we say, within hearing; and the distance to which his voice can penetrate depends upon its strength and the clearness of his enunciation. In the same way the strong thought will carry further than the weak and undecided one; but clearness and definiteness are of even greater importance than strength. But just as the speaker's voice may fall upon heedless ears where men are already engaged in business or in pleasure, so may a strong wave of thought sweep past without affecting the mind of man if he is already deeply engrossed in some other line of thought. Large numbers of men, however, do not think definitely or strongly except when in the immediate prosecution of some business which demands their whole attention. Consequently there are always many minds within our reach which are likely to be considerable affected by the [243] thoughts which impinge upon them; and we therefore are responsible for the thoughts which we send out and for the effects which they produce upon others.

Khoảng cách mà làn sóng tư tưởng này có thể thâm nhập, sức mạnh và sự bền bỉ mà nó tác động lên các thể trí của người khác, phụ thuộc vào sức mạnh và sự rõ ràng của ý nghĩ ban đầu. Giọng nói của một diễn giả tạo ra các sóng âm thanh trong không khí, lan tỏa từ người đó theo mọi hướng, và truyền tải thông điệp của người đó đến tất cả những người mà chúng ta thường nói là đang ở trong phạm vi nghe được; và khoảng cách mà giọng nói của người đó có thể thâm nhập phụ thuộc vào sức mạnh và sự rõ ràng của cách phát âm của người đó. Theo cách tương tự, một tư tưởng mạnh mẽ sẽ lan truyền xa hơn so với một tư tưởng yếu ớt và không quyết đoán; nhưng sự rõ ràng và cụ thể còn quan trọng hơn sức mạnh. Tuy nhiên, giống như giọng nói của diễn giả có thể rơi vào những đôi tai không chú ý khi những người khác đang bận rộn với công việc hoặc giải trí, một làn sóng tư tưởng mạnh mẽ có thể lướt qua mà không ảnh hưởng đến tâm trí của một người nếu người đó đang mải mê trong một dòng tư tưởng khác. Tuy nhiên, có một số lượng lớn người không nghĩ một cách cụ thể hoặc mạnh mẽ, ngoại trừ khi đang tiến hành một công việc đòi hỏi toàn bộ sự chú ý của họ. Vì vậy, luôn có nhiều tâm trí trong tầm ảnh hưởng của chúng ta có khả năng bị ảnh hưởng đáng kể bởi [243] những tư tưởng tác động đến chúng; và do đó chúng ta chịu trách nhiệm về những tư tưởng mà chúng ta phát ra và về những ảnh hưởng mà chúng gây ra đối với người khác.

This is a psychic power which we all possess, which we are constantly exercising; and yet how few of us ever think of it, or of the serious responsibility which it involves. Inevitably and without any effort of ours every thought which we allow to rest within our minds must be influencing the minds of others about us. Consider how frightful is the responsibility if this thought be an impure or an evil one, for we are then spreading moral contagion

Đây là một năng lực tâm linh mà tất cả chúng ta đều sở hữu, và chúng ta đang liên tục sử dụng nó; tuy nhiên, có rất ít người trong chúng ta từng nghĩ về nó, hoặc về trách nhiệm nghiêm trọng mà nó đòi hỏi. Một cách không thể tránh khỏi và không cần bất kỳ nỗ lực nào của chúng ta, mỗi tư tưởng mà chúng ta cho phép cư ngụ trong tâm trí mình đều phải ảnh hưởng đến tâm trí của những người xung quanh. Hãy suy ngẫm về trách nhiệm khủng

among our fellow men. Remember that thousands of people possess within them latent germs of evil — germs which may never blossom and bear fruit unless some force from without plays upon them and stirs them into activity. If you yield yourself to an impure or unholy thought, the vibration which you thus produce may be the factor which awakens a germ into activity and causes it to begin to grow; and so you may start some soul upon a downward career. Later it may blossom out into thoughts and words and deeds of evil, and these in their turn may injuriously affect thousands of other men even in the far-distant future. We see then how awful is the responsibility of a single evil thought. Harm is constantly done in this way, and though it is done unconsciously, a heavy responsibility lies upon the doer, for at least he knows that he ought to have purified his mind but has neglected to do so.

khiếp nếu tư tưởng đó là một tư tưởng không trong sạch hoặc xấu xa, vì chúng ta khi đó đang lan truyền sự lây nhiễm đạo đức giữa những người đồng loại của mình. Hãy nhớ rằng hàng nghìn người mang trong mình những mầm mống tiềm ẩn của cái ác — những mầm mống có thể không bao giờ nảy nở và kết trái trừ khi có một lực từ bên ngoài tác động và kích hoạt chúng. Nếu bạn để cho mình có một tư tưởng không trong sạch hoặc bất chính, rung động mà bạn tạo ra có thể là yếu tố đánh thức một mầm mống và làm nó bắt đầu phát triển; và do đó bạn có thể bắt đầu đẩy một linh hồn vào con đường suy đồi. Sau này, nó có thể nở rộ thành những tư tưởng, lời nói và hành động ác độc, và những điều này có thể ảnh hưởng xấu đến hàng nghìn người khác ngay cả trong tương lai xa. Chúng ta thấy rằng trách nhiệm của một tư tưởng xấu duy nhất là khủng khiếp như thế nào. Tổn hại thường xuyên xảy ra theo cách này, và mặc dù nó xảy ra một cách vô ý thức, nhưng một trách nhiệm nặng nề vẫn đè nặng lên người gây ra, bởi vì ít nhất người đó biết rằng lẽ ra phải thanh tẩy tâm trí của mình nhưng đã không làm như vậy.

If it should ever happen to us to have a selfish or evil thought arising within us, let us hasten at once to send out a strong and vital thought of goodness and charity to follow hard upon the other vibration and, so far as may be, undo any evil which it may have done. Happily all this is true of good thought as well as of evil; [244] and the man who realizes this may set himself to work to be a veritable sun, constantly radiating upon all his neighbours thoughts of love and calm and peace. This is a grand psychic power, and yet it is one that is within the reach of every human being — of the poorest as well as the wealthiest, of the little child as well as of the great sage. How clearly this consideration shows us the duty of controlling our thought and of keeping it

Nếu một lúc nào đó chúng ta có một tư tưởng ích kỷ hoặc xấu xa nổi lên trong chúng ta, hãy nhanh chóng phát ra một tư tưởng mạnh mẽ và sống động về lòng tốt và bác ái để theo sát rung động kia và, trong khả năng có thể, xóa bỏ bất kỳ điều ác nào mà nó có thể đã gây ra. May thay, tất cả những điều này cũng đúng đối với tư tưởng tốt cũng như đối với tư tưởng xấu; [244] và người nhận thức được điều này có thể bắt đầu làm việc để trở thành một mặt trời thực sự, liên tục lan tỏa đến tất cả những người xung quanh những tư tưởng về tình yêu, sự bình tĩnh và hòa bình. Đây là một năng lực tâm linh lớn lao, và lại là năng lực mà mọi con người đều có thể đạt được — từ người nghèo nhất đến người giàu nhất, từ đứa trẻ nhỏ nhất đến vị thánh triết vĩ đại nhất. Điều này cho

always at the highest level which is possible for us!

chúng ta thấy rõ ràng trách nhiệm phải kiểm soát tư tưởng của mình và giữ cho nó luôn ở mức cao nhất có thể.

Thought-Forms—Hình tư tưởng

That, however, is only of the results of thought. Our clairvoyant watching the genesis of this thought sees that it not only sets up this ever-radiating and divergent vibration, but that it also makes a definite form. All students of Theosophy are acquainted with the idea of the elemental essence — that strange half-intelligent life which surrounds us; they know how readily it responds to the influence of human thought, and how every impulse sent out from the mind-body of man immediately clothes itself in a temporary vehicle of this essence. Thus it becomes for the time being a kind of living creature, the thought-force being the soul and the elemental essence the body. There may be infinite variety in the colour and shape of such thought-forms — artificial elementals, as they are sometimes called. Each thought draws round it the matter which is appropriate for its expression and sets that matter into vibration in harmony with its own; thus the character of the thought decides its colour, and the study of its variations and combinations is an exceedingly interesting one. A list of these colours with their signification is given in the book which I have just mentioned, Man Visible and Invisible, and a number of coloured [245] drawings of various types of such forms will be found in the companion volume Thought-Forms.

Tuy nhiên, đó chỉ là một trong những kết quả của tư tưởng. Người có thông nhãn quan sát sự hình thành của tư tưởng sẽ thấy rằng nó không chỉ tạo ra rung động luôn lan tỏa và phân tán này, mà còn tạo ra một hình dạng rõ ràng. Tất cả các học viên Thông Thiên Học đều quen thuộc với ý tưởng về tinh chất hành khí — loại sự sống kỳ lạ nửa thông minh bao quanh chúng ta; họ biết nó phản ứng nhanh chóng như thế nào đối với ảnh hưởng của tư tưởng con người, và biết rằng mỗi xung động phát ra từ thể trí của con người ngay lập tức tự khoác lấy một chiếc xe tạm thời làm từ tinh chất này. Do đó, nó tạm thời trở thành một dạng sinh vật sống, với lực tư tưởng là linh hồn và tinh chất hành khí là thân thể. Có thể có vô số sự đa dạng về màu sắc và hình dạng của những hình tư tưởng như vậy — đôi khi chúng được gọi là những hành khí nhân tạo. Mỗi tư tưởng sẽ hút vào nó chất liệu phù hợp để biểu hiện nó và khiến chất liệu đó rung động hài hòa với bản chất của nó; do đó, đặc tính của tư tưởng quyết định màu sắc của nó, và việc nghiên cứu các biến thể và sự kết hợp của chúng là một công việc vô cùng thú vị. Danh sách các màu sắc cùng với ý nghĩa của chúng được nêu trong cuốn sách mà tôi vừa đề cập, *Man Visible and Invisible* (Con người Hữu hình và Vô hình), và một số hình vẽ màu [245] của các loại hình tư tưởng khác nhau có thể được tìm thấy trong tập sách đi kèm *Thought-Forms* (Hình Tư Tưởng).

In many cases these thoughts are merely revolving clouds of the colour appropriate to

Trong nhiều trường hợp, những tư tưởng này chỉ là những đám mây xoay tròn với màu sắc

the idea which gave them birth but in the case of a definite form, a clear-cut and often beautiful shape will be assumed. If the thought be intellectual and impersonal — for example if the thinker is attempting to solve a problem in algebra or geometry — then his thought-forms and waves of vibration will be confined to the mental plane. If, however, his thought be of a spiritual nature, if it be tinged with love and aspiration of deep unselfish feeling, then it will rise upwards from the mental plane and will borrow much of the splendour and glory of the buddhic levels above. In such a case its influence is most powerful, and every such thought is a mighty force for good which cannot but produce a decided effect upon all other mental bodies within reach, if they contain any quality at all capable of response.

phù hợp với ý tưởng đã sinh ra chúng, nhưng trong trường hợp có một hình dạng rõ ràng, một hình dạng sắc nét và thường rất đẹp sẽ được hình thành. Nếu tư tưởng mang tính trí tuệ và vô ngã — ví dụ, nếu người nghĩ đang cố gắng giải quyết một bài toán đại số hoặc hình học — thì các hình tư tưởng và sóng rung động của người đó sẽ chỉ giới hạn trong cõi trí. Tuy nhiên, nếu tư tưởng mang bản chất tinh thần, nếu nó được nhuốm màu tình yêu và khát vọng của cảm xúc vô ngã sâu sắc, thì nó sẽ vươn lên từ cõi trí và mượn nhiều vẻ rực rỡ và vinh quang của các cấp độ bồ đề phía trên. Trong trường hợp này, ảnh hưởng của nó là vô cùng mạnh mẽ, và mỗi tư tưởng như vậy là một lực lượng vĩ đại cho điều thiện, chắc chắn sẽ tạo ra một tác động rõ rệt lên tất cả các thể trí khác trong tầm ảnh hưởng, nếu chúng có chứa bất kỳ phẩm tính nào có khả năng đáp ứng.

If, on the other hand, the thought has in it something of self or of personal desire, at once its vibrations turn downward, and it draws round itself a body of astral matter in addition to its clothing of mental matter. Such a thought-form is capable of acting upon not only the minds but the astral bodies of other men - capable not only of arousing thought within them, but also stirring up their feelings. Here once more we see the terrible responsibility of sending forth a selfish thought, or one charged with low and evil magnetism. If any man about us has a weak spot within his nature - and who has not? -then this selfish thought of ours may find that weak spot and develop the germ of evil into poisonous flower and fruit. But good and loving thoughts and feelings will project their forms also, and [246] will act upon other men just as strongly in their way as did the evil in the contrary direction; so that this opens before us a sphere of usefulness, when once our thoughts and feelings are thoroughly

Ngược lại, nếu tư tưởng có chứa một phần nào đó của phàm ngã hoặc dục vọng cá nhân, thì ngay lập tức rung động của nó sẽ chuyển xuống, và nó sẽ hút vào quanh nó một thể xác cảm dục ngoài lớp vỏ thể trí của nó. Hình tư tưởng như vậy có khả năng tác động không chỉ lên tâm trí mà còn lên thể cảm dục của những người khác — không chỉ có khả năng khơi dậy tư tưởng trong họ, mà còn làm dậy lên cảm xúc của họ. Ở đây, một lần nữa, chúng ta thấy trách nhiệm kinh khủng của việc phát ra một tư tưởng ích kỷ, hoặc một tư tưởng chứa đầy từ tính thấp và ác. Nếu một người nào đó quanh chúng ta có một điểm yếu trong bản chất của họ — và ai mà không có điểm yếu? — thì tư tưởng ích kỷ của chúng ta có thể tìm thấy điểm yếu đó và phát triển mầm mống của cái ác thành một bông hoa và trái độc. Nhưng những tư tưởng và cảm xúc tốt đẹp, đầy yêu thương cũng sẽ phóng ra các hình thức của chúng, và [246] sẽ tác động lên người khác mạnh mẽ theo cách riêng của chúng, giống như cách mà điều ác tác động theo chiều

under the control of the higher self

ngược lại; vì vậy, điều này mở ra cho chúng ta một lĩnh vực hữu ích, khi tư tưởng và cảm xúc của chúng ta đã hoàn toàn được kiểm soát bởi chân ngã.

The Work of the Thought-Form— Công việc của Hình Tư tưởng

It may be useful for us to think a little more closely of this thought-form, and to note its further adventures. Often a man's thought is definitely directed toward some one else; he sends forth from himself a thought of affection, of gratitude, or unfortunately it may sometimes be of envy or jealousy or of hatred, towards some one else. Such a thought will produce its radiations precisely as would any other; but the thought-form which it generates is imbued with definite intention, as it were, and as soon as it breaks away from the mental and astral bodies of the thinker it goes straight towards the person upon whom it is directed, and fastens itself upon him. It may be compared not inaptly to a Leyden jar, with its charge of electricity. If the man towards whom it is directed is at the moment in a passive condition, or if he has within him active vibrations of a character harmonious with its own, it will at once discharge itself upon him. Its effect will be to provoke a vibration similar to its own if none such already exists, or to intensify it if it is already to be found there. If the man's mind is so strongly occupied along some other lines that it is impossible for the vibration to find an entrance, the thought-form hovers about him waiting for an opportunity to discharge itself.

Sẽ hữu ích cho chúng ta khi suy nghĩ kỹ hơn một chút về hình tư tưởng này, và ghi nhận những cuộc phiêu lưu tiếp theo của nó. Thường thì tư tưởng của một người được hướng trực tiếp tới một người khác; y phát ra từ bản thân một tư tưởng về tình cảm, lòng biết ơn, hoặc thật không may đôi khi là sự đố kỵ, ghen tuông hoặc hận thù đối với người khác. Tư tưởng như vậy sẽ tạo ra những bức xạ chính xác giống như bất kỳ tư tưởng nào khác; nhưng hình tư tưởng mà nó tạo ra được thấm nhuần với một ý định rõ ràng, như thể, và ngay khi nó tách ra khỏi các thể trí và thể cảm dục của người nghĩ, nó sẽ đi thẳng đến người mà nó được hướng tới và bám chặt vào người đó. Nó có thể được so sánh một cách không sai lầm với một bình Leyden, chứa đầy điện. Nếu người mà tư tưởng hướng đến đang ở trong trạng thái thụ động, hoặc nếu trong người đó có những rung động mang tính chất hài hòa với tư tưởng đó, nó sẽ ngay lập tức phóng ra trên người đó. Hiệu quả của nó là kích động một rung động tương tự như của chính nó nếu trước đó không có rung động nào như vậy, hoặc tăng cường nó nếu nó đã tồn tại sẵn. Nếu tâm trí của người đó đang bận rộn với những suy nghĩ khác mạnh mẽ đến mức không có chỗ cho rung động xâm nhập, thì hình tư tưởng sẽ lượn quanh người đó, chờ cơ hội để phóng ra.

Unfortunately, however, at our present stage of evolution the majority of the thoughts of men are usually self-centred, even when not

Thật không may, ở giai đoạn tiến hóa hiện tại của chúng ta, phần lớn các tư tưởng của con người thường xoay quanh bản thân, ngay cả

actively selfish. They are [247] often heavily tinged by desire, and in such cases they at once descend into and clothe themselves with astral matter, and react strongly and persistently upon the man who set them in motion.

khi không tích cực ích kỷ. Chúng [247] thường mang nặng dục vọng, và trong những trường hợp như vậy, chúng ngay lập tức hạ xuống và khoác lên mình chất liệu cảm dục, và tác động mạnh mẽ, dai dẳng lên người đã tạo ra chúng.

Many a man may be seen surrounded by a shell of thought-forms, all of them hovering closely about him and constantly reacting upon him. Their tendency in such a case is to reproduce themselves — that is to say, to stir up in him a repetition of the thoughts to which he has previously yielded himself. Many a man feels this pressure upon him from without — this constant suggestion of certain thoughts; and if the thoughts are evil he frequently thinks of them as tempting demons goading him into sin. Yet they are none the less entirely his own creation, and thus, as ever, man is his own tempter.

Nhiều người có thể được nhìn thấy bị bao quanh bởi một vỏ bọc các hình tư tưởng, tất cả đều lượn quanh họ và liên tục tác động trở lại lên họ. Xu hướng của chúng trong trường hợp này là tự tái tạo — tức là, kích động trong người đó một sự lặp lại các tư tưởng mà họ đã từng khuất phục. Nhiều người cảm nhận áp lực này từ bên ngoài — sự gợi ý liên tục của những tư tưởng nhất định; và nếu các tư tưởng đó là xấu, họ thường nghĩ về chúng như những con quỷ cám dỗ thúc đẩy họ vào tội lỗi. Tuy nhiên, những tư tưởng đó hoàn toàn là do họ tự tạo ra, và như thường lệ, con người chính là kẻ cám dỗ chính mình.

Helpful Thought—Tư tưởng Hữu Ích

Note, on the other hand, the happiness which this knowledge brings to us and the enormous power which it places in our hands. See how we can utilize this when we know (and who does not?) of some one who is in sorrow or in suffering. We may not be able to do anything for the man on the physical plane; there are often many reasons which prevent the giving of physical help, no matter how much we may desire to do our best. Circumstances often arise in which our physical presence may not be helpful to the man whom we wish to aid; his physical brain may be closed to our suggestions by prejudice or by religious bigotry. But his astral and mental bodies are more sensitive, more easily impressible; and it is always open to us to approach these by

Mặt khác, hãy lưu ý đến hạnh phúc mà kiến thức này mang lại cho chúng ta và sức mạnh to lớn mà nó đặt vào tay chúng ta. Hãy xem cách chúng ta có thể sử dụng điều này khi chúng ta biết (và ai mà không biết?) về một người nào đó đang đau khổ hoặc chịu đựng. Chúng ta có thể không làm được gì cho người đó trên cõi trần; có rất nhiều lý do khiến việc giúp đỡ về mặt vật lý trở nên bất khả thi, bất kể chúng ta có khao khát làm hết sức mình đến mức nào. Nhiều khi hoàn cảnh khiến sự hiện diện vật lý của chúng ta không hữu ích cho người mà chúng ta muốn giúp đỡ; bộ não vật lý của họ có thể bị đóng kín trước những đề xuất của chúng ta do định kiến hoặc cuồng tín tôn giáo. Nhưng các thể cảm dục và thể trí của họ nhạy cảm hơn, dễ dàng tiếp nhận hơn; và

waves of helpful thought or of affectionate and soothing feeling. Remember that it is certain that the results must accrue; there is no possibility of failure in such an effort or [248] endeavour to help, even though no obvious consequences may follow on the physical plan.

chúng ta luôn có thể tiếp cận chúng bằng các làn sóng tư tưởng giúp đỡ hoặc cảm xúc yêu thương và dịu dàng. Hãy nhớ rằng chắc chắn kết quả sẽ xảy ra; không có khả năng thất bại trong nỗ lực [248] giúp đỡ như vậy, ngay cả khi không có hậu quả rõ ràng nào trên cõi trần.

The law of the conservation of energy holds good at this level as it does in our terrestrial mechanics, and the energy we pour forth must reach its goal and must produce its effect. There can be no question that the image which we wish to put before our friend for his comfort or his help will reach him; whether it will present itself clearly to his mind when it arrives depends first upon the definiteness of outline which we have been able to give to it, and secondly upon his mental condition at the time. He may be so fully occupied with thoughts of his own trials and sufferings that there is little room for any new idea to insinuate itself, but in that case our thought simply bides its time, and when at last his attention is diverted, or exhaustion forces him to suspend the activity of his own train of thought, assuredly ours will slip in and will do its errand of mercy. The same thing is true at its different level of the strong feeling of affection and friendliness which we send out towards a person thus suffering; it may be that at the moment he is too much occupied with his own feelings, or perhaps too much excited to receive and accept any suggestion from without, but presently a time comes when the faithful thought-form can penetrate and discharge itself, and then our sympathy will produce its due result. There are so many cases where the best will in the world can do nothing on the physical plane; but there is no conceivable case in which either on the mental or the astral plane some relief cannot be given by steady concentrated loving thought.

Định luật bảo toàn năng lượng đúng ở cấp độ này cũng như trong cơ học thế gian của chúng ta, và năng lượng mà chúng ta phát ra chắc chắn sẽ đạt đến mục tiêu của nó và tạo ra hiệu quả. Không có nghi ngờ gì rằng hình ảnh mà chúng ta muốn đặt trước bạn mình để an ủi hoặc giúp đỡ họ sẽ đến được với họ; việc nó sẽ hiện ra rõ ràng trong tâm trí họ khi đến nơi hay không phụ thuộc trước hết vào độ rõ nét mà chúng ta có thể mang lại cho nó, và thứ hai là tình trạng tâm trí của họ vào thời điểm đó. Họ có thể đang quá bận tâm với những suy nghĩ về nỗi đau khổ và khó khăn của mình đến mức không còn chỗ cho bất kỳ ý tưởng mới nào len lỏi vào, nhưng trong trường hợp đó, tư tưởng của chúng ta chỉ chờ thời điểm thích hợp, và khi cuối cùng sự chú ý của họ bị phân tán, hoặc sự mệt mỏi buộc họ phải tạm dừng dòng suy nghĩ của mình, chắc chắn tư tưởng của chúng ta sẽ len vào và thực hiện sứ mệnh từ bi của nó. Điều tương tự cũng đúng ở cấp độ khác với cảm xúc mạnh mẽ về tình cảm và tình bạn mà chúng ta gửi tới một người đang chịu khổ; có thể vào lúc đó họ quá bận rộn với cảm xúc của chính mình, hoặc có lẽ quá kích động để tiếp nhận và chấp nhận bất kỳ đề xuất nào từ bên ngoài, nhưng rồi sẽ đến lúc khi hình tư tưởng trung thành có thể thâm nhập và thực hiện nhiệm vụ của nó, và sau đó sự đồng cảm của chúng ta sẽ tạo ra kết quả xứng đáng. Có rất nhiều trường hợp mà dù có lòng tốt nhất trên đời chúng ta cũng không thể làm gì được trên cõi trần; nhưng không có trường hợp nào mà trên cõi trí hoặc cõi cảm dục chúng ta lại không thể mang lại sự an ủi bằng tư tưởng yêu thương tập trung và kiên định.

The phenomena of mental cure show how powerful thought may be even on the physical plane, and since it acts so much more easily on the astral and the mental [249] we may realize how tremendous a power is ours if we will but exercise it. Let us remember always to think of a person as we wish hint to be; the image we thus make of him will act powerfully upon him and tend to draw him gradually into harmony with itself. Let us fix our thoughts upon the good qualities of our friends, because in thinking of any quality we tend to strengthen its vibrations and therefore to intensify it. It can never be right to endeavour to dominate the thought and will of another, even though it may be for what seems a good end; but it is always right to hold up before a man a high ideal of himself, and to wish strongly that he may presently be enabled to attain it. In this way our steady train of thought will always act upon those whom we love; and we should remember that at the same time it is acting upon ourselves also, and we can utilize it to train thought-power within ourselves so that it will become ever stronger and more definite, If we know of certain defects or vices in a man's character, let us send to him strong thoughts of the contrary virtues, so that these may by degrees be built into his character.

Các hiện tượng của việc chữa lành bằng tư tưởng cho thấy tư tưởng mạnh mẽ đến mức nào ngay cả trên cõi trần, và vì nó hoạt động dễ dàng hơn nhiều trên cõi cảm dục và cõi trí [249], chúng ta có thể nhận ra sức mạnh to lớn mà chúng ta có nếu chúng ta biết sử dụng nó. Hãy luôn nhớ rằng chúng ta nên nghĩ về một người theo cách mà chúng ta mong muốn họ trở thành; hình ảnh mà chúng ta tạo ra về họ sẽ tác động mạnh mẽ lên họ và có xu hướng dẫn họ dần dần hòa hợp với hình ảnh đó. Hãy tập trung suy nghĩ của chúng ta vào những phẩm chất tốt của bạn bè, vì khi nghĩ về bất kỳ phẩm chất nào, chúng ta có xu hướng làm mạnh hơn rung động của phẩm chất đó và do đó làm nó trở nên mạnh mẽ hơn. Không bao giờ đúng khi cố gắng kiểm soát tư tưởng và ý chí của người khác, ngay cả khi dường như đó là một mục đích tốt; nhưng luôn luôn đúng khi giữ vững trước mặt một người một lý tưởng cao đẹp về chính họ, và mong muốn mãnh liệt rằng họ có thể sớm có khả năng đạt được nó. Theo cách này, dòng tư tưởng kiên định của chúng ta sẽ luôn tác động lên những người mà chúng ta yêu thương; và chúng ta nên nhớ rằng đồng thời nó cũng đang tác động lên chính chúng ta, và chúng ta có thể sử dụng nó để rèn luyện sức mạnh tư tưởng trong chính bản thân mình, để nó ngày càng trở nên mạnh mẽ và rõ ràng hơn. Nếu chúng ta biết về một số khuyết điểm hoặc thói xấu trong tính cách của một người, hãy gửi đến họ những tư tưởng mạnh mẽ về những đức tính trái ngược, để những đức tính này có thể dần dần được xây dựng vào trong tính cách của họ.

Never under any circumstances should we dwell upon that which is evil in him, for in that case our thought would tend to intensify that evil. That is the horrible wickedness of gossip and of scandal, for there we have a number of people fixing their thought upon the evil qualities of another, calling to that evil the attention of others who might otherwise

Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng ta không nên tập trung vào những điều xấu trong họ, vì trong trường hợp đó, tư tưởng của chúng ta sẽ có xu hướng làm tăng cường điều xấu đó. Đó là sự ác độc khủng khiếp của việc nói xấu và tung tin đồn nhảm, vì ở đó chúng ta có một số người tập trung tư tưởng của họ vào những phẩm chất xấu của người khác, thu hút sự chú ý của

not have observed it; and in this way, if the evil already exists, their folly increases it, and if, as is often the case, it does not exist, they are doing their best to produce it. When we reach a more enlightened state of society people will learn to focus their connected thought upon others for good instead of for evil; if a man suffers from the domination [250] of a vice, they will endeavour to realize strongly the opposite virtue, and then send out waves of that thought toward him; they will think of his good points and try by concentrating attention upon them to strengthen him and help him through them; their criticism will be of that happy kind which grasps at a pearl as eagerly as our modem criticism pounces upon an imaginary flaw.

những người khác đến điều xấu đó, những người có thể sẽ không nhận ra nó nếu không có sự thu hút này; và theo cách này, nếu điều xấu đã tồn tại, sự ngu ngốc của họ sẽ làm nó gia tăng, và nếu, như thường là trường hợp, điều xấu không tồn tại, họ đang cố hết sức để tạo ra nó. Khi chúng ta đạt đến một trạng thái xã hội giác ngộ hơn, mọi người sẽ học cách tập trung tư tưởng tích cực của mình vào người khác vì điều tốt thay vì điều xấu; nếu một người đang bị chi phối bởi một thói xấu, họ sẽ cố gắng mạnh mẽ nhận thức về đức tính đối lập, và sau đó gửi những làn sóng tư tưởng đó về phía người đó; họ sẽ nghĩ về những điểm tốt của anh ta và cố gắng bằng cách tập trung sự chú ý vào chúng để củng cố và giúp đỡ anh ta qua những điểm đó; sự phê bình của họ sẽ là loại phê bình tích cực, chộp lấy viên ngọc như thể hiện sự vui mừng, giống như sự phê bình hiện đại tìm kiếm khuyết điểm tưởng tượng.

Sensitiveness— Sự nhạy cảm

There is another psychic quality which all of us possess in some degree, and that is the quality of sensitiveness to impressions. We all receive these impressions at times. As yet they are imperfect and by no means always reliable, but nevertheless they may be noted and watched carefully, and used as training towards the development of a more perfect faculty. Many a time they may be useful to us in telling us where help is needed, where a loving thought or word is required. When we see a person we may sometimes feel radiating from him the influence of deep depression. If we remember the illustration in Man Visible and Invisible of the man who was under the influence of depression we shall recollect how he seemed shut in by it, almost as effectively as the miser was shut in by his prison house of

Có một phẩm chất tâm linh khác mà tất cả chúng ta đều sở hữu ở một mức độ nào đó, đó là khả năng nhạy cảm với các ấn tượng. Chúng ta đều nhận được những ấn tượng này vào những lúc nhất định. Hiện tại, chúng chưa hoàn thiện và không phải lúc nào cũng đáng tin cậy, nhưng dù sao chúng cũng có thể được ghi nhận và quan sát cẩn thận, và được sử dụng như một phương pháp rèn luyện để phát triển khả năng hoàn hảo hơn. Nhiều lần chúng có thể hữu ích cho chúng ta trong việc cho biết nơi nào cần sự giúp đỡ, nơi nào cần một tư tưởng yêu thương hoặc một lời nói dịu dàng. Khi chúng ta nhìn thấy một người nào đó, đôi khi chúng ta có thể cảm nhận được từ người đó ảnh hưởng của sự trầm cảm sâu sắc. Nếu chúng ta nhớ lại hình ảnh minh họa trong *Man Visible and Invisible* về người đàn Ông

self-centred thought. Those who recollect that impressive picture will at once see what it is that thought can do for this man. It can strengthen his vibrations and help him to break these prison-bars, to throw off their terrible weight and to release himself from the heavy cloud that surrounds him. If we receive the impression of depression from him, we may be sure that there is some reason for it, and that this is an opportunity for us. Since man is in truth a spark of the Divine, there must always be that within him which will respond to our calm loving thought, and so he may be reassured and helped. Let us try to put before him strongly the feeling that in spite of his personal sorrows and troubles the sun still shines above all, and there is still much for which he ought to be thankful, much that is good and beautiful in the world. Often we shall see the change that is produced, and this will encourage us to try again, for we shall lean that we are utilizing these psychic powers which we possess - first our sensitiveness in discovering what is wrong, and then our thought in order to help to put it right.

chịu ảnh hưởng của trầm cảm, chúng ta sẽ nhớ rằng y dường như bị bao bọc bởi nó, gần như bị nhốt lại một cách hiệu quả như người keo kiệt bị nhốt trong nhà tù của những tư tưởng vị kỷ. Những ai nhớ được hình ảnh ấn tượng đó sẽ ngay lập tức thấy tư tưởng có thể làm gì cho người đàn Ông này. Nó có thể củng cố rung động của y và giúp y phá vỡ những song sắt nhà tù này, để thoát khỏi sức nặng khủng khiếp đó và tự giải thoát khỏi đám mây đen đang bao quanh y. Nếu chúng ta nhận được ấn tượng về sự trầm cảm từ người đó, chúng ta có thể chắc chắn rằng có lý do nào đó cho điều này, và rằng đây là cơ hội cho chúng ta. Vì con người thực chất là một tia sáng của Thượng Đế, nên luôn có điều gì đó trong người sẽ phản ứng với tư tưởng yêu thương bình tĩnh của chúng ta, và nhờ đó, người đó có thể được trấn an và giúp đỡ. Hãy cố gắng truyền đến cho họ cảm giác rằng, mặc dù có những nỗi buồn và khó khăn cá nhân, mặt trời vẫn tỏa sáng trên tất cả, và vẫn còn nhiều điều mà họ nên biết ơn, nhiều điều tốt đẹp và tuyệt vời trong thế giới. Thường thì chúng ta sẽ thấy sự thay đổi được tạo ra, và điều này sẽ khích lệ chúng ta thử lại lần nữa, vì chúng ta sẽ học được rằng chúng ta đang sử dụng những năng lực tâm linh mà chúng ta sở hữu — trước tiên là sự nhạy cảm để phát hiện điều gì sai, và sau đó là tư tưởng để giúp sửa chữa nó.

Yet this difficulty of sensitiveness also may be misused. A case in point would be if we allowed ourselves to be depressed, either by our own sorrows and sufferings, or by coming in contact with depression in others. The man who is sensitive will often meet with much that is unpleasant to him, especially if his lot is cast in a great city or in the midst of what is called modem civilization; yet he should remember that it is emphatically his duty to be happy, and to resist all thoughts of gloom or of despair, He should try his best to imitate on the higher planes the action on the physical

Tuy nhiên, khả năng nhạy cảm này cũng có thể bị lạm dụng. Một ví dụ là khi chúng ta để bản thân bị trầm cảm, hoặc bởi nỗi buồn và khổ đau của chính mình, hoặc bởi việc tiếp xúc với sự trầm cảm từ người khác. Người nhạy cảm thường sẽ gặp phải nhiều điều không dễ chịu đối với mình, đặc biệt nếu cuộc sống của họ nằm trong một thành phố lớn hoặc giữa cái gọi là nền văn minh hiện đại; tuy nhiên, họ nên nhớ rằng rõ ràng nhiệm vụ của họ là phải hạnh phúc, và chống lại tất cả những tư tưởng u ám hay tuyệt vọng. Họ nên cố gắng hết sức để bắt chước ở những cõi cao hơn hành động

plane of the sun which is so glorious a symbol of the Logos. Just as that pours out its light and life, so should he try to hold a steady calm serene centre through which the grace and the power from on high may be poured out upon his fellow man. In this way he may become in very truth a fellow-worker with Clod, for through him and through his reflection of it this divine grace and strength may affect many whom directly it could not reach.

của mặt trời trên cõi trần, một biểu tượng rực rỡ của Thượng Đế. Cũng như mặt trời tỏa ra ánh sáng và sự sống, họ cũng nên cố gắng duy trì một trung tâm bình tĩnh, ổn định, qua đó ân sủng và sức mạnh từ trên cao có thể được đổ xuống cho nhân loại. Theo cách này, họ có thể thực sự trở thành đồng sự với Thượng Đế, vì thông qua họ và sự phản chiếu của họ, ân sủng và sức mạnh thiêng liêng có thể tác động lên nhiều người mà trực tiếp thì không thể tiếp cận được.

The physical sun floods down its life and light upon us, yet there may easily be caverns or cellars into which that light cannot penetrate directly; but a mirror which is upon the earth and upon the level of the cavern or [252] the cellar may so reflect these glorious rays that they may reach to the innermost extremity and dispel the gloom and darkness. Just so it sometimes happens that man may make himself into a mirror for the divine glory, and that through him it may manifest to those whose eyes would otherwise remain blind to its shining. Trouble and sorrow come at times to us all, but we must not selfishly yield ourselves to them, for if we do we shall inevitably endanger others; we shall radiate depression around us and intensify it among our friends. There is always enough sorrow and worry in the world; we must not therefore selfishly add to it by mourning over our own share of the trouble and the sorrow, but rather range ourselves on the side of God, who means man to be happy. Let us strive to throw off the depression from ourselves, so that we may radiate at least resignation and calmness, even if we cannot attain to the height of positive joyousness. Along this line also there is a great and splendid work for every one of us to do, and it lies close to our hands if we will but raise them to undertake it.

Mặt trời vật lý tràn đầy sự sống và ánh sáng xuống chúng ta, nhưng có thể dễ dàng có những hang động hoặc hầm tối mà ánh sáng đó không thể trực tiếp thâm nhập; nhưng một tấm gương ở trên mặt đất và ngang tầm với hang động hoặc [252] hầm tối đó có thể phản chiếu những tia sáng rực rỡ này, để chúng có thể chiếu đến tận sâu thẳm nhất và xua tan bóng tối. Tương tự như vậy, đôi khi con người có thể biến mình thành một tấm gương phản chiếu vinh quang thiêng liêng, và thông qua họ, vinh quang đó có thể hiện ra cho những người có đôi mắt sẽ mãi mãi mù lòa trước ánh sáng rực rỡ nếu không có nó. Nỗi buồn và khổ đau đôi khi sẽ đến với tất cả chúng ta, nhưng chúng ta không được ích kỷ buông mình cho chúng, vì nếu chúng ta làm vậy, chúng ta sẽ không thể tránh khỏi việc làm tổn thương người khác; chúng ta sẽ phát ra sự trầm cảm xung quanh mình và làm nó mạnh thêm giữa những người bạn của mình. Trong thế giới này luôn có đủ nỗi buồn và lo lắng; vì vậy chúng ta không nên ích kỷ thêm vào đó bằng cách than khóc về phần khổ đau và buồn bã của mình, mà thay vào đó hãy đứng về phía Thượng Đế, Ngài muốn con người được hạnh phúc. Hãy cố gắng gạt bỏ sự trầm cảm khỏi bản thân, để chúng ta ít nhất có thể phát ra sự chấp nhận và bình thản, ngay cả khi chúng ta không thể đạt được sự vui vẻ hoàn toàn. Theo hướng này, mỗi người chúng ta đều có một công việc vĩ đại và tuyệt vời để thực hiện, và nó đang ở ngay

trước mắt nếu chúng ta chỉ cần vươn tay ra để thực hiện.

Another way in which it is possible for us to misuse this qualification of sensitiveness is to allow ourselves to be so repelled by the undesirable qualities which we sense in men whom we meet, that we are unable to help them when an opportunity is offered to us. Every good and pure person feels a strong sense of instinctive repulsion from that which is coarse and evil; and from this fact a good deal of misapprehension has arisen, If we meet some one coarse and vulgar we shall feel that sense of repulsion; but we must not therefore conclude that every time we feel it we have necessarily met with that which is terribly evil. [253]

Một cách khác mà chúng ta có thể lạm dụng khả năng nhạy cảm này là cho phép bản thân bị đẩy lùi bởi những phẩm chất không mong muốn mà chúng ta cảm nhận được ở những người mà chúng ta gặp, đến mức chúng ta không thể giúp đỡ họ khi có cơ hội. Mỗi người tốt lành và trong sạch đều cảm thấy một sự phản ứng mạnh mẽ từ bản năng trước những điều thô tục và ác độc; và từ thực tế này đã nảy sinh khá nhiều hiểu lầm. Nếu chúng ta gặp ai đó thô lỗ và tầm thường, chúng ta sẽ cảm thấy sự phản ứng này; nhưng chúng ta không nên kết luận rằng mỗi lần chúng ta cảm nhận điều đó thì nhất thiết chúng ta đã gặp phải điều gì đó cực kỳ ác độc. [253]

Inharmonious Vibrations— Những rung động không hài hòa

If we regard the matter simply from the material level, the reason for the strong repulsion between the high-minded man and the man whose thoughts and feelings are selfish is simply that their vibrations are discordant. Each of them has within his astral body something at least of the matter of all the levels of the astral plane; but they have used it very differently. The good man has persistently developed the finer type of vibrations which work most readily in the highest types of astral matter, whereas the man of selfish thought has scarcely utilized that part of his astral body at all, and has strengthened and intensified within himself such vibrations as belong especially to the grosser type of matter. Consequently when these two come together their vibrations are inharmonious and produce a strong sense of discord and discomfort. So they instinctively

Nếu chúng ta xem xét vấn đề chỉ từ cấp độ vật chất, lý do cho sự phản kháng mạnh mẽ giữa người có tâm trí cao thượng và người có tư tưởng và cảm xúc ích kỷ đơn giản là vì rung động của họ không hòa hợp. Mỗi người trong họ đều có trong thể cảm dục của mình ít nhất là một phần chất liệu của tất cả các cấp độ của cõi cảm dục; nhưng họ đã sử dụng nó rất khác nhau. Người tốt đã kiên trì phát triển loại rung động tinh tế hơn, hoạt động dễ dàng nhất trong các loại chất liệu cảm dục cao nhất, trong khi người có tư tưởng ích kỷ hầu như không sử dụng phần đó của thể cảm dục của mình, và đã củng cố và tăng cường những rung động thuộc về loại chất liệu thô hơn. Do đó, khi hai người này gặp nhau, rung động của họ không hòa hợp và tạo ra cảm giác mạnh mẽ về sự bất hòa và khó chịu. Vì vậy, họ tự nhiên tránh xa nhau, và chỉ khi người tốt nhận thức được nhiệm vụ và khả năng giúp đỡ của mình

avoid one another, and it is only when the good man has learnt of his duty and his power to help that he feels it incumbent upon him to try, even though it be from a distance, to influence his inharmonious brother.

thì y mới cảm thấy có bổn phận phải cố gắng, ngay cả khi là từ xa, để ảnh hưởng đến người anh em không hòa hợp của mình.

We have, however, to remember that two persons who are in every way equally good and equally developed may nevertheless be far from harmonious. Although the difference between them may not be so extreme as that which we have instances, it may nevertheless be sufficient to produce a sense of in harmony and therefore of repulsion. It is by no means safe to decide that, when we feel a distaste for the society of a certain person, that person is necessarily wicked. This mistake has so often been made by good and well-meaning people that it is worth while to emphasize this matter somewhat strongly. It is true that such a feeling when decided does indicate a [254] degree of in harmony which makes it difficult to help that person along ordinary tines, just as when we feel at first sight a strong attraction to some one, we may take it as an indication that here is one to whom we can be useful, one who will readily absorb from us and learn from us. But nevertheless it is also possible for us to overcome the feeling of repulsion, and where there is no one else to give the needed help it of course becomes our duty to do so.

Tuy nhiên, chúng ta cần nhớ rằng hai người dù tốt lành và phát triển ngang nhau vẫn có thể không hòa hợp với nhau. Mặc dù sự khác biệt giữa họ có thể không quá cực đoan như trong ví dụ trước, nhưng nó vẫn đủ để tạo ra cảm giác không hòa hợp và do đó là sự phản kháng. Không hề an toàn khi quyết định rằng khi chúng ta cảm thấy không thích giao tiếp với một người nào đó, thì người đó nhất định là người xấu. Sai lầm này đã được nhiều người tốt và có ý định tốt mắc phải đến mức đáng để nhấn mạnh điều này một cách mạnh mẽ. Đúng là cảm giác như vậy khi đã quyết định sẽ chỉ ra [254] một mức độ bất hòa khiến việc giúp đỡ người đó trở nên khó khăn theo những cách thông thường, giống như khi chúng ta cảm thấy ngay từ lần gặp đầu tiên một sự thu hút mạnh mẽ với ai đó, chúng ta có thể coi đó là dấu hiệu rằng người đó là một người mà chúng ta có thể hữu ích, một người sẽ dễ dàng tiếp nhận và học hỏi từ chúng ta. Tuy nhiên, cũng có thể chúng ta vượt qua cảm giác phản kháng đó, và khi không có ai khác để cung cấp sự giúp đỡ cần thiết, tất nhiên đó trở thành nhiệm vụ của chúng ta.

All, then, should try to realize these psychic powers which they already possess, and realizing them should determine to use them wisely and well. It is true that the responsibility is great, yet let us not shrink from them on that account. If many are unconsciously using these things for evil, all the more is it necessary that we who are beginning to understand a little should use them consciously and for good. Let us then welcome all such powers gladly, yet never

Vì vậy, tất cả chúng ta nên cố gắng nhận thức được những năng lực tâm linh mà mình đã sở hữu, và khi nhận thức được chúng, nên quyết định sử dụng chúng một cách khôn ngoan và đúng đắn. Đúng là trách nhiệm rất lớn, nhưng chúng ta đừng vì thế mà tránh né. Nếu nhiều người đang vô thức sử dụng những năng lực này cho điều ác, thì càng cần thiết hơn nữa để chúng ta, những người bắt đầu hiểu biết một chút, sử dụng chúng một cách có ý thức và vì điều thiện. Hãy hoan nghênh tất cả những

forget to balance them with careful study and with sound common-sense. In that way we shall avoid all danger of misusing them; in that way we shall prepare ourselves to use other and greater powers as they come to us in the course of our evolution — to use them always for the furtherance of the great Divine Scheme and for the helping of our fellowman.

năng lực như vậy với sự vui mừng, nhưng đừng bao giờ quên cân bằng chúng với việc nghiên cứu cẩn thận và lương tri. Bằng cách đó, chúng ta sẽ tránh được mọi nguy cơ lạm dụng chúng; và bằng cách đó, chúng ta sẽ chuẩn bị cho mình để sử dụng những năng lực khác và lớn hơn khi chúng đến với chúng ta trong quá trình tiến hóa — luôn sử dụng chúng để thúc đẩy Thiên Cơ vĩ đại và giúp đỡ đồng loại của mình.

CHAPTER X - VEGETARIANISM AND OCCULTISM
ĂN CHAY VÀ HUYỀN BÍ HỌC

In speaking [255] of the relation between vegetarianism and occultism, it may be well for us to begin by defining our terms, as we have generally done on other occasions. We all know what is meant by vegetarianism; and although there are several varieties of it, it will not be necessary to discuss them. The vegetarian is one who abstains from eating flesh-food. There are some of them who admit such animal products as are obtained without destroying the life of the animal, as, for example, milk, butter, and cheese. There are others who restrict themselves to certain varieties of the vegetable — to fruit and nuts, perhaps; there are others who prefer to take only such food as can be eaten uncooked; others will take no food which grows underground, such as potatoes, turnips, carrots, etc. We need not concern ourselves with these divisions, but simply define the vegetarian as one who abstains from any food which is obtained by the slaughter of animals — of course including birds and fish.

Khi nói về mối quan hệ giữa ăn chay và huyền bí học, có lẽ tốt hơn cho chúng ta bắt đầu bằng cách định nghĩa các thuật ngữ của mình, như chúng ta thường làm trong các dịp khác. Chúng ta đều biết ăn chay nghĩa là gì; và mặc dù có nhiều dạng khác nhau của nó, chúng ta sẽ không cần thảo luận về chúng. Người ăn chay là người kiêng ăn thực phẩm từ thịt. Có một số người ăn chay chấp nhận các sản phẩm động vật được lấy mà không phá hủy sự sống của động vật, ví dụ như sữa, bơ, và phô mai. Có những người khác chỉ giới hạn trong một số loại thực phẩm từ thực vật — có thể là trái cây và hạt; có những người khác lại thích chỉ ăn những thực phẩm có thể ăn sống; có những người sẽ không ăn bất kỳ loại thực phẩm nào mọc dưới lòng đất, như khoai tây, củ cải, cà rốt, v.v. Chúng ta không cần quan tâm đến những phân loại này, mà đơn giản định nghĩa người ăn chay là người kiêng mọi loại thực phẩm thu được bằng cách giết động vật — dĩ nhiên bao gồm cả chim và cá.

How shall we define occultism? The word is derived from the Latin occultus, hidden; so that it is the study of the hidden laws of nature. Since all the great laws of nature are in fact working in the invisible world far more than in the visible, occultism involves the acceptance of a much wider view of nature than that which is ordinarily taken. The occultist, then is a man who studies all the laws of nature that he can reach or of which he can hear, and as a result of his study he identifies [256]himself with these laws and devotes his life to the service of evolution. How does occultism regard vegetarianism? It regard it very favourably, and that for many reasons. These reasons may be divided into two classes — those which are ordinary and

Chúng ta sẽ định nghĩa huyền bí học như thế nào? Từ này bắt nguồn từ tiếng Latin *occultus*, có nghĩa là ẩn giấu; vì vậy, huyền bí học là việc nghiên cứu các định luật ẩn giấu của tự nhiên. Vì tất cả các định luật lớn của tự nhiên thực tế hoạt động nhiều hơn ở thế giới vô hình hơn là ở thế giới hữu hình, huyền bí học bao hàm việc chấp nhận một quan điểm rộng hơn nhiều về tự nhiên so với quan điểm thường được chấp nhận. Nhà huyền bí, vì vậy, là một người nghiên cứu tất cả các định luật của tự nhiên mà y có thể tiếp cận hoặc nghe nói, và kết quả của việc nghiên cứu này là y đồng nhất [256] bản thân với những định luật này và dành cả đời mình để phục vụ sự tiến hóa. Huyền bí học nhìn nhận ăn chay như thế nào? Nó nhìn nhận rất tích cực, và điều đó vì nhiều lý do. Những

physical, and those which are occult or hidden. There are many reasons in favour of vegetarianism which are down here on the physical plane and patent to the eyes of any one who will take the trouble to examine the subject; and these will operate with the occult student even more strongly than with the ordinary man. In addition to these and altogether beyond them, the occult student knows of other reasons which come from the study of those hidden laws which are as yet so little understood by the majority of mankind. We must therefore divide our consideration of these reasons into these two parts, first taking the ordinary and physical.

lý do này có thể được chia thành hai loại — những lý do thông thường và vật lý, và những lý do thuộc về huyền bí hay ẩn giấu. Có nhiều lý do ủng hộ ăn chay nằm trên cõi trần và rõ ràng trước mắt bất kỳ ai chịu khó nghiên cứu vấn đề; và những lý do này sẽ tác động mạnh mẽ hơn với người nghiên cứu huyền bí so với người thường. Ngoài ra, và vượt xa chúng, người nghiên cứu huyền bí biết đến những lý do khác đến từ việc nghiên cứu những định luật ẩn giấu mà đến nay vẫn còn rất ít được hiểu bởi đa số loài người. Vì vậy, chúng ta phải chia sự cân nhắc về những lý do này thành hai phần, trước tiên là xem xét những lý do thông thường và vật lý.

1. Selfish Reasons in Favour of Decent Food—1. Lý do ích kỷ ủng hộ thức ăn phù hợp

Even these ordinary reasons themselves be subdivided into two classes, the first containing those which are physical and as it were selfish, and secondly those which may be described as the moral and unselfish considerations. First, then, let us take the reasons in favour of vegetarianism which concern only the man himself, and are purely upon the physical plane. For the moment we will put aside the consideration of the effect upon others which is so infinitely more important, and think only of the results for the man himself It is necessary to do this because one of the objections frequently brought against vegetarianism is that it is a beautiful theory, but one the working of which is impracticable, since it is supposed that a man cannot live without devouring dead fish. The objection is irrational and [257] is founded upon ignorance or perversion of facts, I am myself an example of its falsity; for I have lived without the pollution of flesh food — without fish, fowl, or eggs — for the last twenty-seven years, and not only still survive, but have been during all that time in

Ngay cả những lý do thông thường này cũng có thể được chia thành hai loại, loại thứ nhất bao gồm những lý do thuộc về vật lý và có thể gọi là ích kỷ, và loại thứ hai bao gồm những lý do có thể được mô tả là những cân nhắc mang tính đạo đức và vị tha. Trước tiên, hãy xem xét những lý do ủng hộ việc ăn chay liên quan đến cá nhân con người, và hoàn toàn nằm trên cõi trần. Tạm thời chúng ta sẽ gạt sang một bên việc xem xét ảnh hưởng đối với người khác, điều này quan trọng hơn vô hạn, và chỉ suy nghĩ về kết quả cho chính con người. Điều này là cần thiết vì một trong những phản đối thường xuyên đối với việc ăn chay là nó là một lý thuyết đẹp, nhưng không thực tế, vì cho rằng con người không thể sống mà không ăn cá chết. Phản đối này là phi lý và [257] dựa trên sự thiếu hiểu biết hoặc sự xuyên tạc sự thật. Tôi tự mình là một ví dụ cho sự sai lầm của nó; bởi vì tôi đã sống mà không có sự ô nhiễm từ thực phẩm thịt — không cá, không gia cầm, cũng không trứng — trong suốt hai mươi bảy năm qua, và không những vẫn tồn tại, mà trong suốt thời gian đó tôi còn có sức khỏe vô cùng tốt. Tôi cũng không có gì đặc biệt trong

remarkably good health. Nor am I in any way peculiar in this, for I know some thousands of others who have done the same thing. I know some younger ones who have been so happy as to be unpolluted by the eating of flesh during the whole of their lives; and they are distinctly freer from disease than those who partake of such things. Assuredly there are many reasons in favour of vegetarianism from the purely selfish point of view; and I put that first because I know that the selfish considerations will appeal most strongly to a majority of people, though I hope that in the ease of those who are studying Theosophy we may assume that the moral considerations which I shall later adduce will sway them far more forcibly.

điều này, bởi vì tôi biết hàng ngàn người khác đã làm điều tương tự. Tôi biết một số người trẻ tuổi hơn, những người may mắn chưa bao giờ bị ô nhiễm bởi việc ăn thịt suốt đời họ; và họ rõ ràng ít mắc bệnh hơn so với những người sử dụng những thứ đó. Chắc chắn rằng có nhiều lý do ủng hộ việc ăn chay từ quan điểm hoàn toàn ích kỷ; và tôi đặt điều này lên trước vì tôi biết rằng những cân nhắc ích kỷ sẽ tác động mạnh mẽ nhất đến đa số mọi người, mặc dù tôi hy vọng rằng đối với những ai đang nghiên cứu Thông Thiên Học, chúng ta có thể giả định rằng những cân nhắc đạo đức mà tôi sẽ đưa ra sau đây sẽ tác động mạnh mẽ hơn nhiều.

2. We Want the Best—2. Chúng ta muốn điều tốt nhất

I take it that in food, as well as in everything else, we all of us want the best that is within our means. We should like to bring our lives, and therefore our daily food as a not unimportant part of our lives, into harmony with our aspirations, into harmony with the highest that we know. We should be glad to take what is really best; and if we do not yet know enough to be able to appreciate what is best, then we should be glad to learn to do so. If we think of it we shall see that this is the case along other lines, as, for example, in music, or in art, or in literature. We have been taught from childhood that if we want our musical taste developed along the best lines we must select only the best music, and if at first we do not fully appreciate or understand [258] it, we must be willing patiently to wait and to listen until at length something of its sweet beauty dawns upon our souls, and we come to comprehend that which at first

Tôi cho rằng trong thực phẩm, cũng như trong mọi thứ khác, tất cả chúng ta đều muốn những điều tốt nhất trong khả năng của mình. Chúng ta muốn đưa cuộc sống của mình, và do đó thực phẩm hàng ngày của chúng ta – một phần không kém quan trọng của cuộc sống – vào sự hài hòa với những khát vọng của mình, vào sự hài hòa với những gì cao quý nhất mà chúng ta biết. Chúng ta nên vui mừng khi chọn những gì thực sự tốt nhất; và nếu chúng ta chưa biết đủ để có thể đánh giá cao điều gì là tốt nhất, thì chúng ta nên sẵn lòng học hỏi để làm được điều đó. Nếu chúng ta suy nghĩ về điều này, chúng ta sẽ thấy rằng điều này đúng trong các lĩnh vực khác, chẳng hạn như âm nhạc, nghệ thuật, hoặc văn học. Chúng ta đã được dạy từ thuở nhỏ rằng nếu chúng ta muốn phát triển gu âm nhạc của mình theo những hướng tốt nhất, chúng ta phải chọn những âm nhạc tốt nhất, và nếu lúc đầu chúng ta không hoàn toàn đánh giá cao hoặc hiểu [258] nó,

awakened no response within our hearts. If we want to appreciate the best in art we must not fill our eyes with the sensational broadsheets of police news, or with the hideous abominations which are miscalled "comic pictures," but we must steadily look and learn until the mystery of the work of Turner begins to unfold to our patient contemplation, or the grand breadth of Velasquez comes within our power to understand. So too in literature. It has been the sad experience of many that much of the best and the most beautiful is lost to those whose mental food consists exclusively of the sensational paper or the cheap novel, or of that frothy mass of waste material which is thrown up like scum upon the molten metal of life — novelettes, serials, and fragments, of a type which neither teach the ignorant, nor strengthen the weak, nor develop the immature. If we wish to unfold the mind in our children we do not leave them to their own uncultivated taste in all these things, but we try to help them to train that taste, whether it be in art, in music, or in literature.

chúng ta phải sẵn lòng kiên nhẫn chờ đợi và lắng nghe cho đến khi một phần của vẻ đẹp ngọt ngào của nó lóe lên trong linh hồn chúng ta, và chúng ta bắt đầu hiểu điều mà lúc đầu không khơi dậy bất kỳ phản hồi nào trong trái tim mình. Nếu chúng ta muốn đánh giá cao những điều tốt nhất trong nghệ thuật, chúng ta không nên để mắt mình ngập tràn những tờ báo đầy cảm xúc của tin tức cảnh sát, hoặc những sự kinh tởm đáng ghét được gọi sai là "tranh biếm họa", mà chúng ta phải kiên định quan sát và học hỏi cho đến khi bí ẩn của tác phẩm của Turner bắt đầu hé mở trước sự chiêm nghiệm kiên nhẫn của chúng ta, hoặc sự rộng lớn hùng vĩ của Velasquez trở nên dễ hiểu đối với chúng ta. Tương tự, trong văn học cũng vậy. Kinh nghiệm buồn của nhiều người cho thấy rằng nhiều điều tốt nhất và đẹp nhất bị mất đi đối với những người mà thức ăn tinh thần chỉ gồm báo lá cải hoặc tiểu thuyết rẻ tiền, hoặc những đống bọt bèo phù phiếm được tạo ra như lớp bọt trên kim loại nóng chảy của cuộc sống — những câu chuyện tình lẻ tẻ, truyện nối tiếp, và những mẩu vụn chẳng dạy dỗ người vô tri, cũng không củng cố người yếu đuối, hay phát triển người chưa trưởng thành. Nếu chúng ta muốn phát triển trí óc cho con cái của mình, chúng ta không để chúng tự do theo sở thích chưa được nuôi dưỡng của chúng trong tất cả những điều này, mà chúng ta cố gắng giúp chúng rèn luyện sở thích, dù là trong nghệ thuật, âm nhạc, hay văn học.

Surely then we may seek to find the best in physical as well as in mental food, and surely we must find this not by mere blind instinct, but by learning to think and to reason out the matter from the higher point of view. There may be those in the world who have no desire for the best, who are willing to remain on the lower levels and consciously and intentionally to build into themselves that which is coarse and degrading; but surely

Vậy thì chắc chắn chúng ta cũng có thể tìm kiếm những điều tốt nhất trong thực phẩm vật lý cũng như trong thực phẩm tinh thần, và chắc chắn chúng ta phải tìm thấy điều này không phải bằng bản năng mù quáng, mà bằng cách học cách suy nghĩ và lý luận vấn đề từ quan điểm cao hơn. Có thể có những người trên thế giới không có mong muốn những điều tốt nhất, sẵn lòng ở lại các cấp độ thấp hơn và cố ý xây dựng trong bản thân mình những

there are many who wish to rise above this, many who would gladly and eagerly take the best if they only knew what it was, or if their attention was directed to it. [259]

điều thô kệch và suy đồi; nhưng chắc chắn có nhiều người muốn vươn lên khỏi điều này, nhiều người sẽ vui lòng và háo hức nhận lấy những gì tốt nhất nếu họ chỉ biết nó là gì, hoặc nếu sự chú ý của họ được hướng về nó. [259]

There are men and women who are morally of the highest class who yet have been brought up to feed with the hyenas and the wolves of life, and have been taught that their necessary dietary ~s the corpse of a slaughtered animal. It needs but little thought to show us that this horror cannot be the highest and the purest, and that if we ever wish to raise ourselves in the scale of nature, if we ever wish that our bodies shall be pure and clean as the temples of the Master should be, we must abandon this loathsome custom, and take our place among the princely hosts who are striving for the evolution of mankind - striving for the highest and the purest in everything, for themselves as well as for their fellowmen. Let us see is detail why a vegetarian diet is emphatically the purest and the best.

Có những người nam và nữ thuộc tầng lớp đạo đức cao nhất nhưng đã được nuôi dưỡng để ăn uống cùng với lũ linh cẩu và sói của cuộc sống, và đã được dạy rằng chế độ ăn uống cần thiết của họ là xác chết của một con vật bị giết mổ. Chỉ cần một chút suy nghĩ để cho chúng ta thấy rằng sự kinh hoàng này không thể là điều cao nhất và thuần khiết nhất, và rằng nếu chúng ta muốn nâng mình lên trong thang bậc của tự nhiên, nếu chúng ta muốn cơ thể mình phải thuần khiết và sạch sẽ như những ngôi đền của Chân sư thì chúng ta phải từ bỏ thói quen kinh tởm này và đứng vào hàng ngũ những vị hoàng tử đang cố gắng thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại - đang nỗ lực vì điều cao nhất và thuần khiết nhất trong mọi thứ, cho chính họ cũng như cho đồng loại của mình. Hãy cùng xem xét chi tiết tại sao chế độ ăn chay lại được nhấn mạnh là thuần khiết và tốt nhất.

First: Because vegetables contain more nutriment than an equal amount of dead flesh. This will sound a surprising and incredible statement to many people, because they have been brought up to believe that they cannot exist unless they defile themselves with flesh, and this delusion is so widely spread that it is difficult to awaken the average man from it. It must be clearly understood that this is not a question of habit, or of sentiment, or of prejudice; it is simply a question of plain fact, and as to the facts there is not and there never has been the slightest question. There are four elements necessary in food, all of them essential to the repair and the upbuilding of the body. (a) Proteids or nitrogenous foods; (b) carbohydrates; (c)

Thứ nhất: Vì rau quả chứa nhiều dưỡng chất hơn so với cùng một lượng xác chết. Điều này nghe có vẻ là một tuyên bố đáng ngạc nhiên và khó tin đối với nhiều người, bởi vì họ đã được nuôi dưỡng để tin rằng họ không thể tồn tại nếu không tự làm ô nhiễm mình bằng thịt, và ảo tưởng này được lan truyền rộng rãi đến mức rất khó đánh thức người bình thường khỏi nó. Cần phải hiểu rõ rằng đây không phải là câu hỏi về thói quen, hay tình cảm, hay định kiến; đây đơn giản là một câu hỏi về sự thật rõ ràng, và về các sự thật này thì không có và chưa từng có chút nghi ngờ nào. Có bốn yếu tố cần thiết trong thực phẩm, tất cả đều cần thiết cho việc sửa chữa và xây dựng lại cơ thể. (a) Chất đạm hoặc thực phẩm chứa nitrogen; (b) Carbohydrate; (c) Hydrocarbon hoặc chất béo;

hydrocarbons or fats; (d) salts. This is the classification usually accepted among physiologists, although some recent investigations are tending to modify it to a certain extent. Now there [260] is no question that all of these elements exist to a greater extent in vegetables than they do in dead flesh. For instance, milk, cream, cheese, nuts, peas, and beans contain a large percentage of proteids or nitrogenous matter. Wheat, oats, rice and other grains, fruits and most of the vegetables (except perhaps peas, beans, and lentils) consist mainly of the carbohydrates — that is, of starches and sugars. The hydrocarbons, or fats, are found in nearly all the proteid foods, and can also be taken in the form of butter or of oils. The salts are found practically in all foods to a greater or less extent. They are of the utmost importance in the maintenance of the body tissues, and what is called saline starvation is the cause of many diseases.

(d) Muối. Đây là sự phân loại thường được chấp nhận giữa các nhà sinh lý học, mặc dù một số nghiên cứu gần đây đang có xu hướng điều chỉnh nó ở một mức độ nào đó. Bây giờ [260] không có nghi ngờ gì rằng tất cả các yếu tố này tồn tại trong thực vật nhiều hơn trong xác chết. Ví dụ, sữa, kem, phô mai, các loại hạt, đậu Hà Lan và đậu có chứa tỷ lệ lớn chất đạm hoặc chất chứa nitrogen. Lúa mì, yến mạch, gạo và các loại ngũ cốc khác, trái cây và hầu hết các loại rau (ngoại trừ có lẽ đậu Hà Lan, đậu và đậu lăng) chủ yếu gồm carbohydrate — tức là tinh bột và đường. Hydrocarbon, hoặc chất béo, được tìm thấy trong hầu hết các thực phẩm giàu chất đạm, và cũng có thể được hấp thụ dưới dạng bơ hoặc dầu. Muối được tìm thấy thực tế trong tất cả các loại thực phẩm ở mức độ nhiều hay ít. Chúng có tầm quan trọng tối cao trong việc duy trì các mô cơ thể, và cái gọi là thiếu hụt muối là nguyên nhân gây ra nhiều bệnh tật.

It is sometimes claimed that flesh-meat contains some of these things to a larger degree than vegetables, and some tables are drawn up in such a way as to suggest this; but once more this is a question of facts, and must be faced from that point of view. The only sources of energy in dead flesh are the proteid matter contained therein, and the fat; and as the fat in it has certainly no more value than other fat, the only point to be considered is the proteids. Now it must be remembered that proteids have only one origin; they are organized in plants and nowhere else. Nuts, peas, beans, and lentils are far richer than any kind of flesh in these elements, and they have this enormous advantage, that the proteids are pure, and therefore contain all the energy originally stored up in them during their organization. In the animal body these proteids, which the animal has absorbed from the vegetable kingdom during his life, are

Đôi khi có ý kiến cho rằng thịt chứa một số chất này với mức độ lớn hơn thực vật, và một số bảng số liệu được lập ra để gợi ý điều này; nhưng một lần nữa đây là một vấn đề thực tế, và phải được xem xét từ quan điểm đó. Các nguồn năng lượng duy nhất trong xác chết là chất đạm chứa trong nó, và chất béo; và vì chất béo trong đó chắc chắn không có giá trị gì hơn chất béo khác, điểm duy nhất cần xem xét là chất đạm. Bây giờ chúng ta phải nhớ rằng chất đạm chỉ có một nguồn gốc duy nhất; chúng được tổ chức trong thực vật và không có ở bất cứ nơi nào khác. Các loại hạt, đậu Hà Lan, đậu, và đậu lăng giàu hơn bất kỳ loại thịt nào về các yếu tố này, và chúng có lợi thế lớn là chất đạm trong chúng là tinh khiết, do đó chứa tất cả năng lượng ban đầu được tích trữ trong chúng trong quá trình tổ chức. Trong cơ thể động vật, các chất đạm mà động vật hấp thụ từ vương quốc thực vật trong suốt cuộc đời của nó đang liên tục đi xuống sự phân hủy, trong quá trình

constantly passing down to disorganization, during which descent the energy originally stored in them is released. Consequently what has been used already by one animal cannot be utilized by [261] another. The proteids are estimated in some of these tables by the amount of nitrogen contained therein, but in flesh meat there arc many products of tissue-change such as urea, uric acid, and creatin, all of which contain nitrogen and are therefore estimated as proteids, though they have no food value whatever

này năng lượng ban đầu được tích trữ trong chúng được giải phóng. Do đó, những gì đã được sử dụng bởi một con vật không thể được sử dụng lại bởi [261] một con vật khác. Chất đạm được ước tính trong một số bảng này theo lượng nitrogen chứa trong đó, nhưng trong thịt có nhiều sản phẩm của sự thay đổi mô như urê, axit uric, và creatin, tất cả đều chứa nitrogen và do đó được tính là chất đạm, mặc dù chúng không có giá trị dinh dưỡng nào cả.

Nor is this all the evil; for this tissue-change is necessarily accompanied by the formation f various poisons, which are always to be found in flesh of any kind, and in many cases the virulence of these poisons is very great. So you will observe that if you gain any nourishment from the eating of dead flesh, you obtain it because during his life the animal consumed vegetable matter. You get less of this nourishment than you ought to have, because the animal has already used up half of it, and you have along with it various undesirable substances, and even some active poisons, which are of course distinctly deleterious. I know that there are many doctors who will prescribe the loathsome flesh diet in order to strengthen people, and that they will often meet with a certain amount of success; though even on this point they are by no means agreed, for Dr. Milner Fothergil writes: “All the bloodshed caused by the warlike disposition of Napoleon is as nothing compared to the loss of life among the myriads of persons who have sunk into their graves through a misplaced confidence in the supposed value of beef-tea.” At any rate the strengthening results can be obtained more easily from the vegetable kingdom when the science of diet is properly understood, and they can be obtained without the horrible pollution and without all the undesirable

Đây cũng chưa phải tất cả cái xấu; vì sự thay đổi mô này nhất định đi kèm với sự hình thành của các chất độc khác nhau, luôn luôn tồn tại trong thịt thuộc bất kỳ loại nào, và trong nhiều trường hợp độc tính của các chất độc này rất lớn. Vì vậy, bạn sẽ thấy rằng nếu bạn có được bất kỳ sự nuôi dưỡng nào từ việc ăn xác chết, bạn sẽ có được nó bởi vì trong suốt cuộc đời, con vật đó đã tiêu thụ thực phẩm từ thực vật. Bạn nhận được ít dinh dưỡng hơn so với mức đáng lẽ phải có, bởi vì con vật đó đã sử dụng hết một nửa trong số đó, và bạn có được cùng với nó nhiều chất không mong muốn, thậm chí một số chất độc hại, rõ ràng là có hại. Tôi biết rằng có nhiều bác sĩ sẽ kê đơn chế độ ăn thịt kinh khủng để tăng cường sức khỏe cho người bệnh, và họ thường đạt được một số thành công; mặc dù ngay cả về điểm này họ cũng không hoàn toàn đồng ý, vì bác sĩ Milner Fothergil viết: “Tất cả những cuộc đổ máu do bản tính hiếu chiến của Napoleon gây ra không thể so sánh được với sự mất mát sinh mạng của hàng triệu người đã ngã xuống mộ do niềm tin sai lầm vào giá trị của nước thịt bò.” Dù sao thì những kết quả tăng cường sức khỏe đó cũng có thể đạt được dễ dàng hơn từ vương quốc thực vật khi khoa học dinh dưỡng được hiểu đúng, và chúng có thể đạt được mà không cần đến sự ô nhiễm kinh tởm và không có tất cả các hệ lụy không mong muốn của hệ thống khác. Để cho bạn thấy rằng tôi không

concomitants of the other system- Let me show you that I am not in all this making any unfounded assertions; let me quote to you the opinions of physicians, of men whose names are well [262] known in the medical world, so that you may see that I have abundant authority for all that I have said.

đưa ra những tuyên bố vô căn cứ, hãy để tôi trích dẫn ý kiến của các bác sĩ, những người có tên tuổi được biết đến rộng rãi trong giới y khoa, để bạn thấy rằng tôi có đầy đủ cơ sở cho tất cả những điều tôi đã nói.

We find Sir Henry Thompson, F.R.C.S saying: "It is a vulgar error to regard meat in any form as necessary to life. All that. Is necessary to the human body can be supplied by the vegetable kingdom...The vegetarian can extract from his food all the principles necessary for the growth and the support of the body, as well as for the production of heat and force. It must be admitted as a fact beyond all question that some persons are stronger and more healthy who live on that food. I know how much of the prevailing meat diet is not merely a wasteful extravagance, but a source of serious evil to The consumer." There is a definite statement by a well-known medical man.

Chúng ta có thể thấy Sir Henry Thompson, F.R.C.S phát biểu: "Đó là một sai lầm phổ biến khi cho rằng thịt dưới bất kỳ hình thức nào là cần thiết cho sự sống. Tất cả những gì cần thiết cho cơ thể con người đều có thể được cung cấp từ vương quốc thực vật... Người ăn chay có thể hấp thu từ thực phẩm của mình tất cả các nguyên tắc cần thiết cho sự phát triển và duy trì cơ thể, cũng như cho việc sản xuất nhiệt và năng lượng. Phải thừa nhận rằng một sự thật không thể nghi ngờ là một số người trở nên khỏe mạnh và cường tráng hơn khi sống dựa trên thực phẩm đó. Tôi biết rõ rằng phần lớn chế độ ăn thịt hiện tại không chỉ là sự xa hoa lãng phí mà còn là nguồn gốc của những tác hại nghiêm trọng cho người tiêu dùng." Đó là một tuyên bố rõ ràng của một người bác sĩ nổi tiếng.

Then we may turn to the words of a Fellow of the Royal Society, Sir Benjamin Ward Richardson, M.D; he says; "It must be honestly admitted that weight by weight vegetable substance, when carefully selected possesses the most striking advantages over animal food in nutritious value...I should like to see a vegetarian and fruit-living plan put into general use, and I believe it will be."

Chúng ta có thể chuyển sang lời của một Hội viên của Hiệp hội Hoàng gia, Sir Benjamin Ward Richardson, M.D., Ông nói: "Phải thừa nhận một cách trung thực rằng xét về trọng lượng, thực phẩm từ thực vật khi được lựa chọn cẩn thận có những lợi thế nổi bật nhất so với thực phẩm động vật về giá trị dinh dưỡng... Tôi mong muốn thấy một chế độ ăn chay và sống nhờ trái cây được áp dụng rộng rãi, và tôi tin rằng điều đó sẽ thành hiện thực."

The well-known physician, Dr. William. S. Playfair, C.B., Has said quite clearly, "Animal diet is not essential to man"; and we find Dr. F.J. Sytes, B.SC., The Medical Official for St. Pancras, writing: "Chemistry is not antagonistic to vegetarianism, any more than

Bác sĩ nổi tiếng, Dr. William S. Playfair, C.B., đã nói rất rõ ràng, "Chế độ ăn động vật không cần thiết cho con người"; và chúng ta thấy Dr. F.J. Sytes, B.SC., viên chức y tế của St. Pancras, viết: "Hóa học không đối nghịch với ăn chay, cũng như sinh học không đối nghịch. Thực phẩm từ

biology is. Flesh-food is certainly not necessary to supply the nitrogenous products required for the repair of tissues, therefore a well-selected diet from the vegetable kingdom is perfectly right, from the chemical point of view, for the nutrition of men-" [263] Dr. Francis Vacher, F.R.C.S., F.C.S, remarks, "I have no belief that a man is better physically or mentally for taking flesh-food."

thịt chắc chắn không cần thiết để cung cấp các sản phẩm chứa nitrogen cần thiết cho việc phục hồi các mô, do đó một chế độ ăn uống được chọn lọc tốt từ vương quốc thực vật hoàn toàn đúng, xét từ quan điểm hóa học, đối với dinh dưỡng của con người." Dr. Francis Vacher, F.R.C.S., F.C.S, nhận xét: "Tôi không tin rằng một người sẽ tốt hơn về mặt thể chất hay tinh thần khi sử dụng thực phẩm từ thịt."

Dr. Alexander Haig, F.R.C.P., The leading physician of one of the great London hospitals, had written, "That it is easily possible to sustain life on the products of the vegetable kingdom needs no demonstration for physiologists, even if the majority of the human race were not constantly engaged in demonstrating it; and my researches show, not only that it is possible, but that it is infinitely preferable in every way, and produces superior power both of mind and body."

Dr. Alexander Haig, F.R.C.P., bác sĩ hàng đầu của một trong những bệnh viện lớn ở London, đã viết: "Việc dễ dàng duy trì sự sống dựa trên các sản phẩm của vương quốc thực vật là điều mà không cần phải chứng minh cho các nhà sinh lý học, ngay cả khi đa số loài người không liên tục minh chứng cho điều đó; và nghiên cứu của tôi cho thấy không chỉ có thể, mà còn vượt trội hơn ở mọi khía cạnh, và tạo ra sức mạnh vượt trội cả về trí óc và thể chất."

Dr. MY. Coomes, in The American Practitioner and News of July, 1902, concluded a scientific article as follows: "Let me state first that the flesh of warm-blooded animals is not essential as a diet for the purpose of maintaining the human body in perfect health." He goes on to make some farther remarks which we shall quote under our next head.

Dr. M.Y. Coomes, trong tạp chí *The American Practitioner and News* số ra tháng Bảy năm 1902, kết luận một bài viết khoa học như sau: "Hãy để tôi tuyên bố trước tiên rằng thịt của các loài động vật có máu nóng không cần thiết cho việc duy trì cơ thể con người trong trạng thái sức khỏe hoàn hảo." Ông tiếp tục đưa ra một số nhận xét khác mà chúng tôi sẽ trích dẫn ở phần tiếp theo.

The Dean of the Faculty of Jefferson Medical College (of Philadelphia) said: "It is a well-known fact that cereals as articles of daily food hold a high place in the human economy; they contain constituents amply sufficient to sustain life in its highest form. If the value of cereal food products were better known it would be a good thing for the race. Nations live and thrive upon them alone, and it has been fully demonstrated that meat is not a necessity.

Hiệu trưởng của Khoa tại Đại học Y Jefferson (ở Philadelphia) đã nói: "Đó là một thực tế đã được biết đến rằng ngũ cốc, với tư cách là các loại thực phẩm hàng ngày, giữ một vị trí cao trong kinh tế học của con người; chúng chứa các thành phần đầy đủ để duy trì sự sống ở cấp độ cao nhất. Nếu giá trị của các sản phẩm từ ngũ cốc được biết đến nhiều hơn thì đó sẽ là một điều tốt cho nhân loại. Các quốc gia sống và phát triển mạnh mẽ chỉ dựa vào chúng, và điều đã được chứng minh hoàn toàn rằng thịt

không phải là điều cần thiết."

There you have a number of plain statements, and all of them are taken from the writings of well-known men who have made a considerable study of the chemistry of foods. It is impossible to deny that man can exist without this horrible diet, and furthermore that there is more nutriment in an equal amount of vegetable than of dead [264] flesh. I could give you many other quotations, but those above mentioned are sufficient, and they are fair samples of the rest.

Bạn có một số tuyên bố rõ ràng ở đây, và tất cả chúng đều được lấy từ những tác phẩm của những người nổi tiếng đã có nhiều nghiên cứu về hóa học thực phẩm. Không thể phủ nhận rằng con người có thể tồn tại mà không cần đến chế độ ăn uống khủng khiếp này, và hơn thế nữa còn có nhiều dưỡng chất hơn trong một lượng thực vật so với một lượng thịt chết tương đương. Tôi có thể cung cấp cho bạn nhiều trích dẫn khác, nhưng những trích dẫn đã đề cập ở trên là đủ, và chúng là những ví dụ điển hình cho phần còn lại.

Second: Because many serious diseases come from this loathsome habit of devouring dead bodies. Here again I could easily give you a long list of quotations, but as before I will be satisfied with a few. Dr. Josiah Oldfield, R.RC.S., L.RC.P., Writes: "Flesh is an unnatural food, and therefore tends to create functional disturbances. As it is taken in modem civilizations, it is infected with such terrible diseases (readily communicable to man) as cancer, consumption, fever, intestinal worms, etc., to an enormous extent. There is little need to wonder that flesh-eating is one of the most serious causes of the diseases that carry off ninety-nine out of every hundred people that are born.

Thứ hai: Vì nhiều bệnh nghiêm trọng đến từ thói quen kinh tởm này là ăn xác chết. Ở đây một lần nữa tôi có thể dễ dàng cung cấp cho bạn một danh sách dài các trích dẫn, nhưng như trước đây, tôi sẽ hài lòng với một vài trích dẫn. Dr. Josiah Oldfield, R.RC.S., L.RC.P., viết: "Thịt là một loại thực phẩm không tự nhiên, và do đó có xu hướng tạo ra các rối loạn chức năng. Khi được tiêu thụ trong các nền văn minh hiện đại, nó bị nhiễm những căn bệnh khủng khiếp như ung thư, lao phổi, sốt, giun sán đường ruột, v.v., với mức độ rất lớn. Không cần ngạc nhiên rằng việc ăn thịt là một trong những nguyên nhân nghiêm trọng nhất của các bệnh tật đã cướp đi sinh mạng của chín mươi chín phần trăm số người được sinh ra."

Sir Edward Saunders tells us: "Any attempt to teach mankind that beef and beer are not necessary for health and efficiency must be good, and must tend to thrift and happiness; and as this goes on I believe we shall hear less of gout, Bright's disease, and trouble with the liver and the kidneys in the former, and less of brutality and wife-beating and murder in the latter. I believe that the tendency is towards vegetarian diet, that it will be recognized as fit and proper, and that the time is not far distant when the idea of animal food will be found

Sir Edward Saunders nói với chúng ta: "Bất kỳ nỗ lực nào nhằm dạy loài người rằng thịt bò và bia không cần thiết cho sức khỏe và hiệu quả đều là điều tốt và sẽ góp phần vào sự tiết kiệm và hạnh phúc; và khi điều này tiếp diễn, tôi tin rằng chúng ta sẽ nghe thấy ít hơn về bệnh gút, bệnh thận Bright, và các vấn đề với gan và thận, đồng thời cũng ít hơn về sự tàn ác, đánh vợ và giết người. Tôi tin rằng xu hướng này sẽ dẫn đến chế độ ăn chay, nó sẽ được công nhận là phù hợp và đúng đắn, và thời gian không còn xa khi việc ăn thịt động vật sẽ trở nên kinh

revolting to civilized man."

Sir Robert Christison. M.D., Asserts positively that 'The flesh and secretions of animals affected with carbuncular diseases analogous to anthrax, as so poisonous that those who eat the product of them are apt to suffer severely — the disease taking the form either of inflammation [265] of the digestive canal, or of an eruption of one or more carbuncles.

Dr. A. Kingsford, of the University of Paris, says: "Animal meat may directly engender many painful and loathsome diseases. Scrofula itself, that fecund source of suffering and death, not improbably owes its origin to flesh-eating habits. It is a curious fact that the word scrofula is derived from scrofa, a sow. To say that one has scrofula is to say that has swine's evil."

In his fifth report to the Privy Council in England we find Professor Gamgee stating that "one-fifth of the total amount of meat consumed is derived from animals killed in a state of malignant disease"; while Professor A. Wynter Blyth, F.R.C.S., Writes: "Economically speaking flesh food is not necessary; and meat seriously diseased may be so prepared as to look like fairly good meat.

Many an animal with advanced diseases of the lung yet shows to the naked eye no appearance in the flesh which differs from normal." Dr. M.F. Coomes, in the article above quoted, remarks: 'We have many substitutes for meat which are free from the deleterious effects of that food upon the animal economy - namely, in the production of rheumatism, gout and all other kindred diseases, to say nothing of cerebral congestion, which frequently terminates in apoplexy and venal diseases of one kind or another, migraine and

tởm đối với người văn minh.

Sir Robert Christison, M.D., khẳng định chắc chắn rằng: "Thịt và các dịch tiết của động vật bị ảnh hưởng bởi các bệnh mụn nhọt tương tự như bệnh nhiệt thán rất độc hại, đến nỗi những người ăn các sản phẩm từ chúng có thể phải chịu đựng nặng nề — bệnh này xuất hiện dưới dạng viêm đường tiêu hóa, hoặc phát ban một hoặc nhiều mụn nhọt."

Dr. A. Kingsford, của Đại học Paris, nói: "Thịt động vật có thể trực tiếp gây ra nhiều căn bệnh đau đớn và kinh tởm. Chính bệnh tràng nhạc, nguồn gốc sinh sôi của nhiều sự đau khổ và cái chết, rất có thể xuất phát từ thói quen ăn thịt. Một sự thật kỳ lạ là từ 'tràng nhạc' bắt nguồn từ từ *scrofa*, nghĩa là con lợn nái. Nói rằng ai đó bị tràng nhạc tức là nói rằng người đó mắc phải 'cái ác của loài lợn'."

Trong báo cáo lần thứ năm của Ông gửi Hội đồng Cơ mật ở Anh, chúng ta thấy giáo sư Gamgee tuyên bố rằng "một phần năm tổng lượng thịt tiêu thụ có nguồn gốc từ các loài động vật bị giết khi đang mắc các bệnh ác tính"; trong khi giáo sư A. Wynter Blyth, F.R.C.S., viết: "Xét về mặt kinh tế, thực phẩm từ thịt không cần thiết; và thịt bị bệnh nghiêm trọng có thể được chế biến sao cho trông như thịt tốt."

Nhiều động vật mắc các bệnh phổi giai đoạn cuối vẫn không biểu hiện sự khác biệt nào trên thịt khi nhìn bằng mắt thường. Dr. M.F. Coomes, trong bài viết đã trích dẫn trước đó, nhận xét: "Chúng ta có nhiều loại thực phẩm thay thế cho thịt mà không gây ra các tác hại của loại thực phẩm này đối với cơ thể động vật — cụ thể là trong việc gây ra bệnh thấp khớp, bệnh gút và tất cả các bệnh tương tự khác, chưa kể đến sự tắc nghẽn não bộ, thường kết thúc bằng đột quỵ và các bệnh về thận, chứng đau nửa đầu và nhiều dạng đau đầu khác, do

many other such forms of headache, resulting from the excessive use of meat, and often produced when meat is not eaten to excess.

việc tiêu thụ quá nhiều thịt, và thường xảy ra ngay cả khi thịt không được tiêu thụ quá mức."

Dr. J.H. Kellogg remarks: “It is interesting to note that scientific men all over the world are awakening to the fact that the flesh of animals as food is not a pure nutriment, but is mixed with poisonous substances, excrementitious in character, which are the natural results [266] of animal life. The vegetable stores up energy. It is from the vegetable world — the coal and the wood - that the energy is derived which runs our steam engines, pulls our trains, drives our steamships, and does the work of civilization. It is from the vegetable world that all animals, directly or indirectly, derive the energy which is manifested by animal life through muscular and mental work, The vegetable builds up; the animal tears down. The vegetable stores up energy; the animal expends energy. Various waste and poisonous products result from the manifestation of energy, whether by the locomotive or the animal. The working tissues of the animal are enabled to continue their activity only by the fact that they are continually washed clean by the blood, a never-ceasing stream flowing through and about them, carrying away the poisonous products resulting from their work as rapidly as they are formed. The venous blood owes its character to these poisons, which are removed by the kidneys, lungs, skin, and bowels. The flesh of a dead animal contains a great quantity of These poisons, the elimination of which ceases at the instant of death, although their formation continues for some time after death. An eminent French surgeon recently remarked that ‘beef-tea is a veritable solution of poisons.~ Intelligent physicians everywhere are coming to recognize these facts, and to make a practical application of them,”

Dr. J.H. Kellogg nhận xét: "Thật thú vị khi ghi nhận rằng các nhà khoa học trên khắp thế giới đang thức tỉnh trước thực tế rằng thịt động vật không phải là thực phẩm thuần khiết, mà nó bị pha trộn với các chất độc có bản chất bài tiết, là kết quả tự nhiên của sự sống động vật. Thực vật tích trữ năng lượng. Chính từ vương quốc thực vật — than đá và gỗ — mà năng lượng được chiết xuất để chạy các động cơ hơi nước, kéo tàu, vận hành tàu thủy và thực hiện các công việc của nền văn minh. Chính từ thế giới thực vật mà tất cả các loài động vật, trực tiếp hoặc gián tiếp, có được năng lượng để thể hiện sự sống động vật thông qua hoạt động cơ bắp và tinh thần. Thực vật xây dựng, động vật phá hủy. Thực vật tích trữ năng lượng, động vật tiêu hao năng lượng. Các sản phẩm độc hại và chất thải khác nhau phát sinh từ sự biểu hiện năng lượng, dù là của đầu máy hay của động vật. Các mô hoạt động của động vật có thể tiếp tục hoạt động của mình chỉ nhờ vào việc chúng liên tục được rửa sạch bởi máu, một dòng chảy không bao giờ ngừng, trôi qua và bao bọc chúng, mang đi các sản phẩm độc hại phát sinh từ công việc của chúng ngay khi chúng được hình thành. Máu tĩnh mạch có tính chất này là do các chất độc này, những chất sẽ được loại bỏ bởi thận, phổi, da và ruột. Thịt của một con vật chết chứa một lượng lớn các chất độc này, việc đào thải chúng chấm dứt ngay sau khi con vật chết, mặc dù sự hình thành của chúng vẫn tiếp tục một thời gian sau khi chết. Một bác sĩ phẫu thuật người Pháp nổi tiếng gần đây đã nhận xét rằng 'nước thịt bò là một dung dịch độc tố thực sự.' Các bác sĩ có trí tuệ khắp nơi đang bắt đầu nhận ra những sự thật này và áp dụng chúng vào thực tế."

Here again you see we have no lack of evidence; and many of the quotations with regard to the introduction of poisons into the system through flesh-food are not from the vegetarian doctors, but from those who still hold it right to eat sparingly of corpses, but yet have studied to some extent the science of the matter. It should be remembered that dead flesh can never be in [267] a condition of: perfect health, because decay commences at the moment when the creature is killed. All sorts of products are being formed in this process of retrograde change; all of these are useless, and many of them are positively dangerous and poisonous. In the ancient scriptures of the Hindus we find a very remarkable passage, which refers to the fact that even in India some of the lower castes had at that early period commenced to feed on flesh. The statement made is that in ancient times only three diseases existed, one of which was old age; but that now, since people had commenced to eat flesh, seventy-eight new diseases had arisen This shows us that the idea that disease might come from the devouring of corpses has been recognized for thousands of years.

Một lần nữa, bạn thấy rằng chúng ta không thiếu bằng chứng; và nhiều trích dẫn liên quan đến việc đưa các chất độc vào cơ thể thông qua thực phẩm từ thịt không chỉ đến từ các bác sĩ ăn chay, mà còn từ những người vẫn cho rằng ăn một ít xác chết là đúng, nhưng dù sao cũng đã nghiên cứu phần nào về khoa học này. Nên nhớ rằng xác chết không bao giờ có thể ở trong tình trạng sức khỏe hoàn hảo, vì sự phân hủy bắt đầu ngay khi sinh vật bị giết. Tất cả các loại sản phẩm đang được hình thành trong quá trình thay đổi lùi dần này; tất cả chúng đều vô ích, và nhiều trong số chúng thực sự nguy hiểm và độc hại. Trong các kinh điển cổ xưa của người Hindu, chúng ta tìm thấy một đoạn văn rất đáng chú ý, trong đó đề cập đến thực tế rằng ngay cả ở Ấn Độ, một số giai cấp thấp hơn đã bắt đầu ăn thịt trong thời kỳ sớm đó. Lời tuyên bố đưa ra là vào thời xưa chỉ có ba loại bệnh tồn tại, trong đó có một loại là bệnh tuổi già; nhưng kể từ khi con người bắt đầu ăn thịt, bảy mươi tám căn bệnh mới đã xuất hiện. Điều này cho chúng ta thấy rằng ý tưởng về việc bệnh tật có thể đến từ việc ăn xác chết đã được công nhận từ hàng ngàn năm trước.

3. MORE NATURAL TO MAN—TỰ NHIÊN HƠN VỚI BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Third: Because man is not naturally made to be carnivorous, and therefore this horrible food is not suited to him. Here again let me give you a few quotations to show you what authorities are ranged upon our side of this matter. Baron Cuvier himself writes “The natural food of man, judging from his structure, consists of fruit, roots and vegetables”; and Professor Ray tells us “Certainly man was never made to be a carnivorous animal.” Sir Richard Owen,

Thứ ba: Bởi vì con người không được tạo ra một cách tự nhiên để ăn thịt, và do đó, loại thức ăn khủng khiếp này không phù hợp với người đó. Ở đây, một lần nữa, tôi xin đưa ra một vài trích dẫn để cho các bạn thấy những chuyên gia nào ủng hộ quan điểm của chúng tôi về vấn đề này. Chính Baron Cuvier đã viết: “Xét theo cấu trúc của con người, thức ăn tự nhiên của con người bao gồm trái cây, rễ cây và rau củ”; và Giáo sư Ray nói với chúng ta rằng: “Chắc chắn con người không bao giờ được tạo ra để trở thành

F.R.C.S., Writes "Anthropoids and all the quadrumana derive their alimentation from fruits, grains, and other succulent vegetable substances, and the strict analogy which exists between the structures of these animals and that of man clearly demonstrates his frugivorous nature."

động vật ăn thịt." Ngài Richard Owen, F.R.C.S., viết: "Loài vượn người và tất cả các loài linh trưởng bốn tay lấy dinh dưỡng từ trái cây, ngũ cốc và các chất thực vật mọng nước khác, và sự tương đồng chặt chẽ tồn tại giữa cấu trúc của những loài động vật này và cấu trúc của con người chứng minh rõ ràng bản chất ăn quả của con người."

Another Fellow of the Royal Society, Professor William Lawrence, writes: The teeth of man have not the slightest resemblance of those of carnivorous animals, (Page 268) and whether we consider the teeth, the jaws, or the digestive organs, the human structure closely resembles that of the frugivorous animals."

Một thành viên khác của Hội Hoàng gia, Giáo sư William Lawrence, viết: "Răng của con người không hề giống với răng của động vật ăn thịt, (Trang 268) và cho dù chúng ta xem xét răng, hàm hay cơ quan tiêu hóa, cấu trúc của con người đều rất giống với cấu trúc của động vật ăn quả."

Once more Dr. Spencer Thompson remarks, "No physiologist would dispute that man ought to live on vegetarian diet"; and Dr. Sylvester Graham writes, "Comparative anatomy proves that man is naturally a frugivorous animal, formed to subsist upon fruits, seeds, and farinaceous vegetables."

Một lần nữa, Tiến sĩ Spencer Thompson nhận xét: "Không nhà sinh lý học nào tranh cãi rằng con người nên sống theo chế độ ăn chay"; và Tiến sĩ Sylvester Graham viết: "Giải phẫu học so sánh chứng minh rằng con người về bản chất là động vật ăn quả, được hình thành để sống bằng trái cây, hạt và rau củ giàu tinh bột."

The desirability of the vegetarian diet will of course need no argument for any who believes in the inspiration of the scriptures, for it will be remembered that God in speaking to Adam while in the garden of Eden, said: "Behold I have given you every herb bearing seed which is upon the face of all the earth, and every tree in which is the fruit of a tree yielding seed; to you it will be for meat." It was only after the fall of man, when death came into the world, that a more degraded idea of feeding came along with it; and if now we hope to rise again to Edenic conditions we must surely commence by abolishing unnecessary slaughter performed in order to supply us with horrible and degrading food.

Tất nhiên, sự mong muốn về chế độ ăn chay sẽ không cần tranh luận đối với bất kỳ ai tin vào cảm hứng của kinh sách, vì chúng ta sẽ nhớ rằng Đức Chúa Trời khi phán với Adam trong vườn Địa đàng đã nói: "Này, ta đã ban cho các ngươi mọi thứ cỏ kết hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi cây có trái kết hạt giống; chúng sẽ là thức ăn cho các ngươi." Chỉ sau sự sa ngã của con người, khi cái chết đến với thế giới, thì một ý tưởng thấp kém hơn về việc ăn uống mới xuất hiện cùng với nó; và nếu bây giờ chúng ta hy vọng vươn lên một lần nữa đến điều kiện của Địa đàng, chắc chắn chúng ta phải bắt đầu bằng cách bãi bỏ việc giết mổ không cần thiết được thực hiện để cung cấp cho chúng ta loại thức ăn khủng khiếp và hạ thấp.

4.Greater Strength—4. Sức mạnh lớn hơn

Fourth: Because men are stronger and better on a vegetarian diet. I know what people say "You will be so weak if you do not eat dead flesh.' As a matter of fact this is untrue. I do not know whether there may be any people who find themselves weaker on a diet of vegetables; but I do know this, that in many athletic contests recently the vegetarians have proved themselves the strongest and most enduring — as for example in the recent cycling races in Germany, where all those who took high places in the race were vegetarian. There have (Page 269) been many such trials, and they show that, other things being equal, the man who takes pure food succeeds better. We have to fact facts, and in this case the facts are all ranged on one side, as against foolish prejudices and loathsome lust on the other. The reason was plainly given recently by Dr. J.D. Craig, who writes, "Vigor of body is often boasted by flesh-eaters, particularly if they live mostly in the open air; but there is this peculiarity about them, that they have not the endurance of vegetarians. The reason for this is that flesh-meat is already on the downward path of retrograde change, and as a consequence its presence in the tissues is of short duration. The impetus given to it in the body of the animal from which it was taken is reinforced by another impulse in the second one, and for these reasons what energy it does contain is soon given out, and there are urgent demands for more to take its place. The flesh-eater, then, may do large amounts of work in a short time if well-fed. On the other hand, vegetable products are of slow digestion; they contain all of the original store of energy and no poisons; their retrograde change is less rapid than meat, having just commenced, and therefore their force is released more slowly with less loss, and the person nourished by

Thứ tư: Bởi vì con người khỏe mạnh và tốt hơn khi ăn chay. Tôi biết người ta nói gì: "Bạn sẽ rất yếu nếu bạn không ăn thịt chết." Thực tế thì điều này không đúng. Tôi không biết liệu có ai cảm thấy mình yếu hơn khi ăn chay hay không; nhưng tôi biết điều này, rằng trong nhiều cuộc thi đấu thể thao gần đây, những người ăn chay đã chứng tỏ mình là người khỏe nhất và bền bỉ nhất — ví dụ như trong các cuộc đua xe đạp gần đây ở Đức, nơi tất cả những người đạt thứ hạng cao trong cuộc đua đều là người ăn chay. Đã có (Trang 269) nhiều thử nghiệm như vậy, và chúng cho thấy rằng, nếu các yếu tố khác ngang bằng, người ăn thức ăn thuần khiết sẽ thành công hơn. Chúng ta phải đối mặt với sự thật, và trong trường hợp này, tất cả các sự thật đều đứng về một phía, trái ngược với những định kiến ngu ngốc và dục vọng kinh tởm ở phía bên kia. Lý do gần đây đã được Tiến sĩ J.D. Craig đưa ra một cách rõ ràng, Ông viết: "Sức sống của cơ thể thường được những người ăn thịt khoe khoang, đặc biệt nếu họ sống chủ yếu ngoài trời; nhưng có một điểm đặc biệt ở họ, đó là họ không có sức bền của người ăn chay. Lý do cho điều này là thịt đã ở trên con đường đi xuống của sự thay đổi thụt lùi, và kết quả là sự hiện diện của nó trong các mô chỉ tồn tại trong thời gian ngắn. Động lực được tạo ra cho nó trong cơ thể động vật mà nó được lấy ra được củng cố bởi một xung lực khác trong cơ thể thứ hai, và vì những lý do này, năng lượng mà nó chứa đựng sẽ sớm được giải phóng, và có những nhu cầu cấp thiết để có thêm năng lượng thay thế vị trí của nó. Do đó, nếu được cho ăn uống đầy đủ, người ăn thịt có thể làm một lượng lớn công việc trong một thời gian ngắn. Mặt khác, các sản phẩm thực vật tiêu hóa chậm; chúng chứa tất cả năng lượng dự trữ ban đầu và không có chất độc; sự thay đổi thụt lùi của chúng diễn ra chậm hơn thịt, vì mới bắt đầu, và do đó, lực của chúng

them can work for a long time without food if necessary, and without discomfort. The people in Europe who abstain from flesh are of the better and more intelligent class, and the subject of endurance has been approached and thoroughly investigated by them. In Germany and England a number of notable athletic contests that required endurance have been made between flesh-eaters and vegetarians, with the result that the vegetarians have invariably come off victorious." (Page 270)

được giải phóng chậm hơn với ít tổn thất hơn, và người được nuôi dưỡng bởi chúng có thể làm việc trong một thời gian dài mà không cần thức ăn nếu cần thiết, và không cảm thấy khó chịu. Những người ở châu Âu kiêng thịt thuộc tầng lớp tốt hơn và thông minh hơn, và chủ đề về sức bền đã được họ tiếp cận và nghiên cứu kỹ lưỡng. Ở Đức và Anh, một số cuộc thi đấu thể thao đáng chú ý đòi hỏi sức bền đã được thực hiện giữa những người ăn thịt và người ăn chay, với kết quả là người ăn chay luôn giành chiến thắng." (Trang 270)

We shall find, if we investigate, that this fact has been known for a long time, for even in ancient history we find traces of it. It will be recollected that of all the tribes of Greeks the strongest and the most enduring, by universal admission and reputation, were the Spartans; and the simplicity of their vegetable diet is a matter of common knowledge. Think too of the Greek athletes — those who prepared themselves with such care for participation in the Olympian and Isthmian games. If you will read the classics you will find that these men, who in their own line surpassed all the rest of the world, lived upon figs, nuts, cheese, and maize. Then there were the Roman gladiators —men on whose strength depended their life and fame; and yet we find that their diet consisted exclusively of barley cakes and oil; they knew well that this was the more strengthening food.

Nếu chúng ta điều tra, chúng ta sẽ thấy rằng sự thật này đã được biết đến từ lâu, vì ngay cả trong lịch sử cổ đại, chúng ta cũng tìm thấy dấu vết của nó. Chúng ta sẽ nhớ rằng trong tất cả các bộ tộc Hy Lạp, những người khỏe nhất và bền bỉ nhất, được mọi người thừa nhận và danh tiếng, là người Sparta; và chế độ ăn chay đơn giản của họ là điều ai cũng biết. Hãy nghĩ đến các vận động viên Hy Lạp — những người đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng để tham gia các trò chơi Olympic và Isthmian. Nếu các bạn đọc các tác phẩm kinh điển, các bạn sẽ thấy rằng những người này, những người trong lĩnh vực của họ đã vượt qua tất cả những người còn lại trên thế giới, sống bằng quả sung, quả hạch, pho mát và ngô. Rồi đến các đấu sĩ La Mã — những người mà sức mạnh của họ phụ thuộc vào mạng sống và danh tiếng của họ; vậy mà chúng ta thấy rằng chế độ ăn uống của họ chỉ bao gồm bánh lúa mạch và dầu; họ biết rõ rằng đây là loại thức ăn tăng cường sức khỏe hơn.

All these examples show us that the common and persistent fallacy that one must eat flesh in order to be strong has no foundation in fact; indeed, the exact contrary is true. Charles Darwin remarked in one of his letters "The most extraordinary workers I ever saws, the labourers in the mines of Chile, live exclusively on vegetable food, including many seeds of leguminous plants." Of the same

Tất cả những ví dụ này cho chúng ta thấy rằng quan niệm sai lầm phổ biến và dai dẳng rằng người ta phải ăn thịt để khỏe mạnh là không có cơ sở thực tế; thực sự, điều ngược lại mới đúng. Charles Darwin đã nhận xét trong một bức thư của mình: "Những người lao động phi thường nhất mà tôi từng thấy, những người lao động trong các mỏ ở Chile, sống hoàn toàn bằng thực phẩm thực vật, bao gồm nhiều loại hạt

miners Sir Francis Head writes, “It is usual for the copper miners of Central Chile to carry loads of ore of two hundred pounds weight up eighty perpendicular yards twelve times a day; and their diet is entirely vegetarian — a breakfast of figs and small loaves of bread, a dinner of boiled beans, and a supper of roasted wheat.

của cây họ đậu.” Về những người thợ mỏ tương tự, Ngài Francis Head viết: “Thông thường, những người thợ mỏ đồng ở miền Trung Chile mang vác những khối quặng nặng hai trăm pound lên độ cao tám mươi thước vuông góc mười hai lần một ngày; và chế độ ăn uống của họ hoàn toàn là chay — bữa sáng gồm quả sung và ổ bánh mì nhỏ, bữa trưa gồm đậu luộc và bữa tối gồm lúa mì rang.

Mr. F.T. Wood in his Discoveries at Ephesus writes, “The Turkish porters in Smyrna often carry from four hundred to six hundred pounds in weight on their backs, and the captain one day pointed out to me one of his men who had carried an enormous bale of merchandise weighing (Page 271) eight hundred pounds up an incline into an upper warehouse; so that with this frugal diet their strength was unusually great.

Ông F.T. Wood trong cuốn Khám phá ở Ephesus của mình viết: “Những người khuân vác Thổ Nhĩ Kỳ ở Smyrna thường mang trên lưng trọng lượng từ bốn trăm đến sáu trăm pound, và một ngày nọ, thuyền trưởng đã chỉ cho tôi một trong những người của Ông ấy, người đã mang một kiện hàng hóa khổng lồ nặng (Trang 271) tám trăm pound lên một con dốc vào một nhà kho phía trên; do đó, với chế độ ăn uống thanh đạm này, sức mạnh của họ là cực kỳ lớn.”

Of these same Turks Sir William Fairburn has said: “The Turk can live and fight where soldiers of any other nationality would starve. His simple habits, his abstinence from intoxicating liquors, and his normal vegetarian diet, enable him to suffer the greatest hardships and to exist on the scantiest and simplest of foods.”

Về những người Thổ Nhĩ Kỳ này, Ngài William Fairburn đã nói: “Người Thổ Nhĩ Kỳ có thể sống và chiến đấu ở những nơi mà binh lính của bất kỳ quốc tịch nào khác sẽ chết đói. Thói quen đơn giản của anh ta, việc kiêng đồ uống có cồn và chế độ ăn chay bình thường của anh ta, cho phép anh ta chịu đựng những khó khăn lớn nhất và tồn tại bằng những loại thực phẩm ít ỏi và đơn giản nhất.”

I myself can bear witness to the enormous strength displayed by the vegetarian Tamil coolies of the South of India, for I have frequently seen them carry loads which astonished me. I remember in one case standing upon the deck of a steamer, and watching one of these coolies take a huge case upon his back and walk slowly but steadily down a plank to the shore with it and deposit it in a shed. The captain standing by me remarked with surprise, “Why, it took four English labourers to get that case on board in

Bản thân tôi có thể làm chứng cho sức mạnh to lớn được thể hiện bởi những người Tamil ăn chay ở miền Nam Ấn Độ, vì tôi thường xuyên thấy họ mang vác những vật nặng khiến tôi kinh ngạc. Tôi nhớ trong một trường hợp, tôi đang đứng trên boong tàu, và nhìn một trong những người khuân vác này vác một chiếc thùng lớn trên lưng và từ từ nhưng đều đặn đi xuống một tấm ván đến bờ biển với nó và đặt nó vào một nhà kho. Vị thuyền trưởng đứng cạnh tôi nhận xét với vẻ ngạc nhiên: “Ồ, phải mất bốn người lao động Anh mới đưa được

the docks at London!" I have also seen another of these coolies, after having had a grand piano put on his back, carry it unaided for a considerable distance; yet these men are entirely vegetarian, for the live chiefly upon rice and water, with perhaps occasionally a little tamarind for flavouring.

chiếc thùng đó lên tàu ở bến tàu London!" Tôi cũng đã thấy một người khuân vác khác, sau khi đặt một cây đàn piano lớn lên lưng, mang nó đi một quãng đường khá xa mà không cần sự trợ giúp; vậy mà những người này hoàn toàn ăn chay, vì họ sống chủ yếu bằng cơm và nước lã, có lẽ thỉnh thoảng có thêm một chút me để tạo hương vị.

On the same subject Dr. Alexander Haig, whom we have already quoted, writes: "The effect of getting free from uric acid has been to make my bodily powers quite as great as they were fifteen years ago; I scarcely believe that even fifteen years ago I could have undertaken the exercise in which I now indulge with absolute impunity — with freedom from fatigue and distress at the time and from stiffness the next day. Indeed I often say that it is impossible now to tire me, and relatively I believe this is true." This distinguished physician became a vegetarian (Page 272) because from his study of the diseases caused by the presence of uric acid in the system, he discovered that flesh-eating was the chief source of this deadly poison. Another interesting point which he mentions is that his change of diet brought about in him a distinct change of disposition — that whereas before he found himself constantly nervous and irritable, but now became much steadier and calmer and less angry; he fully realizes that this is due to the change in his food.

Về cùng một chủ đề, Tiến sĩ Alexander Haig, người mà chúng ta đã trích dẫn, viết: "Tác dụng của việc thoát khỏi axit uric là làm cho sức mạnh cơ thể của tôi trở nên tuyệt vời như mười lăm năm trước; Tôi hầu như không tin rằng ngay cả mười lăm năm trước tôi có thể thực hiện các bài tập mà bây giờ tôi đang tập mà hoàn toàn không bị ảnh hưởng — không bị mệt mỏi và đau khổ vào thời điểm đó và không bị cứng người vào ngày hôm sau. Thật vậy, tôi thường nói rằng bây giờ không thể làm tôi mệt mỏi, và tương đối mà nói, tôi tin rằng điều này là đúng." Vị bác sĩ lỗi lạc này đã trở thành người ăn chay (Trang 272) bởi vì từ nghiên cứu của Ông về các bệnh do sự hiện diện của axit uric trong cơ thể, Ông phát hiện ra rằng ăn thịt là nguồn chính của chất độc chết người này. Một điểm thú vị khác mà Ông đề cập là việc thay đổi chế độ ăn uống đã mang lại cho Ông một sự thay đổi rõ rệt về tính tình — rằng trước đây Ông thấy mình luôn lo lắng và cáu kỉnh, nhưng bây giờ trở nên ổn định và bình tĩnh hơn và ít tức giận hơn; Ông hoàn toàn nhận ra rằng điều này là do sự thay đổi trong thức ăn của mình.

If we require any further evidence, we have it close to our hand in the animal kingdom. We shall observe that there the carnivora are not the strongest, but that all the work of the world is done by the herbivora — by horses, mules, oxen, elephants, and camels. We do not find that men can utilize the lion or the tiger, or that the strength of these savage flesh-eaters is at all equal to that of those who

Nếu chúng ta yêu cầu thêm bất kỳ bằng chứng nào, chúng ta có thể tìm thấy nó ngay trong tầm tay của mình trong thế giới động vật. Chúng ta sẽ quan sát thấy rằng ở đó, động vật ăn thịt không phải là mạnh nhất, mà tất cả công việc của thế giới đều do động vật ăn cỏ thực hiện — bởi ngựa, la, bò, voi và lạc đà. Chúng ta không thấy rằng con người có thể sử dụng sư tử hoặc hổ, hoặc sức mạnh của những

assimilate directly from the vegetable kingdom.

kẻ ăn thịt hung dữ này hoàn toàn không bằng sức mạnh của những người đồng hóa trực tiếp từ giới thực vật.

5. Less Animal Passion—5. Ít dục vọng động vật hơn

Fifth: Because the eating of dead bodies leads to indulgence in drink and increases animal passions in man. Mr. H.B Fowler, who has studied and lectured on dipsomania for forty years, declares that the use of flesh foods, by the excitation which it exercises on the nervous system, prepares the way for habits of intemperance in everything; and the more flesh is consumed, the more serious is the danger of confirmed alcoholism. Many experienced physicians have made similar experiments and wisely act on them in their treatment of dipsomaniacs. The lower part of man's nature is undoubtedly intensified by the habit of feeding upon corpses. Even after eating a full meal of such horrible material a man still feels dissatisfied, for he is still conscious of (Page 273) a vague uncomfortable sense of want, and consequently he suffers greatly from nervous strain. This craving is the hunger of the bodily tissues, which cannot be renewed by the poor stuff offered to them as food. To satisfy this vague craving, or rather to appease these restless nerves so that it will no longer be felt, recourse is often had to stimulants. Sometimes alcoholic beverages are taken, sometimes an attempt is made to allay these feelings with black coffee, and at other times strong tobacco is used in the endeavour to soothe the irritated, exhausted nerves. Here we have the beginning of intemperance, for in the majority of cases intemperance began in the attempt to allay with alcoholic stimulants the vague uncomfortable sense of want which

Thứ năm: Bởi vì việc ăn xác chết dẫn đến việc ham mê rượu chè và làm tăng dục vọng động vật ở con người. Ông H.B Fowler, người đã nghiên cứu và giảng dạy về chứng nghiện rượu trong bốn mươi năm, tuyên bố rằng việc sử dụng thực phẩm từ thịt, do sự kích thích mà nó tác động lên hệ thần kinh, sẽ mở đường cho thói quen không điều độ trong mọi việc; và càng tiêu thụ nhiều thịt thì nguy cơ nghiện rượu kinh niên càng nghiêm trọng. Nhiều bác sĩ giàu kinh nghiệm đã thực hiện các thí nghiệm tương tự và hành động một cách khôn ngoan dựa trên chúng trong việc điều trị những người nghiện rượu. Phần thấp kém trong bản chất của con người chắc chắn sẽ gia tăng do thói quen ăn xác chết. Ngay cả sau khi ăn một bữa đầy đủ những thứ khủng khiếp như vậy, con người vẫn cảm thấy không hài lòng, vì người đó vẫn nhận thức được (Trang 273) một cảm giác mơ hồ khó chịu về sự thiếu thốn, và do đó, người đó phải chịu đựng rất nhiều căng thẳng thần kinh. Cơn thèm ăn này là cơn đói của các mô cơ thể, thứ không thể được đổi mới bởi những thứ kém chất lượng được cung cấp cho chúng làm thức ăn. Để thỏa mãn cơn thèm ăn mơ hồ này, hay đúng hơn là để xoa dịu những dây thần kinh bồn chồn này để không còn cảm thấy nó nữa, người ta thường viện đến các chất kích thích. Đôi khi đồ uống có cồn được sử dụng, đôi khi người ta cố gắng xoa dịu những cảm giác này bằng cà phê đen, và những lúc khác thuốc lá mạnh được sử dụng để cố gắng làm dịu các dây thần kinh bị kích thích, kiệt quệ. Đây là khởi đầu của sự không điều độ, vì trong phần lớn các trường

follows the eating of impoverished food — food that does not feed. There is no doubt that drunkenness and all the poverty, wretchedness, disease and crime associated with it may frequently be traced to errors of feeling. We might follow out this line of thought indefinitely. We might speak of the irritability, occasionally culminating in insanity, which is now acknowledged by all authorities to be a frequent result of erroneous feeding. We might mention a hundred familiar symptoms of indigestion, and explain that indigestion is always the result of incorrect feeding. Surely, however, enough has been said to indicate the importance and far-reaching influence of a pure diet upon the welfare of the individual and of the race.

hợp, sự không điều độ bắt đầu bằng việc cố gắng xoa dịu bằng các chất kích thích có cồn cảm giác mơ hồ khó chịu về sự thiếu thốn sau khi ăn thức ăn nghèo nàn — thức ăn không nuôi dưỡng. Không còn nghi ngờ gì nữa, nạn say rượu và tất cả sự nghèo đói, khốn khổ, bệnh tật và tội ác liên quan đến nó thường có thể bắt nguồn từ những sai lầm trong cảm xúc. Chúng ta có thể theo đuổi dòng suy nghĩ này vô thời hạn. Chúng ta có thể nói về sự cáu kỉnh, đôi khi lên đến đỉnh điểm là chứng mất trí, mà bây giờ tất cả các chuyên gia đều thừa nhận là kết quả thường xuyên của việc ăn uống sai lầm. Chúng ta có thể kể ra hàng trăm triệu chứng khó tiêu quen thuộc và giải thích rằng chứng khó tiêu luôn là kết quả của việc ăn uống không đúng cách. Tuy nhiên, chắc chắn rằng, những điều đã nói là đủ để chỉ ra tầm quan trọng và ảnh hưởng sâu rộng của một chế độ ăn uống thuần khiết đối với phúc lợi của cá nhân và của loài người.

Mr. Bramwell Booth, the chief of the Salvation Army, has issued a pronunciamento upon this subject of vegetarianism, in which he speaks strongly and decidedly in its favour, giving a list of not less than nineteen good reasons why men should abstain from the eating of flesh. He insists that a vegetarian diet is necessary to purity, to chastity and to the perfect control of the appetites and (Page 274) passions which are so often the source of great temptation. He remarks that the growth of meat-eating among the people is one of the causes of the increase of drunkenness, and that it also favours indolence, sleepiness, want of energy, indigestion, constipation and other like miseries and degradations. He also states that eczema, piles, worms, dysentery, and severe headaches are frequently brought on by flesh diet, and that he believes the great increase in consumption and cancer during the last hundred years to have been caused by the

Ông Bramwell Booth, người đứng đầu Đội quân Cứu tế, đã đưa ra một tuyên bố về chủ đề ăn chay này, trong đó Ông lên tiếng mạnh mẽ và dứt khoát ủng hộ nó, đưa ra một danh sách không dưới mười chín lý do chính đáng tại sao con người nên kiêng ăn thịt. Ông nhấn mạnh rằng chế độ ăn chay là cần thiết cho sự thuần khiết, cho sự trong trắng và để kiểm soát hoàn toàn sự thèm ăn và (Trang 274) dục vọng, những thứ thường là nguồn gốc của cám dỗ lớn. Ông nhận xét rằng sự gia tăng việc ăn thịt trong quần chúng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng nạn say rượu, và nó cũng góp phần gây ra sự lười biếng, buồn ngủ, thiếu năng lượng, khó tiêu, táo bón và các loại đau khổ và suy thoái khác. Ông cũng nói rằng bệnh chàm, bệnh trĩ, giun sán, kiết lỵ và đau đầu dữ dội thường do chế độ ăn thịt gây ra, và Ông tin rằng sự gia tăng đáng kể bệnh lao phổi và ung thư trong một trăm năm qua là do sự gia tăng tương ứng trong việc sử dụng thức ăn động vật.

corresponding increase in the use of animal food.

6. Economy—6. Tiết kiệm

Sixth: Because the vegetable diet is in every way cheaper as well as better than flesh. In the encyclical just mentioned Mr. Booth gives as one of his reasons for advocating it that "a vegetarian diet of wheat, oats, maize, and other grains, lentils, peas, beans, nuts and similar food is more than ten times as economical as flesh diet. Meat contains half its weight in water, which has to be paid for as though it were meat. A vegetable diet, even if we allow cheese, butter and milk, will cost only about a quarter as much as a mixed diet of flesh and vegetables. Tens of thousands of our poor people, who have now the greatest difficulty to make ends meet after buying flesh-food, would by the substitution of fruit and vegetables and other economical foods, be able to get along in comfort."

Thứ sáu: Bởi vì chế độ ăn chay về mọi mặt đều rẻ hơn cũng như tốt hơn thịt. Trong thông điệp vừa đề cập, Ông Booth đưa ra một trong những lý do ủng hộ nó là "chế độ ăn chay gồm lúa mì, yến mạch, ngô và các loại ngũ cốc khác, đậu lăng, đậu Hà Lan, đậu, các loại hạt và thực phẩm tương tự tiết kiệm hơn mười lần so với chế độ ăn thịt. Thịt chứa một nửa trọng lượng là nước, thứ mà người ta phải trả tiền như thể nó là thịt. Một chế độ ăn chay, ngay cả khi chúng ta cho phép pho mát, bơ và sữa, sẽ chỉ tốn khoảng một phần tư so với chế độ ăn hỗn hợp thịt và rau. Hàng chục nghìn người nghèo của chúng ta, những người hiện đang gặp khó khăn lớn nhất để kiếm sống sau khi mua thực phẩm từ thịt, bằng cách thay thế bằng trái cây và rau củ và các loại thực phẩm tiết kiệm khác, sẽ có thể sống thoải mái."

There is also an economic side of this question which must not be ignored. Note how many more men could be supported by a certain number of acres of land which were devoted to the growing of wheat, than by the same amount of land which was laid out in pasture. Think, too, for how many more men healthy work upon the (Page 275) land would be found in the former case than in the latter; and I think you will begin to see that there is a great deal to be said from this point of view also.

Cũng có một khía cạnh kinh tế của câu hỏi này mà chúng ta không được bỏ qua. Hãy lưu ý có bao nhiêu người có thể được nuôi sống bởi một số lượng mẫu đất nhất định dành cho việc trồng lúa mì, so với cùng một lượng đất được sử dụng để làm đồng cỏ. Cũng hãy nghĩ xem, trong trường hợp trước sẽ có bao nhiêu người làm việc khỏe mạnh trên (Trang 275) đất hơn so với trường hợp sau; và tôi nghĩ các bạn sẽ bắt đầu thấy rằng có rất nhiều điều để nói từ quan điểm này.

The Sin of Slaughter—Tội lỗi của việc giết mổ

Hitherto we have been speaking of what we have called the physical and selfish considerations which should make a man give up the eating of this dead flesh and turn him, even though only for his own sake, to the purer diet. Let us now think for a few moments of the moral and unselfish considerations connected with his duty towards others. The first of these — and this does seem to me a most terrible thing — is the awful sin of unnecessarily murdering these animals. Those who live in Chicago know well how this ghastly ceaseless slaughter goes on in their midst, how they feed the greater part of the world by wholesale butchery, and how the money made in this abominable business is stained with blood, every coin of it. I have shown clearly upon irreproachable testimony that all this is unnecessary. The destruction of life is always a crime. There may be certain cases in which it is the lesser of two evils; but here it is needless and without a shadow of justification, for it happens only because of the selfish unscrupulous greed of those who coin money out of the agonies of the animal kingdom in order to pander to the perverted tastes of those who are sufficiently depraved to desire such loathsome aliment.

Cho đến nay, chúng ta đã nói về những gì chúng ta gọi là những cân nhắc về thể chất và ích kỷ, những điều nên khiến một người từ bỏ việc ăn thịt chết này và hướng người đó, dù chỉ vì lợi ích của bản thân, đến chế độ ăn uống thuần khiết hơn. Bây giờ, chúng ta hãy dành một vài phút để suy nghĩ về những cân nhắc về mặt đạo đức và vị tha liên quan đến bổn phận của người đó đối với những người khác. Điều đầu tiên trong số này — và đối với tôi, điều này dường như là một điều rất khủng khiếp — là tội lỗi khủng khiếp của việc giết hại những loài động vật này một cách không cần thiết. Những người sống ở Chicago biết rõ sự giết chóc khủng khiếp không ngừng này diễn ra như thế nào giữa họ, họ nuôi sống phần lớn thế giới bằng cách giết mổ hàng loạt như thế nào, và số tiền kiếm được trong công việc kinh khủng này nhuốm máu như thế nào, từng đồng xu một. Tôi đã chỉ ra rõ ràng bằng những lời chứng không thể chối cãi rằng tất cả những điều này là không cần thiết. Việc hủy hoại sự sống luôn là một tội ác. Có thể có một số trường hợp nhất định trong đó nó là điều ác nhỏ hơn trong hai điều ác; nhưng ở đây, nó là không cần thiết và không có một chút biện minh nào, vì nó chỉ xảy ra do lòng tham ích kỷ, vô đạo đức của những kẻ kiếm tiền từ nỗi thống khổ của thế giới động vật để phục vụ cho thị hiếu lệch lạc của những kẻ đủ suy đồi để mong muốn loại thức ăn kinh tởm như vậy.

Remember that it is not only those who do the obscene work, but those who by feeding upon this dead flesh encourage them and make their crime remunerative, who are guilty before God of this awful thing . Every person who partakes of this unclean food has his share in the indescribable guilt and suffering by which it has been (Page 276) obtained. It is universally recognized in law that qui facit per alium facit per se — whatsoever a man does through another, he does himself. A man will often say “But it would make no difference, for

Hãy nhớ rằng không chỉ những người làm công việc dơ bẩn đó, mà cả những người bằng cách ăn thịt chết này khuyến khích họ và làm cho tội ác của họ có lợi, đều phạm tội trước Đức Chúa Trời về điều khủng khiếp này. Mỗi người ăn loại thức ăn ô uế này đều có phần trong tội lỗi và đau khổ không thể diễn tả được mà nó đã được (Trang 276) lấy ra. Luật pháp công nhận một cách phổ quát rằng qui facit per alium facit per se — bất cứ điều gì một người làm thông qua người khác, người đó đều tự làm. Một người thường sẽ nói: “Nhưng điều đó sẽ

although you may consume only a pound or two each day, that would in time amount to the weight of an animal. Secondly, it is not a question of amount, but of complicity in a crime; and if you partake of the results of the crime, you are helping to make it remunerative, and so you share in the guilt. No honest man can fail to see that this is so. But when men's lower lusts are concerned they are usually dishonest in their view, and decline to face the plain facts. There surely can be no difference of opinion as to the proposition that all this horrible unnecessary slaughter is indeed a terrible crime.

không tạo ra sự khác biệt nào, vì mặc dù bạn chỉ có thể tiêu thụ một hoặc hai pound mỗi ngày, nhưng theo thời gian, điều đó sẽ bằng trọng lượng của một con vật. Thứ hai, đó không phải là vấn đề về số lượng, mà là sự đồng lõa trong một tội ác; và nếu bạn dự phần vào kết quả của tội ác, bạn đang giúp làm cho nó có lợi, và vì vậy bạn chia sẻ tội lỗi. Không người trung thực nào có thể không thấy rằng điều này là như vậy. Nhưng khi dục vọng thấp kém của con người có liên quan, họ thường không trung thực trong quan điểm của mình và từ chối đối mặt với sự thật rõ ràng. Chắc chắn không thể có sự khác biệt nào về ý kiến liên quan đến mệnh đề rằng tất cả sự giết chóc khủng khiếp không cần thiết này thực sự là một tội ác khủng khiếp.

Another point to be remembered is that there is dreadful cruelty connected with the transport of these miserable animals, both by land and sea, and there is often dreadful cruelty in the slaughtering itself. Those who seek to justify these loathsome crimes will tell you that an endeavour is made to murder the animals as rapidly and painlessly as possible; but you have only to read the reports to see that in many cases these intentions are not carried out, and appalling suffering ensues.

Một điểm khác cần nhớ là có sự tàn ác khủng khiếp liên quan đến việc vận chuyển những loài động vật khốn khổ này, cả trên bộ và trên biển, và thường có sự tàn ác khủng khiếp trong chính việc giết mổ. Những người tìm cách biện minh cho những tội ác kinh tởm này sẽ nói với các bạn rằng người ta đang cố gắng giết những con vật càng nhanh chóng và không đau đớn càng tốt; nhưng các bạn chỉ cần đọc các báo cáo để thấy rằng trong nhiều trường hợp, những ý định này không được thực hiện, và hậu quả là sự đau khổ khủng khiếp.

The Degradation of the Slaughterman—Sự suy đồi của người giết mổ

Yet another point to be considered is the wickedness of causing degradation and sin in other men. If you yourselves had to use the knife of the pole axe, and slaughter the animal before you could feed on its flesh, you would realize the sickening nature of the task and would soon refuse to perform it. Would the delicate ladies (Page 277) who devour

Tuy nhiên, một điểm khác cần xem xét là sự độc ác của việc gây ra sự suy đồi và tội lỗi ở những người khác. Nếu chính các bạn phải sử dụng con dao rìu và giết con vật trước khi có thể ăn thịt nó, các bạn sẽ nhận ra bản chất kinh tởm của nhiệm vụ đó và sẽ sớm từ chối thực hiện nó. Liệu những quý bà (Trang 277) yếu đuối, những người ngấu nghiến những miếng

sanguinary beefsteaks like to see their sons working as slaughtermen? If not, then they have no right to put this task upon some other woman's son. We have no right to impose upon a fellow-citizen work which we ourselves should decline to do. It may be said that we force no one to undertake this abominable means of livelihood; but that is a mere tergiversation, for in eating this horrible food we are making a demand that some one shall brutalize himself, that some one shall degrade himself below the level of humanity. You know that a class of men has been created by the demand for this food — a class of men which has an exceedingly bad reputation. Naturally those who are brutalized by such unclean work as this prove themselves brutal in other relations as well. They are savage in their disposition and bloodthirsty in their quarrels; and I have heard it stated that in many a murder case evidence has been found that the criminal employed the peculiar twist of the knife which is characteristic of the slaughterman. You must surely recognize that here is an unspeakably horrible work, and that if you take any part in this terrible business — even that of helping to support it — you are putting another man in the position of doing (not the least for your need, but merely for the gratification of your lusts and passions) work that you would under no circumstances consent to do for yourself.

bít tết đẫm máu có muốn thấy con trai mình làm nghề giết mổ không? Nếu không, thì họ không có quyền giao nhiệm vụ này cho con trai của người phụ nữ khác. Chúng ta không có quyền áp đặt lên một người đồng bào công việc mà bản thân chúng ta sẽ từ chối làm. Có thể nói rằng chúng ta không ép buộc ai phải làm kế sinh nhai kinh khủng này; nhưng đó chỉ là một sự lảng tránh, vì khi ăn loại thức ăn khủng khiếp này, chúng ta đang yêu cầu ai đó phải tự tàn bạo hóa bản thân, ai đó phải tự hạ thấp mình xuống dưới mức độ nhân văn. Các bạn biết rằng một tầng lớp người đã được tạo ra bởi nhu cầu về loại thực phẩm này — một tầng lớp người có tiếng xấu cực kỳ tồi tệ. Đương nhiên, những người bị tàn bạo hóa bởi công việc ô uế như thế này sẽ chứng tỏ mình tàn bạo trong các mối quan hệ khác. Họ hung dữ trong tính cách và khát máu trong các cuộc cãi vã của họ; và tôi đã nghe nói rằng trong nhiều vụ án mạng, người ta đã tìm thấy bằng chứng cho thấy tên tội phạm đã sử dụng cách vặn dao đặc trưng của người giết mổ. Chắc chắn các bạn phải nhận ra rằng đây là một công việc khủng khiếp không thể diễn tả được, và nếu các bạn tham gia vào công việc kinh khủng này — ngay cả việc giúp đỡ hỗ trợ nó — thì các bạn đang đặt một người khác vào vị trí phải làm (không phải vì nhu cầu của các bạn, mà chỉ vì sự thỏa mãn dục vọng và đam mê của các bạn) công việc mà các bạn sẽ không bao giờ đồng ý làm cho bản thân mình trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Then we should surely remember that we are all of us hoping for the time of universal peace and kindness — a golden age when war shall be no more, a time when man shall be so far removed from strife and anger that the whole conditions of the world will be different from those which now prevail. Do you not think that the animal kingdom also will have its share in that good time coming — that this horrible nightmare of

Sau đó, chắc chắn chúng ta nên nhớ rằng tất cả chúng ta đều hy vọng vào thời điểm hòa bình và nhân ái phổ quát — một thời đại hoàng kim khi chiến tranh sẽ không còn nữa, một thời điểm khi con người sẽ tránh xa xung đột và giận dữ đến mức toàn bộ điều kiện của thế giới sẽ khác với những điều kiện hiện đang thịnh hành. Các bạn không nghĩ rằng thế giới động vật cũng sẽ có phần trong thời điểm tốt đẹp sắp tới đó sao — rằng cơn ác mộng khủng

wholesale (Page 278) slaughter will be removed from it? The really civilized nations of the world know far better than this; it is only that we of the West are as yet a young race, and still have many of the crudities of youth; otherwise we could not bear these things amongst us even for a day. Beyond all question the future is with the vegetarian. It seems certain that in the future — and I hope it may be in the near future — we shall be looking back upon this time with disgust and with horror. In spite of all its wonderful discoveries, in spite of its marvellous machinery, in spite of enormous fortunes which have been made in it, I am certain that our descendants will look back upon this age as one of only partial civilization, and in fact but little removed from savagery. One of the arguments by which they will prove this will assuredly be that we allowed among us this wholesale unnecessary slaughter of innocent animals — that we actually fattened on it and made money out of it, and that we even created a class of beings who did this dirty work for us, and that we were not ashamed to profit by the result of their degradation.

khiếp về việc giết chóc hàng loạt (Trang 278) này sẽ được loại bỏ khỏi nó sao? Các quốc gia thực sự văn minh trên thế giới biết rõ hơn điều này nhiều; chỉ là chúng ta ở phương Tây vẫn còn là một chủng tộc trẻ, và vẫn còn nhiều sự thô sơ của tuổi trẻ; nếu không, chúng ta sẽ không thể chịu đựng những điều này giữa chúng ta dù chỉ một ngày. Không còn nghi ngờ gì nữa, tương lai thuộc về người ăn chay. Có vẻ như chắc chắn rằng trong tương lai — và tôi hy vọng đó có thể là trong tương lai gần — chúng ta sẽ nhìn lại thời điểm này với sự ghê tởm và kinh hoàng. Bất chấp tất cả những khám phá tuyệt vời của nó, bất chấp những cỗ máy kỳ diệu của nó, bất chấp những vận may to lớn đã được tạo ra trong nó, tôi chắc chắn rằng con cháu của chúng ta sẽ nhìn lại thời đại này như một thời đại chỉ có nền văn minh một phần, và trên thực tế, không khác gì thời man rợ. Một trong những lập luận mà họ sẽ chứng minh điều này chắc chắn là chúng ta đã cho phép giữa chúng ta sự giết chóc hàng loạt không cần thiết này đối với những loài động vật vô tội — rằng chúng ta thực sự đã vỗ béo nó và kiếm tiền từ nó, và rằng chúng ta thậm chí đã tạo ra một tầng lớp sinh vật làm công việc bẩn thỉu này cho chúng ta, và rằng chúng ta không xấu hổ khi hưởng lợi từ kết quả của sự suy đồi của họ.

All of these are considerations referring only to the physical plane. Now let me tell you something of the occult side of this. Up to the present I have made to you many statements —strong and definite, I hope — but every one of them statements which you can prove for yourself. You can read the testimony of well-known doctors and scientific men; you may test for yourselves the economic side of the question; you may go and see, if you will, how all these different types of men contrive to live so well upon vegetarian diet. All that I have said hitherto is thus within your reach. But now I am abandoning the field of ordinary

Tất cả những điều này là những cân nhắc chỉ đề cập đến cõi trần. Bây giờ, hãy để tôi nói cho các bạn biết một chút về khía cạnh huyền bí của điều này. Cho đến nay, tôi đã đưa ra cho các bạn nhiều tuyên bố — mạnh mẽ và dứt khoát, tôi hy vọng — nhưng mỗi tuyên bố trong số đó là những tuyên bố mà các bạn có thể tự chứng minh. Các bạn có thể đọc lời khai của các bác sĩ và nhà khoa học nổi tiếng; các bạn có thể tự kiểm tra khía cạnh kinh tế của vấn đề; các bạn có thể đi và xem, nếu muốn, tất cả những kiểu người khác nhau này xoay sở để sống tốt như thế nào bằng chế độ ăn chay. Tất cả những gì tôi đã nói cho đến nay đều nằm

physical reasoning, and taking you up to the level where you have, naturally, (Page 279) to take the word of those who have explored these higher realms. Let us then turn now to the hidden side of all this — the occult.

trong tầm tay của các bạn. Nhưng bây giờ tôi đang từ bỏ lĩnh vực lý luận vật lý thông thường, và đưa các bạn lên một cấp độ mà ở đó, các bạn đương nhiên, (Trang 279) phải tin tưởng vào lời nói của những người đã khám phá những cõi giới cao hơn này. Vậy thì bây giờ chúng ta hãy chuyển sang khía cạnh tiềm ẩn của tất cả những điều này — điều huyền bí.

Occult Reasons—Lý do huyền bí

Under this heading also we shall have two sets of reasons — those which refer to ourselves and our own development, and those which refer to the great scheme of evolution and our duty towards it; so that once more we may classify them as selfish and unselfish, although at a much higher level than before. I have, I hope, clearly shown in the earlier part of this lecture that there is simply no room for argument in regard to this question of vegetarianism; the whole of the evidence and of the considerations are entirely on one side, and there is absolutely nothing to be said in opposition to them. This is even more strikingly the case when we come to consider the occult part of our argument. There are some students hovering round the fringes of occultism who are not yet prepared to follow its dictates to the uttermost, and therefore do not accept its teaching when it interferes with their personal habits and desires. Some such have tried to maintain that the question of food can make little difference from the occult standpoint; but the unanimous verdict of all the great schools of occultism, both ancient and modern, has been definite on this point, and they have asserted that for all true progress purity is necessary, even on the physical plane and in matters of diet as well as in far higher matters.

Dưới tiêu đề này, chúng ta cũng sẽ có hai nhóm lý do — những lý do liên quan đến bản thân chúng ta và sự phát triển của chính chúng ta, và những lý do liên quan đến kế hoạch tiến hóa vĩ đại và bổn phận của chúng ta đối với nó; do đó, một lần nữa, chúng ta có thể phân loại chúng là ích kỷ và vị tha, mặc dù ở cấp độ cao hơn nhiều so với trước đây. Tôi hy vọng, tôi đã chỉ ra rõ ràng trong phần đầu của bài giảng này rằng đơn giản là không có chỗ cho tranh luận liên quan đến câu hỏi về ăn chay này; toàn bộ bằng chứng và các cân nhắc hoàn toàn đứng về một phía, và hoàn toàn không có gì để nói để phản đối chúng. Điều này thậm chí còn rõ ràng hơn khi chúng ta xem xét phần huyền bí trong lập luận của chúng ta. Có một số học viên đang lượn lờ quanh rìa của huyền bí học, những người chưa sẵn sàng làm theo những lời dạy của nó đến cùng, và do đó không chấp nhận lời dạy của nó khi nó can thiệp vào thói quen và mong muốn cá nhân của họ. Một số người như vậy đã cố gắng cho rằng vấn đề thức ăn có thể tạo ra ít khác biệt từ quan điểm huyền bí; nhưng phán quyết nhất trí của tất cả các trường phái huyền bí học vĩ đại, cả cổ đại và hiện đại, đều rõ ràng về điểm này, và họ đã khẳng định rằng đối với tất cả sự tiến bộ thực sự, sự thuần khiết là cần thiết, ngay cả trên cõi trần và trong các vấn đề về ăn uống cũng như trong các vấn đề cao hơn nhiều.

In previous lectures I have already explained the existence of the different planes of nature and of the vast unseen world all about us; and I have also had occasion to refer often to the fact that man has within himself matter belonging to all these higher planes, so (Page 280) that he is furnished with a vehicle corresponding to each of them, through which he can receive impressions and by means of which he can act. Can these higher bodies of man be in any way affected by the food which enters into the physical body with which they are so closely connected? Assuredly they can, and for this reason. The physical matter in man is in close touch with the astral and mental matter — so much so that each is to a great extent a counterpart of the other. There are many types and degrees of density among astral matter, for example, so that it is possible for one man to have and astral body built of coarse and gross particles, while another may have one which is much more delicate and refined. As the astral body is the vehicle of the emotions, passions and sensations, it follows that the man whose astral body is of the grosser type will be chiefly amenable to the grosser varieties of passion and emotion; whereas the man who has a finer astral body will find that its particles most readily vibrate in response to higher and more refined emotions and aspirations. The man therefore who builds gross and undesirable matter into his physical body is thereby drawing into his astral body matter of a coarse and unpleasant type as its counterpart.

Trong các bài giảng trước, tôi đã giải thích về sự tồn tại của các cõi giới khác nhau của tự nhiên và của thế giới vô hình rộng lớn xung quanh chúng ta; và tôi cũng có dịp thường xuyên đề cập đến sự thật rằng con người có trong mình vật chất thuộc về tất cả những cõi giới cao hơn này, do đó (Trang 280) con người được trang bị một phương tiện tương ứng với mỗi cõi giới trong số đó, thông qua đó con người có thể tiếp nhận ấn tượng và bằng phương tiện đó con người có thể hành động. Liệu những thể xác cao hơn này của con người có thể bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào bởi thức ăn đi vào thể xác mà chúng có mối liên hệ chặt chẽ như vậy không? Chắc chắn là có thể, và vì lý do này. Vật chất của thể xác trong con người có mối liên hệ chặt chẽ với vật chất của thể vía và thể trí — đến mức mỗi thể này ở một mức độ lớn là bản sao của thể kia. Ví dụ, có nhiều loại và mức độ mật độ khác nhau giữa vật chất của thể vía, do đó, một người có thể có thể vía được cấu tạo từ các hạt thô và nặng, trong khi người khác có thể có thể vía tinh tế và thanh lọc hơn nhiều. Vì thể vía là phương tiện của cảm xúc, dục vọng và cảm giác, nên người có thể vía thuộc loại nặng nề hơn sẽ chủ yếu dễ bị ảnh hưởng bởi các loại dục vọng và cảm xúc nặng nề hơn; trong khi người có thể vía thanh hơn sẽ thấy rằng các hạt của nó dễ dàng rung động nhất để đáp ứng với những cảm xúc và khát vọng cao hơn và thanh lọc hơn. Do đó, người tích tụ vật chất nặng nề và không mong muốn vào thể xác của mình, do đó đang kéo vào thể vía của mình vật chất thuộc loại thô và khó chịu tương ứng với nó.

We all know that on the physical plane the effect of overindulgence in dead flesh is to produce a coarse gross appearance in the man. That does not mean that it is only the physical body which is in an unlovely condition; it means also that those parts of the man which are invisible to our ordinary sight, the astral and the mental bodies are not in good

Tất cả chúng ta đều biết rằng trên cõi trần, tác dụng của việc quá ham mê thịt chết là tạo ra vẻ ngoài thô kệch ở con người. Điều đó không có nghĩa là chỉ có thể xác ở trong tình trạng khó coi; nó cũng có nghĩa là những phần vô hình đối với tầm nhìn thông thường của chúng ta, thể vía và thể trí, cũng không ở trong tình trạng tốt. Do đó, một người đang xây dựng cho

condition either. Thus a man who is building himself a gross and impure physical body is building for himself at the same time coarse and unclean astral and mental bodies as well. That is visible at once to the eye of the developed clairvoyant. (Page 281) The man who learns to see these higher vehicles sees at once the effects on the higher bodies produced by impurity in the lower; he sees at once the difference between the man who feeds his physical vehicle with pure food and the man who puts into it this loathsome decaying flesh. Let us see how this difference will affect the man's evolution.

mình một thể xác nặng nề và ô uế đồng thời cũng đang xây dựng cho mình thể vía và thể trí thô kệch và ô uế. Điều đó có thể nhìn thấy ngay lập tức bằng con mắt của nhà tiên tri đã phát triển. (Trang 281) Người học cách nhìn thấy những phương tiện cao hơn này sẽ ngay lập tức nhìn thấy tác động lên các thể xác cao hơn do sự ô uế ở các thể xác thấp hơn gây ra; người đó ngay lập tức nhìn thấy sự khác biệt giữa người nuôi dưỡng phương tiện thể xác của mình bằng thức ăn thuần khiết và người đưa vào đó loại thịt đang phân hủy kinh tởm này. Chúng ta hãy xem sự khác biệt này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến sự tiến hóa của con người.

Impure Vehicles—Phương tiện ô uế

It is clear that a man's duty with regard to himself is to develop all his different vehicles as far as possible, in order to make them finished instruments for the use of the soul. There is still a higher stage in which that soul itself is being trained to be a fit instrument in the hands of the Logos, a perfect channel for the divine grace; but the first step towards this high aim is that the soul itself shall learn thoroughly to control the lower vehicles, so that there shall be in them no thought or feeling except those which the soul allows. All these vehicles therefore should be in the highest possible condition of efficiency; all should be pure and clean and free from taint; and it is obvious that this can never be so long as the man absorbs into the physical vehicle such undesirable constituents. Even the physical body and its sense-perceptions can never be at their best unless the food is pure. Any one who adopts vegetarian diet will speedily begin to notice that his sense of taste and of smell is far keener than it was when he

Rõ ràng là bổn phận của một người đối với bản thân là phát triển tất cả các phương tiện khác nhau của mình càng nhiều càng tốt, để biến chúng thành những công cụ hoàn thiện cho linh hồn sử dụng. Vẫn còn một giai đoạn cao hơn, trong đó chính linh hồn đó đang được huấn luyện để trở thành một công cụ phù hợp trong tay Thượng đế, một kênh hoàn hảo cho ân điển thiêng liêng; nhưng bước đầu tiên hướng tới mục tiêu cao cả này là bản thân linh hồn phải học cách kiểm soát hoàn toàn các phương tiện thấp hơn, để trong đó không có suy nghĩ hay cảm xúc nào ngoại trừ những suy nghĩ và cảm xúc mà linh hồn cho phép. Do đó, tất cả những phương tiện này phải ở trong điều kiện hiệu quả cao nhất có thể; tất cả phải thuần khiết, sạch sẽ và không tì vết; và rõ ràng là điều này không bao giờ có thể xảy ra chừng nào con người còn hấp thụ vào phương tiện thể xác những thành phần không mong muốn như vậy. Ngay cả thể xác và các giác quan của nó cũng không bao giờ có thể ở trạng thái tốt nhất trừ khi thức ăn thuần khiết. Bất kỳ ai áp

fed upon flesh, and that he is now able to discern a delicate difference of flavour in foods which before he had thought of as tasteless, such as rice and wheat.

dụng chế độ ăn chay sẽ nhanh chóng bắt đầu nhận thấy rằng vị giác và khứu giác của họ nhạy bén hơn nhiều so với khi họ ăn thịt, và bây giờ họ có thể phân biệt sự khác biệt tinh tế về hương vị trong các loại thực phẩm mà trước đây họ cho là vô vị, chẳng hạn như gạo và lúa mì.

The same thing is true to a still greater extent with regard to the higher bodies. Their senses also cannot be clear if impure or coarse matter is drawn into them; (Page 282) anything of this nature clogs and dulls them, so that it becomes more difficult for the soul to use them. This is a fact which has always been recognized by the student of occultism; you will find that all those who in ancient days entered upon the Mysteries were men of the utmost purity, and of course invariably vegetarian. Carnivorous diet is fatal to anything like real development, and those who adopt it are throwing away serious and unnecessary difficulties in their own way.

Điều tương tự cũng đúng ở mức độ lớn hơn đối với các thể xác cao hơn. Các giác quan của chúng cũng không thể rõ ràng nếu vật chất không tinh khiết hoặc thô được hút vào chúng; (Trang 282) bất cứ thứ gì thuộc loại này đều làm tắc nghẽn và làm mờ chúng, khiến linh hồn khó sử dụng chúng hơn. Đây là một sự thật mà người nghiên cứu huyền bí học luôn công nhận; các bạn sẽ thấy rằng tất cả những người trong thời cổ đại tham gia vào các Bí ẩn đều là những người có sự thuần khiết tột độ, và tất nhiên luôn ăn chay. Chế độ ăn thịt gây tử vong cho bất cứ điều gì giống như sự phát triển thực sự, và những người áp dụng nó đang tự tạo ra những khó khăn nghiêm trọng và không cần thiết trên con đường của chính họ.

I am well aware that there are other and still higher considerations, which are of greater weight than anything upon the physical plane, and that the purity of the heart and of the soul is more important to a man than that of the body. Yet there is surely no reason why we should not have both; indeed, the one suggests the other, and the higher should include the lower. There are quite enough difficulties in the way of self-control and self-development; it is surely worse than foolish to go out of our way to add another and a very considerable one to the list. Although it is true that a pure heart will do more for us than a pure body, yet the latter can certainly do a great deal; and we are none of us so far advanced along the road towards spirituality that we can afford to neglect the great advantage which it gives us. Anything that

Tôi nhận thức rõ rằng có những cân nhắc khác và thậm chí còn cao hơn, có trọng lượng lớn hơn bất cứ điều gì trên cõi trần, và sự thuần khiết của trái tim và của linh hồn quan trọng hơn đối với một người so với sự thuần khiết của thể xác. Tuy nhiên, chắc chắn không có lý do gì mà chúng ta không nên có cả hai; thực sự, cái này gợi ý cái kia, và cái cao hơn nên bao gồm cái thấp hơn. Có khá nhiều khó khăn trên con đường tự chủ và tự phát triển; chắc chắn sẽ tồi tệ hơn là ngu ngốc khi chúng ta cố tình thêm một khó khăn khác, và là một khó khăn rất lớn, vào danh sách. Mặc dù đúng là một trái tim thuần khiết sẽ làm được nhiều việc hơn cho chúng ta so với một thể xác thuần khiết, nhưng điều thứ hai chắc chắn có thể làm được rất nhiều việc; và không ai trong chúng ta tiến xa đến mức trên con đường hướng tới tâm linh mà chúng ta có thể bỏ qua lợi thế to lớn mà nó

makes our path harder than it need be is emphatically something to be avoided. In all cases this flesh food undoubtedly makes the physical body a worse instrument, and puts difficulties in the way of the soul by intensifying all the undesirable elements and passions belonging to these lower planes.

mang lại cho chúng ta. Bất cứ điều gì làm cho con đường của chúng ta khó khăn hơn mức cần thiết rõ ràng là điều cần tránh. Trong mọi trường hợp, loại thức ăn từ thịt này chắc chắn làm cho thể xác trở thành một công cụ kém hơn, và gây khó khăn cho linh hồn bằng cách tăng cường tất cả các yếu tố và dục vọng không mong muốn thuộc về những cõi giới thấp hơn này.

Nor is this serious effect during physical life the only one of which we have to think. If, through introducing loathsome impurities into the physical body, the man builds himself a coarse and unclean astral body, we have (Page 283) to remember that it is in this degraded vehicle that he will have to spend the first part of his life after death. Because of the coarse matter which he has built into it, all sorts of undesirable entities will be drawn into association with him and will make his vehicles their home, and find a ready response within him to their lower passions. It is not only that his animal passions are more easily stirred here on earth, but also that he will suffer acutely from the working out of these desires after death. Here again, looked at even from the selfish point of view, we see that occult considerations confirm the straightforward common-sense of the arguments on the physical plane. The higher sight, when brought to bear upon this problem, shows us still more vividly how undesirable is the devouring of flesh, since it intensified within us that from which we most need to be free, and therefore from the point of view of progress that habit is a thing to be cast out at once and forever.

Và tác động nghiêm trọng này trong cuộc sống thể xác không phải là điều duy nhất mà chúng ta phải nghĩ đến. Nếu, thông qua việc đưa những tạp chất kinh tởm vào thể xác, con người xây dựng cho mình một thể vía thô kệch và ô uế, chúng ta phải (Trang 283) nhớ rằng chính trong phương tiện suy thoái này, người đó sẽ phải trải qua phần đầu tiên của cuộc đời mình sau khi chết. Do vật chất thô mà người đó đã tích tụ vào đó, tất cả các loại thực thể không mong muốn sẽ bị lôi kéo vào mối liên hệ với người đó và sẽ biến các phương tiện của người đó thành nhà của chúng, và tìm thấy sự đáp ứng sẵn sàng trong người đó đối với những dục vọng thấp kém của chúng. Không chỉ những dục vọng động vật của người đó dễ bị kích động hơn ở đây trên trái đất, mà người đó cũng sẽ phải chịu đựng rất nhiều đau khổ từ việc thực hiện những ham muốn này sau khi chết. Ở đây, một lần nữa, ngay cả khi nhìn từ quan điểm ích kỷ, chúng ta thấy rằng những cân nhắc huyền bí xác nhận ý thức chung thẳng thắn của các lập luận trên cõi trần. Tầm nhìn cao hơn, khi được áp dụng vào vấn đề này, cho chúng ta thấy rõ ràng hơn nữa việc ăn thịt là điều không mong muốn như thế nào, vì nó làm gia tăng trong chúng ta những thứ mà chúng ta cần phải thoát khỏi nhất, và do đó, từ quan điểm của sự tiến bộ, thói quen đó là một điều cần phải loại bỏ ngay lập tức và mãi mãi.

Then there is the far more important unselfish side of the question — that of man's duty towards nature. Every religion has taught that man should put himself always on the side of the will of God in the world, on the side of good as against evil, of evolution as against retrogression. The man who ranges himself on the side of evolution realizes the wickedness of destroying life; for he knows that, just as he is here in this physical body in order that he may learn the lessons of this plane, so is the animal occupying his body for the same reason, that out of it he may gain experience at his lower stage. He knows that the life behind the animal is the Divine Life, that all life in the world is Divine; the animals therefore are truly our brothers, even though they may (Page 284) be younger brothers, and we can have no sort of right to take their lives for the gratification of our perverted tastes — no right to cause them untold agony and suffering merely to satisfy our degraded and detestable lusts.

Sau đó, có khía cạnh vị tha quan trọng hơn nhiều của vấn đề — đó là bổn phận của con người đối với thiên nhiên. Mọi tôn giáo đều dạy rằng con người nên luôn đặt mình về phía ý chí của Thượng đế trên thế giới, về phía thiện chống lại ác, về phía tiến hóa chống lại thoái hóa. Người đứng về phía tiến hóa nhận ra sự độc ác của việc hủy diệt sự sống; vì người đó biết rằng, cũng giống như người đó ở đây trong thể xác này để có thể học được những bài học của cõi giới này, thì động vật cũng đang chiếm giữ thể xác của nó vì cùng một lý do, rằng từ đó nó có thể thu được kinh nghiệm ở giai đoạn thấp hơn của nó. Người đó biết rằng sự sống đằng sau động vật là Sự sống Thiêng liêng, rằng tất cả sự sống trên thế giới đều là Thiêng liêng; do đó, động vật thực sự là anh em của chúng ta, mặc dù chúng có thể (Trang 284) là những người em, và chúng ta không có bất kỳ quyền nào để lấy mạng sống của chúng để thỏa mãn thị hiếu lệch lạc của chúng ta — không có quyền gây ra cho chúng nỗi thống khổ và đau đớn khôn lường chỉ để thỏa mãn những dục vọng suy đồi và đáng ghê tởm của chúng ta.

We have brought things to such a pass with our miscalled "sport" and our wholesale slaughterings, that all wild creatures fly from the sight of us. Does that seem like the universal brotherhood of God's creatures? Is that your idea of the golden age of world-wise kindliness that is to come — a condition when every living thing flees from the face of man because of his murderous instincts? There is an influence flowing back upon us from all this — an effect which you can hardly realize unless you are able to see how it looks when regarded with the sight of the higher plane. Every one of these creatures which you so ruthlessly murder in this way has its own

Chúng ta đã đẩy mọi thứ đến mức như vậy với cái gọi là "thể thao" và những vụ giết chóc hàng loạt của chúng ta, đến nỗi tất cả các sinh vật hoang dã đều chạy trốn khỏi tầm mắt của chúng ta. Điều đó có giống như tình huynh đệ phổ quát của các sinh vật của Thượng đế không? Đó có phải là ý tưởng của các bạn về thời đại hoàng kim của lòng nhân ái trên toàn thế giới sắp đến không — một điều kiện khi mọi sinh vật sống đều chạy trốn khỏi con người vì bản năng giết chóc của người đó? Có một ảnh hưởng phản hồi lại chúng ta từ tất cả những điều này — một tác động mà các bạn khó có thể nhận ra trừ khi các bạn có thể nhìn thấy nó trông như thế nào khi được nhìn bằng

thoughts and feelings with regard to all this ; it has horror, pain, and indignation, and an intense but unexpressed feeling of the hideous injustice of it all. The whole atmosphere about us is full of it. Twice lately I have heard from psychic people that they felt the awful aura or surroundings of Chicago even many miles away from it. Mrs. Besant herself told me the same thing years ago in England — that long before she came in sight of Chicago she felt the horror of it and the deadly pall of depression descending upon her, and asked: "Where are we, and what is the reason that there should be this terrible feeling in the air? To sense the effect as clearly as this is beyond the reach of the person who is not developed; but, though all the inhabitants may not be directly conscious of it and recognize it as Mrs. Besant did, they may be sure that they are suffering from it unconsciously, and that, that terrible vibration of (Page 285) horror and fear and injustice is acting upon every one of them, even though they do not know it.

tầm nhìn của cõi giới cao hơn. Mỗi sinh vật trong số những sinh vật này mà các bạn tàn nhẫn sát hại theo cách này đều có những suy nghĩ và cảm xúc riêng của nó đối với tất cả những điều này; nó có sự kinh hoàng, đau đớn và phẫn nộ, và một cảm giác dữ dội nhưng không thể diễn tả được về sự bất công khủng khiếp của tất cả những điều này. Toàn bộ bầu không khí xung quanh chúng ta đều tràn ngập nó. Gần đây, tôi đã hai lần nghe những người có năng lực tâm linh nói rằng họ cảm thấy hào quang hoặc môi trường xung quanh khủng khiếp của Chicago ngay cả khi cách xa nó nhiều dặm. Chính bà Besant đã nói với tôi điều tương tự nhiều năm trước ở Anh — rằng rất lâu trước khi bà nhìn thấy Chicago, bà đã cảm thấy sự kinh hoàng của nó và bầu không khí u ám chết chóc bao trùm lấy bà, và hỏi: "Chúng ta đang ở đâu, và tại sao lại có cảm giác khủng khiếp này trong không khí? Cảm nhận tác động rõ ràng như vậy là điều nằm ngoài tầm với của người chưa phát triển; nhưng, mặc dù tất cả cư dân có thể không trực tiếp nhận thức được nó và nhận ra nó như bà Besant đã làm, nhưng họ có thể chắc chắn rằng họ đang vô thức chịu đựng nó, và rung động khủng khiếp đó của (Trang 285) sự kinh hoàng, sợ hãi và bất công đang tác động lên từng người trong số họ, ngay cả khi họ không biết điều đó.

Ghastly Unseen Results—Kết quả vô hình khủng khiếp

The feelings of nervousness and profound depression which are so common there are largely due to that awful influence which spreads over the city like a plague-cloud. I do not know how many thousands of creatures are killed every day, but the number is very large. Remember that every one of these creatures is a definite entity — not a permanent reincarnating individuality like

Cảm giác lo lắng và chán nản sâu sắc thường thấy ở đó phần lớn là do ảnh hưởng khủng khiếp đó lan rộng khắp thành phố như một đám mây bệnh dịch. Tôi không biết có bao nhiêu nghìn sinh vật bị giết mỗi ngày, nhưng con số đó là rất lớn. Hãy nhớ rằng mỗi sinh vật này là một thực thể xác định — không phải là một cá thể luân hồi vĩnh viễn như của các bạn hoặc của tôi, mà vẫn là một thực thể có sự sống

yours or mine, but still an entity which has its life upon the astral plane, and persists there for a considerable time. Remember that every one of these remains to pour out his feeling of indignation and horror at all the injustice and torment which has been inflicted upon him. Realize for yourself the terrible atmosphere which exists about those slaughterhouses; remember that a clairvoyant can see the vast hosts of animal souls, that he knows how strong are their feelings of horror and resentment, and how these recoil at all points upon the human race. They react most of all upon those who are least able to resist them — upon the children, who are more delicate and sensitive than the hardened adult. That city is a terrible place in which to bring up children — a place where the whole atmosphere both physical and psychic is charged with fumes of blood and with all that means.

trên cõi vía, và tồn tại ở đó trong một khoảng thời gian đáng kể. Hãy nhớ rằng mỗi thực thể này vẫn ở đó để trút ra cảm giác phẫn nộ và kinh hoàng của mình trước tất cả sự bất công và đau khổ đã gây ra cho nó. Hãy tự mình nhận ra bầu không khí khủng khiếp tồn tại xung quanh những lò mổ đó; hãy nhớ rằng một nhà tiên tri có thể nhìn thấy vô số linh hồn động vật, rằng người đó biết cảm giác kinh hoàng và phẫn uất của chúng mạnh mẽ như thế nào, và chúng phản hồi lại loài người ở mọi điểm như thế nào. Chúng phản ứng mạnh mẽ nhất đối với những người ít có khả năng chống lại chúng nhất — đối với trẻ em, những người mỏng manh và nhạy cảm hơn người lớn cứng rắn. Thành phố đó là một nơi khủng khiếp để nuôi dạy trẻ em — một nơi mà toàn bộ bầu không khí, cả về thể chất lẫn tâm linh, đều bị bao phủ bởi mùi máu và tất cả những gì nó mang lại.

I read an article only the other day in which it was explained that the nauseating stench which rises from those Chicago slaughterhouses, and settles like a fatal miasma over the city, is by no means the most deadly influence that comes up from that Christian hell for animals, though it is the breath of certain death to many a mother's darling. The slaughterhouses make not only (Page 286) a pest-hole for the bodies of children, but for their souls as well. Not only are the children employed in the most revolting and cruel work, but the whole trend of their thoughts is directed towards killing. Occasionally one is found too sensitive to endure the sights and sounds of that ceaseless awful battle between man's cruel lust and the inalienable right of every creature to its own life. I read how one boy, for whom a minister had secured a place in this slaughterhouse, returned home day after day pale and sick and unable to eat or sleep, and finally came to that minister of the gospel of the compassionate

Cách đây không lâu, tôi đã đọc một bài báo, trong đó người ta giải thích rằng mùi hôi thối nồng nặc bốc lên từ những lò mổ ở Chicago, và bao trùm thành phố như một chướng khí chết người, hoàn toàn không phải là ảnh hưởng chết chóc nhất đến từ địa ngục Cơ đốc giáo dành cho động vật đó, mặc dù nó là hơi thở của cái chết chắc chắn đối với nhiều đứa con cưng của các bà mẹ. Các lò mổ không chỉ (Trang 286) tạo ra một ổ bệnh dịch cho thể xác của trẻ em, mà còn cho cả linh hồn của chúng. Trẻ em không chỉ bị sử dụng vào những công việc tàn nhẫn và ghê tởm nhất, mà toàn bộ xu hướng suy nghĩ của chúng đều hướng đến việc giết chóc. Đôi khi, người ta thấy một đứa trẻ quá nhạy cảm để chịu đựng được những cảnh tượng và âm thanh của cuộc chiến khủng khiếp không ngừng đó giữa dục vọng tàn ác của con người và quyền không thể tước đoạt của mọi sinh vật đối với mạng sống của chính nó. Tôi đã đọc về việc một cậu bé, người mà một mục sư đã xin được một chỗ trong lò mổ này, ngày ngày trở về nhà xanh xao, ốm yếu và

Christ and told him that he was willing to starve if necessary, but that he could not wade in blood another day. The horrors of the slaughter so affected him that he could no longer sleep. Yet this is what many a boy is doing and seeing from day to day until he becomes hardened to the taking of life; and then some day, instead of cutting the throat of a lamb or a pig he kills a man, and straightway we turn our lust for slaughter upon him in turn, and think that we have done justice.

không thể ăn ngủ, cuối cùng đã đến gặp vị mục sư của phúc âm về Đức Chúa Kitô nhân từ đó và nói với Ông rằng cậu sẵn sàng chết đói nếu cần thiết, nhưng cậu không thể lội trong máu thêm một ngày nào nữa. Nỗi kinh hoàng của việc giết chóc đã ảnh hưởng đến cậu đến nỗi cậu không còn ngủ được nữa. Tuy nhiên, đây là điều mà nhiều cậu bé đang làm và chứng kiến từ ngày này qua ngày khác cho đến khi cậu trở nên chai sạn với việc lấy đi mạng sống; và rồi một ngày nào đó, thay vì cắt cổ một con cừu hoặc một con lợn, cậu ta giết một người đàn Ông, và ngay lập tức, chúng ta chuyển dục vọng giết chóc của mình sang cậu ta, và nghĩ rằng chúng ta đã thực thi công lý.

I read that a young woman who does much philanthropic work in the neighbourhood of these pest-houses declares that what most impresses her about the children is that they seem to have no games except games of killing, that they have no conception of any relation to animals except the relation of the slaughterer to the victim. This is the education which so-called Christians are giving to their children of the slaughterhouse — a daily education in murder; and then they express surprise at the number and brutality of the murders in that district. Yet your Christian public goes on serenely saying its prayers and singing its psalms and listening to its sermons, as if no such outrages were being perpetuated against God's children in that sinkhole of pestilence (Page 287) and crime. Surely the habit of eating flesh has produced a moral apathy among us. Are you doing well, do you think, in rearing your future citizens among surroundings of such utter brutality as this? Even on the physical plane this is a terribly serious matter, and from the occult point of view it is unfortunately far more serious still; for the occultist sees the psychic result of all this, sees how these forces are acting upon the people and how they intensify

Tôi đã đọc rằng một phụ nữ trẻ, người đã làm nhiều công việc từ thiện ở vùng lân cận những ổ bệnh dịch này, tuyên bố rằng điều gây ấn tượng nhất với cô ấy về những đứa trẻ là chúng dường như không có trò chơi nào khác ngoài trò chơi giết chóc, rằng chúng không có quan niệm nào về mối quan hệ với động vật ngoại trừ mối quan hệ của kẻ giết mổ với nạn nhân. Đây là nền giáo dục mà những người được gọi là Cơ đốc nhân đang dành cho con cái của họ ở lò mổ — một nền giáo dục hàng ngày về giết người; và rồi họ bày tỏ sự ngạc nhiên trước số lượng và sự tàn bạo của các vụ giết người trong khu vực đó. Tuy nhiên, công chúng Cơ đốc giáo của các bạn vẫn bình thản đọc kinh cầu nguyện, hát thánh ca và nghe các bài giảng đạo, như thể không có sự tàn bạo nào như vậy đang tiếp diễn chống lại những đứa con của Thượng đế trong hố sâu bệnh dịch (Trang 287) và tội ác đó. Chắc chắn thói quen ăn thịt đã tạo ra sự thờ ơ về mặt đạo đức giữa chúng ta. Các bạn có nghĩ rằng mình đang làm tốt khi nuôi dưỡng những công dân tương lai của mình trong môi trường hoàn toàn tàn bạo như thế này không? Ngay cả trên cõi trần, đây là một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng, và từ quan điểm huyền bí, thật không may, nó còn nghiêm trọng hơn nhiều; vì nhà huyền bí học nhìn

brutality and unscrupulousness. He sees what a centre of vice and crime you have created, and how from it the infection is gradually spreading until it affects the whole country, and even the whole of what is called civilized humanity.

thấy kết quả tâm linh của tất cả những điều này, nhìn thấy những lực lượng này đang tác động lên con người như thế nào và chúng làm tăng thêm sự tàn bạo và vô đạo đức như thế nào. Người đó nhìn thấy các bạn đã tạo ra một trung tâm của tệ nạn và tội ác như thế nào, và từ đó, sự lây nhiễm đang dần lan rộng cho đến khi nó ảnh hưởng đến toàn bộ đất nước, và thậm chí toàn bộ cái gọi là nhân loại văn minh.

The world is being affected by it in many ways which most people do not in the least realize. There are constant feelings of causeless terror in the air. Many of your children are unnecessarily and inexplicably afraid; they feel terror of they do not know what — terror of the dark, or when they are alone for a few moments. Strong forces are playing about us for which you cannot account, and you do not realize that this all comes from the fact that the whole atmosphere is charged with the hostility of these murdered creatures. The stages of evolution are closely interrelated, and you cannot do wholesale murder in this way upon your younger brothers without feeling the effect terribly among your own innocent children. Surely a better time shall come, when we shall be free from this horrible blot upon our civilization, this awful reproach upon our compassion and our sympathy; and when that comes we shall find presently that there will be a vast improvement in these matters, and by degrees we shall all rise to a higher level and be freed from all these instinctive terrors and hatreds. (Page 288)

Thế giới đang bị ảnh hưởng bởi nó theo nhiều cách mà hầu hết mọi người không hề nhận ra. Có những cảm giác kinh hoàng vô cớ thường trực trong không khí. Nhiều đứa trẻ của các bạn sợ hãi một cách không cần thiết và không thể giải thích được; chúng cảm thấy kinh hoàng về những thứ mà chúng không biết — kinh hoàng bóng tối, hoặc khi chúng ở một mình trong giây lát. Những lực lượng mạnh mẽ đang tác động xung quanh chúng ta mà các bạn không thể giải thích được, và các bạn không nhận ra rằng tất cả điều này xuất phát từ việc toàn bộ bầu không khí bị bao phủ bởi sự thù địch của những sinh vật bị sát hại này. Các giai đoạn tiến hóa có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, và các bạn không thể thực hiện việc giết chóc hàng loạt theo cách này đối với những người em của mình mà không cảm thấy tác động khủng khiếp đến chính những đứa trẻ vô tội của mình. Chắc chắn một thời điểm tốt đẹp hơn sẽ đến, khi chúng ta sẽ thoát khỏi vết nhơ khủng khiếp này trên nền văn minh của chúng ta, sự trách móc khủng khiếp này đối với lòng trắc ẩn và sự đồng cảm của chúng ta; và khi điều đó đến, chúng ta sẽ sớm thấy rằng sẽ có một sự cải thiện to lớn trong những vấn đề này, và dần dần, tất cả chúng ta sẽ vươn lên một tầm cao mới và được giải thoát khỏi tất cả những nỗi kinh hoàng và thù hận theo bản năng này. (Trang 288)

We might all be freed from it very soon, if men and women would only think; for the average man is not after all a brute, but means to be kind if he only knew how. He does not think; but goes on from day to day, and does not realize that he is taking part all the time in an awful crime. But facts are facts, and there is no escape from them; every one who is partaking of this abomination, is helping to make this appalling thing a possibility, is undoubtedly sharing the responsibility for it. You know that this is so, and you can see what a terrible thing it is; but you will say "What can we do to improve matters — we who are only tiny units in this mighty seething mass of humanity?" It is only by units rising above the rest and becoming more civilized that we shall finally arrive at a higher civilization of the race as a whole. There is a Golden Age to come, not only for man but for the lower kingdoms, a time when humanity will realize its duty to its younger brothers — not to destroy them, but to help them and to train them, so that we may receive from them, not terror and hatred but love and devotion and friendship and reasonable co-operation. A time will come when all the forces of Nature shall be intelligently working together towards the final end, not with constant suspicion and hostility, but with universal recognition of that Brotherhood which is ours because we are all children of the same Almighty Father.

Tất cả chúng ta có thể được giải thoát khỏi nó rất sớm, nếu đàn Ông và phụ nữ chỉ cần suy nghĩ; vì xét cho cùng, người bình thường không phải là kẻ tàn bạo, mà có ý định tử tế nếu người đó biết cách. Người đó không suy nghĩ; mà cứ tiếp tục từ ngày này qua ngày khác, và không nhận ra rằng mình đang tham gia vào một tội ác khủng khiếp. Nhưng sự thật vẫn là sự thật, và không thể thoát khỏi chúng; mỗi người đang dự phần vào sự ghê tởm này, đang giúp biến điều kinh hoàng này thành khả thi, chắc chắn đang chia sẻ trách nhiệm về nó. Các bạn biết rằng điều này là như vậy, và các bạn có thể thấy nó là một điều khủng khiếp như thế nào; nhưng các bạn sẽ nói: "Chúng ta có thể làm gì để cải thiện tình hình — chúng ta, những người chỉ là những đơn vị nhỏ bé trong khối nhân loại khổng lồ đang sôi sục này?" Chỉ bằng cách các đơn vị vươn lên trên những người còn lại và trở nên văn minh hơn, cuối cùng chúng ta mới đạt được một nền văn minh cao hơn của toàn bộ loài người. Một Thời đại Hoàng kim sẽ đến, không chỉ cho con người mà còn cho các giới thấp hơn, một thời điểm khi nhân loại sẽ nhận ra bổn phận của mình đối với những người em của mình — không phải để hủy diệt họ, mà để giúp đỡ và đào tạo họ, để chúng ta có thể nhận được từ họ, không phải sự kinh hoàng và thù hận mà là tình yêu thương, sự tận tâm, tình bạn và sự hợp tác hợp lý. Một thời điểm sẽ đến khi tất cả các lực lượng của Tự nhiên sẽ cùng nhau hoạt động một cách thông minh hướng tới mục tiêu cuối cùng, không phải với sự nghi ngờ và thù địch thường trực, mà với sự công nhận phổ quát về Tình Huynh đệ đó là của chúng ta bởi vì tất cả chúng ta đều là con cái của cùng một người Cha Toàn năng.

Let us at least make the experiment; let us free ourselves from complicity in these awful

Ít nhất, chúng ta hãy làm thí nghiệm; chúng ta hãy giải thoát bản thân khỏi sự đồng lõa trong

crimes, let us set ourselves to try each in our own small circle to bring nearer that bright time of peace and love which is the dream and the earnest desire of every true-hearted and (Page 289) thinking man. At least we ought surely to be willing to do so small a thing as this to help the world onward towards that glorious future; we ought to make ourselves pure, our thoughts and our actions as well as our food, so that by example as well as by precept we may be doing all that in us lies to spread the gospel of love and of compassion, to put an end to the reign of brutality and terror, and to bring nearer the dawn of the great kingdom of righteousness and love when the will of our Father shall be done upon earth as it is in heaven. (Page 291)

những tội ác khủng khiếp này, chúng ta hãy tự mình cố gắng trong mỗi vòng tròn nhỏ bé của mình để mang thời điểm tươi sáng của hòa bình và tình yêu thương đó đến gần hơn, đó là giấc mơ và mong muốn tha thiết của mọi người chân chính và (Trang 289) biết suy nghĩ. Ít nhất, chúng ta chắc chắn nên sẵn sàng làm một việc nhỏ nhặt như thế này để giúp thế giới tiến tới tương lai tươi sáng đó; chúng ta nên làm cho bản thân mình thuần khiết, suy nghĩ và hành động của chúng ta cũng như thức ăn của chúng ta, để bằng cách nêu gương cũng như bằng lời dạy, chúng ta có thể làm tất cả những gì có thể để truyền bá phúc âm của tình yêu thương và lòng trắc ẩn, để chấm dứt triều đại của sự tàn bạo và khủng bố, và mang bình minh của vương quốc vĩ đại của sự chính trực và tình yêu thương đến gần hơn, khi ý chí của Cha chúng ta sẽ được thực hiện trên trái đất cũng như trên trời. (Trang 291)

CHAPTER XI - HOW TO BUILD CHARACTER

HOW TO BUILD CHARACTER

The very idea implied in the building of character is a new one to many people. They usually think and speak of a man as born with a certain character and practically incapable of changing it. They sometimes think of a man's character having been altered by great sorrow or suffering, as in truth it often is; but comparatively few people seem to realize that it is a thing that they can take in hand and mould for themselves — a thing at which they can steadily work with the certainty of obtaining good results. Yet it is true that a man may change himself intelligently and voluntarily, and may make of himself practically what he will within very wide limits. But naturally this is hard work. The man's character, as it stands now, is the result of his own previous actions and thoughts. You who are familiar with the idea of reincarnation, with the thought that this life is only one day in the far larger life, will recognize that this day must depend upon all other days, and that the man is now what he has made himself by antecedent development. But he has lived through many lives, and that means that he has been many thousands of years in training himself to be what he is, even though such training has been unconscious on his part and without any definite aim. He has therefore established within himself many decided habits. We all know how difficult it is to conquer habit — how almost impossible it is to get rid of even some small physical trick of manner when once it has become a part of ourselves. Reasoning from [292] small things to larger ones, we may readily realize that when a man has certain habits which have been steadily strengthening themselves for thousands of years, it is a serious task for him to try to check

CÁCH XÂY DỰNG NHÂN CÁCH

Ý tưởng về việc xây dựng nhân cách là một điều mới mẻ đối với nhiều người. Họ thường nghĩ và nói về một con người được sinh ra với một nhân cách nhất định và gần như không thể thay đổi nó. Đôi khi họ cho rằng nhân cách của một người đã bị thay đổi bởi những nỗi đau buồn lớn hay sự đau khổ, điều này thực sự thường xảy ra; nhưng rất ít người dường như nhận ra rằng nhân cách là một thứ mà họ có thể tự tay xây dựng và rèn đúc cho chính mình — một thứ mà họ có thể kiên trì làm việc với sự chắc chắn sẽ đạt được kết quả tốt. Tuy nhiên, sự thật là một người có thể thay đổi bản thân một cách thông minh và tự nguyện, và có thể tự tạo cho mình gần như bất kỳ điều gì trong giới hạn rất rộng. Nhưng rõ ràng đây là một công việc khó khăn. Nhân cách của con người, như nó tồn tại hiện tại, là kết quả của những hành động và suy nghĩ trước đó của chính họ. Các bạn, những người đã quen thuộc với ý tưởng về luân hồi, với suy nghĩ rằng cuộc sống này chỉ là một ngày trong cuộc sống lớn hơn nhiều, sẽ nhận ra rằng ngày hôm nay phụ thuộc vào tất cả các ngày khác, và rằng con người hiện nay là những gì họ đã tự tạo ra qua sự phát triển trước đó. Nhưng họ đã trải qua nhiều kiếp sống, điều đó có nghĩa là họ đã trải qua hàng ngàn năm để tự rèn luyện để trở thành những gì họ là, mặc dù sự rèn luyện đó có thể đã vô thức và không có mục đích rõ ràng. Vì vậy, họ đã thiết lập trong mình nhiều thói quen quyết định. Tất cả chúng ta đều biết việc chiến thắng thói quen khó khăn như thế nào — gần như không thể loại bỏ một cử chỉ nhỏ bé trong lối hành xử khi nó đã trở thành một phần của chúng ta. Suy luận từ [292] những điều nhỏ nhặt đến những điều lớn hơn, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra rằng khi một người có những thói quen đã tự củng cố hàng ngàn năm, thì việc cố gắng kiểm soát quán

their momentum and to reverse the currents. These lines of thought and feeling are welded into the man, and they show as qualities which seem to be deeply ingrained in him. Now that he has yielded to them through all that length of time it seems from the worldly point of view impossible for him to resist them, yet it is by no means impossible from the point of view of the occultist.

tính của chúng và đảo ngược các dòng chảy là một nhiệm vụ nghiêm trọng. Những dòng suy nghĩ và cảm xúc này đã được nung nấu trong con người, và chúng hiện ra dưới dạng các phẩm chất có vẻ như đã ăn sâu vào bản chất của anh ta. Khi anh ta đã đầu hàng trước chúng trong suốt khoảng thời gian dài như vậy, dường như từ góc nhìn của thế gian là không thể kháng cự chúng, nhưng hoàn toàn không phải là không thể từ quan điểm của nhà huyền bí.

If, for example, the man has what we call an irritable character, that is because he has yielded himself to feelings of that nature in previous lives — because he has not developed within himself the virtue of self-control. If a man has a narrow, mean, and grasping character, it is because he has not yet learnt the opposite virtues of generosity and unselfishness. So it is all the way through; the man of open mind and genial heart has built into himself these virtues during the ages that have passed over his head. We are exactly what we have made ourselves. Yet we have become what we are without any special effort of thought or of intention. In those lives that are past we have grown without setting any definite object before us, and we have allowed ourselves to be to a great extent the creatures of our surroundings and circumstances.

Ví dụ, nếu một người có tính cách nóng nảy, đó là vì anh ta đã đầu hàng trước những cảm xúc đó trong các kiếp trước — bởi vì anh ta chưa phát triển được đức tính tự chủ trong mình. Nếu một người có tính cách hẹp hòi, nhỏ nhen và tham lam, đó là vì anh ta chưa học được các đức tính ngược lại như hào phóng và vị tha. Điều này cũng tương tự với tất cả các tính cách khác; người có tư duy cởi mở và trái tim thân thiện đã xây dựng những đức tính này vào bản thân qua những thời đại đã qua. Chúng ta chính là những gì chúng ta đã tự tạo ra. Tuy nhiên, chúng ta đã trở thành những gì chúng ta là mà không có nỗ lực suy nghĩ hay ý định cụ thể. Trong những kiếp sống đã qua, chúng ta đã phát triển mà không đặt ra bất kỳ mục tiêu rõ ràng nào, và chúng ta đã cho phép mình phần lớn trở thành những sinh vật của môi trường và hoàn cảnh.

In some cases we may have intentionally formed ourselves upon the model of someone whom we admired, and that person may have influenced our lives largely for a time. But obviously this hero of ours, whom we have copied, may have had bad qualities as well as good ones; and at these earlier stages it is little likely that we had the discrimination to choose only the good and to refuse [293] the evil. So we may probably have reproduced in ourselves his undesirable qualities as well as

Trong một số trường hợp, chúng ta có thể đã cố ý hình thành bản thân theo hình mẫu của ai đó mà chúng ta ngưỡng mộ, và người đó có thể đã ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của chúng ta trong một thời gian. Nhưng rõ ràng là người anh hùng này của chúng ta, người mà chúng ta đã bắt chước, có thể có cả những phẩm chất xấu lẫn tốt; và ở những giai đoạn trước, rất ít khả năng chúng ta có sự phân biện để chọn chỉ những điều tốt và từ chối [293] điều xấu. Vì vậy, có lẽ chúng ta cũng đã tái tạo trong bản

those which were worthy of imitation. You may see that this is so if you watch the actions of children in the present day, for from them we may learn much as to the probable actions of the child-nature of our undeveloped souls in the past. You may see how sometimes a boy conceives a violent hero-worship for some older person, and tries to model himself upon him. Suppose, for example, that the object of his adoration is some old sailor who can tell him wonderful stories of adventure on stormy seas and in far-distant lands. What the boy admires is the courage and endurance of the man, and he respects him for the experience and the knowledge which he has acquired in his wanderings. He cannot immediately reproduce the courage, the endurance, or the experience; but he can, and he does forthwith, copy the outward traits of his sailor-friend, and so he will faithfully imitate the curious nautical expressions, the tobacco-chewing and the rolling gait. Much in the same way we also may have been hero-worshippers in days and lives gone by, and we may have set up many an unpleasant habit in mimicry of some savage chieftain whose boastful bravery extorted our admiration.

thân những thói quen không mong muốn bên cạnh những phẩm chất đáng noi theo. Các bạn có thể thấy điều này nếu quan sát hành động của trẻ em ngày nay, vì từ đó chúng ta có thể học được nhiều điều về những hành động có thể đã xảy ra trong quá khứ của linh hồn chưa phát triển của chúng ta. Các bạn có thể thấy rằng đôi khi một cậu bé có sự ngưỡng mộ mãnh liệt đối với một người lớn nào đó và cố gắng bắt chước anh ta. Ví dụ, giả sử đối tượng của sự tôn sùng của cậu là một người thủy thủ già có thể kể những câu chuyện phiêu lưu tuyệt vời về những chuyến đi biển bão táp và những vùng đất xa xôi. Điều mà cậu bé ngưỡng mộ là lòng dũng cảm và sự chịu đựng của người đàn Ông, và cậu tôn trọng anh ta vì kinh nghiệm và kiến thức mà anh ta đã thu được trong những cuộc phiêu lưu của mình. Cậu không thể ngay lập tức tái tạo lòng dũng cảm, sự chịu đựng hay kinh nghiệm; nhưng cậu có thể, và lập tức làm ngay, bắt chước những biểu hiện bên ngoài của người bạn thủy thủ, và cậu sẽ trung thành mô phỏng những cách diễn đạt đặc biệt của thủy thủ, thói quen nhai thuốc lá và dáng đi lắc lư. Tương tự như vậy, chúng ta cũng có thể đã từng là những người ngưỡng mộ anh hùng trong những ngày và kiếp sống đã qua, và chúng ta có thể đã thiết lập nhiều thói quen khó chịu do bắt chước một thủ lĩnh dã man nào đó mà lòng dũng cảm khoác lác của anh ta đã khiến chúng ta ngưỡng mộ.

It is probable, however, that this idea (of definitely) taking our selves in hand for the sake of improvement) has occurred to few of us before this life. There is no question that to uproot old bad habits and to replace them by good ones means a great deal of trouble and a great deal of arduous self-control. It is a serious task, and the ordinary man has no knowledge of any motive sufficiently powerful to induce him to attempt it. In the absence of this adequate motive, he does not see why he should put himself to so much and

Tuy nhiên, có khả năng rằng ý tưởng (về việc) tự mình nắm giữ để cải thiện) đã xuất hiện trong rất ít người trước khi có cuộc sống này. Không có gì nghi ngờ rằng việc nhổ tận gốc những thói quen xấu cũ và thay thế chúng bằng những thói quen tốt đòi hỏi rất nhiều công sức và rất nhiều sự tự kiểm soát khó khăn. Đây là một nhiệm vụ nghiêm trọng, và người bình thường không có kiến thức về bất kỳ động lực nào đủ mạnh để khiến anh ta thử. Khi thiếu động lực thích đáng này, anh ta không thấy lý do gì khiến mình phải chịu đựng

such serious [294] trouble. He probably thinks of himself as a good fellow on the whole, though possibly with one or two amiable weaknesses; but he reflects that every one has his weaknesses, and that those of many other people are much worse than any which he observes in himself. So he lets himself drift along without making any effort.

quá nhiều phiền toái nghiêm trọng [294]. Anh ta có thể nghĩ rằng mình là một người tốt nhìn chung, dù có thể có một hoặc hai điểm yếu dễ thương; nhưng anh ta nghĩ rằng ai cũng có điểm yếu, và những điểm yếu của nhiều người khác còn tồi tệ hơn bất kỳ điều gì mà anh ta nhận thấy ở bản thân. Vì vậy, anh ta cứ để bản thân trôi theo mà không nỗ lực.

Before such a man can be expected to reverse his old habits, and set to work painfully to form new ones, he must first realize the necessity of a change of standpoint, and must obtain a wider view of life as a whole. The ordinary man of the world is frankly, cynically selfish. I do not mean that he is intentionally cruel, or that he is devoid of good feelings; on the contrary, he may often have good and generous impulses. But his life on the whole is certainly a self-centred life; his own personality is the pivot round which the majority of his thought revolves; he judges everything instantly and instinctively by the way in which it happens to affect him personally. Either he is absorbed in the pursuit of wealth, and blind to the higher side of things and to the spiritual life, or else his chief object in existence appears to be the physical enjoyment of the moment.

Trước khi một người như vậy có thể được mong đợi thay đổi các thói quen cũ của mình, và bắt đầu làm việc khó khăn để hình thành những thói quen mới, trước hết anh ta phải nhận ra sự cần thiết của một sự thay đổi quan điểm, và phải có được một cái nhìn rộng hơn về cuộc sống nói chung. Người bình thường trong thế gian thường thẳng thắn và hoài nghi ích kỷ. Tôi không có ý nói rằng anh ta cố tình tàn nhẫn, hay rằng anh ta không có cảm xúc tốt đẹp; ngược lại, anh ta có thể thường có những động lực tốt và hào phóng. Nhưng cuộc sống của anh ta nhìn chung chắc chắn là một cuộc sống tập trung vào bản thân; phàm ngã của anh ta là trung tâm quanh đó hầu hết suy nghĩ của anh ta xoay quanh; anh ta phán xét mọi thứ ngay lập tức và theo bản năng dựa trên cách mà chúng ảnh hưởng đến anh ta cá nhân. Hoặc là anh ta bị cuốn hút vào việc theo đuổi của cải, và mù quáng trước khía cạnh cao hơn của sự vật và cuộc sống tinh thần, hoặc mục đích chính của anh ta trong sự tồn tại dường như là sự hưởng thụ vật lý trong giây phút hiện tại.

The Average Irresponsible Vacuity—Sự Trống Rỗng Vô Trách Nhiệm Trung Bình

To see that this is so, we have only to look round us at the men whom we meet every day, or to listen to the conversations which are going on in the streets or the railway carriages. In nine cases out of ten we shall notice that the people are talking either about money, or amusements, or gossip. Their one

Để thấy rằng điều này là đúng, chúng ta chỉ cần nhìn quanh những người mà chúng ta gặp hàng ngày, hoặc lắng nghe những cuộc trò chuyện diễn ra trên đường phố hoặc trong những toa xe lửa. Trong chín trên mười trường hợp, chúng ta sẽ nhận thấy rằng mọi người đang nói về tiền bạc, giải trí, hoặc chuyện

idea in life seems to be what they call “having a good time,” or, as they frequently put it in still coarser and more objectionable language, “having lots of fun” — as though this were the end and the object of the existence of a reasonable [295] being, a living spark made in the Divine Image! I have been much struck with this — that the only idea which many people seem to connect with life is that of the sensuous pleasure of the moment — just amusement and nothing else. That seems to be all that they are able to comprehend, and it appears to be a sufficient reason for not having visited a certain place to say that there is no “fun” to be had there. I have often heard a similar remark made in France; there also s ‘amuser bien seems to be the great duty which is recognized by the majority, and it has passed into a figure of ordinary speech, so that a man will often write to another, “I hope you are amusing yourself well” — as though the pleasure of the moment were the only important business.

phiếm. Ý tưởng duy nhất của họ trong cuộc sống dường như là cái mà họ gọi là "tận hưởng cuộc sống", hoặc, như họ thường nói bằng ngôn ngữ thô thiển và phản cảm hơn, "vui chơi hết mình" — như thể đây là mục đích và mục tiêu của sự tồn tại của một [295] sinh vật có lý trí, một tia sáng sống động được tạo ra theo Hình Ảnh Thiêng Liêng! Tôi đã rất ấn tượng với điều này — rằng ý tưởng duy nhất mà nhiều người dường như gắn liền với cuộc sống là niềm vui thú giác quan của khoảnh khắc — chỉ là giải trí và không có gì khác. Điều đó dường như là tất cả những gì họ có thể hiểu, và dường như đó là lý do đủ để không ghé thăm một nơi nào đó, khi họ nói rằng ở đó không có "niềm vui". Tôi đã thường nghe những nhận xét tương tự ở Pháp; ở đó cũng vậy, ‘amuser bien dường như là bổn phận lớn được đại đa số công nhận, và điều này đã trở thành một cách nói thông thường, đến mức một người sẽ thường viết thư cho người khác, “Tôi hy vọng anh đang giải trí tốt” — như thể niềm vui của khoảnh khắc là công việc quan trọng duy nhất.

To listen to the conversation of these men and women of the present age one would suppose them to be he mere insects of a day, with no sense of duty, of responsibility, or of seriousness; they have not in the least realized themselves as immortal souls who are here for a purpose, and have a definite evolution before them; and so their life is one of shallow ignorance and giggling vacuity. The only life they seem to know is the life of the moment, and in this way they lower themselves to the level of the least intelligent of the animals about them. Man has been defined as a thinking animal, but it seems evident that as yet that definition applies only to part of the race. I think we must admit that to one or other of these two classes — the money-hunters, or the pleasure-hunters — belong the majority of the people in our occidental races,

Khi lắng nghe cuộc trò chuyện của những người đàn Ông và phụ nữ trong thời đại này, ta có thể cho rằng họ chỉ là những con côn trùng sống trong một ngày, không có ý thức về bổn phận, trách nhiệm hay sự nghiêm túc; họ hoàn toàn chưa nhận ra mình là những linh hồn bất tử, có mặt ở đây vì một mục đích và có một quá trình tiến hóa cụ thể phía trước. Và như vậy, cuộc sống của họ chỉ là sự ngu dốt nông cạn và sự rỗng tuếch cười đùa. Cuộc sống duy nhất mà họ dường như biết là cuộc sống của khoảnh khắc, và theo cách này, họ hạ mình xuống ngang tầm với những loài động vật kém thông minh nhất xung quanh họ. Con người đã được định nghĩa là loài động vật biết suy nghĩ, nhưng có vẻ như định nghĩa đó chỉ áp dụng cho một phần của nhân loại. Tôi nghĩ chúng ta phải thừa nhận rằng đa số mọi người trong các chủng tộc phương Tây của chúng ta thuộc về

and that those whose principal thoughts in life are duty and the pursuit of spiritual development are only a small minority.

một trong hai nhóm này — những kẻ săn tiền hoặc những kẻ săn vui — và rằng những người mà suy nghĩ chính trong cuộc sống là bổn phận và sự phát triển tinh thần chỉ là một thiểu số nhỏ.

There are many of them who have a recognition of duty in connection with their business, and they consider [296] that everything else must yield to that — even their personal pleasure. You will hear a man say "I should like to do this, but I have my business which requires attention; I cannot afford to lose time from my business." So that even the idea of personal pleasure becomes subsidiary to that of business. This is at least somewhat of an improvement, though it is often sadly overdone, and you will find many people to whom this idea of business has in its urn become a kind of god which they worship. They are in a condition of abject slavery to it, and they never can let themselves escape from its influence even for a moment. They bring it home with them, they are wholly involved with it, and they even dream of it at night; so that they sacrifice everything to this Moloch of business, and they cannot be said to have time for any true life at all. It will be seen that though there is here a dawning conception of duty it is still only upon the physical plane, and their thought is still limited to the affairs of the day. Only in the case of a small number will it be found that this idea is dominated by a light from higher planes; rarely indeed has the man a glimpse of a wider horizon. This concentration of attention upon the physical life of the passing day seems to be a characteristic of our present race, of the great so-called civilization which at present exists both in Europe and in America. Obviously the man who wishes to do anything definite in the way of character-building must first of all change this standpoint, for otherwise he has no adequate motive for undertaking so severe

Có nhiều người nhận thức được bổn phận liên quan đến công việc của họ, và họ coi [296] rằng mọi thứ khác phải nhường chỗ cho điều đó — thậm chí là cả niềm vui cá nhân của họ. Các bạn sẽ nghe một người đàn Ông nói "Tôi muốn làm điều này, nhưng tôi có công việc cần phải chú ý; tôi không thể để mất thời gian khỏi công việc." Vì vậy, ngay cả ý tưởng về niềm vui cá nhân cũng trở thành thứ yếu so với công việc. Đây ít nhất là một sự cải thiện đôi chút, mặc dù nó thường bị làm quá mức, và các bạn sẽ thấy nhiều người mà ý tưởng về công việc đã trở thành một loại thần thánh mà họ tôn thờ. Họ đang ở trong tình trạng nô lệ hoàn toàn đối với công việc, và họ không bao giờ có thể để mình thoát khỏi ảnh hưởng của nó dù chỉ trong một khoảnh khắc. Họ mang công việc về nhà, họ hoàn toàn bị cuốn vào đó, và họ thậm chí mơ về nó vào ban đêm; vì vậy họ hy sinh mọi thứ cho con quái vật Moloch của công việc, và không thể nói rằng họ có thời gian cho bất kỳ cuộc sống thực sự nào. Có thể thấy rằng dù ở đây có một sự nhận thức về bổn phận, nó vẫn chỉ nằm trên cõi trần, và suy nghĩ của họ vẫn bị giới hạn vào những công việc trong ngày. Chỉ trong trường hợp của một số ít người, ta mới thấy rằng ý tưởng này được chi phối bởi ánh sáng từ các cõi cao hơn; hiếm khi người ta có được một thoáng nhìn về chân trời rộng lớn hơn. Sự tập trung chú ý vào cuộc sống vật lý của ngày qua ngày dường như là đặc điểm của chủng tộc hiện tại của chúng ta, của nền văn minh được gọi là vĩ đại đang tồn tại ở cả châu Âu và châu Mỹ. Rõ ràng là người nào muốn làm bất cứ điều gì rõ ràng trong việc xây dựng nhân cách thì trước hết phải thay đổi quan điểm này, nếu không thì họ sẽ không có động lực đủ để thực hiện nhiệm vụ khó khăn

a task.

như vậy.

Conversion—Chuyển Hóa

In religious circles this change of standpoint is called conversion; and if it were freed from the somewhat unpleasant [297] canting associations with which it is ordinarily surrounded, this would be a good word to express exactly what happens to man. We know that in Latin verto means “to turn” and con signifies “together with,” so conversion is the point at which the man turns from following selfish ends and fighting against the great stream of Divine evolution, and henceforth begins to understand his position and to move along with that stream. In the Hindu religion they call this same change by the name of viveka, or “discrimination,” because when that comes to a man it means that he has learnt to see the relative value of objects and to distinguish to some extent between the real and the unreal, so that he is able to perceive that the higher things only are those which are worthy of his attention. In the Buddhist religion another name is given to this change — manodvaravarjana, or “The opening of the doors of the mind.” The man’s mind has in reality opened its doors; discrimination has awakened within it and its owner has brought it to bear upon the problems of life. The man who is wrapped up in pleasure has not yet opened his mind at all; he is not thinking about life in any serious way, but is immersed in the lower currents. The business man has developed the desire for acquisition, and is bending all his energies into action for that purpose; but his mind also has not yet opened to understand the realities of a higher life.

Trong các giới tôn giáo, sự thay đổi quan điểm này được gọi là chuyển hóa; và nếu nó được giải thoát khỏi những liên tưởng [297] khó chịu mà thường bao quanh nó, thì đây sẽ là một từ tốt để diễn đạt chính xác điều gì xảy ra với con người. Chúng ta biết rằng trong tiếng Latin, "verto" có nghĩa là "quay lại" và "con" có nghĩa là "cùng với", do đó chuyển hóa là điểm mà con người quay từ việc theo đuổi các mục tiêu ích kỷ và chống lại dòng chảy tiến hóa thiêng liêng, và từ đó bắt đầu hiểu vị trí của mình và di chuyển cùng dòng chảy đó. Trong tôn giáo Hindu, họ gọi sự thay đổi này bằng tên "viveka", hoặc "phân biện", bởi vì khi điều đó đến với một người, điều đó có nghĩa là anh ta đã học được cách nhìn thấy giá trị tương đối của các đối tượng và phần nào phân biệt giữa cái thực và cái ảo, để anh ta có thể nhận thức rằng chỉ những thứ cao hơn mới là những thứ xứng đáng với sự chú ý của mình. Trong tôn giáo Phật giáo, một tên gọi khác được đặt cho sự thay đổi này — "manodvaravarjana", hoặc "Mở cánh cửa của tâm trí". Tâm trí của con người thực sự đã mở cửa; sự phân biện đã thức tỉnh bên trong nó và người chủ của nó đã đưa nó vào việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống. Người đắm chìm trong vui thú chưa mở tâm trí của mình chút nào; anh ta không suy nghĩ về cuộc sống một cách nghiêm túc, mà bị cuốn vào các dòng chảy thấp hơn. Người làm kinh doanh đã phát triển khao khát chiếm hữu, và đang dồn toàn bộ năng lượng của mình vào hành động vì mục đích đó; nhưng tâm trí của anh ta cũng chưa mở ra để hiểu những thực tại của cuộc sống cao hơn.

This opening of the doors, this discrimination, this conversion, means the realization that the things which are seen upon the physical

Sự mở cửa của tâm trí này, sự phân biện này, sự chuyển hóa này, có nghĩa là nhận thức rằng những điều thấy được trên cõi trần là tạm thời

plane are temporal and of little importance as compared with these other things which are unseen and eternal. It is precisely that which is spoken of in the bible, when we are told: "Set your affection on things above and not on things of the [298] earth... for the things which are seen are temporal, but the things which are not seen are eternal." This does not mean that a man must give up his ordinary daily life, or must abandon his business or his duties in order to become what is commonly called a pious or a devout man; but it does mean that he should learn intelligently to appreciate other things besides those which are immediately obvious upon the physical plane.

và ít quan trọng hơn so với những điều không thấy được và vĩnh cửu. Chính điều này được nói đến trong kinh thánh, khi chúng ta được bảo rằng: "Hãy đặt tình cảm của bạn vào những điều trên cao và không phải những điều của [298] trần thế... vì những điều thấy được là tạm thời, nhưng những điều không thấy được là vĩnh cửu." Điều này không có nghĩa là một người phải từ bỏ cuộc sống hàng ngày của mình, hoặc phải bỏ công việc hay nhiệm vụ của mình để trở thành một người sùng đạo hay thành tâm; nhưng nó có nghĩa là anh ta nên học cách hiểu một cách thông minh những điều khác ngoài những điều hiển nhiên trên cõi trần.

We all of us at different stages have to learn to do this; we have to learn to widen our horizon. As little children, for example, we appreciate only those things which are near to us, and we are unable to look far ahead of time, or to plan much for the future. But as we grow older we learn by experience that it is sometimes necessary for us to give up the pleasures of the moment in order that we may gain something in the future which shall be better and greater. In the first place this is usually to gain something still for ourselves; for it is only by degrees that the true unselfishness dawns. In many cases the little child would spend the whole of his time in play if he were allowed to do so, and it is a matter of regret to him that restrictions are imposed upon him and that he is compelled to learn. Yet we universally recognize that the child should learn, because we know what the child as yet does not — that that learning will fit him to take his place in life, and to have a fuller and more useful career than would be possible for him if instead of learning he devoted himself entirely to the joys of the moment.

Tất cả chúng ta, ở những giai đoạn khác nhau, đều phải học cách làm điều này; chúng ta phải học cách mở rộng tầm nhìn của mình. Chẳng hạn, khi còn là những đứa trẻ, chúng ta chỉ đánh giá cao những thứ gần gũi với mình, và chúng ta không thể nhìn xa hơn trước thời gian, hoặc lập kế hoạch nhiều cho tương lai. Nhưng khi chúng ta lớn lên, chúng ta học được qua kinh nghiệm rằng đôi khi cần phải từ bỏ những niềm vui của khoảnh khắc để có được điều gì đó trong tương lai sẽ tốt hơn và lớn hơn. Ban đầu, điều này thường là để đạt được điều gì đó cho chính mình; bởi vì chỉ dần dần sự vô ngã thật sự mới xuất hiện. Trong nhiều trường hợp, đứa trẻ nhỏ sẽ dành toàn bộ thời gian của mình để chơi đùa nếu được phép, và điều đó khiến nó cảm thấy tiếc nuối khi bị áp đặt các quy định và bị buộc phải học tập. Tuy nhiên, chúng ta đều nhận thức rằng đứa trẻ cần học tập, bởi vì chúng ta biết những gì đứa trẻ chưa biết — rằng việc học đó sẽ giúp nó thích nghi với cuộc sống, và có một sự nghiệp đầy đủ và hữu ích hơn so với việc nếu thay vì học tập, nó chỉ dành hết thời gian để tận hưởng niềm vui của khoảnh khắc.

Yet we who thus enforce this learning upon

Tuy nhiên, chúng ta, những người ép buộc đứa

the child are ourselves doing the same thing for which we blame the little one, when we regard the matter from a somewhat higher standpoint. We also are working for the moment — for the moment of this one life, and we fail to [299] realize that there is something infinitely grander and higher and happier within reach if we only understood it. We are working for this one day only, and not for the future which will be eternal. The moment a man becomes convinced of this higher life and of the eternal future — as soon as he realizes that he has his part to play in that, naturally his common-sense asserts itself, and he says to himself: "If that be so, obviously these material things are of comparatively little account, and instead of wasting the whole of my time I must be learning to prepare myself for this greater life in the future." There at once is the adequate motive whose lack we previously deplored; there is the incentive to learn to build the character, in order to fit oneself for that other and higher life.

trẻ học tập, chính là đang làm điều mà chúng ta trách móc đứa trẻ khi nhìn từ một quan điểm cao hơn. Chúng ta cũng đang làm việc cho khoảnh khắc — cho khoảnh khắc của một đời sống này, và chúng ta không nhận ra [299] rằng có điều gì đó vô cùng vĩ đại và cao cả hơn trong tầm tay nếu chúng ta chỉ hiểu được nó. Chúng ta đang làm việc cho ngày hôm nay, và không phải cho tương lai vĩnh cửu. Ngay khoảnh khắc một người bị thuyết phục về cuộc sống cao hơn này và về tương lai vĩnh cửu — ngay khi anh ta nhận ra rằng mình có một vai trò cần đóng trong đó, một cách tự nhiên lý trí của anh ta sẽ khẳng định, và anh ta tự nhủ: "Nếu điều đó là thật, rõ ràng những điều vật chất này có ít giá trị hơn, và thay vì lãng phí toàn bộ thời gian của mình, tôi phải học cách chuẩn bị cho cuộc sống vĩ đại hơn trong tương lai." Ở đây ngay lập tức là động lực đầy đủ mà chúng ta đã từng than phiền về sự thiếu sót; ở đây là động lực để học cách xây dựng nhân cách, nhằm chuẩn bị cho bản thân cho cuộc sống khác và cao hơn đó.

Puritanism—Thanh Giáo

I think that Puritanism, which has played such a prominent part in the history both of England and of America, arose chiefly as a reaction against that view of life of which I was speaking just now — the mere living for the careless selfish enjoyment of the moment. I believe that Puritanism was in itself largely a protest against that, and in so far as it emphasized the reality of the higher life, and the necessity of paying attention to it, it had good in it. True, it also did much harm — more harm than good on the whole, because it did this terrible thing, that it made people identify religion with sourness and sadness. It made people think that to be good one must be miserable; it degraded and all but destroyed

Tôi nghĩ rằng Thanh giáo, vốn đóng vai trò nổi bật trong lịch sử cả Anh và Mỹ, chủ yếu phát sinh như một phản ứng chống lại quan điểm sống mà tôi vừa nhắc đến — việc chỉ sống để tận hưởng sự ích kỷ và vô tư của khoảnh khắc. Tôi tin rằng Thanh giáo phần lớn là một sự phản đối điều đó, và trong chừng mực nó nhấn mạnh vào thực tế của đời sống cao hơn, và sự cần thiết phải chú ý đến nó, thì nó có điểm tốt. Đúng là, nó cũng đã gây ra nhiều tác hại — nhiều tác hại hơn là lợi ích tổng thể, bởi vì nó đã làm điều khủng khiếp này: nó khiến mọi người đồng nhất tôn giáo với sự chua chát và buồn bã. Nó làm cho con người nghĩ rằng để trở nên tốt, người ta phải khổ sở; nó làm suy thoái và hầu như phá hủy ý niệm về Người Cha

the idea of the loving Father. It blasphemed God by telling horrible and wicked falsehoods with regard to Him; it misrepresented Him as a stern and cruel judge, a monster, instead of a Father full of love [300] and compassion; and in doing this it warped and distorted Anglo-Saxon Christianity, and set a stamp upon it from which it has not even yet recovered.

yêu thương. Nó đã phạm thượng Thượng Đế bằng cách nói những điều dối trá khủng khiếp và ác độc về Ngài; nó đã xuyên tạc Ngài như một vị thẩm phán nghiêm khắc và tàn nhẫn, một con quái vật, thay vì là một Người Cha đầy yêu thương [300] và lòng trắc ẩn; và khi làm như vậy, nó đã làm méo mó và biến dạng đạo Kitô Anglo-Saxon, và đặt lên đó một dấu ấn mà cho đến nay nó vẫn chưa thể hoàn toàn phục hồi.

Perhaps the reason of this may be that it made a common mistake — that it confused cause and effect. It is true that a man who has learned to appreciate the higher joys of the spiritual life cares little for those of the ordinary physical existence. That is not because he has lost his capacity for joy, but because he has now realized something so much fuller and wider, that by comparison with it the lower delight has ceased to seem joy at all. When the boy comes to be a man he has outgrown his childish toys, yet he is capable of other and much greater pleasures than those could ever have given him. Just so the man who rises in evolution, so that instead of mere selfish delights he comes to appreciate the far greater joy of unselfish work, will find that his ordinary pleasures are no longer satisfying to him and seem to him no longer worthy the trouble of pursuit. This is because he has reached a higher standpoint and gained a wider horizon; but the result upon the physical plane gives the impression that he has ceased to be interested in the lower physical pleasures.

Có lẽ lý do cho điều này là nó đã mắc phải một sai lầm phổ biến — đó là nhầm lẫn giữa nguyên nhân và kết quả. Đúng là một người đã học cách trân trọng những niềm vui cao hơn của đời sống tinh thần thì ít quan tâm đến những niềm vui của cuộc sống vật chất thông thường. Điều đó không phải vì anh ta đã mất khả năng tận hưởng, mà vì anh ta đã nhận ra điều gì đó trọn vẹn hơn và rộng lớn hơn rất nhiều, đến mức so với nó, niềm vui thấp hơn không còn được coi là niềm vui nữa. Khi cậu bé trở thành một người đàn Ông, cậu đã trưởng thành hơn so với những món đồ chơi trẻ con của mình, nhưng cậu vẫn có khả năng tận hưởng những niềm vui lớn lao hơn nhiều so với những gì những món đồ chơi đó từng mang lại. Tương tự như vậy, một người khi tiến hóa lên cao hơn, thay vì chỉ những thú vui ích kỷ, anh ta sẽ bắt đầu trân trọng niềm vui lớn lao hơn của công việc vị tha, và anh ta sẽ thấy rằng những niềm vui thông thường không còn mang lại sự thỏa mãn và dường như không còn xứng đáng để theo đuổi nữa. Điều này là vì anh ta đã đạt đến một quan điểm cao hơn và mở rộng tầm nhìn của mình; nhưng kết quả trên cõi trần lại gây ấn tượng rằng anh ta đã không còn hứng thú với những niềm vui thấp hơn của cõi trần.

We must not, however, confuse the cause with the effect as the unfortunate Puritans did, and suppose that by turning our backs upon the joys of the physical plane we

Tuy nhiên, chúng ta không nên nhầm lẫn nguyên nhân với kết quả như những người Thanh giáo không may đã làm, và giả định rằng bằng cách quay lưng lại với những niềm

therefore instantly become the more highly evolved men with the wider outlook. It is true that because the young man has developed he no longer cares for infantile pleasures; it would not be true that the infant by refusing the delights appropriate to his age would thereby become an adult. It is well, then, that we should realize clearly that it is emphatically a false and foolish doctrine that to be good men must be miserable. Exactly [301] the reverse is true, for God means man to be happy, and it is certainly his duty to be so; for a man who is unhappy radiates depression all round him, and thus makes life harder for his fellow-men.

vui của cõi trần, chúng ta sẽ ngay lập tức trở thành những con người phát triển cao hơn với tầm nhìn rộng lớn hơn. Đúng là vì người thanh niên đã phát triển nên anh ta không còn quan tâm đến những thú vui trẻ con; nhưng sẽ không đúng khi nói rằng một đứa trẻ bằng cách từ chối những niềm vui phù hợp với lứa tuổi của mình thì sẽ trở thành người trưởng thành. Vì vậy, chúng ta nên nhận thức rõ ràng rằng đó là một học thuyết sai lầm và ngu ngốc khi cho rằng để trở nên tốt, con người phải khổ sở. Ngược lại hoàn toàn [301], vì Thượng Đế muốn con người được hạnh phúc, và chắc chắn con người có bổn phận phải hạnh phúc; bởi vì một người không hạnh phúc sẽ lan tỏa sự chán nản xung quanh mình, và do đó làm cho cuộc sống của đồng loại trở nên khó khăn hơn.

The Awakening—Sự Thức Tỉnh

How then does a man come to make this great effort of trying to build his character, trying to make something of himself? The safest and the most satisfactory path is that which we have just indicated. The man comes to wider knowledge, he comes to understand that there is a grander and higher life; he sees that there is a great scheme, and that man is part of that scheme. Seeing that, and appreciating to some extent the splendour and the glory of the plan, he wishes to become an intelligent part of it — he wishes to take his place in it, no longer merely as a straw swept along by a storm, but rather as one who understands and desires to take his share in the mighty divine work that is being done.

Vậy làm sao một người có thể thực hiện nỗ lực lớn lao trong việc cố gắng xây dựng nhân cách của mình, cố gắng làm nên một điều gì đó từ bản thân? Con đường an toàn và hài lòng nhất chính là con đường mà chúng ta vừa chỉ ra. Người đó sẽ có được kiến thức rộng hơn, hiểu rằng có một cuộc sống lớn lao và cao hơn; anh ta sẽ thấy rằng có một kế hoạch vĩ đại, và con người là một phần của kế hoạch đó. Khi nhìn thấy điều đó, và phần nào cảm nhận được sự huy hoàng của kế hoạch, anh ta sẽ mong muốn trở thành một phần thông minh của nó — mong muốn đóng vai trò của mình trong đó, không còn chỉ là một hạt rơm bị cuốn theo bởi cơn bão, mà là một người hiểu và muốn đóng góp phần mình vào công việc thiêng liêng to lớn đang diễn ra.

There are others whose awakening comes along a different line — the line of devotion, rather than of knowledge. They are strongly attracted either by a high ideal, or by some lofty personality; their love and admiration

Có những người khác mà sự thức tỉnh đến theo một hướng khác — hướng của sự tận tâm, thay vì kiến thức. Họ bị thu hút mạnh mẽ bởi một lý tưởng cao cả hoặc một nhân cách vĩ đại nào đó; tình yêu và sự ngưỡng mộ của họ được khơi

are excited, and for the sake of that ideal, for the sake of that personality, they make strenuous endeavours to develop themselves. When this devotion is inspired by the glimpse of a splendid ideal it is indeed a glorious thing, and its action is practically indistinguishable from that of spiritual knowledge. When the devotion is to a person it is often hardly less beautiful, though then there is a certain element of danger arising from the fact that the object of this intense affection is human and must therefore possess imperfections. Sometimes it happens that the devotee comes suddenly upon one of these imperfections, [302] and receives therefrom a rude shock which may tend to diminish or divert the devotion. The high ideal can never fail the man who trusts it; the person may always do so to some extent or in some respect, and consequently there is less security in the devotion to a teacher.

dậy, và vì lý tưởng đó, vì nhân cách đó, họ nỗ lực hết mình để phát triển bản thân. Khi sự tận tâm này được truyền cảm hứng bởi một lý tưởng tuyệt vời, đó quả thực là một điều vinh quang, và hành động của nó hầu như không thể phân biệt được với sự hiểu biết tinh thần. Khi sự tận tâm là hướng về một người, điều đó cũng không kém phần đẹp đẽ, mặc dù lúc đó có một yếu tố nguy hiểm do thực tế rằng đối tượng của tình cảm mãnh liệt này là con người và do đó chắc chắn sẽ có những khiếm khuyết. Đôi khi xảy ra trường hợp người tín đồ đột ngột phát hiện ra một trong những khiếm khuyết này, [302] và điều đó gây ra một cú sốc lớn có thể làm giảm hoặc làm lệch hướng sự tận tâm. Lý tưởng cao cả không bao giờ có thể khiến người tin tưởng nó thất vọng; nhưng con người có thể luôn làm vậy ở một mức độ nào đó hoặc trong một khía cạnh nào đó, và do đó sự tận tâm đối với một người thầy ít an toàn hơn.

We in the Theosophical Society have had some experience in this direction, for among our students there are many who approach the truth by this road of devotion. When the devotion is to Theosophy, all goes well; their enthusiasm grows ever more and more brilliant as they learn more of the truth; and no matter how far they penetrate, or which of its many sides they investigate, they can never be disappointed. But when the devotion has been not to Theosophy or to the great Masters who gave it to the world, but to some one of their instruments on the physical plane, we have found that its basis is less secure. Many entered the Society and took up its studies on the strength of a personal devotion to its great founder, Madame Blavatsky. Those who knew her most intimately, those who came nearest to understanding that wonderful many-sided individuality, never lost faith in her, nor their deep heartfelt affection and devotion for her;

Chúng ta trong Hội Thông Thiên Học đã có một số kinh nghiệm trong phương diện này, vì trong số các học viên của chúng ta, có nhiều người tiếp cận sự thật thông qua con đường của sự tận tâm. Khi sự tận tâm hướng về Thông Thiên Học, mọi việc diễn ra tốt đẹp; sự nhiệt tình của họ ngày càng rực rỡ hơn khi họ học hỏi thêm về sự thật; và bất kể họ đi sâu bao xa, hay nghiên cứu mặt nào của nó, họ không bao giờ cảm thấy thất vọng. Nhưng khi sự tận tâm không phải là hướng đến Thông Thiên Học hoặc các Chân sư vĩ đại đã mang nó đến thế giới, mà là hướng đến một trong những công cụ của các Ngài trên cõi trần, chúng ta nhận thấy rằng nền tảng của sự tận tâm đó ít vững chắc hơn. Nhiều người gia nhập Hội và bắt đầu nghiên cứu dựa trên sức mạnh của lòng tận tâm cá nhân dành cho người sáng lập vĩ đại của Hội, Madame Blavatsky. Những người hiểu rõ bà nhất, những người gần gũi nhất với việc hiểu được cá tính tuyệt vời và đa diện của bà, không bao giờ mất niềm tin vào

but others who knew less of her were perturbed when they read or heard of wild accusations brought against her, or when they saw the unfavourable report of a learned society concerning her. Then it often happened that because their faith had been based upon the personality (and upon one which they did not understand) they found themselves altogether overthrown, and abandoned the study of Theosophy for this incarnation. Such action is obviously utterly irrational, for even if all the absurd stories circulated about Madame Blavatsky had been true, the mighty doctrines of Theosophy [303] still remain the same, and its system is still unassailable; but the emotional person does not reason, and so when the prejudices of these good people were shocked or their feelings were hurt, they abandoned the society in a rage, not realising that they were themselves the only sufferers through their folly.

bà, cũng như không mất đi tình cảm sâu sắc và lòng tận tâm chân thành của họ đối với bà; nhưng những người khác ít hiểu biết về bà đã lo lắng khi đọc hoặc nghe thấy những lời cáo buộc hoang dã chống lại bà, hoặc khi họ thấy bản báo cáo không thuận lợi của một hội khoa học học thuật về bà. Khi đó thường xảy ra rằng vì niềm tin của họ dựa trên cá nhân (và dựa trên một cá nhân mà họ không hiểu), họ cảm thấy mình hoàn toàn bị đánh bại và từ bỏ việc nghiên cứu Thông Thiên Học trong kiếp này. Hành động như vậy rõ ràng là hoàn toàn phi lý, bởi ngay cả khi tất cả những câu chuyện vô lý được lan truyền về Madame Blavatsky đều là sự thật, thì các giáo lý vĩ đại của Thông Thiên Học [303] vẫn giữ nguyên và hệ thống của nó vẫn không thể bị tấn công; nhưng người cảm xúc thì không lý luận, và vì vậy khi thành kiến của những người tốt này bị sốc hoặc cảm xúc của họ bị tổn thương, họ từ bỏ Hội trong cơn thịnh nộ, không nhận ra rằng chính họ là những người duy nhất phải chịu đựng bởi sự dại dột của mình.

Devotion is a splendid force; yet without an intelligent comprehension of that to which the devotion is felt, it has often led people terribly wrong. But if the man clearly grasps the mighty Divine scheme of evolution, and feels his devotion called forth by that, then all is well with him, for that cannot fail him, and the more he knows of it, the deeper his devotion will become and the more thoroughly will he identify himself with it. There is no fear of close investigation there, for fuller knowledge means deeper adoration, greater wonder, profounder love. For these reasons it is best for the man to feel his devotion for the ideals rather than for personalities, however lofty these may be. Best of all is it that he should base himself upon reason and fact, and argue from what is well-known scientifically to the things not yet known in the outer world. His inferences may

Sự tận tâm là một lực mạnh mẽ tuyệt vời; tuy nhiên, nếu không có sự hiểu biết sáng suốt về điều mà họ cảm thấy tận tâm, nó thường dẫn mọi người đi sai lầm khủng khiếp. Nhưng nếu con người nắm bắt rõ ràng kế hoạch Tiến hóa Thiêng liêng vĩ đại, và cảm thấy sự tận tâm của mình được khơi gợi bởi điều đó, thì anh ta sẽ ổn thỏa, vì điều đó không thể làm anh ta thất vọng, và càng biết nhiều về nó, sự tận tâm của anh ta càng sâu sắc và anh ta càng hòa nhập toàn diện với nó. Không có nỗi sợ hãi khi điều tra kỹ lưỡng ở đây, bởi vì kiến thức càng đầy đủ, lòng tôn kính càng sâu sắc, sự ngưỡng mộ càng lớn và tình yêu càng sâu sắc. Vì những lý do này, tốt nhất là người ta nên dành sự tận tâm của mình cho các lý tưởng hơn là cho các cá nhân, dù những cá nhân đó có cao quý đến đâu. Tốt nhất là anh ta nên dựa trên lý trí và sự thật, và lý luận từ những gì đã được biết đến về mặt khoa học đến những điều chưa được biết

sometimes be wrong, but he realizes that possibility, and is always ready to change them if good reason can be shown to him. Any such alterations in detail cannot affect the basis upon which his system rests, since that is not accepted upon blind faith, but stands on the secure platform of reason and of common-sense. He knows that the mighty scheme of evolution exists, although as yet our knowledge of it is imperfect; he knows that he is put here for a purpose, and the he ought to be trying to do his share in the work of the world. How then can he begin to fit himself to take that share? There comes in the question of the building of character. [304]

đến trong thế giới bên ngoài. Suy luận của anh ta đôi khi có thể sai, nhưng anh ta nhận thức được khả năng đó và luôn sẵn sàng thay đổi chúng nếu có lý do chính đáng được chỉ ra cho anh ta. Bất kỳ sự thay đổi chi tiết nào như vậy cũng không thể ảnh hưởng đến nền tảng mà hệ thống của anh ta dựa trên, bởi vì nó không được chấp nhận dựa trên niềm tin mù quáng, mà đứng vững trên nền tảng của lý trí và sự thông thường. Anh ta biết rằng kế hoạch tiến hóa vĩ đại tồn tại, mặc dù cho đến nay kiến thức của chúng ta về nó còn chưa hoàn thiện; anh ta biết rằng anh ta được đặt ở đây vì một mục đích, và anh ta nên cố gắng thực hiện phần công việc của mình trong thế giới. Vậy làm thế nào anh ta có thể bắt đầu rèn luyện bản thân để đảm nhận phần việc đó? Đó là lúc vấn đề xây dựng nhân cách xuất hiện. [304]

A man sees himself to be fit or unfit as the case may be; to be fit in certain ways perhaps, but much hampered in others by characteristics which he possesses. There at once is an adequate motive for him to take himself in hand, when he realizes that his life is not for this short and fleeting period only, but for all eternity, when he sees that the conditions of the future days of this wider life will be modified by his actions now. He recognizes that he must so train himself as to be able to do this noble work which he sees opening up before him — that he must not waste his time in idleness or folly, because if he does he cannot sustain the part destined for him. He must learn, he must educate and develop himself in various ways in order that he may not fail in his ability to bear his share in the future that awaits us, in the glory that shall be revealed.

Con người thấy mình phù hợp hoặc không phù hợp tùy trường hợp; có lẽ phù hợp ở một số mặt, nhưng lại bị cản trở rất nhiều ở những mặt khác bởi những đặc điểm mà anh ta có. Ngay lập tức đó là một động lực đầy đủ để anh ta nắm lấy bản thân, khi anh ta nhận ra rằng cuộc sống của mình không chỉ tồn tại trong thời gian ngắn ngủi và thoáng qua này, mà là kéo dài mãi mãi, khi anh ta thấy rằng các điều kiện của những ngày tương lai trong cuộc sống rộng lớn hơn này sẽ bị thay đổi bởi những hành động của anh ta bây giờ. Anh ta nhận thức rằng anh ta phải tự rèn luyện mình để có thể thực hiện công việc cao quý mà anh ta thấy đang mở ra trước mắt mình — rằng anh ta không được lãng phí thời gian trong sự nhàn rỗi hay dại dột, vì nếu anh ta làm vậy, anh ta sẽ không thể duy trì phần công việc dành cho mình. Anh ta phải học hỏi, anh ta phải tự giáo dục và phát triển bản thân theo nhiều cách để anh ta không thất bại trong khả năng đảm nhận phần công việc của mình trong tương lai đang chờ đợi chúng ta, trong vinh quang sẽ được tiết lộ.

As to the stages in which this can be done, perhaps we can hardly do better than listen to the words of one of the mightiest of earth's teachers, whom I quoted to you in a previous lecture. You will remember that men asked the Lord Buddha to state the whole of his marvellous doctrine in one single verse; and that he replied in these memorable words:- "Cease to do evil; learn to do well; cleanse your own heart; this is the teaching of the Buddhas." Let us take up the building of character along the lines indicated by the golden words of the great Indian Prince, and see how thoroughly his single sentence covers the work of many lives.

Về các giai đoạn mà điều này có thể được thực hiện, có lẽ chúng ta không thể làm tốt hơn là lắng nghe những lời của một trong những vị thầy vĩ đại nhất của thế giới, người mà tôi đã trích dẫn trong một bài giảng trước. Các bạn sẽ nhớ rằng người ta đã yêu cầu Đức Phật tuyên bố toàn bộ giáo lý tuyệt diệu của Ngài trong một câu thơ duy nhất; và Ngài đã trả lời bằng những lời đáng nhớ sau đây: "Hãy ngừng làm điều ác; học cách làm điều tốt; thanh lọc trái tim của bạn; đây là giáo lý của các Đức Phật." Chúng ta hãy tiếp nhận việc xây dựng nhân cách theo các hướng mà những lời vàng ngọc của vị Hoàng tử Ấn Độ vĩ đại đã chỉ ra, và xem câu nói đơn giản của Ngài bao phủ công việc của nhiều kiếp sống một cách trọn vẹn như thế nào.

Sabba papassa akaranam—Sabba papassa akaranam

"Cease to do evil." Let us look at ourselves carefully and thoughtfully, examine ourselves and see what there is in us that stands in our way, that prevents us from being perfect characters. We know the goal that [305] is set before us; we who have read the Theosophical books now what is written there of the great Masters of Wisdom — of those men who are almost more than men, and of their glory, power, compassion, and wisdom. There is no mystery as to the qualifications of the adept; the steps of the path of holiness are fully described in our books, with the qualities which belong to each of them. What the Masters are, what the Buddha was, what the Christ was, that we must all some day become; we may therefore set before ourselves what is known of these exalted characters, and putting ourselves in comparison with them we shall see at once in how many ways we fall lamentably short of that grand ideal. Lamentably, yet not hopelessly, for these great Masters assure us that they have risen from the ranks in which we are now toiling,

"Ngừng làm điều ác." Hãy nhìn vào chính mình một cách cẩn thận và suy tư, tự kiểm điểm và xem trong chúng ta có điều gì cản trở con đường của chúng ta, ngăn cản chúng ta trở thành những nhân cách hoàn hảo. Chúng ta biết mục tiêu [305] đã được đặt ra trước mắt; những ai đã đọc các sách Thông Thiên Học đều biết những gì được viết về các Chân sư Minh triết vĩ đại — những con người gần như hơn cả con người, và về sự huy hoàng, quyền năng, lòng từ bi và minh triết của các Ngài. Không có gì bí ẩn về các tiêu chuẩn của bậc Chân sư; các bước trên con đường thánh thiện được mô tả đầy đủ trong sách của chúng ta, cùng với các phẩm chất thuộc về mỗi bước đó. Những gì các Chân sư là, những gì Đức Phật là, những gì Đức Christ là, thì chúng ta cũng phải trở thành vào một ngày nào đó; do đó chúng ta có thể đặt ra trước mắt mình những gì đã được biết về các nhân cách cao thượng này, và khi so sánh bản thân với họ, chúng ta sẽ thấy ngay rằng ở bao nhiêu mặt chúng ta còn thiếu sót đáng buồn so với lý tưởng cao cả đó. Đáng buồn, nhưng không phải là vô vọng, vì các Chân sư vĩ đại đã

and that as they are now so we shall be in the future; and whether that future be near or distant is a matter which is entirely in our own hands, and rests upon our own exertions.

bảo đảm với chúng ta rằng các Ngài đã tiến lên từ những hàng ngũ nơi chúng ta đang nỗ lực, và rằng như các Ngài hiện tại, chúng ta cũng sẽ trở thành trong tương lai; và liệu tương lai đó có gần hay xa hoàn toàn phụ thuộc vào chính chúng ta, và nằm trong tầm tay của sự nỗ lực của chúng ta.

The attempt to compare ourselves with these perfect men will at once reveal to us the existence of many faults and failings in ourselves which have long ago disappeared from them. Thus we commence our effort to obey the command of the Buddha. "Cease to do evil," by setting to work to eradicate these undesirable qualities. We have not far to look for them. Let us take, for example, the quality of irritability — a very common failing in a civilization such as ours, in which there is such a constant rush and whirl, and so much of nervous overstrain. Here is a prominent evil which must certainly be cast out. A man often thinks of himself as having been born with a highly-strung nervous organism, and therefore unable to help feeling things more keenly than other people; and so he expresses this additional [306] sensitiveness by irritability. That is the mistake which he makes. It may be true that he is keenly sensitive; as the race develops many people are becoming so. Yet the fact remains that the man himself should remain master of his vehicles and not allow himself to be swept away by the storm of passion.

Việc cố gắng so sánh bản thân với những con người hoàn hảo này sẽ ngay lập tức cho thấy trong chúng ta tồn tại nhiều lỗi lầm và thiếu sót mà từ lâu đã biến mất khỏi họ. Do đó, chúng ta bắt đầu nỗ lực tuân theo lời dạy của Đức Phật "Ngừng làm điều ác" bằng cách bắt đầu làm việc để nhổ bỏ những phẩm chất không mong muốn này. Chúng ta không cần phải tìm đâu xa. Hãy lấy ví dụ về tính dễ cáu kỉnh — một nhược điểm rất phổ biến trong một nền văn minh như của chúng ta, nơi có quá nhiều áp lực và căng thẳng thần kinh. Đây là một tệ nạn nổi bật chắc chắn phải bị loại bỏ. Một người thường nghĩ về bản thân mình là được sinh ra với một hệ thống thần kinh căng thẳng cao độ, và do đó không thể ngăn cản việc cảm nhận mọi thứ mạnh mẽ hơn những người khác; và vì vậy anh ta biểu hiện sự nhạy cảm này bằng tính dễ cáu kỉnh. Đó là sai lầm mà anh ta mắc phải. Có thể đúng là anh ta rất nhạy cảm; khi chủng tộc phát triển, nhiều người đang trở nên như vậy. Tuy nhiên, sự thật vẫn là người đàn Ông đó phải luôn làm chủ các phương tiện của mình và không để mình bị cuốn trôi bởi cơn bão của cảm xúc.

Astral Disturbance—Sự Xáo Trộn Cảm Dục

This irritability is seen by the clairvoyant as liability to disturbance in the astral body. This astral body is a vehicle with which the man has clothed himself in order that he may learn through it. It cannot therefore fulfill its purpose unless he has it thoroughly under control. As the Indian books tell us, these

Tính dễ cáu kỉnh này được nhà thông nhãn nhìn thấy như là một sự dễ bị xáo trộn trong thể cảm dục. Thể cảm dục này là một phương tiện mà con người đã khoác lên mình để học hỏi qua đó. Do đó, nó không thể hoàn thành mục đích của mình trừ khi anh ta kiểm soát hoàn toàn nó. Như các sách Ấn Độ đã nói,

passions and desires are like horses—in order to be useful to us they must be under the control of the mind who is the driver; and this driver himself must also be ready to obey the slightest order which comes from the true man who sits in the chariot directing the movement of these his servants. For the man to allow himself to be swayed or swept from his base by his passions and emotions, is to allow his horses to run away with him and to carry him whither they will instead of whither he will. It is for us to say whether we will allow ourselves to be mastered in this undignified manner by these feelings which should be our servants. We have the right and the power to say that this shall not be, and that these unruly horses shall be brought under control. It may be true that for a long time we have allowed them to have their own way until to yield to them instead of dominating them has become a fixed habit. Yet to learn to manage them is the first step in the upward path; there can be no question that it will have to be taken, and the sooner it is taken the easier it will be. [307]

những đam mê và dục vọng này giống như những con ngựa — để hữu ích cho chúng ta, chúng phải nằm dưới sự kiểm soát của trí tuệ, người lái xe; và chính người lái xe này cũng phải sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh nhỏ nhất từ con người thật sự, người ngồi trong cỗ xe chỉ đạo sự di chuyển của các người hầu này. Để cho phép bản thân bị lung lay hoặc cuốn trôi bởi đam mê và cảm xúc của mình là cho phép những con ngựa của mình chạy đi mà không theo ý muốn của mình mà theo ý của chúng. Chính chúng ta là người phải quyết định xem liệu chúng ta có cho phép bản thân bị kiểm soát một cách không xứng đáng bởi những cảm xúc này, vốn nên là những người hầu của chúng ta hay không. Chúng ta có quyền và khả năng nói rằng điều này sẽ không xảy ra, và rằng những con ngựa hoang dã này phải được đưa vào kiểm soát. Có thể đúng là trong một thời gian dài, chúng ta đã để cho chúng làm theo ý mình, cho đến mức thay vì khống chế chúng, chúng ta đã trở nên quen với việc nhường nhịn chúng. Tuy nhiên, học cách kiểm soát chúng là bước đầu tiên trên con đường đi lên; không có gì nghi ngờ rằng nó phải được thực hiện, và càng thực hiện sớm thì càng dễ dàng hơn. [307]

It can never be too late to begin, and it is obvious that each time that the man yields himself makes it a little more difficult for him to resume the control later. The irritable man constantly finds himself succumbing to small annoyances, and under their influence saying and doing what afterwards he bitterly regrets. Strong though his resolve may be, again and again the old habit asserts itself, and he finds that he has said or done something under its influence before (as he would put it] he has had time to think. Still if he continues to make a determined effort at control, he will eventually reach a stage when he is able to check himself in the very utterance of the hasty word, and to turn aside the current of

Không bao giờ là quá muộn để bắt đầu, và rõ ràng rằng mỗi lần người đàn Ông nhượng bộ, anh ta làm cho việc kiểm soát trở lại sau này khó khăn hơn một chút. Người dễ cáu kỉnh liên tục thấy mình bị khuất phục bởi những khó chịu nhỏ nhặt, và dưới ảnh hưởng của chúng, anh ta nói và làm những điều mà sau đó anh ta hối tiếc cay đắng. Mặc dù quyết tâm của anh ta có thể mạnh mẽ, nhưng hết lần này đến lần khác thói quen cũ lại khẳng định chính nó, và anh ta nhận thấy rằng mình đã nói hoặc làm điều gì đó dưới ảnh hưởng của nó trước khi (như anh ta sẽ nói) anh ta có thời gian để suy nghĩ. Tuy nhiên, nếu anh ta tiếp tục nỗ lực kiểm soát quyết liệt, cuối cùng anh ta sẽ đạt đến một giai đoạn khi anh ta có thể kiềm chế

his annoyance when it is at its strongest. From that to the stage where he will check himself before he utters that word is not a long step, and when that has been gained he is near the final victory. Then he has conquered the outward expression of the feeling of irritation; and after that he will not find it difficult to avoid the feeling altogether. When that has been once done a definite step has been gained, for the quality of irritability has been weeded out, and it has been replaced by the quality of patience as a permanent possession, which the man will carry on with him into all his future births.

mình ngay khi vừa thốt ra một lời nóng nảy, và làm lệch hướng dòng cảm giác khó chịu của mình khi nó đang mạnh nhất. Từ đó đến giai đoạn khi anh ta sẽ kiềm chế mình trước khi thốt ra lời đó không phải là một bước dài, và khi điều đó đã đạt được, anh ta đã gần đến chiến thắng cuối cùng. Lúc đó anh ta đã chinh phục được sự biểu lộ bên ngoài của cảm giác cáu kỉnh; và sau đó anh ta sẽ không gặp khó khăn trong việc tránh luôn cả cảm giác đó. Khi điều đó đã được thực hiện một lần, một bước tiến quyết định đã được đạt được, vì tính cáu kỉnh đã bị loại bỏ, và nó đã được thay thế bằng đức tính kiên nhẫn như một sở hữu vĩnh viễn, mà con người sẽ mang theo vào tất cả các kiếp sống tương lai của mình.

Conceit and Prejudice—Tự Phụ và Thành Kiến

Men have many failings which they hardly notice, yet if they carefully examine and judge themselves by sufficiently high standards they cannot help perceiving where they fall short. One of the commonest of all failings is self-conceit. It is so natural for a man to wish to think well of himself, to emphasize in his mind those points in which he considers he excels, and to attach undue importance to them, and at the same time to slur over [308] almost without thought the many other points in which he falls short of other men. This self-conceit is a quality which needs to be carefully watched and steadily suppressed whenever it shows its head, for it is not only one of the commonest of all, but it is one of the most difficult to master; when conquered in one direction it reappears under some new guise in another. It is subtle and far-reaching, and it disguises itself with great success; yet until it is eradicated but little progress is possible.

Con người có nhiều thiếu sót mà họ gần như không để ý đến, tuy nhiên, nếu họ cẩn thận xem xét và đánh giá bản thân theo những tiêu chuẩn đủ cao, họ không thể không nhận ra chỗ mà mình còn thiếu sót. Một trong những thiếu sót phổ biến nhất là tính tự phụ. Con người rất tự nhiên mong muốn nghĩ tốt về bản thân mình, nhấn mạnh trong tâm trí những điểm mà họ cho rằng họ xuất sắc, và gán cho chúng tầm quan trọng quá mức, đồng thời bỏ qua [308] gần như không suy nghĩ về những điểm khác mà họ thua kém người khác. Tính tự phụ này là một phẩm chất cần phải được quan sát cẩn thận và kiên định đè nén bất cứ khi nào nó xuất hiện, vì nó không chỉ là một trong những tính phổ biến nhất mà còn là một trong những tính khó chế ngự nhất; khi bị khuất phục ở một phương diện, nó sẽ xuất hiện trở lại dưới hình thức mới ở phương diện khác. Nó tinh vi và rộng lớn, và nó ngụy trang rất thành công; tuy nhiên, cho đến khi nó bị nhổ tận gốc, sự tiến bộ rất ít ỏi là có thể.

Another weed which must be relentlessly torn

Một cỏ dại khác cần phải được nhổ lên không

up is prejudice. So often we are exceedingly intolerant of any new idea, of any other belief than our own; we are set and firm and dogmatic along certain lines, and unwilling to listen to truth. For example, we have our prejudices as to what we call morality, based exclusively upon conventional ideas; any suggestion which contravenes these, no matter how reasonable it may be, gives us such a shock that we lose our heads altogether, and become rabid and full of hatred, bitter and persecuting in our opposition to it. Many a man who thinks himself free from intolerance because he has no special religious belief is just as dogmatic along his own materialistic lines as the worst religious fanatic could be. Often a scientific man regards religion of all kinds with easy tolerance, considering it as something only fit for women and children. He looks down with amused superiority upon the horror with which one religious sect regards the opinions of another, and wonders why they should make so much fuss about a matter which can hardly be of serious importance one way or the other; and yet at the same time he has certain fixed ideas with regard to science, about which he is just as bigoted as are his religious friends in their dogmas. It does not occur to him that there is a bigotry [309] outside of religion, and that in science, as well as in faith, a man's mind must always remain open to the advent of new truth, even though that truth may overthrow many of his own preconceived ideas.

khoan nhượng là thành kiến. Rất thường xuyên, chúng ta vô cùng không khoan dung đối với bất kỳ ý tưởng mới nào, đối với bất kỳ niềm tin nào khác với niềm tin của mình; chúng ta cố chấp, cứng đầu và giáo điều theo những dòng suy nghĩ nhất định, và không sẵn lòng lắng nghe sự thật. Ví dụ, chúng ta có thành kiến của mình về cái mà chúng ta gọi là đạo đức, dựa hoàn toàn trên các ý tưởng quy ước; bất kỳ gợi ý nào trái ngược với những điều đó, cho dù có hợp lý đến đâu, đều khiến chúng ta sốc đến mức chúng ta hoàn toàn mất tự chủ và trở nên hung hăng, đầy căm ghét, cay đắng và khắc nghiệt trong sự phản đối của mình. Nhiều người nghĩ rằng mình không còn thành kiến vì không có niềm tin tôn giáo đặc biệt, nhưng họ lại giáo điều không kém trên những quan điểm duy vật của mình, cũng như những người cuồng tín tôn giáo tồi tệ nhất. Thường thì một người khoa học nhìn tôn giáo với thái độ dung thứ dễ dãi, coi nó như một thứ chỉ phù hợp với phụ nữ và trẻ em. Anh ta nhìn xuống với sự vượt trội đầy thú vị về sự kinh hoàng mà một giáo phái tôn giáo cảm nhận đối với quan điểm của giáo phái khác, và tự hỏi tại sao họ lại làm ầm lên về một vấn đề mà theo anh ta không thể có tầm quan trọng nghiêm trọng theo cách này hay cách khác; và đồng thời, anh ta lại có những ý tưởng cố định về khoa học mà anh ta cũng cố chấp chẳng kém gì những người bạn tôn giáo của mình trong các giáo điều của họ. Anh ta không nhận ra rằng cũng có sự cuồng tín [309] ngoài tôn giáo, và rằng trong khoa học, cũng như trong đức tin, tâm trí của một con người luôn phải mở ra để đón nhận sự thật mới, dù sự thật đó có thể lật đổ nhiều ý tưởng đã định trước của anh ta.

Often this vice or prejudice is a subtle manifestation of that self-conceit to which I previously referred; the set of ideas which the man has adopted are his ideas and for that reason they must be treated with respect, and anything which tends to conflict with them

Thường thì thói xấu hay thành kiến này là một biểu hiện tinh vi của tính tự phụ mà tôi đã đề cập trước đó; tập hợp các ý tưởng mà con người đã chấp nhận là của anh ta và vì lý do đó chúng phải được đối xử với sự tôn trọng, và bất cứ điều gì có xu hướng mâu thuẫn với chúng

cannot be entertained for a moment, because to receive it would be to admit that he may have been mistaken. Many a man has within him pettinesses, meanness, narrowness of mind, the existence of which he has not suspected; yet those qualities will manifest themselves when circumstances arise which call them into action.

không thể được chấp nhận trong một khoảnh khắc, vì chấp nhận nó sẽ đồng nghĩa với việc anh ta có thể đã sai lầm. Nhiều người có trong mình sự nhỏ nhen, hẹp hòi, hẹp lượng tâm trí mà họ chưa từng nghi ngờ; nhưng những phẩm chất đó sẽ biểu hiện khi hoàn cảnh phát sinh yêu cầu chúng được đưa vào hành động.

Often, even when a man sees the manifestation of some such undesirable quality within himself, he to some extent excuses it by saying that it is after all natural. But what do we mean by this word natural? Simply that the majority of mankind would be likely under similar circumstances to display such a quality, and so the man in whom it manifests is an average man. Yet we should remember that if we are trying to take ourselves in hand and to build our character towards the high ideal which we have set before us, we are aiming to raise ourselves above the average man, so that what is natural for him will not be sufficient in the higher life which we are now endeavouring to live. We must rise above that which is natural for the average of the race, and we must bring ourselves into a condition in which only that which is right and good and true shall be the natural course for us. We must eradicate the evil, and replace it by good, so that it is the expression of the latter which will instinctively show itself when we act without [310] premeditation. If we are trying to realize the higher life, trying to make ourselves a channel through which the divine force may pour out upon our fellow-men, then that which is natural as yet for the majority will be unworthy of our higher aspirations. Therefore we must not excuse faults and failings in ourselves because they are natural, but we must set to work to make that natural to us which we desire to have within us; and this development also is entirely within our

Thường thì, ngay cả khi một người nhìn thấy sự biểu hiện của một phẩm chất không mong muốn nào đó trong chính mình, anh ta phần nào biện hộ cho nó bằng cách nói rằng, suy cho cùng, điều đó là tự nhiên. Nhưng chúng ta có ý gì khi nói từ "tự nhiên"? Đơn giản là phần lớn loài người có lẽ sẽ thể hiện phẩm chất đó trong những hoàn cảnh tương tự, và vì vậy người mà phẩm chất đó xuất hiện là một người trung bình. Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ rằng nếu chúng ta đang cố gắng kiểm soát bản thân và xây dựng nhân cách của mình theo lý tưởng cao cả mà chúng ta đã đặt ra trước mắt, chúng ta đang hướng đến việc nâng mình lên trên người trung bình, do đó, những gì tự nhiên đối với họ sẽ không đủ trong cuộc sống cao hơn mà chúng ta đang nỗ lực để sống. Chúng ta phải vươn lên trên những gì tự nhiên đối với đa số loài người, và chúng ta phải đưa bản thân vào một trạng thái mà chỉ có những gì đúng đắn, tốt đẹp và chân thực mới là hướng đi tự nhiên đối với chúng ta. Chúng ta phải nhổ tận gốc cái ác và thay thế nó bằng cái thiện, để việc biểu hiện điều thiện sẽ tự nhiên xuất hiện khi chúng ta hành động mà không cần [310] suy tính trước. Nếu chúng ta đang cố gắng nhận ra cuộc sống cao hơn, cố gắng biến mình thành một kênh thông qua đó lực thiêng liêng có thể tuôn chảy đến đồng loại của mình, thì những gì tự nhiên đối với đa số con người hiện tại sẽ không xứng đáng với những khát vọng cao hơn của chúng ta. Do đó, chúng ta không nên biện hộ cho những lỗi lầm và thiếu sót của mình vì chúng là tự nhiên, mà chúng ta phải bắt tay vào công việc làm cho những gì chúng

own hands.

ta mong muốn có trong mình trở nên tự nhiên với chúng ta; và sự phát triển này hoàn toàn nằm trong tầm tay của chính chúng ta.

Kusalassa upasampada—Kusalassa upasampada

Sometimes the easiest way to carry out the first command "Cease to do evil" is to commence by trying to obey the second one "Learn to do well." If we wish to conquer an evil habit, it is sometimes easier and better for us to make strenuous efforts to develop within ourselves the opposite virtue. What are the qualities which are most necessary for us? If we can examine the matter without prejudice we shall find that very many of those which go to make the perfect man are as yet sadly lacking in us. Take first the very important quality of self-control. The majority of us are certainly deficient in this respect, and this fact shows itself in a dozen ways. The irritability of which I spoke previously is one of the commonest forms in which lack of self-control shows itself. There are other and coarser passions, such as the desire of the drunkard or of the sensualist, which most of us have already learned to control, or perhaps we have eliminated them from our natures in previous lives. But if any relics of such coarser passions still remain with us in the form of gluttony or sensuality, our first step must be to bring such desires under the dominion of the will.

Đôi khi cách dễ nhất để thực hiện mệnh lệnh đầu tiên "Ngừng làm điều ác" là bắt đầu bằng việc cố gắng tuân theo mệnh lệnh thứ hai "Học cách làm điều tốt." Nếu chúng ta muốn chinh phục một thói quen xấu, đôi khi dễ dàng và tốt hơn là chúng ta nên nỗ lực phát triển trong bản thân mình đức tính ngược lại. Những phẩm chất nào là cần thiết nhất cho chúng ta? Nếu chúng ta có thể xem xét vấn đề này một cách không thiên kiến, chúng ta sẽ thấy rằng rất nhiều những phẩm chất góp phần tạo nên con người hoàn hảo vẫn còn thiếu sót rất nhiều trong chúng ta. Trước tiên, hãy lấy ví dụ về phẩm chất rất quan trọng là tự chủ. Phần lớn chúng ta chắc chắn thiếu sót ở phương diện này, và thực tế này thể hiện qua hàng tá cách khác nhau. Tính dễ cáu kỉnh mà tôi đã đề cập trước đó là một trong những hình thức phổ biến nhất mà sự thiếu tự chủ biểu hiện. Còn có những đam mê thô thiển khác, như ham muốn của kẻ nghiện rượu hoặc của người say mê nhục dục, mà hầu hết chúng ta đã học cách kiềm chế, hoặc có lẽ chúng ta đã loại bỏ chúng khỏi bản chất của mình trong các kiếp sống trước. Nhưng nếu còn tồn tại những tàn tích của những đam mê thô thiển như vậy trong hình thức của sự tham ăn hoặc nhục dục, bước đầu tiên của chúng ta phải là đưa những ham muốn này vào sự thống trị của ý chí.

In such cases as this the necessity is obvious to every [311] one; but our lack of self-control may show itself in other ways which we do not so readily perceive. When some trouble, some sorrow or suffering comes to a man, he often allows himself to be greatly worried or profoundly depressed by it. Instead of

Trong những trường hợp như vậy, nhu cầu rõ ràng đối với mọi [311] người; nhưng sự thiếu tự chủ của chúng ta có thể biểu hiện theo những cách khác mà chúng ta không dễ nhận ra. Khi một vấn đề nào đó, một nỗi đau buồn hay khổ sở đến với con người, anh ta thường cho phép mình lo lắng quá mức hoặc rơi vào

maintaining his attitude of calmness and serenity, he identifies himself with the lower vehicle, and allows himself to be swept away. He must learn to take a firm stand—to say to himself: "These forces from without are playing upon my lower vehicles, affecting perhaps my physical body or my astral body, but I, the Soul, the true Man, stand above all these things; I remain untroubled, and I will not allow myself to be disturbed or moved by them."

tình trạng trầm cảm sâu sắc. Thay vì duy trì thái độ bình tĩnh và thanh thản, anh ta lại đồng nhất mình với phương tiện thấp hơn, và để mình bị cuốn trôi. Anh ta phải học cách đứng vững — tự nhủ: "Những lực từ bên ngoài đang tác động lên các phương tiện thấp hơn của ta, có thể ảnh hưởng đến thể xác hoặc thể cảm dục của ta, nhưng Ta, Linh hồn, Con người Chân thật, đứng trên tất cả những điều này; Ta vẫn không bị lay động, và Ta sẽ không để mình bị xáo trộn hay bị chi phối bởi chúng."

The Foolishness of Taking Offence—Sự Ngu Dốt của Việc Bị Tổn Thương

Another instance which is painfully common is the way in which a man takes offence at something which another says or does. If you think of it this also shows a strange lack, not only of self-control, but of common-sense. What the other man says or does cannot make any difference to you. If he has said something that has hurt your feelings, you may be sure that in nine cases out of ten he has not meant it to be offensive; why then should you allow yourself to be disturbed about the matter? Even in the rare cases where a remark is intentionally rude or spiteful—where a man has said something purposely to wound another—how foolish it is for that other to allow himself to feel hurt! If the man had an evil intention in what he said, he is much to be pitied, since we know that under the law of divine justice he will certainly suffer for his foolishness. What he has said need in no way affect you; if a man strikes a blow on the physical plane, it is no doubt desirable for you to defend yourself against its repetition, because there is [312] a definite injury; but in the case of the irritating word no effect whatsoever is really produced. A blow which strikes your physical body is a perceptible impact from outside; the irritating word does not in any way injure you, except in so far as

Một trường hợp thường gặp và đau đớn là khi một người cảm thấy bị xúc phạm bởi những gì người khác nói hoặc làm. Nếu suy nghĩ kỹ, điều này cũng thể hiện sự thiếu sót kỳ lạ, không chỉ về khả năng tự kiểm soát mà còn về sự thông thường. Những gì người khác nói hoặc làm không thể làm bạn khác đi. Nếu anh ta nói điều gì đó làm tổn thương cảm xúc của bạn, chắc chắn rằng trong chín trên mười trường hợp, anh ta không có ý xúc phạm; vậy tại sao bạn lại cho phép mình bị làm phiền bởi điều đó? Ngay cả trong những trường hợp hiếm hoi khi một lời nói cố tình thô lỗ hoặc ác ý—khi một người cố tình nói điều gì đó để làm tổn thương người khác—thì người kia cảm thấy bị tổn thương là quá ngớ ngẩn! Nếu người đó có ý định xấu trong những gì anh ta nói, thì anh ta đáng được thương hại, vì chúng ta biết rằng theo định luật công lý thiêng liêng, anh ta chắc chắn sẽ chịu hậu quả vì sự ngu ngốc của mình. Những gì anh ta đã nói không cần phải ảnh hưởng đến bạn; nếu một người đánh bạn trên cõi trần, có lẽ bạn cần tự vệ để tránh bị đánh lần nữa, bởi vì có một tổn thương rõ ràng; nhưng trong trường hợp của lời nói khó chịu thì không có bất kỳ ảnh hưởng nào thực sự được tạo ra. Cú đánh vào thể xác của bạn là một tác động rõ ràng từ bên ngoài; lời nói khó chịu không làm tổn thương bạn, trừ khi bạn

you may choose to take it up and injure yourself by brooding over it or allowing yourself to be wounded in your feelings. What are the words of another, that you should let your serenity be disturbed by them? They are merely a vibration in the atmosphere; if it had not happened that you heard them, or heard of them would they have affected you? If not, then it is obviously not the words that have injured you, but the fact that you heard them. So if you allow yourself to care about what a man has said, it is you who are responsible for the disturbance created in your astral body, and not he. The man has done and can do nothing that can harm you; if you feel hurt and injured and thereby make yourself a great deal of trouble, you have only yourself to thank for it. If a disturbance arises within your astral body in reference to what he has said, that is merely because you have not yet gained control over that body; you have not yet developed the calmness which enables you to look down as a soul upon all this and go on your way and attend to your own work without taking the slightest notice of foolish or spiteful remarks made by other men.

chọn để tâm đến nó và làm tổn thương chính mình bằng cách nghiền ngẫm hoặc cho phép mình bị tổn thương trong cảm xúc. Lời nói của người khác có là gì mà bạn để sự bình thản của mình bị xáo trộn vì nó? Chúng chỉ là rung động trong không gian; nếu bạn không nghe thấy chúng, hoặc không biết đến chúng thì chúng có ảnh hưởng gì đến bạn không? Nếu không, thì rõ ràng không phải là lời nói đã làm tổn thương bạn, mà là việc bạn đã nghe chúng. Vì vậy, nếu bạn cho phép mình quan tâm đến những gì một người đã nói, bạn là người chịu trách nhiệm cho sự xáo trộn trong thể cảm xúc của mình, chứ không phải người kia. Người đó đã làm và không thể làm gì để làm hại bạn; nếu bạn cảm thấy bị tổn thương và làm khổ mình, bạn chỉ có thể tự trách mình. Nếu một sự xáo trộn nảy sinh trong thể cảm xúc của bạn liên quan đến những gì người khác đã nói, điều đó chỉ là vì bạn chưa kiểm soát được thể này; bạn chưa phát triển được sự bình thản để có thể nhìn xuống như một linh hồn và tiếp tục công việc của mình mà không chú ý chút nào đến những lời nói ngu ngốc hoặc ác ý của người khác.

If you will attain this calmness and serenity, you will find that your life is infinitely happier than before. I do not put that before you as the reason for which you should seek this development; it is a good reason truly, yet there is another and higher reason in the fact that we have work to do for our fellow-men and that we cannot be fit to do it unless we are calm and serene. It is always best that we should keep before ourselves this [313] highest of all reasons for self-development—that unless we evolve ourselves we cannot be a fit and perfect channel for the divine power and strength. That should be our motive in our effort; yet the fact remains that the result of this effort will be greatly increased happiness in our work. The man who

Nếu bạn đạt được sự bình thản và tĩnh lặng này, bạn sẽ thấy cuộc sống của mình hạnh phúc vô cùng so với trước. Tôi không đưa ra điều này như lý do bạn nên tìm kiếm sự phát triển này; nó thực sự là một lý do tốt, nhưng có một lý do cao hơn là chúng ta có công việc phải làm cho đồng loại và chúng ta không thể làm công việc đó trọn vẹn trừ khi chúng ta bình tĩnh và tĩnh lặng. Tốt nhất là chúng ta nên giữ trước mắt mình lý do cao cả nhất cho việc tự phát triển—rằng nếu không tự phát triển, chúng ta không thể là một kênh hoàn hảo và thích hợp cho quyền năng và sức mạnh thiêng liêng. Đó nên là động lực cho nỗ lực của chúng ta; tuy nhiên, sự thật là kết quả của nỗ lực này sẽ là niềm hạnh phúc lớn lao trong công việc của chúng ta. Người tu dưỡng sự bình thản và

cultivates calmness and serenity soon finds the joyousness of the divine life pervading the whole of existence. To the clairvoyant who can observe the higher bodies the change in such a man is remarkable and beautiful to see.

tĩnh lặng sớm nhận ra niềm vui của đời sống thiêng liêng lan tỏa khắp cuộc sống. Với người có thông nhãn, quan sát sự thay đổi trong những thể cao hơn của một người như vậy là điều đáng chú ý và đẹp đẽ.

The Evil of Unnecessary Agitation—Tác Hại của Sự Kích Động Không Cần Thiết

The average man is usually a centre of agitated vibration; he is constantly in a condition of worry or trouble about something, or in a condition of deep depression, or else he is unduly excited in the endeavour to grasp something. For one reason or another he is always in a state of unnecessary agitation, generally about the merest trifle. Although he never thinks of it, he is all the while influencing other people around him by this condition of his astral body. He is communicating these vibrations and this agitation to the unfortunate people who are near him; and it is just because millions of people are thus unnecessarily agitated by all sorts of foolish desires and feelings that it is so difficult for the sensitive person to live in a great city or to go into any large crowd of his fellow-men. An examination of the illustration of the effect of the various emotions are shown in Man Visible and Invisible will at once enable us to realize that a man in such a condition of agitation must be causing great disturbance in the astral world about him, and we shall see that others who happen to be in his neighbourhood cannot remain unaffected by the influence which pours out from him. The man who gives way to passion is sending [314] out waves of passion; the man who allows himself to fall into a condition of deep depression is radiating in all directions waves of depression; so that each of these men is making life harder for all those who are so

Người bình thường thường là trung tâm của những rung động kích động; anh ta thường xuyên lo lắng hoặc gặp rắc rối về điều gì đó, hoặc trong tình trạng suy sụp sâu, hoặc anh ta quá phấn khích trong việc cố gắng nắm bắt điều gì đó. Vì lý do này hay lý do khác, anh ta luôn trong trạng thái kích động không cần thiết, thường là về những chuyện vặt vãnh. Mặc dù anh ta không bao giờ nghĩ về điều này, nhưng suốt thời gian đó, anh ta đang ảnh hưởng đến những người xung quanh bằng tình trạng của thể cảm xúc của mình. Anh ta đang truyền những rung động và sự kích động này cho những người không may mắn ở gần anh ta; và chính vì hàng triệu người như vậy mà việc sống trong một thành phố lớn hay vào bất kỳ đám đông lớn nào trở nên khó khăn đối với những người nhạy cảm. Một cuộc xem xét về tác động của các cảm xúc khác nhau như được mô tả trong cuốn *Con Người Hữu Hình và Vô Hình* sẽ ngay lập tức giúp chúng ta nhận ra rằng một người trong tình trạng kích động như vậy phải gây ra sự rối loạn lớn trong thế giới cảm dục xung quanh mình, và chúng ta sẽ thấy rằng những người khác ở gần anh ta không thể không bị ảnh hưởng bởi ảnh hưởng toát ra từ anh ta. Người buông thả cảm xúc giận dữ đang phát ra sóng giận dữ; người tự để mình rơi vào trạng thái suy sụp sâu đang phát ra sóng suy sụp khắp mọi hướng; vì vậy, mỗi người trong số họ đang làm cho cuộc sống trở nên khó khăn hơn cho những ai không may ở gần họ.

unfortunate as to be near him.

In modern life every man has little circumstances which worry him, which tend to stir up irritability within him; every man has sooner or later some cause for worry and for depression; and whenever any one of us yields to either of these feelings the vibrations which we send out assuredly tend to accentuate the difficulties of all our neighbours. Such vibrations make it harder for those about us to resist the next accession of irritability or depression which may come to them; if there are germs of these qualities in them, the vibrations which we have so wrongly allowed ourselves to send forth may awaken these germs when otherwise they would have lain dormant. No man has a right to commit this crime of throwing obstacles in the way of his fellow-men; no man has a right to yield himself to depression or to give way to anger—not only because these things are evil for him and wrong in themselves, but because they do harm to those around him.

Trong cuộc sống hiện đại, mỗi người đều có những tình huống nhỏ làm phiền anh ta, khơi dậy sự khó chịu trong anh ta; ai cũng có lúc có lý do để lo lắng và suy sụp; và mỗi khi một người nào đó trong chúng ta nhượng bộ những cảm xúc này, những rung động mà chúng ta phát ra chắc chắn sẽ làm tăng thêm khó khăn cho tất cả những người xung quanh. Những rung động này khiến người khác khó cưỡng lại cơn khó chịu hay suy sụp tiếp theo; nếu có những mầm mống của những tính chất này trong họ, thì những rung động mà chúng ta sai lầm phát ra có thể đánh thức những mầm mống này khi chúng vốn dĩ đã nằm im. Không ai có quyền phạm tội này bằng cách đặt ra chướng ngại vật cho đồng loại của mình; không ai có quyền nhượng bộ cho sự suy sụp hay buông thả cơn giận—không chỉ vì những điều này gây hại cho chính anh ta và sai trái tự bản chất, mà còn vì chúng làm tổn hại đến những người xung quanh.

On the other hand, if we cultivate within ourselves serenity, calmness, and joyousness, we make life lighter instead of darker for all those into whose presence we come; we spread about us soothing vibrations, we make it easier for our neighbours to resist worry or trouble or annoyance, and thus we help to lift the burdens from all those who are about us, although we may say never a word to them. Every one is the better because we are calm and strong, because we have realized the duty of the soul. Here, then, are some useful qualities which we may seek to build into ourselves—the qualities of [315] self-control, happiness, and calmness. Let us learn that it is our duty to be happy, because God means man to be happy. Therefore it is that the man must not let himself be swept off his feet by the waves of thought and feeling about him, but

Ngược lại, nếu chúng ta nuôi dưỡng trong mình sự tĩnh lặng, bình thản, và vui vẻ, chúng ta làm cho cuộc sống nhẹ nhàng hơn thay vì u ám hơn cho tất cả những ai chúng ta gặp gỡ; chúng ta lan tỏa những rung động êm dịu, chúng ta làm cho người khác dễ dàng hơn trong việc chống lại sự lo lắng hay phiền muộn, và qua đó giúp giảm bớt gánh nặng cho tất cả những người quanh mình, dù chúng ta không cần nói một lời. Mọi người đều tốt hơn vì chúng ta bình thản và mạnh mẽ, vì chúng ta đã nhận thức được bổn phận của linh hồn. Vậy thì đây là những phẩm chất hữu ích mà chúng ta nên tìm cách xây dựng trong chính mình—phẩm chất tự chủ, hạnh phúc, và bình thản. Hãy học rằng đó là nhiệm vụ của chúng ta để được hạnh phúc, vì Thiên Chúa muốn con người được hạnh phúc. Vì vậy, con người không nên để mình bị cuốn trôi bởi những đợt

must stand firm as a tower to which others may cling who are still affected by these waves. So shall divine strength flow through him to those others, and they too shall be rescued from the stormy ocean of life, and brought into the haven where they would be.

sóng tư tưởng và cảm xúc xung quanh, mà phải đứng vững như một tòa tháp để những người khác có thể nương tựa vào khi họ vẫn còn bị ảnh hưởng bởi những đợt sóng đó. Qua đó, sức mạnh thiêng liêng sẽ chảy qua anh ta đến những người khác, và họ cũng sẽ được giải cứu khỏi biển cả bão tố của cuộc đời, và được đưa vào bến bờ nơi họ mong muốn.

Courage and Resolution—Dũng Khí và Quyết Tâm

Other virtues which we should build into ourselves are courage and determination. There are many men in the world who have an iron determination within them about certain things—a resolution that nothing can shake. They have resolved to make money, and they will do it—honestly, if possible, but at any rate they will make it; and these men usually succeed to a greater or less extent. We who are students of a higher life think of them as narrow in their outlook, as understanding but little of what life really is. That is true, yet we should remember that they are at least living up in practice to what they understand. The one thing of which they feel certain is that money is a great good, and that they intend to have plenty of it; and they are throwing their whole strength into that effort. We have convinced ourselves that there is something higher in the world than the gaining of money, that there is a vaster and a grander life, the smallest glimpse of which is worth more than all mere earthly gain. If we are as thoroughly convinced of the beauty of the higher life as is the worldly man of the desirability of making money, we shall throw ourselves into the pursuit of that higher life with exactly the same [316] resolution and enthusiasm with which he throws himself into the pursuit of gold. He neglects no possibility, he will take infinite pains to qualify himself to pursue his object better; may not we often learn a lesson from him as

Những đức tính khác mà chúng ta nên xây dựng trong bản thân là dũng khí và sự quyết tâm. Có rất nhiều người trên thế giới có sự quyết tâm sắt đá về một số điều—một quyết định mà không gì có thể lay chuyển. Họ đã quyết tâm kiếm tiền, và họ sẽ làm điều đó—nếu có thể thì một cách trung thực, nhưng dù sao đi nữa họ cũng sẽ kiếm tiền; và những người này thường thành công ở mức độ nào đó. Chúng ta, những người nghiên cứu đời sống cao cả hơn, thường nghĩ về họ là người có tầm nhìn hạn hẹp, chỉ hiểu biết rất ít về cuộc sống thực sự là gì. Điều đó đúng, nhưng chúng ta nên nhớ rằng ít nhất họ đang sống theo những gì họ hiểu. Điều duy nhất mà họ chắc chắn là tiền bạc là một điều tốt lớn lao, và họ có ý định có nhiều tiền; họ dồn toàn bộ sức lực vào nỗ lực đó. Chúng ta đã thuyết phục bản thân rằng có điều gì đó cao cả hơn trong thế giới này so với việc kiếm tiền, rằng có một cuộc sống rộng lớn và hùng vĩ hơn, mà chỉ cần thoáng thấy thôi đã đáng giá hơn tất cả những lợi ích vật chất. Nếu chúng ta cũng bị thuyết phục một cách sâu sắc về vẻ đẹp của đời sống cao cả như người thế gian bị thuyết phục về sự mong muốn của việc kiếm tiền, chúng ta sẽ dốc hết mình vào việc theo đuổi đời sống cao cả đó với cùng một quyết tâm và nhiệt huyết mà họ dành cho việc theo đuổi vàng bạc. Anh ta không bỏ qua bất kỳ khả năng nào, anh ta sẽ nỗ lực vô tận để rèn luyện mình để theo đuổi mục tiêu tốt hơn; chúng ta không thể học được bài học từ anh ta về sự nhất tâm và năng lượng

to the one-pointedness and the untiring energy with which he devotes himself to his object? True, the object itself is an illusion, and when he gains it he often finds it to be of but little value after all; yet the qualities which he has developed in that struggle cannot but be valuable to him when the higher light dawns upon him and he is able to turn his talents to a better use.

không mệt mỏi mà anh ta cống hiến cho mục tiêu của mình hay sao? Đúng là bản thân mục tiêu đó là một ảo tưởng, và khi đạt được nó, anh ta thường nhận ra nó chẳng có giá trị bao nhiêu; nhưng những phẩm chất mà anh ta đã phát triển trong cuộc đấu tranh đó chắc chắn sẽ có giá trị cho anh ta khi ánh sáng cao cả hơn rạng ngời và anh ta có thể biến những tài năng của mình thành một mục đích tốt đẹp hơn.

In this development of resolution the study of Theosophy greatly helps us. The Theosophist realizes profoundly the infinity of work in the direction of self-development which lies before him; yet he can never be depressed, as the worldly man sometimes is, by the feeling that he is now growing old, that his time is short, and that he cannot hope to attain his end before death puts a period to his effort. The student of occultism recognizes that he has eternity before him for his work, and that in that eternity he can make himself exactly what he desires to be. There is nothing that can prevent him. He finds around him many limitations which he has made for himself in previous lives; yet with eternity before him all these limitations will be transcended, his end will be accomplished, his goal will be attained.

Trong việc phát triển quyết tâm này, việc nghiên cứu Thông Thiên Học giúp ích rất nhiều cho chúng ta. Nhà Thông Thiên Học nhận ra sâu sắc sự vô tận của công việc tự phát triển đang chờ đợi mình; nhưng anh ta không bao giờ cảm thấy chán nản, như người thế gian đôi khi cảm thấy, bởi cảm giác rằng mình đang già đi, rằng thời gian của mình ngắn ngủi, và rằng anh ta không thể hy vọng đạt được mục tiêu trước khi cái chết chấm dứt mọi nỗ lực. Học viên huyền môn nhận ra rằng anh ta có cả vĩnh cửu để thực hiện công việc của mình, và rằng trong vĩnh cửu đó, anh ta có thể tạo nên chính mình theo cách anh ta mong muốn. Không có gì có thể ngăn cản anh ta. Anh ta thấy xung quanh mình nhiều giới hạn mà mình đã tạo ra trong những kiếp trước; nhưng với vĩnh cửu trước mặt, tất cả những giới hạn này sẽ bị vượt qua, mục tiêu của anh ta sẽ được hoàn thành, đích đến của anh ta sẽ được đạt tới.

There are many people who are anxious to know what the future has in store for them—so many that large numbers of swindlers live upon this desire. Any astrologer or clairvoyant who thinks he can predict the future is certain to have immense numbers of clients; even the veriest charlatan seems to be able to make a living by a mere pretence to the occult arts or to prevision. Yet in truth no one need trouble himself in the slightest [317] degree about his future, for it will be exactly what he intends that it shall be. The student of

Có rất nhiều người muốn biết tương lai sẽ mang lại điều gì cho họ—nhiều đến mức có rất nhiều kẻ lừa đảo sống nhờ vào mong muốn này. Bất kỳ nhà chiêm tinh hay người có thông nhãn nào nghĩ rằng mình có thể tiên đoán tương lai đều chắc chắn có vô số khách hàng; thậm chí kẻ gian dối nhất cũng có thể kiếm sống bằng cách giả vờ có các nghệ thuật huyền bí hoặc khả năng dự đoán tương lai. Tuy nhiên, thực tế không ai cần bận tâm chút nào về tương lai của mình, vì nó sẽ chính xác là những gì mà anh ta có ý định làm nên. Học

occultism does not seek to know what the future has in store for him; he says rather: "I intend to do this or that; I know what my future development will be, because I know what I intend to make it. There may be many obstacles in my way, put there by my own previous actions; I do not know how many there are, or in what form they may come; I do not even care to know. Whatever they may be, my resolution is unshaken; whether it be in this life or in future lives, I shall mould my existence as I like; and in knowing that, I know all that I care to know of that which lies before me." When the man realizes the divine power which resides within him he cares little for outward circumstances; he decides upon what he will do; he devotes his energy to it and he carries it through; he says to himself: "This shall be done; how long it will take matters nothing, but I will do it." It will be seen therefore that courage and determination are virtues which are emphatically necessary for the student of occultism.

viên huyền môn không tìm cách biết tương lai sẽ mang lại gì cho mình; thay vào đó, anh ta nói: "Tôi có ý định làm điều này hay điều kia; tôi biết sự phát triển tương lai của mình sẽ ra sao, vì tôi biết mình định làm cho nó như thế nào. Có thể có nhiều trở ngại trên đường đi của tôi, do những hành động trước đây của tôi tạo ra; tôi không biết có bao nhiêu trở ngại, hoặc chúng sẽ xuất hiện dưới hình thức nào; tôi thậm chí không quan tâm biết. Dù chúng có là gì, quyết tâm của tôi vẫn không lay chuyển; dù là trong cuộc sống này hay những cuộc sống tương lai, tôi sẽ tạo dựng cuộc sống của mình theo cách tôi muốn; và khi biết điều đó, tôi biết tất cả những gì tôi cần biết về những gì đang chờ đợi tôi." Khi một người nhận ra sức mạnh thiêng liêng trú ngụ trong mình, anh ta không bận tâm nhiều đến những hoàn cảnh bên ngoài; anh ta quyết định những gì anh ta sẽ làm; anh ta dồn hết năng lượng vào nó và hoàn thành nó; anh ta nói với chính mình: "Điều này sẽ được thực hiện; mất bao lâu không quan trọng, nhưng tôi sẽ làm điều đó." Do đó, có thể thấy rằng dũng khí và quyết tâm là những đức tính vô cùng cần thiết cho học viên huyền môn.

The Greatest Need of All—Nhu Cầu Lớn Nhất

Most of all man needs to develop the quality of unselfishness; for man as we find him at present is by nature terribly selfish. In saying that, we are not casting blame upon him for his past; we are trying to remind him that there lies before him a future. The Theosophist understands why this fault of selfishness should be so common among men, for he realizes what has been the birth and the growth of the soul in man. He knows that the individual was slowly, gradually formed through ages of evolution, and consequently that the individuality is very strongly marked in man. The soul as a centre [318] of strength has grown up within the walls of self, and

Trên hết, con người cần phát triển phẩm chất vị tha; vì con người như chúng ta thấy hiện nay vốn dĩ vô cùng ích kỷ. Khi nói điều này, chúng ta không có ý trách cứ anh ta về quá khứ của mình; chúng ta chỉ muốn nhắc nhở anh ta rằng trước mặt anh ta là một tương lai. Nhà Thông Thiên Học hiểu tại sao lỗi lầm của sự ích kỷ lại phổ biến đến thế trong con người, bởi vì anh ta nhận ra quá trình sinh thành và phát triển của linh hồn trong con người. Anh ta biết rằng cá nhân đã được hình thành từ từ, dần dần qua hàng ngàn năm tiến hóa, và do đó mà tính cá nhân rất rõ ràng trong con người. Linh hồn như một trung tâm sức mạnh đã phát triển bên trong những bức tường của bản ngã,

without these protecting walls the man could not have been what he now is. But now he has reached the stage where the powerful centre is definitely established, and consequently he has to break down this scaffolding of selfish thought which surrounds him. This shell was a necessity, no doubt, for the formation of the centre; but now that the centre is formed the shell must be broken away, because while it exists it prevents the centre from doing its duty, and from carrying out the work for which it was formed. The man has become a sun, from which the divine power should radiate upon all those around him, and this radiation cannot be until the walls of selfishness have been broken down.

và nếu không có những bức tường bảo vệ này, con người sẽ không thể là những gì anh ta hiện nay. Nhưng bây giờ anh ta đã đạt đến giai đoạn mà trung tâm quyền lực đã được thiết lập vững chắc, và do đó, anh ta phải phá bỏ lớp vỏ của tư tưởng ích kỷ bao quanh mình. Cái vỏ này là một điều cần thiết, không nghi ngờ gì, để hình thành nên trung tâm; nhưng giờ trung tâm đã được hình thành, cái vỏ phải bị phá bỏ, bởi vì trong khi nó tồn tại, nó ngăn cản trung tâm thực hiện nhiệm vụ của mình và thực hiện công việc mà nó đã được tạo ra. Con người đã trở thành một mặt trời, từ đó quyền năng thiêng liêng nên tỏa ra cho tất cả những người xung quanh anh ta, và sự tỏa sáng này không thể xảy ra cho đến khi những bức tường của sự ích kỷ bị phá bỏ.

It is not wonderful that it should be hard for man to do this, for in getting rid of selfishness he is conquering a habit which he has spent many ages in forming. It had its use and its place in these earlier stages; as one of the Masters of Wisdom once put it: "The law of the survival of the fittest is the law of evolution for the brute; but the law of intelligent self-sacrifice is the law of development for man." So it comes that man needs to transcend what was formerly his nature and to build into himself the quality of unselfishness, the quality of love, so that he may learn gladly to sacrifice what seems his personal interest for the good of humanity as a whole.

Không có gì ngạc nhiên khi điều này khó khăn đối với con người, bởi vì trong việc loại bỏ sự ích kỷ, anh ta đang chinh phục một thói quen mà anh ta đã dành nhiều kiếp sống để hình thành. Nó đã có chỗ đứng và vai trò của nó trong những giai đoạn trước đó; như một trong những Chân sư Minh triết từng nói: "Luật sống sót của kẻ mạnh là định luật tiến hóa cho loài thú; nhưng luật tự hy sinh thông minh là định luật phát triển cho con người." Do đó, con người cần phải vượt qua những gì từng là bản chất của mình và xây dựng trong bản thân phẩm chất vị tha, phẩm chất của tình yêu, để anh ta có thể học cách vui vẻ hy sinh những gì dường như là lợi ích cá nhân của mình vì lợi ích chung của toàn nhân loại.

Let us beware that we do not misunderstand this. I do not mean by that any development of cheap sentimentalism. Men who are new to this study sometimes think that it is expected of them that they shall attain to the level of loving all their brethren alike. That is an impossibility even if it were desirable; and to see that this is so we have only to turn to the example of the highest of men. Remember

Chúng ta hãy cẩn thận không hiểu sai điều này. Tôi không có ý nói đến việc phát triển thứ tình cảm rẻ tiền. Những người mới bắt đầu nghiên cứu đôi khi nghĩ rằng họ được mong đợi đạt đến mức yêu thương tất cả anh em mình như nhau. Điều đó là không thể, ngay cả khi nó là mong muốn; và để thấy điều đó là như thế, chúng ta chỉ cần quay lại ví dụ của những người cao cả nhất. Hãy nhớ rằng có một

that it is related of Jesus himself that [319] he had his beloved disciple St. John, and of the Buddha that he was more closely attached to the disciple Ananda than to many others who possessed greater powers and higher advancement. It is not demanded of us, it is not intended, that we should have the same feeling of affection towards all. It is true that such affection as we now feel towards those who are nearest and dearest to us, we shall	truyền thuyết kể về chính Đức Jesus rằng Ngài có một môn đồ yêu quý là Thánh John, và về Đức Phật rằng Ngài gắn bó nhiều hơn với đệ tử Ananda so với nhiều người khác dù họ có năng lực lớn hơn và sự tiến bộ cao hơn. Không ai yêu cầu chúng ta, và cũng không có ý định, rằng chúng ta phải có cùng một tình cảm đối với tất cả mọi người. Đúng là tình cảm mà chúng ta hiện đang dành cho những người gần gũi và thân thương nhất với chúng
presently come to feel for all our brother-men; but when that time comes our affection for those whom we love best will have become something infinitely greater than it is now. It will mean that our power of affection has grown enormously, but not that it has ceased to be stronger in one case than it is in another —not that all the world has become the same to us.	ta, sẽ dần dần được mở rộng cho tất cả anh em nhân loại của mình; nhưng khi thời điểm đó đến, tình cảm của chúng ta dành cho những người mà chúng ta yêu thương nhất sẽ trở thành một điều gì đó vô cùng lớn lao hơn so với hiện nay. Điều đó có nghĩa là khả năng yêu thương của chúng ta sẽ phát triển vượt bậc, nhưng không có nghĩa là tình cảm đó đã ngừng mạnh mẽ hơn trong một số trường hợp so với những trường hợp khác—không phải tất cả thế giới đều trở nên như nhau đối với chúng ta.
What is important for us now is that we should regard all mankind, not with hostility, but in that friendly attitude which is watching for an opportunity to serve. When we feel deep affection or gratitude towards some person we watch constantly for an opportunity to do some little thing for him to show our gratitude, our respect, our affection, or our reverence. Let us adopt that attitude of ready helpfulness towards all mankind; let us be always prepared to do whatever comes to our hand—ever watching for an opportunity to serve our fellow-men and let us regard every contact with another man as an opportunity of being useful to him in some way or other. In that way we shall learn to build into our character these important	Điều quan trọng đối với chúng ta lúc này là chúng ta nên nhìn nhận tất cả nhân loại, không phải với thái độ thù địch, mà với thái độ thân thiện đang chờ đợi cơ hội để phụng sự. Khi chúng ta cảm thấy tình cảm sâu sắc hoặc lòng biết ơn đối với một người nào đó, chúng ta thường xuyên tìm kiếm cơ hội để làm một điều gì đó nhỏ bé cho họ nhằm thể hiện lòng biết ơn, sự tôn trọng, tình cảm, hoặc sự kính trọng của mình. Hãy áp dụng thái độ sẵn sàng giúp đỡ đó đối với toàn thể nhân loại; hãy luôn sẵn sàng làm bất cứ điều gì mà cơ hội đưa đến —luôn luôn tìm kiếm cơ hội để phụng sự đồng loại và hãy coi mỗi lần tiếp xúc với người khác như một cơ hội để hữu ích cho họ theo một cách nào đó. Bằng cách đó, chúng ta sẽ học cách xây dựng trong tính cách của mình

virtues of love and unselfishness.	những đức tính quan trọng như tình yêu và sự vị tha.

Single-mindedness—Nhất Tâm

Another necessary quality is that of single-mindedness. We must learn that the great object of our lives is to make ourselves a channel for the divine force, and [320] that that object therefore must always be the determining factor in any decision that we make. When two paths open before us, instead of stopping to consider which of these two would be best for us individually, we must learn to think rather which is the noblest, which is the most useful, which will bring most good to other men. When in business or in social life we take some step which appears advantageous for us we should ask ourselves in all sincerity, “Can this thing, which seems as though it would bring good to me, do some harm to some one else? Am I making an apparent gain at the cost of a loss to some other man? If that be so I will have none of it; I will not enter upon any such course of action. For that cannot be right for me which brings harm to my brothers; I must never raise myself by trampling down others.” Thus we must learn in everything to make the highest our criterion, and steadily little by little to build these virtues into ourselves. The process may be a slow one, but the result is sure.

Một phẩm chất cần thiết khác là sự nhất tâm. Chúng ta phải học rằng mục tiêu vĩ đại của đời sống là trở thành kênh cho sức mạnh thiêng liêng, và do đó, mục tiêu này luôn phải là yếu tố quyết định trong mọi quyết định mà chúng ta đưa ra. Khi hai con đường mở ra trước mặt, thay vì dừng lại để cân nhắc xem con đường nào sẽ tốt cho bản thân mình hơn, chúng ta phải học cách suy nghĩ xem con đường nào là cao quý nhất, con đường nào hữu ích nhất, con đường nào sẽ mang lại lợi ích lớn nhất cho đồng loại. Khi trong kinh doanh hoặc đời sống xã hội, chúng ta đưa ra một bước đi có vẻ như có lợi cho mình, chúng ta nên thành thật tự hỏi: "Liệu điều này, dường như sẽ mang lại lợi ích cho tôi, có gây hại cho ai khác không? Tôi có đang tạo ra một lợi ích rõ ràng với cái giá của sự mất mát cho người khác không? Nếu vậy, tôi sẽ không chọn con đường đó; tôi sẽ không bước vào bất kỳ hành động nào như vậy. Bởi vì điều gì mang lại tổn hại cho đồng loại thì không thể đúng đắn cho tôi; tôi không bao giờ được nâng mình lên bằng cách đạp lên người khác." Do đó, chúng ta phải học cách làm cho điều cao cả nhất trở thành tiêu chuẩn của mình trong mọi việc, và dần dần xây dựng những đức tính này trong bản thân. Quá trình có thể chậm chạp, nhưng kết quả là chắc chắn.

Sachitta pariyodapanam—Sachitta pariyodapanam

Nor must we forget the third line of the Buddha’s verse: “Cleanse your own heart”. Begin with your thoughts; keep them high and unselfish, and your actions will follow along the same line. What is required is intelligent adaptation to the conditions of the

Chúng ta cũng không được quên câu thứ ba trong bài kinh của Đức Phật: "Làm sạch trái tim mình". Bắt đầu từ suy nghĩ của bạn; giữ chúng cao cả và không ích kỷ, và hành động của bạn sẽ theo đúng hướng đó. Điều cần thiết là sự thích nghi thông minh với các điều kiện

true life. Here on the physical plane we have to live in accordance with the laws of the plane. For example, there are certain laws of hygiene, and the intelligent man adapts himself carefully to them, knowing that if he does not his life will be an imperfect one and full of physical suffering. Every cultured man knows that to be the merest common-sense; yet we see daily how difficult it is to induce the ignorant and uneducated to comply with these [321] natural laws. We who have learnt them adapt ourselves to them as a matter of course, and we realize that if we did not do so we should be acting foolishly, and if we suffered from such action we should have only ourselves to blame.

của đời sống chân thật. Trên cõi trần này, chúng ta phải sống phù hợp với các định luật của cõi giới. Ví dụ, có những định luật về vệ sinh, và người thông minh thích nghi cẩn thận với chúng, biết rằng nếu không làm như vậy, cuộc sống của mình sẽ không trọn vẹn và đầy dẫy đau khổ thể chất. Mọi người có văn hóa đều biết rằng đó là sự thông thường đơn giản nhất; nhưng hàng ngày chúng ta vẫn thấy sự khó khăn khi thuyết phục những người thiếu hiểu biết và không có học vấn tuân theo những quy luật tự nhiên này. Những ai đã học được chúng thích nghi với chúng như một điều hiển nhiên, và chúng ta nhận ra rằng nếu không làm như vậy, chúng ta sẽ hành động ngu ngốc, và nếu chúng ta chịu đau khổ vì hành động đó, chỉ có thể tự trách mình mà thôi.

We who are students of occultism have through our studies learnt much of the conditions of a higher and grander life. We have learnt that just as there are certain physical laws which must be obeyed if the physical life is to be lived healthily and happily, so there are the moral laws of this higher and wider life, which it is also necessary to obey if we wish to make that life happy and useful. Having learnt these laws, we must use intelligence and common-sense in living according to them. It is with a view of adapting ourselves to them that we watch ourselves with reference to these qualities of which we have spoken. The wise man takes them one at a time, and examines himself carefully with reference to the quality which he has chosen, to see where he is lacking in it. He thinks beforehand of opportunities for displaying that quality, yet he is always ready to take other unexpected opportunities when he finds them opening up before him. He keeps that quality, as it were, in the back of his mind always, and tries perseveringly from day to day, and every moment of the day, to

Chúng ta, những người học viên huyền môn, thông qua nghiên cứu, đã học được nhiều điều về các điều kiện của một cuộc sống cao cả hơn và vĩ đại hơn. Chúng ta đã học rằng cũng như có những định luật vật lý nhất định cần phải tuân theo để sống cuộc sống vật lý một cách khỏe mạnh và hạnh phúc, cũng có những định luật đạo đức của cuộc sống cao hơn và rộng lớn hơn này, và chúng cũng cần phải tuân theo nếu chúng ta muốn cuộc sống đó trở nên hạnh phúc và hữu ích. Sau khi học được những định luật này, chúng ta phải sử dụng trí tuệ và sự thông thường để sống theo chúng. Để thích nghi với chúng, chúng ta quan sát bản thân mình trong mối liên hệ với những phẩm chất mà chúng ta đã thảo luận. Người khôn ngoan chọn từng phẩm chất một, và kiểm tra kỹ lưỡng bản thân mình liên quan đến phẩm chất mà anh ta đã chọn, để xem mình còn thiếu sót ở điểm nào. Anh ta suy nghĩ trước về các cơ hội thể hiện phẩm chất đó, nhưng anh ta luôn sẵn sàng tận dụng các cơ hội bất ngờ khi chúng xuất hiện trước mặt. Anh ta giữ phẩm chất đó trong tâm trí, và cố gắng kiên trì từng ngày, từng khoảnh khắc

live up to his highest conception of it. If he thus keeps it steadily before him, he will soon find a great change coming over him; and when he feels that he has thoroughly grounded himself in that, so that its practice has become a habit and a matter of instinct with him, he takes up another quality and works in the same way with that.

trong ngày, để sống đúng với sự thấu hiểu cao nhất của mình về nó. Nếu anh ta giữ vững điều đó trước mặt mình, anh ta sẽ sớm nhận thấy một sự thay đổi lớn diễn ra trong mình; và khi anh ta cảm thấy mình đã làm chủ được phẩm chất đó, để việc thực hành nó trở thành thói quen và một phần bản năng của anh ta, anh ta sẽ tiếp tục chọn một phẩm chất khác và làm việc với nó theo cách tương tự.

No Morbid Introspection— Không Tự Soi Xét Một Cách Bệnh Hoạn

That is the method of procedure, yet we must be careful [322] in adopting it not to fall into a common error. We may remember that the Buddha advises his disciples to follow the middle Path in everything, warning them that extremes in either direction are invariably dangerous. That is true in this case also. The ordinary man of the world is asleep in regard to the whole of this question of the cultivation of character; its necessity has never dawned upon his horizon, and he is blankly ignorant with regard to it. That is one extreme, and the worst of all. The other extreme is to be found in the constant morbid introspection in which some of the best people indulge. They are so constantly mourning over their faults and failings that they have no time to be useful to their fellow-men; and so they cause themselves unnecessary sorrow and waste much strength and effort while making but little progress. A little child who has a piece of garden for himself is sometimes so eager to

Đó là phương pháp thực hiện, nhưng chúng ta phải cẩn thận khi áp dụng phương pháp này để không rơi vào một lỗi thường gặp. Chúng ta có thể nhớ rằng Đức Phật khuyên các đệ tử của Ngài hãy theo con đường Trung đạo trong mọi việc, cảnh báo rằng những cực đoan ở bất kỳ hướng nào cũng luôn nguy hiểm. Điều này cũng đúng trong trường hợp này. Người thường không hề nhận thức được về vấn đề tu dưỡng tính cách; sự cần thiết của việc này chưa bao giờ hiện diện trong tầm nhìn của anh ta, và anh ta hoàn toàn không biết gì về nó. Đó là một cực đoan, và là điều tồi tệ nhất. Cực đoan khác là sự soi xét bản thân bệnh hoạn mà một số người tốt nhất lại tự đắm mình vào. Họ luôn tiếc nuối về những lỗi lầm và thất bại của mình đến mức không còn thời gian để hữu ích cho đồng loại; và như vậy họ tự gây ra sự đau khổ không cần thiết cho mình và lãng phí nhiều sức lực và nỗ lực trong khi tiến bộ rất ít. Một đứa trẻ có một mảnh vườn nhỏ cho riêng mình đôi khi quá háo hức để xem hạt giống của mình đang phát triển

see how his seeds are growing that he digs them up before they have really started in order to examine them again, and so effectually prevents them from springing at all. Some good people seem to be just as impatient as is such a child; they are constantly pulling themselves up by the roots to see how they are growing spiritually, and in

như thế nào đến mức nó đào chúng lên trước khi chúng thực sự bắt đầu mọc, và bằng cách đó, nó ngăn cản chúng nảy mầm hoàn toàn. Một số người tốt cũng tỏ ra thiếu kiên nhẫn như đứa trẻ đó; họ liên tục kéo bản thân lên để xem họ đang phát triển tinh thần như thế nào, và bằng cách đó, họ cản trở tất cả sự tiến bộ thực sự.

this way they hinder all real advancement.	
Self-examination and self-knowledge are necessary; but morbid introspection is above all things to be avoided. Often it has its root in a subtle form of self-conceit—an exaggerated opinion of one's importance. A man should set his face in the right direction; he should note his faults and failings, and strive to get rid of them; he should note the good qualities in which he is lacking, and endeavour to develop them within himself. But when he has formed this firm resolve, and in doing his best to carry it into effect, he can well afford to forget [323] himself for the time in the service of his fellow-men. If he will but throw himself into earnest unselfish work, in the very act of doing that work he will develop many useful qualities. Having controlled the mind and the senses, let him think often of the highest ideals that he knows; let him think what the Masters are, what the Buddha is, what the Christ is, and let him try to mould his life toward theirs; let him work always with this end in view, and let him try to raise himself towards "the measure of the stature of the fullness of the Christ." Remember that he told us, "Be ye perfect, as your Father in heaven is perfect." Remember also that he would never have uttered those words if it had not been possible for man to fulfil that command. Perfection is possible for us because immortality is a fact; we have all eternity before us in which to work, and yet we have no time to lose; for the sooner we begin to live the life of the Christ, the sooner we shall be in a position to do the work of the Christ, and to range ourselves among the saviours and the helpers of the world.	Tự kiểm điểm và tự hiểu biết là cần thiết; nhưng soi xét bản thân một cách bệnh hoạn là điều trên hết cần phải tránh. Thường thì nó bắt nguồn từ một hình thức tự cao vi tế—một quan điểm phóng đại về tầm quan trọng của bản thân. Một người nên định hướng đi đúng đắn cho mình; anh ta nên nhận ra lỗi lầm và thất bại của mình, và nỗ lực để loại bỏ chúng; anh ta nên nhận ra những đức tính tốt mà mình còn thiếu, và cố gắng phát triển chúng trong bản thân. Nhưng khi anh ta đã có quyết tâm vững chắc này, và đang cố gắng hết sức để thực hiện nó, anh ta có thể tạm thời quên bản thân trong việc phụng sự đồng loại. Nếu anh ta chỉ cần dấn thân vào công việc vị tha chân thành, trong chính hành động thực hiện công việc đó, anh ta sẽ phát triển được nhiều phẩm chất hữu ích. Khi đã kiểm soát được tâm trí và các giác quan, hãy thường xuyên suy nghĩ về những lý tưởng cao cả nhất mà anh ta biết; hãy suy nghĩ xem các Chân sư là gì, Đức Phật là gì, Đức Christ là gì, và hãy cố gắng định hình cuộc sống của mình theo mẫu hình của các Ngài; hãy luôn làm việc với mục tiêu này trong tâm trí, và hãy cố gắng nâng mình lên hướng tới "khuôn thước vóc dáng của sự viên mãn của Đức Christ." Hãy nhớ rằng Ngài đã nói với chúng ta: "Hãy trở nên hoàn thiện như Cha của các ngươi trên trời là Đấng hoàn thiện." Cũng hãy nhớ rằng Ngài sẽ không bao giờ nói những lời đó nếu điều đó không thể thực hiện được. Sự hoàn thiện là có thể đối với chúng ta vì sự bất tử là một thực tế; chúng ta có cả vĩnh cửu trước mặt để làm việc, và dù vậy chúng ta không có thời gian để lãng phí; bởi vì càng sớm chúng ta bắt đầu sống đời sống của Đức Christ, càng sớm chúng ta sẽ ở vị thế để thực hiện công việc của Đức Christ, và đứng vào hàng ngũ những vị cứu thế và trợ giúp thế gian.

CHAPTER XII - THE FUTURE OF HUMANITY
TƯƠNG LAI CỦA NHÂN LOẠI

[325] The subject of the future that lies before humanity may be treated in various ways; perhaps the simplest division which we can make is to speak first of the immediate future, then of the remoter future, then of the final goal. Both the immediate and the remoter future may be to some extent a matter of speculation, or perhaps we should rather say of calculation; but the final goal we know with absolute certainty, and that is the only thing which is really of importance. Still it is well that we should try to look forward a little, so that we who are units in this great mass of humanity may be able to take our part intelligently in the evolution which we see to be progressing all round us.

[325] Chủ đề về tương lai trước nhân loại có thể được đề cập theo nhiều cách khác nhau; có lẽ cách phân chia đơn giản nhất mà chúng ta có thể thực hiện là nói trước về tương lai gần, sau đó là tương lai xa hơn, rồi đến mục tiêu cuối cùng. Cả tương lai gần lẫn tương lai xa hơn đều có thể, ở mức độ nào đó, là vấn đề suy đoán, hoặc có lẽ chúng ta nên nói đó là vấn đề tính toán; nhưng mục tiêu cuối cùng, chúng ta biết một cách chắc chắn tuyệt đối, và đó là điều duy nhất thực sự quan trọng. Tuy vậy, cũng tốt nếu chúng ta cố gắng nhìn xa hơn một chút, để chúng ta, những cá nhân trong khối nhân loại to lớn này, có thể tham gia một cách thông minh vào tiến trình tiến hóa mà chúng ta thấy đang phát triển xung quanh mình.

The conditions of the near future must naturally develop from those which we see today; and I think that as we look about us, unless we are terribly prejudiced, we must admit that in spite of our boasted civilization there is much which is highly unsatisfactory. Europe and America, with some of the English colonies, include between them the highest levels yet gained by this civilization of ours; yet we can hardly say with truth that in any of these countries the condition of affairs is at all what we would wish to see it. In every direction we see lamentable failures, although in certain matters there may be success and progress.

Những điều kiện của tương lai gần tất nhiên phải phát triển từ những gì chúng ta thấy hôm nay; và tôi nghĩ rằng khi chúng ta nhìn quanh mình, trừ khi chúng ta có thành kiến quá lớn, chúng ta phải thừa nhận rằng mặc dù chúng ta khoe khoang về nền văn minh của mình, nhưng vẫn còn nhiều điều vô cùng bất ổn. Châu Âu và Mỹ, cùng với một số thuộc địa của Anh, bao gồm giữa chúng những mức độ cao nhất mà nền văn minh của chúng ta đã đạt được; tuy nhiên, chúng ta khó có thể nói một cách chân thực rằng ở bất kỳ quốc gia nào trong số này, tình hình hiện tại là điều mà chúng ta muốn thấy. Ở mọi hướng, chúng ta thấy những thất bại đáng tiếc, mặc dù trong một số vấn đề có thể có thành công và tiến bộ.

The Condition of Religion— Tình trạng của Tôn giáo

[326] Think of the condition in any or all of these countries of one of the most important factors of human life—religion. Wherever we may look all over the world we shall find

[326] Hãy nghĩ về tình trạng của một trong những yếu tố quan trọng nhất của đời sống con người—tôn giáo—ở bất kỳ quốc gia nào hoặc tất cả các quốc gia này. Dù nhìn ở đâu

religion in an unsatisfactory condition. That may be considered a bold and sweeping statement, yet I think examination will show that it is true. In all these which we consider the most advanced countries religion has now but little hold over the masses of the people. In some of the great Oriental lands it still holds sway, but even there it has become largely tinged with superstition, or else the people are atheistic and care for none of these things. In the Catholic countries of Europe the faith has terribly degenerated, and in some cases the grossest superstition is almost all that is left of it. In the countries which boast of themselves as belonging to reformed sects of various kinds the bulk of the people are paying no attention to religion at all, and if we turn to the educated classes or the cultured people in any of these countries, whether catholic or sectarian, we shall find that they are for the most part sceptical in their habits of thought. Sometimes they are openly sceptical in words also, but more frequently they profess some religion as a matter of course and of respectability, yet it is in no way a real or serious factor governing their every-day life.

trên thế giới, chúng ta cũng sẽ thấy tôn giáo ở trong tình trạng không thỏa đáng. Điều này có thể được xem là một tuyên bố táo bạo và rộng rãi, nhưng tôi nghĩ rằng việc xem xét sẽ cho thấy đó là sự thật. Ở tất cả các quốc gia mà chúng ta coi là tiên tiến nhất, tôn giáo hiện nay chỉ còn ít ảnh hưởng đối với quần chúng. Ở một số vùng đất lớn của phương Đông, tôn giáo vẫn còn chi phối, nhưng ngay cả ở đó, nó đã phần lớn bị nhuốm màu mê tín, hoặc người dân trở nên vô thần và không quan tâm đến những điều này. Ở các quốc gia Công giáo của châu Âu, đức tin đã thoái hóa một cách khủng khiếp, và trong một số trường hợp, những mê tín thô thiển nhất gần như là tất cả những gì còn sót lại. Ở những quốc gia tự hào thuộc về các phái cải cách khác nhau, phần lớn người dân hoàn toàn không chú ý đến tôn giáo, và nếu chúng ta chuyển sang các tầng lớp có học thức hoặc những người có văn hóa trong bất kỳ quốc gia nào trong số này, dù là Công giáo hay phái giáo phái, chúng ta sẽ thấy rằng phần lớn họ có thói quen tư duy hoài nghi. Đôi khi họ công khai hoài nghi cả trong lời nói, nhưng thường xuyên hơn là họ tuyên xưng một tôn giáo như một lẽ đương nhiên và để tỏ sự tôn trọng, tuy nhiên, tôn giáo ấy không phải là một yếu tố thực sự hay nghiêm túc điều khiển cuộc sống hàng ngày của họ.

Surely this is not a satisfactory state of affairs; for unless there is something of the nature of religion or philosophy to lead men's thoughts away from the lower world to something grander and better and more enduring, the condition of a country can never be what it should be; and if that be so we must admit that in that direction at any rate there is much to be desired all over [327] the world. Religion has given far too largely faith instead of knowledge; it has given us some hope, perhaps, but no certainty; it has put before us dogmas and authoritative statements, but little of clear reason, little that can be

Chắc chắn đây không phải là một trạng thái thỏa đáng; vì nếu không có điều gì mang tính tôn giáo hay triết học để dẫn dắt suy nghĩ của con người thoát khỏi thế giới thấp hơn, hướng đến điều gì đó vĩ đại hơn, tốt đẹp hơn và bền vững hơn, thì tình trạng của một quốc gia không bao giờ có thể đạt được như mong muốn; và nếu điều đó là sự thật, chúng ta phải thừa nhận rằng ít nhất theo hướng đó, còn nhiều điều cần phải cải thiện trên khắp [327] thế giới. Tôn giáo đã quá chú trọng đến đức tin thay vì tri thức; nó có thể đã mang đến cho chúng ta một chút hy vọng, nhưng không phải là sự chắc chắn; nó đã đưa ra trước chúng ta

definitely comprehended; and that is why many of the most cultured people find themselves believing in it in only a half-hearted way, even if they are able to accept its conclusions at all.

những giáo điều và những tuyên bố có tính quyền uy, nhưng lại rất ít lý do rõ ràng, ít điều gì có thể được hiểu một cách rõ ràng; và đó là lý do tại sao nhiều người có văn hóa nhất chỉ tin một cách hời hợt, thậm chí nếu họ có thể chấp nhận các kết luận của nó.

Social Conditions— Điều kiện Xã hội.

Again, if we examine the social conditions of the world, we must once more admit that things are far from satisfactory; for although there are those who push to the front and make enormous fortunes, there are also masses of people who are still steeped in poverty and in ignorance. This is not only of the backward countries of the world but to a great extent also even of those which are considered the most advanced; so that those who would try to help and to reform stand aghast at the sight and know not where to begin. In every country we see society more or less at war with itself, race against race, where there are different races, class against class, labour against capital, and sometimes even sex against sex. Everywhere seems to be the clash of warring interests, and so people range themselves on opposite sides. Then the question of government is also in an unsatisfactory condition; for I think all will agree that there is no country in the world which is governed, as every country in the world ought to be, solely with regard to the interests and advancement of the people who are governed. On the contrary we find everywhere personal and party considerations, and matters are in such condition that even the wisest and the best of our statesmen cannot do many things which they wish to [328] do, and find themselves forced into many actions of which in truth they do not approve.

Một lần nữa, nếu chúng ta xem xét các điều kiện xã hội trên thế giới, chúng ta phải thừa nhận rằng tình trạng vẫn còn rất xa sự thỏa đáng; vì mặc dù có những người đứng lên phía trước và kiếm được những tài sản khổng lồ, nhưng cũng có những đám đông người vẫn chìm đắm trong nghèo đói và vô minh. Điều này không chỉ xảy ra ở các quốc gia lạc hậu trên thế giới mà còn diễn ra ở mức độ lớn ngay cả tại những quốc gia được coi là tiên tiến nhất; khiến những người cố gắng giúp đỡ và cải cách phải kinh ngạc trước cảnh tượng này và không biết phải bắt đầu từ đâu. Ở mỗi quốc gia, chúng ta thấy xã hội ít nhiều đang chiến tranh với chính mình, chủng tộc chống lại chủng tộc, nơi có những chủng tộc khác nhau, giai cấp chống lại giai cấp, lao động chống lại tư bản, và đôi khi thậm chí giới tính chống lại giới tính. Khắp nơi dường như là sự xung đột của các lợi ích đối nghịch, và do đó con người đứng về phía đối lập nhau. Vấn đề về chính phủ cũng đang ở trong tình trạng không thỏa đáng; vì tôi nghĩ tất cả mọi người đều đồng ý rằng không có quốc gia nào trên thế giới được quản lý theo cách mà mọi quốc gia trên thế giới nên được quản lý, đó là chỉ dựa vào lợi ích và sự tiến bộ của những người được quản lý. Ngược lại, chúng ta thấy ở khắp nơi sự cân nhắc cá nhân và đảng phái, và tình trạng đang ở mức độ mà ngay cả những chính trị gia thông thái nhất và tốt nhất của chúng ta cũng không thể làm được nhiều điều mà họ muốn [328] làm, và thấy mình bị buộc phải thực hiện nhiều hành động mà thực sự họ không tán thành.

The Work of Theosophy— Công việc của Thông Thiên Học

All of these difficulties arise from ignorance and selfishness. If men understood the plan of evolution, instead of working each for his own personal ends they would all join together as a community and work harmoniously for the good of all with mutual tolerance and forbearance. It is obvious that if this were done all of these evils would almost immediately cease, or at any rate could very shortly be removed. Even now there is a strong wave of feeling in the world tending in that direction, because every day a greater number of people are beginning to understand to some extend and to strive towards a better and more rational condition of affairs. There are many societies and associations which have for their object the amelioration of the condition of humanity. Some of them begin at one end and some at the other; each approaches it from his own point of view and with his own set of remedies, but at least they are striving towards that development of unselfishness which is the only true solution of all our difficulties.

Tất cả những khó khăn này đều bắt nguồn từ vô minh và sự ích kỷ. Nếu con người hiểu được kế hoạch tiến hóa, thay vì làm việc vì mục đích cá nhân của mình, họ sẽ cùng nhau hợp tác như một cộng đồng và làm việc hài hòa vì lợi ích chung với sự khoan dung và nhẫn nại lẫn nhau. Hiển nhiên rằng nếu điều này được thực hiện, tất cả những điều xấu xa này sẽ gần như ngay lập tức chấm dứt, hoặc ít nhất cũng sẽ nhanh chóng được loại bỏ. Ngay cả bây giờ, đã có một làn sóng cảm xúc mạnh mẽ trên thế giới hướng đến chiều hướng đó, vì mỗi ngày càng có nhiều người bắt đầu hiểu ở một mức độ nào đó và cố gắng hướng tới một tình trạng sự việc tốt hơn và hợp lý hơn. Có rất nhiều tổ chức và hội đoàn với mục tiêu cải thiện điều kiện sống của nhân loại. Một số bắt đầu từ một điểm, một số bắt đầu từ điểm khác; mỗi người tiếp cận từ góc nhìn của riêng mình và với những giải pháp riêng của mình, nhưng ít nhất họ đang cố gắng hướng tới sự phát triển của tính vị tha, điều này là giải pháp duy nhất thực sự cho tất cả những khó khăn của chúng ta.

The Work of Theosophy— Công việc của Thông Thiên Học

Our own Theosophical Society is one of such organizations, for it is striving to help humanity. It has no connection with any form of politics, and is not trying to act directly in any way with regard to social conditions; its effort is rather to dispel ignorance, to put before men the truth about life and death, to show them why they are here and what lessons they have to learn, and so to bring them to understand and to realize the great truth of the brotherhood of man. Already much work has been done in that direction—work of which but little is known in America, because most of it has not been [329] in this hemisphere. Though you have people of many different races in this country, you are gradually welding them all together into one race; so that it can hardly be said that any

Hội Thông Thiên Học của chúng ta là một trong những tổ chức như vậy, vì nó đang nỗ lực giúp đỡ nhân loại. Hội không có liên kết với bất kỳ hình thức chính trị nào và không cố gắng tác động trực tiếp đến các điều kiện xã hội theo bất kỳ cách nào; thay vào đó, Hội nỗ lực xua tan sự vô minh, đưa ra trước con người sự thật về sự sống và cái chết, chỉ cho họ thấy lý do vì sao họ có mặt ở đây và những bài học họ cần học, và từ đó đưa họ đến sự hiểu biết và nhận ra chân lý vĩ đại về tình huynh đệ của nhân loại. Đã có nhiều công việc được thực hiện theo hướng đó — công việc mà ít người biết đến ở Mỹ, bởi phần lớn không được [329] thực hiện tại bán cầu này. Mặc dù các bạn có những người thuộc nhiều chủng tộc khác nhau trong đất nước này, nhưng các bạn đang dần hàn gắn tất cả lại thành một chủng tộc

racial antagonisms exist, except, perhaps, that in the South between the whites and the Negroes. In Europe, however, there is still strong national feeling, and I am afraid much national misunderstanding. But it is a striking and interesting thing to see one of the conventions of the Theosophical Society here, at which are present men from all these races which so often misunderstand and suspect one another. It is pleasant and encouraging to see how all these men meet as brothers, how the racial differences and antagonisms have disappeared, and how unfeignedly they all rejoice to see one another. It is impossible to avoid the conclusion that if Theosophy spread gradually among these various nations, if the majority, or even a large minority, of each nation understood and accepted the Theosophical ideas, anything like war between such nations would be impossible. All of them realize perfectly that the matters of the physical plane are of minor importance, and that all points connected with it can be easily settled if there is goodwill on both sides and an endeavour to discover the right and to do justice.

duy nhất; do đó, khó có thể nói rằng vẫn còn tồn tại sự đối kháng chủng tộc, ngoại trừ, có lẽ, sự đối kháng giữa người da trắng và người da đen ở miền Nam. Tuy nhiên, ở châu Âu, vẫn còn cảm giác dân tộc mạnh mẽ, và tôi e rằng còn nhiều sự hiểu lầm giữa các quốc gia. Nhưng thật nổi bật và thú vị khi thấy một trong những hội nghị của Hội Thông Thiên Học ở đây, nơi có sự hiện diện của những người từ tất cả các chủng tộc thường xuyên hiểu lầm và nghi ngờ lẫn nhau. Thật vui và khích lệ khi thấy tất cả những người này gặp nhau như những người anh em, thấy rằng những khác biệt và đối kháng chủng tộc đã biến mất, và họ chân thành vui mừng khi gặp nhau. Không thể tránh khỏi kết luận rằng nếu Thông Thiên Học lan rộng dần dần giữa các quốc gia này, nếu phần đông, hoặc thậm chí là một thiểu số lớn của mỗi quốc gia hiểu và chấp nhận các ý tưởng Thông Thiên Học, thì mọi thứ giống như chiến tranh giữa các quốc gia đó sẽ không thể xảy ra. Tất cả họ đều nhận ra một cách hoàn hảo rằng những vấn đề của cõi trần chỉ là thứ yếu, và rằng mọi vấn đề liên quan đến nó đều có thể dễ dàng được giải quyết nếu có thiện chí từ cả hai phía và nỗ lực tìm ra lẽ phải và thực hiện công lý.

It only needs that men shall come to know and to understand one another, in order that they may also come to respect one another. A man of one nation may feel a prejudice against men of another nation in the abstract, and may retain this prejudice so long as he knows none of them intimately. The moment he comes into close relationship with them as friends, he discovers that they also are human beings with the same good qualities and the same faults and failings as his own countrymen, and inevitably these discoveries change his [330] point of view with regard to them. He still retains his patriotism, his love of country and his own ideas upon many points, but he realizes that these others are also brothers and

Chỉ cần con người biết và hiểu nhau, họ cũng sẽ bắt đầu tôn trọng lẫn nhau. Một người thuộc một quốc gia có thể cảm thấy thành kiến đối với những người thuộc quốc gia khác một cách mơ hồ, và có thể giữ thành kiến này chừng nào anh ta chưa quen thuộc với họ một cách thân mật. Ngay khi anh ta có mối quan hệ gần gũi với họ như những người bạn, anh ta sẽ phát hiện ra rằng họ cũng là con người với những phẩm chất tốt và những lỗi lầm và khuyết điểm giống như đồng bào của mình, và không thể tránh khỏi việc những khám phá này thay đổi [330] quan điểm của anh ta đối với họ. Anh ta vẫn giữ lòng yêu nước, tình yêu đất nước và ý kiến riêng của mình về nhiều điểm, nhưng anh ta nhận ra rằng những người kia cũng là

that although there may be many points upon which they differ yet there are far more in which this common brotherhood of humanity makes them agree. There you have a living example of the way in which, when ignorance is dispelled and greater knowledge is attained, a comprehension of the brotherhood follows and many dangers and difficulties are at once removed.

anh em, và mặc dù có thể có nhiều điểm khác biệt, nhưng lại có nhiều điểm chung hơn mà tình huynh đệ của nhân loại làm họ đồng ý. Ở đây, các bạn có một ví dụ sống động về cách mà, khi sự vô minh bị xua tan và tri thức lớn hơn đạt được, sự hiểu biết về tình huynh đệ sẽ theo sau, và nhiều nguy hiểm và khó khăn ngay lập tức được loại bỏ.

Its Work in the East— Công việc của nó ở phương Đông

Even more striking results of the work of the Theosophical Society are to be seen in the East. I have seen several of the great Conventions of our Society at is headquarters in India; and it is a magnificent thing to see the scores of different races which come together there, representing in some cases religions which have been separated for thousands of years. These members may come from races which have hereditary antagonisms, or from faiths which regard one another as heretical, yet here at the Theosophical Convention they stand side by side, each one acknowledging the other's claim to tolerance and brotherly treatment, each admitting the other to be in every way equal to himself.

Những kết quả nổi bật hơn nữa từ công việc của Hội Thông Thiên Học có thể được nhìn thấy ở phương Đông. Tôi đã chứng kiến nhiều Đại hội lớn của Hội tại trụ sở chính ở Ấn Độ; và thật là một điều tuyệt vời khi thấy hàng chục chủng tộc khác nhau tập hợp tại đó, đại diện trong một số trường hợp cho các tôn giáo đã bị chia rẽ hàng nghìn năm. Các thành viên này có thể đến từ những chủng tộc có mối đối kháng mang tính di truyền, hoặc từ những tín ngưỡng xem lẫn nhau là dị giáo, nhưng tại Đại hội Thông Thiên Học này, họ đứng cạnh nhau, mỗi người thừa nhận yêu cầu của người kia về sự khoan dung và đối xử như anh em, mỗi người thừa nhận người kia về mọi phương diện là bình đẳng với chính mình.

I remember when the Sanskrit library was opened there at the Theosophical headquarters at Adyar, the President-Founder invited the representatives of all the great religions to come together and join in a kind of service of consecration or benediction. It was the first time in history, so far as we know, in which priests or preachers of these different faiths had met in this way on a common platform, each receiving the other as an equal, [331] each sharing by their presence in the ceremonies of the other religions. We had there a Hindu Pujari from one of the principal temples; we had two prominent Buddhist

Tôi nhớ khi thư viện Sanskrit được khánh thành tại trụ sở Thông Thiên Học ở Adyar, vị Chủ tịch-Sáng lập đã mời đại diện của tất cả các tôn giáo lớn đến và tham gia vào một buổi lễ cung hiến hoặc ban phước. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, theo như chúng tôi biết, mà các giáo sĩ hoặc nhà giảng đạo của những tín ngưỡng khác nhau đã gặp nhau theo cách này trên cùng một diễn đàn chung, mỗi người tiếp nhận người kia như một người bình đẳng, [331] và mỗi người tham gia vào nghi thức của các tôn giáo khác bằng sự hiện diện của mình. Chúng tôi có một Pujari Ấn giáo từ một trong những đền thờ chính; chúng tôi có hai nhà sư

monks from Ceylon; we had Parsee Mobeds from the neighbourhood of Bombay, and we had prominent Mohammedans from Central India; yet all these men joined together in fraternal accord. The only great religion not represented on that occasion was the Christian, and that was not the fault of our President, for he had sent invitations to leading Christians to take part in the ceremony, but in reply they could only regret that the others among whom they were asked to officiate were heathens, and that consequently they were unable to appear beside them upon a common platform.

Phật giáo nổi bật từ Tích Lan; chúng tôi có các Mobed Parsee từ vùng lân cận Bombay, và chúng tôi có các nhân vật Hồi giáo quan trọng từ Trung Ấn Độ; tuy nhiên, tất cả những người này đã cùng nhau tham gia trong tình huynh đệ hòa hợp. Tôn giáo lớn duy nhất không có đại diện trong dịp đó là Cơ Đốc giáo, và đó không phải lỗi của Chủ tịch chúng tôi, vì Ngài đã gửi thư mời đến các nhà lãnh đạo Cơ Đốc giáo để tham gia buổi lễ, nhưng họ chỉ có thể tiếc nuối rằng những người khác mà họ được mời cùng cử hành lễ nghi là "dân ngoại", và do đó họ không thể xuất hiện bên cạnh họ trên cùng một diễn đàn chung.

The Two Great Churches of Buddhism— Hai Giáo hội Phật giáo lớn.

Another striking result of the work of the Society—a piece of work for which especial credit should be given personally to its indefatigable President—was the bringing into closer touch of the Northern and Southern churches of Buddhism. Here were two sections of the great Buddhist religion, standing in somewhat the same relation to one another as the Roman Catholic Church and the Greek Church—divisions which has been separated for many centuries, which had gradually grown more and more apart in doctrine and ritual. It was the President of the Theosophical Society to whom the idea occurred of drawing up a document containing certain grand common principles, to which he invited the assent of the heads of both these churches; and he visited the various countries concerned, obtained the signature of all the great dignitaries to this common document and thereby brought into intimate relation those who before had regarded one another with a certain amount of distrust [332] and suspicion. Through his exertions also young students of the Northern church were sent to study under some of the leading monks of the South, so that there

Một kết quả nổi bật khác của công việc của Hội — một công việc đặc biệt mà công lao đáng được ghi nhận trực tiếp cho vị Chủ tịch không biết mệt mỏi của Hội — là việc đưa các giáo hội Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông lại gần nhau hơn. Đây là hai nhánh của tôn giáo Phật giáo vĩ đại, có mối quan hệ tương tự như giữa Giáo hội Công giáo La Mã và Giáo hội Hy Lạp Chính Thống — những sự phân chia đã bị tách rời qua nhiều thế kỷ và dần dần ngày càng cách biệt nhau về giáo lý và nghi lễ. Chính vị Chủ tịch của Hội Thông Thiên Học đã nảy ra ý tưởng soạn thảo một tài liệu chứa đựng các nguyên tắc chung cao cả, và Ngài đã mời các vị lãnh đạo của cả hai giáo hội này đồng ý với văn kiện đó; Ngài đã đến thăm các quốc gia liên quan, lấy được chữ ký của tất cả các chức sắc lớn của hai bên cho tài liệu chung này, từ đó đưa những người trước đây coi nhau với sự ngờ vực [332] và hoài nghi nhất định vào mối quan hệ gần gũi hơn. Cũng nhờ sự nỗ lực của Ngài mà các học viên trẻ của giáo hội Bắc Tông đã được gửi đi học dưới sự dẫn dắt của các nhà sư hàng đầu của giáo hội Nam Tông, để ngày càng có nhiều người trong cả hai giáo hội này hiểu biết một cách trực tiếp và thực tiễn về giáo hội của nhau.

might be an ever increasing number of men in each of these churches who knew something directly and practically of the other.

To many of you all this means comparatively little, because you have no idea of the enormous importance of the interest concerned and of the numbers of people involved. It would no doubt be quite a marvellous achievement to bring together the Pope of Rome and the Archbishop of Canterbury, and to induce them each to acknowledge the other as his equal and as in every way as true a representative of original Christianity as himself. Yet this which was achieved by the President of our Society was in reality a matter on a much larger scale than that, for the numbers belonging to the two Buddhist churches far exceed those of the adherents of all the different sects of Christianity put together. So that it may certainly be said that already this Society of ours has done something towards the promotion of its first object, the Brotherhood of Humanity.

Đối với nhiều người trong các bạn, tất cả điều này có thể không có ý nghĩa gì nhiều, vì các bạn không nhận thức được tầm quan trọng to lớn của mối quan tâm liên quan và số lượng người liên đới. Không nghi ngờ gì, đó sẽ là một thành tựu kỳ diệu nếu có thể đưa Giáo hoàng La Mã và Tổng giám mục Canterbury lại với nhau, và thuyết phục họ mỗi người công nhận người kia là người bình đẳng và cũng là đại diện chân chính cho Cơ đốc giáo nguyên thủy như chính mình. Tuy nhiên, điều mà Chủ tịch của Hội chúng ta đã đạt được thực sự là một vấn đề ở quy mô lớn hơn nhiều, vì số lượng tín đồ của hai giáo hội Phật giáo này vượt xa tổng số tín đồ của tất cả các giáo phái Cơ đốc giáo gộp lại. Do đó, chắc chắn có thể nói rằng Hội của chúng ta đã làm được điều gì đó để thúc đẩy mục tiêu đầu tiên của mình, đó là Tình Huynh Đệ của Nhân Loại.

The Lessons to Be Learned— Những bài học cần học

There is no country in the world where the work of the Society is not needed, for in every land there is much that this real knowledge of one another can do to bring the different sections of the community into greater harmony, to bring men to join together and to recognize the eternal brotherhood of all, to lead them all together towards the pursuit of high ideals and to teach them to discriminate the real from the unreal, to show them what objects are worth following and what are of minor importance. The study of these mighty truths will increase [333] not only within our Theosophical Society but outside of it also. It matters but little by what name we call it; if the study of truth and the endeavour to realize these higher ideals spread abroad over the

Không có quốc gia nào trên thế giới mà công việc của Hội là không cần thiết, vì ở mọi quốc gia, có rất nhiều điều mà sự hiểu biết thực sự về nhau có thể làm để mang lại sự hòa hợp lớn hơn giữa các thành phần của cộng đồng, để đưa con người cùng hợp tác và công nhận tình huynh đệ vĩnh cửu của tất cả, để dẫn dắt họ cùng nhau theo đuổi những lý tưởng cao cả và dạy họ phân biệt được điều thực khỏi điều hư ảo, để chỉ cho họ thấy những mục tiêu nào đáng theo đuổi và những mục tiêu nào chỉ là thứ yếu. Việc nghiên cứu những chân lý vĩ đại này sẽ không chỉ tăng cường [333] trong Hội Thông Thiên Học của chúng ta mà còn lan rộng ra ngoài Hội. Điều quan trọng không nằm ở tên gọi nào mà chúng ta đặt cho nó; nếu việc nghiên cứu chân lý và nỗ lực hiện thực hóa

country we shall find that they carry peace and understanding and loving kindness in their train, and then presently we shall see a new and grander religion springing up which all may accept with equal freedom.

những lý tưởng cao đẹp này lan rộng khắp đất nước, chúng ta sẽ thấy rằng chúng mang lại hòa bình, sự thấu hiểu và lòng nhân ái, và rồi không lâu sau đó, chúng ta sẽ thấy một tôn giáo mới và vĩ đại hơn mọc lên mà tất cả đều có thể chấp nhận với sự tự do bình đẳng.

There are many lessons which we may learn from history. The leading countries of the earth think of themselves as embodying a great and advanced civilization, and we are apt to imagine that never before in the world has there been anything like the knowledge which we now possess. Along certain lines, perhaps, this may be true; yet there have been other mighty civilizations which have arisen and flourished and disappeared in turn. Their history is an image of our own, and their fate must one day overtake us also, however improbable that may appear to us now. In the magnificent civilization of Atlantis a level of universal prosperity for all was attained which we certainly have not yet reached, and that condition in their case was stable and lasted for thousands of years. But to that great race came also the test that comes to all nations, when the fuller truth gradually dawns upon them, and when their people come to know the possibility of powers higher than the physical plane. The nation of Atlantis misused these powers; the majority there chose the path of selfishness and not of selflessness, and so Atlantis perished.

Có nhiều bài học mà chúng ta có thể học từ lịch sử. Các quốc gia hàng đầu của trái đất nghĩ về mình như là đại diện cho một nền văn minh vĩ đại và tiên tiến, và chúng ta thường có xu hướng tưởng rằng chưa bao giờ trên thế giới lại có điều gì giống như những kiến thức mà chúng ta hiện có. Ở một số khía cạnh nhất định, có lẽ điều này là đúng; tuy nhiên, đã có những nền văn minh vĩ đại khác đã nổi lên, thịnh vượng rồi lần lượt biến mất. Lịch sử của họ là hình ảnh phản chiếu lịch sử của chúng ta, và số phận của họ một ngày nào đó sẽ đến với chúng ta, dù điều đó hiện nay có vẻ không thể xảy ra. Trong nền văn minh vĩ đại của Atlantis, một mức độ thịnh vượng chung cho tất cả đã đạt được mà chúng ta chắc chắn chưa thể đạt tới, và tình trạng đó trong trường hợp của họ là ổn định và kéo dài hàng ngàn năm. Nhưng với chủng tộc vĩ đại đó cũng đã đến thử thách mà mọi quốc gia đều phải đối mặt, khi sự thật đầy đủ dần dần hé lộ trước họ, và khi dân tộc của họ bắt đầu nhận ra khả năng của những quyền năng cao hơn cõi trần. Quốc gia Atlantis đã lạm dụng những quyền năng này; phần lớn dân số của họ đã chọn con đường ích kỷ thay vì vị tha, và vì vậy Atlantis đã diệt vong.

We are now repeating the earlier part of their history; we are increasing in wealth and in prosperity, and we are gradually tending towards the world wide domination which was held by Atlantis. Many among us are now beginning to obtain glimpses, at any rate, of these [334] higher powers; and the knowledge of them and the possession of them will steadily spread among us. So we are closely

Chúng ta hiện đang lặp lại phần đầu của lịch sử của họ; chúng ta đang gia tăng về sự giàu có và thịnh vượng, và chúng ta dần hướng đến sự thống trị toàn cầu giống như Atlantis đã từng có. Nhiều người trong chúng ta hiện đang bắt đầu nhận thấy ít nhiều những [334] quyền năng cao hơn này; và tri thức về chúng và việc sở hữu chúng sẽ dần dần lan rộng trong chúng ta. Do đó, chúng ta đang lặp lại lịch sử của

repeating the history of Atlantis; and the question for us is whether having thus reproduced the earlier part of it we are about to follow its example in the latter part—whether after repeating the glory and expansion of the world-wide empire, we are going also to repeat the disgrace and the downfall. Whether that will happen to the present civilization of the world or not depends largely upon the men of today, the men who are here at the beginning of the new order of things.

Atlantis; và câu hỏi đặt ra cho chúng ta là liệu sau khi đã tái tạo phần đầu của lịch sử đó, chúng ta có sắp theo gương của họ trong phần cuối hay không — liệu sau khi lặp lại vinh quang và sự mở rộng của đế chế toàn cầu, chúng ta cũng sẽ lặp lại sự ô nhục và sụp đổ. Điều đó có xảy ra với nền văn minh hiện tại của thế giới hay không phụ thuộc phần lớn vào những con người của ngày hôm nay, những người hiện đang ở giai đoạn khởi đầu của trật tự mới của sự vật.

The Preparation of Our Future— Sự chuẩn bị cho tương lai của chúng ta

In America especially glimpses of psychic development are common; and undoubtedly they will form a characteristic of the great new race which is to arise out of the intermixture of many nations which is taking place there. We are in truth assisting in the birth of a nation, and we must remember that a birth of a nation has many points in common with the birth of a child. We know that the future of the child depends largely on the thought and character of those who surround it in its earliest years, both before and after the moment of its birth. Just in the same manner the men of the present day have their part to play in the foundation of this new race, in the preparation of the future that awaits us.

Đặc biệt ở Mỹ, những dấu hiệu của sự phát triển thông linh khá phổ biến; và chắc chắn rằng chúng sẽ trở thành một đặc điểm của giống dân mới vĩ đại sẽ phát sinh từ sự hòa trộn của nhiều quốc gia đang diễn ra tại đó. Chúng ta thực sự đang góp phần vào sự sinh ra của một quốc gia, và chúng ta phải nhớ rằng sự ra đời của một quốc gia có nhiều điểm tương đồng với sự ra đời của một đứa trẻ. Chúng ta biết rằng tương lai của đứa trẻ phần lớn phụ thuộc vào tư tưởng và tính cách của những người xung quanh nó trong những năm đầu đời, cả trước và sau khoảnh khắc nó chào đời. Tương tự như vậy, con người của thời đại hiện tại có vai trò của mình trong việc xây dựng nền tảng cho giống dân mới này, trong việc chuẩn bị cho tương lai đang chờ đợi chúng ta.

In this preparation we who are studying the truths of Theosophy have our part to play. If we realize something of these higher truths, if we understand the necessity of high and spiritual ideals, now is the time for us to try to spread this knowledge of the truth and to put it forward in a common-sense way before those who can understand it wherever opportunity offers. We must offer them this higher belief, based not upon dogmas or [335] sacred books, but upon sound reason and

Trong sự chuẩn bị này, những ai đang nghiên cứu các chân lý của Thông Thiên Học có vai trò của mình để đóng góp. Nếu chúng ta nhận thức được điều gì đó về những chân lý cao cả này, nếu chúng ta hiểu được sự cần thiết của các lý tưởng cao đẹp và tinh thần, thì bây giờ chính là lúc chúng ta cố gắng truyền bá kiến thức này về chân lý và trình bày nó một cách hợp lý trước những người có thể hiểu nó bất cứ khi nào có cơ hội. Chúng ta phải đưa ra cho họ niềm tin cao cả này, không dựa trên các giáo

common-sense, reasoning steadily upward step by step from things clearly known and recognized by science to those which as yet are known only to the few. If we can succeed in doing this we shall help in securing for this immediate future a development of good and not of evil. We must remember that it is the power of our thought and the power of our action, as well as the power of our speech, which will produce its effect in these matters.

điều hoặc [335] sách thiêng liêng, mà dựa trên lý trí vững chắc và sự hợp lý thông thường, lập luận từng bước từ những điều được khoa học biết và công nhận rõ ràng đến những điều mà cho đến nay chỉ có một số ít người biết. Nếu chúng ta thành công trong việc này, chúng ta sẽ giúp đảm bảo cho tương lai gần một sự phát triển tốt đẹp thay vì xấu xa. Chúng ta phải nhớ rằng chính sức mạnh của tư tưởng, hành động, cũng như lời nói của chúng ta sẽ tạo ra tác động trong những vấn đề này.

Never was there a greater need for the diffusion of knowledge, for in the present ignorance of men there is a real and imminent danger. We have in the immediate future the possibility of serious struggle; we have all the elements of a possible social upheaval, and we have no religion with sufficient hold upon the people to check what may develop into a wild and dangerous movement. As yet philosophy is the study of the few only, and the science which has done so much for us, and has achieved so many triumphs, cannot stay the danger which threatens us. The only thing that can prevent it is the diffusion of knowledge, so that men shall understand what is really best for them and shall realize that nothing can ever be good for one which is against the interest of the whole.

Chưa bao giờ có nhu cầu lớn hơn về việc phổ biến kiến thức, vì trong sự vô minh hiện tại của con người, có một mối nguy thực sự và hiện hữu. Trong tương lai gần, chúng ta có khả năng đối diện với những cuộc đấu tranh nghiêm trọng; chúng ta có tất cả các yếu tố của một cuộc biến động xã hội có thể xảy ra, và chúng ta không có tôn giáo nào đủ sức ảnh hưởng để ngăn chặn điều gì đó có thể phát triển thành một phong trào cuồng loạn và nguy hiểm. Hiện tại, triết học chỉ là môn học của một số ít người, và khoa học, mặc dù đã làm rất nhiều cho chúng ta và đạt được nhiều thành tựu, cũng không thể ngăn chặn mối nguy hiểm đang đe dọa chúng ta. Điều duy nhất có thể ngăn chặn nó là việc phổ biến tri thức, để con người hiểu được điều gì thực sự tốt nhất cho họ và nhận ra rằng không có điều gì tốt cho một người mà lại chống lại lợi ích của toàn thể.

Development Must Come— Sự phát triển phải đến

That change and development must come is certain; the only question is how it shall come – how the new order shall replace the old with as little friction and as little suffering as possible. Material and philosophical science must be perfected, until every natural force is subjugated to man's service; knowledge will grow until it rends the veil from every secret in the boundless fields of hitherto unknown

Sự thay đổi và phát triển chắc chắn phải đến; câu hỏi duy nhất là nó sẽ đến như thế nào – trật tự thế giới mới sẽ thay thế trật tự cũ ra sao với ít xung đột và đau khổ nhất có thể. Khoa học vật chất và triết học phải được hoàn thiện, cho đến khi mọi lực lượng tự nhiên đều phục vụ cho con người; tri thức sẽ phát triển cho đến khi nó xé toang bức màn che giấu mọi bí mật trong lĩnh vực vô tận của chân lý chưa

truth; idyllic social economics will **(Page 336)** follow in the wake of individual refinement until there is nothing left to fight for, and hardly anything left to sigh for; for in all the world needless sorrow and suffering and death will be known no more. The gaunt spectre of loathsome disease will be laid forever by the awakened might of physiological science, so that men will die only in the fullness of their days, and may well be enabled to condense into one incarnation such development as now spreads itself over two or three. The ghastly monster of ruthless war will be smitten by the fiery sword of intellectual power, the sordid demon of grinding fruitless toil, with its attendant imps of starvation, degradation, and moral death, will be bound in chains by the mighty arm of moral responsibility, and human beings will no longer be treated as a little lower than the beasts of the field. Education will pierce the viscid depths of poverty, and will raise even the humblest of the human race into the self-respecting, self-restraining ranks of the men who know.	từng được biết đến; kinh tế xã hội lý tưởng sẽ (Trang 336) theo sau sự tinh luyện của cá nhân cho đến khi không còn gì để tranh đấu, và hầu như không còn gì để mong đợi; vì trên toàn thế giới, nỗi buồn phiền, đau khổ và cái chết không cần thiết sẽ không còn được biết đến nữa. Bóng ma hốc hác của bệnh tật kinh tởm sẽ bị tiêu diệt vĩnh viễn bởi sức mạnh được thức tỉnh của khoa học viên lý, để con người chỉ chết khi mãn phần, và có thể cô đọng sự phát triển vốn trải dài qua hai hoặc ba kiếp sống vào một kiếp sống duy nhất. Con quái vật khủng khiếp của chiến tranh tàn nhẫn sẽ bị đánh gục bởi thanh gươm rực lửa của sức mạnh trí tuệ, con quỷ hèn hạ của lao động cực nhọc vô ích, cùng với những con quỷ nhỏ của nạn đói, sự suy thoái và cái chết về mặt đạo đức, sẽ bị trói buộc bởi cánh tay hùng mạnh của trách nhiệm đạo đức, và con người sẽ không còn bị đối xử thấp kém hơn loài vật. Giáo dục sẽ xuyên thủng vực sâu của nghèo đói, và sẽ nâng cao ngay cả những người thấp hèn nhất của loài người lên hàng ngũ những người tự trọng, tự chủ, những người có tri thức.
All this must surely come; as the sense of duty spreads among men, it will draw forth the rich man from his selfish isolation to employ the talents which have been given him for the helping and the uplifting of his fellows; the extremes of wealth and poverty will be alike impossible, for the simpler and the purer life must take the place of all the present unnecessary complications. This is in our future, and I hope it may be the near future; but how it shall come depends largely upon the extent to which the light of truth can be spread through the world now. There is no time to waste, for the forces of discontent and danger are daily growing, and at any moment some spark may light a conflagration, the extent of which no man can foresee.	Tất cả những điều này chắc chắn phải đến; khi ý thức về bổn phận lan rộng trong nhân loại, nó sẽ kéo người giàu ra khỏi sự cô lập ích kỷ của họ để sử dụng những tài năng mà họ đã được ban cho để giúp đỡ và nâng cao đồng loại; sự chênh lệch giàu nghèo cùng cực sẽ không còn tồn tại, vì cuộc sống đơn giản và thuần khiết hơn phải thay thế tất cả những phức tạp không cần thiết hiện tại. Điều này nằm trong tương lai của chúng ta, và tôi hy vọng đó là tương lai gần; nhưng nó sẽ đến như thế nào phụ thuộc phần lớn vào mức độ ánh sáng của chân lý có thể được lan truyền khắp thế giới hiện nay. Không có thời gian để lãng phí, vì các thế lực bất mãn và nguy hiểm đang ngày càng tăng, và bất cứ lúc nào một tia lửa cũng có thể thắp sáng một đám cháy mà không ai có thể lường trước được quy mô.

The Remoter Future— Tương lai xa hơn.

[337] We can speak with greater certainty as to the remoter future than we can with regard to that which is more immediately impending. The study of the earlier ages of humanity and a comparison of their conditions with the state of affairs at the present day shows us the direction in which evolution is moving; so that there can be no question that after a certain considerable lapse of time qualities which are now only just beginning to dawn will be fully developed, and all the conditions of society will be radically changed thereby. There can be no uncertainty with regard to this; but the intermediate steps through which we must pass are not so clearly defined. I have often had occasion to speak of the possession by man of the astral and mental bodies, and of the development within some of us of the senses of these bodies, so that they have become what is commonly called clairvoyant. Those who possess these faculties now are those who have turned their attention especially to them either in this life or in some previous existence; but the faculties are the heritage of every human being, and the race is moving steadily towards their fuller development.

[337] Chúng ta có thể nói với sự chắc chắn hơn về tương lai xa so với những gì đang xảy ra ngay trước mắt. Việc nghiên cứu các thời đại đầu tiên của nhân loại và so sánh các điều kiện của họ với tình trạng hiện tại cho chúng ta thấy hướng đi của sự tiến hóa; vì vậy, không thể có nghi ngờ rằng sau một khoảng thời gian đáng kể, những phẩm chất mà hiện nay chỉ mới bắt đầu hé lộ sẽ phát triển hoàn toàn, và tất cả các điều kiện xã hội sẽ thay đổi một cách căn bản. Không có sự bất định nào liên quan đến điều này; nhưng các bước trung gian mà chúng ta phải trải qua thì không được xác định rõ ràng. Tôi đã nhiều lần có dịp nói về việc con người sở hữu thể cảm dục và thể trí, và về sự phát triển của các giác quan của những thể này trong một số người trong chúng ta, khiến họ trở thành những người có năng lực mà ta thường gọi là "thông nhãn". Những người hiện tại sở hữu các năng lực này là những người đã chú ý đặc biệt đến chúng trong cuộc sống này hoặc trong một kiếp sống trước; nhưng những năng lực này là di sản của mọi con người, và nhân loại đang tiến một cách vững chắc về phía sự phát triển đầy đủ của chúng.

I have explained in the concluding chapter of The Other Side of Death how the man who wishes for the use of these faculties may proceed to unfold them within himself. That process, however, is only an acceleration of what nature is gradually doing for us all; and the time is not far distant when a considerable portion of the higher races of mankind will possess them naturally and without any special effort. In America we have striking evidence that this statement is true, for the proportion of partially psychic men and women is far greater here than it is in any of the older nations with the exception, perhaps,

Tôi đã giải thích trong chương cuối của cuốn *The Other Side of Death* về cách mà người muốn sử dụng những năng lực này có thể tiến hành để phát triển chúng trong bản thân mình. Tuy nhiên, quá trình đó chỉ là một sự gia tốc của những gì tự nhiên đang dần dần thực hiện cho tất cả chúng ta; và thời điểm không xa khi một phần đáng kể của các giống dân cao cấp sẽ sở hữu chúng một cách tự nhiên và không cần nỗ lực đặc biệt. Ở Mỹ, chúng ta có bằng chứng rõ ràng rằng tuyên bố này là đúng, vì tỷ lệ người đàn Ông và phụ nữ có năng lực thông linh một phần ở đây cao hơn nhiều so với ở bất kỳ quốc gia nào khác, ngoại trừ, có lẽ,

[338] of some of the smaller and distinctly Keltic races, such as the Highlanders of Scotland. There must be many among my hearers or my readers who know from their own experience that what I am saying is true, and there must be many more who know it from the evidence of relations or friends who already possess these faculties to a greater or less extent. Although to the majority of mankind such faculties will come only gradually, yet we must remember that they will come with steadily increasing rapidity, because the more widely they are known, and the more they are in the air, the easier it will be for those to develop them in whom they are already near the surface.

[338] một số giống dân nhỏ và đặc biệt là giống dân Celt, chẳng hạn như người Scotland vùng cao nguyên. Chắc chắn trong số những người nghe hoặc đọc lời này có nhiều người biết từ kinh nghiệm cá nhân rằng những gì tôi nói là đúng, và còn nhiều người khác nữa biết điều này từ những bằng chứng của người thân hoặc bạn bè đã sở hữu những năng lực này ở một mức độ nào đó. Mặc dù đối với phần lớn nhân loại, những năng lực này sẽ chỉ xuất hiện dần dần, nhưng chúng ta phải nhớ rằng chúng sẽ đến với tốc độ ngày càng nhanh hơn, vì càng có nhiều người biết đến chúng và chúng càng phổ biến, thì những người có chúng gần như bộc lộ sẽ càng dễ phát triển chúng.

Let us think then of the time when the majority of the men of advanced races will possess such endowments as these, and let us see what difference that will make in their lives. Naturally the development of astral sight will come first. To the advanced and trained clairvoyant the possession of astral sight is a small matter, for he can reach higher than that, and has much more extended powers at his command. But for the majority of people the possession of even this faculty would change the whole face of life. I remember once hearing Mrs. Besant speak on this subject; and she explained that there were three great parallel roads, as it were, along which men would progress—the paths of Power, Wisdom and Love. She said that if one examines these three roads, one may easily see for oneself what difference will be made in each of them when the higher faculties of man are developed. Under these three headings she grouped the various activities through which the powers of man could be manifested. Under the heading of love, for example, is grouped all that belongs to the religious aspect of life—our devotion towards those above us, towards the [339] Great Ones, and towards the

Hãy nghĩ về thời điểm khi phần lớn những người thuộc giống dân tiên tiến sẽ sở hữu những khả năng này, và hãy xem sự khác biệt đó sẽ tạo ra trong cuộc sống của họ như thế nào. Tự nhiên, sự phát triển của thị giác cảm dục sẽ đến trước. Đối với người có thông nhãn tiên tiến và được huấn luyện, việc sở hữu thị giác cảm dục là một điều nhỏ bé, vì họ có thể vươn lên cao hơn thế và có nhiều năng lực mở rộng hơn trong tầm kiểm soát của mình. Nhưng đối với phần lớn mọi người, việc sở hữu ngay cả năng lực này cũng sẽ thay đổi toàn bộ diện mạo của cuộc sống. Tôi nhớ đã từng nghe bà Besant nói về chủ đề này; và bà giải thích rằng có ba con đường lớn song song, như thể, mà loài người sẽ tiến bộ — những con đường của Quyền Lực, Minh Triết và Bác Ái. Bà nói rằng nếu một người xem xét ba con đường này, người ta có thể dễ dàng thấy cho chính mình sự khác biệt sẽ được tạo ra trong mỗi con đường khi các năng lực cao hơn của con người được phát triển. Dưới ba tiêu đề này, bà đã nhóm các hoạt động khác nhau qua đó năng lực của con người có thể được thể hiện. Dưới tiêu đề bác ái, chẳng hạn, là tất cả những gì thuộc về khía cạnh tôn giáo của cuộc sống — sự tận tụy của chúng ta đối với những Đấng

Deity, and also, on the other hand, our love and sympathy and helpfulness towards those around us or behind us in evolution. On the wisdom side of man's evolution we have his development along the lines of science, or philosophy, or art—developments at present perhaps somewhat rudimentary, yet they will be built into fuller and more perfect knowledge as time goes on. Under the power side of the man's development comes the whole question of government and of organization in all its aspects.

Cao Cả, đối với [339] các Ngài và đối với Thượng Đế, và cũng như sự yêu thương, đồng cảm và giúp đỡ của chúng ta đối với những người xung quanh hoặc đứng sau chúng ta trên con đường tiến hóa. Về phía minh triết của sự tiến hóa con người, chúng ta có sự phát triển của họ theo các đường lối khoa học, triết học hoặc nghệ thuật — những phát triển hiện tại có lẽ còn khá sơ khai, nhưng chúng sẽ được xây dựng thành tri thức hoàn chỉnh và toàn diện hơn khi thời gian trôi qua. Dưới khía cạnh quyền lực của sự phát triển con người là toàn bộ các vấn đề về chính phủ và tổ chức dưới mọi khía cạnh của nó.

In all these lines of progress we are only at the beginning; and yet, though truly we have not advanced very far, it would seem as though in all of them we are coming to dead walls beyond which it is difficult for us to see our way. Even in science, whose triumphs have been so great, we appear to be coming in many directions almost to the limit of what is possible for us. Science commences with the study of the material, and naturally its tendency is to be materialistic. Yet, it constantly finds itself transcending the material; as Mr. Fullerton has well remarked, "Hardly have we entered upon the examination of any phenomenon before we come to the borders of the unseen. We attempt the study of the expansive forces of steam. Yet steam is a vapour, visible only as it is chilled by the cooler atmosphere. We seek to discover what electricity is, to learn its actual nature, whether it is a current or a vibration. Yet in its one reality it eludes the keenest eye, and only can we examine its effects as they display themselves in the field of manifestation. Light, heat, gravitation, chemical affinity, what do we know of them in their essence, how do we know of them at all except as they emerge from the hidden world and produce some effect in the world of

Trong tất cả những con đường tiến bộ này, chúng ta chỉ mới ở giai đoạn khởi đầu; và mặc dù chúng ta chưa tiến xa, dường như trong tất cả các lĩnh vực đó, chúng ta đang đối mặt với những bức tường không thể vượt qua, khiến chúng ta khó nhìn thấy con đường phía trước. Ngay cả trong khoa học, với những thành tựu vĩ đại của nó, chúng ta dường như đang đi đến giới hạn của những gì có thể đối với chúng ta. Khoa học bắt đầu với việc nghiên cứu vật chất, và tự nhiên khuynh hướng của nó là duy vật. Tuy nhiên, nó liên tục thấy mình vượt ra khỏi giới hạn của vật chất; như Ông Fullerton đã nhận xét: "Chúng ta hầu như không bắt đầu xem xét bất kỳ hiện tượng nào trước khi chúng ta đến ranh giới của thế giới vô hình. Chúng ta cố gắng nghiên cứu các lực giãn nở của hơi nước. Tuy nhiên, hơi nước là một dạng hơi, chỉ có thể nhìn thấy khi nó bị làm lạnh bởi không khí mát hơn. Chúng ta tìm cách khám phá điện là gì, tìm hiểu bản chất thực sự của nó, liệu nó có phải là dòng điện hay là một dạng dao động. Tuy nhiên, trong thực tế, nó trốn tránh con mắt tinh tường nhất, và chúng ta chỉ có thể kiểm tra các hiệu ứng của nó khi chúng hiển thị trong lĩnh vực biểu hiện. Ánh sáng, nhiệt, trọng lực, ái lực hóa học, chúng ta biết gì về bản chất của chúng, chúng ta biết về chúng thế nào ngoại trừ khi chúng xuất hiện từ thế

matter? Life itself we perceive only in its activities; what it is, the invisible [340] force which sweeps over the world and through all things, we cannot define; not until its consequences palpably disclose themselves are we aware of its presence. And so with all the objects perceptible to the senses. But a very little way do we go in our examination before the senses are transcended, the border of the unseen is reached, and the examination is closed in powerlessness." (Proofs of Theosophy, p.2]

giới ẩn giấu và tạo ra hiệu ứng trong thế giới vật chất? Chính sự sống, chúng ta chỉ nhận thấy qua các hoạt động của nó; nó là gì, lực vô hình quét qua thế giới và mọi thứ, chúng ta không thể định nghĩa; chỉ khi các hậu quả của nó hiển hiện rõ ràng chúng ta mới nhận thức được sự hiện diện của nó. Và như vậy với tất cả các đối tượng có thể cảm nhận được qua các giác quan. Chúng ta chỉ đi được một đoạn ngắn trong việc xem xét trước khi giác quan bị vượt qua, ranh giới của thế giới vô hình đã đạt tới, và cuộc kiểm tra kết thúc trong sự bất lực." (*Proofs of Theosophy*, tr.2)"

The Effect of Astral Development— Ảnh hưởng của sự phát triển thể vía

Let us see then how the development of astral consciousness would affect mankind upon these various sides of their evolution. At present a large section of our people is still utterly uncertain as to whether there exists anything beyond the material; and a much larger section has no real belief in anything beyond the material, even though it may profess to have it. This uncertainty and practical scepticism would necessarily at once disappear if any large proportion of men possessed the faculties of the astral plane. The whole question of the survival of man after death, with all that depends upon it, would then no longer be arguable, for living men would see constantly around them those whom we call the dead. There could no longer be any scepticism as to the existence of the great Divine Power, for His action would be clearly visible to men in many ways. No man who is clairvoyant, who possesses a properly developed sight of the higher planes, can ever be an atheist. It is not that he sees God Himself, for as your scriptures tell you, "No man hath seen God at any time"; but he does see on all hands such direct evidence of a mighty scheme, of tremendous power wielded by transcendent intelligence, that it is

[341] Hãy xem sự phát triển của tâm thức cảm dục sẽ ảnh hưởng đến nhân loại như thế nào trên những khía cạnh khác nhau của sự tiến hóa của họ. Hiện tại, một phần lớn trong số chúng ta vẫn còn hoàn toàn không chắc chắn về việc có tồn tại điều gì đó vượt ra ngoài vật chất hay không; và một phần lớn hơn nhiều thực sự không có niềm tin vào bất cứ điều gì ngoài vật chất, mặc dù họ có thể tuyên bố có niềm tin đó. Sự bất định và hoài nghi thực tiễn này sẽ ngay lập tức biến mất nếu một phần lớn nhân loại sở hữu các giác quan của cõi cảm dục. Toàn bộ câu hỏi về sự tồn tại của con người sau khi chết, cùng với tất cả những gì phụ thuộc vào đó, sẽ không còn là vấn đề tranh luận nữa, bởi những người sống sẽ thường xuyên nhìn thấy xung quanh họ những người mà chúng ta gọi là đã chết. Sẽ không còn sự hoài nghi về sự tồn tại của một Đấng Quyền Năng Thiêng Liêng, vì hành động của Ngài sẽ hiển hiện rõ ràng trước mắt con người dưới nhiều hình thức. Không có ai là thông nhãn, sở hữu thị giác phát triển đúng đắn của các cõi cao, có thể trở thành người vô thần. Không phải là họ nhìn thấy Thượng Đế, vì như kinh điển của các bạn đã nói: "Không ai từng thấy Thượng Đế"; nhưng họ nhìn thấy ở khắp mọi nơi những bằng chứng trực tiếp của một kế

impossible for him to doubt the existence of the directing Deity. Many of the things about which [341] men argue now will then be matters of knowledge, though no doubt there will still be much room for speculation with regard to other and higher matters.

hoạch vĩ đại, của một sức mạnh to lớn được điều khiển bởi trí tuệ siêu việt, đến mức họ không thể nghi ngờ sự tồn tại của Đấng điều khiển đó. Nhiều điều mà [341] hiện nay con người đang tranh luận sẽ khi đó trở thành vấn đề tri thức, mặc dù chắc chắn vẫn sẽ còn nhiều chỗ cho sự suy đoán về những vấn đề cao hơn.

The change will also be great with regard to what Mrs. Besant calls the love side of the evolution of man. Our relation and our obligation towards intelligences greater than ours, towards great teachers of the past and of the present, will be unquestioned, because we shall see and realize their power and influence. When we turn our thought in the other direction and think of our influence upon those about us and upon those below us, again we see what a vast difference must necessarily be made when there is an abundance of activity and of intelligent help, when every man who has gained this sight knows how to use it in dealing with his fellow-men, because he can see what they think and what they feel, and therefore he is no longer working blindly. A doctor will know what is the matter with his patient without having to make experiments, and so he will be able to prescribe just what is necessary for his recovery. Men will work intelligently for the helping of their fellows, and so all their efforts will be far better directed than they can be now.

Sự thay đổi cũng sẽ rất lớn đối với điều mà bà Besant gọi là khía cạnh bác ái trong sự tiến hóa của con người. Mối quan hệ và nghĩa vụ của chúng ta đối với các trí tuệ cao hơn chúng ta, đối với các huấn sư vĩ đại của quá khứ và hiện tại, sẽ không còn bị nghi ngờ, vì chúng ta sẽ thấy và nhận ra quyền năng và ảnh hưởng của họ. Khi chúng ta quay suy nghĩ theo hướng khác và nghĩ về ảnh hưởng của mình đối với những người xung quanh và những người dưới chúng ta, chúng ta cũng sẽ thấy một sự khác biệt to lớn khi có sự hoạt động mạnh mẽ và sự giúp đỡ thông minh, khi mỗi người đã có được thị giác này biết cách sử dụng nó trong việc đối xử với đồng loại của mình, bởi vì họ có thể nhìn thấy những gì người khác nghĩ và cảm nhận, do đó họ sẽ không còn hành động một cách mù quáng. Một bác sĩ sẽ biết bệnh tình của bệnh nhân mà không cần phải thử nghiệm, và do đó, Ông sẽ có thể kê đơn chính xác những gì cần thiết cho sự phục hồi. Con người sẽ làm việc một cách thông minh để giúp đỡ đồng loại, và vì thế tất cả những nỗ lực của họ sẽ được hướng dẫn tốt hơn nhiều so với hiện nay.

Think what it will do for us in the education of our children when we have teachers who can see and understand. Now we inevitably apply methods of education somewhat loosely, not fully comprehending how great are the differences between the souls that come to us in these young bodies. But then with the higher sight will come intelligence and discrimination, so that no child shall be put into the wrong place, into a place that does no

Hãy nghĩ xem điều này sẽ mang lại gì cho chúng ta trong việc giáo dục con cái khi chúng ta có những giáo viên có thể nhìn thấy và hiểu. Hiện tại, chúng ta tất yếu áp dụng các phương pháp giáo dục một cách lỏng lẻo, không hiểu rõ mức độ khác biệt lớn giữa các linh hồn đến với chúng ta qua những thể trẻ. Nhưng khi đó, với thị giác cao hơn sẽ đến trí tuệ và sự phân biện, để không có đứa trẻ nào bị đặt vào vị trí sai, vào một nơi không phù hợp với nó; mà

fit him; but in each case those who are responsible for his instruction and his guidance will see precisely for what he is fitted and will know exactly what he can do. The schoolmaster of that future day [342] will watch the germs within his pupils as they unfold, and will work to repress the evil and develop the good. We may see how much of advancement might in this way be attained even in a single generation, if we think of all the people whom we know, and how different they would be if all the undesirable qualities which they possess were eliminated, and all the good ones enormously strengthened. Such an ideal society as that could be brought into existence and could be universally extended in two or three generations, if parents and teachers were able to see and to act intelligently. Even now without the development of the astral sight there is much that may be done, if parents and guardians and teachers will only read and learn for themselves about these things.

trong mỗi trường hợp, những người chịu trách nhiệm về việc giảng dạy và hướng dẫn sẽ thấy chính xác điều gì phù hợp với nó và sẽ biết rõ nó có thể làm gì. Người thầy của tương lai [342] sẽ quan sát các mầm mống trong học viên của mình khi chúng phát triển, và sẽ làm việc để kìm nén điều xấu và phát triển điều tốt. Chúng ta có thể thấy sự tiến bộ có thể đạt được trong một thế hệ duy nhất theo cách này lớn đến mức nào, nếu chúng ta nghĩ về tất cả những người mà chúng ta biết và sự khác biệt của họ sẽ ra sao nếu tất cả các phẩm chất không mong muốn của họ bị loại bỏ và tất cả những phẩm chất tốt được tăng cường mạnh mẽ. Một xã hội lý tưởng như vậy có thể được hình thành và mở rộng trong hai hoặc ba thế hệ, nếu cha mẹ và giáo viên có thể nhìn thấy và hành động một cách thông minh. Ngay cả bây giờ, khi chưa có sự phát triển của thị giác cảm dục, vẫn có rất nhiều điều có thể được thực hiện, nếu cha mẹ, người bảo hộ và giáo viên chỉ cần đọc và học về những điều này.

On the wisdom side of man's evolution this new sight would make a wonderful change. As I have said, there are now many limitations for the scientific man in almost every direction. He has improved and refined and specialized his instruments to a wonderful pitch of perfection, and yet the highest that he can reach falls short of so much that needs to know. He talks about and he works with his atoms and his molecules, and yet no man living has ever by means of any scientific instrument seen an atom or a molecule. These things can be seen by the developed clairvoyant sight—I do not mean by ordinary clairvoyance such as that which is frequently advertised in the newspapers, but by definitely trained clairvoyance or rather by a special application of that sight. This power of magnification has apparently always been understood in the East—at least we find

Về phía minh triết trong sự tiến hóa của con người, thị giác mới này sẽ mang lại một sự thay đổi kỳ diệu. Như tôi đã nói, hiện tại có nhiều hạn chế cho nhà khoa học trên hầu hết mọi phương diện. Ông đã cải tiến, tinh chỉnh và chuyên môn hóa các công cụ của mình đến mức độ hoàn hảo tuyệt vời, nhưng những gì Ông đạt được vẫn chưa đủ để hiểu hết những gì cần biết. Ông nói về và làm việc với các nguyên tử và phân tử, nhưng chưa có ai sống bằng bất kỳ công cụ khoa học nào từng nhìn thấy một nguyên tử hay một phân tử. Những thứ này có thể được nhìn thấy bằng thị giác thông nhãn phát triển — tôi không có ý nói đến thông nhãn thông thường như thường được quảng cáo trên báo chí, mà là thông nhãn được huấn luyện đúng cách, hay đúng hơn là một ứng dụng đặc biệt của thị giác này. Khả năng phóng đại này dường như đã luôn được hiểu ở phương Đông — ít nhất, chúng ta tìm

reference to the possession of this power in some of the earlier Hindu books. By its means the various atoms and molecules postulated by science may be seen to be not merely hypotheses but facts. Here then is a grand [343] possibility lying before the chemist of the future. He will not merely theorize, but as he mixes his various chemicals he will watch the combinations and the changes, and will therefore understand far more clearly what he is doing. As we said before, the doctor will then diagnose by direct vision, and not by mere inference from external symptoms. Now in many cases he administers his drugs to counteract these external symptoms merely, and he hopes that the results of some at least of them may be satisfactory; then he will be able to see the effect of each drug in various cases and can observe and test it fully.

thấy sự đề cập đến việc sở hữu khả năng này trong một số cuốn sách Hindu cổ xưa. Bằng cách này, các nguyên tử và phân tử được khoa học giả định có thể được nhìn thấy không chỉ là giả thuyết mà là sự thật. Đây là một [343] khả năng tuyệt vời đang mở ra trước mắt các nhà hóa học trong tương lai. Họ sẽ không chỉ đưa ra lý thuyết, mà khi trộn các chất hóa học, họ sẽ quan sát các phản ứng và sự thay đổi, từ đó hiểu rõ hơn nhiều những gì họ đang làm. Như đã nói trước đây, bác sĩ sẽ chẩn đoán bằng cách nhìn trực tiếp, không phải chỉ suy đoán từ các triệu chứng bên ngoài. Hiện nay, trong nhiều trường hợp, Ông chỉ kê đơn để chống lại các triệu chứng bên ngoài, và Ông hy vọng ít nhất một số kết quả có thể khả quan; khi đó, Ông sẽ có thể nhìn thấy tác động của từng loại thuốc trong các trường hợp khác nhau và có thể quan sát và kiểm tra đầy đủ.

Another department in which a great difference will certainly be made is psychology. Now men argue much about the degree to which consciousness is developed in animals, and how it works at different stages of human evolution. Then there will be no need for them to argue about such matters, because they will be able to see how the consciousness works, and it will be within their power to identify themselves for the moment with the consciousness of an animal, so that they may know what it is and how its strange limitations act. The increase of our knowledge cannot but be wonderful, yet it is certain that this must come, since it is directly in line with the development which has already come to us and since the powers by which it will be gained have already unfolded themselves to some of us. There are many among us who have seen really highly developed men—those whom we call the Masters of Wisdom; and we see that they possess all these qualities of which we speak. What they are now, all of us will presently be;

Một lĩnh vực khác chắc chắn sẽ có sự thay đổi lớn là tâm lý học. Hiện nay, con người tranh luận nhiều về mức độ phát triển của tâm thức ở động vật, và cách nó hoạt động ở các giai đoạn khác nhau của sự tiến hóa loài người. Khi đó, sẽ không cần phải tranh luận về những vấn đề như vậy, vì họ sẽ có thể nhìn thấy cách tâm thức hoạt động, và họ sẽ có khả năng tạm thời hòa mình vào tâm thức của một con vật, để biết nó là gì và những giới hạn kỳ lạ của nó hoạt động như thế nào. Sự gia tăng tri thức của chúng ta chắc chắn sẽ rất tuyệt vời, nhưng điều này là chắc chắn vì nó nằm trực tiếp trong dòng phát triển đã đến với chúng ta và vì những năng lực nhờ đó chúng ta sẽ đạt được điều này đã bắt đầu được khai mở trong một số người trong chúng ta. Nhiều người trong chúng ta đã từng thấy những người thực sự phát triển cao — những người mà chúng ta gọi là các Chân sư Minh Triết; và chúng ta thấy rằng họ sở hữu tất cả những phẩm chất mà chúng ta đang nói đến. Những gì họ đang có bây giờ, tất cả chúng ta rồi sẽ có; và do đó, chúng ta không phải đang phỏng đoán hay suy

and consequently we are not guessing or speculating when we speak of this remoter future, but we are describing the inevitable advancement of the human race.

diễn khi nói về tương lai xa này, mà chúng ta đang mô tả sự tiến bộ không thể tránh khỏi của nhân loại.

[344] In the field of philosophy the plainest of facts will replace many of the theories of the present day. No doubt our metaphysicians will still continue to argue about matters far above any which even that higher sight can see; but, at any rate, they will have a definite basis, a foundation from which to start in their theories, and that cannot but make considerable difference to them. Another side of our knowledge which will be revolutionized will be the study of history, for one of the faculties belonging to these higher planes is the power of looking back into the records of the past. At present we must trust ourselves in the hands of the historian, who may be ignorant or mistaken and is almost necessarily more or less partial. Then we shall be able to look back at will upon these records of the Divine memory, which show everything that has been done or spoken or thought all over the world, so that instead of hearing only an imperfect account of one side of the story we shall be able to live at will amongst the civilizations of hundreds of thousands of years ago and see their action and working as clearly and vividly as that which is passing around us. Psychometry shows us even now that this is a possibility, and it is certain that this will be the way in which the future history will be written, so that we shall know, instead of vaguely guessing.

[344] Trong lĩnh vực triết học, những sự thật rõ ràng nhất sẽ thay thế nhiều lý thuyết của hiện tại. Không nghi ngờ gì rằng các nhà siêu hình học của chúng ta vẫn sẽ tiếp tục tranh luận về những vấn đề vượt quá tầm nhìn của thị giác cao, nhưng ít nhất họ sẽ có một cơ sở rõ ràng, một nền tảng để bắt đầu các lý thuyết của mình, và điều đó chắc chắn sẽ tạo ra sự khác biệt đáng kể cho họ. Một khía cạnh khác trong tri thức của chúng ta sẽ bị cách mạng hóa là việc nghiên cứu lịch sử, vì một trong những khả năng của các cõi cao là khả năng nhìn lại các ghi chép của quá khứ. Hiện tại, chúng ta phải tin tưởng vào tay các sử gia, những người có thể không hiểu biết hoặc sai lầm và gần như chắc chắn là có sự thiên lệch ít nhiều. Khi đó, chúng ta sẽ có thể nhìn lại các ghi chép của trí nhớ Thiêng Liêng theo ý muốn, những ghi chép này cho thấy mọi điều đã được thực hiện, nói hoặc suy nghĩ trên khắp thế giới, để thay vì chỉ nghe một câu chuyện không đầy đủ từ một phía, chúng ta sẽ có thể sống trong các nền văn minh hàng trăm ngàn năm trước và quan sát hành động và hoạt động của họ rõ ràng và sinh động như những gì đang diễn ra xung quanh chúng ta. Tâm lý trắc học hiện nay cho chúng ta thấy rằng điều này là khả thi, và chắc chắn đây sẽ là cách mà lịch sử tương lai sẽ được viết, để chúng ta biết chắc chắn thay vì chỉ đoán mò mơ hồ.

Our religious friends argue much about heaven and hell, and are terribly afraid of the latter; indeed it would sometimes almost seem as though they were afraid of the former as well, from the manner in which they exert themselves to avoid going there. In the future

Những người bạn tôn giáo của chúng ta tranh luận nhiều về thiên đường và địa ngục, và vô cùng sợ hãi điều thứ hai; thực tế, đôi khi dường như họ cũng sợ cả điều thứ nhất, qua cách họ nỗ lực tránh đến đó. Trong tương lai, sẽ không còn câu hỏi hay tranh cãi nào về những điều

no questions or disputes about these conditions will be possible, because man will see for himself that there is no hell, though he will also see that those who live an evil life are by that fact storing up for themselves undesirable [345] results and an unpleasant time in the astral life. The glories of the heaven-world will also be open to his sight, and he will realize that man needs only a development of faculty in order to place him at once, here and now, in the midst of all the bliss that wondrous life can give. Thus also with many points about which men argue in religion—about the verbal accuracy of the gospel stories and of other parts of what is called sacred history; in those days the facts will be obvious, and there will be no longer room for argument.

kiện này, bởi vì con người sẽ tự mình thấy rằng không có địa ngục, mặc dù họ cũng sẽ thấy rằng những ai sống cuộc đời tội lỗi đang tích trữ cho chính mình những hậu quả không mong muốn và một thời gian không thoải mái trong cõi cảm dục. Vinh quang của cõi thiên đường cũng sẽ mở ra trước thị giác của họ, và họ sẽ nhận ra rằng con người chỉ cần phát triển năng lực để có thể ngay lập tức, ngay tại đây và bây giờ, trải nghiệm tất cả sự hạnh phúc mà cuộc sống kỳ diệu đó có thể mang lại. Cũng vậy với nhiều điểm mà con người tranh luận trong tôn giáo — về sự chính xác trong từng lời của các câu chuyện phúc âm và các phần khác của những gì được gọi là lịch sử thiêng liêng; trong những ngày ấy, sự thật sẽ rõ ràng, và sẽ không còn chỗ cho tranh luận.

What a change will come over our conceptions of art and music also! For the artist of that day there will be many more colours and many more shades of colour than those of which we now know, for the knowledge of the higher planes brings as one of its earliest results the power of appreciating different hues. The music of that day will be accompanied by colour, just as the colour studies will be accompanied by harmonious sound; for sound and colour are two aspects of every ordered motion, so that a magnificent piece played upon the organ will be accompanied by a splendid display of glowing colour, and thus another interest will be added to the delight of glorious music, and an additional advantage will in this way be enjoyed by the students of music and art.

Những thay đổi lớn cũng sẽ đến với các khái niệm của chúng ta về nghệ thuật và âm nhạc! Đối với nghệ sĩ của ngày ấy, sẽ có nhiều màu sắc và sắc thái của màu sắc hơn so với những gì chúng ta biết hiện nay, vì tri thức về các cõi cao sẽ mang lại một trong những kết quả sớm nhất là khả năng thưởng thức các sắc thái khác nhau. Âm nhạc của ngày ấy sẽ được kèm theo màu sắc, cũng như các nghiên cứu về màu sắc sẽ được kèm theo âm thanh hài hòa; vì âm thanh và màu sắc là hai khía cạnh của mỗi chuyển động có trật tự, nên một tác phẩm hùng vĩ được chơi trên đàn organ sẽ đi kèm với màn trình diễn tuyệt vời của các màu sắc rực rỡ, và do đó, một sự thích thú khác sẽ được thêm vào niềm vui của âm nhạc tuyệt vời, và một lợi ích bổ sung theo cách này sẽ được những sinh viên của âm nhạc và nghệ thuật thưởng thức.

A great change too will come over the power side of man's development; the whole question of government and organization will stand upon a different basis. Men will see then the effect upon the astral plane of many of

Một sự thay đổi lớn nữa cũng sẽ đến với khía cạnh quyền lực của sự phát triển con người; toàn bộ vấn đề về chính phủ và tổ chức sẽ đứng trên một nền tảng khác. Khi đó, con người sẽ thấy được tác động lên cõi cảm dục của nhiều

their actions upon the physical, and thus much that is now done thoughtlessly will become an impossibility. There could be no possibility of the slaughter of animals for food, for example, if men were able to see the results upon the astral plane which that slaughter produces. The [346] crime which men call sport would be abolished if they were able to see what it is that they are really doing. It needs so slight a development to change the whole face of this which we call civilization, and to change it greatly for the better.

hành động của họ trên cõi vật chất, và vì thế nhiều điều hiện nay được thực hiện một cách vô tư sẽ trở nên bất khả thi. Ví dụ, sẽ không thể giết mổ động vật để làm thực phẩm nếu con người có thể thấy được hậu quả mà việc giết mổ đó tạo ra trên cõi cảm dục. [346] Tội ác mà con người gọi là thể thao sẽ bị bãi bỏ nếu họ có thể nhìn thấy những gì thực sự đang xảy ra. Chỉ cần một chút phát triển để thay đổi hoàn toàn diện mạo của cái mà chúng ta gọi là nền văn minh, và thay đổi nó rất nhiều theo hướng tốt đẹp hơn.

The Faculty of the Mental Plane— Năng lực của cõi trí.

Yet most of this of which I have spoken is only one stage of the development, and the first stage. Most of this, and in many lines much more than this, would follow from the unfolding of the merely astral sight in man; yet above and beyond that there lies the mental plane. I tried to give some faint idea of that when I spoke of the Heaven-world; yet I know well how far short all physical words must fall in the attempt to describe the splendour of the mental plane, so that now just as was the case two thousand years ago the only satisfactory statement that can be made about that celestial world is that “Eye hath not seen, nor ear hath heard, neither hath it entered into the heart of man to conceive, the things which God hath prepared for them that love Him.” And remember, that means for all, because all men will love the divine as soon as they know the divine. It is only because they are ignorant, because they cannot see, that some are now working for what they mistakenly consider their own separated interests, instead of following the line of the Divine will. They have only to see and know, and they will follow it and intelligently co-operate with it.

Tuy nhiên, hầu hết những gì tôi đã nói chỉ là một giai đoạn phát triển, và là giai đoạn đầu tiên. Phần lớn điều này, và trên nhiều phương diện còn nhiều hơn thế nữa, sẽ theo sau sự khai mở thị giác cảm dục ở con người; nhưng trên và vượt xa điều đó là cõi trí tuệ. Tôi đã cố gắng đưa ra một ý niệm mờ nhạt về điều này khi tôi nói về thế giới thiên đường; nhưng tôi biết rất rõ rằng tất cả các từ ngữ vật chất đều không thể mô tả được sự huy hoàng của cõi trí tuệ, đến mức bây giờ cũng như cách đây hai nghìn năm, tuyên bố thỏa đáng duy nhất có thể được đưa ra về thế giới thiên đường đó là: “Mắt chưa hề thấy, tai chưa hề nghe, lòng người chưa hề nghĩ đến, những điều mà Thượng Đế đã chuẩn bị cho những ai yêu mến Ngài.” Và hãy nhớ rằng, điều đó có nghĩa là dành cho tất cả, vì tất cả mọi người sẽ yêu mến điều thiêng liêng ngay khi họ biết đến điều thiêng liêng. Chính vì họ vô minh, vì họ không thể nhìn thấy, mà một số người hiện nay đang làm việc cho những gì họ nhầm lẫn coi là lợi ích riêng lẻ của họ, thay vì đi theo ý chí Thiêng Liêng. Họ chỉ cần nhìn thấy và hiểu biết, và họ sẽ đi theo và hợp tác thông minh với nó.

It must be remembered that in this distant

Chúng ta phải nhớ rằng trong tương lai xa này,

future the life of the mental plane will be part, and the principal part, of our daily life. At present most of those who are able to enjoy the vision of the heaven-world can reach it only when the physical body is in a condition of [347] trance. That is not the only way in which this can be seen, but we are so used to paying attention to the senses of the physical body and the impressions received through them, that while these are pressing upon us we are not free to listen to the whisperings from the higher worlds. But there comes to every man in the course of his evolution a time when he possesses his astral faculties along with the physical, and has them at his command all the while. Thus whenever he meets a friend he sees his astral body as well as his physical; and it is only a question of a further step in evolution to be able to see the mind-body as well. When this power comes to the man the mental plane is open to him, so that even while he walks the earth and takes part in his daily business he is yet living in heaven in very truth, for its powers are his, its knowledge is his, its bliss is his. That will be true for every one of us—not for all at first, nor for all simultaneously, because all men will not be equal in their development then, any more than they are now. There are younger souls and older souls, and those who belong now to savage races may by that time have developed to our present level; but we shall not have been standing still during the intervening period, and so we shall then have reached a far higher level than this. These things are today within the reach only of those who have especially studied in order to develop these faculties, but by that time they will be in the hands of the majority of the educated and cultured men of the advanced races.

cuộc sống trên cõi trí tuệ sẽ trở thành một phần, và là phần chính, của cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Hiện tại, hầu hết những người có thể tận hưởng tầm nhìn của thế giới thiên đường chỉ có thể tiếp cận nó khi thể xác đang trong trạng thái [347] xuất thần. Đó không phải là cách duy nhất mà điều này có thể được nhìn thấy, nhưng chúng ta đã quá quen với việc chú ý đến các giác quan của thể xác và các ấn tượng nhận được qua chúng, đến nỗi khi những điều này đang tác động lên chúng ta, chúng ta không tự do để lắng nghe những tiếng thì thầm từ các thế giới cao hơn. Nhưng sẽ đến một thời điểm trong quá trình tiến hóa của mỗi người khi họ sở hữu các giác quan cảm dục cùng với các giác quan thể xác, và có chúng trong tầm kiểm soát mọi lúc. Do đó, bất cứ khi nào họ gặp một người bạn, họ sẽ nhìn thấy cả thể cảm dục lẫn thể xác của người đó; và chỉ cần một bước tiến xa hơn trong sự tiến hóa để có thể nhìn thấy thể trí nữa. Khi năng lực này đến với con người, cõi trí tuệ sẽ mở ra trước họ, để ngay cả khi họ đi trên mặt đất và tham gia vào công việc hàng ngày của mình, họ vẫn thực sự sống trong thiên đường, vì các năng lực của cõi đó là của họ, tri thức của cõi đó là của họ, niềm vui sướng của cõi đó là của họ. Điều này sẽ đúng với tất cả chúng ta — không phải tất cả cùng lúc, vì không phải tất cả mọi người đều phát triển ngang nhau, cũng như hiện nay không phải ai cũng như nhau. Có những linh hồn trẻ hơn và linh hồn già hơn, và những người hiện thuộc về các chủng tộc man dại có thể vào thời điểm đó đã phát triển đến mức độ của chúng ta hiện nay; nhưng chúng ta sẽ không đứng yên trong giai đoạn đó, và do đó chúng ta sẽ đạt đến một mức độ cao hơn nhiều so với hiện tại. Những điều này ngày nay chỉ nằm trong tầm tay của những người đã nghiên cứu đặc biệt để phát triển các năng lực này, nhưng vào thời điểm đó chúng sẽ thuộc về phần lớn những người có học và có văn hóa trong các giống dân tiên tiến.

The few who hold these powers now are, as it were, eyes for the rest of the race, and the use their powers only in the service of their brothers, and never for private gain. The man who has evolved so far as this knows that nothing can ever be a gain for one unless it is also in harmony with the advancement of all. He knows [348] that there is no such thing as a private gain at another man's cost. Consequently he begins to see that the only true advantage is that gain which he shares with all; that every advance that he makes in the way of spiritual progress or development is something gained not for himself alone but for others. If he gains knowledge and self-control he assuredly acquires much for himself, yet he takes nothing away from any one else. He may hand on his knowledge to others, and yet lose nothing; indeed the more of his knowledge he passes on in this way the more he is likely to acquire himself. If a man keeps the channel of his mind ever open and lets his knowledge flow through it for the benefit of others, then the way is open for fresh knowledge constantly to pour in from above, just as a stream of water flows through an open pipe, and it is always kept clean and pure. But if the knowledge flows into the man and is not passed through, then that man speedily becomes like the end of the pipe from which there is no outlet, in which the water becomes stagnant and is liable to be choked up with all manner of foulness and impurity. Of these true riches the more we give away the more we have for ourselves; and to win them is the only really useful acquirement of riches, if we can but understand it.

Những người ít ỏi đang nắm giữ các năng lực này hiện nay giống như đôi mắt cho phần còn lại của nhân loại, và họ chỉ sử dụng năng lực của mình để phục vụ anh em mình, chứ không bao giờ vì lợi ích cá nhân. Người đã tiến hóa đến mức này biết rằng không điều gì có thể mang lại lợi ích cho một người trừ khi nó cũng hài hòa với sự tiến bộ của tất cả. Anh ta biết [348] rằng không có thứ gọi là lợi ích riêng lẻ nếu điều đó phải trả giá bằng lợi ích của người khác. Do đó, anh ta bắt đầu nhận ra rằng lợi ích thật sự duy nhất là lợi ích mà anh ta chia sẻ cùng với mọi người; rằng mỗi bước tiến mà anh ta đạt được trên con đường tiến bộ hoặc phát triển tinh thần là điều gì đó đạt được không chỉ cho riêng mình mà còn cho người khác. Nếu anh ta đạt được tri thức và khả năng tự kiểm soát, chắc chắn anh ta đạt được rất nhiều cho bản thân, nhưng anh ta không lấy đi điều gì từ bất kỳ ai khác. Anh ta có thể truyền đạt tri thức của mình cho người khác, nhưng không mất đi điều gì; thực ra, càng truyền đạt tri thức của mình, anh ta càng có khả năng thu nhận nhiều hơn. Nếu một người luôn giữ cho dòng chảy trí tuệ của mình mở rộng và để tri thức của mình chảy qua nó vì lợi ích của người khác, thì con đường luôn mở để dòng tri thức mới từ bên trên liên tục đổ vào, giống như một dòng nước chảy qua một ống dẫn mở, và nó luôn được giữ sạch sẽ và tinh khiết. Nhưng nếu tri thức chảy vào con người mà không được truyền đi, thì người đó sẽ nhanh chóng trở nên giống như phần cuối của ống dẫn không có lối thoát, nơi nước trở nên tù đọng và có nguy cơ bị tắc nghẽn bởi đủ loại chất bẩn và ô uế. Trong số những của cải thật sự này, càng cho đi chúng ta càng có thêm cho chính mình; và để đạt được chúng là sự giàu có duy nhất thực sự có giá trị, nếu chúng ta có thể hiểu được điều đó.

Still Higher Possibilities— Những khả năng cao hơn nữa

So we see how development will proceed. The

Vì vậy, chúng ta thấy sự phát triển sẽ tiến triển

Theosophical student knows that beyond and above even the mental plane there lies that still higher realm which we call the buddhic, where the perfect unity of mankind is seen. There a man may know, not by mere intellectual appreciation, but by definite experience, the fact that humanity is a brotherhood because of the spiritual unity which underlies it all. Here, though he is still himself [349] and his consciousness is his own, it has widened out into such perfect sympathy with the consciousness of others that he realizes that he is truly only part of a mighty whole. He sees how the evolution of that whole is steadily progressing, and how he must work towards that end without any thought of himself as a separate entity, since that is merely a delusion belonging to these lower planes. When we realize this one thing, we know also the splendid advancement that must come to man, for we see how it leads upwards to that final goal when man himself shall be as God, for every man's consciousness shall widen out into that Divine consciousness and shall be a centre of love and light and glory, the organizer and ruler and life-giver of a system, the creator of evolutions yet to come.

That is the future that lies before us, yet even that is not the final goal. It is the goal intended for us at the end of this stage in our evolution; yet progress ends not with that. What lies beyond it in still higher realms of Divinity we know not now, but we shall know some day. No words can picture, no thought can reach it, yet that future is sure. The only thing that is not sure is how long we shall be in gaining it; yet we are on the way to it even now, and it is in the hands of the men of today to hasten our progress towards it. For we are of this humanity that is progressing—only a small part of it truly, yet not without power and not

như thế nào. Người học Thông Thiên Học biết rằng, vượt lên và cao hơn cả cõi trí tuệ, còn có một cõi cao hơn mà chúng ta gọi là cõi Bồ Đề, nơi sự hợp nhất hoàn hảo của nhân loại được thấy rõ. Ở đó, một người có thể biết, không chỉ qua sự hiểu biết trí tuệ đơn thuần, mà bằng trải nghiệm rõ ràng, rằng nhân loại là một tình huynh đệ nhờ vào sự hợp nhất tinh thần nằm sâu bên dưới tất cả. Ở đây, dù y vẫn là chính mình [349] và tâm thức của y là của riêng mình, nhưng nó đã mở rộng ra trong sự đồng cảm hoàn hảo với tâm thức của những người khác đến mức y nhận ra rằng y thực sự chỉ là một phần của một tổng thể vĩ đại. Y thấy cách sự tiến hóa của tổng thể đó đang tiến triển đều đặn, và y phải làm việc hướng tới mục tiêu đó mà không hề nghĩ đến bản thân mình như một thực thể riêng biệt, vì điều đó chỉ là một ảo tưởng thuộc về những cõi thấp hơn. Khi chúng ta nhận ra điều này, chúng ta cũng biết về sự tiến bộ rực rỡ mà con người sẽ đạt được, vì chúng ta thấy rằng điều này dẫn đến mục tiêu cuối cùng khi con người tự thân sẽ trở thành như Thượng Đế, vì tâm thức của mỗi người sẽ mở rộng thành tâm thức Thiêng Liêng và trở thành một trung tâm của tình yêu, ánh sáng và vinh quang, là người tổ chức, người cai trị và người trao sự sống cho một hệ thống, là người tạo ra những tiến hóa chưa đến.

Đó là tương lai đang mở ra trước chúng ta, nhưng ngay cả điều đó cũng chưa phải là mục tiêu cuối cùng. Đó là mục tiêu dành cho chúng ta ở giai đoạn cuối của tiến trình tiến hóa này; nhưng sự tiến bộ không dừng lại ở đó. Điều gì nằm bên ngoài nó, ở các cõi giới cao hơn của Thiên tính, chúng ta hiện chưa biết, nhưng một ngày nào đó chúng ta sẽ biết. Không từ ngữ nào có thể mô tả, không ý nghĩ nào có thể vươn tới, nhưng tương lai đó là điều chắc chắn. Điều duy nhất không chắc chắn là chúng ta sẽ mất bao lâu để đạt được điều đó; nhưng ngay từ bây giờ chúng ta đã trên con đường dẫn đến điều đó, và nó nằm trong tay con người của

without responsibility; and if we intelligently bear our part in the work of today we can do much towards hastening the approach of this splendour which is so much greater than human words can say. This at least we can do; each one of us can make himself a centre, and try to do his best to spread the knowledge of the truth by his thought and word and deed; he can hold himself steady and calm and serene, [350] he can keep the higher ideal before him, and never allow himself to be swept off his feet by waves of passion or by thoughts of selfishness. He can earnestly devote himself to the study of these higher truths, so that he may fully understand how best to work for them. Let him try do what we in this Theosophical Society are doing; let him try to advance and to aid the world by putting these truths before men, thus helping to bring nearer the time when all men shall understand one another, because they understand the mighty system of which they form a part.

ngày nay để đẩy nhanh sự tiến bộ của chúng ta hướng tới đó. Bởi vì chúng ta là một phần của nhân loại đang tiến hóa này — chỉ là một phần nhỏ thật sự, nhưng không phải là không có sức mạnh và không có trách nhiệm; và nếu chúng ta đóng góp một cách thông minh vào công việc của ngày nay, chúng ta có thể làm nhiều điều để đẩy nhanh sự tiếp cận của sự huy hoàng này, thứ lớn lao hơn nhiều so với những gì lời nói con người có thể diễn đạt. Ít nhất, chúng ta có thể làm điều này; mỗi người trong chúng ta có thể tự làm trung tâm, và cố gắng hết sức để lan tỏa tri thức về chân lý qua suy nghĩ, lời nói và hành động của mình; y có thể giữ vững bản thân một cách ổn định, bình tĩnh và thanh thản, [350] y có thể luôn giữ lý tưởng cao cả trước mắt, và không bao giờ để bản thân bị cuốn theo những làn sóng của đam mê hay những suy nghĩ ích kỷ. Y có thể tận tâm nghiên cứu những chân lý cao cả này, để có thể hiểu rõ nhất cách làm việc cho chúng. Hãy để y cố gắng làm những gì mà chúng ta trong Hội Thông Thiên Học đang làm; hãy để y cố gắng tiến bộ và giúp đỡ thế giới bằng cách đưa những chân lý này ra trước con người, từ đó giúp mang lại gần hơn thời điểm khi tất cả con người sẽ hiểu nhau, bởi vì họ hiểu hệ thống vĩ đại mà họ là một phần của nó.

This glorious future of which we speak is not the mere dream of a poet or ecstatic, it is a certainty beyond all doubt; it is a certainty because this evolution is God's will for man, and His kingdom shall come, and His will shall be done, on earth as it is in heaven.

Tương lai huy hoàng mà chúng ta nói đến không phải chỉ là giấc mơ của một nhà thơ hay người xuất thần, mà là một điều chắc chắn không chút nghi ngờ; nó chắc chắn vì sự tiến hóa này là ý muốn của Thượng Đế dành cho con người, và vương quốc của Ngài sẽ đến, và ý chí của Ngài sẽ được thực hiện trên trái đất cũng như trên thiên đường.

CHAPTER XIII - THEOSOPHY IN EVERY-DAY LIFE
THÔNG THIÊN HỌC TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY.

[351] In the course of this series of lectures we have spoken of many different subjects from the Theosophical point of view, in some cases explaining by means of Theosophy matters which otherwise seem wrapped in obscurity, in others telling you how various matters of religious interest appear when viewed through Theosophical glasses, with the added knowledge which Theosophy gives us. Now we have to consider how this same Theosophical knowledge affects us in every-day life. As you will have seen from the previous lectures, Theosophy gives us a definite point of view from which to regard everything; it is a clear and coherent theory of life, a system of philosophy through which we may look forth upon all the different problems that come before us, with the hope of being able to solve them, to understand what they mean, and what part they bear in relation to our lives. It is manifest that in our studies of higher subjects this will give us a great advantage; but how will it affect us in the somewhat dreary round of every-day life? We find that it makes a great change; in fact, the various ways in which Theosophy alters our attitude towards the world, toward our fellow-men and towards our evolution are so many, the whole subject is so large, and the difference which Theosophy makes to those who imbibe its teachings is so fundamental, that I can give you only the leading points of it in such a lecture as one can deliver in a single evening. If you think carefully, however, [352] you will see that each of these points opens up a line of thought, and each of these lines has many ramifications.

[351] Trong loạt bài giảng này, chúng ta đã nói về nhiều chủ đề khác nhau từ quan điểm Thông Thiên Học, đôi khi giải thích bằng cách sử dụng Thông Thiên Học những vấn đề vốn dường như bị bao phủ trong sự mơ hồ, trong các trường hợp khác, chúng ta đã cho các bạn biết cách mà nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo xuất hiện khi được nhìn qua lăng kính của Thông Thiên Học, với tri thức bổ sung mà Thông Thiên Học mang lại cho chúng ta. Bây giờ chúng ta phải xem xét cách mà tri thức Thông Thiên Học này ảnh hưởng đến chúng ta trong cuộc sống hàng ngày. Như các bạn đã thấy từ các bài giảng trước, Thông Thiên Học mang đến cho chúng ta một quan điểm rõ ràng để nhìn nhận mọi thứ; đó là một lý thuyết rõ ràng và mạch lạc về cuộc sống, một hệ thống triết học qua đó chúng ta có thể nhìn vào tất cả các vấn đề khác nhau mà chúng ta đối mặt, với hy vọng có thể giải quyết chúng, hiểu chúng có ý nghĩa gì, và vai trò của chúng đối với cuộc sống của chúng ta. Rõ ràng là trong những nghiên cứu của chúng ta về các chủ đề cao siêu hơn, điều này sẽ mang lại cho chúng ta một lợi thế lớn; nhưng làm thế nào nó ảnh hưởng đến chúng ta trong vòng quay có phần u ám của cuộc sống hàng ngày? Chúng ta nhận thấy rằng nó tạo ra một sự thay đổi lớn; thực tế, những cách thức mà Thông Thiên Học thay đổi thái độ của chúng ta đối với thế giới, đối với đồng loại và đối với sự tiến hóa của chúng ta là rất nhiều, toàn bộ chủ đề này rất rộng lớn, và sự khác biệt mà Thông Thiên Học mang lại cho những ai hấp thụ được giáo lý của nó là rất căn bản, đến mức tôi chỉ có thể trình bày cho các bạn những điểm chính trong một bài giảng mà có thể được thực hiện trong một buổi tối. Tuy nhiên, nếu các bạn suy nghĩ kỹ, [352] các bạn sẽ thấy rằng mỗi điểm này mở ra một dòng suy nghĩ, và mỗi dòng suy nghĩ này lại có nhiều

nhánh khác nhau.

The Sense of Proportion— Ý thức về tỷ lệ.

The difficulty is to know where to begin and what to include, but perhaps we may take as our first great point the wider and calmer view which comes from this knowledge. The man who grasps the fundamental principles of Theosophy begins to see everything in different proportions, and necessarily learns to be much less personal in his view of affairs. Merely to hold the Theosophical ideas in the vague way in which much of modern theological faith is held would be of comparatively little use; but if a man really grasps the teaching, if it is vivid and lifelike to him, it certainly means a great alteration in his whole attitude. He will find that there is almost nothing which appeared in his life before, his view of which has not been much changed and greatly widened; in every way his basis of thought and of life has been made different by the teaching of Theosophy.

[351] Khó khăn là biết bắt đầu từ đâu và bao gồm những gì, nhưng có lẽ chúng ta có thể lấy điểm chính đầu tiên là cái nhìn rộng rãi và bình tĩnh hơn mà tri thức này mang lại. Người nắm bắt được các nguyên lý cơ bản của Thông Thiên Học bắt đầu nhìn mọi thứ theo những tỷ lệ khác nhau, và tất nhiên học được cách bớt cá nhân hơn trong cái nhìn của mình về các sự việc. Chỉ đơn thuần nắm giữ các ý tưởng Thông Thiên Học một cách mơ hồ, giống như cách mà nhiều đức tin thần học hiện đại được nắm giữ, sẽ ít có giá trị; nhưng nếu một người thực sự nắm bắt được giáo lý, nếu nó sống động và có tính sinh động đối với y, thì chắc chắn nó có nghĩa là một sự thay đổi lớn trong toàn bộ thái độ của y. Y sẽ thấy rằng gần như không có gì trong cuộc sống của mình trước đây, mà cái nhìn của y về nó không bị thay đổi nhiều và mở rộng đáng kể; trên mọi phương diện, nền tảng suy nghĩ và cuộc sống của y đã bị thay đổi bởi giáo lý Thông Thiên Học.

The point of view of the average man is usually a limited and personal one. I am not thinking of a definitely selfish man—one who is unscrupulous in the pursuit of his own ends, and would push his personal interest regardless of direct and obvious injury to others. That is an unmistakably selfish man, and the ordinary man is less selfish than self-centred. He sees everything primarily as it affects him, and he does not as a rule naturally and instinctively look beyond himself to see how it affects the community at large. If that idea occurs to him at all, it is only as a second thought, and every problem presents itself to him first and foremost simply with reference to himself. That attitude cannot but be changed for the student of Theosophy; he realizes keenly [353] the brotherhood of

Quan điểm của người bình thường thường là một quan điểm hạn chế và cá nhân. Tôi không nghĩ đến một người ích kỷ rõ ràng—người không ngần ngại theo đuổi mục tiêu riêng của mình và sẽ thúc đẩy lợi ích cá nhân mà không quan tâm đến tổn hại trực tiếp và rõ ràng đến người khác. Đó là một người ích kỷ rõ ràng, và người bình thường thì ít ích kỷ hơn mà là tự lấy bản thân làm trung tâm. Họ thấy mọi thứ chủ yếu là cách chúng ảnh hưởng đến họ, và theo quy luật tự nhiên, họ không nhìn xa hơn bản thân mình để thấy nó ảnh hưởng đến cộng đồng rộng lớn như thế nào. Nếu ý tưởng đó xảy ra với họ, thì cũng chỉ là một ý nghĩ thứ hai, và mọi vấn đề đầu tiên và trên hết đều xuất hiện đối với họ chỉ với sự tham chiếu đến chính họ. Thái độ đó không thể không thay đổi đối với người học Thông Thiên

humanity, he sees vividly that we are all spiritually one upon higher planes, and that therefore even here in this physical world our true interests must be fundamentally one and the same.

Học; y nhận ra sâu sắc [353] tình huynh đệ của nhân loại, y thấy rõ rằng chúng ta đều là một về tinh thần trên các cõi cao hơn, và do đó ngay cả ở đây, trong thế giới vật chất này, lợi ích thực sự của chúng ta phải căn bản là một và giống nhau.

We have already seen in other lectures that the only true gain for a man is that which he can share with all his brethren without thereby losing anything for himself; and we have also considered how the radiation of his thoughts and feelings affects those of his fellow-men. From this we may also see that if a man succeeds in conquering an evil quality in himself, and developing the opposite virtue, he necessarily helps those about him to tread the same path. While he indulged in some wrong thought or feeling, the vibrations which poured out from him were constantly acting as temptations to other men, and making it harder for them to control similar feelings in themselves. Now that he has gained the victory over that fault the vibrations which pour forth from him are of an opposite tendency, and consequently they help the man who is suffering under the same difficulty and strengthen him in his efforts to obtain the mastery over it. So it is true, and not a mere poetical figure of speech, to say that every victory which a man gains over himself is an advantage for all his brothers as well. In raising himself he has raised the whole—slightly of course, but not imperceptibly.

Chúng ta đã thấy trong các bài giảng khác rằng lợi ích thực sự duy nhất của một người là điều mà y có thể chia sẻ với tất cả anh em của mình mà không mất đi điều gì cho bản thân; và chúng ta cũng đã xem xét cách mà sự tỏa ra của những suy nghĩ và cảm xúc của y ảnh hưởng đến những người đồng loại. Từ điều này, chúng ta cũng có thể thấy rằng nếu một người thành công trong việc chinh phục một phẩm chất xấu trong bản thân mình, và phát triển đức hạnh đối lập, y nhất định giúp những người xung quanh bước trên con đường tương tự. Trong khi y còn chìm đắm trong một suy nghĩ hoặc cảm xúc sai lầm nào đó, những rung động phát ra từ y liên tục tác động như những cám dỗ đối với những người khác, khiến họ khó kiểm soát các cảm xúc tương tự trong chính mình. Giờ đây, khi y đã chiến thắng được lỗi lầm đó, những rung động phát ra từ y có xu hướng đối lập, và do đó chúng giúp đỡ những người đang chịu cùng khó khăn và củng cố họ trong nỗ lực kiểm soát nó. Do đó, đúng là, và không chỉ là một phép ẩn dụ thi vị, khi nói rằng mỗi chiến thắng mà một người đạt được trước chính mình là một lợi ích cho tất cả anh em của y. Khi nâng mình lên, y cũng nâng cả tập thể—dù chỉ một chút, nhưng không phải là không thể nhận thấy.

This sense of an underlying brotherhood, this feeling that he is one of a community, never leaves him. And therefore before he embarks upon any course of action he considers how it will affect others around him. He realizes vividly that his habits, his thoughts, and his feelings are not so exclusively his own business as most people think, because they

Cảm giác về tình huynh đệ ngầm này, cảm giác rằng y là một phần của cộng đồng, không bao giờ rời bỏ y. Và do đó, trước khi bắt tay vào bất kỳ hành động nào, y sẽ xem xét cách nó sẽ ảnh hưởng đến những người xung quanh. Y nhận ra một cách sống động rằng thói quen, suy nghĩ và cảm xúc của mình không phải hoàn toàn là việc riêng của mình như hầu hết

affect others for good or for evil, [354] and thus he sees that there is a responsibility in all this of which the ordinary man never thinks of at all. We shall see that this imports a new factor into his life and makes it impossible for him to consider it otherwise than seriously.

mọi người nghĩ, bởi vì chúng ảnh hưởng đến người khác theo chiều hướng tốt hay xấu, [354] và do đó y thấy rằng có một trách nhiệm trong tất cả những điều này mà người bình thường chưa bao giờ nghĩ đến. Chúng ta sẽ thấy rằng điều này mang lại một yếu tố mới vào cuộc sống của y và khiến y không thể xem xét nó một cách khác ngoài sự nghiêm túc.

I do not mean that he will feel sad about life; on the contrary he will be especially serene and calm and joyous. But along with his serenity and happiness there will be no frivolity. He cannot but have the sense that the life in which we are engaged is a serious business, that there are vast possibilities in it which it is within our power to realize, and that it has definite objects which we can have no right to neglect. Too often we find men frittering away their lives and wondering what they shall do to while away the time; whereas in reality we should rather ask ourselves how it will be possible for us to find time enough to do all that is waiting to be done. For our duty is never done while there is one person that we can reach who is unhelped, who is not being assisted in his progress. All about us opportunities are waiting for us in many different directions; and when a man once sees this, when he knows what life really is, he cannot but take it seriously. He sees that none of his time can be wasted with impunity, for all the while he is giving birth to thought, and that thought not only reacts upon himself but is constantly influencing others also. When he understands this he will be a far happier man than when he devotes his whole life to the pursuit of amusement; because he will see things in their proper proportion, and therefore he will be calm in the midst of sorrow and trouble, just because of his wider point of view, just because he realizes so thoroughly that everything is in the hands of an eternal and beneficent Power.

Tôi không có ý nói rằng y sẽ cảm thấy buồn về cuộc sống; ngược lại, y sẽ đặc biệt bình thản, điềm tĩnh và vui vẻ. Nhưng đi cùng với sự bình thản và hạnh phúc của y sẽ không có sự hời hợt. Y không thể không có cảm giác rằng cuộc sống mà chúng ta đang tham gia là một việc nghiêm túc, rằng có những khả năng to lớn trong đó mà chúng ta có thể nhận thức được, và rằng nó có những mục đích xác định mà chúng ta không có quyền bỏ qua. Quá thường xuyên, chúng ta thấy con người đang lãng phí cuộc đời mình và tự hỏi họ sẽ làm gì để giết thời gian; trong khi thực tế chúng ta nên tự hỏi làm thế nào chúng ta có thể có đủ thời gian để làm tất cả những gì đang chờ đợi được thực hiện. Vì nhiệm vụ của chúng ta sẽ không bao giờ hoàn thành chừng nào còn một người mà chúng ta có thể tiếp cận mà chưa được giúp đỡ, chưa được hỗ trợ trong tiến trình của họ. Khắp nơi xung quanh chúng ta có vô số cơ hội đang chờ đợi chúng ta theo nhiều hướng khác nhau; và khi một người đã thấy điều này, khi y biết cuộc sống thực sự là gì, y không thể không coi nó một cách nghiêm túc. Y thấy rằng không thời gian nào của mình có thể lãng phí mà không bị trừng phạt, bởi vì suốt thời gian đó y đang sinh ra những suy nghĩ, và những suy nghĩ đó không chỉ tác động lại chính y mà còn liên tục ảnh hưởng đến những người khác nữa. Khi y hiểu điều này, y sẽ là một người hạnh phúc hơn nhiều so với khi y dành cả đời mình chỉ để theo đuổi sự giải trí; vì y sẽ thấy mọi thứ trong tỷ lệ thích hợp của chúng, và do đó y sẽ bình tĩnh trong lúc gặp đau buồn và rắc rối, chỉ vì cái nhìn rộng lớn hơn của mình, chỉ vì y

nhận ra quá rõ ràng rằng mọi thứ đều nằm trong tay của một Quyền Năng vĩnh cửu và nhân từ.

Justice and Perspective— Công lý và Quan điểm

[355] The personal point of view of the average man brings with it as a necessary consequence a want of perspective with regard to his personal difficulties and sorrows. A small trouble will often, because it is so close to him, loom up so large as to obscure for him the entire horizon, so that he is unable to see that the sunlight of the divine Love still floods the world, even though a dark cloud may have settled over him. Because he is suffering, everything else seems altered; all life takes on a gloomy look, and he believes that he is the victim of some special misfortune, that he is selected as the sport of evil influences; whereas in reality the trouble is but a small matter, but it is so near to him that it seems in his eyes larger than all else. Such an attitude is impossible for a man who has studied the Theosophical system, and realizes himself as part of the whole. He knows that under the unerring law of Divine justice if suffering comes to him, it comes because it is necessary for his evolution in consequence of actions which he has committed, of words which he has spoken, of thoughts to which he has given harbour in previous days and in earlier lives; and so the whole idea of injustice as connected with suffering is removed from him.

[355] Quan điểm cá nhân của người bình thường mang theo một hệ quả tất yếu là thiếu tầm nhìn trong việc đối phó với những khó khăn và nỗi buồn cá nhân. Một rắc rối nhỏ, vì quá gần gũi với họ, thường trở nên quá lớn đến mức che lấp toàn bộ chân trời, khiến họ không thể thấy rằng ánh sáng của Tình yêu thiêng liêng vẫn đang tràn ngập thế giới, dù một đám mây đen có thể đang phủ xuống trên họ. Vì họ đang chịu đau khổ, mọi thứ khác dường như đều thay đổi; cả cuộc sống trở nên u ám, và họ tin rằng mình là nạn nhân của một bất hạnh đặc biệt, rằng mình đã bị chọn làm đối tượng của những ảnh hưởng xấu xa; trong khi thực tế, rắc rối chỉ là một việc nhỏ, nhưng vì nó quá gần họ nên trong mắt họ, nó trở nên lớn hơn tất cả mọi thứ khác. Một thái độ như vậy là không thể có đối với người đã nghiên cứu hệ thống Thông Thiên Học và nhận ra mình là một phần của toàn thể. Y biết rằng theo định luật chính xác của Công lý Thiêng liêng, nếu đau khổ đến với y, thì đó là vì nó cần thiết cho sự tiến hóa của y, là hệ quả của những hành động mà y đã làm, những lời y đã nói, những suy nghĩ mà y đã dung dưỡng trong những ngày trước đây và trong các kiếp sống trước; và do đó, toàn bộ ý tưởng về sự bất công liên quan đến đau khổ bị loại bỏ khỏi y.

This feeling of injustice makes in many cases a large part of the suffering for man. Many men instinctively compare themselves with others, so that when any trouble or sorrow falls upon them they are inclined to grumble, and say to themselves, “Why should all this fall upon me? There are my neighbours whom I know to be no better than I, and yet they are flourishing; they did not lose their friends or

Cảm giác bất công là nguyên nhân tạo ra phần lớn sự đau khổ cho con người. Nhiều người theo bản năng so sánh mình với người khác, và khi bất kỳ rắc rối hoặc nỗi buồn nào ập đến, họ có xu hướng càu nhàu và tự nói với mình: "Tại sao tất cả những điều này lại xảy ra với tôi? Hàng xóm của tôi, mà tôi biết rằng không tốt hơn tôi, lại đang thịnh vượng; họ không mất bạn bè hay tài sản, họ không mắc bệnh tật; họ

their fortunes, they do not suffer from ill-health; they had not all the sorrows that [356] are crowding so fast upon me." And so they feel that they are unjustly treated, and they resent it, and that attitude colours all their habit of thought; they become dissatisfied, discontented men, and instead of bearing their troubles patiently, they are always in a state of irritation, growing embittered and making the worst of it all instead of the best. All such feeling, all this which is so sadly common in the world, is swept away by the Theosophical teaching; for the student realizes that if his friends or his acquaintances are in better circumstances than himself, then either it is because they have deserved so to be, or else it is that their evolution at the present moment does not render it necessary for them, or well for them, that the trouble and the sorrow which they have stored up for themselves, should in immediate activity. So he takes his troubles philosophically, he rates them at their true value, and resolves to make out of these fruits of his evil doing in the past an opportunity for good in the present, by bearing them nobly and uncomplainingly, and developing under their action the virtues of determination, courage, and endurance.

không gặp phải tất cả những nỗi buồn [356] đang dồn dập đến với tôi." Và vì vậy, họ cảm thấy mình bị đối xử bất công, và họ phẫn nộ, và thái độ đó ảnh hưởng đến toàn bộ cách suy nghĩ của họ; họ trở thành những người bất mãn, không hài lòng, và thay vì kiên nhẫn chịu đựng khó khăn, họ luôn trong trạng thái tức giận, trở nên cay đắng và nhìn nhận mọi thứ theo chiều hướng tồi tệ nhất thay vì tốt đẹp nhất. Tất cả những cảm giác này, tất cả những gì quá phổ biến trong thế giới, đều bị quét sạch bởi giáo lý Thông Thiên Học; vì người học nhận ra rằng nếu bạn bè hoặc người quen của y đang ở trong hoàn cảnh tốt hơn y, thì đó là bởi họ đã xứng đáng như vậy, hoặc đó là vì sự tiến hóa của họ ở thời điểm hiện tại không khiến cho họ phải đối mặt ngay lập tức với những rắc rối và nỗi buồn mà họ đã tự tạo ra cho mình. Vì vậy, y đón nhận khó khăn một cách triết lý, y đánh giá chúng ở giá trị thực sự của chúng, và quyết tâm biến những quả của việc làm xấu trong quá khứ thành cơ hội để làm điều tốt trong hiện tại, bằng cách chịu đựng chúng một cách cao quý và không than phiền, và phát triển dưới tác động của chúng những đức tính như quyết tâm, dũng cảm và sự kiên nhẫn.

A Dark Saying— Một câu nói khó hiểu.

There is yet another consideration which Theosophy puts before us which helps to make sorrow easier to bear. You may remember a strange text which tells us that "Whom the Lord loveth, He chasteneth." It is difficult, without a Theosophical explanation of it, either to accept or make any sense out of such a text as that. Usually people try to explain it by attaching some vague idea of advantage to suffering in itself; they say that it is a good thing for a person that he should suffer, and that when God particularly loves any one He consequently causes them to pass

Còn có một sự suy ngẫm khác mà Thông Thiên Học đưa ra cho chúng ta, điều này giúp làm cho nỗi buồn dễ chịu đựng hơn. Bạn có thể nhớ đến một câu kinh lạ lùng nói rằng: "Chúa yêu ai, Ngài sẽ trừng phạt người đó." Thật khó để chấp nhận hoặc hiểu được câu kinh như vậy nếu không có lời giải thích từ Thông Thiên Học. Thường thì mọi người cố gắng giải thích nó bằng cách gán cho nỗi đau khổ một ý nghĩa mơ hồ nào đó, rằng nó có lợi ích tự thân; họ nói rằng việc một người chịu đau khổ là điều tốt, và rằng khi Thượng Đế đặc biệt yêu thương ai đó, Ngài sẽ khiến họ trải qua những nỗi buồn

through great sorrows in [357] order that they may more quickly develop high qualities. It is true that such qualities as courage and endurance may be incidentally developed through suffering, as we have already said; but it is not true that the Deity exhibits caprice in this matter, and imposes this suffering upon one and not upon another, as though by favouritism. No suffering can come upon any man except that which is the result of his own action; and yet there is a truth hidden behind that strange text, which I will try to explain.

lớn [357] để họ có thể phát triển nhanh chóng các phẩm chất cao cả. Đúng là những phẩm chất như dũng cảm và kiên nhẫn có thể được phát triển qua sự đau khổ, như chúng ta đã nói; nhưng không đúng khi nghĩ rằng Thượng Đế hành xử một cách thất thường trong việc này, và áp đặt sự đau khổ lên một người mà không lên người khác, như thể theo sự thiên vị. Không có nỗi đau khổ nào đến với con người ngoại trừ hậu quả của chính hành động của họ; tuy nhiên, có một sự thật ẩn chứa đằng sau câu kinh lạ lùng đó, và tôi sẽ cố gắng giải thích.

Those who have studied the Oriental scriptures will remember that in them this law of Cause and Effect is called by the name of Karma. This Sanskrit word karma is a verbal noun, literally signifying “doing”; but in the Oriental philosophy it bears three shades of meaning, important to be understood by anyone who wishes to have a comprehensive grasp of Eastern teachings. First, it sometimes means simply action; secondly, it means the result of action, the reaction upon the doer which sooner or later invariably and inevitably follows; thirdly, it means the law of nature under which this reaction takes place—the law of Cause and Effect, or the readjustment of equilibrium, which operates in the mental and moral worlds exactly as it does in mechanics.

Những ai đã nghiên cứu kinh điển phương Đông sẽ nhớ rằng trong đó, định luật Nhân Quả được gọi bằng tên "Karma". Từ tiếng Phạn *karma* là một danh từ động từ, có nghĩa đen là "hành động"; nhưng trong triết học phương Đông, nó mang ba sắc thái ý nghĩa quan trọng cần được hiểu đối với bất kỳ ai muốn có một cái nhìn toàn diện về giáo lý phương Đông. Thứ nhất, đôi khi nó chỉ đơn giản có nghĩa là hành động; thứ hai, nó có nghĩa là kết quả của hành động, là phản ứng trở lại người thực hiện, mà sớm hay muộn, tất yếu và chắc chắn sẽ xảy ra; thứ ba, nó có nghĩa là định luật tự nhiên mà qua đó phản ứng này xảy ra — định luật Nhân Quả, hay sự tái lập cân bằng, hoạt động trong thế giới tinh thần và đạo đức giống hệt như trong cơ học.

They tell us that karma is of three kinds.

Họ cho chúng ta biết rằng *karma* có ba loại.

First: There is the Samchita, or “piled up” karma—the whole mass that still remains behind the man not yet worked out—the entire unpaid balance of the debit and credit account.

Thứ nhất: Có *Samchita karma*, hoặc "karma tích tụ" — toàn bộ khối lượng nghiệp còn lại chưa được giải quyết của một người — toàn bộ số dư chưa thanh toán của tài khoản nợ và có.

Second: There is the Prarabdha, or “beginning” karma—the amount apportioned to the man at the commencement of each life—his destiny, as it were, for that life.

Thứ hai: Có *Prarabdha karma*, hoặc "karma bắt đầu" — số lượng nghiệp được phân bổ cho người đó vào lúc bắt đầu mỗi kiếp sống — vận mệnh của họ trong kiếp sống đó.

Third: There is the Kriyamana karma, that which we [358] are now by our actions in this present life making for the future.

We shall find this Eastern division helpful to us in our efforts to understand the subject. The first variety described is evidently the result of all the man's previous thoughts and actions, both good and evil, which is hovering over him and waiting to come into operation. This is that self-imposed destiny which makes his life and surroundings such as they are according to his previous lives and actions. In one sense it may be regarded as a debt which he has to pay; yet it is far too great a debt to be paid in any one life, for in our earlier existences we are almost certain to have done on the whole a greater proportion of harm than good; in the savage period of our evolution we must necessarily have been ignorant and therefore our actions are likely to have been selfish and violent, and they must have left as their result much that is highly undesirable. It is because of this that the arrangement indicated in the second type of Karma is a necessity. Because the debt is too great to be paid at once, a certain proportion of it is allotted to the man in each life—a reasonable proportion with a fair balance of good and ill, so that he shall not be weighed down and crushed, but shall have the opportunity of making his way through life, even though it be with a struggle, and thus rising ever from the lower to the higher. We must never forget that the object of the scheme is man's evolution, and that consequently all the arrangements are intended to favour that evolution. No man therefore ever received more trouble than he can bear, although sometimes he may be tempted to think so; for if that were really the case evolution would be working to defeat itself, which is unthinkable.

Thứ ba: Có *Kriyamana karma*, là karma mà chúng ta [358] đang tạo ra cho tương lai bằng hành động của mình trong kiếp sống hiện tại.

Chúng ta sẽ thấy sự phân chia này của phương Đông giúp ích cho chúng ta trong nỗ lực hiểu chủ đề này. Loại thứ nhất được mô tả rõ ràng là kết quả của tất cả các suy nghĩ và hành động trước đó của con người, cả tốt và xấu, đang lơ lửng trên đầu họ và chờ đợi để có hiệu lực. Đây là định mệnh tự áp đặt, khiến cuộc sống và môi trường của họ trở nên như thế nào dựa trên các kiếp sống và hành động trước đó. Theo một nghĩa nào đó, nó có thể được coi là một khoản nợ mà họ phải trả; tuy nhiên, đó là một khoản nợ quá lớn để có thể trả hết trong bất kỳ kiếp sống nào, bởi vì trong những kiếp sống đầu tiên của chúng ta, chúng ta gần như chắc chắn đã gây ra một tỷ lệ lớn hơn về điều xấu so với điều tốt; trong giai đoạn man rợ của sự tiến hóa, chúng ta tất yếu phải vô minh và do đó hành động của chúng ta có thể đã ích kỷ và bạo lực, và chúng phải để lại hậu quả là nhiều điều rất không mong muốn. Chính vì lý do này mà sự sắp đặt được đề cập trong loại Karma thứ hai là cần thiết. Bởi vì khoản nợ quá lớn để có thể trả hết một lần, một tỷ lệ nhất định của nó được phân bổ cho con người trong mỗi kiếp sống — một tỷ lệ hợp lý với sự cân bằng giữa điều tốt và điều xấu, để họ không bị đè nặng và nghiền nát, mà sẽ có cơ hội để vượt qua cuộc sống, dù có thể bằng một cuộc đấu tranh, và như vậy luôn luôn vươn lên từ thấp đến cao. Chúng ta không bao giờ được quên rằng mục tiêu của kế hoạch là sự tiến hóa của con người, và do đó tất cả các sự sắp đặt đều nhằm mục đích thúc đẩy sự tiến hóa đó. Vì vậy, không ai bao giờ phải chịu nhiều rắc rối hơn những gì họ có thể chịu đựng, mặc dù đôi khi họ có thể bị cám dỗ nghĩ như vậy; bởi nếu điều đó thực sự xảy ra, sự tiến hóa sẽ tự chống lại mình, điều này không thể tưởng tượng được.

[359] Since the man is steadily paying off more and more of this debt that lies behind him, there comes a time when the majority of the evil has already been worked out, when he has come nearly to the balancing of the evil and the good results of his past history. This point has not been reached by the majority of men; and yet there are some who are nearer to it than we may think, even though the lives of men are still far from being perfectly pure or noble or unselfish. This may perhaps seem strange to many; but we must take into consideration a fact which happily for us is prominent in our evolution—that, other things being equal, good is always a greater force than evil, and comparatively a little energy on the side of good often counterbalances a great deal turned into the lower levels of evil and selfishness. The reason for that is simple when we understand the physics of the higher planes. All that belongs to good, all that is high and pure and noble, expresses itself through the higher and more rapid vibrations. Let us take, for example, the astral body of man, which is the vehicle of his desires, his passions, and his emotions. That astral body is a complex thing, for it is built up of many different kinds of astral matter. If a man has within him only high and unselfish desires and emotions, he will chiefly set into vibration the more refined matter of that astral body; if on the contrary his desires, emotions, and passions are coarse and selfish, almost the whole of them will express themselves in the lower, denser, grosser parts of that astral vehicle.

[359] Vì con người đang dần dần trả hết ngày càng nhiều món nợ đã tích tụ phía sau y, sẽ đến lúc mà phần lớn điều ác đã được giải quyết, khi y gần đạt đến điểm cân bằng giữa kết quả xấu và tốt trong quá khứ của mình. Điểm này chưa được phần lớn nhân loại đạt tới; tuy nhiên, có một số người gần đến hơn chúng ta nghĩ, mặc dù cuộc sống của con người còn xa mới đạt đến sự thuần khiết hoàn hảo hay cao quý và không ích kỷ. Điều này có thể có vẻ lạ đối với nhiều người; nhưng chúng ta phải xem xét một sự thật, điều mà may mắn thay rất nổi bật trong sự tiến hóa của chúng ta — rằng, nếu mọi thứ khác bằng nhau, điều tốt luôn là một lực mạnh hơn điều xấu, và chỉ cần một chút năng lượng về phía điều tốt thường đủ để bù đắp một lượng lớn năng lượng đã được chuyển vào các mức độ thấp hơn của điều ác và ích kỷ. Lý do của điều này trở nên rõ ràng khi chúng ta hiểu được vật lý của các cõi cao hơn. Tất cả những gì thuộc về điều tốt, tất cả những gì cao cả, thuần khiết và cao quý, đều tự biểu hiện qua các rung động cao và nhanh hơn. Hãy lấy ví dụ về thể cảm dục của con người, phương tiện của những ham muốn, đam mê và cảm xúc của y. Thể cảm dục này là một điều phức tạp, vì nó được xây dựng từ nhiều loại vật chất cảm dục khác nhau. Nếu một người chỉ có trong mình những ham muốn và cảm xúc cao cả và không ích kỷ, thì y sẽ chủ yếu làm rung động các loại vật chất tinh tế hơn của thể cảm dục; ngược lại, nếu ham muốn, cảm xúc và đam mê của y là thô thiển và ích kỷ, hầu hết tất cả chúng sẽ biểu hiện qua các phần thấp hơn, đậm đặc hơn và thô ráp hơn của thể cảm dục đó.

Note the result which follows. Supposing the man had an equal amount of good and evil desire, the good desire would be considerably more powerful, because [360] it works in that finer matter where vibrations are so much more rapid, where force is so much more penetrating and enduring, because the matter

Hãy lưu ý đến kết quả tiếp theo. Giả sử người đó có một lượng ham muốn tốt và xấu bằng nhau, ham muốn tốt sẽ mạnh hơn nhiều, bởi vì [360] nó hoạt động trong loại vật chất tinh tế hơn, nơi các rung động diễn ra nhanh hơn nhiều, nơi lực mạnh mẽ hơn và bền bỉ hơn, vì vật chất qua đó nó phải đi qua có tính chất ít

through which it has to work its way is of a less gross character. The ordinary man's life contains a great deal which we cannot approve, a great deal that is coarse and selfish. Yet I believe that it always contains also something that is good, something that is noble, something that is really high and true; and this, comparatively little though it be, is a force working with such activity upon the higher planes that it fully counterbalances the coarseness and the selfishness; and so out of such a life there comes, not some retrogression, as one might expect, but a certain amount of progress. The ordinary life of the ordinary man (who is in no way particularly spiritual, but yet has his good points] is almost sure to bring him a little further forward at its end that he was at its beginning; so that there is progress in almost every life even for the man who is as yet comparatively undeveloped from the spiritual point of view. It follows from this that the moment a man really begins to train himself, and to have deep and strong spiritual thought, the good in his life enormously preponderates over the evil, and he commences to make rapid progress.

thô thiển hơn. Cuộc sống của người bình thường chứa đựng rất nhiều điều mà chúng ta không thể tán thành, rất nhiều điều thô thiển và ích kỷ. Tuy nhiên, tôi tin rằng nó luôn luôn chứa đựng một điều gì đó tốt, một điều gì đó cao cả, một điều gì đó thực sự cao thượng và chân thật; và điều này, dù ít ỏi so với phần còn lại, vẫn là một lực hoạt động với sự mạnh mẽ trên các cõi cao hơn, đủ để bù đắp sự thô thiển và ích kỷ; và vì vậy từ một cuộc sống như vậy, không phải là sự thụt lùi như người ta có thể mong đợi, mà là một mức độ tiến bộ nhất định. Cuộc sống bình thường của người bình thường (người không thuộc dạng tâm linh cao siêu, nhưng vẫn có những điểm tốt) gần như chắc chắn sẽ đưa y tiến một bước xa hơn một chút khi kết thúc cuộc đời so với khi bắt đầu; vì vậy gần như trong mỗi kiếp sống đều có sự tiến bộ, ngay cả đối với người mà từ góc độ tâm linh vẫn còn tương đối chưa phát triển. Điều này dẫn đến kết luận rằng, ngay khi một người thực sự bắt đầu rèn luyện bản thân và có những suy nghĩ tinh thần sâu sắc và mạnh mẽ, điều tốt trong cuộc sống của y sẽ chiếm ưu thế lớn hơn so với điều xấu, và y bắt đầu tiến bộ nhanh chóng.

The true understanding of this changes the aspect of life for us all. We can no longer despair of the world or of evolution, when we realize how that evolution is working. We see what a stupendous strength lies behind it; how resistless is the law of God which is always moving onwards to good; and not only do we arrive at that as a matter of deduction, but we see that even now in this period when man is not yet highly developed as regards spirituality, there is still a steady progress, even though it may be very slow. We see how soon and [361] how easily, when people begin to understand it, this slow progress may be turned into a rapid forward movement, how soon humanity may be swept onward by a

Hiểu biết đúng đắn về điều này sẽ thay đổi cách nhìn của chúng ta về cuộc sống. Chúng ta sẽ không còn tuyệt vọng về thế giới hoặc về sự tiến hóa khi nhận ra cách mà sự tiến hóa này đang hoạt động. Chúng ta thấy sức mạnh to lớn ẩn sau nó; cách mà luật Thiêng Liêng không thể cưỡng lại luôn tiến về phía điều tốt; và không chỉ là chúng ta đi đến kết luận đó qua suy luận, mà chúng ta còn thấy rằng ngay bây giờ, trong thời kỳ mà con người chưa phát triển cao về mặt tâm linh, vẫn có sự tiến bộ đều đặn, dù có thể rất chậm. Chúng ta thấy rằng không bao lâu nữa và [361] dễ dàng như thế nào, khi mọi người bắt đầu hiểu điều này, sự tiến bộ chậm chạp này có thể biến thành một cuộc chuyển động nhanh chóng về phía trước,

resistless tide in the direction of high spirituality, how soon it may be raised above even what we should now consider advanced levels of thought. Seeing this, we shall also see that in order to take part in this rapid progress it is necessary for us that we should work out as soon as may be whatsoever of evil still remains as the result of our previous actions. If we have still a debt to pay as the result of past evils, then the sooner we pay off the debt the sooner shall we be free to make this rapid progress, and to devote ourselves to helping other men.

nhân loại có thể nhanh chóng được cuốn theo một làn sóng không thể cưỡng lại theo hướng của tinh thần cao cả, và không bao lâu nữa nó có thể được nâng lên trên cả những gì chúng ta hiện nay coi là những mức độ tư tưởng cao siêu. Khi thấy điều này, chúng ta cũng sẽ thấy rằng để tham gia vào sự tiến bộ nhanh chóng này, chúng ta cần phải giải quyết sớm nhất có thể những điều xấu còn lại là kết quả của các hành động trước đây của chúng ta. Nếu chúng ta vẫn còn một khoản nợ cần phải trả do những điều xấu trong quá khứ, thì càng sớm trả hết nợ, chúng ta sẽ càng sớm được tự do để tiến bộ nhanh chóng và cống hiến bản thân vào việc giúp đỡ người khác.

The Explanation of the Text— Lời giải thích của Văn bản

Now perhaps we shall be able to understand the explanation of that curious text. Suppose that a person is so far advanced that there if left only a sufficient amount of evil karma for this life and for the next one, it would obviously be the best thing that could happen to him that the rest of that evil or suffering which would naturally belong to the next life should be given to him now in this one, so that he might work through it and be ready to start in that next life untrammelled by any evil surroundings or conditions. Sometimes it happens that a man who is of spiritual thought, of clean and pure and unselfish life, finds an extraordinary amount of suffering coming upon him, out of proportion, apparently, to any deserts of his of which he knows anything, and out of proportion to what seems to be falling upon his neighbours. When that is so he may reasonably take comfort to himself from this thought, that because he is [362] living a better life than others, because he is rising somewhat in advance of his fellows, the Lords of Karma have thought him fit to bear more of that which lies behind him than they would

Bây giờ, có lẽ chúng ta sẽ có thể hiểu được lời giải thích của câu kinh lạ lùng đó. Giả sử một người đã tiến hóa đủ xa đến mức chỉ còn một lượng nghiệp xấu vừa đủ cho kiếp sống này và kiếp tiếp theo, rõ ràng điều tốt nhất có thể xảy ra với y là phần nghiệp xấu hoặc đau khổ còn lại, vốn thuộc về kiếp sống tiếp theo, nên được ban cho y ngay trong kiếp sống hiện tại này, để y có thể trải qua và sẵn sàng bắt đầu kiếp sống tiếp theo mà không bị ràng buộc bởi bất kỳ điều kiện hoặc hoàn cảnh xấu nào. Đôi khi, có trường hợp một người có tư tưởng tinh thần, sống một cuộc đời trong sạch, thuần khiết và không ích kỷ, gặp phải một lượng đau khổ lớn bất thường, dường như không tương xứng với bất kỳ điều gì mà y biết mình đã làm để đáng phải chịu, và không tương xứng với những gì dường như đang xảy ra với những người xung quanh y. Khi điều đó xảy ra, y có thể tự an ủi mình bằng suy nghĩ này, rằng vì y [362] đang sống một cuộc sống tốt hơn so với người khác, vì y đang tiến lên trước những người đồng loại, nên các Chúa Tể của Nghiệp đã cho rằng y đủ khả năng để chịu đựng nhiều hơn phần nghiệp mà đáng lẽ đã được phân bổ cho y. Ban đầu, họ có thể đã đưa cho y một lượng nợ vừa đủ để

otherwise have apportioned to him. They may have originally given to him such an amount of debt to be paid as the ordinary man could bear in a lifetime without bending or breaking under the strain. They find him now to be more than the ordinary man, to be a little stronger and wiser and better than they had expected; so they say in effect, "Here is one who is on the eve of becoming a magnificent channel for the divine strength; there is only a little more of his debt outstanding; let him have an opportunity of paying that here and now, so that in his next life he may have the enormous advantage of not being hindered by any evil circumstances, so that he may then be put in the best condition to use in the highest way all the power and strength for good which he is developing in this life."

người bình thường có thể trả trong một kiếp sống mà không bị khuất phục hay gục ngã trước sức ép. Họ nhận thấy rằng y giờ đây không còn là một người bình thường nữa, mà mạnh mẽ hơn, khôn ngoan hơn, và tốt hơn một chút so với họ dự đoán; vì vậy họ nói, "Đây là người đang trên đà trở thành một kênh mạnh mẽ cho sức mạnh thiêng liêng; chỉ còn một chút nợ tồn đọng; hãy cho y cơ hội trả nợ ngay tại đây và bây giờ, để trong kiếp sống tiếp theo, y có được lợi thế to lớn là không bị cản trở bởi bất kỳ hoàn cảnh xấu nào, và y có thể được đặt vào tình trạng tốt nhất để sử dụng theo cách cao cả nhất tất cả sức mạnh và quyền năng mà y đang phát triển trong kiếp sống này."

That is the real meaning of the idea that "Whom the Lord loveth, He chasteneth;" and it can come to pass only in a case where the man is already somewhat developed, where he has made the definite choice of good rather than of evil, and has set his affection on things above and not on things of this world. When this truth is recognized, we see at once how small our troubles become. We are glad to have them and to bear them, we take them and use them as a lesson and an opportunity, because we understand why they have come; and if there be more than usual of them, even that very fact is in our favour and not against us. Here is one example of the advantage that we immediately begin to gain from a real grasp of any subject from the Theosophical point of view.

Đó là ý nghĩa thực sự của câu nói rằng "Chúa yêu ai, Ngài sẽ trừng phạt người đó;" và điều này chỉ có thể xảy ra khi người đó đã phát triển đến một mức độ nhất định, khi y đã chọn rõ ràng điều tốt thay vì điều xấu, và đã đặt tình yêu của mình vào những điều cao cả chứ không phải vào những thứ của thế gian này. Khi sự thật này được công nhận, chúng ta ngay lập tức thấy rằng những rắc rối của mình trở nên nhỏ bé. Chúng ta vui mừng khi có chúng và chịu đựng chúng, chúng ta đón nhận và sử dụng chúng như một bài học và một cơ hội, vì chúng ta hiểu tại sao chúng đến; và nếu có nhiều rắc rối hơn bình thường, thậm chí chính điều đó cũng là có lợi cho chúng ta, không phải là điều chống lại chúng ta. Đây là một ví dụ về lợi ích mà chúng ta ngay lập tức bắt đầu có được từ việc nắm bắt thực sự bất kỳ chủ đề nào từ quan điểm Thông Thiên Học.

The Destruction of Fear— Sự hủy diệt nỗi sợ hãi.

[363] Another most valuable result of Theosophical study is the absence of fear.

[363] Một kết quả vô cùng quý giá khác của việc nghiên cứu Thông Thiên Học là sự vắng

Many people are constantly in a condition of anxiety or worry about something or other; lest they fear this or that should happen to them, lest this or that combination may fail, or so all the while they are in a condition of unrest. The majority of their fear is wholly unnecessary, and most of the things feared never come to pass; but nevertheless the fact remains that numbers of people are constantly giving themselves a great deal of unnecessary suffering in this way. Most serious of all for many people is the fear of death. I suppose that the majority of men hardly know how widespread that fear is. A large number of people seem to have it always in their minds as an ever-haunting dread—a sword of Damocles hanging over their heads, ready to fall upon them at any moment.

bóng của nỗi sợ hãi. Nhiều người luôn ở trong trạng thái lo lắng hoặc bất an về điều này hay điều khác; họ sợ rằng điều này hoặc điều kia có thể xảy ra với họ, hoặc sự kết hợp nào đó có thể thất bại, và vì vậy họ luôn ở trong tình trạng không yên. Phần lớn nỗi sợ của họ hoàn toàn không cần thiết, và hầu hết những điều họ lo sợ chẳng bao giờ xảy ra; tuy nhiên, thực tế vẫn là nhiều người đang tự tạo ra cho mình một lượng lớn đau khổ không cần thiết theo cách này. Đáng lo ngại nhất đối với nhiều người là nỗi sợ hãi về cái chết. Tôi cho rằng phần lớn mọi người hầu như không biết nỗi sợ đó lan rộng đến mức nào. Rất nhiều người dường như luôn mang trong tâm trí nỗi lo sợ này như một nỗi ám ảnh thường trực — như lưỡi gươm của Damocles treo lơ lửng trên đầu, sẵn sàng rơi xuống bất cứ lúc nào.

The whole of that feeling is swept away for the man who understands the Theosophical teaching. When we realize the great truth of reincarnation, when we know that we have often before laid aside physical bodies, then we shall see that death is no more to us than sleep—that just as sleep comes in between our days of work and gives us rest and refreshment, so between these days of labour here on earth which we call lives, there comes the long night of astral and heavenly life to give us rest and refreshment and to help us on our way. To the Theosophist death is simply the laying aside for a time of this robe of flesh. He knows that it is his duty to preserve that bodily vesture as long as he can, to gain all the experience he can; but when the time comes for him to lay it down, he will do so thankfully, because he knows that the next stage will be a pleasanter one than [364] this. Thus he will have no fear of death, although he realizes that he must live his life to the appointed end, because he is here for the purpose of progress, and that progress is the one important thing. See what a difference that makes in a man's

Toàn bộ cảm giác đó sẽ bị quét sạch đối với người hiểu được giáo lý Thông Thiên Học. Khi chúng ta nhận ra sự thật vĩ đại về luân hồi, khi chúng ta biết rằng chúng ta đã từng nhiều lần bỏ lại những thân xác vật lý trước đây, thì chúng ta sẽ thấy rằng cái chết không khác gì với giấc ngủ — cũng như giấc ngủ xen kẽ giữa những ngày làm việc và mang lại cho chúng ta sự nghỉ ngơi và hồi sức, thì giữa những ngày lao động ở trần gian mà chúng ta gọi là những kiếp sống, sẽ có đêm dài của cuộc sống cõi cảm dục và cõi thiên đường, để mang lại sự nghỉ ngơi, hồi phục và giúp chúng ta tiếp tục trên con đường của mình. Đối với nhà Thông Thiên Học, cái chết đơn giản là việc tạm thời cởi bỏ tấm áo xác thịt này. Y biết rằng nhiệm vụ của mình là phải bảo vệ thân xác đó càng lâu càng tốt để thu nhận tất cả những kinh nghiệm có thể; nhưng khi thời điểm đến để từ bỏ nó, y sẽ làm như vậy một cách biết ơn, bởi vì y biết rằng giai đoạn tiếp theo sẽ dễ chịu hơn [364] giai đoạn này. Vì vậy, y sẽ không có nỗi sợ hãi về cái chết, mặc dù y nhận ra rằng mình phải sống đến hết thời gian được định, vì y đang ở đây với mục đích tiến bộ, và sự tiến bộ đó là

conception of life; the important thing is not to earn so much money, not to obtain such and such a position; the one important thing, when we really comprehend it, is to carry out the divine plan. For this we are here, and everything else should give way to it. It needs only that we shall understand the facts, and all fear at once ceases.

điều quan trọng duy nhất. Hãy xem sự khác biệt mà điều này mang lại trong quan niệm của con người về cuộc sống; điều quan trọng không phải là kiếm được bao nhiêu tiền, không phải là đạt được vị trí này hay vị trí khác; điều quan trọng duy nhất, khi chúng ta thực sự hiểu điều đó, là thực hiện Thiên Cơ. Vì mục đích này chúng ta có mặt ở đây, và mọi thứ khác nên nhường chỗ cho nó. Chỉ cần chúng ta hiểu rõ sự thật, mọi nỗi sợ hãi lập tức biến mất.

The Apotheosis of Common-sense— Sự thần thánh hóa của Lương tri

Pre-eminently and above all else, Theosophy is a doctrine of common-sense. It puts before us, so far as we can know them, the facts about God and man and the relations between them; and then it instructs us to take these facts into account, and act in relation to them with ordinary reason and common-sense. This is all that it asks from any man as regards life. It suggests to him to regulate his life according to these laws of evolution which it has taught him. That is all, yet it means a great deal; for it gives the man a totally different standpoint, and a touchstone by which to try everything – his own thoughts and feelings, and his own actions first of all, and then those things which come before him in the world outside himself. Always he applies this criterion, is the thing right or wrong? Does it help onward evolution or does it hinder it? If a thought or a feeling arises within himself, he may see at once by this test whether it is one that he ought to encourage. If it is for the greatest good of the greatest number, then all is well; if it may hinder or cause harm to any being in its progress, then it is evil and to be avoided. The same (Page 365) reasoning holds good if he is called upon to decide with regard to anything outside of himself. If from that point of view the thing be a good thing, he can conscientiously support it, if not, then it is not for him.

Hơn hết và trên tất cả, Thông Thiên Học là một học thuyết của lương tri. Nó trình bày trước mắt chúng ta, theo như những gì chúng ta có thể biết, sự thật về Thượng đế, con người và mối quan hệ giữa họ; và sau đó nó chỉ dẫn chúng ta xem xét những sự thật này, và hành động dựa trên chúng với lý trí thông thường và lương tri. Đây là tất cả những gì nó yêu cầu từ bất kỳ người nào về cuộc sống. Nó gợi ý cho người đó điều chỉnh cuộc sống của mình theo những định luật tiến hóa mà nó đã dạy. Chỉ vậy thôi, nhưng nó hàm chứa rất nhiều ý nghĩa; vì nó mang đến cho con người một quan điểm hoàn toàn khác, và một tiêu chuẩn để thử nghiệm mọi thứ – trước hết là những suy nghĩ, cảm xúc và hành động của chính mình, và sau đó là những điều đến với người đó trong thế giới bên ngoài. Người đó luôn áp dụng tiêu chí này, điều đó đúng hay sai? Nó có giúp ích cho sự tiến hóa hay cản trở nó? Nếu một suy nghĩ hoặc cảm xúc phát sinh trong người đó, người đó có thể thấy ngay bằng phép thử này liệu đó có phải là điều nên được khuyến khích hay không. Nếu nó vì lợi ích lớn nhất của số đông, thì mọi thứ đều tốt; nếu nó có thể cản trở hoặc gây hại cho bất kỳ chúng sinh nào trong quá trình tiến hóa của nó, thì đó là điều xấu và cần phải tránh. Lý luận tương tự (Trang 365) cũng đúng nếu người đó được yêu cầu quyết định về bất cứ điều gì bên ngoài bản thân. Nếu từ quan điểm đó, điều đó

	là tốt, người đó có thể tận tâm ủng hộ nó, nếu không, thì nó không dành cho người đó.
For the man who sees the truth in this way the question of personal interest does not come into the case at all, and he thinks only of the good of evolution as a whole. This gives the man a definite foothold, a clear criterion, and removes from him the pain of indecision and hesitation. The Will of God is man's evolution; whatever therefore helps on that evolution must be good, whatever stands in the way of it and delays it, that thing must be wrong, even though it may have on its side all the weight of public opinion and of immemorial tradition. It is true that all about us we see infringements of the Divine Law taking place, yet we know that the law is far stronger than the petty wills of those who ignorantly disobey it; we know that in working along with the law we are working for the future, and that though at the passing moment our efforts may not be appreciated the future will do us justice. Therefore we care little for the judgement of those who do not yet understand, since our knowledge of the governing laws enables us to work in the right direction.	Đối với người nhìn thấy sự thật theo cách này, vấn đề lợi ích cá nhân hoàn toàn không xuất hiện, và người đó chỉ nghĩ đến lợi ích của sự tiến hóa nói chung. Điều này mang đến cho con người một điểm tựa vững chắc, một tiêu chí rõ ràng, và loại bỏ khỏi người đó nỗi đau của sự do dự và lưỡng lự. Ý Chí của Thượng đế là sự tiến hóa của con người; do đó, bất cứ điều gì giúp ích cho sự tiến hóa đó đều phải là tốt, bất cứ điều gì cản trở và trì hoãn nó, điều đó đều phải là sai, ngay cả khi nó có thể nhận được sự ủng hộ của dư luận và truyền thống lâu đời. Đúng là xung quanh chúng ta, chúng ta thấy những sự vi phạm Thiên Luật đang diễn ra, nhưng chúng ta biết rằng Thiên Luật mạnh mẽ hơn nhiều so với những ý chí nhỏ bé của những người ngu ngốc không tuân theo nó; chúng ta biết rằng khi làm việc cùng với Thiên Luật, chúng ta đang làm việc cho tương lai, và mặc dù tại thời điểm hiện tại, những nỗ lực của chúng ta có thể không được đánh giá cao nhưng tương lai sẽ công bằng với chúng ta. Do đó, chúng ta không quan tâm đến sự phán xét của những người chưa hiểu, vì kiến thức của chúng ta về các định luật chi phối cho phép chúng ta làm việc đúng hướng.
Not only is all fear of death taken away by this doctrine, but our view of life as a whole both on this side of the grave and on the other, is changed and clarified and made reasonable. We realize that this earth-life is only one small part of a greater life, and that although it is true that it has its special importance because it is the seed time of which the after-life is the harvest, still it is only a short time as compared to the life in the heaven-world, and therefore its sorrows are but evanescent sorrows; at the worst its struggles are soon over, (Page 366) whereas what may be gained from it, though not eternal, is enormous in proportion to the	Học thuyết này không chỉ xóa bỏ mọi nỗi sợ hãi về cái chết, mà còn thay đổi, làm rõ ràng và hợp lý hóa quan điểm của chúng ta về toàn bộ cuộc sống, cả ở phía bên này và phía bên kia nấm mồ. Chúng ta nhận ra rằng cuộc sống trần gian này chỉ là một phần nhỏ của một cuộc sống vĩ đại hơn, và mặc dù đúng là nó có tầm quan trọng đặc biệt vì nó là thời điểm gieo hạt mà kiếp sau là mùa gặt, nhưng nó vẫn chỉ là một khoảng thời gian ngắn ngủi so với cuộc sống ở cõi trời, và do đó những nỗi buồn của nó chỉ là những nỗi buồn phù du; tệ nhất là những đấu tranh của nó sẽ sớm kết thúc, (Trang 366) trong khi những gì có thể đạt

time spent in it.	được từ nó, mặc dù không vĩnh cửu, nhưng lại to lớn so với thời gian dành cho nó.
Those who know the Theosophical teaching about death will not be misled by that conventional phrase, “the earth-life.” I have explained in The Other Side of Death that the dead are not far away beyond the stars, but are here about us all the time; so that when we speak of the earth-life, it is only a conventional term meaning the life in this physical body, because we are just as much in the neighbourhood and in the atmosphere of the earth after death as we were before. The only difference is that we are not tied down to it, not bound to earth in our thoughts and feelings and aspirations. We have cast aside the physical body, and therefore we can rise into higher and finer realms of existence, and in that way we may be said to be symbolically further from earth, even though as a matter of fact and as far as space is concerned we have made no movement at all.	Những người biết về giáo lý Thông Thiên Học về cái chết sẽ không bị đánh lừa bởi cụm từ thông thường, “cuộc sống trần gian.” Tôi đã giải thích trong cuốn *Bên Kia Cái Chết* rằng người chết không ở xa ngoài những vì sao, mà ở quanh chúng ta mọi lúc; do đó, khi chúng ta nói về cuộc sống trần gian, đó chỉ là một thuật ngữ quy ước có nghĩa là cuộc sống trong thể xác này, bởi vì chúng ta vẫn ở gần và trong bầu khí quyển của Trái đất sau khi chết giống như trước khi chết. Sự khác biệt duy nhất là chúng ta không bị ràng buộc vào nó, không bị ràng buộc với Trái đất trong suy nghĩ, cảm xúc và khát vọng của mình. Chúng ta đã vứt bỏ thể xác, và do đó chúng ta có thể vươn lên những cõi giới tồn tại cao hơn và tinh tế hơn, và theo cách đó, chúng ta có thể nói rằng mình ở xa Trái đất hơn về mặt biểu tượng, ngay cả khi trên thực tế và về mặt không gian, chúng ta không hề di chuyển.
The ordinary orthodox view of life after death is not as it stands a reasonable one; but in the Theosophical teaching we see a coherent and graded ascent of man, first evolving through his physical body, then through the astral, then through the mental, until he rises again into the ego or the true self. The theory is at least a reasonable one, and implies that the same great laws hold good above as below, and it is surely clearer than that which give us a sudden change from the known world working under laws which to some extent we comprehend, into another of which nothing is known and in which no laws seem to operate such as those which here we know as the laws of nature. In Theosophy we bring a grander gospel, we preach a holier creed than that; we hold that nature is one magnificent whole, and that upon the higher and spiritual planes as well as upon the lower (Page 367) and	Quan điểm thông thường về cuộc sống sau khi chết, ở dạng hiện tại, không phải là một quan điểm hợp lý; nhưng trong giáo lý Thông Thiên Học, chúng ta thấy một sự thăng tiến mạch lạc và phân cấp của con người, đầu tiên là tiến hóa thông qua thể xác, sau đó là thể cảm dục, rồi đến thể trí tuệ, cho đến khi người đó vươn lên Chân ngã hay bản ngã thực sự. Thuyết này ít nhất là hợp lý, và ngụ ý rằng những Thiên Luật vĩ đại giống nhau đều có giá trị ở trên cũng như ở dưới, và chắc chắn nó rõ ràng hơn thuyết cho rằng chúng ta có một sự thay đổi đột ngột từ thế giới đã biết hoạt động theo những định luật mà chúng ta hiểu được ở một mức độ nào đó, sang một thế giới khác mà chúng ta không biết gì và dường như không có định luật nào hoạt động giống như những định luật mà ở đây chúng ta biết là định luật tự nhiên. Trong Thông Thiên Học, chúng ta mang đến một phúc âm vĩ đại hơn,

physical, the will of God is always expressing itself in one undeviating law, just and noble and helpful everywhere – after death just as much as before.	chúng ta thuyết giảng một tín điều thiêng liêng hơn thế; chúng ta cho rằng tự nhiên là một toàn thể vĩ đại, và trên các cõi giới cao hơn và cõi giới tinh thần cũng như trên các cõi giới thấp hơn (Trang 367) và cõi giới vật chất, Ý Chí của Thượng đế luôn thể hiện trong một Thiên Luật không thay đổi, công bằng, cao quý và hữu ích ở khắp mọi nơi – sau khi chết cũng như trước khi chết.

No Religious Worries— Không có những lo lắng về Tôn giáo

Pre-eminently and above all else, Theosophy is a doctrine of common-sense. It puts before us, so far as we can know them, the facts about God and man and the relations between them; and then it instructs us to take these facts into account, and act in relation to them with ordinary reason and common-sense. This is all that it asks from any man as regards life. It suggests to him to regulate his life according to these laws of evolution which it has taught him. That is all, yet it means a great deal; for it gives the man a totally different standpoint, and a touchstone by which to try everything —his own thoughts and feelings, and his own actions first of all, and then those things which come before him in the world outside himself. Always he applies this criterion, is the thing right or wrong? Does it help onward evolution or does it hinder it? If a thought or a feeling arises within himself, he may see at once by this test whether it is one that he ought to encourage. If it is for the greatest good of the greatest number, then all is well; if it may hinder or cause harm to any being in its progress, then it is evil and to be avoided. The same [365] reasoning holds good if he is called upon to decide with regard to anything outside of himself. If from that point of view the thing be a good thing, he can conscientiously support it, if not, then it is not for him.

Trên hết, Thông Thiên Học là một giáo lý dựa trên lương tri. Nó trình bày cho chúng ta, trong phạm vi có thể biết được, những sự thật về Thượng Đế và con người cũng như mối quan hệ giữa họ; sau đó nó chỉ dẫn chúng ta ghi nhận những sự thật này và hành động phù hợp với chúng dựa trên lý trí và lương tri. Đây là tất cả những gì nó yêu cầu từ bất kỳ ai liên quan đến cuộc sống. Nó đề nghị điều chỉnh cuộc sống của mình theo những luật tiến hóa mà nó đã dạy. Chỉ vậy thôi, nhưng nó mang ý nghĩa vô cùng lớn lao; vì nó trao cho con người một cách nhìn nhận hoàn toàn khác và một tiêu chuẩn để thử nghiệm mọi thứ—trước tiên là suy nghĩ và cảm xúc của chính mình, sau đó là những điều xuất hiện trước mặt trong thế giới bên ngoài bản thân. Con người luôn áp dụng tiêu chuẩn này: điều đó đúng hay sai? Nó có thúc đẩy tiến hóa hay cản trở nó? Nếu một suy nghĩ hoặc cảm xúc phát sinh trong bản thân, anh ta có thể ngay lập tức kiểm tra xem đó có phải là điều mà mình nên khuyến khích hay không. Nếu nó là vì lợi ích lớn nhất cho số đông, thì mọi thứ đều ổn; nếu nó có thể cản trở hoặc gây hại cho bất kỳ sự tồn tại nào trong quá trình tiến hóa, thì đó là điều ác và cần tránh. Lý luận tương tự cũng áp dụng khi anh ta phải quyết định liên quan đến bất kỳ điều gì bên ngoài bản thân mình. Nếu từ quan điểm đó, điều đó là tốt, anh ta có thể lương tâm trong sáng ủng hộ nó; nếu không, điều đó không phải dành cho anh ta.

The Certainty of Evolution— Sự chắc chắn của Tiến hóa

For the man who sees the truth in this way the question of personal interest does not come into the case at all, and he thinks only of the good of evolution as a whole. This gives the man a definite foothold, a clear criterion, and removes from him the pain of indecision and hesitation. The Will of God is man's evolution; whatever therefore helps on that evolution must be good, whatever stands in the way of it and delays it, that thing must be wrong, even though it may have on its side all the weight of public opinion and of immemorial tradition. It is true that all about us we see infringements of the Divine Law taking place, yet we know that the law is far stronger than the petty wills of those who ignorantly disobey it; we know that in working along with the law we are working for the future, and that though at the passing moment our efforts may not be appreciated the future will do us justice. Therefore we care little for the judgement of those who do not yet understand, since our knowledge of the governing laws enables us to work in the right direction.

Đối với người nhìn thấy chân lý theo cách này, vấn đề về lợi ích cá nhân hoàn toàn không được xét đến, và anh ta chỉ nghĩ về lợi ích của tiến hóa nói chung. Điều này trao cho con người một nền tảng vững chắc, một tiêu chuẩn rõ ràng, và giúp anh ta tránh khỏi nỗi đau của sự do dự và lưỡng lự. Ý chí của Thượng Đế là sự tiến hóa của con người; do đó, bất cứ điều gì giúp tiến hóa đó tiến triển đều phải là điều tốt, bất cứ điều gì cản trở và làm chậm nó, điều đó phải là sai, dù nó có mang trong mình tất cả sức nặng của dư luận và truyền thống lâu đời. Thật vậy, chúng ta thấy khắp quanh mình những sự vi phạm Luật Thiêng liêng đang diễn ra, nhưng chúng ta biết rằng luật pháp mạnh mẽ hơn nhiều so với ý chí nhỏ nhoi của những kẻ ngu dốt vi phạm nó; chúng ta biết rằng khi làm việc theo luật, chúng ta đang làm việc cho tương lai, và dù tại thời điểm này, nỗ lực của chúng ta có thể không được đánh giá cao, thì tương lai sẽ trả lại công bằng cho chúng ta. Vì vậy, chúng ta ít quan tâm đến phán xét của những người chưa hiểu, vì kiến thức về các luật điều hành cho phép chúng ta làm việc theo đúng hướng.

Not only is all fear of death taken away by this doctrine, but our view of life as a whole both on this side of the grave and on the other, is changed and clarified and made reasonable. We realize that this earth-life is only one small part of a greater life, and that although it is true that it has its special importance because it is the seed time of which the after-life is the harvest, still it is only a short time as compared to the life in the heaven-world, and therefore its sorrows are but evanescent sorrows; at the worst its struggles are soon over, [366] whereas what may be gained from it, though not eternal, is enormous in proportion to the time spent in it.

Không chỉ nỗi sợ hãi về cái chết được loại bỏ bởi giáo lý này, mà quan điểm của chúng ta về cuộc sống như một tổng thể, cả trước và sau khi qua đời, cũng được thay đổi, làm sáng tỏ và trở nên hợp lý. Chúng ta nhận ra rằng cuộc sống trên trái đất chỉ là một phần nhỏ của một cuộc sống lớn hơn, và dù nó có tầm quan trọng đặc biệt vì đó là mùa gieo hạt mà cuộc sống sau này sẽ là mùa thu hoạch, nhưng nó vẫn chỉ là một khoảng thời gian ngắn so với cuộc sống ở cõi trời, và do đó, những nỗi buồn của nó chỉ là những nỗi buồn thoáng qua; trong trường hợp tồi tệ nhất, những cuộc đấu tranh của nó sớm kết thúc, trong khi những gì có thể đạt được từ nó, dù không vĩnh cửu, vẫn là rất lớn so với thời gian dành cho nó.

The Certainty of Evolution— Sự chắc chắn của Tiến hóa

Those who know the Theosophical teaching about death will not be misled by that conventional phrase, “the earth-life.” I have explained in The Other Side of Death that the dead are not far away beyond the stars, but are here about us all the time; so that when we speak of the earth-life, it is only a conventional term meaning the life in this physical body, because we are just as much in the neighbourhood and in the atmosphere of the earth after death as we were before. The only difference is that we are not tied down to it, not bound to earth in our thoughts and feelings and aspirations. We have cast aside the physical body, and therefore we can rise into higher and finer realms of existence, and in that way we may be said to be symbolically further from earth, even though as a matter of fact and as far as space is concerned we have made no movement at all.

Những ai biết về giáo lý Thông Thiên Học liên quan đến cái chết sẽ không bị lừa bởi cụm từ thông dụng “cuộc sống trên trái đất.” Tôi đã giải thích trong cuốn “The Other Side of Death” rằng những người đã khuất không ở xa ngoài những ngôi sao, mà ở ngay xung quanh chúng ta mọi lúc; vì vậy khi chúng ta nói về cuộc sống trên trái đất, đó chỉ là một cụm từ mang tính tượng trưng, có nghĩa là cuộc sống trong thân thể vật lý, bởi vì chúng ta cũng ở gần và trong bầu không khí của trái đất sau khi chết như chúng ta đã từng trước đó. Sự khác biệt duy nhất là chúng ta không còn bị ràng buộc vào nó, không còn bị ràng buộc vào trái đất trong suy nghĩ, cảm xúc và khát vọng của mình. Chúng ta đã gạt bỏ thể xác, và do đó có thể thăng lên những cõi giới cao hơn và tinh tế hơn, và theo cách đó, chúng ta có thể được nói rằng về mặt tượng trưng, chúng ta đã xa trái đất hơn, dù trên thực tế và về mặt không gian, chúng ta chưa di chuyển chút nào.

The ordinary orthodox view of life after death is not as it stands a reasonable one; but in the Theosophical teaching we see a coherent and graded ascent of man, first evolving through his physical body, then through the astral, then through the mental, until he rises again into the ego or the true self. The theory is at least a reasonable one, and implies that the same great laws hold good above as below, and it is surely clearer than that which give us a sudden change from the known world working under laws which to some extent we comprehend, into another of which nothing is known and in which no laws seem to operate such as those which here we know as the laws of nature. In Theosophy we bring a grander gospel, we preach a holier creed than that; we hold that nature is one magnificent whole, and that upon the higher and spiritual planes as well as upon the lower [367] and physical, the will of God is always expressing itself in one undeviating law, just and noble and

Quan điểm chính thống thông thường về cuộc sống sau khi chết không phải là một quan điểm hợp lý; nhưng trong giáo lý Thông Thiên Học, chúng ta thấy một sự thăng tiến rõ ràng và có hệ thống của con người, trước tiên tiến hóa qua thể xác, sau đó qua thể cảm xúc, rồi qua thể trí, cho đến khi y thăng lên thành chân ngã hoặc cái tôi đích thực. Lý thuyết này ít nhất cũng hợp lý, và nó ngụ ý rằng những định luật vĩ đại tương tự cũng có hiệu lực ở trên cao như ở dưới thấp, và nó chắc chắn rõ ràng hơn nhiều so với quan điểm cho rằng có một sự thay đổi đột ngột từ thế giới đã biết, hoạt động theo những định luật mà ở mức độ nào đó chúng ta hiểu được, sang một thế giới khác mà không có gì được biết đến và trong đó dường như không có bất kỳ định luật nào hoạt động giống như những định luật tự nhiên mà chúng ta quen thuộc. Trong Thông Thiên Học, chúng ta mang đến một phúc âm vĩ đại hơn, chúng ta rao giảng một tín ngưỡng thiêng liêng hơn; chúng ta cho rằng thiên nhiên là một tổng thể

helpful everywhere—after death just as much as before. Another point which we gain for our Theosophical teachings is that we have no longer any religious fears or worries or troubles. It may perhaps be thought that those do not concern the majority of mankind; but if we come to know anything of the inner life of the most devout and religious people, we shall find that there is a great deal of sorrow and trouble concerned with it. Many of our noblest and best people are constantly worrying themselves, constantly morbidly introspective, constantly fearing whether at the last they may not somehow be cast away; whether they may not fall short, in some way, they scarcely understand how, of the demands which their faith makes upon them.

hùng vĩ, và rằng trên các cõi cao và tinh thần cũng như trên cõi thấp và vật lý, ý chí của Thượng Đế luôn thể hiện mình qua một định luật không hề thay đổi, công bằng và cao quý, và mang lại sự giúp đỡ ở mọi nơi—sau khi chết cũng như trước đó. Một điểm khác mà chúng ta nhận được từ các giáo lý Thông Thiên Học là chúng ta không còn bất kỳ nỗi sợ hãi hay lo lắng nào liên quan đến tôn giáo nữa. Có lẽ người ta cho rằng những điều đó không ảnh hưởng đến phần lớn nhân loại; nhưng nếu chúng ta biết một chút gì về đời sống nội tâm của những người sùng đạo và tôn giáo nhất, chúng ta sẽ thấy rằng có rất nhiều đau khổ và lo âu liên quan đến điều đó. Nhiều người trong số những người tốt và cao quý nhất của chúng ta luôn tự lo lắng, luôn nhìn vào nội tâm một cách ám ảnh, luôn sợ rằng vào lúc cuối cùng họ sẽ bị ruồng bỏ bằng cách nào đó; rằng họ sẽ không đạt được, theo một cách mà họ không hiểu rõ, những yêu cầu mà đức tin của họ đặt ra cho họ.

All that is swept aside when we realize that progress towards the highest is the Divine Will for us; that we cannot escape from that progress; that whatever comes in our way and whatever happens to us is meant to help us along that line; that we ourselves are the only people that can delay our advance. When we really know this, what a difference it makes in the aspect of life! No longer do we trouble and fear about ourselves; we go on and do the duty which comes nearest, in the best way that we can, confident that if we do this, all will be well for us without our perpetually examining and worrying. True, we are told in the wise Greek proverb: “Know thyself.” True, it is our business to know ourselves, and to know our own weak points; but that also must be done according to reason and according to common-sense, and, as we have said before, we must not be like [368] those tiny children who, when they plant a garden, are always

Tất cả những điều đó sẽ bị cuốn đi khi chúng ta nhận ra rằng sự tiến hóa hướng tới điều cao cả nhất là Ý Chí Thiêng Liêng dành cho chúng ta; rằng chúng ta không thể thoát khỏi tiến trình đó; rằng bất cứ điều gì xuất hiện trên con đường của chúng ta và bất cứ điều gì xảy ra với chúng ta đều được định sẵn để giúp chúng ta tiến lên trên con đường đó; rằng chính chúng ta là những người duy nhất có thể làm chậm lại bước tiến của mình. Khi chúng ta thực sự hiểu điều này, cuộc sống sẽ trở nên khác biệt biết bao! Chúng ta sẽ không còn lo lắng và sợ hãi về bản thân mình nữa; chúng ta chỉ cần tiếp tục làm nhiệm vụ gần nhất với mình, theo cách tốt nhất có thể, tin chắc rằng nếu làm được điều đó, mọi thứ sẽ ổn thỏa mà không cần chúng ta phải luôn tự kiểm tra và lo lắng. Đúng vậy, chúng ta được nhắc nhở trong câu ngạn ngữ Hy Lạp khôn ngoan: “Hãy tự biết mình.” Đúng vậy, việc của chúng ta là phải hiểu chính mình, và biết những điểm yếu của mình;

pulling up their plants to see how much they are growing. That is exactly what so many good people are always doing—they are always pulling themselves up by the roots to see how they are getting on, instead of being satisfied quietly to do their duty, and trying to help their fellows in the race, knowing that the great Divine Power behind will press them onward slowly and steadily and do for them all that can be done, so long as their faces are set steadfastly in the right direction, so long as they do all that they reasonably can.

nhưng điều đó cũng phải được thực hiện theo lý trí và theo lương tri, và như chúng ta đã nói trước đó, chúng ta không nên giống như những đứa trẻ nhỏ khi trồng một khu vườn, luôn kéo cây lên để xem chúng đã phát triển được bao nhiêu. Đó chính xác là điều mà rất nhiều người tốt vẫn đang làm—họ luôn tự nhổ mình lên để xem họ đã tiến bộ đến đâu, thay vì hài lòng một cách yên bình với việc thực hiện nghĩa vụ của mình, và cố gắng giúp đỡ đồng loại của mình trên cuộc đua tiến hóa, biết rằng Quyền Lực Thiêng Liêng vĩ đại phía sau sẽ đẩy họ tiến lên chậm rãi và ổn định và làm cho họ mọi điều có thể, miễn là họ giữ vững định hướng đúng đắn, miễn là họ làm tất cả những gì có thể một cách hợp lý.

Another question is as to the condition and fate of those whom we love after they are gone from our sight. There has been much terrible and unnecessary suffering because people worried about the condition of their children, of their parents, of those whom they loved most, because they were always uncertain exactly what was demanded, exactly what obscure conditions they must fulfil in order to grasp this elusive salvation and make certain that they had it. This salvation is thought by a large number of Christians to depend entirely upon one's believing or feeling that one is saved. It is a sort of salvation by hysteria, as it were; a man is saved because he thinks himself saved, because he feels himself so—a very strange idea.

Một câu hỏi khác là về tình trạng và số phận của những người thân yêu khi họ rời khỏi tầm nhìn của chúng ta. Đã có rất nhiều nỗi đau đớn và khổ sở không cần thiết bởi vì mọi người lo lắng về tình trạng của con cái họ, của cha mẹ họ, của những người họ yêu thương nhất, bởi vì họ luôn không chắc chắn chính xác những gì được yêu cầu, chính xác những điều kiện mơ hồ mà họ phải đáp ứng để đạt được sự cứu rỗi khó nắm bắt này và bảo đảm rằng họ đã có nó. Sự cứu rỗi này được một số lượng lớn người Cơ Đốc cho là hoàn toàn phụ thuộc vào việc người ta có tin rằng mình được cứu hay không. Đó là một kiểu cứu rỗi bởi sự cuồng nhiệt, như thể là vậy; một người được cứu vì người đó nghĩ rằng mình được cứu, vì người đó cảm thấy như vậy—một ý tưởng rất kỳ lạ.

The Certainty of Evolution— Sự chắc chắn của Tiến hóa

We in Theosophy are clear, either for ourselves or (what is still more important) for those whom we love so dearly, of all this trouble about being saved; we know that there is nothing to be saved from except ignorance and error; that there is no wrath of God (impious phrase that it is) from which we are to try to escape; that the world is not governed

Trong Thông Thiên Học, chúng ta hoàn toàn sáng tỏ, dù là đối với bản thân hay (điều quan trọng hơn) đối với những người mà ta yêu thương sâu sắc, về tất cả những rắc rối liên quan đến sự cứu rỗi; chúng ta biết rằng không có gì cần được cứu trừ phi sự vô minh và sai lầm; rằng không có cơn thịnh nộ nào của Thượng Đế (một cụm từ bất kính) mà chúng ta

by some kind of omnipotent demon [369] who is always lying in wait to catch his unfortunate creatures, to cast them into eternal suffering for disobeying laws which they are practically incapable of obeying fully in their present surroundings and stage of evolution. We realize that all that is a childish fable, and that it is also a wicked and blasphemous fable; we know that on the contrary, the world is governed by a grand and beneficent Power whose Will is man's evolution; who is sweeping him ever onward and upward along the course that all must take sooner or later, and the sooner the better, for the Divine Will is that man shall grow. What is our weak will that it should ever prevail against That? We cannot but evolve; we cannot but grow better and better; the only question is, shall we throw ourselves into this great Divine scheme and work willingly with the Great Law which brings us here? If so, then not only will progress be easy for us, but we may be of great help in assisting our fellow creatures in their advance along this upward path; in helping evolution instead of hindering it.

cần cố gắng thoát khỏi; rằng thế giới không bị cai trị bởi một loại quỷ toàn năng [369] luôn rình rập để bắt giữ những sinh linh bất hạnh của mình và ném họ vào sự đau khổ vĩnh cửu vì không tuân thủ những luật lệ mà trong hoàn cảnh hiện tại và giai đoạn tiến hóa của mình họ hầu như không thể tuân thủ hoàn toàn. Chúng ta nhận ra rằng tất cả những điều đó chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn trẻ con, và đó cũng là một câu chuyện ngụ ngôn độc ác và báng bổ; chúng ta biết rằng ngược lại, thế giới được cai trị bởi một Quyền Lực vĩ đại và nhân từ, mà Ý Chí của Ngài là sự tiến hóa của con người; Ngài đang cuốn con người đi mãi mãi tiến lên và tiến cao dọc theo con đường mà tất cả sẽ phải đi, sớm muộn gì cũng phải đi, và càng sớm càng tốt, bởi Ý Chí Thiêng Liêng là con người phải trưởng thành. Ý chí yếu ớt của chúng ta có thể nào chống lại được điều đó? Chúng ta không thể không tiến hóa; chúng ta không thể không ngày càng trở nên tốt hơn; câu hỏi duy nhất là chúng ta có sẵn lòng dấn thân vào kế hoạch thiêng liêng này và hợp tác với Định Luật Vĩ Đại đã đưa chúng ta đến đây hay không? Nếu có, thì không những việc tiến bộ sẽ trở nên dễ dàng hơn với chúng ta, mà chúng ta còn có thể giúp đỡ rất nhiều trong việc hỗ trợ đồng loại trên con đường tiến hóa đi lên; giúp đỡ sự tiến hóa thay vì cản trở nó.

If, on the contrary, we set ourselves vainly and uselessly to struggle against this Divine Will, we shall still be swept on, but at the cost of much suffering, and instead of being helpful to those around us we shall hinder those who are unfortunate enough to fall under our evil influence. The wicked man, alike with the good man, must eventually pass from the human stage of evolution to a stage to us at present inconceivable. It is only that he gives himself much more trouble on the way; his will, which is set up against the Divine, has to be broken down again and again, until he realizes that he must take his part in the great

Ngược lại, nếu chúng ta vô ích và kiên quyết chống lại Ý Chí Thiêng Liêng này, chúng ta vẫn sẽ bị cuốn đi, nhưng với cái giá của rất nhiều đau khổ, và thay vì giúp đỡ những người xung quanh, chúng ta sẽ cản trở những người không may chịu ảnh hưởng xấu của chúng ta. Người ác, cũng như người thiện, cuối cùng phải vượt qua giai đoạn tiến hóa của loài người để đạt đến một giai đoạn mà hiện tại chúng ta không thể hình dung được. Chỉ có điều là anh ta tự gây ra cho mình nhiều rắc rối hơn trên con đường đó; ý chí của anh ta, vốn chống lại ý chí Thiêng Liêng, phải bị phá vỡ hết lần này đến lần khác, cho đến khi anh ta nhận ra rằng anh

work for man. So there is no question of salvation. The only question is that the system should be explained to man, that he should be induced to realize [370] it, so that he may throw himself intelligently into the scheme, and work with the great Divine Force instead of against it. It is easy to see what an enormous difference that conception makes in life.

ta phải tham gia vào công việc vĩ đại dành cho nhân loại. Vì vậy, không có vấn đề về sự cứu rỗi. Vấn đề duy nhất là hệ thống này cần được giải thích cho con người, để anh ta nhận ra [370] nó, nhờ đó anh ta có thể tự nguyện dấn thân vào kế hoạch đó, và hợp tác với Lực Thiêng Liêng vĩ đại thay vì chống lại nó. Rất dễ thấy được sự khác biệt to lớn mà khái niệm này mang lại cho cuộc sống.

Many of the best people among us are perpetually overcome with the feeling of the sorrow and suffering and misery of the world; they see man fighting and warring in all directions against the good and the true; they see so much evil; that they fear that nothing can be done with the world; they almost despair of Divine Power; and out of that, perhaps has grown up the terrible blasphemy that the Christ, the Saviour of mankind, can succeed in saving only a mere handful, and is obliged to confess failure by allowing nine hundred and ninety-nine out of every thousand to be captured by his supposed enemy! A curious and a most unworthy idea; but people do not realize it. Some rather exult in the selfish thought that only a few are to be saved (so long, be it understood, as they are of the few). The truth is ever grander far than any man's conception of it; and we may well say that the true Christ within us is the Saviour of all; but it is of all, and not only of a few.

Nhiều người trong số những người tốt nhất trong chúng ta luôn bị choáng ngợp bởi cảm giác buồn bã và đau khổ của thế giới; họ thấy con người đấu tranh và chiến đấu ở mọi hướng chống lại điều thiện và điều đúng đắn; họ thấy quá nhiều cái ác, đến nỗi họ lo sợ rằng không có gì có thể thay đổi được thế giới; họ gần như tuyệt vọng trước Quyền Lực Thiêng Liêng; và từ đó, có lẽ, đã nảy sinh một sự báng bổ khủng khiếp rằng Đức Christ, Đấng Cứu Rỗi nhân loại, chỉ có thể cứu một nhóm nhỏ, và phải thừa nhận sự thất bại bằng cách để chín trăm chín mươi chín trên mỗi ngàn người bị kẻ thù tưởng tượng của Ngài bắt giữ! Một ý tưởng kỳ lạ và không xứng đáng; nhưng con người không nhận ra điều đó. Một số người thậm chí còn hân hoan trong ý nghĩ ích kỷ rằng chỉ có một số ít sẽ được cứu (miễn là, được hiểu, họ thuộc số ít đó). Sự thật luôn luôn vĩ đại hơn nhiều so với bất kỳ sự hiểu biết nào của con người; và chúng ta có thể khẳng định rằng Đức Christ đích thực trong chúng ta là Đấng Cứu Rỗi của tất cả; nhưng là của tất cả, chứ không chỉ của một số ít.

This is a scheme, not of occasional and partial salvation, not even of "eternal hope," as Canon Farrar put it, but of eternal certainty. We know that all must, in the end, stand by the side of the Divine. There is no escape from it, because that is His will. Now this removes at once from our horizon all the uncertainty that surrounds religion. In Theosophy we do not hope that we may be saved; we know that

Đây là một kế hoạch, không phải của sự cứu rỗi thi thoảng và từng phần, thậm chí không phải là "hy vọng vĩnh cửu" như Canon Farrar đã nói, mà là của sự chắc chắn vĩnh cửu. Chúng ta biết rằng cuối cùng tất cả phải đứng bên cạnh Đấng Thiêng Liêng. Không thể thoát khỏi điều đó, bởi vì đó là Ý Chí của Ngài. Điều này ngay lập tức xóa bỏ mọi sự không chắc chắn xung quanh tôn giáo của chúng ta. Trong Thông

eternal advancement and gain will come to all; that progress is a necessity and is the immutable law of the Universe; and that if we do the best that we can under the circumstances in which we find ourselves, we are in a small way helping on that eternal [371] progress of humanity as a whole. And so all those of us who grasp the thing thoroughly are infinitely happier and more contented than those who still grope in that commonplace and truly irreligious condition of uncertainty. We see our way clearly before us. We are fallible and human, like other men, and we often fail to rise to that which we know; we often fall by the way; we often make mistakes, just as other people do; but this advantage at least we have—that we know what to do; we have the whole thing clear before us; and we do not become the victims of despair because it happens to us as to others to fall away sometimes.

Thiên Học, chúng ta không hy vọng rằng mình có thể được cứu; chúng ta biết rằng sự tiến bộ và thành tựu vĩnh cửu sẽ đến với tất cả; rằng sự tiến hóa là điều tất yếu và là định luật bất biến của Vũ trụ; và rằng nếu chúng ta làm tốt nhất trong hoàn cảnh mà chúng ta tìm thấy bản thân, thì chúng ta đang ở một mức độ nhỏ nào đó giúp đẩy nhanh [371] sự tiến bộ vĩnh cửu của nhân loại nói chung. Và vì vậy, tất cả những ai nắm bắt được điều này một cách trọn vẹn sẽ vô cùng hạnh phúc và mãn nguyện hơn so với những người vẫn còn dò dẫm trong trạng thái không chắc chắn thông thường và thực sự thiếu tín ngưỡng đó. Chúng ta thấy rõ con đường phía trước. Chúng ta cũng giống như những con người khác, dễ sai lầm và nhân bản, và chúng ta thường thất bại trong việc vươn tới những gì mình biết; chúng ta thường ngã trên đường; chúng ta thường mắc sai lầm, giống như người khác; nhưng chúng ta có ít nhất một lợi thế—đó là chúng ta biết phải làm gì; chúng ta nhìn rõ toàn bộ sự việc trước mắt; và chúng ta không trở thành nạn nhân của tuyệt vọng chỉ vì chúng ta đôi khi vấp ngã như những người khác.

Although a man, having set a goal before himself, may fall a thousand times on the way towards it, yet it would not only be useless, it would be unwise and wrong for him to despair, because each man must always go forward from where he stands; it is no use trying to take someone else's position. If he falls, he picks himself up again; he goes on once more. No matter how often he may fall, still he must get up and go on again, because this road of progress has to be trodden. So it is no use sitting down and saying "I can't." We shall have to do it one time or another, and the sooner we begin, therefore, the better for us—not only because it will be easier for us now than it will be if we leave the effort till later; but chiefly because, if we make the effort now, if we succeed in making some progress, if we

Dù một người đã đặt ra cho mình một mục tiêu, có thể vấp ngã hàng ngàn lần trên con đường đạt tới nó, thì việc anh ta tuyệt vọng không chỉ vô ích mà còn không khôn ngoan và sai lầm, vì mỗi người luôn phải tiến lên từ nơi mà mình đang đứng; không có ích gì khi cố gắng chiếm lấy vị trí của người khác. Nếu anh ta vấp ngã, anh ta lại đứng dậy; và tiếp tục tiến lên một lần nữa. Dù anh ta có ngã bao nhiêu lần đi chăng nữa, anh ta vẫn phải đứng dậy và đi tiếp, bởi vì con đường tiến hóa này phải được bước qua. Vì vậy, không có ích gì khi ngồi xuống và nói rằng "Tôi không thể." Chúng ta sẽ phải làm điều đó vào một lúc nào đó, và càng sớm bắt đầu thì càng tốt cho chúng ta—không chỉ vì nó sẽ dễ dàng hơn cho chúng ta bây giờ so với nếu chúng ta để lại nỗ lực đó đến sau này; mà chủ yếu là vì, nếu chúng ta nỗ lực

rise to some higher level, then we are in a position to hold out a helping hand to those who have not yet reached so high a step of the ladder as we have gained. In that way we can take part in the great divine work of evolution —every one of us, because every person has his own position and his own opportunities; no matter how long his present status may be, there is someone still lower, someone to whom he [372] can hold out a helping hand, someone to whom he can be useful. So it is that at whatever stage of evolution we may be, we can always be of some use in the position in which we then are. Here we have a whole mass of considerations showing us the great advantage that we gain from this Theosophical view of life.

ngay bây giờ, nếu chúng ta thành công trong việc đạt được một số tiến bộ, nếu chúng ta vươn lên một mức độ cao hơn, thì chúng ta có thể đưa tay ra giúp đỡ những người chưa đạt đến bước cao như chúng ta. Bằng cách đó, chúng ta có thể tham gia vào công việc vĩ đại của tiến hóa—mỗi người trong chúng ta, vì mỗi người đều có vị trí và cơ hội của riêng mình; dù vị trí hiện tại của chúng ta có kéo dài bao lâu, vẫn có ai đó ở phía dưới, có ai đó mà chúng ta [372] có thể đưa tay ra giúp đỡ, có ai đó mà chúng ta có thể hữu ích. Vì vậy, dù chúng ta đang ở giai đoạn tiến hóa nào, chúng ta luôn có thể hữu ích ở vị trí mà chúng ta đang đứng. Ở đây chúng ta có rất nhiều cân nhắc cho thấy lợi ích to lớn mà chúng ta đạt được từ quan điểm Thông Thiên Học về cuộc sống.

Again, a man has some thought which is constantly in his mind, which is perpetually recurring to him. By the Theosophical teaching, he realizes that he is building up all round him a thought-form which will constantly react upon him, which will tend to set up vibrations similar to its own in his mind-body, and so to recall itself to him again and again, to intensify itself, to become such a habit to him that he will presently find it almost impossible to throw it aside or to get rid of it. Knowing this, he sees the immense importance of controlling his thought, so that he may always surround himself with good and not with evil; with thought-forms that will help on his upward path, and not hinder him or drag him back. And from all this it comes also that nothing is unimportant to him. He learns that he must be accurate and careful in small matters as well as in great; he sees that though the man of the world may often throw aside the less important matters, as he thinks—although such a man may say to himself, “This work is not well done, but never mind, it will do; we must manage with it”—he realizes that the occult student cannot afford

Hơn nữa, một người có một ý nghĩ nào đó luôn hiện hữu trong tâm trí, luôn quay trở lại với anh ta. Bằng giáo lý Thông Thiên Học, anh ta nhận ra rằng anh ta đang tạo dựng xung quanh mình một hình tư tưởng sẽ liên tục phản ứng lại với anh ta, sẽ có xu hướng tạo ra những rung động tương tự trong thể trí của mình, và do đó gợi nhớ lại ý nghĩ đó hết lần này đến lần khác, để tăng cường nó, khiến nó trở thành thói quen đối với anh ta đến mức anh ta sẽ sớm thấy gần như không thể vứt bỏ nó hoặc thoát khỏi nó. Biết được điều này, anh ta nhận thấy tầm quan trọng to lớn của việc kiểm soát suy nghĩ của mình, để anh ta luôn tự bao quanh mình với điều thiện và không với điều ác; với những hình tư tưởng sẽ giúp đỡ anh ta trên con đường đi lên, và không cản trở hay kéo anh ta trở lại. Và từ tất cả điều này, cũng xuất hiện rằng không có điều gì là không quan trọng đối với anh ta. Anh ta học được rằng mình phải chính xác và cẩn thận trong những việc nhỏ nhặt cũng như trong những việc lớn; anh ta thấy rằng mặc dù người đời thường bỏ qua những vấn đề ít quan trọng hơn, theo ý họ —mặc dù một người như vậy có thể tự nhủ rằng, "Công việc này không được làm tốt,

to take that line; that whatever he does, he must do thoroughly; as the Christians tell you, “as unto the Lord and not as unto men.” And that is true, because he does it not that other people may see it; he does it well in order that it may be well done; that the thing to which he has set his hand may be a perfect piece of work, or as nearly perfect as he can make it. He cannot afford to neglect [373] the smaller matters of life, but they also, as far as he does them all, must be well and neatly done, and accurate and pure and true. So we see that the whole of his life is moulded by his Theosophical knowledge.

nhưng không sao, cứ làm vậy thôi; chúng ta phải xoay xở với nó"—anh ta nhận ra rằng môn sinh huyền môn không thể coi thường theo cách đó; rằng bất cứ điều gì anh ta làm, anh ta phải làm một cách triệt để; như người Cơ Đốc giáo thường nói, “như làm cho Chúa và không phải cho người.” Và điều đó đúng, bởi vì anh ta không làm điều đó để người khác thấy; anh ta làm điều đó tốt để nó được thực hiện tốt; để điều mà anh ta đã bắt tay vào làm là một tác phẩm hoàn hảo, hoặc gần như hoàn hảo nhất có thể. Anh ta không thể bỏ qua [373] những vấn đề nhỏ nhặt của cuộc sống, nhưng chúng cũng vậy, trong chừng mực anh ta làm chúng, đều phải được thực hiện tốt và gọn gàng, chính xác và trong sạch và chân thật. Vì vậy, chúng ta thấy rằng toàn bộ cuộc sống của anh ta được định hình bởi kiến thức Thông Thiên Học của mình.

Our Attitude Towards Humanity— Thái độ của chúng ta đối với Nhân loại

Let us now turn to consider the attitude which he finds himself compelled to adopt toward his fellow-men. He knows that all are truly but one; that on a higher plane where space and time and form as we know them down here do not exist, there is a real spiritual brotherhood. There is more than a brotherhood, there is a unity; and since all are one on those higher spiritual planes, all are truly brothers down here on this plane, however little it may seem so, however little it may be recognized, where race wars against race; where creed hates creed; where classes and castes are ever struggling, the one against the other; where competition is rampant; where dishonesty so often takes the place of fair dealing. Yet when he once realizes this spiritual unity above, he knows that in this world also in real truth, the interest of one can never be opposed to the interest of all; that no true gain can be made by one man which is not made in the name of and for the sake of all humanity; that one

Bây giờ, chúng ta hãy chuyển sang xem xét thái độ mà anh ta thấy mình bị buộc phải áp dụng đối với đồng loại của mình. Anh ta biết rằng tất cả thực sự chỉ là một; rằng trên một cõi cao hơn, nơi không có không gian, thời gian, và hình thức như chúng ta biết ở đây, tồn tại một tình huynh đệ tinh thần thực sự. Hơn cả tình huynh đệ, đó là sự hợp nhất; và bởi vì tất cả đều là một trên những cõi tinh thần cao hơn đó, tất cả đều thực sự là anh em ở cõi này, dù điều đó có vẻ ít như thế nào, dù ít được công nhận, nơi mà chủng tộc đối kháng chủng tộc; nơi mà tín ngưỡng thù hận tín ngưỡng; nơi mà các tầng lớp và giai cấp luôn đấu tranh, bên này chống lại bên kia; nơi mà sự cạnh tranh hoành hành; nơi mà sự không trung thực thường thay thế cho sự công bằng. Tuy nhiên, một khi anh ta nhận ra sự hợp nhất tinh thần trên cao, anh ta biết rằng ngay cả trong thế giới này, sự thật thực sự là, lợi ích của một người không bao giờ có thể mâu thuẫn với lợi ích của tất cả; rằng không có sự tiến bộ chân thực nào

man's progress must be a little lifting of the burden of all others; and that one man's advance in spiritual things means a slight, yet not imperceptible advance to humanity as a whole; that every one who bears sorrow and suffering nobly in his struggle towards the light is lifting a little of the heavy load of the sorrow and the suffering of his brothers as well.

mà một người đạt được mà không đạt được nhân danh và vì lợi ích của toàn nhân loại; rằng sự tiến bộ của một người phải là một chút nâng đỡ gánh nặng của tất cả những người khác; và rằng sự tiến bộ của một người trong những điều tinh thần nghĩa là một sự tiến bộ nhẹ nhàng nhưng không thể không nhận ra đối với toàn nhân loại; rằng mỗi người chịu đựng nỗi buồn và đau khổ một cách cao quý trong cuộc đấu tranh hướng về ánh sáng đều đang gánh vác một phần nhỏ của gánh nặng nỗi buồn và đau khổ của anh em mình.

When he recognizes this brotherhood, not merely as a hope cherished by despairing men, but as a fact following in scientific series from all other facts; when he sees this [374] as a certainty, how different his attitude must be towards all those round about him—an attitude ever of helpfulness, ever of the deepest sympathy; a realization that nothing which clashes with their higher interest can ever be the right thing for him to do, or can ever be good for him in any way. All this gives him a higher and wider view; and to him the problems of life look far less complicated, and far more hopeful and clear than they seem to the ordinary man.

Khi anh ta nhận ra tình huynh đệ này, không chỉ như một hy vọng được nuôi dưỡng bởi những con người tuyệt vọng, mà như một sự thật theo một chuỗi khoa học từ tất cả những sự thật khác; khi anh ta thấy điều này [374] là một sự chắc chắn, thái độ của anh ta đối với tất cả những người xung quanh sẽ khác biệt như thế nào—một thái độ luôn sẵn lòng giúp đỡ, luôn có sự đồng cảm sâu sắc nhất; một sự nhận thức rằng không điều gì mâu thuẫn với lợi ích cao hơn của người khác có thể là điều đúng đắn đối với anh ta, hoặc có thể tốt cho anh ta bằng bất kỳ cách nào. Tất cả điều này mang lại cho anh ta một tầm nhìn cao hơn và rộng hơn; và đối với anh ta, những vấn đề của cuộc sống trở nên ít phức tạp hơn và hy vọng hơn và rõ ràng hơn nhiều so với những gì mà con người bình thường thấy.

Thus his attitude towards his fellows will be ever one of the widest tolerance and charity. Tolerance, because his philosophy shows him that it matters little what a man believes, so long as he is a good man and true; charity, because his wider knowledge enables him to make allowance for many things which the ordinary man does not understand. The standard of the occult student as to right and wrong is always higher than that of the less instructed man, yet he is far gentler than the latter in his feeling towards the sinner,

Do đó, thái độ của anh ta đối với đồng loại sẽ luôn là sự bao dung và bác ái rộng rãi nhất. Bao dung, bởi vì triết lý của anh ta cho thấy rằng điều một người tin vào không quan trọng nhiều, miễn là người đó là một người tốt và chân thật; bác ái, bởi vì kiến thức rộng hơn của anh ta cho phép anh ta thông cảm với nhiều điều mà người bình thường không hiểu. Tiêu chuẩn của môn sinh huyền môn về đúng và sai luôn cao hơn so với người ít học thức hơn, nhưng anh ta lại nhẹ nhàng hơn nhiều trong cảm nhận của mình đối với kẻ tội lỗi, bởi vì anh

because he comprehends more of human nature. He realizes how the sin appeared to the sinner at the moment of its commission, and so he makes more allowances than the man who is ignorant of all this.

He goes further than tolerance, charity, sympathy; he feels positive love towards mankind, and that leads him to adopt a position of ever-watchful helpfulness. The child who deeply loves his mother is always watching for an opportunity of doing some little thing for her—something that he knows will please her or save her trouble. It is just that attitude of watching for an opportunity to help which the occultist adopts towards his fellows. He realizes that every contact with others is such an opportunity. When a new friend comes into his life, when a child is born into his family, when a servant [375] becomes a member of his household, he at once begins to consider what he can do for them, and how he can be a useful influence in their lives.

Theosophy brings him so much additional knowledge, that there is hardly any case in which it does not enable him to give advice or help. Not that it would be wise to be perpetually thrusting his opinions upon people; that is poor and tactless policy; indeed, it is one of the commonest mistakes made by the uninstructed. If the ordinary man happens to have a definite opinion, whether it be upon matters religious, political or social, or upon any of the other subjects of common discussion, he is forever endeavouring to force that opinion upon others and to make them think exactly as he does. The Theosophist knows that all this is a foolish waste of energy, and therefore he declines to argue. If anyone desires from him explanation or advice he is more than willing to give it; yet

ta hiểu hơn về bản chất con người. Anh ta nhận thức được cách mà tội lỗi hiện ra đối với người phạm tội vào lúc phạm tội, và do đó anh ta có nhiều sự thông cảm hơn so với người không biết về tất cả điều này.

Anh ta đi xa hơn sự bao dung, bác ái, và đồng cảm; anh ta cảm nhận tình yêu tích cực đối với nhân loại, và điều đó dẫn anh ta đến việc duy trì một thái độ luôn luôn tỉnh táo để giúp đỡ. Đứa trẻ yêu mẹ sâu sắc luôn quan sát để tìm cơ hội làm một điều gì đó nhỏ nhặt cho bà—một điều mà nó biết sẽ làm bà vui hoặc giúp bà bớt phiền lòng. Chính thái độ quan sát cơ hội giúp đỡ này là điều mà người huyền môn áp dụng đối với đồng loại của mình. Anh ta nhận ra rằng mỗi lần tiếp xúc với người khác đều là một cơ hội như vậy. Khi một người bạn mới bước vào cuộc đời anh ta, khi một đứa trẻ được sinh ra trong gia đình anh ta, khi một người giúp việc [375] trở thành thành viên trong gia đình của anh ta, anh ta ngay lập tức bắt đầu xem xét mình có thể làm gì cho họ, và làm thế nào anh ta có thể là một ảnh hưởng có ích trong cuộc sống của họ.

Thông Thiên Học mang lại cho anh ta nhiều kiến thức bổ sung đến mức hầu như không có trường hợp nào mà nó không cho phép anh ta đưa ra lời khuyên hoặc sự giúp đỡ. Không phải là khôn ngoan nếu cứ liên tục áp đặt quan điểm của mình lên người khác; đó là một chính sách kém cỏi và thiếu khéo léo; thực ra, đó là một trong những sai lầm phổ biến nhất mà người không được hướng dẫn thường mắc phải. Nếu một người bình thường tình cờ có một quan điểm rõ ràng, dù là về tôn giáo, chính trị, xã hội, hay bất kỳ chủ đề nào khác thường được thảo luận, người đó luôn cố gắng áp đặt quan điểm của mình lên người khác và khiến họ nghĩ giống như mình. Người Thông Thiên Học biết rằng tất cả điều này là một sự lãng phí năng lượng ngu ngốc, và do đó anh ta từ chối tranh cãi. Nếu ai đó mong muốn từ anh

he has no sort of wish to convert anyone else to his own way of thinking. There are many cases in which he cannot with advantage say anything, but his life at least shows the advantage of his creed, and is the greatest of all testimonies to the truth of Theosophy; because men say, “Here is one who is calm and serene in all troubles; here is a man who is ever helpful; who is always thinking, not of himself, but of others. What is the faith, what is the belief that makes him take this line? Surely it must be well worthy of our examination and of our consideration.” And so by the example of a noble life we lead others to the same safe harbour of peace which we ourselves have gained.

ta một lời giải thích hay lời khuyên, anh ta sẵn sàng hơn cả để đưa ra; nhưng anh ta không hề có mong muốn thay đổi suy nghĩ của người khác theo cách của mình. Có nhiều trường hợp anh ta không thể nói gì một cách có lợi, nhưng ít nhất cuộc sống của anh ta cũng chứng minh cho những lợi ích của tín ngưỡng của mình, và đó là chứng minh vĩ đại nhất cho sự thật của Thông Thiên Học; bởi vì mọi người sẽ nói, "Đây là một người bình tĩnh và thanh thản trong mọi khó khăn; đây là một người luôn sẵn lòng giúp đỡ; luôn nghĩ đến người khác, không phải chính mình. Đức tin gì, niềm tin gì đã khiến anh ta có được thái độ như vậy? Chắc chắn điều đó rất đáng để chúng ta xem xét và cân nhắc." Và vì vậy, qua tấm gương của một cuộc sống cao quý, chúng ta dẫn dắt người khác đến cùng bến cảng bình yên mà chúng ta đã đạt được.

Even those whom he meets only casually are not overlooked. As I mentioned in a previous lecture, even in riding in a railway carriage or an omnibus, the opportunity to do some good may arise. He may see a man [376] worried or in sorrow, and may send him helpful encouraging thought, and watch him brighten up under its influence. The result is not always immediately apparent, yet the friendly thought has done its work, and we should never forget that that work may be greater than the sender knows. The unfortunate stranger may have been upon the brink of despair, and just that encouraging thought may have saved him from insanity or suicide.

Ngay cả những người mà anh ta chỉ tình cờ gặp cũng không bị bỏ qua. Như tôi đã đề cập trong một bài giảng trước, ngay cả khi đi trên toa xe lửa hay xe buýt, cơ hội làm điều tốt cũng có thể xuất hiện. Anh ta có thể thấy một người đàn Ông [376] lo lắng hay buồn rầu, và gửi cho anh ta những suy nghĩ động viên đầy hy vọng, và quan sát người đó trở nên phấn chấn dưới ảnh hưởng của chúng. Kết quả không phải lúc nào cũng hiển hiện ngay lập tức, nhưng suy nghĩ thân thiện đó đã hoàn thành nhiệm vụ của nó, và chúng ta không bao giờ nên quên rằng công việc đó có thể lớn hơn nhiều so với những gì người gửi có thể biết. Người lạ xấu số có thể đã ở trên bờ vực của tuyệt vọng, và chính suy nghĩ động viên đó có thể đã cứu người đó khỏi sự điên loạn hoặc tự sát.

Think what a difference it would make to us if we all regarded life from that point of view—if we went through it looking for opportunities of doing good—asking, not “What can I gain? But, “What can I do?” Such an existence is far more interesting, infinitely

Hãy nghĩ xem cuộc sống của chúng ta sẽ khác biệt như thế nào nếu tất cả chúng ta đều nhìn nhận cuộc sống từ quan điểm đó—nếu chúng ta đi qua nó với sự tìm kiếm cơ hội để làm điều tốt—không hỏi “Tôi có thể đạt được gì?” mà hỏi, “Tôi có thể làm gì?” Một cuộc sống như vậy

fuller and wider than that of the unfortunate who is all the while wrapped up in narrow ideas of personal gain or loss, circumscribed by the limited horizon of his own petty troubles and sorrows.

thú vị hơn nhiều, vô cùng phong phú và rộng lớn hơn cuộc sống của những người kém may mắn, những người luôn bị bọc kín trong những ý tưởng hẹp hòi về lợi ích hay mất mát cá nhân, bị giới hạn bởi tầm nhìn hẹp của những khó khăn và nỗi buồn nhỏ bé của chính mình.

Thought-Control— Kiểm soát Tư tưởng

Yet another point. The occultist, in his relation to his fellow-men, bears in mind constantly that quest of thought-control of which I spoke. He knows that every thought to which he gives birth ends not with himself, but affects many others as well. He realizes that the vibrations which he sends forth from his mental body are reproducing themselves in the mental bodies of others all about him; that he is a source either of mental health or of mental ill to all with whom he comes in contact. Consider the condition of a man who is a source of evil thought. Take a simple case; suppose it is merely a man who is a source of low and sensual thought. That man knows that under ordinary conditions he must not allow these low and animal thoughts of his to find vent in words; he must not show to his friends or the community [377] his inner feeling in action, but often he does not realize that even his thought is a plague-spot; that he is going through the world as a centre of moral contagion. It is exactly the same thing, and exactly the same crime as it would be for one of us, who caught some infectious disease, to continue to go about among his fellow-men, with the disease hidden, scattering the seeds of pestilence on all sides. We know that that is a crime; we know that our laws would certainly deal stringently with such a case as that if they could get hold of it. It is a worse crime still for a man to go about scattering moral poison and moral infection, because that is more insidious, more devastating and

Một điểm khác nữa. Nhà huyền môn, trong mối quan hệ với đồng loại của mình, luôn ghi nhớ nhiệm vụ kiểm soát tư tưởng mà tôi đã nói đến. Anh ta biết rằng mỗi tư tưởng mà anh ta sinh ra không kết thúc với chính mình, mà còn ảnh hưởng đến nhiều người khác. Anh ta nhận ra rằng những rung động mà anh ta phát ra từ thể trí của mình đang tái tạo chính chúng trong các thể trí của những người xung quanh; rằng anh ta là nguồn gốc của sức khỏe trí tuệ hoặc bệnh tật trí tuệ đối với tất cả những ai mà anh ta tiếp xúc. Hãy xem xét tình trạng của một người là nguồn gốc của tư tưởng xấu xa. Lấy một trường hợp đơn giản; giả sử đó chỉ là một người có những tư tưởng thấp hèn và nhục dục. Người đó biết rằng trong điều kiện thông thường, anh ta không được phép để cho những tư tưởng thấp kém và thú tính của mình bộc lộ qua lời nói; anh ta không được phép thể hiện cảm xúc nội tâm của mình qua hành động trước bạn bè hoặc cộng đồng [377], nhưng thường thì anh ta không nhận ra rằng ngay cả tư tưởng của mình cũng là một điểm ô nhiễm; rằng anh ta đang đi khắp thế giới như một trung tâm lây nhiễm đạo đức. Điều đó hoàn toàn giống như, và cũng là tội ác giống như khi một người trong chúng ta mắc một bệnh truyền nhiễm nào đó, nhưng vẫn tiếp tục đi lại giữa đồng loại của mình, giấu kín căn bệnh đó và phát tán mầm bệnh ra xung quanh. Chúng ta biết rằng đó là một tội ác; chúng ta biết rằng luật pháp của chúng ta chắc chắn sẽ xử lý nghiêm khắc trường hợp đó nếu có thể bắt giữ được người đó. Tội ác còn nghiêm

more difficult to eradicate than any physical disease could be.

trọng hơn nữa là một người đi khắp nơi phát tán chất độc đạo đức và lây nhiễm tinh thần, vì đó là điều xảo quyệt hơn, tàn phá hơn và khó loại bỏ hơn bất kỳ bệnh tật thể chất nào.

Most especially is this a fact to be borne in mind by anyone who has in any way to do with children. Whether he be a parent, a teacher, or a guardian, if his fate brings him into the presence of a child, it is then his business, most emphatically, to set a watch not only over his words and his deeds, but over his thoughts as well. It would be a bad man, as we should all admit, that would give way to angry words or angry deeds before a child. The presence of the child would be a restraining factor. But what we do not realize is that our thoughts before the children have just as great a power; that the child-bodies are plastic and can easily be bent and moulded. A gymnast, for example, can take a little child and can train him to do all sorts of things with his plastic young limbs, which you or I could not now train ourselves into doing, no matter how long we might try. Just as that child's physical body is plastic and easily moulded, so is his astral body—his passions, feelings, and emotions; so is his mental body—the whole realm of his thought. Whenever through any grown-up person there passes a wave of [378] anger or a sensual emotion, assuredly that acts at once upon the plastic astral bodies of any children who are so unfortunate as to be in his neighbourhood; it excites in them a synchronous vibration, a predisposition to the anger or the sensuality, or whatever it may be. It may not be able immediately to call it forth in them, but it sets the vibration going in their astral vehicles, so that the next time any active cause approaches them, that vibration can more easily be aroused in them again.

Điều này càng đặc biệt đúng đối với bất kỳ ai có liên quan đến trẻ em. Dù anh ta là cha mẹ, giáo viên, hay người giám hộ, nếu số phận đưa anh ta đến với một đứa trẻ, thì nhiệm vụ của anh ta, mạnh mẽ nhất, là phải giám sát không chỉ lời nói và hành động, mà cả tư tưởng của mình. Chúng ta đều sẽ thừa nhận rằng một người xấu là người sẽ để cho lời nói hoặc hành động giận dữ bộc phát trước mặt một đứa trẻ. Sự hiện diện của đứa trẻ sẽ là một yếu tố kiềm chế. Nhưng điều chúng ta không nhận ra là tư tưởng của chúng ta trước mặt trẻ em có sức mạnh không kém; rằng thân thể trẻ nhỏ rất dẻo dai và dễ uốn nắn. Ví dụ, một huấn luyện viên thể dục có thể huấn luyện một đứa trẻ nhỏ thực hiện đủ loại động tác với những chi thể dẻo dai của nó, mà bạn hay tôi sẽ không thể tự huấn luyện mình làm được, dù có cố gắng bao lâu đi nữa. Cũng như thân thể vật lý của đứa trẻ dẻo dai và dễ uốn nắn, thể cảm dục của nó—những đam mê, cảm xúc và tình cảm của nó—cũng vậy; và thể trí của nó—toàn bộ thế giới tư tưởng của nó—cũng như vậy. Bất cứ khi nào qua một người trưởng thành có một làn sóng [378] giận dữ hay một cảm xúc nhục dục, chắc chắn nó sẽ ngay lập tức tác động lên các thể cảm dục dẻo dai của bất kỳ đứa trẻ nào không may ở gần đó; nó sẽ khơi dậy trong chúng một sự rung động tương ứng, một khuynh hướng đối với cơn giận dữ hoặc dục vọng, hay bất kỳ điều gì tương tự. Nó có thể không khơi dậy ngay lập tức trong chúng, nhưng nó sẽ kích hoạt sự rung động trong thể cảm dục của chúng, để khi có bất kỳ nguyên nhân nào xuất hiện gần đó, sự rung động đó có thể dễ dàng được khuấy động lại trong chúng.

In the same way, the person whose thoughts

Tương tự, người mà tư tưởng đầy tham vọng

are ambitious or selfish or worldly is also a source of evil influence; and if there be children near, be sure that their plastic mental bodies are impressed by it; that they are drinking it all in as a sponge draws up water; and though they are too young directly to reproduce it now, the seed sown will bear fruit in due season. Fortunately that is equally true of good thoughts. The person who surrounds his children with a constant halo of love and of affection will develop the love and affection in the children. The person whose thoughts are noble and unselfish and who takes care that no selfish or unworthy thought shall ever come near his child is at least doing his best to raise high and holy and noble thoughts in that child's mind, so soon as ever it is capable of vibrating in response to them.

hoặc ích kỷ hoặc trần tục cũng là một nguồn ảnh hưởng xấu; và nếu có trẻ em gần đó, hãy chắc chắn rằng các thể trí dẻo dai của chúng sẽ bị ấn tượng bởi điều đó; rằng chúng đang hấp thụ tất cả những điều đó như một miếng bọt biển hút nước; và mặc dù chúng còn quá nhỏ để trực tiếp tái tạo nó ngay bây giờ, hạt giống đã được gieo và sẽ sinh hoa kết trái đúng thời điểm. May mắn thay, điều này cũng đúng với những tư tưởng tốt. Người bao quanh con cái mình với một vầng hào quang của tình yêu và sự trìu mến sẽ phát triển tình yêu và sự trìu mến trong trẻ. Người có những tư tưởng cao quý và không ích kỷ và cẩn thận để không có tư tưởng ích kỷ hoặc không xứng đáng nào đến gần con mình, ít nhất đang làm hết sức để nâng cao những tư tưởng cao cả và thiêng liêng trong tâm trí đứa trẻ, ngay khi nó có khả năng rung động đáp lại.

It is a terrible sight to anyone who has the clairvoyant vision to see all these beautiful white child-souls and child-auras, and then a few years afterwards to see how they have been soiled and smirched and darkened by the selfish, impure and unholy thoughts of the adults around them. It is only the clairvoyant who knows how enormously and how rapidly child-characters would improve if only adult characters were better.

Đó là một cảnh tượng khủng khiếp đối với bất kỳ ai có khả năng thông nhãn khi nhìn thấy tất cả những linh hồn và hào quang trẻ thơ đẹp đẽ này, và sau đó vài năm nhìn thấy chúng đã bị làm ô uế, vấy bẩn và tối tăm bởi những tư tưởng ích kỷ, bất tịnh và không thiêng liêng của người lớn xung quanh. Chỉ có người thông nhãn mới biết được mức độ và tốc độ cải thiện của tính cách trẻ em sẽ diễn ra nhanh chóng như thế nào nếu chỉ cần tính cách của người lớn tốt hơn.

There again is a subject of vast importance; one [379] upon which I have written elsewhere—that of our relation to children; our duties towards them, and the way in which we are acting upon them whether we will or not; but that is not part of our present subject. Still, we see there again what a fundamental difference the Theosophical teaching makes to a man; how he realizes his responsibilities, and how careful, therefore, he must become as to even his innermost thoughts and feelings, not only for his own

Một lần nữa, đó là một chủ đề quan trọng; một chủ đề [379] mà tôi đã viết ở nơi khác—về mối quan hệ của chúng ta với trẻ em; về trách nhiệm của chúng ta đối với chúng, và cách chúng ta tác động đến chúng dù chúng ta có muốn hay không; nhưng đó không phải là chủ đề hiện tại của chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta lại thấy sự khác biệt cơ bản mà giáo lý Thông Thiên Học mang lại cho con người; anh ta nhận ra trách nhiệm của mình, và do đó anh ta phải trở nên cẩn thận như thế nào ngay cả với những tư tưởng và cảm xúc sâu thẳm nhất

sake, but for that of his fellow-men also.

In every relation of life this idea of helpfulness comes in. For example, we have around us a vast animal kingdom brought often into close relation with us. Why is it brought into that relation? Only to offer us an opportunity of doing something for it; for remember that these animals also are our brothers, although they are younger brothers; it is the same Divine Life which animates them, although it is a later wave, a less developed outpouring; still they are our brothers, and we owe a fraternal duty to them also—so to think and act that our relation with them shall always be for their good and not for their harm.

There is no reason why the horse and other creatures should not work for man, because in that working their intelligence and devotion are evoked; always provided that there be no cruelty, no overworking, nothing that can hinder the evolution of the animal, but only that which can help it. The work may be done, and well done, but the animal must always be kindly treated; he must always be encouraged to develop his intelligence and his feeling of love and devotion toward his master.

In so many cases man has misused his relation to the animal kingdom; he has ruled it by fear not by love, he has tortured many of the creatures which serve him, he has trained them into bad habits in order to pander to [380] his own evil passions and his lust for cruelty. He has taken a noble animal like the dog and degraded him below the level of the wolf from which he was evolved; he has

của mình, không chỉ vì lợi ích của bản thân, mà còn vì lợi ích của đồng loại.

Trong mọi mối quan hệ của cuộc sống, ý tưởng giúp đỡ này xuất hiện. Ví dụ, chúng ta có một vương quốc động vật rộng lớn xung quanh mình, thường được đưa vào mối quan hệ gần gũi với chúng ta. Tại sao nó lại được đưa vào mối quan hệ đó? Chỉ để cho chúng ta một cơ hội làm điều gì đó cho chúng; hãy nhớ rằng những động vật này cũng là anh em của chúng ta, mặc dù chúng là những người anh em trẻ hơn; đó là cùng một Đời Sống Thiêng Liêng đang hoạt động trong chúng, dù là một làn sóng sau này, một dòng tuôn trào kém phát triển hơn; chúng vẫn là anh em của chúng ta, và chúng ta cũng có một trách nhiệm huynh đệ đối với chúng—phải nghĩ và hành động sao cho mối quan hệ của chúng ta với chúng luôn mang lại điều tốt và không gây hại cho chúng.

Không có lý do gì khiến ngựa và các sinh vật khác không làm việc cho con người, bởi vì trong quá trình làm việc đó, trí thông minh và sự tận tụy của chúng được khơi dậy; với điều kiện luôn đảm bảo rằng không có sự tàn ác, không làm việc quá sức, không có điều gì có thể cản trở sự tiến hóa của con vật, mà chỉ có điều có thể giúp đỡ nó. Công việc có thể được thực hiện, và thực hiện tốt, nhưng con vật phải luôn được đối xử tốt; nó phải luôn được khuyến khích phát triển trí thông minh và cảm giác yêu thương và tận tụy đối với chủ nhân của mình.

Trong rất nhiều trường hợp, con người đã lạm dụng mối quan hệ của mình với vương quốc động vật; anh ta đã cai trị chúng bằng nỗi sợ hãi chứ không phải bằng tình yêu, anh ta đã tra tấn nhiều sinh vật phục vụ mình, anh ta đã huấn luyện chúng vào những thói quen xấu để thỏa mãn [380] những đam mê xấu xa của mình và ham muốn tàn ác của mình. Anh ta đã lấy một loài động vật cao quý như loài chó

taught him to hunt, not for the sake of food, but for the pure lust of killing, which no wild animal ever does; and thus he has created in him an instinct of destruction which it will take many ages and much suffering to eradicate. Never should we develop in any animal the evil qualities of fear, of ferocity, or of hatred, but always intelligence, devotion and love. In all cases and with all forms of life our business is to help, and to try to bring nearer the golden age when all shall understand one another and all shall co-operate in the glorious work that is to come.

và làm cho nó trở nên thấp kém hơn cả loài sói mà nó đã tiến hóa từ đó; anh ta đã dạy nó săn mồi, không phải vì thức ăn, mà chỉ vì ham muốn giết chóc thuần túy, điều mà không một loài động vật hoang dã nào làm; và bằng cách đó anh ta đã tạo ra trong nó một bản năng hủy diệt mà sẽ mất nhiều thời đại và rất nhiều đau khổ để loại bỏ. Chúng ta không bao giờ nên phát triển trong bất kỳ loài động vật nào những phẩm chất xấu xa của nỗi sợ hãi, sự hung dữ, hay sự căm ghét, mà luôn là trí thông minh, sự tận tụy và tình yêu thương. Trong mọi trường hợp và với mọi hình thức sự sống, công việc của chúng ta là giúp đỡ, và cố gắng đưa đến gần hơn thời kỳ hoàng kim khi tất cả sẽ hiểu nhau và tất cả sẽ hợp tác trong công việc vinh quang đang chờ đón.

Finally, we must regard everything from the higher standpoint and not from the lower; whenever we find a struggle going on within us—that "law of the members warring against the law of the mind," as St. Paul puts it, we should remember that we ourselves are the higher, and that this, which is the lower, is not the real self, but merely an uncontrolled part of one of its vehicles. We must identify ourselves never with the lower, but always with the higher; we must stand on its side, realizing that the soul is the true man, instead of taking the upside down attitude which is shown in our common expression when we speak of "my soul" as though this body were I, and the soul something belonging to it. Far more true is the Hindu form of speech, "My body is tired; my body is hungry." However strange it sounds to us, that form of words represents the truth, and ours is entirely wrong. It shows how far the general sense of the time has departed from the true knowledge, when we speak of the soul as an appanage of the body, instead of realizing that the body is only a partial expression of the soul; [381] an instrument which is to be

Cuối cùng, chúng ta phải nhìn nhận mọi thứ từ quan điểm cao hơn chứ không phải thấp hơn; bất cứ khi nào chúng ta thấy có một cuộc đấu tranh bên trong—điều mà Thánh Phao-lô gọi là "luật của các chi thể đối kháng với luật của trí"—chúng ta nên nhớ rằng bản thân chúng ta chính là phần cao hơn, và điều này, phần thấp hơn, không phải là cái tôi thực sự, mà chỉ là một phần không được kiểm soát của một trong các phương tiện của nó. Chúng ta không bao giờ được đồng nhất mình với phần thấp hơn, mà luôn là với phần cao hơn; chúng ta phải đứng về phía nó, nhận ra rằng linh hồn là con người chân thực, thay vì có thái độ đảo lộn như được thể hiện trong cách diễn đạt thông thường của chúng ta khi nói "linh hồn của tôi" như thể thân thể này là tôi, và linh hồn là cái gì đó thuộc về nó. Cách diễn đạt của người Hindu "Thân thể của tôi mệt; thân thể của tôi đói" đúng sự thật hơn nhiều. Mặc dù điều đó nghe có vẻ lạ lùng đối với chúng ta, nhưng cách diễn đạt đó phản ánh sự thật, còn cách của chúng ta hoàn toàn sai. Điều đó cho thấy cảm nhận chung của thời đại đã xa rời tri thức chân thực đến mức nào khi chúng ta nói về linh hồn như một thuộc tính của thân thể,

governed by the soul and kept in order by it, and not allowed, like an unruly horse, to run away from its master.

thay vì nhận ra rằng thân thể chỉ là một biểu hiện một phần của linh hồn; [381] một công cụ phải được cai quản bởi linh hồn và được giữ trong trật tự bởi nó, chứ không phải được phép, như một con ngựa bướng bỉnh, chạy khỏi chủ nhân của mình.

These are some of the ways in which we find that our belief affects our every-day life; this is something of what we gain from Theosophy. We learn that this grand law of evolution, which is an expression of the Divine Will and Life and Being, is yet something in which we ourselves can take our humble part; that there is not one of us but can be a channel for its power; not one of us but can help in the great work that lies before us. And so we learn to be ever on the watch for opportunities to help; ever ready to render it in the most unexpected directions and to the most unlikely people; because we realize that to help on this magnificent scheme of evolution is to be a fellow-worker with God, a co-operator with the purpose of the Logos; and this we hold to be the highest honour and the greatest privilege that can ever fall to the lot of man.

Đây là một số cách mà chúng ta nhận thấy rằng niềm tin của chúng ta ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày; đây là một phần của những gì chúng ta thu được từ Thông Thiên Học. Chúng ta học được rằng định luật tiến hóa vĩ đại này, vốn là sự biểu hiện của Ý Chí, Đời Sống, và Bản Thể Thiêng Liêng, cũng là điều mà chính chúng ta có thể tham gia một cách khiêm nhường; rằng không có ai trong chúng ta mà không thể trở thành một kênh dẫn cho sức mạnh của nó; không có ai trong chúng ta mà không thể giúp đỡ trong công việc vĩ đại đang chờ đón chúng ta. Và vì vậy chúng ta học được cách luôn sẵn sàng tìm kiếm cơ hội để giúp đỡ; luôn sẵn sàng cung cấp sự giúp đỡ theo những hướng bất ngờ nhất và cho những người tưởng chừng không thể; bởi vì chúng ta nhận ra rằng để giúp đỡ kế hoạch tiến hóa tuyệt vời này là trở thành một đồng nghiệp với Thượng Đế, một người hợp tác với mục đích của Thượng Đế; và chúng ta coi đó là danh dự cao nhất và đặc ân lớn nhất mà con người có thể có được.

CHAPTER XIV - THE GOSPEL OF WISDOM
PHÚC ÂM CỦA MINH TRIẾT

[383] The word gospel is usually associated with one particular form of faith only, with one particular story of never-failing interest; so you may perhaps think its use in Theosophical teaching somewhat strange. I think if you will remember the real meaning of the word you will realize that it should not be so monopolised, for after all the gospel is only the "good spell," or the good news. Theosophy also has its good news to bring you; not the good news of salvation, indeed, but the still greater good news that there is nothing to be "saved" from except your own error and ignorance, that there is no Divine wrath from which you must escape, but that the whole world is moving on in one mighty and glorious order towards an end greater than the mind of man can conceive. This is not a poetic dream, not a mere flight of the imagination, but a certainty which can be seen and known, which can be examined scientifically by those who will take the trouble to prepare themselves for such an investigation. That is one piece of the good news or the gospel which Theosophy has to bring you.

[383] Từ "gospel" thường gắn liền với một hình thức tín ngưỡng đặc biệt, với một câu chuyện đặc biệt không bao giờ mất đi sự hấp dẫn; vì vậy, bạn có thể nghĩ rằng việc sử dụng nó trong giáo lý Thông Thiên Học có vẻ hơi lạ lẫm. Tôi nghĩ nếu bạn nhớ lại ý nghĩa thực sự của từ này, bạn sẽ nhận ra rằng nó không nên bị độc quyền như vậy, vì sau cùng, "gospel" chỉ là "good spell," hay tin tức tốt lành. Thông Thiên Học cũng có tin tức tốt lành để mang đến cho bạn; không phải là tin tức tốt về sự cứu rỗi, mà là tin tức còn tốt hơn nhiều, rằng không có gì để "được cứu" trừ phi đó là từ chính sai lầm và sự vô minh của bạn, rằng không có cơn thịnh nộ của Thượng Đế mà bạn phải trốn tránh, mà là toàn thế giới đang tiến tới trong một trật tự hùng mạnh và vinh quang hướng đến một mục tiêu lớn hơn bất cứ điều gì mà tâm trí con người có thể tưởng tượng. Đây không phải là một giấc mơ thi vị, không phải là một chuyến bay của trí tưởng tượng, mà là một sự chắc chắn có thể được nhìn thấy và biết đến, có thể được nghiên cứu khoa học bởi những ai chịu khó chuẩn bị cho một cuộc điều tra như vậy. Đó là một phần của tin tức tốt lành hay "gospel" mà Thông Thiên Học muốn mang đến cho bạn.

The translation of our name Theosophy is Divine Wisdom, and in the truest sense this divine wisdom has its gospel to bring to you and to everyone. Those of us who have been studying this wonderful philosophy for many years know how truly it has been a gospel to us, for it has changed the whole of our lives, it has taught us how to live and how to die, it has taught us to understand what is the vast scheme of which humanity forms [384] only a small part. The whole world is changed for us because of that knowledge and that wider comprehension. That there is sin, sorrow and

Bản dịch tên của chúng tôi, Thông Thiên Học, là Minh Triết Thiêng Liêng, và theo đúng nghĩa nhất, sự minh triết thiêng liêng này mang theo một phúc âm cho bạn và cho mọi người. Những người trong chúng tôi đã nghiên cứu triết lý tuyệt vời này trong nhiều năm biết rằng nó thực sự là một phúc âm đối với chúng tôi, vì nó đã thay đổi toàn bộ cuộc đời chúng tôi, nó đã dạy chúng tôi cách sống và cách chết, nó đã dạy chúng tôi hiểu rằng nhân loại [384] chỉ là một phần nhỏ trong kế hoạch vĩ đại. Toàn bộ thế giới đã thay đổi đối với chúng tôi nhờ kiến thức và sự hiểu biết sâu

suffering in the world we all know well; it seems so sordid, so piteous, so universal, that many of those whose hearts are filled with love and pity and desire to serve feel despair rising within them when they look round and see the condition of the world as it is today. If we had no key to the meaning of it all it would indeed seem that matters are hopeless and that there is nothing to be done, but when once we have the key we begin to understand, and the whole thing takes a different aspect. The great Masters of Wisdom and Compassion who so much desire to serve this orphan humanity, give us a veritable gospel, the good news from on high; for they say to us "Rise above all this, look upon it as a whole, and then you will understand it; do not look up from beneath at the underside of life, but rise above it to the higher planes of thought and consciousness and look down and understand; and then indeed you will see that there is good news, good news for all. Have you ever seen the great rapids of Niagara? Imagine the condition of some tiny insect swept down amidst the straws and fragments in that seething torrent! Think how it boils and foams and surges round, and think how that tiny insect would regard it all. To him that world of strife and stress would naturally seem all that there was and all that there could be, and as the water dashed backwards and forwards among the rocks he would sometimes feel himself being irresistibly carried up out of his natural course, against the downward current. Yet, if you stand on the banks of that magnificent gorge, and look down on that marvellous maelstrom of water below, you will see that all the time a majestic current is carrying the whole mass in one direction, and that although there may be [385] whirlpools where part of the water seems to be running backwards for the time, in reality the whirlpools and the straws and the insect are all being swept steadily onwards

rộng hơn đó. Rằng thế giới có tội lỗi, đau khổ và đau buồn là điều mà tất cả chúng ta đều biết rõ; nó có vẻ tầm thường, đáng thương, phổ biến đến mức nhiều người có trái tim tràn đầy tình yêu thương và lòng thương cảm, khao khát được phụng sự, cảm thấy tuyệt vọng khi nhìn quanh và thấy tình trạng của thế giới như hiện nay. Nếu chúng ta không có chìa khóa để hiểu tất cả điều này, thực sự mọi thứ sẽ có vẻ vô vọng và không có gì để làm được, nhưng một khi chúng ta có chìa khóa, chúng ta bắt đầu hiểu, và mọi thứ trở nên khác đi. Các Chân Sư Minh Triết và Từ Bi, những Đấng rất khao khát phụng sự nhân loại mồ côi này, mang đến cho chúng ta một phúc âm đích thực, những tin tức tốt lành từ trên cao; bởi vì họ nói với chúng ta rằng "Hãy vượt lên tất cả điều này, hãy nhìn vào toàn thể nó, và bạn sẽ hiểu; đừng nhìn lên từ bên dưới vào mặt trái của cuộc sống, mà hãy vươn lên cõi cao hơn của tư tưởng và tâm thức, rồi nhìn xuống và hiểu; và sau đó, thực sự bạn sẽ thấy rằng có tin tức tốt lành, tin tức tốt lành cho tất cả mọi người. Bạn đã bao giờ thấy những thác nước hùng vĩ của Niagara chưa? Hãy tưởng tượng tình trạng của một con côn trùng nhỏ bị cuốn trôi trong dòng nước sôi sục, giữa những đám rơm và mảnh vỡ! Hãy nghĩ xem nó sôi sục, bọt tung tóe và trào dâng như thế nào, và hãy nghĩ xem con côn trùng nhỏ đó sẽ nhìn nhận mọi thứ ra sao. Đối với nó, thế giới của cuộc chiến và căng thẳng đó sẽ tự nhiên có vẻ là tất cả những gì tồn tại và tất cả những gì có thể có, và khi nước xô lên và lùi lại giữa các tảng đá, đôi khi nó sẽ cảm thấy mình bị cuốn lên, ra khỏi dòng chảy tự nhiên, chống lại dòng chảy ngược. Tuy nhiên, nếu bạn đứng trên bờ của hẻm núi hùng vĩ đó, nhìn xuống xoáy nước tuyệt vời bên dưới, bạn sẽ thấy rằng toàn bộ thời gian, có một dòng chảy uy nghi đang cuốn toàn bộ khối nước theo một hướng, và mặc dù có thể có [385] xoáy nước, nơi một phần nước có vẻ như đang chảy ngược lại trong thời gian ngắn, nhưng thực ra, các xoáy nước, đám rơm

all the while by that tremendous torrent. Just like that is the view of the strife and sorrow and the trouble of this world which opens before the view of the man who raises his consciousness to a higher plane. He sees what seems to you to be evil, and notes how it is apparently pressing upwards against the great current of progress; and yet he sees that the onward sweep of the Divine law of evolution through the world is like that all-prevailing torrent, and that, in comparison to that, all these little backward currents of strife and stress are like the tiny whirlpool on the surface of the vast river, and that even though they seem to be flowing backwards, they are really being swept forwards all the time. But to see that we need the higher sight, we need to stand above the whirlpool of the lower world, we must get beyond the ignorance of that mind which is never steady. These things need the wisdom which comes from the Divine, and that is why it is the Divine Wisdom of Theosophy which brings us the good news that all is well; not only that all will be well in some far-distant future, but that even now at this moment in the midst of all the strife, the omnipotent current is flowing still, and so all is well because all is moving on in perfect order and with perfect certainty.

và con côn trùng vẫn đang bị cuốn đều đặn về phía trước bởi dòng chảy mạnh mẽ đó. Điều đó cũng giống như cái nhìn về cuộc đấu tranh, nỗi buồn và rắc rối của thế giới này mà mở ra trước mắt của người nâng cao tâm thức của mình lên một cõi cao hơn. Anh ta thấy những gì dường như với bạn là điều ác, và nhận thấy cách nó rõ ràng đang đẩy lên chống lại dòng chảy lớn của sự tiến bộ; và tuy nhiên anh ta thấy rằng dòng chảy của Định luật Tiến hóa Thiêng Liêng qua thế giới giống như dòng nước chảy mạnh mẽ không ngừng đó, và so với điều đó, tất cả những dòng chảy nhỏ ngược lại của cuộc đấu tranh và căng thẳng chỉ như xoáy nước nhỏ trên bề mặt dòng sông rộng lớn, và ngay cả khi chúng có vẻ đang chảy ngược, thì thực ra chúng vẫn đang bị cuốn trôi về phía trước suốt thời gian. Nhưng để thấy điều đó, chúng ta cần cái nhìn cao hơn, chúng ta cần đứng trên dòng xoáy của thế giới thấp hơn, chúng ta phải vượt qua sự vô minh của cái trí không bao giờ vững chắc. Những điều này cần đến sự minh triết đến từ Đấng Thiêng Liêng, và đó là lý do tại sao Minh Triết Thiêng Liêng của Thông Thiên Học mang đến cho chúng ta tin tức tốt lành rằng mọi thứ đều ổn; không chỉ rằng mọi thứ sẽ tốt đẹp trong một tương lai xa xôi, mà ngay cả bây giờ, giữa lúc tất cả những cuộc đấu tranh này, dòng chảy toàn năng vẫn đang tiếp tục, và do đó mọi thứ đều ổn vì tất cả đang tiến lên trong trật tự hoàn hảo và với sự chắc chắn hoàn hảo.

The sin and the sorrow and the suffering exist; I am not suggesting that these things are an illusion, though I know that that theory has been held by many. True, if we look down from the plane of the spirit we shall see how small all of this is in comparison with the greater life; yet on the physical plane it is true, and while it lasts it is suffering and it is sorrow; and the man who [386] sees most clearly what is the great truth that lies behind all this, is also the man whose sympathy is the

Tội lỗi, đau khổ và nỗi đau buồn vẫn tồn tại; tôi không gợi ý rằng những điều này là ảo ảnh, mặc dù tôi biết rằng lý thuyết đó đã được nhiều người ủng hộ. Đúng là nếu chúng ta nhìn từ cõi tinh thần, chúng ta sẽ thấy rằng tất cả những điều này đều nhỏ bé so với cuộc sống lớn lao hơn; nhưng trên cõi trần, chúng có thật, và khi chúng kéo dài, chúng là đau khổ và là nỗi buồn; và người [386] nhìn thấy rõ ràng nhất sự thật vĩ đại đằng sau tất cả điều này cũng là người có lòng cảm thông mạnh mẽ

strongest, whose understanding of his weaker brother is the clearest and the fullest, the most pitying and the most forgiving. Indeed, as a French writer has said: “Tout comprendre, c’est tout pardoner”—to understand all is to pardon all. The man who understands is the one who sympathizes the most fully; he realizes what a sublime gospel this wisdom has brought to him, and what it will bring to these poor sufferers also when they can rise to its comprehension. There is no department of our life in which this good news does not aid us, no moment of our existence at which it does not teach us something. We ourselves may mould our own lives when we understand the laws under which we are living. Even if it were for our own advantage alone, it would be necessary for us that we should grasp this law; but when once we see the transcendent scheme of the Logos, when once the reality and the truth of it all is borne in upon our vision, we forget ourselves and our petty interests, our sorrows and our sufferings. We rise above all thought of ourselves altogether, for we see the great, glorious, all-pervading, all-comprehending, all-satisfying and sustaining life, and it fascinates us with the Divinity and the power of it all. When once we have seen that, we think no more of ourselves for ever, for our thought has risen to a higher level, and all our strength is poured out in the service of our fellow-men.

nhất, người hiểu rõ nhất và đầy đủ nhất về người anh em yếu đuối của mình, với lòng thương cảm và tha thứ sâu sắc nhất. Thật vậy, như một nhà văn người Pháp đã nói: “Tout comprendre, c’est tout pardonner”—hiểu hết mọi điều là tha thứ mọi điều. Người hiểu là người cảm thông sâu sắc nhất; anh ta nhận ra rằng phúc âm cao cả này đã mang đến cho anh ta điều gì, và nó sẽ mang lại cho những người khốn khổ này điều gì khi họ có thể nâng cao sự hiểu biết để lĩnh hội nó. Không có lĩnh vực nào trong cuộc sống của chúng ta mà tin tức tốt lành này không giúp đỡ chúng ta, không có khoảnh khắc nào trong sự tồn tại của chúng ta mà nó không dạy chúng ta điều gì đó. Chúng ta có thể tự định hình cuộc sống của mình khi chúng ta hiểu các định luật mà chúng ta đang sống theo. Ngay cả khi đó chỉ là vì lợi ích riêng của chúng ta, thì việc nắm bắt định luật này là điều cần thiết; nhưng khi chúng ta đã nhìn thấy kế hoạch siêu việt của Thượng Đế, khi một khi sự thật và thực tại của nó thấm vào tầm nhìn của chúng ta, chúng ta quên đi bản thân và những mối quan tâm nhỏ nhặt của mình, nỗi đau và sự đau khổ của mình. Chúng ta vượt lên trên mọi ý nghĩ về bản thân, vì chúng ta thấy cuộc sống vĩ đại, huy hoàng, bao trùm tất cả, thấu hiểu tất cả, và duy trì tất cả, và nó mê hoặc chúng ta với sự thiêng liêng và sức mạnh của tất cả điều đó. Một khi chúng ta đã nhìn thấy điều đó, chúng ta không còn nghĩ đến bản thân mình nữa, vì suy nghĩ của chúng ta đã được nâng lên một cấp độ cao hơn, và toàn bộ sức mạnh của chúng ta được dồn vào việc phụng sự đồng loại.

We must see for ourselves, we must have the Divine Wisdom of Theosophy within us, that gospel must enter into our hearts; and then indeed we shall become preachers of that gospel, whether we will or not. For when we ourselves know this thing, even though we may never speak one word to other men, yet our very lives will show [387] forth the gospel

Chúng ta phải tự mình thấy, chúng ta phải có Minh Triết Thiêng Liêng của Thông Thiên Học trong lòng mình, phúc âm này phải đi vào trái tim chúng ta; và khi đó, thực sự chúng ta sẽ trở thành những người rao giảng phúc âm đó, dù chúng ta muốn hay không. Bởi vì khi chúng ta tự mình biết điều này, dù chúng ta không bao giờ nói một lời với người khác, nhưng chính

in which we believe, for the joy and the glory of it all will shine through us, and our life will be perfect happiness to ourselves, and a centre of sunlight and blessing to others.

cuộc sống của chúng ta sẽ thể hiện [387] phúc âm mà chúng ta tin tưởng, vì niềm vui và vinh quang của tất cả điều đó sẽ tỏa sáng qua chúng ta, và cuộc sống của chúng ta sẽ là hạnh phúc hoàn hảo cho bản thân chúng ta và là trung tâm của ánh sáng mặt trời và phước lành cho người khác.

Remember that we have lived before, and that in those past lives there was much that was evil as well as (we hope) much that was good. Because in that past we set causes in motion we must in the present bear their results, for cause and effect are only the positive and negative poles—two sides of the same thing, and therefore part of one another. The effect not only follows from the cause; it is in truth a part of the cause itself, and so if sorrow or suffering comes to us, we know that this is a destiny which we ourselves have made. See what difference this makes in our attitude toward it. We still suffer, but yet we know that this is a debt which we must pay, and therefore we resolve to clear off that account and to make no more such mistakes. We know that our lives are in our own hands, that we are no more slaves to circumstances, but free men, happy and joyous in the certainty of the Divine scheme. The sorrows of others affect us still, but yet along with our deep sympathy for them we feel within ourselves the joy and the power that come from the knowledge that we can help, that we are no longer crushed in the presence of these great problems of life. When we see our fellow-men we have something new to say to them, we can explain matters to them now, we can clear up their difficulties, we can share our own gospel of wisdom with them. For them, as for us, knowledge will remove difficulties, and will show them that every pain that comes to us is not only the payment of a long-past debt, but is also a great opportunity for us now. Out of the evil of long ago we may make a present good, because we

Hãy nhớ rằng chúng ta đã từng sống trước đây, và trong những kiếp sống đó có nhiều điều xấu xa cũng như (chúng ta hy vọng) nhiều điều tốt đẹp. Bởi vì trong quá khứ đó, chúng ta đã đặt ra những nguyên nhân, nên trong hiện tại chúng ta phải chịu đựng những kết quả của chúng, vì nguyên nhân và kết quả chỉ là các cực dương và âm—hai mặt của cùng một sự việc, và do đó là một phần của nhau. Kết quả không chỉ theo sau nguyên nhân; thực tế nó là một phần của nguyên nhân đó, và do đó nếu đau khổ hoặc nỗi buồn đến với chúng ta, chúng ta biết rằng đó là định mệnh mà chính chúng ta đã tạo ra. Hãy nhìn xem điều này tạo ra sự khác biệt như thế nào trong thái độ của chúng ta đối với nó. Chúng ta vẫn đau khổ, nhưng chúng ta biết rằng đây là món nợ mà chúng ta phải trả, và do đó chúng ta quyết tâm thanh toán món nợ đó và không phạm phải những sai lầm tương tự nữa. Chúng ta biết rằng cuộc sống của chúng ta nằm trong tay chính mình, rằng chúng ta không còn là nô lệ của hoàn cảnh, mà là những con người tự do, hạnh phúc và vui vẻ trong sự chắc chắn về kế hoạch Thiêng Liêng. Những nỗi buồn của người khác vẫn ảnh hưởng đến chúng ta, nhưng cùng với lòng cảm thông sâu sắc dành cho họ, chúng ta cảm nhận trong mình niềm vui và sức mạnh xuất phát từ tri thức rằng chúng ta có thể giúp đỡ, rằng chúng ta không còn bị nghiền nát trước những vấn đề lớn lao của cuộc sống. Khi chúng ta gặp đồng loại, chúng ta có điều gì đó mới để nói với họ, chúng ta có thể giải thích vấn đề cho họ, chúng ta có thể giải quyết những khó khăn của họ, chúng ta có thể chia sẻ với họ phúc âm minh triết của

can take these [388] trials and troubles and sufferings and by the way in which we receive them we may make them steppingstones to the higher life, and in bearing them we may develop many of the qualities that go to make up the divine man of the future—a future still far distant, but yet within our sight the moment we begin to understand.

mình. Đối với họ, cũng như đối với chúng ta, tri thức sẽ xóa bỏ những khó khăn, và sẽ chỉ cho họ thấy rằng mọi nỗi đau mà chúng ta phải chịu không chỉ là sự thanh toán của một món nợ đã qua lâu, mà còn là cơ hội lớn cho chúng ta ngay bây giờ. Từ điều ác xa xưa, chúng ta có thể tạo ra điều tốt hiện tại, bởi vì chúng ta có thể nhận lấy [388] những thử thách, khó khăn và đau khổ này và qua cách chúng ta đón nhận chúng, chúng ta có thể biến chúng thành những bước đệm cho cuộc sống cao hơn, và trong khi chịu đựng chúng, chúng ta có thể phát triển nhiều phẩm chất góp phần tạo nên con người thiêng liêng trong tương lai —một tương lai vẫn còn xa xôi, nhưng đã trong tầm nhìn của chúng ta ngay khi chúng ta bắt đầu hiểu.

Let me repeat that when we speak of this great scheme we are not trusting to blind faith of any sort, nor are we calling upon you to accept anything as a matter of faith either. We are only stating to you the results of enquiry, which many of us know to be true through personal investigation. You may think: - "How can any man know what the Divine scheme is, how can any man enter into the counsels of God and know what He wills?" True, between that stupendous Divine life and any consciousness of ours there is a distance that cannot be measured, yet we ourselves are sparks of that same Divine flame. Far, far away, incalculably below that mighty Intelligence is the highest intelligence of ours, and yet on every step of the ladder between us and Him stand men—men like ourselves, though so enormously higher than we—up to the great Masters, and on beyond even Them, impossible as it may seem to our finite minds. These stand at every stage of the way, so that we see that those who are now at the very feet of God were once men such as we, and that we who are now looking up from below, from the foot of the glorious staircase, shall also one

Hãy để tôi nhắc lại rằng khi chúng ta nói về kế hoạch vĩ đại này, chúng ta không trông cậy vào niềm tin mù quáng nào, cũng không kêu gọi bạn chấp nhận bất cứ điều gì như một vấn đề của đức tin. Chúng tôi chỉ đang trình bày cho bạn kết quả của cuộc điều tra, mà nhiều người trong chúng tôi biết là đúng thông qua sự điều tra cá nhân. Bạn có thể nghĩ: "Làm sao con người có thể biết được kế hoạch Thiêng Liêng là gì, làm sao con người có thể tham gia vào các cuộc hội đàm của Thượng Đế và biết được Ngài muốn gì?" Đúng vậy, giữa cuộc sống Thiêng Liêng vô cùng đó và bất kỳ tâm thức nào của chúng ta có một khoảng cách không thể đo đếm được, nhưng chính chúng ta là những tia lửa của cùng một ngọn lửa Thiêng Liêng đó. Xa xôi, xa xôi lắm, không thể tính toán bên dưới trí tuệ hùng vĩ đó là trí tuệ cao nhất của chúng ta, nhưng trên mọi bậc thang giữa chúng ta và Ngài đều có những người— những người giống như chúng ta, dù cao hơn chúng ta rất nhiều—cho đến các Chân Sư vĩ đại, và vượt xa hơn cả các Ngài, dù điều đó có vẻ khó tin đối với trí tuệ hữu hạn của chúng ta. Các Ngài đứng ở mọi bậc thang, để chúng ta thấy rằng những người hiện đang đứng ở chân

day stand where these stand. These things we see, and to see them needs no great study and no abnormal development. Much of what we tell you in Theosophy is based upon what is seen with higher faculties than those of the physical body, and thus for you it depends upon the investigation of a few trained men who have developed within themselves that higher [389] sight; but this mightiest of all truths, the glorious certainty of universal evolution, scarcely needs the abundance of testimony which clairvoyance hastens to lay upon its shrine. Truly those who have the power to see on higher planes will at once agree with this statement that I have made, that they can discern this mighty stream in motion—not that they can see Him, the God who steals behind it all, but that at every point of their investigations they recognize the signs in all directions of His action and His power so that the conviction is driven into their minds that the Force exists, and that a mighty Intelligence is indeed at the back of all manifestation.

Thượng Đế từng là con người giống như chúng ta, và rằng chúng ta, những người hiện đang nhìn lên từ bên dưới, từ chân của cầu thang vinh quang, rồi cũng sẽ đứng nơi các Ngài đứng. Những điều này chúng ta thấy, và để thấy chúng không cần phải có nhiều nghiên cứu hoặc phát triển bất thường. Phần lớn những điều chúng tôi nói với bạn trong Thông Thiên Học dựa trên những gì được nhìn thấy bằng các năng lực cao hơn những năng lực của thể xác, và do đó đối với bạn, điều đó phụ thuộc vào cuộc điều tra của một số ít người được huấn luyện đã phát triển trong mình [389] tầm nhìn cao hơn đó; nhưng chân lý vĩ đại nhất trong tất cả, sự chắc chắn huy hoàng về sự tiến hóa phổ quát, hầu như không cần đến sự dồi dào chứng cứ mà khả năng thông nhãn hối hả đặt lên bệ thờ của nó. Thật vậy, những người có khả năng nhìn thấy trên các cõi cao hơn sẽ ngay lập tức đồng ý với tuyên bố mà tôi đã đưa ra, rằng họ có thể nhìn thấy dòng chảy vĩ đại này đang chuyển động—không phải rằng họ có thể nhìn thấy Ngài, Đấng Thượng Đế đang ẩn sau tất cả điều này, mà là tại mọi điểm trong cuộc điều tra của họ, họ nhận ra các dấu hiệu theo mọi hướng của hành động và quyền năng của Ngài để kết luận rằng Lực này tồn tại, và rằng một Trí tuệ vĩ đại thực sự đứng đằng sau mọi sự biểu hiện.

The evidence of the trained investigators is overwhelming as to this supreme certainty, this gospel of the Wisdom. But truly, we scarcely need even that testimony. For even from the physical plane one may see the different stages of man; one may see that there are teachers, there are developed men who rise towards the great Initiates, and beyond them the Christ and the Buddhas, and then still higher and higher yet, beyond our ken. Even those who have not yet the clairvoyant faculty will see that there must rise, that there does rise beyond all this, a hierarchy of still more developed beings. We know that there is

Bằng chứng của những nhà điều tra được huấn luyện là áp đảo đối với sự chắc chắn cao nhất này, phúc âm của Minh Triết này. Nhưng thực sự, chúng ta hầu như không cần đến bằng chứng đó. Bởi vì ngay từ cõi trần, một người có thể nhìn thấy các giai đoạn khác nhau của con người; người đó có thể thấy rằng có những bậc thầy, có những người đã phát triển tiến tới những Điểm đạo đồ vĩ đại, và vượt xa hơn cả họ là Đức Christ và các vị Phật, và sau đó còn cao hơn nữa, vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta. Ngay cả những người chưa có khả năng thông nhãn cũng sẽ thấy rằng phải có sự tiến triển, rằng có một hệ thống các đấng cao

an evolution, for we see it step by step as it rises through the lower kingdoms up to man, and we can see that the man we know, the man of common every-day life, cannot be the end of that evolution. We know from history that there have been greater and obviously far more developed men; and it is not only in the past, but today also, that they exist. Shall they in turn be the end? No, there are higher and greater Ones still; and so by simple reasoning we see that this wonderful ladder of which I spoke must exist. For those who can see a little further, the testimony is overwhelming [390] that the higher links of this great chain exist, for They can be seen and known and loved.

hơn nữa. Chúng ta biết rằng có sự tiến hóa, vì chúng ta thấy nó từng bước một khi nó tiến lên qua các giới thấp hơn để đến con người, và chúng ta có thể thấy rằng con người mà chúng ta biết, con người trong cuộc sống hàng ngày, không thể là điểm kết thúc của sự tiến hóa đó. Chúng ta biết từ lịch sử rằng đã từng có những con người vĩ đại và hiển nhiên phát triển cao hơn nhiều; và không chỉ trong quá khứ, mà cả ngày nay cũng có những người như vậy. Liệu họ sẽ là điểm kết thúc chăng? Không, vẫn còn những Đấng Cao Cả và Vĩ Đại hơn nữa; và vì vậy bằng cách lý luận đơn giản, chúng ta thấy rằng chiếc thang kỳ diệu mà tôi đã nói phải tồn tại. Đối với những ai có thể nhìn xa hơn một chút, bằng chứng là quá rõ ràng [390] rằng các mắt xích cao hơn của chuỗi vĩ đại này tồn tại, vì các Ngài có thể được nhìn thấy, được biết đến và được yêu mến.

So we put before our fellow-men without hesitation this glorious gospel, showing them and assuring them of what it has done for us, and hoping that for them, as for us, this grand philosophy may prove a way of salvation, not from some imaginary demon outside of them, but from the ignorance within. For that is the only obstacle that comes to man, the limit with which he has surrounded himself; but that is a terrible shell, and until he breaks his way through it, until he begins to understand, truly he suffers much. Yet the thickness of that shell is of the man's own making, and as soon as he knows that, he sets himself intelligently to break it away and to prevent the building of any more walls round the self. He has the whole thing in his own hands, under his own control. There is the grandest of futures stretching before him, an evolution of incalculable magnitude, whose glory has no end, which extends far beyond the sight of even the highest clairvoyant. Truly that is good news indeed, that is a veritable gospel—not a mere interpretation of

Vì vậy, chúng tôi không ngần ngại đặt trước đồng loại của mình phúc âm huy hoàng này, cho họ thấy và đảm bảo với họ những gì nó đã làm cho chúng tôi, và hy vọng rằng đối với họ, cũng như đối với chúng tôi, triết lý vĩ đại này sẽ chứng minh là một con đường cứu rỗi, không phải từ một con quỷ tưởng tượng bên ngoài, mà từ sự vô minh bên trong. Vì đó là chướng ngại duy nhất đối với con người, giới hạn mà anh ta đã bao quanh chính mình; nhưng đó là một vỏ bọc khủng khiếp, và cho đến khi anh ta phá vỡ nó, cho đến khi anh ta bắt đầu hiểu, thực sự anh ta phải chịu đựng rất nhiều. Tuy nhiên, độ dày của vỏ bọc đó là do chính anh ta tạo ra, và ngay khi anh ta nhận ra điều đó, anh ta sẽ bắt tay vào việc phá bỏ nó một cách có ý thức và ngăn không cho xây dựng thêm bất kỳ bức tường nào xung quanh bản ngã. Anh ta có toàn bộ mọi thứ trong tay mình, dưới sự kiểm soát của chính mình. Trước mắt anh ta là tương lai vĩ đại nhất, một sự tiến hóa không thể đo đếm được, mà vinh quang của nó không có hồi kết, trải dài vượt xa tầm nhìn của ngay cả người thông nhãn cao

something which may bear some other meaning, not a mere supposition, but a perfect divine certainty, something which will bear examination, which you may take up and investigate for yourselves. The further you look into Theosophy the more sure you will become that this statement is true, that we are in reality part of this vast ordered scheme.

nhất. Thực sự, đó là tin tức tốt lành đích thực, đó là một phúc âm chân chính—không phải chỉ là một cách giải thích về điều gì đó có thể mang một ý nghĩa khác, không phải chỉ là một sự suy đoán, mà là một sự chắc chắn thiêng liêng hoàn hảo, điều gì đó sẽ chịu được sự kiểm tra, mà bạn có thể tự mình tiếp nhận và điều tra. Càng đi sâu vào Thông Thiên Học, bạn sẽ càng chắc chắn rằng tuyên bố này là đúng, rằng thực sự chúng ta là một phần của kế hoạch vĩ đại có trật tự này.

There are many ways in which this good news affects us, many other directions upon which I cannot touch now, in which our lives are revolutionized by understanding these things: vast indeed is the change which Theosophy brings into the life of the man who grasps it and lives it. Remember, I do not say that such a [391] change comes to a man because he joins the Society, or because he reads two or three Theosophical books; but I do say that the man who, understanding this great teaching, tries to live the life which it prescribes, will find that what I have written is true. It is just as sure now as it was in days of old that they who do the will of the Father that is in heaven, they shall know of the doctrine whether it be true. It still is true that the man who would know the truth must live the life. It is not merely by looking upon Theosophy from the outside that its gospel may be known; the man must obey that gospel, and then it will become a part of him, then it will shed its glory upon him, and upon those about him. Then he will realize that it is his duty to be happy, and he will not be carried away by any trouble or sorrow that may come to him, because he knows that his feet stand firm.

Có nhiều cách mà tin tức tốt lành này ảnh hưởng đến chúng ta, nhiều hướng khác mà tôi không thể đề cập lúc này, trong đó cuộc sống của chúng ta được cách mạng hóa bởi sự hiểu biết về những điều này: thực sự sự thay đổi mà Thông Thiên Học mang lại cho cuộc sống của một người nắm bắt và sống nó là rất lớn. Hãy nhớ, tôi không nói rằng sự thay đổi như vậy đến với một người vì anh ta gia nhập Hội, hoặc vì anh ta đọc hai hoặc ba cuốn sách Thông Thiên Học; nhưng tôi nói rằng người hiểu được giáo lý vĩ đại này, cố gắng sống cuộc sống mà nó đề ra, sẽ thấy rằng những gì tôi đã viết là đúng. Nó chắc chắn bây giờ cũng như đã từng là trong những ngày xưa rằng những ai thực hiện ý chí của Cha ở trên trời, họ sẽ biết giáo lý đó có đúng hay không. Vẫn còn đúng rằng người muốn biết sự thật phải sống cuộc sống đó. Không phải chỉ bằng cách nhìn Thông Thiên Học từ bên ngoài mà phúc âm của nó có thể được biết; người đó phải tuân theo phúc âm đó, và khi đó nó sẽ trở thành một phần của anh ta, rồi nó sẽ tỏa sáng vinh quang của nó lên anh ta, và lên những người xung quanh. Sau đó, anh ta sẽ nhận ra rằng nghĩa vụ của anh ta là hạnh phúc, và anh ta sẽ không bị cuốn đi bởi bất kỳ nỗi đau hay nỗi buồn nào có thể đến với anh ta, bởi vì anh ta biết rằng đôi chân của mình đứng vững.

Much Theosophical work may thus be done unconsciously, besides our active outer work,

Rất nhiều công việc Thông Thiên Học có thể được thực hiện một cách vô thức, ngoài công

and it will increase as our power and our knowledge increase. We are filled with joy and peace because of our study and our reading, and unconsciously we spread around us these vibrations of joy, of happiness and confidence are hungering to understand the life of which they find themselves a part. You may help them, you who know; you may share with them your gospel of wisdom; and be well assured that as you share it, it will become far more to you than ever it was before. Realize the thing for yourself first, for that is a necessity, but remember that only as you pass it on to others can it bear its true and highest fruit. If you know these things, you know them not for your own sake, but for the sake of these others about you. That is why the higher light has come to you, and if you have found within yourself the power to respond to it and assimilate it, then this has come to [392] you in order that you may be of use—not that you may treasure up the light for yourself, but that through you as centres the sunlight may shine out over all this wide world—so that you yourselves may be suns in a minor way, reflecting the glory of the great Divine Sun. Thus by your reflection you may bring the light of life from Him to play on your own level in a way that without you it could not have done. You know how a mirror may reflect the sunlight into a dark corner where the direct rays cannot enter; just so there are many men who by their own ignorance and their own selfishness have shut themselves out for the time being from the power to appreciate the splendid light from on high. There is the glorious sunlight always pouring itself down, but yet a man may shut himself up in his own house away from that holy radiance; but you who receive it, you who live in it, you may reflect it into corners which the direct rays cannot reach, and so you may bring that glory and that joy into homes that without your help must have remained

việc bề ngoài của chúng ta, và nó sẽ gia tăng khi sức mạnh và kiến thức của chúng ta tăng lên. Chúng ta tràn ngập niềm vui và sự bình an nhờ vào việc học tập và đọc sách của mình, và vô thức chúng ta lan tỏa xung quanh những rung động của niềm vui, của hạnh phúc và sự tự tin mà đang khao khát hiểu cuộc sống mà họ thấy mình là một phần của nó. Bạn có thể giúp họ, bạn, những người biết; bạn có thể chia sẻ với họ phúc âm minh triết của mình; và hãy yên tâm rằng khi bạn chia sẻ nó, nó sẽ trở nên nhiều hơn đối với bạn hơn bao giờ hết. Trước tiên, hãy tự mình nhận ra điều đó, vì điều đó là cần thiết, nhưng hãy nhớ rằng chỉ khi bạn truyền nó cho người khác, nó mới mang lại kết quả thật sự và cao nhất của nó. Nếu bạn biết những điều này, bạn không biết chúng vì lợi ích của riêng mình, mà vì lợi ích của những người khác xung quanh bạn. Đó là lý do tại sao ánh sáng cao hơn đã đến với bạn, và nếu bạn đã tìm thấy trong chính mình sức mạnh để đáp ứng và hấp thụ nó, thì điều này đã đến với [392] bạn để bạn có thể trở nên hữu ích—không phải để bạn tích trữ ánh sáng cho riêng mình, mà để qua bạn như những trung tâm, ánh sáng mặt trời có thể tỏa ra khắp thế giới rộng lớn này—để bạn có thể là những mặt trời nhỏ bé, phản chiếu vinh quang của Mặt Trời Thiêng Liêng vĩ đại. Như vậy, bằng cách phản chiếu của bạn, bạn có thể mang ánh sáng của sự sống từ Ngài để chiếu xuống cấp độ của bạn theo một cách mà không có bạn, nó không thể làm được. Bạn biết cách một tấm gương có thể phản chiếu ánh sáng mặt trời vào một góc tối nơi mà tia sáng trực tiếp không thể chiếu tới; cũng vậy, có nhiều người vì sự vô minh và ích kỷ của mình đã tạm thời tự đóng cửa trước khả năng nhận biết ánh sáng huy hoàng từ trên cao. Có ánh sáng mặt trời huy hoàng luôn tỏa xuống, nhưng một người có thể tự đóng cửa mình trong căn nhà của mình xa khỏi ánh sáng thiêng liêng đó; nhưng bạn, người tiếp nhận nó, bạn, người sống trong nó, bạn có thể phản chiếu nó vào những góc tối mà các tia

unwarmed and unilluminated.

sáng trực tiếp không thể chạm tới, và như vậy bạn có thể mang vinh quang và niềm vui đó vào những ngôi nhà mà nếu không có sự giúp đỡ của bạn, chúng sẽ vẫn lạnh lẽo và không có ánh sáng.

There is truly a gospel in all this, teaching us never to forget that though the outer side of life may seem dull and heavy, there is always the Divine fire glowing within; to remember that "the soul of things is sweet, the heart of being is celestial rest; stronger than woe is Will; that which is good doth pass to better, best." So this celestial bliss, that lies beyond the sorrow and the suffering, shall become for you the ever-present reality, until you learn to look through the misery and see its cause—and not only to see the cause, but (far beyond that] the exhaustion of that evil through this temporary suffering, and the glory that is to come, the magnificent qualities which all this is developing in the man. So this gospel will become a living reality to you. So, although you [393] sympathize ever more and more deeply, you will find that you have within you the power to help, to comfort and to save, because you know, because you have this gospel in your hearts, and so you can communicate its light to others. So you will say to them once more, in the words of the greatest Indian teachers: "Do not complain, and cry and pray, but open your eyes and see; the light is all about you, if you will only remove the bandage from your eyes and look; it is always with you, so wonderful, so glorious, so far beyond anything that man has ever dreamt of or prayed for, and it is forever and forever."

Thực sự có một phúc âm trong tất cả điều này, dạy chúng ta đừng bao giờ quên rằng dù mặt ngoài của cuộc sống có vẻ tẻ nhạt và nặng nề, luôn có ngọn lửa Thiêng Liêng đang cháy âm ỉ bên trong; để nhớ rằng "linh hồn của sự vật là ngọt ngào, trái tim của tồn tại là sự nghỉ ngơi trên thiên giới; mạnh hơn nỗi buồn là Ý Chí; điều tốt đẹp sẽ chuyển thành tốt hơn, tốt nhất." Vì vậy, niềm hạnh phúc thiên giới này, nằm ngoài nỗi buồn và đau khổ, sẽ trở thành hiện thực luôn hiện diện đối với bạn, cho đến khi bạn học cách nhìn thấu qua nỗi khổ và thấy nguyên nhân của nó—và không chỉ thấy nguyên nhân, mà (vượt xa điều đó) là sự kết thúc của cái ác thông qua sự đau khổ tạm thời này, và vinh quang sắp tới, những phẩm chất tuyệt vời mà tất cả điều này đang phát triển trong con người. Vì vậy, phúc âm này sẽ trở thành một thực tại sống động đối với bạn. Vì vậy, mặc dù bạn [393] đồng cảm ngày càng sâu sắc hơn, bạn sẽ nhận thấy rằng trong mình có sức mạnh để giúp đỡ, an ủi và cứu rỗi, bởi vì bạn biết, bởi vì bạn có phúc âm này trong lòng, và như vậy bạn có thể truyền ánh sáng của nó cho người khác. Vì vậy, bạn sẽ lại nói với họ, bằng những lời của những vị giáo sư Ấn Độ vĩ đại nhất: "Đừng than vãn, kêu khóc và cầu nguyện, mà hãy mở mắt ra và nhìn; ánh sáng ở khắp xung quanh bạn, nếu bạn chỉ gỡ bỏ tấm băng trên mắt và nhìn; nó luôn ở bên bạn, tuyệt vời đến mức, huy hoàng đến mức, vượt xa bất cứ điều gì mà con người từng mơ ước hay cầu nguyện, và nó là mãi mãi và mãi mãi."